

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phan Nhật Nam (II)

#### Tiểu sử

Hiện ngụ, cư tại California, Hoa Kỳ.

#### Tác phẩm

(Xem Mục lục)

\*\*\*

#### Mục Lục

“Dấu Binh Lửa” và Phan Nhật Nam, ... Nguyễn Mạnh Trinh – trang 2



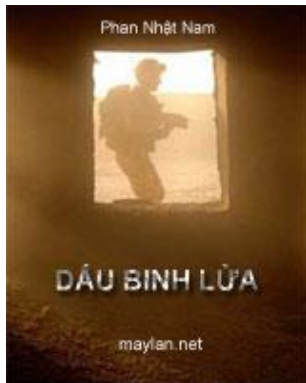
Dấu binh lửa – trang 7



Tù binh và Hòa bình – trang 96

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## “Dấu Binh Lửa” và Phan Nhật Nam, một thời chinh chiến Nguyễn Mạnh Trinh



Những năm của thập niên 70, có lẽ là những năm đẹp nhất của cuộc đời tôi. Ở tuổi mới lớn, nhìn mọi sự việc đơn giản, cái lãng mạn của tuổi trẻ đã mang sự suy nghĩ đi xa hơn thực tế cuộc sống. Lúc ấy, chiến tranh bắt đầu tàn khốc. Những người bạn cùng lớp, có đứa đã mặc quần áo lính và cũng có đứa đã nằm xuống với lá cờ vàng ba sọc đỏ trên mộ và hàng chữ tổ quốc ghi ơn. Vào giảng đường học đại học, thi rớt một năm là vào quân trường ngay. Trong cái không khí ấy, chúng tôi đã đọc những trang bút ký chiến tranh của những người đi lính trước, để tưởng tượng ra những khổ nhục mà sau này, khi đã bắt đầu đoạn đường chiến binh sẽ hiểu thấu. Có những bài viết, làm xúc động sâu xa. Có những câu thơ mang đến sự chia sẻ tột cùng.

Chúng tôi đọc Nguyễn Bắc Sơn. Chúng tôi đọc Phan Nhật Nam. Thấy “Chiến tranh Việt Nam và tôi”. Thấy “Dấu Binh Lửa”. Thấy “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Thấy những người chết và những người đang làm lùi trong khói lửa chiến tranh.

Như Đỗ Quý Toàn đã đọc “Ngày mưa đọc lại Dấu Binh Lửa”, với những cảm giác bàng hoàng, của những thiên nah hùng ca tàn khốc, vỡ vụn:

*“ngày mưa đọc lại Phan Nhật Nam  
trời bỗng xầm đen tóe sấm sạt  
mặt đất ào ào trận pháo tuôn  
trong thành phố tử thần co quắp  
viên đạn cuối cùng đã bắn đi  
người chết giữa trời trên đồng cháy  
hồn anh thẳng thút bay lên không  
suốt dọc Trường Sơn đất run rẩy  
mặt trời chưa thấy đêm dài ôi  
từng khối lờn mệnh mang đặc cứng  
qua khe nhìn lại đồi C2  
nhớ lại anh em ta nằm xuống...”*

Chiến tranh, là những điều quái gở, là chuỗi dài chém giết cả mấy chục năm, như Nguyễn Bắc Sơn thổ lộ :

*”Kẻ thù ta ơi những đứa xâm mình  
Ân muối đá mà điên say chiến đấu  
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu*

*Đi hành quân rượu để vẫn mang theo  
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo  
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước  
Ta bắn trúng người vì người bạc phước  
Vì căn phần người xui khiến đó thôi  
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi  
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí  
Lũ chúng ta sống một đời vô vị  
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau  
Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu  
Những cột khói giả rờn thiêng uồn khúc  
Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tết  
Và máu xương làm phân bón rừng hoang.”*

Những bài hát, có hình dáng chiến tranh, có khăn tang cô phụ, có hình tượng của một thời núi xương sông máu, dù phản chiến hay cổ võ chiến đấu, với lời ca từ làm nhỏ lệ chúng tôi. Thân phận con người trong cơn bão lốc như chẳng còn chút giá trị. Viết về một thời đại ấy, là kể lại những kỷ tích mà mấy chục năm sau, lớp tuổi trẻ tiếp theo lớn lên khó tưởng tượng nổi. Dù rằng, những tác phẩm ấy chỉ nói lên một phần không toàn diện cuộc chiến.

Một nửa, là dòng chữ Phan Nhật Nam, một nửa là câu văn Bảo Ninh. (Tôi chỉ nói Bảo Ninh của Nỗi Buồn Chiến Tranh thôi, Còn Bảo Ninh bây giờ của “Tản mạn trên đường bị kẹt xe: thì hiện nguyên hình là một ... văn nô có đẳng cấp). Chiến tuyến phân đôi khiến hai bên chỉ nhìn thấy ở phần mình. Nỗi niềm riêng, của những người bắt buộc lao vào cuộc chiến. Bao nhiêu năm qua, thống hận đã hết nhưng đau xót vẫn còn. Những vết thương vẫn chưa lành miệng...

Nhưng, có người nói bây giờ mà đọc bút ký chiến tranh của thời xa xưa ấy thì hơi ... chậm tiến. Chiến tranh đã qua lâu lắm rồi đã hàng nửa thế kỷ, bây giờ nhắc lại có ích gì, như hành động cứ moi mãi vào vết thương tâm của cả một dân tộc.

Viết bút ký chiến tranh, là phản ánh lập trường chính trị một cách chủ quan, chỉ là một cách nhìn của một phía và chỉ soi rọi đến một nửa chân lý mà thôi. Đọc những trang sách viết về chiến tranh, chúng ta có thể rõ ràng mừng tượng vị trí chính trị. Từ Phan Nhật Nam đến Bảo Ninh, từ Trần Hoài Thư đến Trần Mạnh Hảo... dù thời điểm sáng tác có khác, dù hoàn cảnh, môi trường có khác, chiến tuyến có khác nhưng những giọng chữ viết của họ phần nào nói lên được tâm cảm của người lính trong bão lốc chiến tranh...

Nhưng, trên phương diện văn học sử, những tác phẩm như Dấu Binh Lửa, như Nỗi Buồn Chiến Tranh,.. chính là những ghi chép lại của tâm tư một thời, những ngày khốc liệt nhất của lịch sử. Khác với vai trò của một văn công tuyên truyền, họ mang cái lửa của những người tuổi trẻ sống trong một thời kỳ không thể có một quyết định nào khác hơn là cầm súng. Những người không thích chém giết mà vẫn phải lao mình vào lửa đạn.

Tôi đọc Phan Nhật Nam trong tâm cảm ấy. Dấu Binh Lửa, Dọc Đường Số 1, Mùa hè Đỏ Lửa, là những bút ký ghi lại một thời mà chúng ta đều gắng quên mà phải nhớ. Một thời kỳ mà những suy tư đã dẫn vật lên những “con người” biết nghĩ đến phát triển lên được. Thực tế lịch sử đã tròng treo lên nhau hết mắc míu này đến liên hệ kia. Những thế lực ngoại quốc chi phối, những tâm cảm bức bối nhược tiểu, những con đường đi ít có ánh sáng mặt trời. Tuổi trẻ bị đẩy vào mê cung và quanh quẩn lờn lộn trong những chấn song giới hạn như trong một bẫy rập.

Hình như, bút ký chiến tranh Dấu Binh Lửa đã gây nên rất nhiều phản ứng trong giới cầm bút.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã cho rằng đây là một kiệt tác viết về chiến tranh. Nhà báo Chu Tử cũng phát biểu như thế. Những dòng chữ, viết bằng máu và mồ hôi của một chiến trận có thực và những phần nộ có thực đã thuyết phục được người đọc. Đến nỗi, những người cầm bút phía đối nghịch bên kia như Tô Hoài và Nguyễn Tuân cũng phải nhận rằng quả thực Phan Nhật Nam đã viết tác phẩm của mình bằng máu, nhưng là một loại máu bị nhiễm độc. Và, khi chấm dứt chiến tranh, Phan Nhật Nam đã ném biết bao nhiêu đòn thù, với những ngày biệt giam dài đằng dặc. Dù ở bất cứ một nhãn quan chính trị nào, ở những kết luận, đều chung một nhận định, chữ viết của Dấu Binh Lửa, Mùa Hè Đỏ Lửa là những dòng chữ của văn chương mang nỗi niềm của tuổi trẻ một thời đại rất là đặc biệt Việt Nam.

Trước khi là lính, Phan Nhật Nam là một sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Đà Lạt. Tôi để ý thấy ông ít tôn sùng một thần tượng nào, nhưng khi nhắc về Trường Mẹ của mình, ông đã viết với sự tôn trọng. Hơn nữa, với cả một tâm tình đắm thắm mà ông đã có từ thuở hoa niên. Những người, mà ông gọi là thầy, là niên trưởng, hay niên đệ, trong văn chương ông, đều có nét chung mang nhân bản, của những mẫu người yêu đất nước và mong muốn hòa bình dù phải bắt buộc cầm súng. Những lời ông ngỏ, như những tâm sự gửi đến, để chia sẻ:

“... Tôi ở lính tám năm, năm nay 26 đi lính năm 18 suốt tám năm của một thời lớn lên tôi đem tặng hết cho quân đội, không phải đến bây giờ tôi thất vọng chán nản vì công danh không toại ý, cuộc sống bị ép buộc không đúng như mơ ước nên cay cú hằn học với nhà binh. Không như vậy, tôi đi lính năm 18 tuổi vào học trường tình nguyện ra làm ông Quan một. Chẳng có ai lôi kéo tôi vào trường ấy, tôi tự động hăng hái hãnh diện để trở thành một Sinh Viên Sĩ Quan với ý nghĩ đã chọn đúng cho mình một hướng đi, một chỗ đứng dưới ánh mặt trời mọc. Tôi có những rung động thật thành thực khi đi trong rừng thông hương nhựa thông tỏa đặc cả một vùng đồi, sung sướng vì thấy đã đưa tuổi trẻ vào trong một thế giới có đủ mơ mộng và cứng rắn, một thế giới pha trộn những ước mơ lãng mạn hào hùng.. Chuyển quân trong sương đêm, trong mây mù, ánh lửa mục tiêu của một đêm đông, trong hốc núi hoang vắng, thế giới mạo hiểm giang hồ của Jack London phảng phất đâu đây...”

Tôi say mê và thích thú với những khám phá mới mẻ đó. Nắng cao nguyên trong những ngày cuối năm vàng tươi rực rỡ, đứng ở đồi nhìn xuống hồ suối Vàng trong vắt yên lặng, người như muốn tan vỡ thành muôn ngàn mảnh nhỏ theo cơn gió bay chập chờn qua vùng đồi trùng điệp và tan đi trong nước hồ xanh ngắt...”

Không phải cảm giác và tâm tưởng ấy là của riêng tác giả Dấu Binh Lửa. Mà hình như của chung những chàng lính” sũ “quân trường. Huấn nhục không làm vơi chất lãng mạn mà còn tạo thành một truyền thống để những cựu học thăng hoa thành những kỷ niệm đẹp một thời.

Đà Lạt, phong cảnh hữu tình, người cũng đẹp và trời đất bốn mùa cũng có nét đẹp cách riêng. Sống ở trong môi trường ấy, óc tưởng tượng đã phát triển để thấy được cái lồng lộng vô biên của cuộc nhân sinh. Thực tế cũng có nhiều trắc trở, ngày tháng rồi sẽ kéo dài những mệt mỏi, nhưng trong rực rỡ những hy vọng vẫn là những bản hoan ca của một tuổi trẻ thanh xuân. Không phải là những bài hát mị lính rề tiền kiểu “anh tiên tuyến em hậu phương” mà là những tâm tư chất ngất hùng tráng của những câu thơ hào hùng thuở nào nhắc đến một hời trăng treo vó ngựa. Phan Nhật Nam viết về những ngày ở Trường Mẹ:

“... Phải nói thật những ngày ở lính đầu tiên của tôi đầy trong sáng và đẹp đẽ. Trong sáng như giấc mơ của số tuổi 19, giấc mơ mù mờ có cánh chim trắng bay chậm rãi qua rừng thông....nhưng đời sống nhà binh không hẳn là vậy, nó còn có sĩ quan cán bộ, có nghi lễ, có đủ những phiền toái hỗn độn mà đời sống dân sự không ai nghĩ ra được... Nên khung trời đầy sương mù bí mật ngoài khung cửa sổ hiện ra như một thách thức đối với đời sống kim kẹp của

tôi hiện tại.

Đây cũng là một thời gian thật khủng hoảng, mỗi đêm nhìn về phía thành phố đầy ánh đèn tôi không ngủ được, tưởng như có một tiếng gọi của đời sống ở bên ngoài quân ngũ đang nhắc nhở thúc giục, một đời sống thực sự tôi không có. Từ khung cửa sổ nhìn xuống những dàn đèn im lặng chạy dài trong sương mù và đằng xa ánh đèn xanh của vườn Bích Câu ma quái diễm ảo, tôi thấy rõ trong tôi có một nỗi cô đơn khủng khiếp hiện hình sừng sững. Những lúc ấy tôi thấy được con người thực của mình, một gã trai trẻ viễn vông, thấy rõ những cười đùa ban ngày, những buổi học, bữa ăn tập thể không ảnh hưởng gì đến con người trong tôi. không thể có được một ý niệm về chuyên môn quân sự mà bằng tất cả mọi cách nhà trường cố nhét vào trong đầu óc.

Những Đội hình tác chiến, cung cách chỉ huy, chi tiết kỹ thuật về vũ khí trôi qua trí não mơ hồ như một cơn gió nhẹ. Hai năm sống ở mái trường đó như một cơn gió phiếm du. Những giây phút thực nhất là phiên gác nửa đêm về sáng dưới ánh đèn pha của vọng gác kho đạn tôi khám phá được một thế giới của cây cỏ đang thờ, đang lớn lên, những giây phút khoảng năm giờ sáng, sau phiên gác nhìn xuống phòng sĩ quan trực, người lính kèn im lặng đưa lên môi thổi bài kèn báo thức. Và giây phút thực nhất không gì hơn suốt ngày chủ nhật một mình một ngựa chạy như bay vào hướng đồn Daksard. Con đường đỏ còn ướt sương đêm, trời chưa tan hẳn mù, ngựa phi như gió cuốn, ngựa đi vào trong một vùng mù đặc, rừng thông chuyển động ào ào, cả trời cao nguyên tan biến chập chờn theo vó ngựa. Kết quả sau hai năm ăn nhờ chách phủ tôi được biến thành ông quan Một ra trường đi binh chủng hung hãn nhất...”

Vào lửa đạn, đi qua từ những chiến trường này đến trận chiến nọ, trải qua bao nhiêu thăng trầm binh nghiệp, bao nhiêu lần thương tích, bao nhiêu lần thấy cái lý tưởng thời xưa bị vầy đập, vẫn thấy, sáng ngời những ngày tháng quân trường, vẫn thấy, niềm hãnh diện xuất thân từ ngôi Trường Mẹ vẫn chưa nhạt phai.

”... Tôi ra trường năm 1963, thời gian chiến tranh bắt đầu nặng và hỗn loạn không phải chỉ thuần túy ở sự kiện chiến tranh nhưng đã bắt đầu gây mầm bùng nổ ở lòng người. Lễ tất nhiên là sĩ quan nhà nghề, xuất thân từ quân trường mà quyền hành của khóa đàn anh không phải chỉ để thi hành kỷ luật nhưng là một ám ảnh khủng khiếp cho khóa dưới. Chỉ một cái quắc mắt của Nguyễn Xuân Phúc (khóa 16) khi bước lên bục gỗ, hai trăm người của khóa tôi co rúm tê liệt như con nai chết trước nhãn quan khủng khiếp của con hổ. Một sinh viên sĩ quan khóa 19 vì quá sợ niên trưởng nên dù trái lựu đạn đã bật kíp nhưng cũng không dám ném đi vì chưa nhận được lệnh (trong bài học ném lựu đạn tất cả các động tác đều theo lệnh) nên hậu quả trái đạn nổ trên tay....

Tôi biến thành một người lính thực thụ, trận lớn, trận nhỏ, chiến dịch hai tháng, ba tháng, dài ngắn, từ Sài Gòn trở ra Bến Hải, tôi đi đủ. Những địa danh xa xôi bất kỳ một xó xỉnh hiểm hóc nào của miền Nam này tôi cũng có thể biết rõ một cách tường tận. Từ những miền quá nổi tiếng như khe Sanh, Cồn Tiên đến những làng nhỏ từ cửa Việt đi ra : Diêm hà Trung, Diêm Hà Nam, cái làng nhỏ cuối thung lũng sông Kim Sơn, làng Hà Tây, đèo ông Hồ đổ xuống Phù Củ ra Phù Ly, Phù Cát thẳng đến biển là núi Lồi, đầm Trà Ổ, xuống phía Nam là đầm Nước Ngọt. Lên đến Pleiku, trực thăng vận xuống phía Nam Biên giới Lào Việt đầu ngọn sông Ia-Drang...Đâu đâu tôi cũng đến. Năm thứ nhất, năm thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc; góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu là không ở ngoài, không chạy trốn trong khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự đang ngã chết. Dù bên này hay bên kia, chết trong thù hận...Những người đang đi tìm cái chết để biện giải cho đời sống....”

Chỉ có người ở trong cuộc mới hiểu được nỗi nhọc nhằn của một cuộc chiến phi lý. Ngoài tiền tuyến hy sinh, trong khi hậu phương thì bị phá nát bởi những tên vô trách nhiệm không một chút ý thức nào về dân tộc và quốc gia. Có những người trước khi vào lính là những sinh viên hay biểu tình tranh đấu nhưng khi gia nhập quân ngũ lại cảm thấy giận dữ khi máu xương và mồ hôi của mình và đồng ngũ mình bị phí phạm một cách cực kỳ vô ích. Cũng như, có những người lính, sau nhiệm vụ của mình, đã cầm bút như một cách thể để nói lên nỗi niềm tâm sự của mình. Thú thực tôi cũng không tâm đắc mấy với những ngôn từ như nhà thơ lính, nhà văn lính. Ở một thời kỳ mà tất cả sinh lực, tất cả những tinh hoa của đất nước đều dồn hết vào quân đội thì chữ lính đi sau có phải là thừa thãi không? Nhà văn, nhà thơ là đủ rồi, hà tất còn phải thêm chữ lính làm gì? Đâu có phải đó là dấu mộc của tám giấy chứng nhận tại ngũ để trình cho cảnh sát đứng gác đường xét hỏi... thời chiến tranh, mọi người phải hoàn tất nhiệm vụ của mình với đất nước, với xã hội mình đang sống...

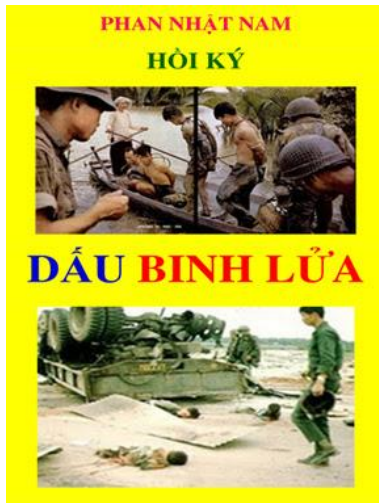
Tôi nghĩ đến cái mộng ước của đại tá Trần Ngọc Huyền, chỉ huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt một thời. Ông muốn hình thành một lớp quý tộc mặc quân phục với tiêu chuẩn văn võ toàn tài. Từ bước đầu rèn luyện ở quân trường, không phải chỉ là những kiến thức về quân sự về chuyên môn, mà còn cả những phương cách để học làm người nữa. Một mẫu người kiểu mẫu cho một thời đại. Bằng mọi cách, với tất cả nỗ lực ông kiến tạo một tiêu chuẩn mẫu mực mới cho phong cách và chân dung một sĩ quan hiện dịch. Tiếc là thời gian đã không đủ để có một trải nghiệm chính xác. Nhưng, từ những người con xuất thân từ Trường mẹ, họ đã không làm phụ lòng những mộng ước mong mỏi trên. Địa linh thì có nhân kiệt. Đỉnh Lâm Viên vợi vợi cao nhưng không phải là chẳng thể vượt qua.

Bây giờ, đọc những trang sách, lại thấy phảng phất đâu đây mùi nhựa thông buổi sáng hay màu hoa quỳ vàng làm ngây ngất lòng người. cái sương mù bây giờ ở xứ người có làm nhớ đến màn sương mù đặc của Phan Nhật Nam thuở trước? ai làm người lính gác đêm, nhìn thành phố mờ tỏ ánh đèn có thấy xao xuyến nỗi nhớ mong nào đó? Kỷ niệm sẽ rất đẹp, khi lúc ta đang tuổi xuân, lòng bùng bùng men rượu của cuộc sống sắp đến. Đà Lạt, nơi có những người lính alpha đồ trên vai, và những cô gái nữ sinh Bùi Thị Xuân, Couvent,.. đầy ắp. Ở đó có những mối tình đẹp nhưng cũng có những chia tay buồn bã. Hoa mimosa, hoa anh đào, hoa quỳ có một buổi nào nở rộ? Những người lính, lên đường mang giấc mộng của mình đi đến chiến trường, nơi trăng treo vó ngựa, nơi sinh tử mịt mù?

Và với Phan nhật Nam, trong câu chuyện kể hoài không đủ, viết ngàn chương thiếu một tờ, biết đâu, về sau, những lớp con trẻ lớn lên đã thấy được những cảnh ngộ của cha ông trong một thời lịch sử quá nhiều phức tạp...

Với tôi, có một kỷ niệm nhỏ và một bài thơ. Bình sinh tôi rất yêu mến những người lính nhảy dù. Ở đó tôi nhìn thấy họ qua những sự hy sinh những gian khổ vô bờ và cả những chiến tích hiển hách. Tôi có nhiều đứa bạn, đã hãnh diện vì màu nón đỏ trên đầu và ra đi rất sớm trong chiến trận. Những năm của thập niên 80, khi Phan Nhật Nam còn bị đập vùi trong lao ngục tôi giờ cuốn sách tái bản ở hải ngoại "Mùa hè Đỏ lửa" và tự nhiên nhớ lại một thời chinh chiến đã qua. Tôi viết một mạch với cảm lhai bùng bùng của một người sống lại những ngày dĩ vãng.

Đến nay, gần hai chục năm, Phan Nhật Nam đã sang định cư tại Hoa kỳ và vẫn tiếp tục công việc của một người lính dù bây giờ không còn gươm súng. Cuộc chiến đã tàn nhưng ảnh hưởng vẫn còn và vẫn là niềm đau xót từ một cuộc nội chiến xen vào chiến tranh ủy nhiệm của các đại cường. ...



## Lời mở đầu

Theo lời dặn của C— Anh cố vấn văn chương— Tôi phải viết một cái tựa thật hách, ngắn, cô đọng và hay ho không chịu được... Nhưng viết thế nào để có thể gọi là " hách"? Thôi, tôi mở đầu bằng cách bày tỏ nguyên do đồng thời đề biện hộ cho những dòng viết ở những trang sau. Đến cái tuổi này lẽ tất nhiên tôi chẳng hy vọng gì nơi văn chương nữa, cũng không thể ước mơ nhờ cái nghề văn chương để kiếm một chút danh gia. Hơn nữa, danh vọng của một người viết văn ở Việt Nam cũng chẳng lấy gì làm sáng sủa. Bao nhiêu năm làm văn nghệ, cũ như Lê Văn Trương, Đinh Hùng, mới như Quách Thoại, đến khi chết đi thì cũng chẳng còn gì - Thế Phong đó - anh chàng làm văn nghệ như một gã tiền phong, "Nửa đường đi xuống" phải đóng bộ ka-ki độ nhạt qua ngày với tờ báo của Không Quân. Thế nên tôi chẳng hy vọng gì ở cái "nghề của chàng" nữa. Nhưng vẫn muốn viết, viết như một "nhu cầu", nói cho có vẻ thiết tha. Tôi đâu phải là hoàng tử văn chương ngoại hạng, xem chuyện viết lách như một công việc nghiêm trang giữa người và thế giới bí ẩn của chữ nghĩa, viết đối với tôi đúng ra chỉ là một cách thoát hơi - Viết để khoi ám ức bực mình.

Sau tám năm ở lính, thời gian thoải mái thật hiếm hoi, những phiền toái có duyên có hay không, chính danh hay ẩn dấu hình như chực sẵn ở trong người, có cơ hội sẽ dấy lên như giông bão. Đôi khi tôi thấy thật yêu cái nghề này, nó tạo cho con người tính kiên nhẫn, lòng vị tha, chế ngự những hèn mọn của mình. Nhưng cũng có lúc tôi thấy nó thật tẻ, không có một nghề nghiệp nào ù lì, cứng đờng và thụ động bằng " đi lính ", chỉ cần thừa hành trong một giới hạn thật sát sao, thế là đủ. Có nhiều lúc tôi muốn ném tung hết tôn ti trật tự, bộ quần áo trên người để thông dong giang hồ một chuyến tự do, nhưng đồng thời cũng vừa khám phá, đang bị buộc chặt, đã quen với đời sống này. Thật khó khăn khi phải nói chuyện với một anh dân sự, hình như tôi và hắn ta ở hai thế giới thật khác xa nhau.

Tôi cũng muốn viết về đời sống lính với những con người thật lạ. Năm 1966, có gã lính thật trẻ ở đại đội tôi, hắn ta thấp bé da xanh mướt ốm yếu, nhưng uống rượu kinh khiếp, hai lít rượu để hắn uống tỉnh bơ, hình như rượu không tạo nên phản ứng nào trong người. Ngoài cuộc rượu, y bình lặng kín đáo như một con ốc. Một hôm đứng gác, sẵn súng ở tay, hắn bắn vào đầu tự vận. Tôi không biết nổi thất vọng kinh khủng nào trong đầu một thằng bé 19 tuổi. Đức " điên " Biệt động quân, quan Ba, Tiểu đoàn phó, đi hành quân mang khẩu M.79 chạy trước hàng lính, về Sài Gòn đi chơi, mặc một chiếc áo bà ba đen, dưới quần lính, chân mang dép Nhật, trang bị thêm một con dao đi rừng. Tôi không hiểu nó nhìn đời thế nào qua cặp kính trắng dày cộm khi trên người trang bị với phụ tùng như thế. Đại khái ở lính có những loại người " bất bình thường " như vậy, và trong đám bất bình thường trên lại chen lẫn vài kẻ bình thường thật kỳ quái.

Thiên, anh chàng đi theo tôi trong hai năm, một ngày chỉ nói khoảng hai mươi tiếng: dạ, vâng... Thế là hết. Nó ở xa, tôi gọi đến vỡ phôi không tiếng trả lời, lát sau lặng lẽ đi đến. " Tao kêu mày có nghe không?.. ". " Dạ có ". " Thế sao mày không trả lời? ". Thiên bóp bóp hai bàn tay đứng im. Thấy những người lính khác bắt gà, nó cũng bắt một con treo trên ba-lô, đi một đoạn vắng người, thả chạy, xong làm dấu Thánh giá đọc kinh.

Đi lính tôi có nhiều "thế" sống thật đặc biệt. Chiều 29 Tết năm 1963 ở chân đèo Rọ Tượng, Khánh Hòa, căn cứ Lây, trời rét như cắt ruột, mưa phùn bay mù mịt, chúng tôi đứng trong nước sinh ngập đến ngực, lạnh, đói, đã gần năm ngày liên tiếp mình mấy không bao giờ được khô. Dân chúng đi từ Ninh Hòa về Nha Trang tưởng chúng tôi là tù binh, ném bánh ú từ trên xe xuống cho, một vài bà già chấm nước mắt khóc vì thương hại. Nhưng chúng tôi vẫn vui như tết, Năng và tôi nhặt bánh ú ngồi ăn ngon lành, cả hai đứa đều là những " Tân Sĩ Quan " vừa quỳ xuống đứng dậy cách đây một tháng để lãnh nhiệm vụ gánh vác non sông! Chúng tôi hãnh diện với nỗi cực khổ của mỗi phút chịu đựng, lòng không một chút ta thán... Nhưng lúc gặp nhau ở Sài Gòn, hai thằng đem nhà binh ra nạo đến sát ván không chút nề nang. Bình Giã đói và khát hai ngày đến nỗi lính phải hút nước ở rễ cây, có tên uống phải rễ cây độc đứng tim chết. Kéo quân ra Phù Mỹ, uống một nón sắt nước ruộng nhưng lòng không phiền hà. Mười chín tháng Ba 1965 kéo về Sài Gòn đóng ở Đài phát thanh, cô-ca lạnh mát nuốt vào khó khăn không làm dịu được nỗi oi ả ở trong lòng.

Chính vì những cảnh đời đa đoan này mà tôi phải viết. Không viết thì phí đi, bạn bè bảo tôi như vậy. Thế là tôi viết, và đến bây giờ coi như xong, nhưng chắc rằng chưa đủ. Xem lại chợt thấy bụi ngùi và thương thân. Bao năm tháng tột cùng của cực khổ và gian nan, đầy dẫy tủi nhục để viết được chùng này? Thấy mình tội nghiệp lạ lùng. Rồi kết quả ra sao? Coi chùng lại bị đụng chạm, lỗi thời với chính phủ thì thật là khổ nạn! Người lính đánh máy hộ cảnh cáo.

Trong thời gian sau này, thường thường những giấc mơ của tôi cuối cùng dẫn đến một chủ đề - Nước. Tôi mơ thấy trời mưa, mơ thấy được tắm trong dòng suối, được vùng vẫy trong sông lớn. Kỳ cục hơn có hôm tôi mơ bị mắc cạn trong cống rãnh. Về mặt sinh lý người ta bảo đó là hiện tượng yếu thận, tâm lý bảo đấy là ý định muốn giải thoát— Có thể đúng như vậy, vì tôi đang yếu thận đồng thời luôn luôn có cảm giác "lạ" với đời sống này. Tôi không coi những ngày đang sống là sống thực. Sống bây giờ là sống gờ, cõi mơ ước nào đó mới là quê hương thật. Nhưng đúng chỉ là mơ ước, vì còn một nơi chốn nào khác ngoài cuộc đời ngặt nghèo này— Chỉ còn một cõi trong tôi. Nhưng thôi, "tác phẩm" khi đã xong có phần đời của nó - hai mươi sáu tuổi - tám năm lính để lại gia tài trăm trang giấy! Có một vị đắng ở đầu lưỡi. Nhưng nói cùng ai? Tôi cũng trốn tôi trong câu hỏi này.

Tuy nhiên khi viết xong, đọc lại thấy vừa lòng nhưng đồng thời một vài ý nghĩ thật lạ xảy đến. Những ý nghĩ trong chiều mưa, mưa thật lớn trên đồi cao, gió thật mạnh, doanh trại vắng vẻ như bãi tha ma. Ngồi một mình nhìn ra khoảng không gian xám đặc... Con chim sẻ trốn mưa bay vào phòng đậu trên thành giường, sù lông rũ nước kêu lên những tiếng nhỏ thật cô đơn. Tôi cũng như con chim nhỏ trong chiều mưa này. Và từ đó thấy trong lòng những tình lạ thật thiết tha, hồn hậu như của những ngày vừa mới lớn. Tôi thấy những điều viết quá hần học, nhiều thù hận và độc đoán. Trước tiên đối với người Mỹ. Những sự kiện gần đây, cảnh hai phi hành gia bước chập choạng trên mặt trăng. Những bước đi đầu tiên của con người trên một hành tinh khác. Lễ tất nhiên tôi không a dua theo một phong trào để hoan nghinh sự thành công của Apollo 11, đã từ lâu tôi không xem trọng thí nghiệm này. Chỉ có cảm phục khi nghĩ đến những công tác khoa học tinh vi và chính xác để ráp nối phi thuyền mẹ với Nguyệt xa, tiếng nói của những phi hành gia được chuyển thẳng về trái đất rõ mòm mọt. Trước thành công như trên làm sao tôi không hoan nghênh? Nhưng tổng quát tôi vẫn không thán phục, kết quả cũng không có gì cụ thể để giúp ích cho một khối dân khổ cùng nằm dài trên hai cõi Á, Phi. Trong khổ cực



của quê hương này tôi không thể nào quá ngưỡng mộ thành công ở trời xa. Nhưng tôi chịu nhất là thái độ phóng khoáng, cử chỉ hào hiệp của người Mỹ trong vụ này, họ đã hãnh diện dưới danh nghĩa — Một sự tiến bộ của nhân loại. Sự rộng rãi này làm cho tôi kính phục. Ngoài ra một hôm có việc cần phải vào bệnh viện 3 Dã chiến Hoa Kỳ, thấy một anh lính Mỹ đẩy chiếc xe trên có một anh khác bị thương ở chân, anh chàng đẩy xe cũng là thương binh, gầy ốm, tóc vàng hoe mọc dài xuống gáy, mang đôi kính cận thị dày cộm, nét mặt hồn nhiên và trẻ thơ. Và tôi đã nghĩ rằng khuôn mặt trẻ thơ đó, nếu đem biến thành đối tượng cho những nhận xét hằn học đầy thù nghịch của tôi thật đáng tội nghiệp. Chiến tranh đã kéo y qua đất nước này, chịu đựng những khổ cực vượt ra ngoài ý niệm của người Mỹ, nay bị thương đôi mắt vẫn còn trong sáng và trẻ thơ — Dấu hiệu của tâm hồn chưa bị vấy bẩn bởi cuộc chiến này. Nhìn sự ngây thơ trung thực đó, nghĩ đến những phán đoán của mình quá độc đoán và quá độ.

Gần hai năm nay, mỗi ngày phải uống tám viên Nevrosvitamin 4 để làm dịu xuống những bút rút hiện thành phản ứng không kim hãm... Thiếu những viên thuốc đó, người tôi như nung trên một lò lửa đang đỏ, đầu óc muốn nổ tung, chân tay ít nhất phải đập phá một vật gì, tôi sợ tiếng động và chồn đông người một cách bất thường. Nhưng hai tháng sau này tôi bỏ được nhu cầu uống thuốc đó, suốt ngày đánh trần nằm trên bãi cỏ trước phòng ngủ, doanh trại hậu cứ hoang vắng một cách dễ chịu, phía xa những ngọn đồi Tăng Nhơn Phú chạy dài bình yên. Trong sự bình yên này, đọc lại những điều đã viết quá trớn, thấy ân oán giang hồ, đụng chạm đến nhiều giới. Tôi muốn đưa cuốn sách cho những người nhỏ tuổi đọc, để dò xem phản ứng của những người chưa bị ảnh hưởng của chiến tranh, nhưng ngần ngại vì thấy những điều mình viết không trong sáng. Lẽ tất nhiên một cuốn bút ký không thể nào nằm dưới kim kẹp của ý thức luân lý bình thường được, hơn nữa bút ký về cuộc chiến tranh nhọc nhằn. Nhưng nhìn thấy toàn bộ những điều đã viết chỉ có một nỗi hằn học, uất hận nên tự hỏi rằng có quá đáng hay không? Thấy đàn trẻ đi thi tú tài, nhớ lại mười năm trước cũng ở trong nguồn trong sáng đó, thế tại sao có những đổi thay tàn bạo và quá đáng như kia?

Tôi lại gặp Banh, người bạn cũ ở Đà Nẵng, gặp Banh để nhớ lại một cái Tết thật tang thương, hai mươi chín Tết không thức ăn - hai mươi chín tết - thời gian thật khó thể đi kiếm một bữa cơm. Banh đạp xe trên hai mươi cây số về làng quê Quảng Nam xin mười quả trứng vịt, và hai đứa đã đón xuân bằng những quả trứng trong suốt ba ngày Tết. Gặp Banh để nhớ rằng trong những ngày khốn khó đó, tôi vẫn luôn luôn thấp sáng cho mình ngọn lửa hy vọng và những tình cảm tốt đẹp.

Những sự kiện kể trên gây cho tôi cảm giác ngại ngùng khi đọc lại những điều ghi được của tám năm binh lửa. Không lẽ suốt đoạn đời này tôi chỉ có khốn khó và thù hận thôi sao? Từ đó phát sinh ra những ý hướng chối bỏ, như dấu chàm của một niềm tủi hổ, và ao ước được thấy điều mình viết mang niềm vui hồn nhiên trong sáng. Nhưng tám năm lính của tôi niềm vui quá thật ít, ít đến tội nghiệp khi đem so sánh với nhọc nhằn đằng đẵng. Tám năm, thời gian gần bằng đoạn đời của gã nông phu Johann Moritz lang thang qua các trại tù của giai đoạn Âu Châu máu lửa, nhưng trước và sau tám năm đó, anh bạn Lỗ còn có những ngày vui hy vọng. Tôi có gì vui trước tám năm này và hy vọng nào về một Việt Nam hậu chiến. Nhưng thôi, có nói hoài thì cũng chỉ kéo dài thêm lời than thở hèn mọn. Điều mong ước là được xóa đi những hằn học và thù hận. Sự đụng chạm nếu có ở một vài đối tượng nào đó thì xin nghĩ rằng đây chỉ là những ý nghĩ của một người muốn chân thật với mình trong hoàn cảnh khất khe. Lỗi không phải là ở sự thành thật đó. Đây là lỗi của một cảnh đời. Tội của những người trong chúng ta đã bất lực trước định mệnh, để bị cuốn trôi hết tình người. Thôi, đây là tội trong mỗi chúng ta.

10 tháng 9 năm 1969  
Long Bình Việt Nam

## SAU TÁM NĂM Ở LÍNH

Tiếng Việt quả thần diệu, có những chữ thật đơn sơ cũng đủ sức để tạo thành hình ảnh linh động. Những chữ với âm thanh tầm thường khô cứng như tiếng gỗ vô nghĩa trên mặt bàn của một bàn tay nhàn rỗi, trong giây phút trống rỗng. "ở lính" nghe buồn buồn, nhạt nhạt, vô nghĩa nhưng chất chứa chịu đựng ngặt nghèo lặng lẽ. Tôi đã ở lính tám năm, sau thời gian đặng đặng đó những danh từ to lớn như đầu quân, gia nhập quân đội, người chiến binh, đời quân ngũ hay thời thượng vọng về như tuổi lính, tuổi chiến trường đối với tôi vô duyên như sau lần ân ái ngưng ngưng.

Tôi ở lính tám năm, năm nay hai mươi sáu, đi lính năm mười tám. Suốt tám năm của thời lớn lên tôi đem tặng hết cho quân đội, và không phải đến bây giờ vì thất vọng, chán nản do công danh không toại ý, cuộc sống bị ép buộc không đúng như mơ ước nên cay cú hẳn học với nhà binh. Không như vậy, tôi đi lính năm mười tám tuổi vào học trường tình nguyện ra làm ông quan Một. Chẳng có ai lôi kéo tôi vào trường ấy, tôi tự động hăng hái, hãnh diện để trở thành một sinh viên sĩ quan với ý nghĩ đã chọn đúng cho mình hướng đi, một chỗ đứng dưới ánh mặt trời. Tôi có những rung động thật thành thực khi đi trong rừng thông, hương nhựa thông toả đặc cả một vùng đồi, sung sướng vì thấy đã đưa tuổi trẻ vào trong một thế giới có đủ mơ mộng và cứng rắn, một thế giới pha trộn những ước mơ lãng mạn hào hùng... Chuyển quân đi trong sương đêm, giữa mây mù, ánh lửa mục tiêu đêm đông trong hốc núi hoang vắng, thế giới mạo hiểm giang hồ của Jack London phảng phất đâu đây. Tôi say mê, thích thú với những khám phá mới mẻ đó. Nắng cao nguyên những ngày cuối năm vàng tươi rực rỡ, đứng ở đồi nhìn xuống hồ suối Vàng trong vắt yên lặng... Người như muốn tan vỡ thành muôn ngàn mảnh nhỏ theo cơn gió bay chập chờn qua vùng đồi trùng điệp và loãng tan đi cùng nước hồ xanh ngắt.

Cũng phải nói thật những ngày đầu đời lính của tôi đầy trong sáng và đẹp đẽ. Trong sáng như giấc mơ của tuổi mười chín, giấc mơ mù mờ giăng cánh chim trắng bay chậm rãi qua rừng thông... Nhưng đời sống nhà binh không hẳn chỉ vậy, nó còn có sĩ quan cán bộ, nghi lễ, có đủ những phiền toái hỗn độn mà đời sống dân sự không ai nghĩ ra được; nên khung trời đầy sương mù bí ẩn ngoài khung cửa sổ hiện ra như một thách thức đối với đời sống kìm kẹp của tôi hiện tại.

Đây cũng là một thời gian thật khủng hoảng, mỗi đêm nhìn về phía thành phố đầy ánh đèn tôi không ngủ được, tương đương như có một tiếng gọi cuốc cuốc đời sống ở bên ngoài quân ngũ đang nhắc nhở thúc giục, một đời sống thực sự tôi không có. Từ khung cửa sổ nhìn những giàn đồi im lặng thấp thoáng giữa thung lũng sương mù và đằng xa ánh đèn xanh vườn Bích Câu ma quái, diễm ảo, tôi thấy rõ trong tôi nổi cô đơn khủng khiếp hiện hình sừng sững. Những lúc ấy tôi thấy được con người thật của mình, một gã trai trẻ, vô định hướng. Những cười đùa ban ngày, những buổi học, bữa ăn tập thể không ảnh hưởng gì đến con người trong tôi. Không thể có được một ý niệm về chuyên môn quân sự mà bằng tất cả mọi cách nhà trường cố nhét vào trong đầu óc. Đội hình tác chiến, cung cách chỉ huy, chi tiết kỹ thuật về vũ khí trôi qua trí não mơ hồ như một cơn gió nhẹ. Hai năm sống ở mái trường đó như một cơn phiếm du. Chỉ thật thắm thiết rung động khi nửa đêm về sáng dưới ánh đèn pha vọng gác kho đạn tôi khám phá được thế giới của cây cỏ đang thở, đang lớn lên. Những giây phút khoảng năm giờ sáng, sau phiên gác, nhìn xuống phòng sĩ quan trực, người lính kèn im lặng đưa lên môi thổi hồi kèn báo thức. Và không gì hơn suốt ngày chủ nhật một mình một ngựa chạy như bay vào hướng đồn Dakсарd. Con đường đỏ còn ướt sương đêm, trời chưa tan hẳn mù, ngựa phi như gió cuốn, ngựa đi vào trong một vùng mù đặc, rừng thông chuyển động ào ào, cả trời cao nguyên tan biến chập chờn theo vó ngựa. Kết quả sau hai năm ăn nhờ chảnh phủ tôi được trở thành ông quan một, ra trường đi binh chủng hung hãn nhất.

Tôi biến thành một người lính thực thụ, trận lớn, trận nhỏ, chiến dịch hai tháng, ba tháng, dài ngắn, từ Sài Gòn ra Bến Hải, tôi đi đủ. Những địa danh xa xôi bất kỳ một xóm hẻm hóc nào của miền Nam này tôi cũng có thể biết rõ một cách tường tận. Từ những miền nổi tiếng như Khe Sanh, Cồn Tiên đến những làng nhỏ từ cửa Việt đi ra - Diêm Hà Trung, Diêm Hà Nam - cái làng nhỏ cuối thung lũng sông Kim Sơn, làng Hà Tây, đèo ông Hồ đổ xuống Phù Cũ ra Phù Ly, Phù Cát thẳng đến biển là núi Lồi, đầm Trà Ổ, xuống phía Nam, đầm Nước Ngọt. Lên đến Pleiku, trực thăng vận xuống phía Nam biên giới Lào-Việt, đầu ngọn sông Ia-Drang... Đâu đâu tôi cũng đến. Năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba tôi sống thoải mái, vì đã đi đủ, nhìn đủ. Tôi cũng chấp nhận cho sự góp mặt ở chiến cuộc, góp mặt để chấm dứt chiến tranh. Thắng bại không kể, nhưng cốt yếu là không ở ngoài, không chạy trốn trong khi bạn bè những người cùng trang lứa đang tham dự, đang ngã chết. Dù chết bên này hay bên kia, chết trong thù hận hay chết tình cờ.

Những người đi tìm cái chết để biện giải cho đời sống. Tôi tham dự vào cuộc hành trình khôn nạn này. Giải thích này làm tôi yên ổn. Cũng trong những tháng năm đằng đẵng gian khổ ấy, tôi khám phá ra được hạnh phúc của đời người. Hạnh phúc thật sự không có, chỉ có những hạnh phúc tương đối và giản dị. Hạnh phúc là bữa lửa thật nóng, bữa cơm có canh, một mái lều tranh không dột, căng được chiếc võng, uống ly cà phê, đọc tờ báo, sau năm ngày vượt ba mươi cây số đường rừng, rừng thật dày không thấy trời, trong rét cóng của miền Trung vào những ngày cuối năm. Hạnh phúc nồng nhiệt khi trở về nhà trong đêm khuya gõ cửa, vợ ra đón với con nhỏ ba tháng, kể từ ngày sinh chưa được nhìn bố. Hạnh phúc là cái gì chắc chắn, nắm được ở trong tay khi cánh cửa chiếc phi cơ đóng lại và thân thể được nhấc lên trong độ cao, nhìn lại thành phố Huế đang âm ỉ cháy. Đây - đời lính - đã dạy cho tôi biết được giá trị của những sung sướng tầm thường đó. Chỉ có thể mà tôi phải trả giá trong tám năm thật dài với tận cùng của khổ cực và căng thẳng. Nhưng đến hôm nay, bước vào năm thứ mười hai đời lính tôi lại rơi vào sự khủng hoảng của những năm đầu tiên. Nỗi khủng hoảng tàn tệ tội nghiệp gấp vạn lần trước. Thời gian ở quân trường, tôi còn có thể giới kỳ ảo thiên nhiên, những ngày mới ra đơn vị, tôi tham dự để biện minh thái độ dần thân, lao vào lửa đạn không thối mác, không ngần ngại — Tôi dần thân để tìm kiếm niềm an ủi do tham dự hết lòng, đồng thời còn có điều khôn ngoan đã tìm ra những hạnh phúc tương đối — Loại thực phẩm trần gian hợp với khẩu vị. Nhưng đến những tháng ngày hôm nay thì quả thực tôi bất lực. Bất lực để giặc thích cho chính bản thân, sự có mặt tham dự trong dòng đời hỗn loạn và mệt nhọc này. Những chốn trú ẩn xưa bị phá vỡ tan hoang, nếu không nói đến những phản ứng trái ngược đã xảy ra.

Trên đường đi đến Lái Thiêu, vườn dưa xanh ngắt, hoa huệ trắng tỏa hương thơm ngát không gọi nên một thiên nhiên an lành mơ mộng nhưng trái lại như một đối tượng đang phải chịu sự tàn phá sắp tới của chiến tranh; một đối tượng đau đớn của thiên nhiên không được thụ hưởng sắp sửa bị tiêu hủy. Những ngày dài hành quân không gây chịu thích thú, không tạo mới lạ, chỉ còn lại chịu đựng... Chịu đựng im lìm trong một niềm bất mãn đến ngộp thở. Tám năm lính, tôi hai mươi sáu tuổi, số tuổi gần ba mươi, không bạn bè, xa bằng hữu, số tuổi của nỗi cô đơn kinh khiếp biến con người hững hờ, tàn ác như một lát dao. Tôi hai mươi sáu tuổi để thấy rõ cái mặc cảm phạm tội trước kia chỉ là một ảo tưởng xa xỉ của tuổi mới lớn, ảo tưởng về trách nhiệm con người đối với nhau. Tôi hai mươi sáu tuổi đủ để nhận rõ rằng: Hạnh phúc quả là một vật ít ỏi tương đối, nhưng nếu mua bằng giá của đời sống mình thì thật vô lý. Đành rằng sống chẳng là một cái gì rục rờ nhưng nếu đánh giá đời sống bằng khổ cực và cái chết thì thật là một việc rồ dại và ngu xuẩn. Như vậy tôi hai mươi sáu tuổi có được gì? Tôi có được một cái nhìn thông suốt hết cả. Nói như thế có vẻ tự kiêu và lố bịch. Nhưng nếu trung thực hơn: Sau tám năm ở lính, tôi hết còn là vùng đất để nghiệm và chịu ảnh hưởng. Tám năm ở lính để biết mình là một cánh chim tự do nhưng đã bị chặt cánh. Chính thương tích này làm sáng tỏ khả năng tự do bị đất của đời người.

Gần đây báo Sống tục bản dưới hình thức báo Công Chúng có đặt câu hỏi: Người thời đại nghĩ gì? Trong đó có nêu lên chi tiết ai là thần tượng cho tuổi trẻ hôm nay? Tôi hai mươi sáu không trẻ lắm nhưng chưa già, cố tìm cho mình một thần tượng? Không có, làm gì có thần tượng cho tuổi trẻ khốn khổ của tôi. Làm sao tôi có được một thần tượng sau tám năm đặng đặng đầy thù nghịch và ngặt nghèo. Người ta chỉ tìm được thần tượng khi lòng còn rung động. Bây giờ tôi có rung động nào trong tâm hồn? Năm vừa rồi đi đưa đám tang những thằng bạn thân, chỉ thấy trong lòng một thoáng băng khuâng, chả bù trước đây tôi ôm xác của Phương, của Dũng chạy như điên trên sườn đồi nước mắt chảy dài trên má. Chiều trở về chỗ đóng quân nhìn chiếc võng của người chết tưởng chừng như thân thể sụp xuống tan đi trong vũng phiền buồn. Bây giờ tôi làm sao khóc được, làm sao để phẫn nộ, để nhớ thương, để mong ước. Thần tượng bây giờ là gì? Lãnh tụ? Lãnh tụ cỡ nào? Nhìn ảnh phỏ Tổng Thống Humphrey trong báo US News & Report cùng những câu trả lời của ông ta trong thời kỳ tranh cử Tổng Thống. Cái mồm nhỏ, trán hói, vẻ trai trẻ giả vờ khi xắn quần chạy trên bãi biển thấy ngượng ngùng đến khó chịu. Hay loại chính khách local?! Ô thần tượng cái khổ nào ở thứ lãnh tụ và chính khách hạng nhì này... Hay là Mao Trạch Đông? Không được nốt, cái mặt ị, đôi mắt ti hí, cuốn sách nhỏ chỉ hú hồn được thanh niên ở các nước Tây phương. Tôi cố tìm suốt một dãy các danh nhân còn sống hay đã chết để tìm cho được một người để ngưỡng mộ. Churchill? Cũng không được, đọc Mémoire của ông ta, cuốn L'Étau se referme không chịu được thái độ bất nhân đối với Nam Tư. Đến Exodux thì người Anh, ôi cũng là lũ thực dân. Nhớ đến lần hành quân ở Long Khánh thì Úc hay Anh cũng vậy, cũng là God save our King. Chả ra cái thống thế gì. Thế thì hết. Hết tiết cái thế kỷ thần tượng, vì nếu quả thật còn một chút thần tượng nào vất vưởng ở trên hành tinh này thì Jackie đã không xóa tan hình ảnh ông chồng rực rỡ để đi theo ông thương gia có phòng tắm lót vàng. Sống bên cạnh một thần tượng còn cho thần tượng đó "de" thì hưởng gì tôi, một kẻ da vàng xa xứ của ông thì ngưỡng mộ gì ông được, hở ông Kennedy. Đó là chưa kể đến nỗi hàn học mà ông Bob Kennedy để lại trong lòng những người lính Việt Nam. Hay thần tượng ở một anh nhuộc tiêu? Ché Guévara cũng không được. Đây chỉ là một loại James Bond cộng với Trần Độ mà thôi. Tóm lại thần tượng tất cả đều bị chôn chặt, bị cuốn hút, bị xóa tên, chỉ còn lại một vài thần tượng què quặt trên óc não bệnh hoạn, yếu đuối của một số người chưa sống đủ, thần tượng của những kẻ nổi loạn thành phố, những kẻ mang tâm trạng "bảo tổ trong cốc nước" những gã Mỹ con tóc dài, hippy, biểu tình chống đối trước trường Sĩ Quan Trừ Bị Hoa Kỳ. Sau tám năm ở lính, tôi mệt mỏi vô ngần.

## **ĐẾN ĐƠN VỊ MỚI**

Ném chiếc va ly vào lòng xe GMC, tôi hí hục leo lên trước những cái nhìn soi mói của mấy người lính.

- Mẹ kiếp, lính tráng gì mắt dạy thế này, ít ra mình cũng là sĩ quan mà nó coi như cục đất thó. Tôi nghĩ thầm trong bụng. Lên được xe, sửa lại thế ngồi thật chững chạc, lột chiếc nón đỏ nhét vào ngực, tôi lướt mắt một vòng nhìn đám lính ngồi trước mặt. Những đôi mắt đều lảng tránh. Một anh lính nhỏ bé từ chiếc băng đối diện lẩn la qua hỏi chuyện:

- Thiếu Úy mới ra trường?

- Ừ.

- Thiếu Úy trẻ quá?

- Trẻ là làm sao? Trẻ quá không đi lính được à?

- Dạ. - Người lính bối rối cười cười. Tôi nhìn xuống bộ kaki vàng đang mặc, so sánh với màu vải ngự trang tác chiến hoa của họ, thấy một xa cách.

Xe chạy ra xa lộ hướng về Biên Hòa. Tôi đi trình diện đơn vị mới, Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù. Thế là lính thực thụ rồi, không còn là lính cậu nữa, đã đến lúc trả nợ áo cơm cho nhà binh. Toàn thể khung cảnh chung quanh có vẻ lạ lẫm. Từ một chỗ đông bạn bè cùng lứa tuổi, doanh trại đẹp đẽ to rộng, tất cả đời sống ngay thẳng, trang trọng và trẻ trung. Bây giờ tôi đến đây, xách chiếc va ly đi giữa hai hàng lính Nhảy dù, áo quần mới trông vào đã ghê, mặt mũi anh nào anh nấy đen như một đôi giày bị lấm bùn. Khi thấy tôi đi qua, mọi người nhìn soi bói chế riếu.

- Đ...m... Trông như thằng con nít!

Chết rồi, lính đã đánh giá mình như vậy thì chỉ huy thế nào được. Tôi cố đi nhanh hơn, đến chỗ văn phòng Tiểu đoàn trưởng. Trình diện xong, về đại đội trình diện Đại đội trưởng. Giờ cơm, lại một màn giới thiệu với toàn thể sĩ quan tiểu đoàn. Bỏ bố rồi! Chẳng có anh nào bằng cỡ tuổi, anh trẻ nhất coi bộ lớn hơn bốn, năm tuổi với vẻ nghiêm nghị. Sống thế nào được trong thế giới lạ lẫm này, biết bao giờ mới tạo thành thói quen?! Ôi cái đơn vị mới gây cho tôi mệt nhọc biết bao!

Buổi chiều, vài sĩ quan rủ tôi ra Biên Hòa chơi, tôi chui vào chiếc xe của bác sĩ Đạm đi cho biết. Thành phố nhỏ bằng hộp quẹt cả toán không biết đi đâu, đồng ý vào quán rượu ở gần ga. Đến chai bia thứ ba tôi không còn biết gì nữa, có cánh tay nâng tôi ra xe... Thành phố nhỏ bé, xô xao chuyển động. Tôi thò đầu ra khỏi cửa nôn tung tóe, nắng làm nhức cả mắt. Khi về đến phòng ngủ, chiếc giường sắt mới lẫm chỉ dựng được hai chân, tôi ném tằm nệm dơ như đồng rác lên đó rồi ngã xuống trong cơn say, nhưng biết lòng mình đang phiền muộn.

Chiều nay là thứ bảy, tôi đã ở được bảy giờ trong đơn vị mới, cởi áo bước ra hiên, doanh trại vắng vẻ lá cao su rơi xào xạc, người lính kèn thổi bài kèn hết việc, bóng hắt đổ dài trên sân cờ. Tôi cô đơn lạ lẫm.

*Tháng 11-1963. Biên Hòa*

## **NHỮNG ĐƯỜNG BAY ĐẦU TIÊN**

Tiểu Đoàn được chuyển vận từ Long An bằng tàu FOM theo sông Vàm Cỏ Tây, đến ngã ba nơi gặp sông Vàm Cỏ Đông, theo nhánh sông này đi ngược về phía Bến Lức. Tàu đi trong giòng sông đầy sương mù, trời chưa có nắng, nước sông mênh mông. Tôi ra đứng ở mũi tàu, gió thổi lộng, những buồn bực của tháng ngày hậu cứ như trôi đi, những tháng ngày dạy lính, quân phong, quân kỷ, mệt mỏi như cơn buồn ngủ trong trưa nắng. Đến khoảng xã Long Sơn, quận Cần Đước tàu đổi hướng cập vào bờ, lính ủa lên... Bỏ bờ mẩu lộn ngang ruộng mà lên, coi chừng mìn... Lấy đà từ sàn tàu tôi nhảy lên đám lau sậy, dứa nước ngổn ngang. Bám được vào một bờ đất leo lên. Giàn đội hình hàng ngang, trung đội tiến lên khoảng hai trăm thước, dừng lại bố trí đại đội lên sau. Cởi nón sắt ngồi xuống trên một mô đất nhìn ra xa, ruộng miền Nam thật đẹp, màu xanh dài bất tận, lúa khỏe mạnh, thơm nồng nàn... Chẳng bù với miền Trung, quê hương tôi, không có đất, chỉ có cát, cát mệt mỏi và cằn cỗi, không phải những bờ cát vàng đẹp đẽ của bãi biển trường giả, cát của quê tôi xám xịt, loang lổ đầy đó dăm ba cụm xương rồng, về mùa hạ gió Nam thổi luồng như đốt lửa, con trời lớn chạy dài lưng lửng như bóng ma.

Tiểu đoàn chia làm hai cánh quân đi song song với con lộ đất đỏ. Tuyệt đối không được đi trên bờ ruộng. Cứ nghe hoài hoài một lời dặn dò.

- Du kích vùng này nổi tiếng gài mìn, thiếu úy thấy gì lạ thì đừng đụng vào.

- Tao biết rồi, mày lo cái thân mày trước đi.

Đến giờ này tụi lính vẫn xem tôi như là một "mặt mới" đợi có dịp để lên mặt rành rẽ. Tôi kiểm soát lại hướng đi bằng địa bàn và bản đồ, kêu anh Trung sĩ trung đội phó:

- Trước mặt khoảng năm cây số có cái đồn phải không?

Tôi nói trống rỗng, vì nếu dùng tiếng mày tao thì tội nghiệp cho y, nhưng nếu gọi anh hay ông thì y lại coi thường. Nhà binh mệт nhọc thế đấy!

- Vâng, có đồn Long Sơn.

- Đồn còn người giữ không?

- Nghe nói hình như còn và vừa bị đánh nên tiểu đoàn mình đi hành quân vùng này để truy kích.

Đúng là một loại lính cũ, luôn luôn đóng tai lên để rình rập nghe ngóng tất cả, ỉn dấu sau một nét mặt làm lì không nói. Tôi tưởng câu hỏi cốt để gây thêm tự tín, hóa thành một đòn phản. Viên trung sĩ đi ra xa, mặt thoáng vẻ hài lòng.

- Anh ra coi lại thẳng vắc đại liên, phía trái mình không có quân bạn. - Tôi nói với.

Khoảng bốn giờ chiều, đoàn quân đi ngang đồn Long Sơn, những người lính Nghĩa quân đứng trong hàng rào nhìn ra ngỡ ngác. Họ nhìn toán quân chúng tôi như điều mới lạ đến từ nơi đầy ánh sáng. Bao nhiêu lâu sống trong chiếc đồn tro bụi này, họ đã thành những kẻ thật xa với thế giới bình thường. Chiếc đồn chỉ cách quốc lộ hơn mười cây số đường chim bay còn thê thảm như thế, huống gì những tiền đồn ở cao nguyên, ở cuối cùng một cửa biển thì như thế nào? Tôi đâm ra hẳn học với tự tin ngọt mận của lính tôi.

Đóng quân đêm. Tôi nghĩ mệт mang. Chiến tranh là vô ích như thế, từ một nơi xa xăm đến để chết, ăn, ngủ trên một vùng đất lạ. Nhớ đến tám ảnh trong cuốn Guerre Morte... Một anh lính Pháp ngồi đun nước với lời chú: "Jean ne fait rien dans la guerre, subitement, il mort". Tôi chỉ ở qua một ngày trong chiến tranh, và như vậy còn rất lâu mới có kết thúc. Những ngày sau tiếp tục. Long Sơn rẽ phải, lên đông bắc là Rạch Kiến, phố chợ hoang vắng, chiếc cầu bắc qua con kinh bị đốt cháy sáu ngày trước còn loang lổ vết than. Có một tiệm bán nước ngọt với đá, tôi uống một hơi ba ly, không biết là chanh muối, sirop hay cái gì... Chỉ biết đây là nước đá.

- Làm sao người ta mua nước đá được?

- Người ta mua từ Cần Giuộc, Cần Giuộc đi Chợ Lớn rất dễ dàng.

Người lính đứng bên cạnh tôi trả lời. Cần Giuộc, một địa danh nghe lạ hoắc. Miền Nam này thật lạ lùng, một nơi chốn đầy dẫy chết chóc vẫn có những quán cóc bán đồ nhậu, sạp bán báo, khốn nỗi chỉ bán toàn loại báo hạng bét, trang trong nói chuyện đào kép cải lương. Tuy vậy, tôi cũng mua một tờ xếp vào túi quần, chút thành phố có ở trong đây.

Một tuần đi qua không có gì, biến cố duy nhất mỗi ngày là binh sĩ đi Kinh binh thường vướng phải mìn. Việt Cộng thật tinh quái, họ gài mìn vô cùng khôn khéo, dò biết lính đơn vị tôi không đi trên bờ ruộng nên mìn được gài ngay trong bụi rậm ở bìa làng rồi giăng dây thật dài. Lính vào làng phải dàn hàng ngang để dễ dàng khi xung phong tất nhiên phải vướng dây bẫy. Được an ủi, mìn là loại nội hóa do du kích chế tạo chẳng làm chết được ai. Số thương binh được di tản không có người nào bị nặng. Mỗi lần có tiếng nổ ở đầu hàng quân, binh sĩ ở hàng sau tỉnh bơ, la lối âm ỉ...

- Rồi một con đã đi!

- Đ..m..Lại một thằng được ăn Tết ở nhà.

Người thương binh được di tản lui về hàng sau, ngang qua đồng bạn khi bị trêu chọc còn há mồm để chửi lại.

- Bị vào chân mà về "chơi" là rút gân nghe con, ráng baceo bà xã nhịn đi.

- Mẹ mày... - Lời nói buồn cười xóa tan vẻ bi thảm của dòng máu đang chảy. Đôi khi tôi cũng muốn bị nhẹ một phát vào chân. Nhảy dù gì đi ngang dọc hoài, chán bỏ mẹ!

Ngày thứ tám của cuộc hành quân, khi tiểu đoàn tiến qua rạch Long Sơn, chiếc cầu bằng sắt đã bị giật sập. Đại đội 72 đi đầu chỉ định một trung đội tiến sát bờ sông để tìm phương tiện vượt sông. Âm, một tiếng nổ thật lớn, cột nước bắn cao lên hơn mười thước, có tiếng súng bờ bên kia bắn qua, súng Việt Cộng. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng súng của đối phương... Các... cù... Tiếng đạn rít trong gió. Tôi thoáng một giây sợ hãi cứ tưởng chừng như viên đạn như vô tình đang bay về hướng mình. Và phản ứng thật tự nhiên: Thấp hẳn người xuống. Lẽ tất nhiên tôi không đến độ nằm bẹp xuống nhưng rõ ràng có một phản ứng không báo trước kéo thân thể thấp xuống, nhỏ lại. Nhỏ hơn nữa... Súng của Việt Cộng tiếp tục nổ dọc theo con đường chúng tôi đang di chuyển.

- Trung đội bố trí phía tay phải.- Tôi hét lớn. Toàn thể trung đội nhào xuống một chiếc rạch nhỏ trông sang cánh đồng. Tôi yên tâm vì đã đứng được trong lòng đất. Đất vật che chở cho con người trong những giờ phút nguy nan. Chạm phải bờ cỏ ướt, tôi có cảm giác như ôm một vật thân yêu. Cảm giác này sau này trong những giờ phút ngặt nghèo nhất, tôi được thấy lại. Mỗi lần vào được trong một chiếc hầm, tôi cảm thấy tự tin hẳn lên, tin tưởng mình có thể sống sót được trong hết mọi hoàn cảnh. Một nhân vật của Georghiu trong " La second chance " khi biết mình sắp chết trước họng súng của bọn sát nhân đã có lực sống mãnh liệt: Tự dùng tay để đào cho mình một chỗ trú ẩn, chết khi tay còn giữ nắm đất! Đất cao cả và nhiệm màu bao nhiêu.

Trận đụng độ kéo dài chừng nửa giờ, du kích tháo chạy, chúng tôi vẫn chưa qua sông, tôi đi về phía đại đội chỉ huy. Bác sĩ Đạm đang băng bó cho thương binh, một xác chết được gói vào poncho, cột chặt bởi hai vòng băng cứu thương, gọn gàng và im lìm. Lần đầu tiên tôi đứng gần thầy ma... Người chết trong chiến tranh đấy. Trở về chỗ bố trí của trung đội, thấy cần thiết một điều thuốc hơn bao giờ hết.

Đêm xuống, hào hứng của những ngày đầu hành quân không còn nữa. Tôi chưa quen với đời sống hung bạo và nhàm chán này. Những người lính xung quanh sau khi căng võng nằm phì phèo điều thuốc mãn nguyện trong im lặng. Tôi chưa quen với điều thuốc và niềm lặng lẽ cô đơn đó, tôi còn là thanh niên đang lớn, cần có bè bạn, cần người để tâm sự, những tâm sự thầm

thường, những vụn vặt tình cảm... Ở đây không có bạn, trong không khí lạnh lẽo đầy đe dọa, tôi cô đơn như cây nhỏ trong chiều mưa.

Mười lăm ngày qua, nhận được lệnh đi học lớp Rừng Núi Sinh Lầy ở Dục Mỹ, một lớp học hành hạ thể xác và đầy dọa tinh thần con người. Lúc ở trong trường tôi đã qua trung tâm này trong ba tuần lễ, đã biết thế nào là một lớp học kéo dài trong cực nhọc với thời gian hai mươi giờ trong một ngày. Nhưng đối với hoàn cảnh bây giờ, tôi không đủ kiên nhẫn để kéo dài sức chịu đựng trong loại hành quân này. Sao cũng được, miễn là đi khỏi vùng đồng ruộng đã bắt đầu quen thuộc. Khi chiếc xe qua cầu Gò Đen thấy Sài Gòn hiện ở xa, đột nhiên tôi muốn đập phá một cái gì...

Về đến hậu cứ, đúng cung cách của một tên lính, tôi đi đến khu gái điếm ở cuối phố, âu đó cũng là một thói quen. Tôi cần tập nhiều thói quen của đời sống này. Trên chiếc xe đi về Sài Gòn, tự nhiên thấy già - già hẳn đi...

*Tháng 1-1964. Long An*

## **NGƯỜI CHẾT DƯỚI CHÂN CHÚA**

Sông Tiền Giang mênh mông như bể, chiếc phà lớn chuyên chở ba GMC, vài chiếc xe du lịch, bình bông mang chúng tôi qua sông lẫn với đám hành khách áo quần màu sắc. Họ dồn về một phía, nhìn lũ người grooms đao thật xa cách. Tôi ngồi trên mũi tàu thả từng mẩu giấy vụn xuống dòng nước, trí não lảng đãng như bọt sóng.

Đoàn xe rời quốc lộ 4 rẽ về phía phải theo con đường đỏ hướng phi trường Trú Giang. Qua ngôi trường tiểu học quận, một dãy quan tài sắp lớp, mùi thây chết bốc lên ngậy ngậy. Biệt động quân - tiểu đoàn 41... Nghe nói hình như Tiểu đoàn trưởng hay Tiểu đoàn phó bị chết. Lính ở trên xe xì xầm bàn tán với vẻ thần nhiên. Họ không biết chiến trận đã đến hồi khốc liệt, nên chiến đoàn Dù gồm tiểu đoàn chúng tôi và một tiểu đoàn bạn đã có mặt tại vùng hành quân từ ngày trước. Đến phi trường nơi đặt bộ chỉ huy của khu chiến thuật Tiền Giang, trung tâm hành quân của cuộc hành quân, chúng tôi được lệnh ngừng tại đây để chờ ngày mai trực thăng vận vào vùng hành quân. Tôi chưa được dự trận lớn, nên không có ý niệm về những gay go sắp đến trong ngày mai, bình thản ngủ một giấc yên lặng với kết luận: Trực thăng vận đối với Nhảy dù chỉ là trò đùa, không có gì mới lạ.

Ngày 22, 8 giờ hai pháo đội đặt ở phi trường hướng súng về bãi đáp nhà đạn liên hồi để dọn bãi. Lấy cái chết của phe địch để làm an toàn cho phe mình, luật của chiến tranh quả tàn khốc. Tiếng súng dọn bãi vừa dứt, ba mươi chiếc trực thăng đồng bốc lên một lượt mang hai đại đội 71 và 72 vào trận địa.

Báo cáo xuống bãi tốt, bình yên. Phần còn lại của tiểu đoàn được trực thăng vận tiếp theo. Toàn bộ tiểu đoàn đã xuống đủ, hai đại đội 71 và 73 dẫn đầu đơn vị, di chuyển được mười lăm phút. Súng nổ! Đụng rồi! Đụng rồi... Lính dáo dác, máy truyền tin chuyển lệnh nghe loạn xạ. Phía trước tiểu đoàn súng nổ lẫn lộn, tiếng khô và cứng của ta, sát nhọn của địch... Đại đội 72 rút lên bố trí về phía phải của đại đội 73. Lệnh cho đại đội chúng tôi lên thật nhanh. Ngang qua chỗ đứng của Thiếu tá tiểu đoàn trưởng, một tiếng nổ thật lớn nháng lửa ngay trước mặt, quả đạn 57 ly nổ ngay khi ra khỏi nòng, người phụ xạ thủ bắn tung ra đằng sau, một bàn tay bị đứt. Ông tiểu đoàn trưởng hét lớn qua màn khói... Trung đội anh chạy ra cái nhà tranh...

Như vậy là đụng độ lớn, người bị thương nằm la liệt ở dưới các rãnh dĩa nước. Toàn đang đứng trong một giao thông hào chỉ trở quất tháo. Phía tay trái nơi xa có tiếng lựu đạn nổ và



tiếng hô xung phong. Trung đội tôi ép phải, hướng tiến bây giờ thẳng góc với các con kinh nhỏ, nên chúng tôi chỉ có thể nhảy từng bước thật dài trên bờ kinh, một cái nhảy hụt tôi rơi vào đường mương cùng với hai người khinh binh. Bám cổ bò lên, xác hai tên Việt cộng nằm tênh hênh, một xác bị banh nát ngực, xác kia nằm sấp, không rõ... Người chết, lần đầu tiên tôi chạm phải - một thân chết của đối phương.

- Lên đi tụi mày, thằng nào trốn đằng sau tao bắn gãy giò...

Tôi quát tháo cũng ra gì, mấy người lính đi chậm dón dác tìm lối qua rạch. Họ không nhảy qua được vì mang đồ quá nặng.

- Đ.m... Nhảy qua được không? Thường ngày sao liến xáo quá cỡ, hôm nay lại chậm như rùa.

Tôi chửi mắng om sòm. Trung đội đến bờ làng dừng lại bố trí trông ra cánh đồng trống. Ngồi dựa vào một gốc dừa, tôi thấy mệt vì phải quát tháo quá nhiều, nhớ lại lời chửi tục. Tôi đã thành một người lạ nào đấy. Địch từ phía trái chạy vọt qua, bóng áo đen ẩn hiện đằng sau rặng dừa xanh bên kia cánh đồng. Bắn! Bắn! Trung đội tôi khai hỏa ròn rã. Một vài bóng áo đen ngã xuống. Hơi thuốc súng, hơi bùn lầy, máu người chết xông lên ngậy ngậy.

Sáu giờ chiều, tiếng súng phía bên trái, hướng đại đội 71 hoàn toàn chấm dứt, trực thăng tải thương bắt đầu đến, khói màu xanh làm dấu bãi đáp bốc lên mờ mịt làm đặc không gian đang ngã vào đêm, rừng dừa màu xanh thẫm lại. Tiếng súng vu vơ của địch bắn lên máy bay khi tháo lui. Tôi ngồi dựa gốc dừa, mệt mỏi đến tột độ, một tên lính mò lại bên cạnh.

- Thiếu úy ăn cháo gà?

- Cháo gà?

- Dạ, em bắt được, nó còn ấp trứng...

- Thôi mày cho tao quả trứng, tao ăn cháo không nổi.

Khi lính trong trung đội xịt xoạt ăn cháo, tôi đi lui về phía xác hai tên Việt cộng. Tên nằm sấp bây giờ lật ngược lại, có lẽ đây là cử động cuối cùng của nó trước khi chết. Tôi đặt tay lên da người chết lạnh tanh. Đêm xuống, chúng tôi trải poncho nằm trên bờ rạch, không cởi giày, địch có ý tấn công lại nên phải đề phòng.

Tiểu đoàn tiếp tục truy kích, hôm nay đại đội tôi đi đầu, trung đội tôi dẫn đầu đại đội, chúng tôi đi dọc một con kinh lớn, rừng dừa xanh ngút tầm mắt, thôn xóm trù phú nhưng không một bóng người. Chúng tôi dè dặt từng bước đi.

- Hầm có dấu chân người! Tản rộng ra chung quanh, một người đến xem mà thôi -Tôi ra lệnh.

- Ai ở dưới, đi lên!... Im lặng...

- Lên không tao ném lựu đạn xuống! Thiếu úy, cho em ném lựu đạn xuống. Tên lính hỏi ý kiến.

- Không, mày bắn xuống mà thôi.

Tên lính lạnh lẽo bắn xuống một trăn thompson, có tiếng rên khe khẽ.

- Lên không bắn nữa. Đưa tay lên trước...

Tôi nín thở, một chiếc đầu bạc phơ từ từ nhô lên khỏi miệng hầm, ông lão bế một bà lão lên theo. Vừa ra khỏi hầm ông lão chấp tay xá bốn hướng xụi xụi khóc lóc, bà lão nằm vật xuống, ở đầu có một vết thương.

Đến buổi trưa, tôi hoàn toàn kiệt lực như một mũi tên rơi xuống cuối đường bay. Hình ảnh hai mái tóc bạc nhô lên từ miệng hầm, nét mặt hốt hoảng của hai tên địch chưa quá mười sáu tuổi lồi lên từ một đám bèo, một tên còn đang ngậm một búng cơm... Những hình ảnh đó bây giờ cộng thêm cảnh chết của hai vợ chồng và ba đứa con ở trước mắt tôi. Họ chết từ ngày hôm kia, khi địch đặt bộ chỉ huy ở khu nhà thờ, người chồng là ông Từ giữ nhà thờ đã đem cả gia đình vào trốn dưới cái bệ thờ Chúa.

Tượng Chúa ngã nghiêng, tượng Thiên Thần vỡ tung tóe, hai bàn tay trắng bằng đất nung lăn lóc trên sàn nhà. Khi tôi cúi xuống nhặt hai bàn tay này thì khám phá ra năm xác chết trên. Họ chết ngòi, hai vợ chồng ngòi sát nhau ôm ba người con trước ngực. Họ chết vì bị sức ép nên thân thể vẫn còn nguyên vẹn, nét mặt in vẽ hốt hoảng. Tôi ra lệnh kéo xác họ ra sân.

Giáo đường bây giờ im vắng, tượng Chúa linh động trong vị thế nghiêng ngã, nắng ở ngoài không rọi vào, không khí nặng nề lạnh ngắt... Tôi ngồi xuống trên chiếc ghế, hỏi thăm...

- Thượng-Đế, Ngài có thật đấy chăng?

Khi tôi bước ra đằng sau nhà thờ, qua khu nhà ở của những người chết, một chiếc áo tím chắc hẳn của cô gái còn phơi phơi bay trong gió... Nhìn ra xa, xác cô gái nằm thẳng trên sàn gạch, nắng thật sáng rọi lên rực rỡ. Người tôi ai cầm một lưỡi dao oan nghiệt vào tim, thật buồn. Tôi loay hoay đốt một liều thuốc. Cái chết quả bi thảm, nhưng hình ảnh của cô gái nằm chết khi chiếc áo còn bay trong gió vang vang nơi trí não tôi như một tiếng kêu thê thảm không dứt âm. Hai ông bà cụ già, tên Việt cộng trẻ, người cha và người mẹ, họ đã sống, đã chết dù sao cũng có chủ đích, có chọn lựa, cũng đã qua gần hết cảnh sống. Cô gái chết bất ngờ không báo trước, yêu đời như màu tươi của chiếc áo. Tôi choáng váng ngộp thở, người lao đao trong một niềm giận dữ phiền muộn không cùng.

Đụng lớn, tiểu đoàn lấy được một lô súng đạn, thừa thắng truy kích địch để lừa chúng về quốc lộ 4. Bên trái là sông Tiền Giang, Tiểu đoàn 3 nhảy dù bên phải làm thành phần chặn bít. Tiểu đoàn tôi lừa địch từ đông sang tây. Việt cộng phân tán thành từng toán nhỏ để chạy trốn. Ba đại đội tác chiến được xử dụng để lục soát không chừa một hốc nhỏ. Việt cộng được moi lên từ các ao bèo, bờ lúa, đụn rơm, cuộc truy kích vừa khôi hài vừa hào hứng như trò chơi. Tôi làm lì đi giữa hàng quân, trận đánh ngày hôm qua, một đêm mất ngủ, cái chết hàng loạt của Việt cộng, những thầy ma tênh hênh lẫn lóc, tất cả đổ ào xuống một lượt trên tâm hồn hồn nhiên — Tôi ngất ngư như lần đầu tiên uống rượu nhưng đây là cơn say đen. Xua quân đi vào một vườn dừa rộng, tiểu đội bên trái, tiểu đội bên phải, lục soát dọc theo hai con rạch nhỏ bao quanh khu vườn. Tôi đi vào ngôi nhà đang âm ỉ cháy, những chiếc cột lớn lồng chông hỗn độn bốc khói xám... Một người đàn bà áo trắng quần đen tay ôm chiếc lẵng mây trước ngực ngồi im trên nền gạch đôi mắt nhìn thẳng ngơ ngác. Thấy chúng tôi đi vào chị ta đứng dậy, đứng thẳng người như pho tượng, như thân cây chết với đôi mắt không cảm giác. Thằng bé theo tôi cùng cùng tên hiệu thỉnh viên lên ngay vào bếp kiếm thức ăn. Tôi đi đến trước chị đàn bà...

- Làm gì chị ngồi đây, không biết đang đánh nhau sao?

Im lặng, đôi mắt ngơ ngác lóe lên tia nhìn sợ hãi. Bỗng nhiên chị ta đưa thẳng chiếc lẵng mây vào mặt tôi, động tác nhanh và gọn như một người tập thể dục. Sau thoáng ngạc nhiên tôi đưa tay đón lấy... Hai bộ áo quần, chiếc khăn trùm đầu, gói giấy nhỏ buộc chặt bằng dây cao su. Mở gói, hai sợi giây chuyền vàng, một đôi bông tai.

- Của chị đây hả? - Vẫn im lặng. Nổi im lặng ngọt ngào, lạ lùng.

- Con mẹ này điên rồi thiếu ứ, chắc sợ quá hóa điên.

Tên hiệu thính viên thì thầm sau lưng tôi, mắt nó sáng lên khi nhìn vào những miếng vàng chói trên giấy...

- Vàng, chắc cũng hơn một lượng, lấy đi thiếu ứ... Ê! Đi đi.

Tên lính xua tay đuổi người đàn bà đi chỗ khác. Lạnh lùng, chị ta xoay người bước đi như xác chết nhập tràng.

- Chị kia quay lại đây tôi trả cái này... - Tôi nói vọng theo.

Người đàn bà xoay lại, cũng với những bước chân im lặng, trở về đứng trước mặt tôi nhưng đôi mắt bây giờ vỡ bùng sợ hãi, vẻ hốt hoảng thảm hại làm rần rúm khuôn mặt và run đôi môi... Chị ta còn trẻ lắm, khoảng trên dưới hai bảy, hai tám tuổi, da trắng mát tự nhiên, một ít tóc xõa xuống trán làm nét mặt thêm thanh tú. Tôi đưa trả chiếc lẵng mây, chị đàn bà đưa tay đón lấy, cánh tay run rẩy như tiếng khóc bị dồn xuống. Chiếc lẵng rơi xuống đất, hai cánh tay buông xuôi mệt nhọc song thân người. Dòng nước mắt chảy dài trên má. Tôi hơi mũi súng trước mặt chị ta:

- Ngồi đây! Tôi chỉ nòng súng vào bực tam cấp. Khi nào tụi tôi đi thì chị đi theo... Tại sao khóc, nhặt vàng lên đi chứ... - Im lặng, chỉ có nổi im lặng kỳ quái, thân thể người đàn bà cứ run lên bần bật, nước mắt ràn rụa... Từ từ chị đưa bàn tay lên hàng nút áo trước ngực... Không! Không thể như thế được, tôi muốn nắm bàn tay kia để ngăn những ngón tay run rẩy đang mở dần những hàng nút bóp để phơi dưới nắng một phần ngực trắng hồng! Không phải như thế chị ơi... Người đàn bà đã hiểu làm tôi... Không lấy vàng và bắt đứng lại!! Chị ta không hiểu được lời nói của tôi, một người Việt Nam ở cùng trên một mảnh đất. Chị ta tưởng tôi thêm muốn thân xác và đòi hiếp dâm! Tội nghiệp cho tôi biết bao nhiêu, một tên sĩ quan hai mươi một tuổi làm sao có thể biết đời sống đầy máu lửa và đôn đau tủi hổ đến ngần này. Tôi đi lính chỉ với một ý nghĩ: Đi cho cùng quê hương và chấm dứt chiến tranh bằng cách góp mặt. Thê thảm biết bao nhiêu cho tôi với ngộ nhận tủi hổ này... Thê thảm cho tôi, cho những người lính chung quanh vì lính chúng tôi có thể tàn bạo khòanh khắc, tham lam lén lút nhưng chúng tôi đâu phải là một thứ lính tấy trên quê hương — Người ngoại cuộc với những tàn phá kinh tởm do chiến tranh này gây nên. Chúng tôi có lòng nào hưởng cảm giác trên xác thân của một người đàn bà Việt Nam trong cơn vỡ nát kinh hoàng thống khổ... Khổ lắm, người đàn bà của tỉnh Kiến Hòa đâu biết chúng tôi không bao giờ muốn huênh hoang, hung bạo trong vườn xanh bóng mát này, chúng tôi đâu có muốn tạo những ngọn lửa oan uổng thiêu đốt căn nhà bình yên như giấc mơ của chị. Và những mảnh vàng đó, thân thể chị đây ai có can đảm để giang tay cướp phá và xâm phạm! Tôi muốn đưa tay lên gài những chiếc nút áo bật tung, muốn lau nước mắt trên mặt chị nhưng chân tay cứng ngắt hồ thẹn. Và chị nữa, người đàn bà quê thật tội nghiệp, cảnh sống nào đã đưa chị vào cơn sợ hãi mê muội để dẫn dắt những ngón tay cởi tung hàng nút áo, sẵn sàng hiến thân cho một tên lính trẻ, tuổi chỉ bằng em út, trong khi nước mắt chan hòa trên khuôn mặt đôn hậu tràn kinh hãi.

Quân rút ra khỏi làng, chị đàn bà đi theo chúng tôi, vẫn với những bước đi ngượng ngập cứng nhắc, vẫn đôi mắt nhìn vào khoảng trống không cảm giác. Người đàn bà Việt Nam bước đi trong ngõ ngàng với hạnh phúc khôn nạn: Hạnh phúc đến chót sau những thống nhục rời rã. Hạnh phúc lạ lùng như chiêm bao thấy thân thể chưa bị xúc phạm!

Quân rút ra gần đến quốc lộ, con sông bên trái đầy thuyền, hỗn độn dòng người chen chúc. Dân của vùng hành quân trốn ra từ ngày trước, tiếng người kêu la vang dội một khoảng sông, họ hỏi thăm tình trạng nhà cửa, người thân thích, người kẹt trong vùng hành quân. Tiếng khóc vang rân... Trời ơi, nhà ông Năm bị chết hết cả rồi bà con cô bác ơi! Tiếng kêu thê thảm như một kẻ đắm đờ...

- Lai! Mày đó Lai ơi! - Bà già dưới sông mồm kêu tay ngoác chị đàn bà theo chúng tôi. Chị ta dừng lại như để nhớ một dĩ vãng, như nhớ một khoảng sống đã đi qua... - Lai! Lai ơi, má đây con...- Chị đàn bà đứng lại xoay người về phía dòng sông... Má! Má!

Tôi thấy đôi môi run rẩy thì thầm: Nhà cháy rồi! Nhà cháy rồi! Chị ta đi lần ra phía bờ sông, cũng với những bước chân của người mất hồn, bóng áo trắng nổi hằn trên đám dứa xanh.

Tôi cúi đầu đi thẳng, máng mấy người lính đứng tần ngần nhìn theo người đàn bà: Tiên sư, đi lệ còn qua phà sớm. Lòng ngập một niềm ăn năn kỳ lạ.

Chiếc phà đưa tiểu đoàn chúng tôi về Mỹ Tho. Dân chúng ra đứng nhìn cảm phục. Đón quân ở sân vận động, tôi đi lên chiếc cầu hương về phía Gò Công, dòng nước đen thấp thoáng ánh đèn chầy siết dưới chân cầu đục ngầu như tâm hồn. Đêm tỉnh lẻ đom đóm tội nghiệp, tôi đi lang thang, thật lạ ngay với chính mình, gặp Bang ở Biệt động quân, anh chàng nhỏ người nhưng ôn ào nhất trong số mười lăm anh khóa 15 Thủ Đức về Biệt động quân. Bang đãi tôi cơm, tôi chỉ uống được chai bia, xong chúng tôi đi coi ciné, phim The Sun Also Rise, phục Hemingway thì có khi đọc sách, nhưng phim dừng dừng, nhạt nhẽo. Tôi đi về trong đêm khuya, thành phố ngủ sớm, chiếc lá khô bay trước mặt như tà áo của cô gái. Tội nghiệp thay cho một tuổi trẻ, tôi cũng đáng tội nghiệp nữa. Ngày mai chúng tôi về Sài Gòn, ao ước được cởi áo nhà binh trong vài ngày, nhưng đó chỉ là ao ước vì chúng tôi biết rằng Sài Gòn đang có biến động, Phật giáo và Công giáo xua tín đồ ra đường phố. Lần đầu tiên trong đời, tôi biết thế nào là phần nộ khi về đến Sài Gòn đóng ở Tổng Nha Cảnh Sát, lãnh một cái mặt nạ để sẵn sàng dẹp biểu tình.

*Tháng 8-1964. Kiến Hòa*

## **TRONG CƠN BI PHẢN**

Hai gã thiếu niên đi hàng đầu căng biểu ngữ: "Hoan hô Quân đội". Hai gã khác mang một biểu ngữ màu vàng: "Cương quyết bảo vệ Đạo pháp". Đám đông ước khoảng hơn trăm người, phần đông là thanh thiếu niên dưới hai mươi tuổi một số ít đàn bà lớn tuổi, thấp thoáng vài chiếc áo vàng. Trung đội tôi dàn hàng ngang ở ngã ba Trần Quốc Toản - Cao Thắng, đợi đám đông tiến tới. Cách chúng tôi khoảng trăm thước, đám biểu tình dừng lại, một tên trẻ tuổi tách ra khỏi đám đông, tay cầm một lá cờ Phật Giáo tiến về phía chúng tôi, gã bắt đầu nói... Tôi không nghe rõ, chỉ loáng thoáng mấy danh từ: Độc tài, đạo pháp, dân chủ hỗn độn va chạm nhau... Xong, gã nâng cao lá cờ... Đám đông hoan hô âm ỉ, im lặng trơ trên đê nặng. Gã thiếu niên nói tiếp thêm một hồi. Một chiếc áo vàng từ trong đám đông tách ra đến đứng cạnh. Tay ông tu sĩ có chiếc cờ nhỏ, y nâng cao, hai tay dang rộng hình chữ V, kiểu võ sĩ lên đài chào khán giả... Tôi không nghe được lời ông ta nói gì, vì chú ý đến đám đông. Bọn thanh niên biểu tình phần đông mang dép, quần ống hẹp, áo bỏ ngoài, hai ba gã đứng hàng đầu tóc dài xum xụp, mồm đang

nhai bánh mì, có một vài ả con gái tay còn ôm cặp, ý hẳn đang đi học... Nhưng linh động hơn hết là hai chị đàn bà, quần đen áo bông, lồng lộn xĩa xối mỗi tay cầm một chiếc gậy, một ả đang chửi nguyền lại, chạy vào cái máy nước uống một hơi xong lại nhảy ra tiếp tục tru tréo...

Một chiếc xe cảnh sát màu xanh đỗ ở sau lưng chúng tôi, tiếp theo hai GMC chở đầy cảnh sát dã chiến. Chúng tôi lùi đằng sau, nhường chỗ cho cảnh sát, những chuyên viên chống biểu tình dàn đội hình mau lẹ, máy phóng thanh kêu gọi đám đông giải tán. Có tiếng la ó đã đảo từ đám đông, một vài người bắt đầu ném gạch đá. Lời kêu gọi chót không thành, cảnh sát dã chiến tấn công, gạch đá, khói lựu đạn cay bốc lên. Cảnh sát dã chiến tiến tới, đám biểu tình lui lại rút về Viện Hóa Đạo cố thủ. Trên đường vắng lẩn lóc hỗn độn guốc, cặp, nón lá, dép, trơ trẽn và buồn cười. Toán CSDC lên xe rút đi, nhường lại khoảng đường cho chúng tôi, hàng rào kẽm gai mới được thành lập ngay trước cổng Viện Hóa Đạo. Chúng tôi dàn hàng ngang đứng trong nắng, gió và chuỗi giông bão chửi rửa phần nộ của bọn người đứng sau hàng rào kẽm gai. Một tên mặt choắt như mặt chuột chỉ tay vào tôi:

- Đ.m... mày ăn tiền của Mỹ bao nhiêu? Tụi mày nếu chết không có địa ngục nào trừng phạt cho hết, cha mẹ mày cho ăn học để mày đem đạn súng giết thầy!!

Máu nóng bốc lên muốn nổ tung trí não, tôi đưa tay vào túi nơi đựng băng đạn vừa tháo ra khỏi súng, ước gì tôi có được một liều lãn. Nó sẽ chết... Nhưng khi tay chạm phải thỏi kim khí mát lạnh đó, tôi thả ra, vì bây giờ, nếu phần nộ được bùng cháy, thì không phải riêng tôi mà một trung đội hai mươi bốn người cũng sẽ bùng lên như ngọn đuốc. Chúng tôi chưa kịp rửa đôi giày lấm bùn của chiến trận ngày hôm qua, áo quần mặt mũi còn nguyên dấu vết của bốn ngày hành quân. Vết cháy ở áo thằng Ty tải đạn trung liên, máu ở mặt thằng Thái và tôi, gã trai trẻ nuôi dưỡng thật nhiều hiền hòa trong lòng, ngày hôm qua vừa được chứng kiến những cái chết tức tưởi của một gia đình. Chỉ mới ngày hôm qua. Không thể được, tôi phải nén xuống, phải cất dấu hết giận dữ đang bùng lên như giông bão. Thôi, đi lính để còn lãnh chịu đựng. Nỗi chịu đựng không bờ bến.

Đoàn biểu tình lại ủa ra, bây giờ dẫn đầu bởi một tu sĩ mang kiếng mát màu xanh nhạt. Đến trước chúng tôi, ông ta ngồi xuống niệm Phật, đám đông làm theo, phần đông không ngồi kiết già được, phải ngồi chồm hổm. Tôi gập lại tên ăn bánh mì lúc nãy, một tay cháp lên ngực, tay kia đưa mồm để gỡ mẩu bánh dính ở kẽ răng!!! Tụng kinh xong, ông tu sĩ đứng dậy đến sát bên tôi yêu cầu mở lối cho đám biểu tình. Tôi lắc đầu. Ông ta nản nỉ. Không được. Máy bà già người Bắc van xin kêu la khóc lóc, chửi bới để phụ họa... Đằng sau chiếc mặt nạ chống hơi ngạt, tôi nghĩ thầm: Nếu được giết người trong một lần ở trong đời, tôi sẽ chọn lúc này. Đám đông chửi bới bằng những tiếng tục tằn thô lỗ nhất chen với tiếng niệm Phật... Danh hiệu của Đức Thích Ca chen lẫn với rác rưởi của trần gian. Ôi khốn khổ cho tôn giáo của tôi. Tôi nhớ cái chết tự thiêu của bà chị ở Ninh Hòa. Ai bóp nghẹt hơi thở tôi lúc này. Đám đông bắt đầu hỗn loạn muốn ðe bẹp lên chúng tôi, một viên đá từ đám đông bay đến đánh mạnh vào ngực của Hạ sĩ Long, tên này la lên một tiếng đau đớn - bất ngờ - hẳn đánh báng súng vào ngay mặt một gã thiếu niên đang nhảy chơi chơi trước mặt. Tôi ném liền trái lựu đạn khói, cơn phần nộ bị nén suốt ngày bùng lên như lửa đỏ, báng súng carbine đã ngang một vòng trước mặt, có tiếng rú đau đớn. Tôi la lớn... Đánh nữa, đánh cho chết. Một báng súng ngược lại... Xương người chạm vào chất gỗ cứng vỡ dòn trong một niềm thỏa thuê. Trung đội tôi như trong cơn điên của thù hận và phần nộ, những người lính lao vào trong đám đông... Tôi ném thêm một quả lựu đạn khói. Chạy! Chúng tôi chạy ngược về phía ngã ba Cao Thắng, Trần Quốc Toản, khi về đến chỗ đại đội, cởi chiếc mặt nạ... Mắt tôi đỏ hoe, tôi khóc hay lựu đạn làm chảy nước mắt. Ai biết được, nhưng lòng tôi đang là một biển buồn phiền. Làm sao tôi biết được trong ngày mãn khóa, đời sống sẵn dành cho người lính ngàn này tàn bạo và tủi hổ; nhìn lại những người lính chung quanh, bây giờ họ thật gần gũi, thân thiết. Sau chiến tranh, người lính thấy lạ với hết mọi người

của đời sống bên ngoài, họ chỉ còn ngục tù tự nguyện của tập thể để làm thế giới cho tâm hồn phá sản. Tôi đã cột chặt vào thế giới hung bạo, phiền muộn này, tôi đã thành một người lính, nôm nôm với những người lính khác...

- Thiếu úy cho em chạy về nhà một lát - Một người lính trong trung đội đến gần tôi nói nhỏ.

- Lúc này biểu tình lộn xộn, đi đường có việc gì làm sao tìm ra được.

- Không có đâu thiếu úy, nghe radio "nhạc đảo chánh" là em biết liền.

- Ừ, khi nào có "nhạc đảo chánh" thì về.

*Tháng 9-1964. Sài Gòn.*

### **MỘT CHIỀU ĐỪNG LẶNG LẼ**

Chúng tôi rời Sài Gòn trong thờ dài nhẹ nhõm, một tháng ở Thủ Đức đủ để tạo thành sự đổ tan hoang trong lòng, đủ thấy rõ sự phản bội của hậu phương, một hậu phương lừa đảo trên máu và nước mắt của người lính. Một tháng đủ để chúng tôi hiểu ti tiện hèn mọn của loại lãnh tụ ngả tăt, những anh hùng đường phố, những ông vua biểu tình theo ngẫu hứng, vua tôn giáo đầy thù hận và dục vọng... Một tháng "vỡ mặt" lính non cũng như lính già. Chúng tôi bây giờ biết rõ: Máu và đời sống của mình đã đổ ra cho một xã hội lừa lọc. Thủ Đức! Tôi đi xa không luyến tiếc. Quá đủ những con đường Sài Gòn đêm vắng vẻ, dây kẽm gai chằng chịt, lựa đạn cay xót xa nước mắt. Đã quá đủ với Sài Gòn những buổi trưa nóng như thiêu đốt, áo giáp, nón sắt, mặt nạ, người lính đứng cô đơn trong sĩ nhục căm thù của đám đồng nhân danh Tổ Quốc và Thượng Đế... Sài Gòn, chúng tôi thù ghét và ghê tởm Thủ Đức đực ngầu phản bội và thù hận. Tôi ao ước một cơn hồng thủy sẽ cuốn trôi thành phố sau lưng, một cơn hồng thủy xóa hết dấu tích nhớ bản mà Thủ Đức đã bôi lên khuôn mặt bi thảm của quê hương. Tôi ao ước được quên một thành phố tên gọi Sài Gòn.

Xe chạy ra khỏi thành phố hướng về Tây Ninh. Trời xanh, không khí thoáng đãng, tôi thèm được đi xa. Đến Hóc Môn, đoàn xe dừng lại để lính nhảy xuống mua các thứ lặt vặt cần thiết cho cuộc hành quân. Sau hai tháng căng thẳng trong sự chết và bạo động, người lính bây giờ được thả xuống giữa quận lý sầm uất chất phác. Họ thoải mái dễ chịu như trở về thế giới quen biết. Chúng tôi phải trả nợ nghiệp lính bằng năm ngày hành quân trước khi trở về hậu cứ. Từ Hóc Môn đoàn xe đi dọc theo liên tỉnh lộ 15 hướng về phía bắc, xe chạy trong cánh đồng mênh mông, sau hơn một tháng bị nhốt chặt trong thành phố âm ỉ nay được thả ra cùng đất trời rộng rãi, lòng tôi mở ra như cơn gió reo. Đến ấp Đông Nhất cách Hóc Môn mười cây số, dừng lại xuống xe. Một tiểu đoàn bộ binh đã có mặt từ trước đợi chúng tôi. Hai tiểu đoàn sẽ xuất phát từ đây, xâm nhập theo con đường liên tỉnh hướng tây-bắc để giải tỏa áp lực địch tại vùng Bến Cỏ. Hai đơn vị đã dàn xong đội hình, lấy con đường làm chuẩn, tiểu đoàn bạn bên trái, chúng tôi bên phải, mục tiêu là làng Paris Tân Qui, nơi gặp gỡ của đường liên tỉnh 15 và hương lộ nối từ Ấp Nhà Việc với Củ Chi. Đại đội 74 dẫn đầu, đại đội chúng tôi đi chót, trung đội tôi đi cuối cùng. Mười phút đã qua, chúng tôi vẫn chưa di chuyển được thước đất nào, rảnh rỗi tôi lấy khẩu cầm ra thổi, tiếng trầm bổng loang xa trên cánh đồng chơi vơi như cánh chim nhàn hạ... Bỗng súng nổ, một tràng ngắn, tiếp theo những tràng đại liên ròn rã ở phía đầu tiểu đoàn bộ binh. Cuộc chạm súng kéo dài khoảng mười phút, địch chỉ muốn trì hoãn bước tiến đoàn quân để chạy trốn. Mười hai giờ trưa đến Paris Tân Qui, làng nhỏ bao bọc chung quanh bởi rừng cây cao su xanh ngắt. Địa danh thật đặc biệt, không hiểu do sự nhầm lẫn của người lập bản đồ hay do một anh Tây nào đó trong lúc nghịch ngợm đem tên của Thủ Đức ánh sáng đặt cho làng nhỏ này. Tiếp tục tiến quân lên Bến Cỏ, quận lý đặt cuối đường liên tỉnh, bên kia suối Bến Này. Cầu đã

bị giết sập, tiểu đoàn dừng lại bố trí quân dọc theo đường đá đỏ. Đại đội 72 đi đầu cho một vài khinh binh qua dò đường. Trời ủ giông, nắng quái mây mù, con đường vắng như một nỗi thê lương... Nếu không có chiến tranh, từ đây về Sài Gòn chỉ khoảng nửa giờ xe đò, những con đường nhỏ này là mạch máu của miền Nam nối liền Thủ đô với thôn xóm trù phú. Ruộng ở đây không bát ngát bằng những tỉnh ở miền Tây, nhưng mạnh và tươi tốt. Nhìn đồng lúa mới thấy rõ sức chịu đựng dẻo dai triền miên của dân tộc. Nhớ bài chính tả của mười hai năm trước — Đồng lúa mới... Tôi đến một vùng quê, kề bên trận địa, cánh đồng loáng nước nằm dài vắng bóng người nông phu cần mẫn, nhìn vào thôn xóm không một bóng người, khóm tre xơ xác, mái tranh im lìm... Sáng mai thức dậy, đồ ai biết có những gì thay đổi, cánh đồng vắng vẻ ngày hôm qua nay đã xanh rì ngọn mạ... Bài chính tả của lớp nhì biến thành bài học thuộc lòng. Ông giáo của tỉnh nhỏ, thầy Tiến, trường Hoàng Diệu, dáng người mập mạp, nhưng bỗng nhiên khuôn mặt hóa nên linh động khi giảng nghĩa cho lũ học sinh nhỏ, sức chịu đựng nổi kiên nhẫn của những người nông phu, đêm trở về trên cánh đồng vắng, cắm những cây mạ xanh trong lòng đất còn mùi thuốc súng... Cánh đồng ở đây cũng loáng nước, mái tranh thôn xóm tiêu điều xơ xác, nhưng thân lúa xanh vẫn mọc lên phơi phới. Tôi rung động trong niềm cảm phục quê hương, những người nông dân Việt Nam cuối tận cùng của khổ cực luôn luôn thấp sáng cho mình hy vọng. Nhớ đến bàn hoàng dáng dấp của thầy tỉnh lẻ, một ông giáo bình thường nhưng đã gieo vào hồn tôi những rung cảm kỳ diệu khi bằng giọng nói của người dân xứ Quảng với quê mùa mộc mạc, thầy Tiến vẽ trong đầu óc trẻ thơ một hình ảnh lặng lẽ nhưng hào hùng của dân tộc. Cảm giác này cũng tương tự như khi đọc Sơn Nam với những câu ca dao... Ra đi gặp vịt cũng lùa, gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu... Cảm ơn đời trong tuổi nhỏ đã có người tặng cho những đóa hoa dịu dàng, những lời ca ngợi quê hương. Người Đại Hàn tượng trưng cho dân tộc của một đóa hoa, Trung Hoa, Nhật Bản lấy biểu tượng ở mặt trời... Tôi ao ước được trông lại biểu tượng cây lúa của dân tộc. Cây lúa bình thường đầy kiên nhẫn.

Ba người khinh binh đi đầu tiến ra được giữa cầu, cầu bị gãy, họ phải bò theo những thanh sắt, một loạt đạn từ bờ bên kia bắn vọt qua. Đạn chạm vào thành cầu long cong, một người lính lão đảo rơi xuống, hai người kia vội vàng chụp lấy bò trở về. Súng cối của tiểu đoàn bắn về phía có tiếng nổ năm trái... Ba người khinh binh khác được đề cử qua cầu, dưới sự yểm trợ của súng cối 60 và 81 (1) trong lúc súng cối tạm ngưng vì tháo đạn chưa kịp, Việt Cộng ở bên kia bờ lại bắn qua tới tấp.

Hai người lính ở sau bò lại, chỉ một người qua được bên kia bờ. Không thể làm im được toán Việt cộng bên kia bằng súng cối, mặc dù chúng chỉ ước chừng một tiểu đội, nhưng hầm hố kiên cố đạn súng cối chính xác đến đâu cũng không phá hủy được. Hơn nữa số đạn mang theo giới hạn. Bộ chỉ huy tiểu đoàn quyết định gọi máy bay đến oanh tạc đồng thời đề phòng trường hợp địch tập trung đông. Ba Skyraider (2) bay một vòng để chỉ định mục tiêu. Khói trắng vừa bốc lên khỏi lũy tre, chiến đấu cơ hạ thấp độ cao đâm thẳng xuống, cả một khu bìa làng bị cày tung đất khói và lửa bốc thành những chiếc nấm lớn. Năm giờ chiều, người chốt của tiểu đoàn mới qua hết con suối, ngôi làng con âm ỉ cháy, mùi lá tươi bị đốt nồng nặc. Chúng tôi đóng quân đêm tại đây, cứ điểm Bến Cỏ nằm sau lưng không đầy một cây số. Ngày mai chúng tôi sẽ vào đây giao tiếp với một tiểu đoàn Biệt động quân bị cô lập suốt sáu tháng nay.

Bảy giờ sáng, tiểu đoàn bắt đầu di chuyển, đoạn đường xuyên qua làng mạc dày đặc vườn cây ăn trái và nhà cửa. Đường liên tỉnh 15 chạy từ Hốc Môn đến Bến Cỏ chia làm hai nhánh, một đường chạy lên hướng bắc gặp bờ sông Sài Gòn, từ đây chạy song song với con sông lên đến vùng Bến Súc rồi ra Trảng Bàng. Một nhánh ngắn hơn từ Bến Cỏ chạy ra Củ Chi. Bốn cứ điểm Bến Cỏ - Bến Súc - Trảng Bàng - Củ Chi tạo thành khu tứ giác mật khu Hồ Bò nằm song song với mật khu Bời Lời ở bờ phía bắc sông Sài Gòn. Cứ điểm Bến Cỏ như một cái nút chặn đường xâm nhập của địch về Gia Định nên từ lâu địch đã vây kín và pháo kích vào hằng ngày.

Chúng tôi tiến quân thật dè dặt, một đơn vị bạn trước đây đã bị phục kích ngay tại khu làng này khi muốn "bắt tay" (1) với đơn vị trong đồn, hôm đó pháo binh và phi cơ không thể can thiệp được, trong khi địch có đủ công sự phòng thủ và giao thông hào dày đặc trên lộ trình vào cứ điểm. Hai đại đội đi đầu không dám đi trên đường vì sợ mìn, khi đi qua các khu vườn mọi người đều ngán ngẩm, địa đạo và giao thông hào đào chi chít, nếu địch phục kích chúng tôi tại đây thì khó lòng chống trả. Vòng rào dây kẽm gai và cột dây trời của đồn hiện ra trong tàn cây xanh. Thật thận trọng, tiểu đoàn trưởng ra lệnh cho từng đại đội một tiến vào hàng rào phòng thủ, hai người lính Biệt động quân ra mở cổng... Cứ điểm gồm có hai phần, chiếc đồn chính nằm ở phía trái của con đường, bộ chỉ huy tiểu đoàn Biệt động quân đóng chung với một đại đội Địa phương quân tại đây; đồn là một loại bốt nhỏ của lính Pháp để lại, tường gạch rêu phong ba tháp canh trơ trọi đứng ba góc, chung quanh đồn là tuyến phòng thủ của ba đại đội tác chiến, những người lính Biệt động quân đào hầm ở ngay trên tuyến phòng thủ. Đối diện chiếc đồn là ngôi chợ nhỏ, hai bên đường nhà thường dân san sát vào nhau, phần lớn cửa đóng, người dân đã di cư về Bình Dương hay Sài Gòn. Có những danh từ nghe thoạt tiên rất vô nghĩa, nhưng nếu với hoàn cảnh, không khí thì thích hợp, những chữ nghĩa khô khan kia hóa nên linh động hẳn ra như một nốt nhạc. Ở đây, Bến Cỏ không thể có một tên gọi nào thích hợp bằng "phố chợ", không thể gọi là quận lỵ, thị trấn, cũng không hẳn là một cứ điểm đúng nghĩa danh từ quân sự... Một tiểu đoàn lính bao một đám dân, con đường, ngôi chợ, hai dãy nhà cửa, cây bàng xanh tươi bóng mát, vài quán hàng bán những thức lặt vặt. Bến Cỏ không có nét trẻ trung, vui vẻ của những phiên chợ thôn quê, đây không khí tang thương, khắc khoải như một bệnh nhân bị gặm mòn dần bởi chứng nan y. Chúng tôi ra đóng quân ở phía đông của cứ điểm. Những buổi sáng lính thường vào uống cà-phê ở chiếc quán dưới gốc cây bàng, những người lính ngồi đối diện với nhau lặng lẽ. Con đường vắng hoe lác đác dăm chiếc lá khô, điểm sinh động duy nhất là quán hủ tiếu của một người Tàu. Người Trung Hoa trong hoàn cảnh nào cũng đứng đầu bởi sức chịu đựng, nhưng người Việt cũng đâu kém. Chúng tôi đóng quân được hai ngày, tình hình im lặng, im lặng ngọt ngào trước trận đánh. Cứ điểm đã bị bao vây suốt sáu tháng, quân số phòng thủ của tiểu đoàn Biệt động quân bây giờ chỉ còn hơn hai trăm. Việt Cộng đào hào thông hào đến sát hàng rào phòng thủ, chúng không tấn công chỉ bắc loa chửi, bắn sẻ, pháo kích... Chiến thuật này đã làm tiêu hao quân số của đơn vị bạn. Cách hay nhất là đề phòng, nhưng ai có thể kéo dài tình trạng đề phòng trong sáu tháng. Ngồi uống nước, nghe tiếng súng cối của địch, nhảy xuống hố không kịp thể là bị thương. Gác ở chòi canh, tuần tiểu ra khỏi hàng rào một trăm thước, kinh binh coi như đã treo đời mình trên một đường dây mỏng manh. Giao thông hào đào sát vào con đường từ đồn đi ra, tỏa chi chít khắp nơi, kín đáo chắc chắn. Người kinh binh làm sao biết được mũi súng ở hướng nào nhắm vào mình! Sáu tháng, những người lính Biệt động quân bây giờ trở nên dửng dưng, họ đã đến chót cùng chịu đựng. Ngay đến chúng tôi, những người mới tới, bằng bao nhiêu cẩn thận cũng không tránh khỏi thiệt hại. Đang nói chuyện với nhau trong vòng phòng thủ, một viên đạn bắt chợt bay đến, binh nhất Phòng của đại đội 72 ngã xuống chết không ngờ. Viên đạn xuyên thủng bàng quang chấm dứt đời kẻ bạc phước trong vòng một phút. Từ chỗ đóng quân vào chợ, đoạn đường không quá ba trăm thước, nhưng cũng không an toàn. Bất cứ lúc nào, khi toán giữ đường không cẩn thận là có kẻ ngã gục bị bắn sẻ. Việt cộng rình rập chúng tôi - đêm nay? ngày mai? - Chúng tôi chờ đợi phút hồi hộp đó. Đóng quân được bốn ngày, chúng tôi nhận được lệnh rút ra ngã Củ Chi, vẫn lấy con đường liên tỉnh 15 làm chuẩn, tiểu đoàn chúng tôi đi bên phải, tiểu đoàn bộ binh đi bên trái. Lộ trình rút ra xuyên qua khu đồn điền cao su Fihoc, hành lang xâm nhập vào mật khu Hồ Bò. Chúng tôi không biết những người bạn Biệt động sẽ ra sao, họ ở lại chờ một tiểu đoàn khác đến thay thế, hay tiếp tục để nhận một cái chết mòn mỏi chậm chạp? Có thể các vị chỉ huy ở cấp lớn đã nghĩ rằng: Chúng tôi đã có mặt bên ngoài trong bốn ngày vô sự vậy là áp lực địch được giải tỏa, bây giờ họ đang có những vấn đề to lớn khác cần phải giải quyết ở Sài Gòn trong đường Trần Quốc Toản, ở Đài phát thanh. Thôi, tiểu đoàn Biệt động quân, các bạn hãy ở lại và tiếp tục như sáu tháng đã qua. Sáu tháng chỉ thêm một cục nước



đá, phần đời của các bạn như vậy đã được định. Tôi nghĩ đến chiếc bánh mì và nải chuối của một mục nọ giòng đem đến tặng cho lính ở Đồi phát thanh để tri ân quân đội giúp đỡ đạo pháp...

Bây giờ, hai tiểu đoàn song song rút ra. Đại đội tôi cùng đại đội 73 đi đầu tiểu đoàn. Đại đội 73 đi phía tay mặt tôi, Toàn "đen" dẫn đầu, tôi nói với Đổ, anh chàng "Eddie Constantin":

- Thăng Toàn đi đầu thế nào cũng đụng.

Có thể lắm, mặt nó có cô hồn... Vừa di chuyển được ba mươi thước một loạt đạn nổ ròn rã trước mặt. Hạ sĩ Thăng khinh binh đi trước tôi ngã xuống, hai viên đạn bẻ gãy khẩu AR 15 đồng thời làm cườm tay anh gãy đôi. Việt cộng thật ra nhắm vào tôi vì cầm tấm bản đồ, nhưng Thăng vừa qua mặt nên lãnh lấy, hai viên đạn đáng lẽ ra đâm thủng cơ thể tôi... Một thoáng rừng mình, đạn bắn thấp, nếu không gãy chân thì cũng thủng bàng quang. Tôi nhớ đến cái chết của thằng Phòng hai ngày trước, chút xíu nữa thì mạng tôi cũng xong rồi! Vết thương của Thăng không nặng lắm, cây súng đã đỡ lấy hai viên đạn, cả anh và tôi đều may mắn. Tăng Mản Tài, trung đội phó khe nói với tôi:

- Thiếu úy, hôm nay đụng a, sáng nay tôi nấu cơm không chín.

Tôi cười không nói, nhưng lòng đầy lo ngại... Cánh quân chúng tôi và bộ binh tiếp tục di chuyển về phía Bến Mương. Mười giờ - binh nhất Niên - khinh binh đi trước tôi đột nhiên nhảy hẳn qua một bên, bắn một loạt súng...

- Cái gì vậy?

- Thiếu úy, em thấy trước mặt có người!

- Việt cộng đó, coi chừng.

Buổi sáng lúc xuất quân đã có người dân đến báo: Việt cộng ở khu rừng cao su rất đông, đào hầm để đợi chúng tôi. Tiểu đoàn trưởng quyết định chấp nhận trận đánh, cả chúng tôi và bộ binh đều sẵn sàng tác xạ khi di chuyển. Niên hét lớn:

- Đưa tay lên, tiến tới.

Trong lá xanh hiện ra một người mặc quân phục màu xanh đeo ba-lô mặt mày ngờ ngác. Y là một binh sĩ của tiểu đoàn bộ binh, chúng tôi không biết tại sao anh ta đi lạc và không có súng. Chúng tôi giao cho ban 2 tiểu đoàn để điều tra. Chính trong những giờ phút dừng lại để bắt giữ người lính kia, sau này tôi mới biết đã cứu mạng cho toàn thể trung đội tôi. Vì trong khi chúng tôi dừng lại, đại đội 73 phía tay phải vẫn tiến tới để bắt gặp con đường mòn cách đó trăm thước và chính trong lúc này thì trận đánh bắt đầu, phía tiểu đoàn bộ binh và đại đội 73 súng đại liên nổ ròn rã không dứt, chúng tôi vội vã dàn hàng ngang chờ đợi.

Đạn bay trong không khí về phía chúng tôi, lá cao su trên đầu bị bắn tung bay xào xạc, đạn ghim vào thân cây nghe phập phật, có tiếng hô xung phong nhưng không thấy bóng dáng của địch. Đại đội trưởng tôi hét lớn trong máy:

- Bên bộ binh và 73 đều đụng nặng, anh có chịu nổi không?

- Báo cáo tôi vô sự.

- Coi chừng, tụi nó đánh độn thổ! Bộ binh bị phục kích rồi đấy.

Mười lăm phút sau, đại đội 73 từ bên cánh phải rút về phía chúng tôi. Toàn bị thương, người nhăn nhó đau đớn, hấn phều phào...

- Mà coi chừng, tụi nó sắp xung phong vào đấy.

- Tao đâu có thấy gì?

Một rừng lá cây chuyển động trước mặt, vài bóng dáng áo đen thấp thoáng. Trung đội tôi và Kỳ đồng loạt khai hỏa, năm mươi cây súng bắn ra một lượt, khói hơi thuốc súng bay nồng nặc. Chúng tôi tiến quân từ từ lên sau mỗi đợt tác xạ. Tôi giật nẩy mình, một hàng giao thông hào mới đào, lá cây ngụy trang còn xanh tươi, vỏ đạn rơi đầy ở trên mỗi miệng hầm, đúng là một phép màu... Việt cộng đã đào hầm hố để phục kích chúng tôi, may nhờ người lính bị bắt nên trung đội tôi đã dừng lại và vô tình tránh được cái bẫy đang chờ. Bây giờ mới hiểu tại sao có loạt đạn bắn về phía chúng tôi nhưng không có địch xuất hiện. Việt cộng sau khi đã chặn đầu tiểu đoàn bộ binh và chúng tôi, vòng ra đằng sau đánh tạt vào hông phải của tiểu đoàn nơi đại đội chỉ huy và 74. Mặt trước của chúng tôi và 73 tạm yên, tôi cho lính chiếm hết dãy giao thông hào, một vài xác Việt cộng chết trong vị thế đang chạy, họ thuộc lính chính quy trang bị đầy đủ súng đạn nhưng không mang gạo. Đúng là tụi nó sửa soạn sẵn để đợi chúng mình... Lính xì xào bàn tán. Phía sau chúng tôi bây giờ súng nổ mạnh, 57 của tiểu đoàn bắn ra liên tiếp, đạn nổ tiếp theo liên tiếng départ chứng tỏ địch rất gần hàng quân. Tôi nghe rõ tiếng hô xung phong của hai bên chen lẫn tiếng chửi thề... Toàn từ dưới chạy lên...

- Mẹ kiếp, bị thương nằm cũng không yên, tụi nó tới sát rồi mà ạ!

- Ông xui quá ông ơi, đi đâu là đụng đó. Ông tới chỗ nào cũng có máu chảy...

- Mẹ mày - Nó chờ thề phản đối.

Đúng như vậy, đi chiến đấu mới thấy có may rủi không lường. Có những cái chết thật gần, nhưng tránh khỏi, đồng thời có những cái chết thật bất ngờ, tự nhiên đến không dấu hiệu. Tôi đâm tin vào định mệnh, về một sức mạnh siêu hình chi phối đời sống con người. Như cái chết của thằng Phòng hai ngày trước. Buổi chiều chúng tôi đang ngồi nói chuyện gẫu với nhau, nó từ đâu lại ngồi đối diện với tôi. Chính ngay lúc đó, một viên đạn vu vơ từ ngoài hành rào phòng thủ bắn vào, nó chết trong khi đang mở miệng định nói. Cái chết ấy đã làm tôi thấy rõ đời sống nhỏ nhoi, bèo bọt của kiếp người. Sống đó, chết đó, nào ai biết... Cũng như trường hợp hôm nay, nếu không bắt gặp người lính bộ binh, chắc chắn tôi và hai khinh binh đi đầu sẽ hứng hết đoạn đạn đầu tiên khi địch khai hỏa. Và nếu tôi có chết đi, thì có gì thay đổi? Tôi không có gia đình, không thân thích. Cái chết chỉ là bọt sóng nhỏ vỡ tan trong đại dương...

Địch định cắt đứt tiểu đoàn chúng tôi, nên chúng tấn công thật mãnh liệt vào đoạn giữa, đại đội chỉ huy phải chống lại vô cùng vất vả, 74 đi chốt lại bị cầm chân nên không thể kéo lên giải tỏa áp lực địch được. Tiểu đoàn trưởng phải gọi pháo binh bắn thật gần tuyến chiến đấu... Gunship được gọi đến tăng cường. Đại úy Ánh, sĩ quan hành quân của tiểu đoàn trong khi đứng quan sát để hướng dẫn phi cơ bị một viên đạn vỡ tan lồng ngực. Tin ông chết làm mọi người bàng hoàng, ông được cảm tình của hầu hết mọi người vì tánh tình hòa nhã, riêng tôi, những lần trước khi phải trình diện tiểu đoàn trưởng để nhận lệnh phạt thường phải gặp ông, trong những giây phút nặng nề đó, lời nói nhẹ nhàng của ông như một an ủi làm nhẹ đi nhiều phiền muộn. Tôi không biết ông nhiều, nhưng nhớ đến những buổi chiều, ông đứng ở bờ sông Biên Hòa trông cô đơn và lặng lẽ lạ lùng. Đại tá Tư lệnh và Bác sĩ Y sĩ trưởng sư đoàn đáp máy bay

xuống trận địa còn nồng mùi thuốc súng. Tôi thấy nét mặt của bác sĩ Cửa cau hẳn lại khi ông đến gần xác đại úy Ánh. Tiểu đoàn tiếp tục di chuyển đến cầu Bến Mương bên kia là bãi nhảy Củ Chi, cầu bị sập binh sĩ phải qua từng người một. Trung đội tôi ở lại cuối cùng để bảo vệ tiểu đoàn qua cầu. Trời ngã về chiều và khi chúng tôi nhận được lệnh rút đi thì địch từ mé làng xung quanh bắt đầu bắn ra. Những viên đạn đỏ vạch từng đường dài trong bầu trời thẫm màu, biết chắc rằng chúng chỉ bắn phá quấy chứ không thể tấn công vào chúng tôi được. Khẩu đại liên của trung đội qua cầu được đặt trên một mô đất nhắm về phía làng, cứ chỗ nào nháng lửa là người xạ thủ bắn lại phía đó. Trận đánh như trò chơi, Việt cộng trong làng chõ loa ra chửi bới, tôi đứng trên mô đất khum tay làm loa chửi lại. May mắn trong suốt cuộc hành quân làm tôi tin tưởng vào mình hơn bao giờ hết. Quả thật vậy, khi trung đội qua hết con suối trời tối hẳn, Việt cộng từ trong làng chạy ra lố nhố... Chúng tôi vừa bắn vừa chạy lùi về phía Củ Chi. Bãi nhảy dù bắt ngát phủ đầy lá đậu phộng, trung đội chạy nhanh để đuổi kịp toán quân đi đầu, ai nấy đều vui vẻ vì cho rằng đã được may mắn. Khi ra đến đường ba người lính trút ba-lô ra, ba-lô bị đạn xuyên thủng lỗ chỗ.

- Đ.m hên đếch chịu được, đạn trúng giờ nào mà không hay!

- Nhờ cái hên của ông thiếu úy đó mày.

Tôi leo lên xe ngồi, trời tối đen ở bên ngoài, trong lòng xe muỗi vo ve nhưng không buồn cử động để đuổi đi. Đời sống người lính quả thật tội nghiệp, trong tận cùng nguy hiểm họ luôn tạo cho mình hy vọng dựa vào một may mắn mỏng manh... Bao giờ hết may mắn đó sự chết gần kề chạm phải.

Đời sống của chúng tôi đó, trên biên giới sự sống, cái chết.

*Tháng 9-1964. Bến Cỏ, Bình Dương*

## **NỖI SỢ KHÔNG CÙNG**

Tiểu đoàn đợi tại Bình Dương suốt cả ngày, lính vui đùa trong các quán nước, người tôi nặng như đá đeo, nằm lì một chỗ. Gặp Tánh khóa 17, rủ thêm hai anh Hợp và Ký kéo nhau vào ăn cơm ở ngôi nhà cạnh đường, bữa cơm không hẹn trước hóa ra ngon. Trong câu chuyện của giây phút này thì nghe tin Vũ chết. Cuộc hành quân của chúng tôi nằm trong khuôn khổ một chiến dịch lớn, xử dụng ba tiểu đoàn Nhảy dù và một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến để làm giảm áp lực địch phía đông bắc tỉnh lỵ Bình Dương, phần đất của quận Bến Cát. Tiểu đoàn của Vũ đi trước chúng tôi hai ngày, từ ngày N-2 (1) của cuộc hành quân, đến lượt tiểu đoàn chúng tôi và tiểu đoàn 4 Thủy quân lục chiến vào trận, lực lượng sẽ lục soát từ bắc xuống nam dọc theo sông Thị Tính nằm song song với quốc lộ 13... Vũ, người sĩ quan Thủ khoa khóa tôi, ở cùng phòng với nhau, anh thuộc loại người đứng đắn, cẩn thận, dễ gây lòng tin cho kẻ khác, người sinh ra để chỉ huy hoặc chịu chỉ huy, trong khi tôi là một lông bông không nghiêm nghị. Năm thứ hai Vũ trở thành sinh viên sĩ quan Liên đoàn trưởng, tôi kẻ đứng gần chót trong số 191 người cùng khóa. Cái hồ cách biệt giữa tôi và Vũ từ đó xa hẳn ra mặc dù vẫn ở chung đại đội. Nhưng nghe tin Vũ chết, những gần gũi năm đầu tiên trở lại mệnh mang, đêm Giao thừa đầu tiên xa nhà Vũ nướng hai cái Lạp xưởng, mùi thơm bay đầy phòng, tôi phải lấy chân trùm lấy Vũ cùng chiếc réchaud vì sợ khóa đàn anh bắt gặp. Đêm đó, lần đầu tiên trong hai tháng gần nhau Vũ mới nói cho tôi biết một vài chi tiết của đời anh. Người con gái thường đến thăm anh không phải là em gái, nhưng là fiancée. Vũ thật kín đáo.

Tin Vũ chết đưa lại như cơn gió độc, tôi bỏ dở bữa cơm ra đứng cạnh quốc lộ, nghĩ thầm... Bao giờ đến lượt mình? Tiểu đoàn Vũ còn có Trang và Lô, không hiểu có gì xảy ra cho chúng nó không?

Sáu giờ chiều, đoàn xe khởi hành, đoạn đường Bình Dương — Bến Cát hơn hai mươi cây số nhưng đầy hiểm nghèo. Trời tối, xe để đèn mắt mèo, tốc độ hạn chế mười cây số một giờ, con đường bị đào xới nát bầy, chiếc GMC di chuyển khó khăn. Quốc lộ 13, con số xui xẻo, đoạn đường khốc liệt nhất trong cuộc chiến tranh trước cũng như bây giờ, con đường nằm ngang chiến khu D, những mật khu kiên cố Bàu Bàng, Bời Lời, vùng trú quân an toàn để từ đây địch xâm nhập và uy hiếp xuống hai tỉnh Gia Định, Biên Hòa. Trời tối hẳn, đoàn xe phải dừng lại chờ thiết giáp hộ tống lên dẫn đường và phá mìn. Tôi không sợ phục kích nhưng sợ mìn, vũ khí khốc hại với sức tàn phá khủng khiếp. Việt cộng vùng Bình Dương, Bến Cát, nói chung toàn miền Đông nổi tiếng về tài đánh địa đạo và gài mìn. Việt cộng ở Long An cũng thiện nghệ trong việc gài bẫy, nhưng ở đây bẫy chỉ gài bằng lựu đạn nội hóa hoặc mìn muối. Vùng này địch đã biến chế các trái đạn súng cối 81 ly, 82 ly thành những trái mìn chống chiến xa vô cùng công hiệu. Quốc lộ 13 con đường mang số của sự chết đã đóng trọn nghĩa đó. Xe hàng từ Ban Mê Thuộc về chất đống ở Chợ Thành, hoặc đi từ Sài Gòn thì đợi ở Bình Dương hằng hai ba ngày bao giờ có chuyển mở đường mới dám tháp tùng theo.

Xe bắt đầu chuyển bánh nhận được lệnh ở trong máy truyền tin: Có quân bạn đóng dọc đường để an ninh lộ trình. Lệnh gây tin tửng cho mọi người, tuy vậy xe vẫn để đèn mắt mèo; tôi hút thuốc lá đầu tiên cho chuyến đi. Những lúc thế này thuốc lá thật cần thiết, ngồi trong đêm, chiếc xe chạy với một nhịp buồn nặng, không nhìn thấy một điều gì, rừng cao su hai bên đường thăm thẳm... Người sống trong một khung cảnh chết, ngọn lửa đầu đèn thuốc thật linh động; nhìn nó như dấu vết của một phần thân thể đang sống, đang mở ra. Yêu vô ngần. Bây giờ mới biết tại sao phần đông lính đều hút thuốc nếu không nói là hầu hết. Đi lính là nhập vào một sinh hoạt ồn ào nhưng mệnh mỏng cô đơn, thuốc như một người bạn âm thầm. Tôi đã đi qua con đường này vào tháng Bảy trong trạng thái kiệt quệ tinh thần, bây giờ những ray rứt ngày cũ đã hết, nhưng thoáng đâu đây dấu tích mệt mỏi của những ngày phung phí tinh thần, ngày cần kè cái chết khi bị Việt cộng ra đón đường xét giấy, tôi đã bình tĩnh dừng dưng lừa bịp những tên Việt cộng, trong khi trong người đầy giấy tờ và tang vật của nhà binh. Sẽ không còn một lần liều lĩnh nào như vậy trong đời nữa, em biết chẳng? Đến Bến Cát lúc mười một giờ đêm, ngủ ngay trên quốc lộ, trải poncho xuống mặt nhựa, cởi chiếc giày cho dễ chịu, thầy trò tôi nằm lên, thao thức không ngủ được. Đêm mùa khô của miền Nam trời trong vắt, sao sáng rực và một ít lạnh, lạnh của miền cao nguyên thổi về. Giá rét se sắt như kỷ niệm.

Ngày hai mươi ba tháng mười một, bốn giờ sáng trời đầy sương mù, thức dậy không thể ngủ tiếp được, mặt nhựa khô cứng lạnh ngắt, hơi lạnh của rừng núi, củi mặt đất bốc lên tê cóng. Tôi đã tỉnh giấc từ lúc hai giờ sáng, một đêm thiếu ngủ người hóa thành phờ phạc. Cũng ngày này, năm trước, tôi ra trường.

- Mẹ, "nó" kêu mình lên hành quân mà không cho ngủ trong quận, lại đút ra ngoài đường nằm, nó coi mình như chó.

Tên lính chửi thề vu vơ, không biết "nó" ám chỉ những ai.

Bây giờ, vượt tuyến xuất phát, tiểu đoàn 4 Thủy quân lục chiến đi bên trái, tiểu đoàn chúng tôi đi bên phải, mục tiêu là khu vực giới hạn bởi hai con sông, Sài Gòn ở phía đông, Thị Tính ở phía tây. Phía bắc là khu đồn điền Alimot, Bussy. Tám giờ, đường đi bắt đầu khó, bản đồ chỉ là rừng thưa, nhưng thực tế cây bắt đầu lớn, cây chỉ cao trên dưới ba thước lớn bằng cổ chân nhưng đan sát vào nhau, rậm rạp chỉ đủ để một thân người lách đi rất khó khăn. Dao đi rừng không xử dụng được. Có hàng ngàn cánh rừng chúng tôi đã đi qua, nhưng loại rừng quái quỷ bé nhỏ này thật quá khó chịu, lầy hương địa bàn, hai khinh binh đi đầu cúi khom mình bò qua các hàng cây, tôi bò tiếp theo... Một giờ qua, chiếc cổ tưởng chừng như muốn gãy đôi, cành

cây đánh vào nón sắt nghe đến ù đầu. Tiến quân về hướng đông, xong vòng xuống hướng nam, đêm nay đóng quân ở đồn điền ông Thịnh. Trời đã chiều, dừng quân ăn cơm tối, bây giờ tiếp tục đi, lấy lá rừng có chất lân tinh dán vào lưng người trước, người sau nương theo. Quân tiến ra khu đồn điền cao su lối đi rộng rãi. Đi thế này thì bao nhiêu chẳng được, địch cũng thế thôi, sở dĩ họ có được sức dẻo dai chịu đựng vì có cái thế, hoàn cảnh để nương vào... Tôi nghĩ lan man trong bóng tối.

So sánh với nỗi khổ cực phải di chuyển trong một khu rừng rậm không lối đi lúc ban ngày với cuộc chuyển quân ban đêm như thế này thì thật không thấm vào đâu. Việt cộng có thể di chuyển hằng hai mươi, ba mươi cây số một đêm không có gì lạ vì họ được đi trong bóng mát, trên đường mòn có cán bộ giao liên hướng dẫn. Đến khu đồn điền, bố trí quân, trải ngay poncho xuống đất, khỏi làm lều... Ngủ cái đã. Từ bốn giờ sáng đến giờ, phải luôn luôn đứng hoặc đi nên khi vừa đặt lưng xuống đất tôi ngủ thiếp.

Ầm... Ầm... Hai tiếng nổ chát chúa, lửa lóe sáng rực. Pháo kích! Pháo kích! Tôi lăn xuống chiếc hố, nằm im chờ đợi. Tất cả trở lại im lặng, không phải pháo kích. Việt cộng ném lựu đạn. Một trung đội thuộc đại đội 74 đóng sát bia làng đã chui vào trong mấy chiếc chòi để nấu cơm, Việt cộng ẩn trong hầm bí mật tung lựu đạn ra để thoát chạy. Bác sĩ tiểu đoàn được đưa đến tận chỗ, hai chết, mười chín bị thương. Thật xui xẻo, chưa làm ăn gì được đã mất toi một trung đội.

Ngày hôm sau, tiểu đoàn bỏ lại khu đồn điền, tiếp tục đi vào hướng đông, phía rừng rậm. Biết được tình hình, chỉ là du kích đồng thời để tiến quân nhanh hơn. Tiểu đoàn trưởng quyết định chia hai cánh quân. Đại đội tôi đi đầu một cánh, trung đội lại đi đầu. Thêm một ngày phải đi kiểu bò như cua còng nữa, lính càu nhàu. Buổi chiều, đoàn quân lại đăm xuống hướng nam để tìm chỗ đóng quân. Ra làng rồi đấy phải coi chừng. Tôi dặn dò mấy người khinh binh đi đầu, hai trái lựu đạn tối hôm qua làm tôi e ngại, tình cảnh này chứng tỏ địch đã bám sát chúng tôi. Nếu có lực lượng lớn, chúng đã đụng với chúng tôi từ trong rừng, đây chỉ là du kích cố bám sát để làm tiêu hao phá quấy lực lượng hành quân. Khu làng trước mặt hiện ra trống trải tôi thở hơi khoan khoái, ném nón sắt xuống đất, quay chiếc cổ tê mỗi một cách khó nhọc.

- Ra đến làng, coi chừng mìn và lựu đạn nghe các ông, Việt cộng vùng này là vua gài mìn đấy.

Tôi dặn thêm mấy lượt rồi dè dặt cho ba khinh binh tiến ra làng trước. Phía bên trái, đại đội 74 cũng cho một toán ra thám sát. Tôi thấy mấy người lính của đại đội này thấp thoáng trong tàng cây. Tiếng của thằng Chắc "tây lai" bô bô, một tiếng nổ kinh khiếp khói bốc lên đen nghịt.

- Chết tôi rồi! Thằng Chắc kêu thất thanh.

- Mìn gài trên cây, kêu y tá. - Thiếu úy Đông kêu rối rít.

- Y tá theo nó cũng bị thương rồi!

Tôi nhìn lên cành cây, bây giờ nơi nào đối với tôi cũng đầy mìn bẫy, tay chầy ướt mồ hôi, chân như muốn tê dại... Tôi ngồi im bất động. Mìn, thứ khí giới vô hồn đó làm tôi ghệt thở, đối diện với một họng súng, một tên địch tôi có thể xem thường vì dù sao còn chủ động, đối phó được nhưng đây là mìn và lựu đạn, vũ khí ti tiện vô hồn được che dấu thật kỹ càng và sẵn sàng để nổ tung. Tôi thấy sợ, sợ thật sự, sợ cho chính mình, cho những người lính dưới quyền. Tôi ao ước được dựng độ, dựng ngay ở bìa rừng này, bất kể lực lượng địch bao nhiêu cũng được, nhưng hãy cho tôi một người trông thấy được; tôi sợ vẻ im lìm ngặt nghèo bí mật của trái mìn.

Trời tối, lệnh tắt hết lửa, toàn thể tiểu đoàn chìm xuống im lặng không tiếng động. Ở cánh trái chúng tôi bây giờ có tiếng người và ánh lửa, tiểu đoàn 4 Thủy quân lục chiến ra đến vùng đóng quân. Thành linh những tiếng bực, bực, vang dội từ phía nam... Đúng là súng của địch bắt đầu bắn. Tiếng đạn rít trong không khí bay qua đầu chúng tôi. Chờ đợi, đạn nổ phía đóng quân của tiểu đoàn bạn. Pháo kích, pháo kích... Binh sĩ xì xào chạy xuống hầm. Đứng hoảng. Tôi bấm vào máy truyền tin liên lạc với hai toán tiền đồn ra lệnh đề phòng và trực máy. Tôi nằm yên trong hố, thân cây chuối trên miệng hầm lúc bây giờ quả thật quá mỏng manh, ao ước một gốc cổ thụ, một cây đa che chở. Sợ, hai bàn tay ướt đẫm mồ hôi. Tôi biết mình đang sợ hãi. Cảm giác buổi chiều khi nghe tiếng mìn nổ trở lại, tôi tưởng chừng như trong bụi chuối, góc nhà có một tên địch đang lẩn trốn, chờ đợi thời cơ hỗn loạn sẽ nhảy ra, trái lựu đạn sẽ nổ về phía tôi... Đây là một sợ hãi vô lý, tôi biết vậy, nhưng thật chính là mục đích của địch trong chiến thuật tiêu hao dần lực lượng của đối phương. Theo dõi, bắn sè, gài mìn, đặt bẫy trên hướng tiến quân, đột kích vào vị trí đóng quân đêm, pháo kích, đó là những phương cách có hiệu quả nhất để làm tan hoang tinh thần cũng như sức chiến đấu của một đoàn quân. Tôi nghe rõ những tiếng départ của súng cối địch từ xa, khô gọn và tàn ác như lưỡi dao chém xuống thớt. Nổ ở đây? Hay chỗ kia? Địch có điều chỉnh không? Chúng có rõ tiểu đoàn chúng tôi đồng ở đây không? Sau mỗi tiếng départ tôi chờ đợi tiếng nổ của trái đạn với căng thẳng đun nóng trí não. Tôi thở dài nhẹ nhõm mỗi khi nghe được tiếng nổ ở phía xa, phía đơn vị bạn. Tàn ác, ích kỷ? Có thể là như thế, nhưng tôi không thể nào chịu đựng được giây phút trống rỗng khi quả đạn đang bay, tôi ao ước được đụng độ, để giữa tiếng đạn nổ, hơi thuốc súng tôi có thể di động giữa cái sống và cái chết với ý niệm có tự do được chọn lựa. Trong chờ đợi của quả nổ đã biến tôi co cứng khiếp sợ hèn mọn. Ai không hèn mọn khi bó tay trước một cái chết không tự do.

Pháo binh từ Bến Cát phản pháo chính xác làm im súng cối địch, trực thăng đến, di tản thương binh, ánh đèn đỏ của chiếc máy bay lập lòe trong đêm ma quái, tôi nghĩ đến tên Việt cộng bắn súng cối vừa rồi nếu giờ này chưa chết vì đạn pháo binh chắc hẳn đang hãnh diện vì kết quả vừa thu được. Chiến tranh quả thật tàn bạo, lấy cái chết của những người mình không thù oán làm thành quả cho bản thân. Tôi không ngủ, mong trời mau sáng để được rút ra quốc lộ 13. Cuộc hành quân này ngắn sao tôi thấy mệt mỏi vô hạn, có lẽ vì ba đêm thiếu ngủ hay thần kinh bị căng thẳng bởi cơn khiếp sợ chờ đợi. Buổi trưa khi tiểu đoàn qua mặt tiểu đoàn 4/TQLC, đơn vị nòng cốt của ngày 1-11-63. Ở tiểu đoàn này tôi không có bạn thân, chỉ biết có mấy anh ở khóa trước làm đại đội trưởng, trong số sĩ quan tôi chú ý một thiếu úy, người cao cân đối, khuôn mặt đều đặn và nhất là đôi mắt sao xuyên. Vào tháng mười hai, tiểu đoàn 4/TQLC đụng nặng ở Bình Giả, không hiểu bạn ấy có sống sót hay không? Đã bao nhiêu lâu, một buổi chiều ở Biên Hòa tôi thấy anh buồn bã và u uất. Trong đời tôi hay bị xúc động bởi những nguyên nhân bất chợt, nên sau này bao nhiêu tháng năm qua tôi vẫn nhớ đến đôi mắt thăm thẳm của người lính không quen đó... Người bạn không quen ấy có còn không trong chiến tranh?

Tiểu đoàn vượt sông Thị Tính trong buổi chiều, đi trên chiếc phà của Công binh vừa lắp xong thấy bóng mình lung linh vỡ tung trên dòng nước, bèn bồng như một kiếp người mỏng manh. Quốc lộ 13, xe chờ sẵn, một đại đội của sư đoàn 5 bộ binh giữ an ninh bãi lên xe. Tôi thấy họ thật tội nghiệp trong khi nhìn chúng tôi lên xe.

- Các anh bây giờ về Sài Gòn, vui há? - Lính chúng tôi gạt đầu hãnh diện...

- Mấy anh thật sướng, đi hành quân ở đâu nhưng cũng được về nhà ở thành phố, chúng tôi ngủ bờ ngủ bụi suốt cả năm...

Xe chạy, chúng tôi vẫy tay chào, nhìn những bàn tay đưa lên chào lại băn khoăn. Dọc đường lính đơn vị bạn giữ an ninh lộ trình, có người đưa tay lên vẫy chúng tôi. Tội nghiệp, họ vẫy chào

thành phố chúng tôi sắp đến. Thành phố - Thủ đô... Những nhọt bần ung mủ trên quê hương đối với lính sao vẫn còn quyến rũ.

Xe chạy qua tỉnh B, nhìn con đường hẻm dẫn vào nhà em, lòng thoáng thấy cay đắng như vết thương chưa khép ngấm xuống nước biển mặn.

*Tháng 11-1964. Bến Cát, Bình Dương*

## **ĐỀ TẬP LÀM NGƯỜI**

Chiều hôm nay là chiều mùng năm Tết, tiểu đoàn chúng tôi được rời khỏi cái nóng như thiêu như đốt của Sài Gòn... Không có chút không khí của mùa xuân, thành phố đang sôi sục xuống đường, biểu tình, đảo chánh. Máy bay xuống phi trường Vũng Tàu trong ánh nắng dịu dàng của đầu xuân và bên kia là biển. Bao lâu rồi mới thấy lại cây dương liễu, cát trắng và mùi gió biển. Cảnh sắc và mùi vị của tuổi thơ sau thời gian dài xa cách. Tôi giao thừa vừa qua là một giao thừa hạnh phúc nhất của thời gian dài mười năm trong tuổi lớn... Những giao thừa năm xưa, đêm khuya gió lạnh trên đỉnh Hải Vân... Mây phủ kín lưng đèo và tôi co quắp trong một khoang xe vận tải dơ dáy chết máy nằm cạnh sườn núi với cô đơn của kẻ không nhà. Bấy giao thừa qua chém trong đời tôi những lát dao để gây nhức nhối, để suốt đời nhớ mãi, như một vết chàm khắc sặc vào xương. Nhưng giao thừa vừa rồi thật đầy đủ, bạn bè, em gái tôi và tình yêu của một cô gái nhỏ, bánh mứt, tiếng cười giọng nói vang đầy căn phòng trọ. Cám ơn tất cả, tôi đi đây, bỏ lại năm ngày ứng chiến tại Sài Gòn. Tôi mang hết cả niềm vui của một đêm giao thừa hạnh phúc theo suốt mùa xuân.

Bốn giờ sáng, quân xuất phát từ Phù Mỹ tiến vào mật khu Hắc Dịch. Trung đội tôi dẫn đầu đại đội, đại đội dẫn đầu tiểu đoàn. Lính lau nhàu:

- Trung đội từ ngày có mặt thiếu ụy về đến bây giờ cứ phải đi đầu hoài!

- Tao muốn thế đâu, đi đầu ngán thấy mẹ chứ thích quái gì, nhưng gắng đi mấy cha...

Rừng già, đi không khó, quân tiến nhanh như đi trên khoảng trống. Trước mặt chúng tôi hai tiểu đoàn 5 và 6 Nhảy dù đang được trực thăng vận để tìm Việt cộng lại. Chúng tôi có nhiệm vụ làm thành phần chặn bít, không cho Việt cộng chạy thoát ra hướng quốc lộ 15. Mặt trời lên cao, rừng bắt đầu nóng, lớp cỏ tranh bị cháy rải tro dày lên mặt đất, bước chân người lính quấy những lớp bụi đen nghịt, mồ hôi chảy đầm đìa dính theo từng lớp tro lem luốc, ngứa ngáy không chịu được.

- Anh cố coi thử có con suối nào không? - Đại đội trưởng liên lạc trong máy ra lệnh tôi.

- Bản đồ tôi loại 1/100.000 nhỏ quá chẳng thấy có con suối nào cả, địa thế cũng không có vết suối...

- Bảo mấy thằng con giữ nước coi chừng kẹt nước...

Đến chiều cả tiểu đoàn kiệt sức, nước không có, phải di chuyển gần mười cây số đường rừng, lính bải hoải tửng như xô nhẹ cũng đủ ngã. Lệnh cho đóng quân đêm. Chẳng cần làm lều, bố trí trung đội xong, tôi nằm vật xuống đất, mệt, đói và khát nước đến muốn ngất. Có chút cơm nắm mang theo nhưng không dám ăn vì không có nước, bị đông còn một tí nước, tôi uống từng ngụm nhỏ chỉ vừa đủ ướt môi. Bên kia, hai tiểu đoàn 5 và 6 đụng địch, chúng tôi nghe rõ tiếng

súng nổ từng hồi, súng của ta lẫn Việt cộng, trực thăng võ trang được gọi đến, tiếng động cơ cùng tiếng súng vang đầy khung trời.

- Thiếu úy, ăn cơm không? - Thái, thằng bé theo làm cho tôi, chia một lon cơm nóng...

- Ở đâu mà có được?

- Em nấu buổi chiều, lấy nước từ rễ cây .- Tôi nhai từng miếng cơm nhỏ sợ tan biến thật nhanh ở trong mồm...

- Liệu Việt cộng có đánh vào tiểu đoàn mình không thiếu úy?

- Nó đánh mình mới có hy vọng rút ra được, nếu không cứ nằm thế này thì chết khát.

- Em cũng nghĩ như vậy...

Đêm mùa khô, trời đầy sao, sau khi có mấy muống cơm nóng với ngụm nước nhỏ tôi tỉnh người, đốt điếu thuốc gói đầu vào nón sắt ghé tai vào máy truyền tin xem chừng các toán phục kích... Bên phía hai tiểu đoàn bạn trận đánh mỗi lúc một ác liệt, chưa bao giờ tôi thấy Gunship đánh trận đêm nhiều đến như thế.

Quân rút ra đi như một lũ ma đói, hai ngày hai đêm thiếu nước và mất ngủ, mọi người phờ phạc trông thấy. Trung đội tôi đáng lẽ dẫn đầu trở ra lại phải đi chót tiểu đoàn, đại đội 73 đi đầu, trung đội của Toàn vừa đi được hai mươi thước đạp phải một trái lựu đạn, hai chết, hai bị thương. Mấy thằng lính của trung đội tôi cười như mếu. May quá, mình đi đầu là chết rồi! Tôi cũng nhủ thầm mình có số mạng...

Người trước đi, tôi đi theo chẳng cần đội hình, ý tứ gì nữa, hai ngày vừa qua có được bốn muống cơm, người tôi không còn một sức lực nào nữa... Tôi dặn lính:

- Tụi mày cứ theo trung đội trước mà đi, sát vào nhau đừng để lạc.

Đầu gục xuống, súng vác trên vai, tôi thở không những bằng mũi mà cả bằng chiếc mồm há thật lớn, chiếc lưỡi căng phồng, nhức nhối và đôi môi khô không còn chút cảm giác. Tro rừng, đất bụi bám đầy mặt mũi, bay đầy vào mồm, không còn tí nước bọt nào để nhổ ra, tôi đưa tay vào mồm chà trên lưỡi từng tảng tro đen! Quốc lộ 15 đây rồi, có thửa ruộng nhỏ bên đường, tôi úp chiếc mặt vào dòng nước đục ngầu phủ lớp bùn non... Uống! Uống! Như loài thú hoang trên sa mạc. Ngày hôm nay mới mừng tám Tết.

Về đóng quân ở quận Đất Đỏ, trong vườn cây vú sữa xanh tươi bóng mát. Tôi căng võng đọc sách, cho lính đi mua gà về nhậu với rượu đế, ngà ngà say suốt ngày. Nắng như thêu hoa trên áo, những ngày thật bình yên. Nhưng đêm thì thao thức không ngủ được, những hôm trời trăng sáng đem lính đi phục kích nằm trong rừng tiêu, cây tiêu dưới bóng trăng lạnh trông như những bóng người khổng lồ. Vẻ đẹp của khu vườn chứa đầy bí ẩn kinh dị. Chim heo bay qua kêu từng tiếng thật ai oán và tôi nhớ em, tình yêu đã mất. Ôi tôi đã xa em từ tháng Bảy năm 1964 đến giờ... Xa em quá lâu rồi đấy hở? Sao lòng tôi vẫn thao thức nhớ thương đến độ điên cuồng. Cả ngàn đời em cũng không biết được tình yêu đó.

Ngày 19 tháng Hai một giờ sáng tiểu đoàn nhận lệnh trở về Sài Gòn, cho lính lên xe trong đêm tối, lính yên lặng không kinh ngạc. Có quái gì đâu, những trò hề này chúng tôi đã quá quen! Đảo chánh, chỉnh lý hay cái gì đi nữa cũng chỉ vậy thôi, chúng tôi vô can, đứng ngoài.



- Đ.m... Về Sài Gòn lại đứng đường, gác chợ nữa như thằng ăn mày.

Tiếng chửi thề rơi vào im lặng, mọi người còn ngái ngủ. Sáu giờ sáng vượt cầu Phan Thanh Giản, xuống xe, quân tiến vào Đài phát thanh. Đại đội tôi có nhiệm vụ dẫn đầu... À, chuyến này tôi làm "cách mạng" thực sự rồi. Những chiến sĩ can trường đã đánh bật quân phiến loạn ra khỏi Đài phát thanh trong buổi sáng hôm nay! Mẹ đời, coi chừng Đài phát thanh lại gọi đích danh tôi để ca ngợi không chừng... Tiến vô, thôi đánh trong thành phố với người anh em một lần cho biết. Trung đội tôi chạy luồn vào con đường nhỏ để đâm ra đường Phan Đình Phùng... Đến ngã ba, nơi rẽ tay trái hướng Đài phát thanh, hai tên khinh binh chạy đằng trước tôi thối lui lại...

- Thiết giáp! Thiết giáp! Thiếu úy khoan ra đã...

- Đ.m... Tao đâu có ngu, đạn 12 ly 7 đụng vào là hết chữa, chết cái này lãng xẹt đéch có tuyên dương công trạng được.

Tôi báo cáo với đại đội trưởng tình hình rồi xin mượn khẩu SKZ 57 ly. Tôi hỏi ông ta:

- Bây giờ tôi khai hỏa xông thẳng vào Đài phát thanh hay sao?

- Bậy! Bậy! Chết bây giờ, xông con c... Đội đó để tôi hỏi ý kiến tiểu đoàn...- Ông ta trả lời như thét.

Lệnh cuối cùng: Không được khai hỏa trước, chỉ sẵn sàng tìm cách vào Đài phát thanh và chiếm mấy cái xe thiết giáp một cách yên tĩnh...

- Sao làm vậy được? Xe nó bằng sắt chứ phải bằng giấy đâu mà tôi lấy khơi khơi? - Tôi phản đối đại đội trưởng.

- Tôi không biết, lệnh trên người ta kêu xuống như vậy.

Tôi chửi thề với mấy thằng lính...

- Đ.m... Muốn đảo chánh thì tới đây mà chiếm Đài phát thanh, mắc mớ gì kéo tội mình vào.

Tôi bò sát chân tường, liếc về phía Đài phát thanh để quan sát: Hai chiếc thiết giáp đậu im lìm chìa súng về phía chúng tôi một cách đáng ngại, cửa các pháo tháp đóng kín chúng tỏ ở trong đó đang sẵn sàng... Những cửa sổ trên lầu Đài phát thanh lấp ló hòng súng và những chiếc áo xanh của lính bộ binh. Tôi bò lui báo cáo với đại đội trưởng:

- Lên không được! Cả tiểu đoàn có lên cũng chết nữa chứ đừng nói một trung đội tôi.

- Anh cố làm sao vào trong đài đi!

Tôi mở máy phân bua với mấy thằng lính:

- Đại úy bảo gắng vào đài, thằng nào muốn làm ca sĩ thì thử liều đi! - Mấy tên lính lắc đầu cười méo mó...

Tôi bò ra ngã ba một lần nữa, bây giờ cửa của hai chiếc thiết giáp đã mở, mấy anh lính thiết giáp leo lên ngồi im lìm... Tôi bốt ngại, tháo chiếc khăn đỏ ở cổ ra phát phát mấy cái, mấy anh lính bộ binh từ trên đài đưa tay phát lại. Lính thiết giáp thì thầm hỏi ý kiến nhau. Tôi lấy tay chỉ vào người tỏ ý muốn vào đài, mấy anh thiết giáp gật đầu. Tôi chỉ vào chiếc xe và lấy tay đánh vào đầu tỏ ý sợ bị bắn, mấy anh trên xe cười rộ ngoắc tôi vào trong, tôi đứng dậy đi về phía mấy chiếc xe, mồm cười thật tươi...

- Sao không có gì chứ bạn?

Tôi hỏi mấy người lính ngồi ở pháo tháp. Có mẹ gì đâu, tự nhiên bắt giữ Đài phát thanh thì giữ chứ biết gì? Tôi ngoắc tay ra dấu cho trung đội tôi chạy vào đài, lính vừa chạy vừa kháo chuyện cứ y như trẻ con chạy đua. Lúc vào đến trong đài, lính tôi và lính bộ binh đang ngồi nói chuyện với nhau, mấy người lính rờ vào lớp giấy chống tiếng động tại phòng ghi âm tò mò một cách khôi hài; có đứa dựng nắp chiếc piano lên đánh như điên... Cái phòng này để tụi ca sĩ hát radô đấy mà... Mày ca cải lương tao coi chơi. Lính đùa như phá. Bên phòng kia, một anh đang ngồi viết bản tin mới nhất chắc thế nào cũng có câu: "Quân cách mạng đã chiếm lại Đài phát thanh..."

Tôi đi vào tiệm phở trước cửa đài, có mấy người lính thiết giáp ngồi ăn ở trong đó, chúng tôi cười với nhau.

- Vừa rồi tôi cứ sợ các bạn bắn tôi chứ.- Bắn ông làm quái gì, đang đi hành quân bỗng nhiên được lệnh về giữ Đài phát thanh chứ biết khi gì đâu.- Các ông ở đâu đến? - Dưới Mỹ Tho... - Tôi cũng vừa ở Bà Rịa về, chẳng ra con mẹ gì cả! - Ủ. - Người lính thiết giáp ghé đôi giày đầy bùn lên mặt ghế đánh rầm.

Tôi bước chân ra khỏi quán phở, nói nhỏ với thằng lính:

- Ở đây hình như có chỗ chơi bời, mày kiếm thử xem.

Thấp thoáng trước thềm đài một lô sĩ quan cao cấp đang đứng nói chuyện hân hoan.

Đột nhiên tất cả những ồn ào lắng xuống, tôi như bị bao cứng bởi một nỗi buồn rầu, giận dữ vô cớ... Tôi nghiệp cho tôi biết bao nhiêu, nào ai biết được? Sĩ quan trẻ đầy tương lai!

## **DƯỚI CHÂN ĐÈO MANG**

Vừa chạm phải mặt đất, chiếc phi cơ đã hãm ngay đà lại, thân tàu rung mạnh dữ dội như chiếc tàu thủy bị sóng dồi. Núi đồi hai bên chạy ngược qua cửa phi cơ loáng thoáng. Phi trường thuộc hạng B, từ lâu chỉ được sử dụng cho các loại phi cơ cỡ C.47 nay vì tình trạng nghiêm trọng cần tăng viện một số binh sĩ tổng trừ bị, chiếc C.123 phải đáp xuống trong điều kiện kém an toàn. Ra được khỏi phi cơ, tôi thở phào khoan khoái như vừa thoát một đại nạn, mặt đất yên tĩnh dưới chân. Đất vẫn màu nhiệm cho người sau nguy biến. Nhớ đến lần hạ cánh vừa rồi tôi vẫn còn khiếp hãi... Phi cơ phải lượn từng vòng thật thấp, núi bên trái, núi bên phải, đầu và cuối phi đạo hai vực thẳm, từ ngày bị rút máy bay ở Bình Giả, tôi đâm ra sợ tất cả các loại phi cơ nên khi từ trên cao nhìn xuống phi đạo ngắn ngủn này tôi đã hoang mang sợ hãi. Nhưng bây giờ thì yên trí. Đất đây rồi.

Quận An Túc nằm giữa đường Qui Nhơn-Pleiku, quận lỵ vắng vẻ vì quốc lộ 19 suốt cả năm nay không sử dụng được, Việt cộng áp dụng chiến thuật của chiến tranh năm xưa, chiếm giữ quốc lộ 19, cô lập cao nguyên, đe dọa các tỉnh miền Trung với ý định cắt miền Nam bằng một vùng an toàn chạy từ Pleiku xuống Bình Định. Tiểu đoàn chúng tôi đến đây cùng tiểu đoàn 8 Nhảy dù

với nhiệm vụ tiếp cứu cho tiểu đoàn 22 Biệt động quân, giải tỏa áp lực địch đang đe dọa các trại Lực lượng Đặc biệt. Sau này chiến dịch biến thành cuộc hành quân dài hạn để khai thông quốc lộ 19. Đón quân cạnh phi trường, trong rừng cây ngô đồng, không khí còn váng vất cái lạnh mùa đông, buổi sáng trời nhiều mù và tối rét co quắp, rét của đầu xuân cộng thêm rét núi làm mọi người xuýt xoa. Không có việc để làm, buổi sáng ra chợ uống cà phê, ngồi nhìn lính xếp hàng đi mua áo tình trước một ngôi nhà có chị em ta. Đầu tháng, lính có tiền, đồng thời biết rằng cuộc hành quân sẽ kéo dài thật lâu trong rừng tối, lính cố hưởng cho hết, dù là một phút phù du. Cuộc đời cảm lắm như thế, không nghĩa lý nhưng vô cùng thèm khát. Buổi trưa, đợi lúc trời thật nóng đi tắm suối, suối chảy dưới hàng cây xanh, nước mát lạnh như đá; nhìn lên chiếc cầu cao gần mười lăm thước kể từ mặt nước, thân cầu còn dính bùn và củi mục của trận lụt năm qua. Con suối này là một nhánh nhỏ của sông Đà-Rằng, con sông mênh mông nhất của miền Trung, thủa xưa mỗi lần đi xe lửa qua sông Đà-Rằng trong đêm nghe lung linh một cảm giác lo sợ mơ hồ. Ở đây, cơn lụt của mùa đông năm trước đã dâng con nước lên đến mười lăm thước. Sông Đà-Rằng dưới hạ lưu đã dâng nước cao lên bao nhiêu? Tưởng tượng những làng mạc bị cuốn trôi trong giòng nước hung bạo đó, không ai có thể nghĩ thêm được một tai ương nào khác cho quê hương này nữa. Hình như Thượng Đế có cảm thù gì với người Việt Nam. Tắm suối, lên nằm trên một cành cây sát mặt nước, uống hớp rượu đế, đọc một bài cuốn Pòeme của Eluard... Tôi nằm bênh bồng trong xanh của lá, nắng nhảy múa trên da thịt và dưới lưng con suối lặng lẽ chảy mãi...

Máng cuốn sách trên cành cây, xong buông mình xuống nước để trôi dạt dờ một quãng xa. Những ngày thật êm đềm và dễ chịu, tôi nhớ những mùa hè ở biển Đà Nẵng, trần truồng đi trong trời, trong nước... Không hiểu phải chăng là một tật xấu bệnh hoạn? Nhưng khóa thân đứng giữa một vùng thiên nhiên đối với tôi là một trò chơi quyến rũ... Nằm sấp trên ghè đá, nước chảy qua thân người, phần trên lưng hong khô dưới ánh nắng, thấy thân thể như nở ra, vỡ đôi, tan thành những mảnh nhỏ li ti trôi theo rì rào tiếng suối. Hết tắm suối, tôi đi dọc quốc lộ 19 hướng về Pleiku xa thị trấn chừng bốn cây số, nơi đây tuần trước có trận phục kích. Con đường núi buổi chiều uy nghi và cô đơn lạ thường, màu đen của mặt nhựa nổi hẳn lên trong màu xanh của rừng, mất trong nền trời tím đỏ ánh nắng.

Ngày 1 tháng Ba bỏ quận, tiến về phía tây lấy con đường làm chuẩn tiểu đoàn đi hai bên, đến áp chiến lược cách quận bảy cây số, dừng lại. Các đại đội chia nhau giữ các cao độ để tiểu đoàn 22 Biệt động quân vào lấy xác của binh sĩ tử trận những ngày trước. Xác của Biệt kích, Biệt động quân được kéo lên xe, chương sinh, hồi thối, có xác của Dương, chuẩn uý cùng học một khóa "rừng núi sinh lầy" với tôi. Nguyễn Thái Dương, tướng người thật vững chãi, mắt sắc, mũi thẳng quắc thước, từ ngày mất khóa ở Dục Mỹ đến nay hơn một năm, tôi không biết bạn đi đâu, giờ gặp lại bạn chỉ còn là khối thịt tanh tửu. Đất nước này quả thật hẹp, có những người xa cách đã lâu bỗng nhiên gặp nhau lại trong một hốc núi, ngôi làng nhỏ hay trên đoạn đường đèo. Gặp lại nhau còn sống hay đã chết, xa xôi và cũng thật gần. Có người gọi tôi từ ngọn đồi đối diện... Thông, khóa 17, người hiền nhất trong đám niên trưởng, cùng trung đội ở quân trường. Trong đời sống tôi có nhiều người ghét hơn thương, trừ một số bạn gần gũi, những người lạ thường ghét bỏ thậm tệ ngay khi gặp mặt lần đầu. Tướng khó thương, thời thì đành chịu vậy. Lúc ở trường tôi thường bị phạt đến độ khó chịu, ăn cơm trưa xong phải bắt súng chào ở phòng sinh viên đại đội trưởng cho đến giờ đi học buổi chiều. Bắt súng chào hơn tiếng đồng hồ quả thật rất nặng nề nhưng cơn buồn ngủ trưa Đà Lạt mới thật khủng khiếp. Trời lạnh, gió gáy gáy rét, nắng ấm không khí như đặc lại, cơn ngủ trưa đối với tôi thật cần thiết, thế mà tôi bị phạt trong suốt một tuần với cực hình khó chịu. Tôi có dáng "ba gai", đúng như vậy, nhưng tôi biết lòng trung thực và hào hiệp hơn bình thường. Sáu năm trời Sói con đến Thiếu sinh trong tập thể Hướng Đạo, đời sống tuổi niên thiếu ở với bạn bè đã cho tôi biết rằng bản thân có nhiều tinh thần cộng đồng và trách nhiệm, nhưng nhà binh hình như không ưa loại người như tôi. Gặp anh Thông tôi mừng lắm, hai năm chinh chiến anh già trông thấy...

- Tiểu đoàn đựng nặng tuần rồi, suýt nữa chết.

- Nhưng anh không chết là tốt rồi...

Thông cười. Minh hiền quá. Có lệnh cho anh di chuyển. Chúng tôi bắt tay, anh đầu dẫn quân xuống đồi.

Tiếp tục đóng quân tại quốc lộ, mỗi ngày mở đường tuần tiểu lục soát theo hình cánh quạt xong trở về đóng quân. Trời bắt đầu nóng, cỏ tranh cao quá đầu người cắt da thành những vết sưng thật xót, di chuyển trên đồi như đi trong lò lửa, không một bóng mát, hơi nóng từ đất bốc lên gặp thành những luồng nháy múa đến hoa mắt. Khát và đói, đồ ăn khô đã ăn đến ngày thứ mười. Mười ngày không có chất rau, cơm dọn ra nhìn hộp thịt heo loáng mỡ, cầm dĩa ăn một chén lững dạ, nuốt thêm không được. Tiếp tục đi, mồ hôi vã ra và mệt ngất ngư. Thiếu chất rau tôi hóa thành lờ đờ ngái ngủ, không ăn được nhiều nên sức khoẻ xuống đến độ thấp nhất, chỉ linh động được vào buổi chiều sau lần tắm. Thèm đủ thứ, thèm rau, thèm đồ ngọt, cục nước đá... Tiền đầy túi nhưng không thể mua ở đâu ra thức cần dùng. Lính đánh bạc như điên, chia bốn anh ra gác ngọn đồi, họp thành sòng bạc trong nháy mắt. Tàn canh, tên lính đứng dậy đếm tiền, mười sáu ngàn đồng bạc, nó đã thu hết tiền của ba tên kia. Đến chiều, lại thua hết sạch trong sòng khác dưới chân cầu. La mắng, phạt cũng không ngăn chặn được, không có việc làm, dư tiền, lính không biết làm gì hơn là đánh bạc. Xé bộ bài này, họ lấy giấy bìa vẽ thành bộ khác để đánh...

Chấn lẻ, đó bạc, đó ruồi, một trăm cách để lấy tiền của nhau.

Ngày thứ mười hai, chúng tôi thay đổi hoạt động, không tuần tiểu vào sâu hai bên đường nữa, nhưng đi dọc con đường để giữ an ninh lộ trình cho công-voa từ Qui Nhơn đi Pleiku. Tiểu đoàn có nhiệm vụ giữ an ninh đoạn đường từ An Túc đến phía nam đèo Mang. Trung đoàn địch đang lẩn trốn ở vùng này có nhiệm vụ phá vỡ trục giao thông, phục kích các đoàn xe và các đơn vị đi mở đường. Nằm trong ngôi nhà của đồng bào Thượng nhìn vài chiếc xe hàng đi qua không chán mắt. Mới xa thành phố nửa tháng tưởng thấy như lâu lắm. Con gái ngồi trên xe trông quyến rũ kỳ lạ như dấu tích của thành phố có điện, có nước đá, của đời sống không đe dọa. Những chiếc xe hàng đi qua gây một hãnh diện ấm áp trong lòng. Những ngày cơ cực của chúng tôi đã có kết quả, tạo một bình yên cho người khác. Chiếc xe xộc xệch, mệt mỗi lần trên đường như phần thưởng cho những ngày sống trong vùng núi đồi heo hút. Con đường nhựa, chiếc xe như dấu vết của thành phố được gằn lại. Bao nhiêu lần hành quân, mỗi khi nhìn vào bản đồ thấy những mục tiêu ở sát một con đường, dù là đường đất, lòng vẫn thấy dễ chịu. Lợi bao nhiêu ngày trong rừng hay những vùng sinh lầy hoang vu, rút quân ra đường nhựa, bước chân lên khoảng đất bằng phẳng của mặt đường, lòng sung sướng như một thuở về nhà. Con đường, vạch đỏ trên bản đồ - Dấu hiệu của một đêm một ngày thấy được mặt trời, ăn được bữa cơm nóng. Ký hiệu một vạch đỏ trong vùng rừng xanh ngắt đối với lính thật quý giá và thân thiết.

Tháng Chín năm 1964 hành quân mười ngày trong mật khu Hồ Bò rút ra bị phục kích gần Bến Mương, băng qua bãi Nhảy dù - Củ Chi - trung đội tôi chạy muốn tắt thở, đến quốc lộ mừng rỡ như thấy cứu tinh, muốn cúi xuống hôn trên mặt nhựa đường. Thăng Ngộ, thăng bé làm cho tôi đi đến, cười toe toét:

- Em kiếm được cái bắp cải.

- Đâu?

Ngọ rút trong bụng ra một bắp cải nhỏ bằng hai nắm tay, lớp lá ngoài thối ủng chỉ còn lại phần lõi bên trong.

- Lấy chai xì dầu, kiểm tí ớt...

Xì dầu được đổ ra, ớt dầm thật cay, hai thầy trò bẻ từng cuộn lá chấm vào chất nước đen sì. Cay đến chảy nước mắt. Không biết vì nước mắt chảy ra hay chất rau đã làm mắt tối sáng lên. Trong bóng nắng miền núi, tôi và thằng bé ăn bữa rau ngon nhất trong đời. Ngọ cười hả hê.

- Em có xin được miếng thịt heo.

- Heo của ai?

- Heo của đồng bào bỏ lại, tụi đại đội 70 làm thịt, em xin.

- Tốt, gắng kiểm tí rau nữa thì hơn.- Tôi cho nó hai trăm đồng, thầy trò rủ nhau xuống chân cầu tắm, vui sướng và dễ chịu được sống qua một ngày đầy đủ.

Ngày thứ mười lăm của cuộc hành quân, bỏ quốc lộ tiến sâu vào bên phải, dọc theo con đường đá dẫn về phía Bắc. Bản đồ quá nhỏ không biết con đường dẫn đi đâu, Việt cộng sử dụng con đường này để giao liên và chuyển quân. Ngày hôm kia Việt cộng đánh trại Lực lượng Đặc biệt K'nack, bộ chỉ huy chiến đoàn ước tính địch sẽ rút về án quân ở những thung lũng phía đông quốc lộ, nơi cuối con đường chúng tôi đi đến. Chiến đoàn sử dụng tiểu đoàn 8 Nhảy dù trực thăng vận từ phía bắc xuống, tiểu đoàn tôi lấy con đường đá làm chuẩn di chuyển từ phía nam lên. Hai bên sẽ giao tiếp nhau trong ngày thứ hai của cuộc hành quân. Tiểu đoàn di chuyển thật chậm, không phải lối đi khó nhưng địa thế quá bất lợi nếu Việt cộng phục kích. Con đường đá nằm lọt trong thung lũng không thể đi trên đường vì sợ chông và mìn, chông lớn bằng cột nhà được trồng nghiêng nghiêng đầy hết con đường để chống trực thăng vận, mặt đất la liệt chông nhỏ để chống người. Việt cộng thật cẩn thận, bất kỳ một tảng to hay nhỏ nào chúng đều đặt chông tua tua. Tiểu đoàn lấy mé đồi bên phải đường làm hướng đi, cỏ lau dày đặc nóng bức đến nghẹt thở. Cơm trưa, nghỉ được mười lăm phút lấy nước xong tiếp tục đi. Hai giờ chiều, trung đội đi đầu của đại đội 73 đụng địch. Địch khai hỏa trước, thượng liên và AK nổ ầm ầm át hẳn tiếng súng Carbine M.2 bên ta. Tiểu đoàn được lệnh rời sườn đồi xuống hết trên con đường.

- Báo cáo có hai chết, kinh binh chưa lấy xác được.

Bao nhiêu lần đều như vậy cả, đại đội 73 đi đầu với anh trung đội trưởng Toàn, tức là Toàn "nhỏ" thì thế nào cũng đụng trận. Mặt nó có "cô hồn". Quả thật vậy, Toàn đen kịt, đen ròn, mặt xương dáo cao gầy, người của nó là một cái gì khô đét, ẩn kín vào trong.

Đại đội 73 đưa thêm một trung đội nữa lên phía tay mặt, kẹt luôn. Địch bố trí thẳng góc với hướng quân chúng tôi, rừng quá dày không xung phong được. Toàn báo cáo đã lấy được một thượng liên và bốn AK. Trận đánh vẫn tiếp tục bằng pháo kích, đạn súng cối của Việt cộng nổ dọc con đường đúng với hướng tiến vừa rời của tiểu đoàn chúng tôi. Đúng là địch đã theo dõi chúng tôi từ trước. Đạn nổ cách khoảng mười thước một từ đầu đến cuối đoàn quân và ngược lại. Súng cối của Việt cộng cứ bắn đều đều, tiểu đoàn không dám dùng súng cối để phản pháo vì sợ lộ vị trí, đồng thời biết chắc rằng cũng không có hiệu quả, súng cối địch đã được che dấu kỹ ở dưới các hầm sâu. Phía đầu của hàng quân, đại đội 73 xử dụng hết cả ba trung đội tác chiến nhưng vẫn không thanh toán được mục tiêu. Địch cố thủ trong những giao thông hào, bên ta không tiến sát được. Việt cộng bắt đầu đổi hướng tác xạ, thay vì bắn dọc bên phải con

đường, bây giờ chúng bắn rơi ngay trên đường nơi toàn bộ tiểu đoàn đang bố trí hàng dọc. Một quả đạn rơi đằng trước mặt chúng tôi. Tôi báo cáo đại đội trưởng:

- Xin cho rút lên bên phải con đường lại.

Không có tiếng trả lời. Bộ chỉ huy tiểu đoàn từ phía trước chạy dạt về sau, địch đã pháo kích trúng, hai binh sĩ bị thương, tiểu đoàn rút lên bên phải con đường. Trong máy truyền tin nghe những tiếng la, Việt cộng gọi đích danh tên tiểu đoàn trưởng và đại đội trưởng ra để trêu chọc. Một màn xỉ vả nhau trong máy diễn ra giữa ta và địch. Đối qua tần số giải toả, chúng nó biết tần số mình rồi... Mấy anh hiệu thính viên (lính truyền tin) bảo nhau ơi ơi. Bây giờ Việt cộng pháo kích một chỗ, phần cuối của đại đội 73 và đầu đại đội tôi.

- Rút lên đồi đi.

Tôi ra lệnh cho anh xạ thủ đại liên lên trước. Một tiếng nổ thật gần, ánh sáng lòe lên trước khi nghe được. Người tôi bị nhấc bổng lên một khoảng xong rơi xuống, áo quần rách toang như vừa bị xé bởi lưỡi dao thật bén, chung quanh trung đội nằm la liệt.

- Gọi Tăng Màn Tài đến!

Anh trung đội phó người Tàu chạy đến mặt mày hớt hải:

- Chết rồi! Chết rồi...

- Chết thế nào được, nhặt súng mấy thằng bị thương bó gọn lại... Tôi nghệt thờ nói tiếp không được, cỡi dây đeo đạn trao khẩu súng cho viên trung sĩ xong bò lên đồi nơi bác sĩ Đạm đang băng bó.

- Có sao không bác sĩ?

- Không sao, ông chỉ bị nhẹ thôi...

- Có gì bác sĩ cứ nói cho tôi biết. Tôi năn nỉ thảm thiết tựa như mình sắp chết, một đoạn ruột lòi ra trắng phếu trông đến sợ...

- Không sao, tôi bảo đảm với ông như vậy.

Nghệt thờ quá phải há mồm ra. Tôi thất sắc. Chết rồi, thường người sắp chết hay há mồm ra thờ như thế này, đồng thời tôi cũng đã biết, khi bị thương nặng mà tỉnh táo thì thế nào cũng đi doong. Chết, tôi nghĩ đến một cái gì thật lạ lùng nay sắp phải gặp. Niềm bí ẩn khiếp sợ của con người, tôi sắp đến với nó đây. Trong cuốn L'Idiot có đoạn nói người sắp chết lúc ở trên đài xử giáo, trong giây phút cuối cùng của đời sống hấn tay đâm ra sáng suốt và bình tĩnh... Tôi cho đó là nói quá, nhưng bây giờ thì quả thật vậy. Những giây phút đầu tiên tự nhiên lắng dừng lại, tôi bình thần một cách lạ lùng... Tuổi nhỏ, tuổi lớn, những ngày vui, bạn bè, các em và mẹ tôi, những phút giây sung sướng, những nghèo nàn cơ cực phải gặp, tình yêu đầu tiên, sự thương mến của những thằng bạn quý... Tôi nghĩ ngợi mông lung như đang ở trong lúc nhàn hạ. Trời đã tối, đại đội 73 ở trước vẫn còn đứng độ, nhưng địch hình như rút lui xa, tiếng súng cá nhân nghe ròi rạc, nhưng thay vào đó súng cối địch bắn mạnh hơn, may mắn đạn chỉ rơi vào khoảng trống không gây thiệt hại nào, cũng có quả đạn nổ thật gần làm giật bắn người.

Không lẽ lại bị thương thêm một lần nữa? Nhìn lên trời cao, sao sáng rực, đêm mát mẻ, bây

giờ tôi tỉnh táo hoàn toàn đâm ra nghĩ lẩn thẩn. Nếu địch tấn công trở lại và tràn ngập thì chỉ một cách là leo lên cây trôn. Tôi đưa mắt tìm một cây cao và rậm để trèo lên nhất... Phải có một sợi giây để cột mình vào thân cây cho khỏi bị té. A, còn đôi giày giầy đây. Tôi yên dạ.

Phi cơ bắt đầu oanh tạc bom napal, rừng bị đốt cháy sáng rực một góc trời. Mùi cỏ cây cháy khét bốc lên ngậy ngát, ngọn lửa như một cứu viện bình yên. Tưởng đến cảnh địch phải bỏ chạy trong biển lửa tôi yên chí ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Chiến tranh làm nẩy nở toàn diện bản năng tranh sống nên không thể bảo do tàn bạo khi nhìn ngọn lửa nhảy múa trong bóng đêm, tưởng đang đốt cháy kẻ ở phía thù nghịch và lòng thoáng rộ hân hoan kỳ quái. Tôi không thù oán những người phía bên kia, nhưng một cuộc đấu chỉ kết thúc khi một bên bị tiêu diệt. Lẽ tất nhiên tôi không muốn bị tiêu diệt.

Chiếc xe Jeep đưa tôi từ Tân Sơn Nhất về bệnh viện Cộng Hòa chạy trong nóng bức ồn ào của thành phố Sài Gòn. Bây giờ thì tôi đã kiệt lực lắm rồi, hai mươi bốn giờ sau khi bị nạn, hai chuyến máy bay, bây giờ thêm một lần xe. Mỗi khi xe lắc lư người muốn gãy đôi, tôi tưởng chừng như những mảnh đạn cửa vào ruột theo chuyển động của chiếc xe. Mồ hôi vã ra như tắm, tôi gắng gượng ngồi dậy để dễ thở. Chưa có một đoạn đường nào dài đến thế trong đời phải đi qua. Thấy được cổng bệnh viện Cộng Hòa, mừng rỡ muốn ứa nước mắt. Tin chắc rằng thế là thoát chết. Xong rồi, tôi có thể thở dài khoan khoái, thoát nợ.

Phòng mổ số Hai sơn màu xanh mát lạnh. Tôi tỉnh hẳn người khi nằm đợi trên bàn mổ. Chẳng có gì phải lo ngại. An Khê — Sài Gòn, chiến tranh, tất cả coi như giải quyết xong. Bác sĩ Thanh đi vào cùng với bác sĩ Các, mọi người chuẩn bị đồ nghề để "khui" tôi. Tôi nhìn các động tác của họ, dụng cụ phòng mổ, tò mò như kẻ ở ngoài cuộc. Khi người y tá rút cây kim ra khỏi mạch máu thì căn phòng hóa ra mờ dần, mờ dần...

Tôi ngủ thiếp đi.

*Tháng 3-1965. An Khê.*

## **NHỮNG NGÀY GÃY VUN**

Ngày 9 tháng Sáu, nằm ứng chiến tại hậu cứ tiểu đoàn 8 Nhảy dù đã ba ngày, tiểu đoàn chỉ có việc huấn luyện tại chỗ cho binh sĩ, đồng thời sẵn sàng di chuyển. Mười một giờ, tiểu đoàn được lệnh ra phi trường Tân Sơn Nhất. Lãnh bản đồ của Vùng III chiến thuật, như vậy dự định hành quân ở miền Trung được hủy bỏ. Chiến trận vùng III trở nên khốc liệt, quận lỵ Đồng Xoài bị tràn ngập ngày hôm qua. Quận Đồng Xoài, nếu gọi đúng địa danh hành chánh là quận Đôn Luân bị tấn công mạnh, quân trú phòng bị tổn thất nặng. Một tiểu đoàn Bộ binh và một tiểu đoàn Biệt động quân đã đến tăng viện, chúng tôi phải đến Đồng Xoài ngay chiều hôm nay. Ba giờ chiều, tiểu đoàn đến phi trường Phước Long, ngủ đêm tại đây đợi ngày mai trực thăng vận vào Đồng Xoài.

Ngày 10 tháng Sáu, quận lỵ hiện ra tiêu điều xơ xác trong ánh nắng vàng vố của buổi chiều. Nhà cửa ở khu phố ngoài hàng văn phòng quận bị sụp đổ hoàn toàn trơ vơ vài bức tường cháy loang lổ, vết đạn ghi đầy. Tiểu đoàn 52 Biệt động quân xuống trước chúng tôi một ngày nay đang bố trí giữ hướng tây của quận. Chúng tôi tiến vào lục soát khu vực phía đông. Bên trong dãy nhà sập, thảm cảnh vẫn còn nguyên dấu vết, có gia đình một mẹ ba người con chết từ hai ngày chưa ai hay, căn nhà đã đổ xuống phủ kín bốn thân ma xông lên mùi nồng nặc. Quận lỵ đầy hơi tử thi, chúng tôi không dám moi gạch lên để tìm xác chết vì xác chết đem ra ngoài ánh sáng lại càng hôi thối hơn. Có những xác Việt cộng của ngày tấn công hôm trước không được đồng bạn kéo đi nằm ngổn ngang trên lối đi, ruồi bâu vào những lỗ thủng của vết

thương bay vù lên như một đám bụi nhỏ khi chúng tôi đi qua. Đại đội 72 báo cáo: Bắt được một tù binh Việt cộng, tên người gầy rạc, nét mặt kinh hoàng không thể trả lời với chúng tôi được một câu hỏi. Bỏ quận lý lại, tiểu đoàn tiến dọc theo liên tỉnh lộ 14 hướng về đồn điền Thuận Lợi. Lầy con đường làm chuẩn, tiểu đoàn chia làm hai cánh quân đi song song. Đến khu rừng cao su non, khinh binh đi đầu báo cáo: Có nhiều xác chết mặc đồ bộ binh. Kéo ra đường đọt trực thăng xuống mang đi. Tiểu đoàn trưởng ra lệnh. Đến bây giờ chúng tôi mới có thể biết nhiệm vụ được giao phó: Đi nhặt xác chết của đơn vị bạn. Tiểu đoàn bạn đã được trực thăng vận đến nơi này trong ngày 8 tháng Sáu, bị phục kích ngay tại bãi đáp, trực thăng và binh sĩ bị đàn áp bởi một hỏa lực hung hãn trong khoảng thời gian nguy hiểm nhất của cuộc hành quân trực thăng vận, tiểu đoàn này đã bị đánh tan ngay trong giờ phút đầu tiên của trận chiến. Xác chết nằm rải rác dài trên cây số, càng đi sâu lên phía bắc, người chết càng nhiều. Những người bạn xấu số chết như nằm ngủ, có anh ở vị thế ngồi, có anh đang ẩn mình sau gốc cây, có xác chết như vừa ngã xuống. Đến chiều, tiểu đoàn chúng tôi chỉ nhặt được trên bốn mươi xác. Lệnh ngủ đêm tại đây, sáng mai thu nhặt nốt. Đã quen với chiến trận và xác chết, nhưng phải ngủ trên cùng một chỗ với người chết, hơi thổi bốc lên tanh cao, không ai không khỏi ái ngại.

- Cái nón sắt thẳng nào vứt đây?

Không có tiếng trả lời. Tên lính tiếp:

- Không thẳng nào nhận thì tao lấy.

Một lát sau có tiếng tru tréo:

- Đ.m... Nón của thằng chết, còn dính óc tùm lum đây nè...

Tôi hút thuốc lá liên miên, trời mưa, tưởng chừng như những xác chết phình lên dưới cơn mưa, bốc hơi ngùn ngụt và chúng tôi hít thở bầu không khí nặng mùi đó.

- Ở đây có một thằng chết nữa!!

Tên lính đổi gác về vấp phải thân ma la lớn...

- Đ.m... Chết quái gì kỳ thế này, tìm suốt buổi chiều không có, bây giờ mới bò ra.

Đêm thật dài với những thân chết bên cạnh. Một rui ro xầy đến, gió làm rơi cành cây đẽ chết một binh sĩ của đại đội 74. Xui rồi, chưa gì đã chết nhảm, kỳ hành quân này chắc cũng giống như lần ở Bến Cát... Lính bàn tán. Ngày 11 tháng 6 tiếp tục nhặt xác, trận mưa đêm qua làm các thân ma trở nên khó coi, da người chết căng mỏng tanh và trắng nhợt tưởng như đụng vào sẽ vỡ toang. Xác chết gặp nước căng phồng lên phải bốn người khiêng mới nổi. Hai người nắm cổ tay, hai người giữ đôi chân. Xác chết được kéo xềnh xệch trên mặt đường, xếp cạnh nhau như những con bê. Sĩ quan chúng tôi cũng phải làm việc này để rút bớt thời gian. Thoạt đầu còn e ngại nhưng đến xác thứ tư thứ năm lớp thịt nhũn của xác chết tiếp xúc với bàn tay hóa thành quen. Đi từ nơi để xác trở vào rừng, tôi không dám nhìn vào hai bàn tay của mình, thịt da người chết đã phết một lớp dầu trên da tay. Hai giờ chiều, xác chết đã nhặt được hết, tôi chà tay xuống mặt đất như muốn bóc hẳn lớp da. Thèm điếu thuốc lá nhưng không dám đưa bàn tay lên môi.

Tiếp tục tiến quân lên hướng bắc, mục tiêu là đồn điền Thuận Lợi, việc nhặt xác chết đã làm mọi người trở nên phờ phạc, hơn nữa dân chúng từ khu đồn điền chạy về Đồng Xoài đã báo nhiều tin tức đáng ngại. Trung đoàn Q.762 Việt cộng đang lẩn khuất đâu đây để rình rập chúng



tôi. Mọi người mệt mỏi căng thẳng đến cao độ.

Đến con đường vòng quanh đồn điền, một vài tên Việt cộng chạy thấp thoáng. Có tiếng súng nổ rì rạc ở đầu đại đội 74. Việt cộng nổ súng xong chạy vào trong đồn điền. Đúng là chúng đang dụ chúng tôi. Đoàn quân dừng lại một lát để chờ ý kiến quyết định của tiểu đoàn trưởng. Lệnh cho đại đội 74 và 72 tiếp tục tiến sâu vào đồn điền. Tiểu đoàn tiến lên phía bắc năm trăm thước thì dừng lại. Đại đội 70, 71, 73 bố trí thành một hình bán nguyệt, trông về phía tây và phía nam hướng tiến. Đến bây giờ chúng tôi cũng không biết lệnh tiến vào khu đồn điền xuất phát từ bộ chỉ huy hành quân hay quyết định của tiểu đoàn trưởng. Cấp trung đội trưởng không được họp để biết rõ chi tiết trên. Riêng chúng tôi ở đầu hàng quân đều nhận thấy rõ ràng: Địch đang dụ chúng tôi vào bẫy. Nhưng nhà binh là tuân lệnh, nguyên lý cứng nhắc đó không đủ để dẹp hết e ngại. Toán dân chúng buổi sáng chạy về Đồng Xoài đã cho chúng tôi biết: Địch ở khu đồn điền rất đông đến cấp trung đoàn, bộ chỉ huy địch tổ chức sinh hoạt như một khu an toàn. Ăn uống liên hoan, tranh giải thể thao... Chúng sẵn sàng dè bẹp chúng tôi!

- Đổng Đa đây 3 báo cáo có rất nhiều điểm khả nghi, địch bắn chúng tôi rồi bỏ chạy. Không thấy người được, địch chạy dưới giao thông hào.

Tôi báo cáo với đại đội trưởng, ông ta hỏi ý kiến của tiểu đoàn, lệnh được lập lại. Tiếp tục vào, cẩn thận.

- Vào cho chết à. - Mấy tên lính đi khinh binh cần nhần. - Nó dụ mình vào mà cứ tưởng bở.

- Dừng nói nữa, coi chừng mấy cái nhà trước mặt.

Thấp thoáng sau thân cây cao su, nhà của đồn điền bắt đầu thấy rõ, nhà gạch lớn mái đỏ, nhà làm mũ cao su, nhà thờ của công nhân, khu đồn điền trông như một thành phố nhỏ. Từ trong những dãy nhà, địch bắt đầu khai hỏa. Chỉ có súng cá nhân. Đánh được rồi chúng mày. Lính bảo nhau. Đại đội 74 đưa trung đội 1 do thiếu úy Dũng lên chiếm một dãy nhà đầu tiên, một trung đội của đại đội 72 tiến lên song song. Việt cộng bỏ khu nhà chạy sâu vào trong. Áo xanh của chủ lực quân Việt cộng hiện rõ ràng trên nền tường quét vôi trắng.

- Báo cáo không thể tiến thêm được nữa, địch quá đông, xin pháo binh.- Tôi gọi về đại đội nói như hét.

- Không bắn pháo binh được, khu đồn điền có dân và có nhà thờ.

- Dân con mẹ gì.- Tôi la muốn vỡ phổi để phản đối.- Không phải dân đâu, toàn là Việt cộng thôi...

- Bộ chỉ huy hành quân quyết định không cho bắn, anh về đó mà kiện...- Đại đội trưởng cũng hần học không kém.

Một vài người lính bộ binh thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh bị Việt cộng bắt đi trong ngày mùng 8 từ mấy ngôi nhà bên cạnh chạy ra gọi chúng tôi rồi rít.

- Không vào được đâu các anh, tụi nó cả trung đoàn ở trong đấy!!

Không thể lùi được nữa, vào đến đây chỉ còn con đường tiến trước mặt. Khu trung tâm đồn điền có một cái lều nước bên kia phi đạo, chúng tôi đang ở trên một sườn đồi, trước mặt địa thế quá trống trải. Hai trung đội của Dũng và Đỗ được lệnh ép trái, để tránh đường đạn của địch,

băng qua phi đạo chiếm khu trung tâm đồn điền. Đến giờ phút này, phía trái và đằng sau lưng chúng tôi vẫn chưa có tiếng súng. Trời bắt đầu mưa, mưa đầu mùa, gió thổi mạnh oằn thân cây, lá cao su bay dày đặc. Khu đồn điền mịt mờ như trong buổi hoàng hôn. Mưa trút nước càng ngày càng mạnh, khu rừng biến thành tối đen. Hai đại đội đi đầu dồn hỏa lực để yểm trợ hai trung đội vượt phi đạo... Thật nhanh, lính của Dũng và Đổ vượt qua phi đạo với tất cả sức mạnh của đôi chân. Được nửa phi đạo, súng nổ. Từ lầu nước, đại liên 50 và 30 ly nổ không dứt, đạn cây trên mặt cỏ bốc bụi đầy. Lính của hai trung đội ngã nhào xuống như những thân cây bị đốn. Đổ chết ngay tại chỗ, Dũng bị thương ở tay cố chạy dạt về phía trái được ba bước, một loạt đạn nữa ghim ngang ngực, Dũng ngã xuống đất bất động. Hai người lính sống sót độc nhất của hai trung đội bò về phía sau. Bây giờ súng nổ rền chung quanh. Từng loạt hô xung phong vang lên khắp bốn phía rừng. Tiếng mưa đổ trên lá, sấm sét bị át hẳn vì tiếng súng và người la ó. Trong bóng mờ mịt mù của khu rừng, những bóng đen hiện rõ mồn một.- Đầu hàng, đầu hàng! - Việt cộng vừa tiến đến vừa la lớn.

...Hàng con c...! Bắn trả lại, không kịp! Đạn chạy ra khỏi nòng súng trong nháy mắt, lấp thêm một băng nữa, một hòng súng kề trước mặt. Chạy lui vào góc cao su bắn trả lại... Lính của hai đại đội 72 và 74 chạy dạt hẳn về phía tay phải. Khu đất phía tay phải là một sườn đồi thấp xuống thật trống trải với một vườn chuối non. Hết đường rồi, trước mặt, phía trái, đằng sau AK của địch át hẳn Carbine M.2 của chúng tôi. Một vài anh lính đại đội 71 chạy lên dáo dác. Việt cộng có cả xe bọc sắt...- Đ.m, đánh không được nữa. Ông Kỳ (đại đội trưởng) chết rồi.- Máy truyền tin im bật. Bây giờ là lúc cá nhân tự chiến đấu...

Qua khỏi khu vườn chuối cuối cùng của sườn đồi, một hàng rào dây kẽm gai bít lối. Những người lính đầu tiên sắp sửa chui qua thì từ phía bắc đại liên bắt đầu nổ, tôi nghe rõ tiếng đại liên 12 ly 7. Một tiểu đội ngã gục ngay trong giây phút đầu tiên. Hết đường, đứng là đến đường cùng. Tôi chạy lui về phía nam, một cánh tượng đau lòng và kinh khiếp. Lính của đại đội 73 coi như chết gần hết, còn lại khoảng chừng hai tiểu đội vừa bắn vừa kéo lên phía chúng tôi. Cuộc gặp gỡ thật bi thảm, một phần của đại đội 70 từ cánh phải kéo đến. Trung úy Hợp, đại đội trưởng 70 chỉ tay về phía trái...- Con đường này có thể chạy được, cậu (chỉ tôi) dẫn anh em chạy ra đây.- Tôi gạt đầu bừa, kéo số còn lại chạy theo hướng vừa chỉ, cố tránh xa làn đạn đại liên của địch đang bắn dọc hàng rào... Chỉ còn một lối này, may thì sống, không thì mất. Đang phân vân chưa dám lao mình qua hàng rào, một loạt đạn bay vụt đến, tôi ngã xuống như một chiếc lá khô...

Trời tối mịt, mưa vẫn ào ào trút xuống, rừng đen thẫm. Tiếng súng đã im, nhưng xung quanh âm âm tiếng rên rỉ của người bị thương. Bây giờ tôi mới biết đạn trúng vào tay và mặt, vết thương xem như nhẹ nên rất tỉnh táo. Chính điều này mới thật khốn khổ vì Việt cộng lục soát thấy được tôi thế nào chúng cũng giết hoặc bắt đi, cả hai đều đáng lo ngại.

Tôi tỉnh táo nên có thể nghe rõ tiếng kêu cứu trong đêm tối, lời rên la thảm thiết như âm vọng từ cõi chết. Nước mắt chọt trào ra, nhớ lại những kẻ chết từ buổi chiều, nay tôi chứng kiến thêm những giây phút hấp hối của đồng bạn. Người sắp chết trong những giây phút cuối cùng chẳng ai nghĩ đến bản thân, tất cả chỉ nghĩ đến cha mẹ, vợ con... Những tiếng kêu:

- Con ơi... Minh ơi... - như những mũi daonhọn đâm thật sâu vào người, tôi muốn bịt tai lại để khỏi nghe phải. Nhưng đêm im lặng, lời than hấp hối kéo dài, vang xa... Có chân người xì âm đến, Việt cộng đi thanh toán chiến trường! Tiếng chửi mắng chen lẫn tiếng nổ khô và gọn. Chúng chửi mắng hoặc bắn chết thương binh. Chưa bao giờ tôi căm thù và ghê tởm bọn chúng đến ngần này. Chiến tranh là luật của sống chết, nhưng khi người đối địch với mình ngã xuống thì ai nỡ lòng nào để hành hạ và giết chết. Lũ chúng nó, loài không có linh hồn. Đã bao lần chúng tôi bắt được tù binh, kẻ cho thuốc lá, người cho cơm ăn, những người lính Nhảy dù xưa

nay vẫn có tiếng là cứng rắn nhưng chưa một lần nào chúng tôi hành hạ tù binh, huống gì tù bị thương. Nhưng ở đây, bọn Việt cộng như một kẻ vô linh hồn, chúng quên mất tình người... Người nằm đấy, những người Việt Nam chung với chúng một dòng máu, chiến tranh đã biến đổi họ thành thù địch trong trận đánh, nhưng bây giờ còn gì để tạo nên thù hận! Nhưng rõ ràng tôi nghe trong bóng đêm những tiếng chửi mắng tục tĩu, và những tiếng nấc cuối cùng của người chết khi nhận những lát dao tàn bạo hoặc những viên đạn cuối cùng thật chính xác nổ vào đầu... Tôi bò nhanh về phía tay phải theo triền dốc, đâu đâu cũng có người chết, có xác đã lạnh cóng, có xác còn nóng của những kẻ vừa chết. Tôi đụng vào một người.

- Ai đó? Tôi, Cầm đây, cứu dùm tôi với...

Có tiếng chân người chạy đến, một tên Việt cộng...

- Mẹ mày, để tao cứu cho.

Nó cười hèn hếch man dã, một viên đạn nổ chát chúa, nó bắn vào đầu anh Cầm... Tôi nằm im không nhúc nhích, mặt úp xuống lá cao su. Tôi giả vờ chết khi tên Việt cộng đá vào chân. Hỏa châu bắt đầu thả xuống, những xác chết ẩn hiện theo luồng ánh sáng xuyên qua cành lá kính khiếp và thê thảm như một cảnh địa ngục. Một phi cơ xuất hiện, bom trút xuống, khu đồn đồn rung rinh như cơn động đất, lửa cháy sáng rực, những người bị thương cố vùng lên để chạy xong ngã xuống, chập choạng nhưng xác chết nhập tràng... Tôi cố bò về phía ngọn suối, vượt qua hàng rào dây kẽm gai, dè ngay lên một xác chết... Khoảng bốn giờ sáng, tôi kiệt lực khi biết mình ra đến con lộ chạy từ Đồng Xoài lên. Việt cộng tập hợp điểm danh ồn ào cả một khu rừng, rồi chúng bắt đầu đi. Bước chân người dồn dập như một cuộc diễn binh vĩ đại kéo dài cho đến khi trời ửng sáng. Không hiểu ai đã ra lệnh cho cuộc đội bom vừa rồi? Chắc hẳn những người đó muốn kết thúc thời gian hấp hối của thương binh đơn vị tôi! Tiên sư cha chúng nó, sao không dội bom ngay trên con đường nơi Việt cộng tập hợp... Tôi chửi thề với uất giận cao độ. Hai mươi bốn giờ sau khi về được bến Đồng Xoài, lớp thịt chung quanh chỗ bị thương đã thối loét hẳn đi, tôi muốn thổ huyết vì giận dữ khi đi qua lều của bộ chỉ huy hành quân, những viên sĩ quan tham mưu ngồi nhìn tôi như con vật lạ...

Những sự kiện trên đây do Hải, người trong cuộc kể lại. Tôi nghỉ dưỡng thương ở nhà nên bị kịch chỉ thấy được tại hậu cứ, nơi cường độ bị thảm lên tới tột đỉnh. Ngày 12 tháng Sáu đang ở Sài Gòn, đột nhiên lòng nóng như lửa đốt, vết thương ở bụng từ tháng Ba đến giờ vẫn chưa lành hẳn. Tôi mượn chiếc Lambretta của một người bạn chạy thật nhanh về nhà ở Biên Hòa. Dọc đường gặp một người lính cùng đơn vị.

- Thiếu úy có biết gì không?

- Có gì xảy đến cho tiểu đoàn, bao giờ tiểu đoàn về?

- Vậy không biết gì hết sao? Tiểu đoàn đụng nặng ngày hôm qua, giờ này chưa biết rõ, nhưng chắc bị nặng lắm...

Tôi bỏ anh ta lại đằng sau, phóng xe như bay vào phi trường, doanh trại chưa đến nhưng đã nghe lao xao tiếng người...

Gia đình binh sĩ đứng đông nghẹt ở sân cò, những người vợ lính con cái xúm xít, nét mặt lo âu, có người đã khóc thút thít, tóc xỏ tung, nước mắt đầm mặt, có người không đủ bình tĩnh nằm vật ngay trên thềm của văn phòng... Thiếu úy San, chỉ huy hậu cứ bối rối an ủi từng người một.

- Sao anh San? - Tôi hỏi nhỏ - có tin gì đích xác không? - Anh San kéo tôi vào văn phòng.
- Nặng lắm, chưa biết rõ chính xác, nhưng chắc là ông Trường và ông Phó chết rồi!
- Tiểu đoàn trưởng chết, thì còn gì nữa. Các sĩ quan khác ra sao?
- Chưa biết rõ, chỉ còn năm ông sống sót... Bác sĩ, ông Tân, ông Đông, đại úy Phát và Chánh.
- Còn các sĩ quan khác?
- Chưa rõ.

Mấy thằng bạn của tôi?!! Người tôi như bị say sóng, ngồi xuống một chiếc ghế, thấy mình kiệt lực.

- Anh tính mình mất bao nhiêu?
- Chưa rõ được, nhưng chắc hơn một trăm.

Con số đó tất nhiên đã được nói dối, chắc chắn rằng số thiệt hại có thể gấp đôi chưa kể người bị thương, bị bắt cóc, thất lạc. Tiểu đoàn của tôi, đơn vị nuôi dưỡng tôi trong những ngày đầu tiên, những thằng bạn mới ra trường của khóa 19 làm sao có thể sống sót với quân số tử thương trên hai trăm! Tôi nghẹt thở như máu chảy lệch đường tim. Gia đình binh sĩ càng ngày càng đông, tiếng khóc như dao cắt vào thịt. Tôi bỏ đi ra phía cổng tiểu đoàn, nơi phòng trực; lính hậu cứ im lặng buồn bã. Tôi nhìn trời chiều, lòng u ám như kéo giông.

Ra đến Biên Hòa, đêm vừa xuống, đèn tình nhỏ mù mờ. Tôi thấy khó khăn phải sống cho đêm sắp đến, làm gì bây giờ? Rượu, thôi chỉ còn loại thuốc quên lãng đó cho những giờ khắc công đồ này. Tôi đi vào quán rượu ở Biên Hùng, lính Mỹ đông nghẹt, tôi cần không khí ồn ào này. Gần mười hai ly bourbon sec cháy cổ được tống thật nhanh vào người. Trong cơn say, nỗi buồn chín đỏ nằm riêng một góc tâm hồn không tan biến. Không biết trở về nhà bằng cách nào, nhưng nửa đêm tôi tỉnh ngủ để thấy nước mắt mình ướt má.

Bây giờ không phải là giấc mơ, nhưng là một thực tại của tàn bạo. Tiểu đoàn tôi tử thương trên hai trăm người. Những xác chết dần được đem về từ ngày 13 cho đến ngày 18, tôi nhìn rõ từng người, những người tôi đã từng thấy họ sống, cười, lo âu, vui sướng. Tôi kéo bao cao su để nhìn thấy Dũng, thằng bạn nhỏ từ ngày xa xưa ở Đà Nẵng, lúc còn là sói con, sáng đánh bóng rổ, chiều đua xe đạp vòng quanh sân trường. Tôi nhớ dáng dấp nhanh nhẹn của nó mỗi lần dẫn đội banh ra sân, nụ cười tươi tắn hồn hậu. Tôi với nó không thân với nhau lắm, Dũng thuộc loại học sinh được lòng thầy, sói con được lòng huynh trưởng. Tôi quá tệ, ai cũng ghét. Nhưng khi gặp nó ở đây, trong thành phố xa lạ, tôi với nó cần nhau biết mấy. Bây giờ nó nằm yên, nét mặt bình thản như trong giấc ngủ, mắt khép hờ, da hơi tái. Như thế xác của Dũng được xem như còn "tươi" nhất trong số những cái xác khác đem về cùng ngày. Kéo fermeture che kín thân thể nó lại, người tôi vỡ toang đau đớn. Khu nghĩa trang như một cái địa ngục, trời miền Nam bắt đầu vào mùa mưa, đất đỏ từ lối đi vào đến nơi chứa xác lây lịm tường như có pha máu người. Thân nhân người chết than khóc, lăn lộn trên lớp bùn non, áo sơ trắng lấm đất đỏ như dấy máu. Hơi đất, hơi người sống, người chết, mùi hương đèn lẩn lộn ngậy nồng nặc, chói sáng vằng... Ngay đến những người lính ở trung đội chung sự cũng phải rời rã... Bỏ người chết ở lại nghĩa trang, tôi đến bệnh viện Cộng Hòa để tìm người bị thương vừa được mang về. Hải đây rồi, người xanh dợt như lá non, thịt ở chỗ bị thương ủng thối nồng nặc. Tôi ôm lấy nó, nước mắt chảy ra lúc nào không hay... Hải bật khóc thành từng tiếng nhỏ, giọt nước mắt vì sống sót

chen lẫn mắt mắt những người thân. Bây giờ tôi mới biết thêm cảnh anh Ký khóa 17 trong những phút cuối cùng của cuộc đời đã bình thản đốt cháy tất cả giấy tờ đặc lệnh truyền tin. Anh Hợp bình tĩnh hút những hơi thuốc pipe cuối cùng trước khi tự bắn vào đầu. Trung úy Kỳ, đại đội trưởng 71, tự mình chống trả với địch trong cơn hấp hối, Đại úy Hải, tiểu đoàn phó, chửi vào mặt Việt cộng khi chúng bảo đầu hàng, chết với chiếc combiné còn ở trong tay, ngồi tựa vào gốc cao su ngang tàng và dũng mãnh... Người lính già của những trận Lạng Sơn, Điện Biên Phủ thở trước chết như hình ảnh của một anh hùng. Tôi đi xuống khu ngoại thương của binh sĩ - Lưu Diên - anh lính cao không đầy thước rươi, người chỉ mang được ba quả đạn 57 ly, hai chân bị bắn nát dòi bò ra theo vết thương, đã bò bằng hai tay trong năm ngày với đoạn đường hơn mười lăm cây số, đói khát và kiệt lực nhưng không ngã lòng. Khi tôi đến, người anh chỉ là một xác ma, dấu vết của người sống chỉ còn lại ở đôi mắt. Tôi chỉ biết im lặng cầm lấy bàn tay gầy guộc bám đầy đất đỏ bùn non. Có cảm giác như đang nắm một cành củi mục. Tôi chạy như con thoi giữa hai trục nghĩa trang và bệnh viện, người khô cứng trong tận cùng của mệt nhọc và buồn phiền. Không thể nuốt một thức ăn nào khác ngoài bánh ngọt, đưa muỗng cháo vào mồm, mùi thịt bò gây gấy làm nhớ đến những xác chết sau bảy ngày chường sinh nhầy nhựa, khi ấn vào quan tài nước phọt lên có vôi, những xác chết khi được mang từ nhà xác đi ra trông như cử động vì dòi trên thân thể bò lúc nhúc chen lẫn nhau. Dù thương mến đến tột độ, người thân khi nhìn thấy xác của kẻ thân yêu trong tình trạng như vậy chẳng có ai can đảm để đến gần. Đâu còn là vóc dáng của người thương mến, chỉ là một tảng thịt đã rữa nát đầy dòi bọt hôi thối đến kinh khiếp.

Đưa quan tài của Dũng lên máy bay, chào trước mộ của Kỳ và Đỗ lần cuối, sau một tuần lẫn lộn với người chết, người tôi tan đi trong một cơn mê nồng nặc đầy hơi chết và lòng tràn giông bão. Những xác chết ám ảnh tôi đến kỳ quái, ngay trong giấc ngủ, sự yên lành cũng không có, tôi la hét, khóc lóc đập phá trong cơn mê. Và nỗi tỉnh thì không còn nữa, rượu uống vào hoài hoài, chưa bao giờ thấy rượu ngon và cần thiết đến thế — Một không đời đã đổi tôi thành kẻ lạ rồi... Một tên hung bạo, trí não căm hờn và thù hận. Tôi chết một phần người trong tôi.

Ôi! Tháng Sáu năm 1965, tôi ghê sợ biết chừng nào.

*Tháng 6-1965. Đồng Xoài (Bình Long)*

## **MỘT NGHỀ NGHIỆP NGUY HIỂM**

Bây giờ tôi đang ở Trung Tâm Huấn Luyện tân binh, công việc không có gì khó khăn, nhưng hai tháng qua đã làm cho tôi mệt thật sự — Sự mệt nhọc không phải ở công việc, nhưng ảnh hưởng của những việc làm nhỏ nhặt nơi trung tâm này gây nên một sự khốn khổ kỳ lạ. Tôi thấy rõ nghề nghiệp này quả là đáng sợ, kéo con người xuống hố sâu tuyệt vọng không cùng.

Tôi dạy lính về kỹ luật, làm đại đội trưởng khóa sinh, dẫn tân binh đi học, đi ăn, cho đi phép, dạy tập chào, tập đi, tập đứng. Nếu tôi chỉ làm ngàn ấy thứ với một sự bình thường thì chẳng nói làm gì, đằng này tôi chỉ huy với một nhiệt tâm được hướng dẫn bởi tàn ác kinh khiếp nguy trang một cách khéo léo. Có thể nói chắc chắn rằng tôi không phải loại người có ác tính và cũng không bao giờ trở nên tàn ác được dù dưới một ảnh hưởng nào. Suốt hai năm chỉ huy vừa qua tôi chỉ đánh lính một lần, người bị đánh chính là thằng bé đi theo tôi bị đánh vì tội đánh bạc. Tôi đánh nó mấy roi kiểu anh đánh em. Nhưng những ngày ở trung tâm này thì khác, tôi tàn bạo một cách hiểm độc, tôi nghĩ ra những hình phạt quái lạ, mới mẻ, ảnh hưởng đến trí não cùng thân thể người bị phạt đến vô cùng. Tân binh vắng mặt bất hợp pháp hai ngày, tôi phạt hai giờ "bó chặt" — Tên lính thọ phạt được nhét vào trong một lồng sắt, tay và chân đút vào trong bốn lỗ thùng của chiếc gông, xong trùm lên cái poncho. Người lính bị đóng khung trong bốn chiếc lỗ, không nhúc nhích vào đâu được, và độc hại nhất là hơi nóng dưới lớp áo mưa.

Tinh quái hơn nữa, tôi đặt trước mặt kẻ bị phạt cái đồng hồ, người bị phạt có cảm giác như bị đè nặng dưới một cực hình không giới hạn.

Tôi biến chế ra những hình phạt để áp dụng cho từng loại người một, tôi khôn ngoan thâm hiểm một cách bệnh hoạn y như những tên có nhiệm vụ tra tấn tù nhân trong các trại tập trung. Kinh khủng hơn hết là tâm trạng bình thản lạnh lùng, vẻ sáng suốt tàn ác mà tôi có được khi ra lệnh phạt. Tôi lý luận một cách thông minh — Phạt thật nặng một số ít để làm gương cho số đông, tập cho tân binh chịu đựng những cứng rắn và tàn bạo của đời lính, đau đớn ở quân trường chỉ là những bước đầu để tôi luyện tâm hồn người lính mới, chiến trường của tương lai gần sau đó sẽ bi thảm và tàn khốc gấp bội! Tôi tin tưởng vào định đề này. Chỉ huy trưởng trung tâm cũng nghĩ như thế và nhất là tân binh, kẻ thọ nạn trong cuộc phiêu lưu của lý luận tàn bạo trên lại chấp nhận tích cực hơn ai hết. Tôi không phạt oan một người nào, không cau có nổi giận, hình phạt không xảy đến như kết quả của cơn giận dữ, nhưng là một khôn ngoan sâu độc, để bắt kẻ có lỗi phải nhận hình phạt kèm mặc cảm phạm tội nặng nề.

Nhưng không phải là như vậy, dù có lý luận khôn ngoan, né tránh đến tuyệt kỹ, đằng cuối đường của sự tàn bạo kể trên, tôi thấy được khuôn mặt của thù hận. Đúng, tôi thù hận! Sau trận Đồng Xoài khi nhìn xác chết của những người bạn, những kẻ đã từng cười, từng nói, đã sống với tôi trong hai năm, những người đó đột nhiên chết đi, không phải chết lạnh lặn, nhưng chết tàn bạo và bi thảm. Họ chết ghê tởm như những xác chết qua ngày thứ bảy, thân thể đầy dòi bọ lúc nhúc; mùi thối động lại trên từng mỗi chân lông, trên mọi dây thần kinh của khúu giác nằm lì lợm trong trí nhớ và hơi thở. Suốt mười ngày liên tiếp của tháng Sáu, tôi chỉ ăn được bánh ngọt, và từ những ngày ấy cho đến giờ tôi uống rượu như một tên bợm chính cống. Thù hận mọc khu rừng xum xuê theo cơn tàn phá của cơn say hàng ngày. Người ở thành phố, những người lính không đi hành quân, và gần gũi nhất là đám tân binh ngu ngơ hỗn độn dưới quyền, tất cả đều có khả năng kêu gọi thù hận bệnh hoạn khi tôi nghĩ đến cảnh chết khốn nạn của bạn bè — Nỗi thù hận nhìn thấy những người có hạnh phúc vì được sống! Ly rượu không phải là nguyên nhân nhưng là một tính chất, một cách diễn tả sự cuồng nộ. Tôi không say nhưng men rượu giúp những cảm xúc biến thành cực đoan hung bạo lạ lùng. Tôi đã đứng ở đường Trần Quốc Toản để đợi giết một người. Suốt hai ngày dưới mưa và nắng Sài Gòn, người bị nung chín bởi y định giết người — Cơn giận thoát phải có cho một giấc mơ hãi hùng. Lòng tôi không thoáng xúc động khi nghĩ đến cảnh chiếc đầu của người ấy vỡ nát dưới viên đạn của tôi. Kết quả không thực hiện được ý định vì một sự xô xát xảy ra tại địa điểm đứng rình. Thế giới bên ngoài với những trận đánh lộn hàng ngày không đủ sức giải tỏa niềm hung hăng ầm ứ trong lòng, tôi trở về trung tâm với đám tân binh, được yểm trợ lý luận khôn khéo của bốn phạm — Tôi tàn bạo như cơn mộng du đổ lửa.

Nỗi nguy tín cùng với sự tàn bạo lạ lùng trên không thể kéo dài. Những buổi chiều mưa ở trên căn gác tôi tàn đường Kỳ Đồng, khi lũ bạn đã đi vắng, tỉnh giấc sau cơn ngủ trưa nồng hơi rượu, chợt rùng mình vì gió lùa qua hàng cửa trống trải. Những lúc cô đơn đó, cơn tỉnh ngủ mở ra sự hiện hậu cố hữu của tâm hồn. Tôi sợ hãi như một người có bộ óc vàng chỉ còn sót lại một chút dính tay. Những lúc sự tỉnh này, tôi quyết định xin ra tiểu đoàn tác chiến để tìm thấy lại những biểu lộ tình thương ấm áp như trong những chiều nơi sườn đồi, người lính tôi tả gầy gò đang cố gắng nấu cho tôi một bữa cơm dưới chiếc lều đơn sơ. Những lúc sự tỉnh này tôi mới thấy tình yêu là một vật cao quý và mâu nhiệm — Kết quả như một quá trình nẩy nở của tình thương và hy vọng. Tình yêu, một phẩm vật đã lâu tôi không có.

Những ngày ở trong trung tâm này, tôi còn hiểu thêm được một điều: Khi chỉ huy một đám đông phải quên con người ở trong đó. Lính xin đi phép vì con đau nặng; tân binh trên nguyên tắc không được đi phép, tổng số trăm người, tôi là sĩ quan kỹ luật chỉ trông nom họ trong vòng hai tháng làm sao kiểm soát được tình trạng của mỗi người, thế nên phải từ chối. Nhưng nếu nhờ

con người lính đau nặng thật và chết không thấy mặt bố... Lỗi ở ai? Tôi không chịu đựng được sự tham gia vào tội ác vô tình tàn ác đó. Cái nghề này đưa tôi đến chỗ khổ sở như tình cảnh của một nhà độc tài, phải nghiêng hẳn về phía của đa số. Cứng rắn, độc đoán, hình như đây là những đức tính cần thiết của một người chỉ huy tốt. Tôi từng nhìn một vài ông lính già; đầu hót cao cừ chỉ gò bó, ăn nói cộc lốc, năm tháng nhà binh đã ngấm vào người tạo thành một lối sống không chuyển dịch. Hạ sĩ nhất hay trung sĩ từ mười năm lính trở lên đều có một linh hồn phẳng lì như phiến gạch, sau đôi mắt u tối của họ, đồ ai biết nổi vui buồn giận dữ trong lòng. Kêu lên trình diện để rầy la vì tội không kiểm soát lính. Người đứng im không nhúc nhích; nghe hay không nghe? Phản đối hay đồng ý với lời buộc tội? Chào, quay đằng sau, đi về. Tôi chưa đến nỗi vậy, nhưng tâm hồn bây giờ giống như một mảnh đất nóng đỏ đang nguội tàn dần. Đằng sau những ồn ào tôi thấy được nỗi buồn rì rầm có thật.

*Tháng 11-1965. Sài Gòn.*

## **NGƯỜI GIỮ CỬA THỦ ĐÔ**

Chúng tôi không hiểu người dân Sài Gòn quan niệm thế nào về hoạt động phá hoại của Việt cộng? Những vụ giết mìn, ám sát, khủng bố, súng nổ đầu xa lộ, phía bót quận 8... Có đủ cho người vùng Sài Gòn, Gia Định những ý niệm về chiến tranh, thứ chiến tranh phá hoại, không quy ước. Hay vụ nổ làm sập ngôi nhà đường Nguyễn Cư Trinh, người chết do mìn gài trước Tòa Đại sứ Mỹ cũng chỉ gây nên thắc mắc nhỏ... Việt cộng đã làm như thế nào để xem được những khối nổ kia? Tại ương chiến tranh đặt ngang điệp vụ của loại phim trinh thám. Người Sài Gòn có bao giờ biết, mỗi hoạt động phá hoại là kết quả của một công trình nội, ngoại tiếp tay phối hợp với nhau thật tỉ mỉ và chính xác. Người dân ở Thủ đô có bao giờ biết mỗi lần biểu tình xuống đường lựu đạn chất nổ được đưa vào Thủ đô nhiều hơn, Việt cộng xích gần về phía Nhà Bè - xa lộ - phi trường Tân Sơn Nhất thêm một chút nữa... Một vụ tự thiêu, hợp báo là du kích đặc công tiện dịp có mặt tại Sài Gòn với chất nổ đã gài ngòi. Chung quanh Thủ đô có trung đoàn 165 A gồm những đơn vị đặc công, chuyên cận chiến trong thành phố. Tiểu đoàn 6 trung đoàn này xuất phát từ mật khu Lý Văn Mạnh hoạt động từ Bà Hom, Bà Quẹo (phần lớn của tiểu đoàn này bị tiểu đoàn 2 Dù đánh tan đầu năm 1967 tại ấp Vĩnh Hạnh). Tiểu đoàn này đưa một đại đội vào sát vùng hoạt động của chúng tôi để điều nghiên, thám sát, phối hợp với ba trung đội du kích ở các xã Bình trị Đông, Phú Lâm, Phú Thọ Hòa. Du kích ở đâu? Chính là dân chúng ở đây sau khi trốn ra bung học tập trở về sống như người thường. Họ cung cấp tin tức và khả năng của các đơn vị giữ Thủ đô; dẫn đường lực lượng chính qui tấn công vào Sài Gòn; cầm chân quân đội Cộng hòa khi các đơn vị này rút đi. Những vụ pháo kích vào phi trường Tân Sơn Nhất là kết quả cụ thể của phối hợp du kích địa phương và chính qui. Để đối phó lại, những hoạt động trên, ta có những đơn vị chủ lực và địa phương quân, những đơn vị tổng trừ bị trấn giữ, lực soát tảo thanh chung quanh ven đô. Nhưng hoạt động chính để bảo vệ Thủ đô thật sự nằm trên vai những người lính không đồng phục, không qui chế, không quân số... Những người lính từ lũy tre, sinh và sống trên đồng ruộng. Người lính Nghĩa Quân, kẻ nhận diện được mỗi du kích, biết tên Thảo chỉ huy du kích vùng Vĩnh Lộc con ai? Láy ai? Trốn ở đâu? Người đối đầu với Việt cộng chính là những người lính, ngày gói đầu trên đôi dép ngủ dưới hàng cây bên đường làng, đêm họ tập họp lại thành tiểu đội, trung đội nếu cần, và đây là nông thôn vùng lên, dành lấy quyền sống, làm người tự do không cần tuyên ngôn, không hội thảo, xuống đường. Anh Ba đi Nghĩa Quân từ năm 1962, một khẩu súng, vài trái lựu đạn, thế là anh mang lên mình bản án tử hình của Việt cộng -Làm tay sai cho Mỹ giết hại đồng bào - Với số lương 1.200 đồng mỗi tháng!

Tôi biết anh từ năm 1964, lúc Sài Gòn hỗn loạn hơn bao giờ hết giữa hai phe tôn giáo. Việt cộng ngưng hẳn hoạt động lớn, dồn lực định đánh về Thủ đô, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích thường xuyên. Áp lực địch đè nặng trên vùng này, anh theo đơn vị chúng tôi để chỉ dẫn

từng địa thế, nhận diện những người tình nghi.

- Đằng sau cái nhà vuông có con đường, tụi nó hay gài mìn, thiếu úy coi chừng!

- Trong bản đồ tôi không thấy gì cả!

- Đường xe bò đi, bản đồ đâu có ghi. Nhà bà già sát bên quán nước trong ấp Vĩnh Hạnh có đứa con thoát ly!

- Nó đi lâu chưa?

- Đâu khoảng tháng tư năm ngoái, nó tên Long, có con chị thoát ly về rồi, về hôm tháng sáu.

Đại khái như thế anh cho tôi biết từng chi tiết quý giá mà không một cơ quan tình báo nào có thể cung cấp. Năm 64, 65, 66... đơn vị tôi thay đổi từng vùng chiến thuật, bị thương, bị chết, mất tích. Những người lính dưới quyền tôi thay đổi hết, nhiều lính mới về, những khuôn mặt quá trẻ so với già cỗi tàn ác chiến tranh. Đơn vị tôi gặp nạn, tôi sau lần dưỡng thương, làm việc nhẹ, nay tiếp tục đo chân trên chiều dài quê hương. Bây giờ tôi ở đơn vị mới, trở lại vùng này gặp anh Ba. Anh nhận ra tôi trước.

- Thiếu úy... A, Trung úy có nhớ tôi không? Tôi tưởng trung úy chết ở trận Đồng Xoài rồi chứ.

- Không chết, chỉ bị thương thôi.

- Mấy người lúc trước đi theo Trung úy đâu? Cái anh "tây lai" người nho nhỏ đấy.

"Anh tây lai nhỏ", tôi kêu một tiếng trong lòng, Thái, thằng nhỏ theo tôi trong suốt thời gian dài, ích kỷ, nông nổi và trẻ con, thằng bé thường thủ thỉ với tôi những câu chuyện vu vơ sau những tối đã đóng quân xong... Bỏ quê hương miền Bắc vào Nam đi lính, thích đội nón đỏ mặc đồ saut... Chết không được xác định.

- Mấy người theo tôi chết hết cả rồi, bây giờ tôi đang ở tiểu đoàn mới. Còn anh... Có gì khác không?

- Cám ơn Trung úy, bây giờ tôi được lên trung đội trưởng.

Anh Ba bao giờ cũng vậy, sự gian khổ đến một lúc nào đấy không thể ảnh hưởng được trên anh; mặt anh không thể đen hơn, người không thể gầy hơn.

- Anh Heo bây giờ thế nào? - Heo, người nghĩa quân từng hạ hàng chục Việt cộng bằng súng cá nhân, gã lì lợm có thể uống đến mười xị đế.

- Heo nó bị thương một lần, Trung úy không biết đâu, khoảng tháng tám năm ngoái, cũng chiều chiều như thế này, tụi thằng Heo vừa đến ấp Vĩnh Tín thì bị đụng tụi nó. Ông quận đem quân lên bị đánh dội ra... Tụi thằng Heo có bảy thằng chết ba, bốn thằng bị thương cầm cự cho đến bốn giờ sáng!

- Anh có bị một lần nào như thế không?

- Có lai rai một lần ở Vĩnh Phước... - Anh bình thản nhắc lại đoạn thời gian và trận đánh. Vẫn là muôn ngàn trận đánh điển hình giữa nông dân và du kích, giữ từng tấc đất, từng bờ ruộng,



không phi pháo yểm trợ. Chỉ có lòng yêu thôn xóm, một ý thức về bản phận kèm thêm can đảm của con người muốn tồn tại. Đã bao lâu Việt cộng tối tăm hóa, ngu ngốc, hèn hạ, khêu gợi những bản năng căm thù, mặc cảm giai cấp và giọng giống để kéo dài chiến tranh, những người Việt Nam ở bên này không bị nung đỏ bởi hận thù, họ vẫn tiếp tục chiến đấu để làm sáng mắt người huynh đệ mù tối. Tôi chưa thấy trong lời nói của anh có dấu vết thù hận. Chỉ kiên nhẫn và chịu đựng.

Tôi bắt tay anh, hẹn ngày mai gặp lại, anh ngồi xuống vệ đường nhìn ra vùng đồng ruộng. Có mơ ước gì không, người trung đội trưởng nghĩa quân, một tháng một ngàn bốn trăm đồng bạc, một bao gạo hai thùng dầu ăn?!! Anh có cái gì để đãi ngộ xứng đáng? Trên đầu chiếc phản lực bay vút đi như cánh chim. Anh có so sánh và tị hiềm nào không?

Tôi biết rằng anh không biết thế nào là chủ nghĩa Cộng sản, nhưng anh tin chắc một điều, ngày nào vẫn còn loại người về áp phát loa: "Đồng chí Chủ tịch Mao Trạch Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh... đã nói: Chúng ta phải quét Mỹ xâm lược ra khỏi thôn ấp"... Anh vẫn còn phải chiến đấu vì anh biết thằng Thảo, đội trưởng du kích đang ở vùng Xuân Thới Thượng đã cắt cổ ba ông Trưởng Ấp - Anh chiến đấu vì điều này làm anh phần nợ.

Thủ đô nhảy múa, hò hét, chuyển động ồn ào sau lưng anh, họ nhân danh người Lính, nhân danh Tổ Quốc. Mặc kệ, anh sống xây lưng về nó - Sài Gòn - Thủ đô bạo động và dối trá. Thành phố đè lên vai anh.

*Tháng 4-1966. Bà Điểm.*

## **LÁ CỜ TRONG ĐƯỜNG PHỐ**

Gởi Phan Duy Nhân

Chúng tôi đến Đà Nẵng lúc thành phố đang trong cảnh chết, nhà đóng cửa, đường vắng dầy kẽm gai dằng dầy, biểu ngữ chống chính phủ căng la liệt. Thành phố lặng lẽ nổi phản kháng tuyệt vọng. Im lặng đáng sợ như một trái bom đã rút chốt.

Tôi không ngờ trở về với thành phố tuổi nhỏ trong cảnh oái oăm như thế này, con đường Khải Định chạy qua đường Ông Ích Khiêm đến Chùa Tĩnh Hội giờ này lặng lẽ và nguy biến. Con đường này thuở xưa qua khỏi cầu Vòng ngọc lá phượng xanh dẫn đến biển, xe đạp học trò lăn đi như bánh xe hồng trong cỏ tích. Nhưng bây giờ thì đã khác. Chia lính đi hai bên đường, súng cầm tay, áo giáp, nón sắt, vì từ một ngôi nhà nào đó biết đâu có thể một họng súng đang hướng về tôi! Người bắn đó là ai? Có thể là một người mà tuổi nhỏ tôi đã biết... Từ cầu Vòng xuống khỏi chiếc dốc rẽ về phía tay trái, đường Đông Kinh Nghĩa Thục, trước sân vận động, nhà chị M... Tối mùa đông gió thổi, lá cây phượng rơi đầy sân, tôi cùng Tr và M ngồi cạnh nhau ở bậc tam cấp trước thềm nhà, Tr thổi kèn cầm bài Étoiles des neiges, tuổi mười bảy đẹp như nốt nhạc hoang đường, tình bạn, tình yêu, ước vọng mù mờ của tuổi mới lớn hòa hợp, se sắt nồng nàn như cơn gió mùa đông làm căng da mặt, nẻ những đường môi rơm rớm hơi máu nóng. Đà Nẵng, bên kia cầu Vòng qua hai ngã tư, nghĩa trang người Pháp, trên đồi cao đầy bóng cây đại, tôi trái chiếc blouson trên một mộ bia ngủ thiếp đi trong mùi thơm nồng nồng của hoa Sứ. Trời mùa đông xám đặc như xuống thấp, từ độ cao u ám của nghĩa trang, tôi sống như gạch nổi giữa nổi chết cùng sự sống. Bỏ nghĩa trang tiến thêm một đoạn, rẽ về phía tay trái, trường tôi... Thuở ấy chỉ có một dãy nhà ngang sáu lớp, hàng cây phượng mới trồng trơ vơ trên nền đất cát trắng. Lúc nhập học trời vào thu, trong lá cây kiên kiên đầy bướm ngài sặc sỡ, lũ bướm chập chờn bay yếu đuối như cánh đời đài các phải chạm vào cuộc sống gió bão. Nơi chốn này, lớp học thứ hai kể từ tay trái, bàn thứ hai bên phải, tôi dùng mảnh chai khắc tên trên bàn học với hy vọng một tương lai trở về trong vinh hiển, sẽ đi vào lớp học, ngồi lại trên ghế

băng học trò mát lạnh, thật im lặng rồi chào người thầy học cũ để ra đi, thành kính như Đại Tướng Carnot của bài học thuộc lòng thuở nhỏ...

Nhưng bây giờ, tôi đang trở về trên quê hương thơ ấu và không phải là như vậy. Ngôi trường kia và tôi giờ này quá xa cách, người ở thành phố này có thể đón ngã tôi trong khoảnh khắc. Thực tại đã giết hết kỷ niệm. Lệnh tập hợp đại đội lại đi về phía chùa Tĩnh Hội vì lực lượng biểu tình từ trong chùa đang tiến ra. Ở Sài Gòn suốt thời gian cuối năm 1964, tôi đã va mặt với đủ các loại biểu tình, đã hiểu thế nào là nỗi chịu đựng của người lính khi đối diện với đám đông nhân danh Tổ Quốc và Thượng Đế... Nhưng ở đây thì khác, tôi linh cảm một sức mạnh bí ẩn làm động cơ thôi thúc một tập hợp hỗn độn đứng hẳn về một phía chống chính quyền. Đằng sau đám đông trước mặt này là gì? Tôn giáo, Đảng phái ái quốc cực đoan hay là Mặt Trận?

Tôi không rõ, nhưng với đám đông này tôi không thấy phần nộ như ở lần trước Viện Hóa Đạo, đường Trần Quốc Toản Sài Gòn. Bây giờ là một nỗi buồn rầu mệt nhọc đang tràn đầy...

Coi chừng tụi nó có súng, có thể chúng tấn công vào anh... Đám biểu tình dẫn đầu bởi một người mang lá cờ. Gã phát cờ và bắt đầu bằng những lời lẽ khích động, những lý luận thông minh được diễn tả bằng một giọng hùng hồn đanh thép đầy nhiệt tình. Tôi chóng mặt, người như muốn ngồi xuống với một nỗi xót xa... Dinh, đứng nó đấy, thằng bạn của tôi, thằng bạn của những ngày còn bé đã nuôi dưỡng hoài bão thay đổi đất nước và văn hóa. Không phải mơ mộng viễn vông nhưng là một ước vọng ám ảnh hiện thực. Và bây giờ cũng bằng giọng nói đó, ánh mắt rực lửa đam mê đầy nhiệt tình... Dinh đang đứng trước mặt tôi! Dinh ơi, mày có biết cho tao không? Lệnh tấn công được ban ra, tiêu lệnh riêng phải bắt cho được gã cầm cờ. Chúng tôi và Cảnh sát đã chiến bắt đầu tấn công. Tôi thấy nó, thằng bạn của tôi tóc xõa dài xuống trán, tay nâng cao lá cờ lúc chạy lui. Hình ảnh này giống một cảnh trong War and Peace do Mel Ferrer đóng. Tôi không phải là Napoléon, nhưng đang là kẻ chiến thắng phía bạo lực, và thằng bạn tôi đang chạy lùi về sau. Chưa bao giờ cảm phục một người trong đời đến như vậy.

Một viên đạn nào trúng nó, tôi thấy nó ngã quỵ, Cảnh sát đã chiến nhào tới, tôi thấy cánh tay nó đưa lên vùng vẫy, những cánh tay cứng rắn nhưng tài hoa - Những ngón tay ngày xưa mỗi khi diễn tả ý nghĩa hay đọc một câu thơ, thường hoa lên trước mắt tôi:

- Đem tình thương dựng nên đời,

- Không tro tàn, bếp lạnh...

- Mỗi độ xuân sang rộn tiếng trẻ thơ cười.

Câu thơ mở đầu cho đặc san Chỉ Đạo của Thủy Thủ được nó ngâm đi, ngâm lại nhiều lần, những ngón tay dài kia theo câu thơ chuyển động trước mắt tôi. Nhưng bây giờ chỉ còn là những ngón tay tuyệt vọng. Dinh ơi!! Tôi kêu tiếng đau đớn trong lòng.

Từ thuở bé tôi vốn không thích làm chuyện lớn, nhưng tôi với nó chơi thân với nhau vì cùng thái độ thiết tha với những điều mình yêu quý. Những ngày ở Đà Nẵng tôi và nó chưa thân tình lắm; nhưng kể từ những năm về sau, lúc Dinh về ở tại căn phòng nhỏ cạnh cầu Bạch Hổ - Huế, chúng tôi mới thật gần nhau. Căn gác nhỏ trong mùa mưa lạnh buốt như thổi đá, gió từ sông thổi lên luôn qua khe cửa trống trải lồng lộng. Nó ngồi như kẻ điên, một thứ điên tỉnh táo, tội nghiệp, làm nhằm kể cho tôi nghe cảnh người ta vớt xác đưa em gái độc nhất của nó... Đứa bé gái tóc dài, mắt đen, mười hai tuổi, thông minh và xinh xắn như nàng tiên nhỏ. Nó kể cho tôi nghe cảnh người ta kéo xác em nó vào bờ nó ôm thân thể nhỏ bé ấy vào tay, bé xác em đi thất thểu trong trời đông u ám. Những câu chuyện rời rạc về người cha, một người gác cổng xe lửa

bị lao xương, đưa em trai bị tê liệt lâu lâu lên cơn một lần giật bắn người, sùi bọt mép! Những câu chuyện đó lập đi, lập lại hoài bằng giọng nói... Không, bằng những tiếng hú thất thanh, tuyệt vọng như loài chó bị trấn nước. Nhưng trong những ngày tháng thê thảm đó, tôi vẫn chưa hề nghe nó một lần than vãn. Không phải là một thái độ thách đố kịch cỡm, nhưng với một can đảm dũng mãnh, Dinh vẫn chú tâm dịch cho hết cuốn Condition Humain, vẫn nuôi dưỡng những hoài bão tưởng như chỉ là huyền thoại, nhất là nói về thơ một cách si mê, cùng với tình yêu của một người con gái tên Hà. Sau này có gặp những cảnh đời khắt khe, tôi vẫn can đảm chịu đựng vì nghĩ đến Dinh, một người bạn dị biệt, tài hoa và can đảm đáng kính phục.

Từ thời gian ấy trở về sau này, tôi không được tin tức gì về Dinh cho đến ngày hôm nay. Không biết vì một chủ quan nào, tôi vẫn nghĩ rằng Dinh không thể là một người Cộng sản thuần thành được. Đây chỉ là một nghệ sĩ mang nhiệt tình vào đời sống và áp ủ hoài bão dậy quê hương lớn lên. Tôi tin chắc như vậy. Dinh ơi, lâu quá tao không gặp mày, nhưng tao vẫn nhớ lá thư tình dài hơn hai mươi trang giấy học trò của mày. Nhớ để nghĩ rằng đây tuy là tình yêu lãng mạng của tuổi mới lớn, nhưng đồng thời xác định nỗi thiết tha của mày, lòng của một người luôn luôn muốn sống chân thật. Mấy năm sau này dù mày có vào khu ra báo cho Mặt Trận nhưng tao vẫn nghĩ rằng đây chỉ là một thể sống trong giòng đời sôi nổi và đam mê của mày. Không có một chủ nghĩa Cộng sản nào trong mày hết, chỉ có một lòng tin: Đem tình thương dựng nên đời... Phải thế không Dinh? Tao là kẻ bông lông, lếu láo ngay cả trong tư tưởng, đối với tao chẳng có gì đáng để gọi là lý thuyết và chủ nghĩa. Nên hình ảnh của mày để tao nhớ chỉ là những buổi chiều mùa đông, mưa giăng kín mặt sông, mày làm thơ tặng Hà viết vào cuốn nhật ký của tao...- Từ đó xa em đời ở trọ...

Mày chỉ nên làm gã thi sĩ của tình yêu, của lòng NHÂN. Ai có thể biết được một tương lai sau này, tao trở thành một tên lính chứng kiến lúc mày ngã xuống cho một quê hương tốt đẹp chỉ có nơi hư vô.

*Tháng 7-1966. Đà Nẵng.*

## **VỀ MỘT THÀNH PHỐ HƯ HẠI**

Trên chiếc xe chở toàn thể sĩ quan về hội quán Phụng Hoàng, tôi chợt nhớ đến một điều, hôm nay là ngày sinh nhật, tôi đúng hai mươi ba tuổi.

- Hôm nay là sinh nhật của tôi, được hai mươi ba tuổi rồi đó...

Thiếu tá tiểu đoàn trưởng hỏi đùa:

- Hai mươi ba tuổi, già quá hả?

Mọi người lao nhau theo để trêu chọc... Hai mươi ba tuổi, quan hai còn nhỏ lắm, không ăn thua gì đâu...

- Nhưng vẫn năm năm lính rồi chứ ít gì.- Tôi phản đối.

Đức nói nhỏ vào tai:

- Mới bằng thời gian người ta đi chơi bời thôi con trai!

Tôi cụt hứng ngồi im.

- Thế nào người anh hùng nhỏ tuổi, nhớ vợ phải không? - Châu "ghẻ" kể thêm một câu.

- Đ.m... Con giai tôi không dám không biết cái "ấy" của vợ ở đâu nữa, tôi cứ tưởng nó nhỏ lắm, ai ngờ chỉ mới hai mươi ba tuổi.

Anh Ba "râu" tay ăn nói bạt mạng nhất ở Nhảy dù, phán thêm một câu làm tôi chết cứng. Tôi còn trẻ lắm, hai mươi ba tuổi chưa biết mẹ gì! Ai biết được thế nào là mười năm đã qua của tôi... Năm ngày hành quân vừa rồi, hai mươi lăm cây số đường rừng không thấy mặt trời, ngày di chuyển từ bảy giờ sáng đêm đóng quân thức giấc liên miên vì sợ Việt cộng đột kích. Người tôi đã ở tận cùng gian khổ. Hôm qua, tám giờ tối rút ra gần quận Lệ Thanh, đêm miền núi lạnh như cắt da nhưng cũng phải nhào xuống dòng suối lạnh buốt để kỳ cọ, năm trái bắp sống ăn không kịp nuốt vì đói! Cảnh khổ của ba năm liên tiếp không đủ cho tôi già sao? Cực khổ, tai ương, nhọc nhằn, cùng với những rối rắm, phiền hà của thời gian qua chưa đủ làm tôi trở nên người lớn? Và bao nhiêu thống khổ từ niên thiếu?! Tôi làm li cho đến hết bữa ăn. Ăn xong, mọi người kéo nhau vào phòng nhảy.

- Nhảy đi mày, có mấy em được lắm... - Trang đề nghị.

- Nhảy mẹ gì. Mày cứ kêu bia cho tao.

Phòng nhảy mờ mờ ảo ảo đến bực bội, ăn chơi tỉnh lẻ lĩnh kính, quê mùa không chịu được. Lại thêm có anh thợ hát ở đầu lò dò lên ca một bài để tặng các anh chiến sĩ...

- Đ.m, tặng với chả tặng!

Ngày hôm kia trong rừng sâu, đại đội tôi đi đầu chưa kiếm ra được bãi tải thương, hai thương binh mang theo nặng như hai bao gạo, rừng dày quá không cách được phải dẫn tụi nó đi từng thước... Trên đầu, máy bay trực thăng lượn vòng đọi, dưới đất tiểu đoàn trưởng thúc giục, tôi như cơn lửa cháy trong đầu, thế mà anh này ở đầu trên L.19, bấm combiné của máy truyền tin Không - Lục để hát một bài tặng các anh "Thiên thần mũ đỏ"!

- Hát với chẳng hát, tiên sư anh, tôi lại tặng cho mấy quả bây giờ. - Tôi lảm bảm chửi thề đứng dậy...

- Can! Can! - Anh Ba "râu" cuồng quát... - Thôi, thôi, cho tôi xin bố, bố không muốn ngồi đây thì cút đi chỗ khác! Đi đi cho được việc... Trang dẫn nó đi hộ tao, để nó đánh lộn ở đây thì anh Tướng nhốt cả lũ bây giờ. Cút!!

Trang dẫn tôi ra cửa, có con hổ nhồi bông ở ngưỡng cửa ra vào, tôi sẵn chân đá luôn một cái. Mẹ kiếp! Cứ voi với hổ suốt cả đời...

- Bây giờ mày muốn đi đâu? - Trang hỏi.

- Tao đi lang thang.

- Đi lang thang làm quái gì, lên cái chỗ "dưỡng quân" cho biết.

- Ủ, đi thì đi.

Trung tâm dưỡng quân nồng nặc khói thuốc, ta với tây hỗn độn, chen chúc, bia, được uống không phải từng chai nhưng từng két, uống để đề xuống cái mùi gái, mùi lính, mùi nước hoa đĩ

thỏa, mùi của thân thể không được tắm rửa, mùi của "chất" đàn ông và đàn bà sau ngàn lần ân ái, bao nhiêu lâu đọng trên giường, trên gối, trong kẽ vách, dưới sàn nhà. Sàn nhà, một địa ngục thô bỉ được dội sáng bằng ngọn đèn lù mù yếu ớt, dày đặc đất đỏ của muôn ngàn đôi giày lính dẫm lên, hàng trăm cái "áo mưa" nằm lênh kênh, tung tóe... Đé giày nhà binh dẫm lên nhừa nhựa, như bước trên thân thân người chết!!! Chưa có chỗ nào ghê tởm và nhầy nhụa hơn. Con gái điếm đứng trước mặt, ánh sáng không soi rõ, chỉ thấy một phần bụng nhăn nheo, vết thâm tím thẫm.

- Anh cởi quần áo ra đi chứ? - Im lặng. Nó vẫn tiếp tục cởi phần y phục còn lại. Đến ngồi bên mép giường, xong đưa tay ngoắc tôi...

- Em cởi quần áo cho anh nghe? - Nó đưa tay lên nút áo của tôi.

- Không cần, để thế này, "chơi đứng"!!!!

- Đâu có được?

- Sao không?

- Em không quen, khó "chơi" lắm, với lại em thấp thua anh.

- Ăn thua mẹ gì! Mà đứng trên giường.

Con bé lắc đầu không chịu. Tôi đấm một cái thật mạnh, nó văng ngửa người trên giường la inh ỏi. Ngoài sân có tiếng chân chạy, phòng bên cạnh có con điếm khác chửi thẳng Mỹ tơi bời....  
\*\*\*\* you!! Tôi phóng nhanh ra cửa, ngoắc Trang leo lên xe, chạy nhanh như chớp về phía Pleiku...

- Mà say rồi hả?

- Ừ.- Tôi nhường lái cho nó. Người mệt lả như sau cuộc đua quá sức...

- Bây giờ làm gì? Trang hỏi.

- Cứ đi vào cái bar nào đó chẳng được.

Pleiku, thành phố của snack-bar, người tử tế không có ai ra đường sau tám giờ tối, tôi nghĩ vậy. Thành phố của dĩ điếm công khai, của đổi chác dâm dật lộ liễu, thành phố hết tình người, giữ gìn làm gì? Phải, giữ gìn làm gì? Phá cho thả cửa...

Còn gì nữa đâu... Thành phố này chỉ trước hai năm thôi, tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu tư, tôi đến đây chạy như giông bão để tìm em. Tôi đến đây vào buổi tối trời mù sương, thành phố kín cửa, tôi chạy như kẻ điên, như người mất trí, tôi đập cửa từng nhà, hỏi gặng từng người qua mặt... Em ở đâu? Em ở đâu?... Đây là nhà em, con đường Hoàng Diệu nối dài hoang vắng, lầy lội không ánh sáng, không bóng người... Tôi chạy vào nhà em tưởng chừng như có giọng nói, nụ cười, và em sẽ có, có thật đầy đủ, có như những lần đã có trong tay tôi... Nhưng tất cả không còn gì? Chiếc dục hoang vắng đưa tôi về chỗ trọ, buồn thảm như đường về cõi chết... Hơn hai năm đi qua, hôm nay trở lại thành phố, còn gì đâu những ngày xưa nữa... Dĩ điếm, xanh đỏ, lòe loẹt xuất hiện trong đường phố, tiếng cười, giọng nói đâu còn vóc dáng Việt Nam và em... Và em cũng đang tan biến đâu rồi trong tận cùng đồ vỡ quê hương...

Tối hôm đó, tôi không biết đã đi vào bao quán rượu. Không biết phải chứng kiến bao khuôn mặt nham nhở, ngu ngơ, bao nhiêu chiếc mồm thoa son đỏ loét mở ra, khép vào như những vết thương ghê lở. Tôi chỉ biết say, say thật nhiều. Say đi, quê hương, ta còn không giữ kể gì thân ta... Say đến nỗi không nhắc nổi bước chân. Và vào lúc mười hai giờ đêm, thành phố đắm sương mù bao phủ, le lói ánh đèn đường nhạt nhạt mênh mông, tôi ngồi ngay hè đường run rẩy ăn tô phở, ánh hồng từ bếp lửa chiếu lên chập chờn soi rõ mặt...

- Mấy ông đi chơi gì mà khuya vậy? - Người bán phở hỏi vu vơ. Giọng nói người Huế khàn khàn. Lại một kẻ tha phương đi kiếm sống như tôi đi đánh giặc! Trang hát nhỏ thì thầm... Một đấng cay, xót xa nào đọng trên mi mắt...

Ngày này tôi được hai mươi ba tuổi.

*Tháng 9 năm 1966, Pleiku.*

## **NHỮNG NGÀY THÈ THẨM**

Phi cơ hạ cánh xuống phi trường Qui Nhơn vào buổi chiều nắng gắt, hai tiểu đoàn 3 và 5 Nhảy dù đang xếp hàng đợi về Sài Gòn, những người sắp đi hớn hờ ra mặt, trong khi chúng tôi, kẻ đến thay thế ai nấy trông khó dăm dăm...

- Chúng mày ở đây bao nhiêu lâu rồi?

- Hơn ba tháng rồi đấy ông ạ, bố khỉ chẳng bao giờ đi lâu như vậy.- Cần ở tiểu đoàn 3 Nhảy dù trả lời.

- Tôi đi Pleiku một lần với ông, ông về nghĩ, bây giờ ra lại, tụi tôi mới được về... Chịu khó đi, vì ở đây có sư đoàn Sao Vàng bị quân tôi tả hết, ông hỏi tiểu đoàn 3 coi, Việt cộng nó đầu hàng buồn cười không chịu được. - Âu ở tiểu đoàn 5 nói tiếp.

- Ấy, vì đơn vị tôi mới thành lập thì phải lai rai một chút xã hơi, nhưng chắc lần này phải trả nợ kỹ, mấy ông về là sướng, ở đây lại bắt đầu mưa mới khốn nạn! - Tôi nói câu cuối cùng trước khi lên xe.

Tiểu đoàn chúng tôi cùng tiểu đoàn 6 lên xe đến Phù Cát. Xe chạy qua thành phố Qui Nhơn, thành phố nhiều lính ngoại quốc đứng sau Đà Nẵng, Biên Hòa và Nha Trang. Không hiểu phải chăng là số mạng, những thành phố nào tôi lớn lên và sống đều bị hư hại nhiều nhất. Đúng là một cái số không may để thấy nơi chốn tuổi thơ bị loang lổ và vấy bẩn. Đà Nẵng, thành phố ven con sông, dựa lưng vào biển, gió thổi rịn mùi muối, con đường bờ sông xanh um lá me tây, lối về Trẹm, đường Quang Trung, đường Lê Lợi phía gần trại định cư Thăng Bình vắng vẻ như một nẻo về thơ mộng. Giờ tan lớp, học trò từ ba trường Phan Chu Trinh, Nguyễn Công Trứ, Phan Thanh Giản đổ ra reo vui rộn rã như tùy bút của Xuân Diệu... Xong con đường trở lại vắng vẻ, thấp thoáng một vài gã trai về muộn sau khi chơi bóng rổ hoặc theo sau những tà áo trắng tóc thề. Qui Nhơn, ngày tiếp thu 1955, tôi đến trong đêm khuya, mười hai giờ xe qua thành phố như nghe lại tiếng trống hào hùng của người áo vải cờ đào. Qui Nhơn, cũng thành phố này tôi tìm đến em, để thấy trong cơn say choáng váng, ngọn lửa rực rỡ của tình yêu tàn rụi dần... Những quê hương đẹp đẽ của tôi trong chiến tranh, dưới bàn tay của người bạn đồng minh trở nên lòa loét dơ dáy. Chiến tranh phá vỡ tận cùng kỷ niệm.

Xe chạy qua khỏi thành phố dọc quốc lộ 1, cũng như ở Nha Trang và Biên Hòa, những đồng rác vĩ đại và những chiếc chòi ty nạn lúc nhúc bên cạnh nguồn, đồng sinh lực độc hại đó. Con

đường từ Qui Nhơn đến ngã ba rẽ lên Pleiku đang sửa chữa, từ đó trở đi loang lổ, nát bầy như một con đường núi. Cầu bị sập được thay thế bằng những ống cống kim khí lớn đặt theo dòng nước xong lấp đất thật chặt. Một dòng sông được ép lại qua những lòng cống nhỏ. Với nhịp làm cầu này, tôi tin chắc rằng danh từ "nhịp cầu" sẽ không bao giờ còn ở địa phương này nữa. Thôi, chỉ cốt sự tiện lợi, chiếc cầu chỉ còn vang bóng như một vẻ đẹp xưa. Xe đến Phù Cát, quận lỵ của người dân định cư với đời khổ tranh sống được tính từng ngày, từng bữa cơm có được. Tiểu đoàn chúng tôi vào đóng ở khu dân cư cách quốc lộ 1 một cây số, làng thật nghèo, đây là ngôi làng của những người thử trước cũng có gia sản, nay vì chạy nạn giặc dã trốn ra đây, họ thuộc về thành phần dân cư đi trước những vụ tị nạn tập thể. Dân chúng không có nghề nghiệp nhất định, đi nhặt đồ hộp, rửa xe Mỹ, Đại Hàn dọc theo quốc lộ. Một số con gái phần đông làm nghề bán nước ngọt cho toán Công binh đóng dọc đường đồng thời đời sống khó khăn nên họ làm luôn nghề bán ái tình cho các anh lính xa nhà bất kỳ ở nơi đâu... Trên bãi cát, sau bụi cây, trên xe GMC, một đôi khi dựa vào hông xe... Chỉ cốt sống được!! Người dân Phù Cát sống thật mệt.

Ngày 12 tháng Mười một, năm giờ sáng, tiểu đoàn hướng về ngã Bồng Sơn, qua quận Phù Mỹ, trời còn tối, vượt đèo Nhông đến đèo Phù Cũ, xe ngừng. Dàn đội hình, bỏ quốc lộ 1 tiểu đoàn bắt đầu tiến quân về phía đông, bên trái là núi Chóp Chài, bên phải là đồng ruộng có tiểu đoàn 6 và thiết vận xa cùng tiến song song. Quân đi chậm, nơi đây một tháng trước, chúng tôi đã có dịp chứng kiến một tiểu đoàn của trung đoàn 42 quần thảo với địch - làng Quang Nghiễm - mục tiêu thứ 1 hiện ra cuối cánh đồng sừng sững như một pháo đài. Hàng trăm tà-vẹt đường rầy được Việt cộng lấy từ đường xe lửa xuyên Việt mang về làm tuyến phòng thủ. Hàng rào phòng thủ thật chắc do được lèn thêm thân cây dừa.

- Với hàng rào này nếu có tụi nó thì mình nát xương. - Lính bàn tán.

- Bọc lên trên núi để ép xuống, lỡ có đụng thì làm ăn được.

Giọng anh Ba "râu" oang oang trong máy. Đại đội 91 bắt đầu trèo lên sườn núi phía trái, đại đội 92 đi dưới đồng ruộng phía tay mặt. Tiểu đoàn 6 bên phải chúng tôi đã chiếm được mục tiêu đầu của họ, tiểu đoàn chúng tôi được lệnh vào... Lính chạy hết tốc lực, cánh đồng không có lúa để di chuyển nhưng quá dài đối với người lính mang nặng. Làng vắng ngắt, nhà cửa bị bom dội đổ sập chỉ còn trơ vài cây cột. Rừng dừa vẫn còn tươi, dừa miền Trung cao và to hơn gấp bội miền Nam; vùng Bình Định, Phú Yên trong những đêm trăng, lá dừa lung linh ánh sáng như sóng biển, đi tàu lửa đêm tưởng như trôi giữa đại dương... Đêm trăng ướt lá dừa - Câu hát thật bình dị nhưng gợi cảm. Đêm trăng hôm nay vẫn còn đấy, nhưng người làm câu thơ giờ này chắc đâu còn rung động như những năm xưa. Hình như ông ta đã theo Mặt Trận.

Quân tiến đến làng Quang Nghiễm 4, xong trở về làng Quang Nghiễm 3 để đóng quân. Cao độ ba mươi sáu thước, gió từ biển thổi vào lồng lộng, đồi không cây, không căng võng được, ngủ ngay trên sườn đá. Mặt trời tắt, gió mùa đông thổi lạnh, đêm ngủ không được, thân thể mệt mỏi, nằm xuống nhớ thằng bé vừa sinh chưa đầy tháng. Cuộc hành quân còn bao nhiêu lâu? Tôi ngồi dậy nhìn ra trong đêm tối, có tiếng sóng vỗ ở nơi xa. Tôi biết mình đi gần về biển. Bao nhiêu lâu không thấy biển, nơi tuổi trẻ của tôi đã lớn. Tôi đã già. Một ngày hành quân vừa đi qua.

Tiếp tục những ngày sau, tiểu đoàn tiến về hướng nam, chợ Bình Dương Đông, chợ nhỏ nhưng đông, người từ những thôn xóm xa xăm đến họp, có những món hàng thật tội nghiệp, bốn năm quả trứng, vài bó củ cải mà người bán phải dậy từ sáng tinh mơ để đi đến đây từ một làng sát bờ biển, tay mang, đầu đội, tay dẫn con vượt qua hàng mười lăm hai mươi cây số để đổi lấy một vài thứ không thể sản xuất được. Tiểu đoàn đóng quân tại chợ, lính nhào đi mua

bán, ít khi họ mua được hàng rẻ và ngon đến thế. Cả dân và lính đều hả hê vui sướng. Tiếp tục đi sâu về phía đông đến tận đầm Trà Ổ. Làng thật trù phú, vườn củ đậu xanh, dưa sai quả, tất cả nhà gạch trong làng đều bị bom cày nát. Nhà thờ Chánh Khoan chu vi rộng hai mẫu, kiến trúc theo lối Tây phương, tượng thiên thần tinh xảo còn tồn lại được trên đồi cao như dấu vết của một thời kỳ thịnh vượng.

Một tuần, hai tuần qua, càng đi vào sâu càng thấy đổ vỡ chiến tranh và tác động của nó. Cả một vùng đất đai trù phú từ đèo Nhông đến đèo Phù Cũ, rộng từ quốc lộ 1 ra đến biển nhưng tổng số dân cư không quá hai ngàn người. Không có đàn ông, thiếu người canh tác, lúa chín đỏ không người gặt. Bà cụ già đến bữa ăn ra nhặt một ít đem về xay để nấu trong vại này. Dân ở bên cạnh đầm Trà Ổ không dám đánh cá, chiếc đầm rộng hơn mười lăm cây số vuông, lưới cá giăng đầy không người kéo. Sáng ngày thứ mười bốn, khi đóng quân ở trên bờ cát cao nhìn xuống mặt đầm, nước đầm bủa sóng mênh mông, một chiếc xuồng nan trôi dạt dờ, ở trên có chiếc trục thẳng lượn vòng, thỉnh thoảng bắn xuống một tràng đại liên. Hai giờ sau chiếc xuồng vào đến bờ, hai người đàn ông lớn tuổi được khiêng lên, cả hai đều bị thương.

- Sao ông lại ra ngoài đầm để làm gì?

- Lưới của nấu nhiều cá quá, không ra gỡ thì uổng...

Gọi trục thẳng xuống di tản, một người đàn bà từ đầu chạy lại ôm lấy người bị thương khóc lóc...

- Đã nói với nấu đừng đi để nông nổi thế này! Đưa bé chín tuổi đứng bên cạnh nhìn chúng tôi hằn học. Không lấy gì làm lạ, địch đã ở vùng này quá lâu để gây ảnh hưởng. Ngôi trường học ở Phú Ninh bị phá nát, Việt cộng đào rộng cái hốc ở núi Lồi để làm trường dạy lũ trẻ. Tính đó: Ngày hôm qua quân giải phóng giết hai mươi quân Mỹ-Ngụy và tịch thu mười tám súng, ngày hôm nay thêm bốn mươi lính ngụy chết tịch thu ba mươi hai súng, hỏi quân giải phóng đã giết được bao nhiêu quân Mỹ-Ngụy? Và tịch thu bao nhiêu súng? Bài hát: Em có cây bút chì. Vẽ ngay một tên giặc Mỹ. Em tô con mắt xanh lè, cái mặt thật là gớm ghê... Đi đến nơi đâu: Đàn ông ở đâu? Nấu không biết! Ai giết cô Năm ở chợ Bình Dương? Nấu không biết! Cô Năm thợ may chỉ có cái tội sửa áo quần cho lính, đêm sau tiểu đoàn đi, Việt cộng về lôi ra chém kèm bản án liên lạc với Ngụy!

Bà già sáu mươi hai tuổi bị tình nghi là điểm chỉ cho Việt cộng bình tĩnh đối đáp trong khi chúng tôi có đủ chi tiết trên giấy tờ tịch thu được.

- Bà là mẹ chiến sĩ phải không? - Im lặng.

- Chúng tôi có giấy tờ chứng nhận bà đã đi thu thuế trong vùng Chánh Khoan để nộp cho tên huyện uỷ Nguyễn Văn Bình. - Vẫn im lặng. Bà già nhỏ quyết trầu xuống đất, cười khùng khinh: Nấu không biết.

Sự đốt nát và hận thù, nghèo đói bệnh tật đè lên đầu dân chúng. Tiểu đoàn đi đầu, đại đội chúng tôi đi sau chốt, gặp một toán dân làng thẳng Hùng mang máy truyền tin cho tôi nghịch ngợm hỏi:

- Có thấy bọn Mỹ Ngụy qua đây không? Toán dân nhìn bộ áo quần của nó dò xét không trả lời.

Thằng Hùng trở dạng Quảng Bình:



- Các đồng chí phải hoan hô quân giải phóng, chúng tôi đã giết được hai trăm tên Mỹ Ngụy nên lấy được áo quần và súng này của chúng. Chúng tôi là quân giải phóng, các đồng chí đừng làm, hãy chỉ tụi Mỹ Ngụy cho chúng tôi!

... Toán dân mau mắn gật đầu:

- Kia kia, tụi nó đi ngã kia kia, họ chỉ về hướng tiểu đoàn chúng tôi đang di chuyển.

Một tháng hơn đã qua, người tôi muốn nằm xuống như một chiếc lá khô. Đi mãi, đi hoài, vòng lên Vạn Phú ra Chánh Khoan, Chánh Giáo, kéo ra quốc lộ lãnh tiếp tế, xong rồi lại rút vào. Chúng tôi đi không cần địa bàn, không bản đồ, cứ nghe đến mục tiêu là đi. Đi không có kết quả. Nhưng tệ hại hơn cả là mệt mỏi tinh thần, những thảm cảnh chứng kiến cùng với sự khổ nhục của bản thân càng ngày càng chồng chất lên cao. Người tôi căng bởi trong đau đớn và cuồng nộ vô danh.

Chiều ngày thứ bốn mươi của cuộc hành quân. Đại đội đi hoạt động biệt lập, chúng tôi đi dọc theo bờ đầm, biển và bờ cát ở bên phải, đầm ở bên trái. Trời mùa đông miền Trung xám đặc, bãi cát vàng úa, đầm giăng giăng mưa bụi, từng đàn vịt trời bay lên, đảo xuống theo một tốc độ chậm chạp buồn phiền. Tôi để một trung đội đi trên gò cát, phần còn lại của đại đội dựa theo bờ đầm, đoàn quân đi thất thểu như một lũ ma hoang. Một tháng mười ngày di chuyển không ngừng nghỉ, áo quần bẩn thỉu, nhàu nát, gió mùa đông lạnh buốt. Chúng tôi đã tận nhục nhằn. Đến làng An Quảng, làng thuộc loại lớn nhưng hoang vắng một cách đáng sợ, mọi nhà đều đóng cửa. Có tiếng khóc trong một ngôi nhà nhỏ, tiếng khóc trẻ nít. Tôi cho một anh lính bước vào, một lúc sau trở ra dẫn theo ba đứa trẻ, đứa lớn nhất khoảng mười ba tuổi.

- Nhà có người chết, Trung úy.

- Ai chết đó mấy em?

- Nẫu cha và mẹ. Đứa con gái lớn mếu máo trả lời.

- Chết lâu hay mau rồi? Sao mà chết?

- Chết hai ngày rồi, mấy nẫu bị đau.

Soát lại tình trạng của các căn nhà khác, đâu đâu cũng có một vài người đã chết hoặc gần chết. Dịch hạch, toàn thể dân chúng trong làng đều bị dịch hạch, bệnh nhân phần đông đang hấp hối, sốt mê man hạch nổi to tướng. Tôi ra lệnh cho lính ra khỏi làng dẫn thêm ba đứa trẻ.

- Em năm nay mấy tuổi?

- Dạ mười bốn tuổi.

Mười bốn tuổi, con bé hom hem gầy guộc ước chừng mười tuổi, mắt nó ngơ ngáo, môi thâm xỉ. Hai đứa em trông còn thiếu nảo hơn, đứa bé nhất khoảng bốn hay năm tuổi. Một gói cơm khô và hộp cá được đưa ra, ba đứa bé ăn trong nháy mắt.

- Bây giờ các nẫu chôn dùm cha mẹ tôi.

Đứa bé gái xị xoạt khóc, ngồi xuống bãi cát chấp tay lạy chúng tôi. Hai đứa em bầu lầy chị oà lên khóc theo. Tôi đứng dậy đi ra xa, cổ họng đắng ngắt, hơi thuốc lá rít vào nhờ nhờ muốn

nôn. Gió ở biển thổi vào làm mi mắt mọng mọng. Tôi ước gì được chảy dòng nước mắt, nổi giận vô cớ muốn vỡ toang trong người. Chôn hai xác chết, huyết đào sâu không quá một thước rưỡi, lót mảnh ván đặt hai thân người bó chiếc chiếu. Ba đứa bé đứng lặng nhìn những người lạ chôn xác cha mẹ chúng với đôi mắt trợn trừng của những con vật sắp chết. Tôi muốn chôn luôn cả chúng nó!

- Bây giờ các em ở đây với ai, lấy cái gì ăn?

- Dạ đào củ đậu và khoai. - Con chị chấp tay lạy tôi mấy cái để cảm ơn.

Tôi ngồi xuống ôm thằng bé nhất trong tay, lòng khô như bãi cát dưới trưa nắng. Thôi cho mấy em mấy hộp thức ăn này, anh đi. Quân kéo xa khỏi làng, bóng ba đứa bé mờ dần trong sương chiều như hờn oan.

Bây giờ thì sự sụp đổ trong linh hồn coi như đã hoàn tất, lính đi lâu ngày sinh ra bê bối vì không phải quê hương ruột thịt, lính chúng tôi không làm sao có trách nhiệm trên vùng đất này được. Lính binh chủng này đem đi làm nhiệm vụ bình định nông thôn thật là buồn cười, phải có những mục tiêu, những kết quả cụ thể mới giáo dục họ được. Họ không thể chịu đựng nổi loại hành quân cứ đi hết làng này qua làng khác, không đụng trận, không gặp địch. Chỉ có đi và đi hoài, đi đến độ nhàm chán ngã lòng. Binh chủng chúng tôi phải ném vào nơi các chiến trận gay go nhất, những vùng bị áp lực địch thật mạnh, để tấn công, để chiếm giữ song cho rút ra nghỉ để tiếp tục với một cuộc quyết chiến khác. Hành quân bình định tại một làng heo hút tận miền Trung, không có lính chính quy của địch để đụng trận du kích đã từ lâu gây ảnh hưởng và tuyên truyền, lính đi lâu ngã lòng vì cảm thấy vô ích thừa thãi. Lại xảy ra các vụ buôn bán ái tình. Gái ở đây dễ tính, chiến tranh kéo hút đàn ông đi, lính xuất hiện như một đáp số đúng. Người tôi như một chiếc lá khô trôi theo giòng nước. Hai tháng trôi qua, sáu mươi ngày lê chân đủ khắp hết mọi vùng núi non, đồng ruộng, chứng kiến những tàn phá đổ vỡ của chiến tranh, cơn băng rã trong lòng người và những tình ý quý báu bể tan như bọt nước...

- Chồng nấu đậu rồi?

- Đi sửa xe đạp ngoài Qui Nhơn.

- Nấu đẹp quá, có ưng anh không? - Tiếp theo là thô bạo suồng sã, xác thân bị đốt cháy tiêu tan bởi dục tình.

Chiều mưa, mưa thật lớn, đoàn quân đi trước, dân đi sau. Từ Dương Liễu lên Vạn Phú, con đường bị lấp dưới làn nước chảy xiết. Lính chịu đựng im lìm, dân xơ xác nheo nhóc lếch thếch trên giòng nước bạc, trong làn mưa chập chờn như một lũ ma. Đường nhựa không xử dụng được, nước cuốn trôi những đoạn đường lớn, tất cả đưa nhau lên đường xe lửa vốn được đắp cao. Đường xe lửa xuyên Việt bây giờ chỉ còn lại nền đất và đá cuội, tà-vep bị bóc hẳn, đường rầy bị lật sang một bên nằm cong queo thảm hại. Tôi đi như một hồn ma trên con đường hoang tàn đó.

Ngày thứ tám mươi, trực thăng vận từ phi trường Đệ Đức vào làng nhỏ sông Phụng Tiên, nằm giữa Bồng Sơn và Tam Quan. Trực thăng bay trên vùng biển dứa xôn xao ở dưới. Đại đội đáp xuống bình yên, Tiểu đoàn tiến về phía nam. Di chuyển được một giờ, Đại đội 91 ở cánh trái thấy thấp thoáng trong vườn mía bóng người chạy. Súng nổ, có tiếng đạn bắn trở lại, đạn AK, đúng là Việt cộng khệp chặt vào. Đại đội 94 từ phía phải bọc lại. Đại đội 91 cho một trung đội tiến vào lục soát, có vết máu dẫn tới một miệng hầm. Tò ra lệnh vây chiếc hầm, cho người đến gọi:

- Lên, không thì ném lựu đạn xuống...

Gọi được hai lần... Ầm! Một tiếng nổ từ dưới hầm vang lên, Việt cộng dưới hầm vừa tự tử!!  
Lệnh khai chiếc hầm sáu, thi thể bê bết máu được kéo lên từng cái một. Khám phá trong xác chết của một tên ăn mặc chỉnh tề nhất: Huyện ủy vùng Bồng Sơn- Tam Quan. Tài liệu trong người tên này được khai thác tại chỗ, phát giác nhiều tin động trời: Chuyến trực thăng vận của chúng tôi cách đây hai giờ đã được ghi thành báo cáo chính xác, bởi điều nghiên của các tổ thám sát theo dõi chúng tôi sau hai tháng qua. Kết quả tạm đủ, sáu chết với năm súng bị tịch thu. Tiểu đoàn rút quân chạy đua về hướng nam. Vùng hành quân sẽ trở thành miền oanh kích tự do trong đêm nay. Việt cộng đuổi theo bắn sể. Đại đội 92 của Đức có nhiệm vụ ở lại để làm hậu vệ cho đoàn quân qua sông, chín giờ tối đến chỗ đóng quân. Hai mươi một cây số đường ruộng được chạy trong bốn giờ.

Tôi lẩn xuống một chỗ ngủ, sáng mai mới biết là chuồng bò. Tiếp tục đi về phía nam, phía Bồng Sơn. Dọc đường thấy chiếc xe Dauphine của một nữ kỹ giả Pháp. Người này đã được Việt cộng đón. Tài liệu tịch thu ngày hôm qua trong túi viên Huyện ủy đã thông báo chuyện này. Về đóng quân tại ngôi chợ cạnh quốc lộ đối diện với phi trường Đệ Đức. Thêm một cục nước đá, mặc dù đang mùa đông. Nước đá, sản phẩm thành thị đã xa từ lâu. Thị trấn Bồng Sơn lầy lội, nhỏ bé nhưng vẫn quyến rũ như một bát bún bò sau gần ba tháng chỉ ăn cơm lính hành quân. Chúng tôi, hết thầy sĩ quan trong tiểu đoàn đi qua lại hoài hoài dẫy phố nhỏ không chán. Đã từ lâu không nhìn thấy mặt người. Từ lâu cũng không thấy mặt trời...

Trở về Đệ Đức, suốt ngày chơi domino, chơi đến độ hoa cả mắt, chơi suốt đêm. Tôi cố tìm cho mình một đam mê, đi lính không mê một cái gì khó sống được. Làm sao có thể bình yên trong một cuộc hành quân kéo dài đến ngày 88...

Ngày thứ 89, gắn huy chương ở sân cờ Trung đoàn 42 Bộ binh. Buổi sáng vào ăn ở câu lạc bộ Trung đoàn, ly cà phê, tô bún thật dễ chịu. Có một anh trung úy đội cái nón da lột nỉ, thứ nón trong phim Bác sĩ Zivago trông thấy thật chướng mắt. Đại úy Đỉnh nhào tới, kiểm chuyện đánh liền. Tốt, chúng tôi sửa soạn lâm chiến nếu có cuộc đánh hội đồng... Anh trung úy nhìn thua, thật là buồn! Bao nhiêu phiền muộn muốn cho nổ tung ra, nhưng không có dịp may. Gắn huy chương, bản tuyên dương công trạng nhắc tới thành tích của tiểu đoàn trong ba tháng vừa qua. Địch chết, bị bắt, tình nghi... Chẳng có nhắc đến nỗi buồn chán hoài hoài của chuyến đi thất thủ bên bờ đầm trong chiều mưa. Bản tuyên công cũng không kể đến cảm giác nghệt thờ khi chôn hai thầy chết trong khu vườn hoang. Những giây phút ngặt nghèo đó có gì để tưởng thưởng. Được gắn một huy chương bạc cho cuộc đi dài 89 ngày.

Chúng tôi trở về chỗ đóng quân để đợi máy bay về Sài Gòn, đánh domino suốt ngày, trời mưa không dứt. Phiên chợ bên cạnh chỗ đóng quân buồn bã xơ xác, tôi ra đứng ở bờ sông Lại Giang, trên chiếc cầu nổi, mưa giăng bụi... Thêm một ly cà phê như trong cảnh thơ Quang Dũng. Nhưng hào khí ngày nào đâu còn.

*Tháng 12-1966. Bồng Sơn.*

## **NHỮNG NGÀY DÀI TRÊN QUÊ HƯƠNG**

Tàu rời cửa Thuận An lúc năm giờ sáng, vánh vất cơn say chiều hôm qua. Mặc anh thường vụ đại đội lừa lính lên tàu, tôi leo vào khoang sau buồng máy dựa lưng ba-lô nhắm mắt ngủ thiếp. Tiếng máy tàu, cảnh vật hai bên bờ, ánh nắng đầu tiên của ngày dịu dàng lờ lờ, cùng bình bông hơi rượu và sông nước... Tôi ngủ yên như vào cuộc rong chơi. Nắng đợi vào mắt làm tỉnh

ngủ, tôi ngồi hẳn dậy, đốt điếu thuốc đầu tiên của ngày, nhìn bọt sóng sau mạn tàu, người hững hờ như đang rơi trong khoảng trống lúc dù chưa bung. Cảnh vật hai bên bờ thật đẹp, lật bản đồ, tàu đang đi vào địa phận đầm Thủy Tú, bên trái Túy Vân Sơn, bên phải Hương Thủy, Phú Thứ... Những ngày hè thuở nhỏ tôi cũng thường rong chơi theo những dòng sông đẹp để như thế này. Sông Cu-Đê chảy ra biển ở Nam Ô dưới chân đèo Hải Vân, tôi theo con sông vào đến nội địa đất Quảng Nam, lòng sông cát trắng, nước trong vắt, hai bờ núi in hình dưới lòng sông những ô cắm thạch. Mái chèo khua bọt nắng lung linh trên mặt nước. Tôi không biết đường đến chùa Hương thơ mộng như thế nào, nhưng con sông Cu -Đê đầy ánh nắng của sớm mai tuổi nhỏ kia vẫn chảy hoài trong tôi như một mơ mộng không dứt đoạn. Sáng nay tôi cũng đang đi vào cảnh đẹp của quê hương. Nhưng lòng hờ hững cơn say...

Tàu đến địa điểm đổ bộ, khu trục đến "raser" một phát, thôn xóm đang bình yên bỗng chốc biến thành biển lửa... Bốn chiếc FOM dàn hàng ngang chạy nhanh vào bờ. Xuống... Xuống, xuống thật nhanh, đem cái súng cối lên trước... Chậm như rùa.

Hiển "chó xù", trung đội trưởng súng cối kê ngay tôi một phát:

- Vừa thôi ông ơi, Nhảy dù chứ đâu phải Thủy quân lục chiến mà ông bảo đổ bộ nhanh bằng mồm ông được...

- Kệ mẹ ông, chậm thì chết cả lũ bây giờ.

Phóng mình xuống nước, ngập tới cổ... Tôi chửi thề tùm lum. Chưa gì sáng mai đã phải tắm sớm!

Đằng xa hai đại đội tác chiến đã lập một đầu cầu, tôi tà tà lội vào bờ. Đại đội đã lên đủ. Thấy tôi lên sau chót, thằng Phen, xạ thủ súng cối nói dối:

- Trung úy bảo tụi em chạy theo trung úy mà bây giờ mới đến!!

- Đi theo đại đội trước... - Tôi cáu kỉnh.

Quân vào làng, làng thật nghèo, hoang vu, cát xám, gai xương rồng, luống bắp cần cối. Sao cái đất của quê hương tôi tội nghiệp và thảm hại đến như vậy. Ông già, đàn bà bé con cái, cháu, chất ra đứng hai bên đường đợi chúng tôi đi qua. Họ chứng tỏ sự chân thành bằng cách có mặt, vài ngôi nhà vừa cháy vì trận oanh tạc vừa qua, người chủ nhà không thèm chữa vì biết rằng có chữa cũng vô ích... Ngọn lửa hừng hực tung hoành tự do lan theo những đụn rơm, lũy tre.

Lũy tre già xao xác vụn mình đau

Đàn súc vật lao đầu kêu tuyệt vọng...

... Ôi quê hương đắm chìm trong khói súng.

Có bao giờ được thấy bóng thân yêu!!!

Từ thuở nhỏ, không hiểu tại sao tôi đã thích bài thơ "Cháy Quê Hương" của một tác giả vô danh, những câu thơ bình dị nhưng thiết tha như lời van xin...

Lửa nghi ngút đốt ngang trời bão loạn

Mây điên cuồng phủ kín bóng quê hương

Những cụ già tóc bạc khóc đau thương

Những thiếu phụ lo lo âu tràn mắt lệ...

Sáng hôm nay, tôi cũng đang đi đốt quê hương. Sáng hôm nay tôi cũng đang là tên lính viễn chinh trên phần đất mà tổ tiên đã bằng một nỗ lực phi thường gây dựng nên từ bờ cát, đồng ruộng phèn chua. Quê hương đẹp đẽ huyền thoại như chuyện đời xưa... Này đây chiếc đầm xanh ngắt mờ mờ sương khói.. Ôi! Tôi đi đốt quê hương tiền nhân, tôi đi cắt mạch máu tổ tiên, tôi tàn hại cuồng khoái trên thân thể đã tan hoang vì bom đạn của một giải đất nghèo tên gọi là Thừa Thiên!! Này ông già có nhà cháy, sao "ôn" không khóc?... Khóc làm chi nữa "en" ơi, nhà cháy ba lần, con đi lính gãy chân nằm ngoài Mang Cá, giặc Tây lúc xưa "đốt" nhà hai lần, giặc ni "đốt" ba lần... Còn chi mà khóc nữa "en" ơi! Ông ở đây với ai? Với hai thằng cháu này, cháu kêu tôi bằng ông nội... Ông nội ơi, lúc xưa tôi cũng có một bà nội, bà nội thật già tóc bạc trắng, mỗi buổi chiều để dành cái bánh đa để thằng cháu sau khi ngủ dậy có cái ăn. Bà nội thương cháu, áp ủ cháu lớn lên với đời, che chở cho cháu vì "hắn thiếu cha". Tôi được nuôi lớn bằng tình thương, đâu biết được sau này lại về quê hương như một kẻ xa lạ, đắm mình trong cuồng nộ điên mê.

- Trung úy cho phép tôi tới đằng cái nhà kia một lát.

Người lính Địa phương quân của chi khu Phú Thứ thuộc thành phần tăng phái theo chúng tôi để nhận diện du kích hoặc người tinh nghi trong vùng nói nhỏ, tiếng than vãn...

- Anh đi lảng vảng coi chừng đạp phải mìn "chân tay biệt ly" thì đời tàn...

- Không sao đâu trung úy, tui người vùng này mà, nhà anh tui chỗ đó.

Người lính đi một lúc trở lại với hai đứa bé, một đứa khoảng sáu tuổi, đứa kia hơn ba.

- Con ai đây?

- Dạ cháu kêu bằng chú, cha tụi hắn chắc đi theo Mặt Trận, mạ hắn trốn đâu không thấy.

- Bây giờ anh đem nó theo?

- Dạ...

Người lính yên lặng xốc thằng nhỏ trên vai xuống, móc túi lấy mấy chiếc kẹo nhà binh đưa cho hai đứa bé. Thằng lớn cầm lấy chiếc kẹo, tần ngần. - Chú cho cháu ăn cơm, đói lắm. - Người lính móc từ ba-lô nắm cơm gói bằng giấy báo, hai đứa bé ăn trong nháy mắt, thằng lớn cầm mảnh giấy trên hai tay lè lưỡi liếm sạch từng hạt cơm còn sót lại. Tội nghiệp quá mấy em ơi! Tôi đưa tay vuốt đầu thằng nhỏ, tóc nó cứng như một thứ rễ cây. Khốn khổ cho mấy em biết mấy, ba tuổi đã phải trốn trong căn hầm tối tăm, ẩm thấp, nhịn đói, nhịn khát đã hai ngày, ba tuổi chưa biết cởi chiếc quần để đi tiểu, nước tiểu đọng vàng ó mảng quần... Em có khóc không hỡi em, hai đứa bé tang thương vùng Phú Thứ... Nhưng chắc các em cũng đủ biết thân phận khốn nạn của đứa trẻ Việt Nam trong thời loạn lạc nên đã nuốt xuống tiếng nấc... Tương lai nào cho các em, đứa sáu tuổi đã biết ôm em vào lòng, mắt nhìn lên miệng hầm đen chờ đợi một trái phá, một tràng súng chấm dứt đời chưa kịp được ngày trong sáng... Ôi các em! Người tôi căng

như trên đồng than hồng, nhỏ từng giọt máu xót xa!! Đau thương biết mấy hả trời... Đạn nổ. Đạn súng tay, súng cối từ bên cánh trái nổ vang, Tiểu đoàn 7 đang đứng địch. Việt cộng tung thể chạy về phía tiểu đoàn tôi, đạn 12 ly 7 từ Tiểu đoàn 7 bắn về tụy đi cao nhưng vẫn tạo thành cảm giác e ngại. Thằng nhỏ ba tuổi búi chặt lấy lưng chú, thằng bé lớn nhào xuống bờ ruộng, lấy hai tay bịt chặt tai, mắt nhắm nghiền. Tôi nghĩ đến một tuổi nhỏ của "Guerre des boutons", tuổi nhỏ của Sài Gòn đường Nguyễn Huệ, tuổi nhỏ mồm ngậm kem và xem ti vi. Các em ơi, các em có bao giờ biết có một tuổi nhỏ "thần thoại" nào như vậy không? Quân rút theo đường bộ ngã chi khu Phú Thứ ra quốc lộ 1, gần phi trường Phú Bài, trời trở mưa, người lính cột thằng cháu nhỏ trên lưng bằng sợi dây mang đạn, tay nắm khẩu Garant, tay dẫn thằng cháu lớn. Dấu chân trần của đứa bé in trên cát ướt, thấy thảm thương như giọt máu hồng từ quả tim non.

Xe đưa đoàn quân về lại Quảng Điền, sáu giờ chiều, tiểu đoàn vượt sông Bồ đóng quân tại làng Bát Vọng đối diện với quận lỵ. Tôi ngã xuống chiếc võng cột giữa hai cây cột đỡ, kiệt lực như người bệnh nặng. Hành quân đã hai tháng mười hai ngày.

Trăng soi xuống giòng sông lặn tẩn gọn sóng nhỏ, không có được chút mơ mộng, lòng dấm ướt u uất hư hại như ánh trăng nhợt lạnh soi xuống ngôi nhà thờ đổ nát bên kia sông. Bây giờ đang tiết thu sao trời đầy giá rét, tôi chìm sâu xuống trong vùng tê cóng. Súng nổ từ phía đại đội 93, nghe qua máy truyền tin được rõ toán phục kích bắn chết hai Việt cộng, tịch thu hai súng, một tên bị thương chạy vào xóm nhà dân... Bắn trái sáng, lục soát xóm nhà, thằng bị thương chặc hẳn trốn đâu trong đó... Lệnh từ tiểu đoàn. Cả một xóm làng bị dựng dậy trong đêm khuya, ánh lửa nhấp nháy từ những chiếc đèn con, ánh sáng từ hỏa châu soi xuống nhợt nhạt.

- Trung úy, cho em qua bên đại đội 93. - Hạ sĩ Em, thư ký hành quân của đại đội tôi nói nhỏ.

- Qua bên ấy làm gì?

- Xóm đó có nhà em, mẹ em ở trong đó.

- Thật không? - Em gật đầu. Dưới bóng trăng mắt nó long lanh như khóc. Khi đại đội 93 lục soát xong Em trở lại với một bà già gánh đôi quang gánh.

- Mẹ em đây. - Em giới thiệu bà già với tôi.

Người đàn bà ngồi bệt xuống đất kéo vạt áo lên lau nước mắt, Em ngồi xuống bên cạnh người mẹ, nắm lấy bàn tay gầy guộc nhăn nheo. Hai mẹ con người lính ngồi im lặng dưới ánh trăng bàng bạc, thỉnh thoảng có tiếng nấc nhẹ...

- Mẹ, theo con vào Sài Gòn nghe?

- Không, tao ở đây còn coi đất, coi cát, buôn bán kiếm ăn qua ngày được rồi... - Yên lặng chửi xuống, dưới sông tiếng sóng nhỏ, con nước chảy thì thầm. Hai mẹ con Em ngồi im lặng suốt cùng đêm.

Để lại đại đội 93 tại vị trí đóng quân, tiểu đoàn kéo ra lại quận lỵ Quảng Điền, ngoài tên hiệu hành chánh này, quận còn có một tên thật độc đáo - Sĩa - vô nghĩa nhưng hóm hỉnh và mộc mạc. Dân tộc tính, nếu có thì chính những chữ vô nghĩa này. Tôi là kẻ sinh quán từ miền Trung, nhưng một thứ miền Trung vong ân, phé bỏ quê hương từ thuở lâu lắm. Lẽ tất nhiên, trong tận cùng ao ước, tôi chẳng bao giờ nghĩ đến lúc phải trở về trên mảnh đất nghèo hèn này, nhưng

chiến dịch đã dun dủi tôi trở về. Và tôi đã trở lại để thấy rõ sức mạnh tiềm tàng nhưng vĩ đại của tổ tiên, một giòng họ "Phan" nghèo khó theo chúa Nguyễn vào Nam, khởi đi từ những thôn xóm tận cùng miền Nghệ An, Hà Tĩnh...

Chúng tôi đã xa nhà từ lúc trời còn tiết hạ, đến bây giờ nỗi chịu đựng đã lên đến tột đỉnh, mệt mỏi rã rời cộng thêm giá rét miền Trung, người mềm đi như bóng cò trắng đứng trơ vơ trên đồng vắng. Nhưng độc hại nhất là cảnh khổ phải chứng kiến; những khổ cực lì lợm nặng nề đè lên người dân, khiến họ còm cõi lạng lờ như ngọn đèn sắp tắt. Chiến tranh đã phá nát khắp cả quê hương miền Nam, nhưng vườn cây Kiến Hòa, ruộng ở Long An dẫu tang hoang, rừng dừa Bình Định dù có bị đạn bom tàn phá vẫn giữ được sức màu mỡ tiềm tàng từ mạch đất tươi tốt, trong thân cây dừa căng cứng nhựa... Nhưng ở đây, miền đất hẹp từ Quảng Trị vào Thừa Thiên, chiến tranh đồng nghĩa với phá vỡ tận gốc rễ. Nhìn một căn nhà ở vùng An Phú Đông bị sụp đổ, ta có ý nghĩ gia chủ sẽ cất một chiếc nhà mới ngay sau khi dứt tiếng súng do thiên nhiên tràn đầy sung mãn, miền Nam luôn luôn chói sáng hy vọng cho người... Nhưng ở đây qua La Vân, Niêm Phò, những làng nhỏ bên sông Bồ nhìn ra phá Tam Giang, những ngôi nhà sụp đổ là dấu hiệu tàn tạ của toàn thể hệ, dòng sông. Những nếp nhà thật xưa, trang nghiêm, kín đáo ba gian hai chái, thấp xuống như tan cùng bóng mát của cây đào trồng đằng trước, nền gạch mát rượi, lòng nhà tối tăm, hơi lạnh từ hàng cột, bờ tường rêu phủ xanh xao bốc lên... Trước nhà có non bộ, sau non bộ là bình phong, hàng rào gạch trên có gắn miếng chai ngũ sắc, cổng với mái ngói, hàng câu đối nét chữ trang trọng. Suốt trên dãy quê hương này ông cha chúng tôi dựng nên những nếp nhà như vậy, để đánh dấu kiêu hãnh thầm kín muốn tồn tại trong một thế giới khô cằn nghèo khổ. Cách tồn tại lặng lẽ nhưng dài các hạt câu hò tình tứ bay bổng lên nền trời từ một khoang đò lững thững. Tôi biết rõ niềm kiêu hãnh trong lòng tổ tiên, những người nông phu đã rời bỏ quê hương đi về Nam. Họ đến đây sau khi đã đi hết đoạn đường dài cát bụi của hai xứ Quảng Bình, Quảng Trị. Họ đến đây và bị chặn lối bởi Hải Vân Sơn nên dừng lại, dừng lại để xây dựng một quê hương mới, một kinh đô, để biến mình thành lớp dân kinh kỳ, người kẻ chợ. Những tổ tiên đó đã chứng tỏ sức mạnh sáng tạo trên nơi chốn nghèo hèn bằng một lối sống đầy nghi lễ và kiêu cách.

Nhưng trái bom đã rơi xuống trên mộ phần tổ tiên, đã phá vỡ hàng rào quan liêu đài các của những ngôi từ đường, những phủ, những dinh, đã cuốn trôi hết thầy dấu vết của những người muốn giữ gìn sau một đời dài phấn đấu. Tôi đi qua quê hương này để thấy rõ niềm ao ước của người xưa bị cắt đứt, viên gạch tảng vôi của những cỗ mộ vùng Mậu Tài, Đồng Xuyên nổi tung dưới bom đạn trông xót xa như da thịt của người xưa. Tôi, một kẻ nhỏ trở về để nhận lãnh hân hạnh thảm hại— Chứng kiến phút giây sụp đổ của tiền nhân. Nhưng cũng trong những lúc này, những lúc nát vỡ nát toàn diện quê cha, tôi cũng được nhìn tận mặt sức phản kháng im lặng nhưng quyết liệt đối với định mệnh của một lớp người dù trong cuồi đáy khổ cực, vẫn tin tưởng sắc son đến từng bụi cây, khóm cỏ... Một ngày dẫn quân đi dọc bờ sông, đến làng Lương Cổ, làng vắng nhưng sao quãng đường này sạch sẽ in dấu chổi vừa quét. Có tiếng động, một cụ già tóc bạc phơ, áo quần rách vá chằng chịt, từ một bụi rậm đi ra... Bà cụ làm gì vậy? - Thứ giọng trung pha bắc lẫn nam của tôi không làm bà cụ hiểu được, phải gọi thằng Thiên tới, anh "lạc đà" người Huế của tôi.

- "Mệ" làm chi rửa mệ?

- "Mệ" quét đường con...

- Mệ ở một chắc rằng mệ?

- Có "ôn" ở trong nhà nữa con. - Hai vợ chồng già, già lắm, trong cảnh làng hoang vắng đổ vỡ, vẫn cố gắng quét sạch đoạn đường làng trước mặt nhà, cỏ dại lá tre được un về hai mép

đường khéo léo và gọn ghẽ. Con đường đất vàng tươi phủ lớp bụi phơn phớt lượn vòng vào theo bờ sông dài đến trăm thước, thế nhưng, bà cụ trên bảy mươi tuổi, yếu đuối, lưng còng, do thói quen muốn chỗ ở luôn luôn được sạch, đã cố gắng quét dọn tươm tất. Tôi đi vào căn nhà phía trái con đường, ông lão chồng bà cụ đang lom khom trên mảnh vườn nhỏ, hoa thược dược nở từng đóa thật lớn, đỏ tươi chen lẫn với những chậu cúc vàng...

- Mấy cậu bắn rặng sập cái nhà của tui lại rồi!

Lời trách cứ nhẹ nhàng làm lòng tôi trùng xuống. Một quả đạn 105 ly đã rơi trong khu vườn làm sập một mái nhà...

- Bị bắn lâu chưa ông?

- Đại bác trong quận bắn ra tối hôm qua đó cháu...

Viên đạn phá sập tường nhà tối hôm qua, nhưng sáng hôm nay những viên gạch vỡ đã được xếp gọn ghẽ ở góc tường.

- Bữa nào yên, ông đi Huế mua xi-măng về xây lại đi ông già. - Người lính đề nghị với một vẻ cười cợt...

- Cha, tui xây mấy lần rồi đó. Cứ làm xong là bị bắn sập. Nhưng lạ ôi bà, vợ chồng tui khôn có chi cả là mòn rồi!

Ông lão dung dị nói về tai ương phải gắng chịu. Tôi không biết trong thân thể già nua đó, sức mạnh nào đã giúp ông qua được đời sống lửa đạn để hằng ngày tia lại nụ cười vàng rực rỡ...

- Sao ông không về Huế mà ở?

- Tui già rồi, ba bốn trận giặc trước còn sống được thì lúc này có chi đi nữa tui cũng phải ở lại để coi nhà cửa đất cát. - Ôi, nhà cửa đất cát... Người già đã xây dựng từ một tuổi thanh xuân nay chúng tôi đi phá vỡ. Tình yêu đất đó, họa chẳng chỉ có người Trung Hoa mới có thể so sánh được. Phải chăng đó cũng là sức mạnh nền tảng của Dân Tộc Việt Nam.

Đóng quân ở Quảng Điền, lính vui vẻ vì thấy người, được uống cà phê, nước đá. Riêng tôi đã quá đủ, đủ quá nên chỉ xin một thế giới thật vắng vẻ, thế giới yên lặng không bị đánh thức bởi tiếng nổ. Hãy cho tôi dòng sông không pha máu người, không in bóng giáo đường bị cháy... Hãy cho tôi ngủ bình yên bên con sông mùa xuân tuổi nhỏ... Sông Cẩm Lệ, chảy từ Phong Lệ qua Miếu Bông ra sông Hàn, chỗ gần núi Non Nước, Đà Nẵng. Nơi đó, giòng sông mênh mông đầy cát nhỏ, tôi nằm dưới giàng lưới cá, nước dưới lưng lạnh ngắt và thân thể ở trên hong nắng, một thứ nắng thật mới của ngày mùng hai Tết. Cho tôi nằm lại trên dòng sông thơ ấu đó để quên những đêm Thủy Tú, sông Bồ, phá Tam Giang, xin cho tôi quên dấu chân đứa bé sáu tuổi in trên nền cát, chạy luống cuống trong hấp tấp sợ hãi vì tiếng súng, xin cho quên người mẹ bị đánh thức trong nửa đêm để gặp lại đứa con sau bốn năm xa cách, nay mặc áo rằn ri của lính Nhảy dù. Đứa con thơ dại năm xưa nay cằn cỗi như một thứ tù binh khốn nạn với những vết nhăn gian lao, người mẹ do không nhìn ra nên đã ngồi xuống chấp tay van lạy xin tha tội!!! Ôi cái tội khốn khổ vì đã làm người dân trong thời lửa đạn. Cho tôi quên Quảng Điền, buổi sáng bảy giờ, người đàn ông vác vợ trên lưng, tay bế đứa con gái hai tháng, đứa lớn bốn tuổi lẻo đẻo theo sau... Người đàn ông tiến vào văn phòng quận vì tối qua vợ bị lạc đạn gãy chân. Đứa con nhỏ hai tháng được bỏ đặt sát vào ngực mẹ, cố tìm trên hai đầu vú thâm tím một giọt sữa trong khi người mẹ thiếp mê vì cơn đau, một ống chân bị đạn bắn vỡ vẫn cố đưa



bàn tay trong hành động vô thức, ép chiếc đầu con vào núm vú héo hắt!!! Thôi đủ quá rồi. Đóng quân ở đâu cũng chỉ có thể thôi... Hãy cho về ngủ quên trên thôn xóm bình yên không nghe tiếng súng, dân quê đừng chấp tay van lạy mỗi lần chúng tôi xét hỏi, người đàn ông xin đừng van vỉ than khóc khi thấy vợ mê đi trong cơn đau đớn, đứa bé chọt rú lên vì sữa mẹ cạn nguồn... Máu của mẹ đã chảy rồi đâu còn có sữa cho con. Quê hương của tôi ơi... Quảng Điền, Phong Điền, Phú Thứ, Hương Thủy, Đồng Xuyên, Mỹ Xá... Thôi đã quá đủ. Tôi đâu ngờ có một quê hương tang tóc như thế này hờ trời!! Muốn kết cỏ ngậm vành, muốn cắn răng vào đất, muốn nhỏ máu xuống dòng sông. Đau xót lắm, tôi đang chứng kiến quê hương tàn phá bằng tuổi trẻ của tôi. Quá đủ rồi những ngày Huế - Thừa Thiên.

*Tháng 10-1967. Quảng Điền, Thừa Thiên.*

## **NHỮNG TÀN PHÁ THOẢ THUÊ**

Chúng tôi đến Huế từ tháng Chín, trời còn nóng như đang mùa hè. Đóng quân ở thôn Nguyệt Biều, bên cạnh sông Hương trông sang chùa Linh Mục. Bao nhiêu lâu tôi không về lại Huế, từ một tuổi nhỏ bỏ đi xa nay trở về như khách lạ. Làng thật đẹp, cây im mát, con đường đất nhỏ dẫn xuống một bờ sông nước trong ngăn ngắt, tôi căng chiếc võng ngủ dưới tàn cây, đêm xanh xao ánh trăng, cô gái da trắng mát tự nhiên chao đôi thùng trên giòng nước long lanh... Bên kia sông, chùa Linh Mục đổ hồi chuông, âm thanh trôi chảy trên sóng nước. Và sâu đêm khuya im lặng, sóng vỗ thật nhỏ, khẽ đập vào bờ lách tách như tiếng sông đang thở... Tôi tưởng ra một thiên nhiên đang nở dài im lặng. Trong những đêm khuya đẹp đẽ này, tôi thường mượn một chiếc thuyền, chỉ đủ cho một người ngồi bơi lang thang trên dòng sông để hiểu tại sao người Huế tạo ra những điệu hò buồn bã một hơi thở tàn...

Thuở xưa tôi có thằng bạn, Phan Duy Nhân, loại người hùng hực tranh đấu, nhưng trong những ngày làm than ở căn gác nhỏ cầu Bạch Hồ đã viết những câu thơ ướm đắm tình cảm, cũng như Đồng đã làm tập "Sóng vỗ chân cầu". Bỏ đi những ý tưởng siêu hình, tiếng vỗ của dòng sông trong đêm đã nảy ra những ý thơ tỏ tình với thiên nhiên... Có phải không chúng mày?

Chúng tôi thay đổi chỗ đóng quân chung quanh thành phố Huế, tình hình địch nhẹ nên chỉ hành quân lục soát sáng đi chiều về. Thời giờ nhàn rỗi đủ để tập họp nhau phá nát người bằng những cơn say ngây ngất. Tiểu đoàn chúng tôi ra đây với tiểu đoàn 7 Nhảy dù: Lô, Lạc ở đây họp với phe chúng tôi làm thành một lũ quỷ đủ khả năng vượt quá biên giới hỗn loạn. Tụi chúng nó phần đông là người Huế, nhưng trên chuyến trở về quê hương này tất cả hình như thấy lạ... Tôi hỏi Lạc:

- Mà ở đây từ bé đến lớn sao không có người quen?

- Người quen cỡ tuổi tao đi hết rồi... Ở Huế chỉ có hai nghề: Đi học và đi dạy, muốn làm nghề khác thì vào Nam.

Hình như cái cảm giác xa lạ này đã gây cho chúng tôi phản ứng của những kẻ không quê hương, không trách nhiệm với phần đất đã nuôi dưỡng lớn lên. Cơn say như dấu hiệu một rời bỏ đành đoạn, cách phá vỡ hung bạo che dấu nỗi thất vọng không tên. Sau mỗi chuyến hành quân, chúng tôi họp nhau tại khoang đồ, chai rượu, đêm vắng và mặt nước sông chông chênh, cơn say xảy đến đồng thời với cơn đũa cọt nặng trĩu dực tình được thả lỏng. Chúng tôi hả hê tàn phá trong oi ả nồng nực. Vào những ngày cuối tháng chín, đóng quân ở lãng ông Ngô Đình Cẩn, thật là một tham vọng tội nghiệp của trí óc non yếu, ông ta cố bắt chước cách vĩ đại của lãng tằm vua chúa nhà Nguyễn, xây phần mộ mình theo kích thước của những vị vua. Nhưng lối bắt chước nghèo hèn, kiến trúc được xây dựng bằng vật liệu tân thời lại muốn có vẻ xưa cũ

cổ kính, sự hòa hợp không có, nên trở thành tũn mủn, vụn vặt, quê mùa, kệch cỡm như một lão nông phu diện âu phục. Những ngày này tôi còn có dịp để xem Khiêm Lăng, mộ vua Tự Đức, người ta bảo đấy là lăng đẹp nhất nhưng cũng không gây cho tôi một ấn tượng nào, tất cả đều có vẻ nhỏ nhoi tầm thường. Điều này dậy nên trong tôi cảm giác ngậm ngùi vì chứng kiến tính chất càng hạn hẹp của kiếp người, dù là vua chúa. Tôi thấy càng rõ cảm giác này khi vào lăng Khải Định, thấy hai bà phi bị tiến cung từ thuở bé, rồi theo cái chết của vị vua sống trong lăng này gần bốn mươi năm, bây giờ, tuy hai bà đã già nhưng giọng nói còn trong trẻo. Phải chăng họ vẫn đồng trinh? Tôi nghĩ đến đời sống của một ông vua không lấy gì vĩ đại lắm và các đời sống tầm gửi khác vây quanh. Khi vào chỗ bệ thờ vua Khải Định thấy cái hộp plastic đựng xà phòng. Quả đã xa hẳn với quá khứ của quê hương...

Đầu tháng Mười, theo quốc lộ 1 ra Đông Hà, thị trấn cực bắc của miền Nam đầy lính và chiến tranh. Thành phố không người mặc áo quần màu, người dân ở đây sống trong không khí đặc biệt của tiền đồn nên hòa vào cùng tập thể lính. Chúng tôi chia thức ăn trên quốc lộ 1, trái hỏa tiễn 122 ly từ bên bờ Bến Hải bắn qua, hai lính chết, bốn bị thương, một nhà dân sụp đổ đặc bị bắn tung tóe. Nửa giờ sau bình thường trở lại, bà chủ quán lạng lẽ thu dọn đồng gạch vụn, một vài người đi qua liếc nhìn chỗ đổ vỡ... Tụi nó lại bắn nữa!! Tôi nhìn cột cây số, Đồng Hới 16... Con số chót bị đạn phá vỡ đọc không được, thấy miền Bắc thật gần nhưng cũng rất xa. Nhìn ra phía Trung Lương, Gio Linh, phản lực Mỹ luôn luôn thường trực, bên kia bờ Bến Hạc, từng cuộn khói bốc lên mù mịt. Lần đầu tiên tôi có cảm giác đánh trận giặc có chiến tuyến, cảm giác gây nên nổi bình yên vì khỏi lo đạp mìn, chông. Giặc du kích đáng sợ vì kẻ thù giấu mặt, chết xảy đến không biết nguyên do.

Chúng tôi theo sông Đồng Hà ra Cửa Việt, chiến dịch được mở dài hạn, ba tiểu đoàn Nhảy dù có nhiệm vụ lập những đầu cầu và bảo vệ an ninh để các toán công binh lập cứ điểm phòng thủ hệ thống hàng rào Mac Namara, tiểu đoàn tôi lục soát từ Cửa Việt đến lằn ranh nam khu phi quân sự, bảo vệ cạnh sườn tiểu đoàn bạn. Chín giờ sáng, tàu nhỏ neo rời Đông Hà, trời mù, mưa giăng kín mặt sông, hai bên bờ nước tràn mênh mông, rừng cây dương thấp thoáng qua màn sương. Hai bên bờ đồn nhỏ nằm rải rác bảo vệ thủy đạo, lính Mỹ đứng ở bờ thấy chúng tôi đi qua, la lối ầm ĩ, hình như Hải quân cho để tóc dài, nên anh nào anh nấy râu tóc bờm xờm vàng rục. Người lính thú ở miền xa nào trông cũng tội nghiệp như nhau. Tiếng gọi của họ vang xa trên mặt sông, nghe buồn buồn như một nỗi tuyệt vọng, chiếc thuyền chạy miết, bóng người lính viễn chinh chìm dần trong màn mưa.

- Mà trông tụi nó có "tay tổ" không? - Mẽ, đại đội trưởng 91, tay đánh giặc sắc nét nhất trong bọn hỏi tôi.

- Tay tổ cái gì?

- Tụi con gái chèo đò đó.

Chết thật, chị em ta đã ra đến vùng phi quân sự kiếm ăn!! Miền Trung từ Huế trở ra coi như là đất kín đáo, gái điếm ở Huế sống lén lút chui rúc, cả thành phố có đâu khoảng mười ổ điếm, không kể các khoang đò. Tỷ lệ đó so ra quá ít với Sài Gòn hay bất cứ một tỉnh nào khác. Nhưng ở đây là Đông Hà, thành phố của lứa đạn cỡ lớn, súng tay chỉ là trò chơi, thành phố không một chiếc giường nổi khỏi mặt đất, thế nhưng gái điếm lại đông đúc và sinh hoạt hung hãn hơn bất cứ chỗ nào. Chị em hành nghề với một chiếc thuyền có mũi đậu giữa lòng sông làm phòng ngủ lưu động, dùng chiếc thuyền con hai người chèo, cô nàng tiến sát hàng rào phòng thủ của Mỹ... Người chị em toác mồm gọi... Ô kê! Và hiện thực hơn, trình bày một ít vốn trời cho khiêu khích - Áo bà ba chỉ cần tuột ba khuy hoặc vén thân áo ở bụng lên, có người thực tế hơn nữa chỉ vào...

Đi dọc theo con sông chúng tôi chứng kiến được cảnh "liên hiệp" giữa hai quốc gia thật chặt chẽ. Những người con gái của tỉnh địa đầu lẫn xả vào đám lính trẻ ngoại quốc như nhập vào cơn điên. Có gì đâu phải ngàn ngại? Chiến tranh đó, sự chết, trại định cư chật hẹp dơ dáy, một ngày mười hai đồng ăn cái gì? Gạo không có, thoi cái vốn trời cho này hưởng thụ cho hết, lợi dụng cho đủ, miền đất này chỉ có đá và cát, nghề biển không được, thì thắc mắc làm gì, hãy kiếm sống vì sống là vấn đề lớn. Cần gì phải được giải Nobel văn học rồi tuyên bố "Tự tử mới là vấn đề"... Sống ở đây còn khó hơn được tự tử! Tàu đến Cửa Việt lúc bốn giờ chiều, trời mưa, cảnh vật u tối, tôi bước chân xuống biển, lòng nao nao xúc động. Lâu rồi không về với biển, biển luôn luôn là quyến rũ mới mẻ, đặt chân xuống bờ cát ướt, tưởng như thấy một tuổi trẻ mười sáu ở đâu đây. Nhưng lòng đâu còn trong sáng như những buổi chiều Đà Nẵng ngày xưa, bây giờ là nỗi phiền hu hại như tiếng cười nồng nặc dục tình của đứa con gái trên khoang đò. Nhìn sang bờ phía bắc, bờ biển lượn một hình cong đẹp đẽ; thật lạ, từ Cửa Việt chạy đến đèo Hải Vân bờ biển thẳng tắp như có một bàn tay người cắt xén, ở đây trở ra bãi cát chuyển hình cánh cung. Trong mù mờ của buổi chiều bờ biển phía bắc tối hẳn lại, ở đâu Đồng Hới, đâu là Cửa Tùng? Nhớ lại câu thơ: "Thấy mênh mông Cửa Việt Cửa Tùng..." Đứng ở bờ Cửa Việt hôm nay, người tôi vỡ tan do xúc động ngây ngất... Quê hương miền Bắc đó, có ai đứng bên đó nhìn về bên này chẳng? Chắc rằng trong tận cùng tâm hồn Việt Nam, ai đi đến nơi đây lại không có cách xúc động này. Đây cũng là niềm tin để sau chiến tranh xây dựng lại quê hương. Mong thế. Tin thế.

Hai giờ sáng, khởi hành từ Cửa Việt tiến quân lên phía bắc, đi dọc theo bờ biển. Mục tiêu là những làng nhỏ nằm sát lằn ranh khu phi quân sự. Đoàn quân di chuyển bằng xe M, Track của Hải quân Mỹ, tương tự như M.113 nhưng dày và nặng nề hơn, dùng để lội nước hơn để đi trên đất. Đoàn xe chạy theo hàng dọc, không đèn, mọi người tắt lửa, cuộc chuyển quân phải thực hiện trong đêm để tránh pháo binh và hỏa tiễn địch. Xe tiến chậm rãi, trắng non vừa mọc, ánh sáng bàng bạc soi xuống mặt bể chuyển động lóng lánh những lượn sóng bạc đầu, mưa giăng bụi mờ chân trời. Chưa có một chuyến đi nào hào hùng bằng, sóng biển đánh vào thành xe bọt tung lên ướt đẫm thân thể. Giờ này mới hiểu rõ niềm cô đơn của người lính biển. Quân đi như trong giấc mơ. Cũng hiểu được tại sao thuở nhỏ tôi vẫn thích Chinh Phụ Ngâm hơn Kiều; Kiều trang trọng, kiêu cách và có vẻ "Tàu" quá. Chinh Phụ Ngâm mới là tiếng than dài...

Hơi nước lạnh người rầu mặt rạn

Giòng nước sâu ngựa nắn chân bon...

Tôi yêu những câu thơ này từ năm còn học đệ ngũ, lên đệ tam, linh hồn mở ra thêm hoài những chuyến đi xa. Những câu thơ này dành cho tôi. Đã linh cảm từ những năm trẻ nhỏ đó... Năm tháng sau này sẽ là những ngày dài trôi nổi. Đi lính có nghĩa chấp nhận chuyến đi xa. Bây giờ thấy rõ ấy là sự thật. Quả tình tôi không thể làm được chuyện gì lớn trong đời, tất cả mọi chuyện hình không thể nào quan trọng với tôi. Lớp đệ ngũ, trường Phan Chu Trinh Đà Nẵng, thầy Quế hỏi:

- Theo em nghề gì tự do và thoải mái hơn hết?

- Thừa thầy: Đám bóp!

Lẽ tất nhiên tôi nói đùa để các bạn học cười, bao nhiêu lâu chỉ xuất sắc được ở môn nói láo và khô hài, hai quý tính này lẽ tất nhiên không giúp cho tên học trò khá hơn. Ngồi trong lớp tôi rình rập, đợi chờ, chuẩn bị câu khô hài để cả lớp cười ồn theo. Ai làm tôi trở nên vậy? Bố mẹ tôi vốn nghiêm chỉnh, giống chẳng một ông cậu ở tỉnh "tiểu lâm vật". Khi trả lời với thầy Quế như

vậy, tuy chỉ là câu đùa nhưng tôi biết mình đã rất nhiều thành thực. Biết làm sao được vì tôi khoái cái anh đấm bóp cầm đèn xanh và chùm kim khí chỉ xuất hiện sau khi đèn đường đã thấp sáng. Và tôi nhớ kỹ thầy Quế đã phán một câu: "Rồi suốt đời, anh sẽ không làm được gì hết". Đúng quá, tôi chẳng thích làm lớn một tí nào hết, đời bắt làm sĩ quan, chỉ huy lính đánh giặc thì tôi làm, nhưng nghĩ cho cùng tôi chỉ muốn làm một tên lang thang.

Chuyến đi này hợp ý quá, năm giờ sáng đến mục tiêu cuối cùng, bố trí cắm lều, hạn chế vô tuyến, địch đang dò chừng chúng tôi... Nằm trên bờ cát nhìn ra biển, hút thuốc thấy thú vị vô cùng, chiến tranh và trái hỏa tiễn thù hận được quên đi. Trời tối, ở yên tại vị trí, mọi cuộc di chuyển đều cấm ngặt, nhìn sang bờ bắc trời vẫn còn mù nhưng có thể phân biệt vài căn nhà, quê hương đó xa cách như không bao giờ đi đến. Phía bên trái chúng tôi tiểu đoàn 6 bắt đầu tiến lên các đụn cát, bóng đen những người lính vừa xuất hiện trên đồi 24 đạn đại bác từ bờ bên kia rơi chính xác ngay đỉnh đồi... Những người lính tiểu đoàn 6 ào ào hốt cá nhân, cử động của họ hấp tấp, vội vàng dưới làn mưa đạn, trông tội nghiệp như những con thú bị đuổi. Đồng thời có giọng nói Mẽ trong máy, bây giờ nó đã vượt lần ranh khu phi quân sự... "Trình đích thân Mê Linh tôi bị..". "Sếp" bấm chặt combiné, im lặng. Mẽ biết ý, đổi giọng: "Trình đích thân nó ném đá, nhưng trước mặt tôi hai thước. Chắc chắn rằng Việt cộng theo dõi được đàm thoại nên từ giờ phút ấy đạn cứ rơi đằng sau chúng tôi hàng hai cây số!! Đoàn xe chở chúng tôi trên đường trở về bị đạn chạy lung tung, một vài anh tài xế đại dột cho xe chạy ra gần bờ biển trống trải, Cộng quân trông thấy điều chỉnh đạn rơi tới tấp. Tiếng đạn rít qua đầu nghe tai quái, nhưng yên chí, địch không biết chúng tôi ở đây. Phản lực từ Đà Nẵng bay ra không đầy năm phút sau, chiếc thứ nhất trút xuống, ba chiếc kia lượn vòng; thay nhau trút bom xuống phần đất phi quân sự ở bờ phía bắc, lợi dụng cơ hội, tiểu đoàn 6 gọi trực thăng tải thương, M, Track của Mỹ linh kinh chạy về Cửa Việt.

Chỉ có việc nằm im trong rừng thông, máy truyền tin được lệnh hạn chế đến mức tối đa, lần đầu tiên tôi cảm thấy bình an, vì trận địa đã chia thành chiến tuyến rõ rệt, không cảm giác bị rình rập sau lưng. Đến chiều, lợi dụng lúc Hải pháo từ hạm đội số 7 bắn lên, chúng tôi hồi hải nấu cơm, xong len lỏi trong rừng dương liễu rút quân về lại phía nam. Chiều mùa đông xuống thật nhanh, được lệnh đóng quân, nằm ngủ ngay trên cát bên cạnh hố. Suốt ngày đi dọc bờ biển, đêm ngủ dưới rặng phi lao, tôi nhớ những ngày mùa hè mới lớn... Suốt ngày lang thang trên bãi, đêm ngủ bờ cát, đốt đèn đi bắt ghẹ, loại cua nhỏ và đẹp, dưới ánh đèn khí đá con ghẹ chạy bay biến trên nền cát ướt, Tuấn cầm đèn, Hải kéo chiếc thùng, tôi đâm lao, số ghẹ bắt được luộc ngay ở bờ biển khi đêm khuya đang ngã về sáng, sao hiệp sĩ hiện rõ ở nền trời. Khuya này, tôi cũng ở trên bờ biển, nhưng đã là một lính già, thêm được thấy ánh lửa trại đội trưởng của Thiếu sinh Hướng Đạo miền Trung... Quê hương, tuổi nhỏ, thời ấu thơ đã xa mất rồi.

Gần sáng, cả tiểu đoàn thức hẳn dậy... B 52. Ở hậu cứ mỗi khi nghe radio phần tin tức buổi sáng: Vào bình minh hôm nay, B 52 đã dội bom xuống dùng phi quân sự... Không một ai chú ý, xem chỉ là mẫu tin nhỏ. Nhưng đến sáng hôm nay, chúng tôi mới thấy được tầm quan trọng cũng như cường độ công phá của trận oanh tạc. Nơi dội bom cách khoảng chúng tôi bốn cây số, mỗi lần bom nổ, người đang nằm dưới đất bị bắn tung lên, người nằm trên võng bị ném xuống, những cột lửa lóe lên đỏ rực như ánh đèn xi đèn gần mặt. Tôi chưa thể hình dung được sức nổ của bom nguyên tử, nhưng bom B 52 ở đây đã vượt qua ý niệm tàn phá. Đất rung chuyển như nước nê, lồng ngực bị nén hẳn lại, bom không nổ từng tiếng, nhưng từng giây, từng chuỗi kéo dài ra như âm điệu của ngàn thác lớn, gây nên cảm giác đất đang vỡ vụn nhỏ. Chúng tôi ở xa nơi ném bom còn thấy nghẹt thở, không hiểu những người lính miền Bắc ở chỗ bị ném bom sẽ ra sao? Bom đạn đâu có phân biệt được người Cộng sản hay không, giáo điều của Bác và Đảng làm sao giúp người lính Bắc Việt có thể sống, hoặc bình thường nếu được sống sót dưới trận mưa bom và nếu quả thật có một người Cộng sản nào đó không sợ hãi dưới tiếng nổ xé vỡ vũ trụ kia, thì kẻ đó hẳn không còn tính người, đây chỉ là một loại xác chết được đẩy vào

chiến trận. Và như thế, chiến tranh này chỉ có giữa những người máy với nhau, một thứ từ phương trời thật xa đến, không nhìn, không nghe, không thấy mục tiêu, địa điểm đánh bom được đánh dấu bằng ra-đa, bấm nút bom rơi xong bay trở về; chắc rằng nhiều phi công B.52 chưa hề thấy một người Việt Nam. Và một loại người máy khác, lòng đầy thù hận, không tim, không óc, không tình thương, không sợ hãi lẫn vào cái chết - Nào có được vinh quang gì những cái chết được xem như chủ đích của đời sống. Chúng tôi đúng là một kẻ ngoại cuộc, cô đơn trong chiến tranh.

Trở lại Huế, trời đã vào mùa đông, nhìn những chiếc áo trắng tươi mát đi học trên đường dọc dòng sông, thấy mình cằn cỗi như một thứ vũ khí bị sét. Từ Nam Giao đi xe về Huế gặp lúc tan học, học trò từ Quốc Học và Đồng Khánh dồn ra reo vui trên đường phố. Chiếc xe nhà binh đi trong tiếng cười linh động trông như một nỗi buồn già...

- Xe nhà binh đằng sau, tránh đi tụi mi! - Cô gái nhỏ báo hiệu cho bạn bè, chữ "nhà binh" nghe nặng nề như một lời trách cứ. Các em nào biết được lòng ta, một thứ lính tội nghiệp đang chống đỡ cho quê hương.

Lần đầu tiên tôi thấy sếp nổi giận thật tình, một người mặt lạnh, một gã Mộ Dung Phục tân thời, cao ngạo trầm tĩnh, nổi tiếng hách từ thuở còn quan một, quan hai, bây giờ cũng đùng đùng nổi giận, cũng cáu kỉnh ra phết... Từ trên xe bước xuống, sếp gầm gừ. Anh Ba "Vầu", tiểu đoàn phó khẽ nói:

- Mẹ, lại có chuyện gì ghê lắm rồi... - Dẹp bài. Chúng tôi đang ngồi rút một canh xì còm đánh lai rai kiếm tiền về Sài Gòn tiêu. Hành quân vào ngày thứ bảy mười hai, được lệnh về Sài Gòn, sếp đi họp để bàn chuyện triệt thoái. Nhưng bây giờ với điệu bộ hung hăng của sếp như vậy chắc chắn là có vụ gì vỡ mặt, nói theo ngôn ngữ anh Ba Phó. Sếp vào, mọi người im lặng, chương đầu tiên nhắm vào sĩ quan hành quân... - Anh Đĩnh, lần sau tôi đi họp mọi người ở nhà trực máy cẩn thận, cái lũ truyền tin khốn nạn!

Anh Ba Đĩnh:

- Vâng.

Chương thứ hai hạ tiếp vào tôi:

- Tôi muốn anh điếm danh lại đại đội, ở ngoài Huế lính của anh đang làm loạn... Tôi muốn (muốn gì nhiều quá cỡ) Đại úy tiểu đoàn phó thôi không đánh bài nữa!

- Vâng... - Anh Ba "vầu" chưng hửng. Mẽ thì thầm nói với Thừa:

- Chắc phải cày thêm nữa mày ơi. - Sếp đưa mắt một vòng hình như đã bớt cơn thịnh nộ, thấp giọng:

- Chưa được về Sài Gòn, ngày mai đi Darkto!

Đại úy Freund, cố vấn trưởng tiểu đoàn lân la tới:

- We will go to Darkto tomorrow, Sir?...

- "Tô" và chén cái con mẹ mày "phân" à ("Phân": âm tự tên Freund). - Thừa trả lời, anh Mỹ ngây ngô toét miệng cười: OK!

Thế thì sống sao nổi, tưởng được về Sài Gòn ai ngờ lại đi Darkto, buổi họp bàn tính kế hoạch không vận ừ xiù chẳng ra ngô khoai gì hết. Hết họp, sắp lúc này đã lắng xuống mới làm ra cái giọng thản nhiên.

- Các cậu về đừng cho lính biết...

Chúng tôi bước ra cửa kháo nhau... Quan biết còn đi không nổi nữa là lính... Tôi đi về chỗ đóng quân đại đội, Lính đang biểu diễn một màn gọi là "giã từ soong chén". Lính hay có những cái "khí" đáng yêu như vậy. Sau mỗi lần hành quân dài hạn đem chén bát ra đập vỡ bằng thích, soong chảo bị đâm nát hoặc đem tặng lại cho đồng bào, một thứ quà gửi lại em gái hậu phương cam đoan không một anh nhạc sĩ loại thủ dâm tinh thần lính có thể biết được để đưa vào nhạc cho các ông thợ hét "anh tiền chiến" rên rỉ. Gạo, cơm, mắm, muối, đồ ăn thức uống, còn bao nhiêu các anh chiến sĩ can trường đem tặng hết cho đồng bào, làm sao chỉ còn một túi ba-lô thật gọn, với vài bịch cơm sấy để mai lên tàu bay là được... Mẹ kiếp, về Sài Gòn xuống tàu bay mà mang cái nồi đen sì thì dĩ nó cũng chề nữa... Ném! Hạ sĩ Em ném cái nồi xuống lưng đòi một cách hung hãn theo lời khuyên quý báu. Nhìn cảnh tàn phá, tôi phát hoảng... Kêu thường vụ tập họp đại đội lại!! Đại đội đứng trước mặt, chưng hửng chờ đợi vì thấy tôi có vẻ nghiêm trang.

...Các anh không được cho thức ăn, không được phá đồ nấu ăn, có thể đợi máy bay ở phi trường hằng ba bốn ngày... Ai lỡ ném soong chảo phải đi tìm lại. Lính xì xào bàn tán... Tôi đem thêm một câu: Nhắc lại, vấn đề đợi ở phi trường là điều chắc chắn. Bớ khí, tôi nói láo cũng ra gì.

Chiếc tàu bay C.130 cất cánh khỏi phi trường Phú Bài, nhả những ống hơi điều hòa không khí, lấy bằng phi bay về hướng nam. Tôi đứng dậy từ đuôi máy bay nhìn đám lính ngồi kháo chuyện trước mặt, anh nào anh đó cũng có vẻ hí hửng, ba lô đầy cứng mề xừng với nón Huế. Thạch Sen, xạ thủ súng cối đại đội:

- Chay mẹ, tao cho con vợ cái nón Huế bây, vợ mừng...

- Anh em yên lặng, tôi có chuyện nói. - Cả tàu im phăng phắc hướng về tôi. Ngần ngại một thoáng ngắn...- Báo tin cho biết, tàu bay không về Sài Gòn, chúng ta đi Darkto. Tiểu đoàn phải hành quân ở Darkto trong mười lăm ngày nữa.

Một tiếng ồ thật lớn nổi lên, mọi khuôn mặt hóa thành đờ đẫn, xong thộn ra thiếu não không chịu nổi. Dương Phên nói với Thạch Sen:

- Đ.m... Darkto ở đâu bây?

- Tao không biết. - Nó đâm một cái rách tung chiếc nón Huế.

- Trung úy nói giỡn chọc tụi em? Một vài người lính đến bên tôi dò xét.

- Tao hết cách giỡn rồi sao, tao cũng rầu thấy mẹ... Tên lạc đà của tôi ngồi một bên nói tiếp:

- Đi Darkto thật đó...- Những tên lính de lui, mặt dài ngoẵng.

Tôi đã xuống nhiều phi trường quân sự trong đời lính, nhưng không có phi trường nào tiêu điều buồn bã bằng phi trường Darkto chiều hôm đó. Hàng chữ xi-măng gắn trên cổng phi trường

gãy đổ xiêu vẹo, chữ còn chữ mất trong càng thêm xơ xác. Đêm ở đây thật lạnh, lạnh rút vào trong xương, bao nhiêu áo quần mặc cũng không vừa, lạnh không phải từ ngoài thấm vào nhưng từ trong cơ thể thoát ra. Chúng tôi rút vào câu lạc bộ trung đoàn 42 để uống cà phê, cà phê làm sao quên được nỗi buồn nản của cuộc hành quân kéo dài này, thôi thì rượu vậy, rượu không có thì bia. Trong quán ăn lính ngồi đầy nhóc, mặt mũi anh nào cũng chảy dài ra vì buồn... Hát đi tụi mày, vì sao không hát cho vui nhỉ? Có quái gì đâu phải cau có, hành quân thêm mười lăm ngày nữa có chết con ma nào đâu! Đúng, đúng! Mượn hơi men, một vài anh cao hứng làm ra cái điều khăng khai. Hát, một người đứng lên hát... À, Tám Lọ ở đại đội 72. Được, thằng này làm hề khá. Tiếp theo anh xạ thủ súng cối người Miên của tôi lên hát, thằng này có giọng tốt, bis, hát nữa đi Phen. Phen được uống chai bia, cao hứng làm tiếp ba bài, thiên hạ vỗ tay rào rào. Đến lượt quan ba Mê Linh làm một đường ngâm thơ "Mòn mỏi" nghe cũng tình tứ... Thế là văn nghệ tạp lục hay gấp vạn lần của anh Tùng Lâm, hấp dẫn không kém một đại bang nào. Đêm đã khuya, đoàn văn nghệ bắt đấm dĩ cạn vốn, ngày mai còn phải vào núi, cơn say chưa đến và lạnh như dao cắt. Phiền buồn thật xót xa.

Hành quân, những ngọn đồi phía đông bắc quận Darkto, bên phải con đường chiến lược nối Darkto với Darkpec, bên trái trung đoàn 42, phía nam Nhảy dù Mỹ. Địch đang gây áp lực mạnh chung quanh quận lỵ này, mục tiêu là phi trường nằm thấp xuống như lòng chảo Điện Biên. Núi ở đây còn khó hơn ở Pleiku, cao chót vót trơn tuột, rừng già không dấu vết người. Đi sâu vào phía đông, xong lại rút ra đi dọc theo con đường lên Toumorrong. Địch không có, biệt khu 24 lại vẽ thêm mấy mục tiêu ở phía bắc, đi tiếp cũng không có một dấu vết gì. Thôi đóng quân trên mấy ngọn đồi cao xong tung quân lục soát, xếp quyết định. Trong rừng bảy ngày rồi, thức ăn không có, đêm quá lạnh có người chịu không nổi phải đào hố đốt lửa thành than, lấp đất lên rồi căng võng trên đồng lửa ngủ. Kể từ ngày ở Huế đến bây giờ là mười ngày cả tiểu đoàn ít có người nào xuống suối tắm. Rét đã làm da thịt sần lại, chẳng có ai can đảm nhúng vào nước. Tuần tiểu cấp trung đội, các đại đội trưởng được ở tại chỗ. Tôi bò lên đồi đóng quân của Mê, nó có chai rượu whisky Nhật, mấy củ hành lá được mang ra, chai rượu uống đến giọt cuối cùng...

- Ngon mày ạ! Lần đầu tiên tao uống được whisky Nhật, cực quá!

- Gắng cực đi con, không đụng là tốt rồi...

- Có Việt cộng đâu?

- Mày không biết đấy, nó đánh với Mỹ tơi bời ở phía nam...

— Thế hả? Vậy thì về là vừa, tao nhớ thằng con quá... - Câu được câu mất, tôi nói với Mê thì thầm trong choáng ngợp buồn phiền.

Sau mười ngày trong núi, tiểu đoàn được lệnh rút ra Tân Cảnh, thị trấn nằm về phía nam của quận Darkto. Tám mươi hai ngày hành quân kể từ ngày rời Sài Gòn, mười ngày cuối cùng trong rừng không thấy mặt trời, tóc râu mọc lờm chờm trông như lũ ma. Thôi, trả nợ đời như thế này coi đã đủ, bây giờ thiết kế tính chuyện ăn chơi. Tiền ở đâu ra? Không còn một tên nào có được năm trăm trong túi. À, có ông địa mậ, thiếu tá quận trưởng Darkto. Nhưng đưa nào dám lên ông ta xin rượu? Con đường Tân Cảnh-Darkto sáu cây số, hai cuộc phục kích xảy ra trong đoạn đường ngắn ngủi này đã giết chết một ông đại tá. Gần đây, ngày hôm kia các trại định cư người Thượng ở phía trái con đường bị Việt cộng tấn công, bây giờ là tám giờ tối. Đưa nào dám đi? Cả bọn đều e ngại, nhưng cuối cùng cũng có bốn ông liều do tôi chỉ huy mượn chiếc xe của một thiếu úy khóa 22A ở đơn vị bộ binh Tân Cảnh. Chúng tôi lên xe, xe chạy như điên không để đèn, sáu cây số đi như một cơn mê. Ông quận trưởng, thiếu tá Biệt động quân "ô kê" cho chúng tôi rượu, rượu không có thể vào két bia và tí tiền còm. Xong cả bọn phi nhanh

về Tân Cảnh, gái ở đây chỉ còn ở tổ quỷ độc nhất ngoài thị trấn...

Những phiến toán cực nhọc cho quên hết, da thịt được mở tung ra thoả thuê, thế giới này chỉ có lính, và lính đồng nghĩa với phung phá đến tột độ. Các em bé cũng chịu chơi ra gì, đóng cửa quán lại vui vẻ với các anh, một lần đầu và cũng là lần chót. Đêm thật lạnh, rượu ngấm vào và khuôn thước nào để gìn giữ sau tám mươi hai ngày hành quân. Say đi anh em, cơn dục tình vui vẻ như một tiếng reo vô tội. Khoái quá! Nuôi "con" hết lớn. Ừ vui thật, "xong rồi anh em!!" Nhảy dù có chữ "xong" mất dạy một cách đáng yêu. "Xong rồi", thế là hết, nhưng cũng không xong tí nào, một cây sào luôn đẩy người đối thoại vào chỗ chơi với. Xong rồi! Cứ xong mãi nhưng không bao giờ xong điều phiến muộn!

Đêm khuya, rượu hết, các em gái cũng phờ phạc trông đến chán, cả tụi kéo nhau về. Không hiểu do một thứ "đào hoa vật" hay không? Tôi được một em bé níu kéo nài nỉ ở lại. Không ở lại cũng phí của trời ông ơi! Hiến "chó xù" đề nghị. Đấy, ông giữ cái súng XM 16, này lỡ đêm nay Việt cộng có tấn công còn đường tiến thủ, xong oanh liệt chết trên bụng em bé! Xong rồi! Ta sẽ ở lại. Tôi hùng dũng nhận lời. Ôi, ái tình lè cũng tạm được, em bé lại khóc mùi mẫn vì sợ chia ly! Tôi đâu ngờ được cảnh thế lương thế này. Em lại cho tôi tập thơ, thế là hết chỗ nói, thơ với ái tình đi kèm nhau là phải. Đêm cao nguyên lạnh, nằm trên chiếc giường êm, em bé lại đẩy da da thịt thừa thãi... Ba tháng hành quân, nằm đồi, ngủ núi được bù trừ một cách đầy đủ, em lại to con dai sức, bắt chi lao. Sáu giờ sáng, nàng Kiều tiễn chân tôi ra bến xe Lam. Khi trèo lên cái dốc vào trại trung đoàn 42, tôi đi như muốn bò, vào đến nơi đơn vị đã lên xe để ra phi trường, tôi nặng nhọc trèo lên chiếc GMC ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Hôm nay là ngày 23 tháng Mười một: Hồ, Hiến, Dưỡng và Lộc được thăng chức Trung úy. Sếp gấn lon, đại đội 91 được lệnh lên tàu bay về trước, tiếp theo đến 92 và 93... Chiếc tàu bay chở đại đội 92 vừa ra đến phi đạo thì Việt cộng bắt đầu pháo kích. Quả thứ nhất rơi bên cạnh phi đạo, lính tinh bơ cười nói như không có gì, quả thứ hai và thứ ba trúng ngay cánh chiếc C.130 chở đầy lính đại đội 93... Phi cơ bốc lữa, Việt cộng pháo kích liên tiếp vì mục tiêu đã nhận rõ. Lính đại đội 93 chui từ trong máy bay ra lúc nhúc như chuột bị động ổ, lửa khói và tiếng nổ khắp bốn phía... Sếp bị trúng đạn ngã xuống, Mễ chạy ra xốc nách đem xuống giao thông hào bên trái phi đạo, khu phi trường biến thành địa ngục, đạn chất sẵn để đưa lên máy bay chạm xăng bốc lữa nổ như sấm. Chạy, chỉ còn một cách là tránh khỏi khu phi trường... Bây giờ mới có thể hiểu được thảm cảnh của Điện Biên phủ suốt hai tháng nằm dưới cơn mưa pháo 105 và cối 82. Chúng tôi ở đây bị ba khẩu sơn pháo mà đã chơi với rồi. Tôi dẫn đại đội chạy ra ngoài phi trường, mỗi thằng chỉ mang được một cây súng, đến cổng tôi tạt vào cái lô cốt để ngồi nghỉ, nhìn xem quân ta tịch thu "chiến lợi phẩm" do lính Mỹ trong lúc hốt hoảng vất tung tóe. Cám ơn Việt cộng và cám ơn lính Mỹ!

Giao lại Darkto cho chiến đoàn 3 Nhảy dù, gồm tiểu đoàn 2 và 3 Nhảy dù. Chiến trường bắt đầu sôi động, các anh ở lại để chứng tỏ can trường của người lính Nhảy dù Việt Nam, và các anh đã thực hiện được khi treo quốc kỳ và chiếc nón đỏ trên ngọn đỉnh Ngok-Wank.

Chúng tôi triệt thoái về Kontum vì phi trường Darkto không thể sử dụng được, trên đoạn đường đầy bụi đỏ này tôi được chứng kiến thêm một "nét son" của chị em ta. Đường đầy lính Mỹ và chiến xa tuần tiểu an ninh lộ trình và một lô xe Lambretta ba bánh. Để làm gì? Một xe có từ bốn đến tám chị em, áo quần mặc đến mức tối thiểu, một ít nước ngọt hoặc la-ve, tên tài xế kiêm nghề ma-cô. Đại khái, một chị em tay cầm chai cô-ca, cặp một chiếc poncho đến sát chiếc M.113 trên xe hai anh Mỹ con mặt mũi non choẹt, đất đỏ bám vàng cháy. Anh Mỹ con gật đầu, em bé đặt cái chai vào giữa rãnh bộ ngực, anh chàng cúi xuống nắm cái cổ chai, đi một đường sờ soạng, con bé cười hình hích... Cái chai tuột xuống bụng dưới. OK cứ loạn cả lên, chẳng biết ai hỏi ai trả lời. Chai cô-ca được kéo ra từ đống quần con bé. Mệt rồi, cậu Mỹ mở chai



nước uống một ngụm, tay cặp khẩu súng, tay kia diu em đi vào cánh rừng xanh!... I get short time! Nó nói với thằng trên xe. Thằng nhỏ trên này gật đầu. Có một đoàn công-voa Mỹ đi ngược chiều, xe chúng tôi bị kẹt lại nên trông thấy được màn ciné cochon hấp dẫn. Lính trên xe la như giặc: Dô! Dô!... Number one!...

Đoạn đường mòn lại đầy nhóc những "khoái kịch" trên. Xe Lam ba bánh đậu san sát với chiến xa và xe công binh Mỹ làm đường.

Thuở bé, nhà tôi ở một chỗ chứa, "Mã Ông Trọng", chúng tôi chỉ nghe người lớn nói đó là nhà đi, nhưng cả lũ trẻ con không đứa nào biết mặt "con đi" như thế nào! Thậm chí tôi còn phia ra cảnh: Một thằng lính lê-dương đến chỗ "Mã Ông Trọng" vỗ tay ba cái, bụi rậm mở ra lỗ hổng, nó chui vào đấy. Đấy "chơi đi" phải bí mật và kín đáo như thế, tôi đã phải rình lâu lắm mới bắt gặp được. Bọn trẻ nhỏ phục tôi quá. Và tôi cũng nhớ một người phu xe kéo từ chổi chở người đàn bà son phấn. Hắn ta nói nhỏ với người bạn - "Thứ đó đó..." - với một giọng khinh miệt. Tôi bèn mách với lũ trẻ bạn là đã được thấy một "con đi" rồi. Bây giờ, lũ trẻ con ở hẻm nhà tôi, trong khi ngồi chờ đợi rước mỗi cho mấy "chị", đã bàn tán với nhau sự cấu tạo của mỗi chị em và cách thức hành nghề của mỗi người...

*Tháng 12-67. Darkto.*

## **NGHĨ VỀ NGƯỜI Ở MẬT KHU NƠI KHÔNG SINH KHÍ**

Súng đạn nổ trên quê hương đã lâu, chiến tranh nên thành hiện tượng thường hằng như chúng ta ăn, sống, thore và chết. Chiến tranh đã xảy ra khắp cùng rừng sâu, núi cao, nơi thôn xóm, thành thị... Chiếc xe chạy trên quốc lộ bỗng mìn nổ, bùng vỡ tàn phá. Đêm ngủ trong nhà, súng bắn tới, pháo kích, chết chóc thê thảm xảy đến như một điều tự nhiên. Ngày sầm uất ở Thủ đô, giờ tan sở, tiếng nổ phát ra từ chậu hoa, gói giấy, xe hụ còi, người rên rỉ, nhà cháy, giày kẽm gai giăng kín. Chiến tranh, khuôn mặt quen thuộc đến nhẵn lì hàng ngày của quê hương tan tác. Tuy thế vẫn có một vùng đất, có một miền dành riêng cho chiến tranh, nơi sự chết đè lên sức sống, âm ỉ thù hận, rình rập lên từng cành cây ngọn cỏ. Đấy là nơi chiến tranh mở hội, máu chảy nên sông, xương kết lá, suối hôi tanh và gió thổi qua, gió âm âm nặng mùi. Nơi vết thương làm ung độc quê hương, nơi dòm bọ nhưng nhúc nhủ từ những xác chết nằm chờ vợ, lạnh lung - Nơi chốn không của người, nơi địa ngục im lặng, vang vọng tiếng than dài dân tộc rít qua kẽ lá u ám chập chờn - Mật khu.

Mật khu ở đâu? Có ở khắp nơi. Không cần phải đến Chu-Phong, vào Ashau, A-Lưới... Quê hương có bao nhiêu đất đai, bao nhiêu sông ngòi, ao lạch, bao nhiêu ruộng vườn, tất cả đuce chỗ để trở thành vùng mang dấu tích mật khu! Đường Huế - Quảng Trị, từ cây số 17 trở đi bề ngang hẹp như một thân thể lao xương gầy guộc, quốc lộ 1, mạch máu đỏ lò mờ di động đau khổ trên miền núi cần, biển lở... Mật khu ở đó, trên những ngọn núi Bàn, núi Động Thông vùng Cổ Bi, Hiền Sĩ, bên kia Phá Tam Giang dọc dãy phố Buồn thi... Ngược vào nam qua Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Bồng Sơn, xuống đèo Phù Cũ, một bên đèo Trà Ổ, bên kia đèo Ông Hồ.. Mật khu có đủ nơi, chiếm đủ chỗ, bày ra khắp cùng để người Việt sẵn chốn nằm xuống. Nằm xuống nhắm mắt ngỡ ngác, kinh hoàng... Tại sao tôi chết ở đây? Tại sao tôi chết ở một nơi chưa bao giờ nghĩ đến? Vào nam thêm chút nữa hay lên đến cao nguyên, bên trái, bên phải sông la Drang đâu đâu cũng có bấp, hầm, nhà sàn, chông, mìn, lòi, đạp... Tiếp tục xuống phương nam về gần đến Sài Gòn vùng Hóc Môn, Bà Điểm, An Phú Đông, rạch Sơ-Rô, rạch Bến Cát ăn qua Lái Thiêu, Bình Dương, qua lại sông Sài Gòn đến ấp nhà Việc, Bến Cỏ, Bến Mương. Nhiều lắm, nhiều kẻ không bao giờ hết. Kể làm sao hết được nơi chốn cho người Việt. Để người Việt tận giết lẫn nhau. Khắp cùng tất cả trên mọi phân vuông của quê hương này, đủ chỗ cho người giết người. Làm sao tôi xác định rõ được nơi chốn nào là mật khu? Cố gắng, cố gắng, trong hốt

hoảng, với kinh sợ vì thấy tay mình vấy máu. Tôi về nên Mật Khu...

Trực thăng đổ quân xuống một vùng núi bị lở ra vì bom dội xung quanh không có một dấu vết địch, rừng im lặng tịch nhiên, lấy đội hình đơn vị, người khinh binh đầu tiên dẫn bước mười lăm phút, nửa tiếng đồng hồ sau, tất cả vẫn còn nguyên chỗ cũ, gã khinh binh đi đầu tiên được khoảng mười thước! Rừng dày quá cây lá đan vào nhau, gai rừng trâu, gai lười cựa giăng thành từng khóm từng cụm bên trái xanh, bên phải xanh. Cứ tiến về phía trước, cúi mình xuống, bò lọt vào giữa hai rễ cây, chặt đứt phẳng mối nối, đứng dậy được, lại tiếp tục chặt cho đến khi con dao rừng rơi xuống đất lúc nào không biết, gai lười cựa móc vào vành tai lúc nào không hay. Từng thước, từng thước rừng, người lính tiến về phía trước.

... Báo cáo có con đường chạy từ tây sang đông. Đúng như vậy, đường giao liên, coi chừng đạp chông, cứ dọc theo nó đi về phía tây bao giờ gặp con suối thì báo cáo lục soát. Có một hầm khoảng tạ gạo. Đúng rồi, tiếp tục, chung quanh đây còn nhiều thứ nữa. Báo cáo... Trình "đích thân" có một xấp tài liệu. Đưa lui cho tôi.

Chúng tôi đang ở trong một mật khu. Có gì lạ. Không gì hết, một ít gạo, vài quần áo cũ, dăm ngói mộ, lục soát thêm ra hai khẩu súng cũ... Sống như thế này thì sống chó gì được! Người lính bên cạnh tôi chửi đồng mấy câu. Phải, không làm sao sống được, ngày này qua ngày ngồi một góc đường mòn nhìn về một phía rừng. Rừng xanh rì một khối, trên xanh, bên trái, phải, sau trước đều là một màu xanh mệt mỏi. Mặt trời không thấy, mây trắng, biển rộng mát bật trong màu xanh của rừng. Mới nửa buổi trong khoảng xanh nặng nề này mọi người như ngộp thở, lá như có tay che bốt, không khí đi vào phổi con người. Thân cây không to, không cao, chỉ bằng cổ tay, cổ chân, khoảng ba thước cao, nhưng đan vào nhau, sát vào nhau... Trời nắng ở trên không biết, trời vẫn vũ làm mưa không hay. Hai thái dương như bị đám liên hồi, mắt mờ lòa do từ nơi chói sáng vào bóng tối. Ánh sáng của rừng không còn là ánh sáng nguyên thủy, ấy là hơi bốc từ cây, từ lá tiết ra có mùi nồng nồng, có màu nhạt nhạt xanh xanh. Nửa buổi trong rừng chúng tôi đã ao ước, mong muốn được đi qua một khoảng trống dù cỏ lau rất da, rất thịt cũng được nhưng hãy cho chúng tôi một khoảng trống, để đứng thẳng người không mỏi cổ, được nhìn thấy xa đàng trước, không bị vít, không bị án bởi muôn ngàn giây leo rễ cái. Mới nửa buổi chúng tôi đã bần thần ngầy ngầy, hướng gì người cán binh Việt cộng hết dựa gốc cây này đổi qua gốc cây khác, xuống suối rửa mặt, leo lên chiếc sán, đâu cũng vướng víu, đâu cũng chật hẹp, có mắt như bị mù, thấy gì được, phân biệt được gì... Rễ cây nào cũng giống nhau, lá nào chẳng một màu xanh thăm thẳm. Trong khoảng xanh đen tím thẳm này các anh đã làm gì? Sinh hoạt tổ tam tam, sinh hoạt tiểu đội, trung đội, chán ơi là chán. Cứ sinh hoạt hoài hoài với những đề tài đã thuộc từng chi li tiểu tiết. Hết sinh hoạt lại nấu ăn, đốn củi. Thức ăn là gì? Khổ lắm, vài đọt kè, đọt búp, rau tàu bay, rau má, một ít ruốc hay muối trộn vào với nhau thành một thứ canh đắng đắng, mặn mặn, cố nuốt vào để khỏi đói. Miếng cơm nhai không có cảm giác, giống như loài bò nhai lại đám cỏ khi nhàn rỗi lười lĩnh. Như nào có cơm, chỉ những lát sắn khô nấu sền sệt.

Tôi đã đi qua mật khu của các anh, đã từng đổ máu và giết người trên phần đất đặc biệt do các anh xây dựng. Thông thường tôi gặp các anh trong tình trạng đã nên xác chết, nhưng dẫu có bị bắt các anh vẫn không thấy khác với xác của người đã chết bao nhiêu!! Da các anh không phải da người, trắng xanh bạc thếp đến lạ lùng, một màu sắc không thật, không có. Các anh nhìn chúng tôi không cảm giác, không ý niệm, các anh là khoảng trống, bí ẩn, u uất, buồn bã do năm tháng dày đặc trong rừng, trong lá. Mắt của các anh hết còn là mắt người. Đây chỉ là đôi người khép mở khi thức, ngủ. Đúng như vậy, vì các anh đã đánh mất ý niệm của thị giác, của tất cả giác quan con người. Các anh hết tính người.

Bây giờ tôi có thể hiểu tại sao các anh hung hăng khi tác chiến. Tôi biết rồi... Đây là lúc các anh

đang sống lại. Súng nổ, đạn bay, tiếng bom, ánh lửa, một thúc đẩy mới, thổi bùng lại trong người các anh những phản ứng bao ngày bị cùn, bị chặt. Chỉ xung phong, khi giao tranh, anh mới tìm được nỗi vui vì được giết, được bắn, được vung vẩy tay chân, được lập lại phản ứng của con người - Được biết thế nào là sợ. Tôi đoán như thế và tin rằng mình xét trúng. Vì có nhiều lần chúng tôi đã hạ gục các anh trong lúc canh gác, các anh không còn thói quen nghe ngóng, âm suối chảy, tiếng nỉ non cộn trùng đã làm mòn hết cảm giác phản ứng... Và các anh còn tội nghiệp hơn nữa - Các anh cần đàn bà. Đàn bà, sinh vật linh động quyến rũ đã bao lâu không nhìn, không thấy... Kích thích làn da, rung động nụ hôn, ngáy ngất ân ái! Tôi biết các anh thèm thuồng và nhớ. Rất nhớ. Trong những buổi hội ý, học tập những thèm muốn đó các anh dấu vớ nhau, các anh tự che kín ngay với chính mình, các anh tội nghiệp đến độ bi thảm. Tôi biết cảnh sinh hoạt linh động có con gái ngực nở, đồng phục đen, mũ tai bèo chỉ có ở một vài nơi thật an toàn của chiến khu miền Nam, cảnh quyến rũ huy hoàng có đàn hát, môi hồng, mắt xanh mà báo chí ngoại quốc chụp được chỉ là cảnh láo, cảnh bịa, cảnh kịch dựng lên cho đám ngoại nhân tò mò cốt để tác động tuyên truyền.

Tôi biết ở mật khu các anh chẳng có gì cả, thèm thuồng, nhưng nhớ lắm các anh nếu có được một vài quần áo lót đàn bà, vài nịt vú. Đấy, các anh chỉ có thế! Có thể nói tôi chủ quan khi nhận xét trên, nhưng từ lối sống ép buộc của các anh, hẳn chẳng có nữ cán bộ nào thừa áo quần, đồ lót nhiều đến nỗi vất tung tóe khi chúng tôi xâm nhập đến. Vậy chúng cốt để cho các anh - Các anh đã mắc phải một tật về tâm tính lệch lạc đến độ khủng khiếp và bi thảm. Tôi không hạ thấp khi kêu gọi lên cái "dâm" bị cụt của các anh, nhưng tôi biết con người các anh cũng như chúng tôi sống dưới một cảnh đời, dù bị kiểm duyệt bằng chế độ nào đi nữa cũng còn những rung động âm thầm của dục tính. Nhưng hồi ôi các anh bị giản lược đến quá nhiều, các anh thiếu đến độ cạn mòn nhất, chúng tôi hiểu và thương các anh nhiều lắm. A! Những hung bạo, những sai lệch về nhân ái chắc cũng có ở đâu đây, cũng bắt nguồn từ những ước muốn sôi bỏng bị chèn ép, từ những cuồng bạo được nguy trang nên bình thân này. Tôi nghĩ rằng, từ chỗ này các anh đã trở thành bạo ngược, xem người có hạnh phúc là kẻ thù, người đàn ông bình yên bên vợ con là thách đố, đáng ghét - Đó là hạnh phúc một đời anh mơ tưởng. Ô hay, các anh hung bạo là vì thế đó sao. Và chỉ là thế!!

Tôi cũng đã bắt gặp rất nhiều mẫu thơ tình của các anh, không có gì đáng tội nghiệp hơn nữa. Đành rằng người ta có thể yêu nhau, cảm thông nhau qua trung gian nghề nghiệp, chí hướng, tình yêu nước, tình đồng đội.. Nhưng tôi cũng nghĩ ra các anh đã quá đối trá khi chen trong lá thư tình những câu "Thề đánh Mỹ cứu nước" hoặc "tặng Lan với ý định thực tế đấu tranh tốt cho cách mạng". Làm gì có loại ái tình kỳ cục và đầy dẫy "chiến đấu tính" như thế. Đành rằng các anh đã bị nhào nặn trong lý thuyết đấu tranh, do những luận lý kèm kẹp lẫn nhau, nhưng khi lòng mở ra cùng yêu thương, làm sao còn hình ảnh thằng Mỹ nào trong bối cảnh tình yêu đó? Người yêu của các anh là ai? Phần lớn là gái quê ở Tuy An, Tuy Hòa, Quảng Trị, Bình Long... Những gái quê ngây thơ và mộc mạc, do tác động của sau tuổi dậy thì, yêu thương tự nhiên như một nhu cầu, những gái quê ít học đó làm sao nghĩ ra được mỗi nụ cười, mỗi bàn tay trao nhau là nằm trong chu kỳ của quá trình đấu tranh cách mạng! Làm sao giây phút đầy xúc cảm của những lần ân ái, của nụ hôn là lúc "ý thức cách mạng về liên kết công-nông", trong công tác? Ôi các anh đã dùng nhiều danh từ quá to lớn trong những hoàn cảnh không chút cần thiết.

Người ta có thể lừa dối người khác hoặc chính mình trong rất nhiều trường hợp, nhưng khi đến chốn riêng của tình yêu và tình dục chắc chắn phải là những nơi cuối cùng để thành thật nhất. Nhưng ở đây các anh quá khốn khổ, phải che giấu những đòi hỏi của tình dục và rung động thiết tha của tình yêu; trước giờ chia tay đáng lẽ các anh phải nói với người yêu những lời hẹn hò thân ái, phải nói nỗi niềm ray rứt khi xa nhau... Đành rằng các anh lại chúc người yêu - "Em ở lại vui, trẻ, khỏe, đạt ưu điểm trong công tác để tiến bộ!" Các anh lại còn "quê" hơn nữa khi hứa hẹn - "Ngày thanh bình em về quê anh ở miền Bắc, để nhìn thấy Bác bên cành hoa!" Ông Hồ

Chí Minh có là gì đâu mà sao anh phải mang vác trong một lúc đáng lẽ mở toang hết cửa sổ lòng người. Thế giới tình yêu hạn chế lắm, chỉ đủ chỗ cho hai kẻ yêu nhau, người thứ ba nên gạt bỏ ra ngoài. Ấy, các anh lại bảo tình yêu thoái hóa tiểu tư sản. Không, tình yêu "ý thức mạnh, công tác tốt" làm gì có thật, nếu có, thì cũng chỉ có trong những tâm hồn khủng hoảng lệch lạc dục tính như của các anh mà thôi. Ông Hồ cũng là một điển hình.

Thôi, mặt khu xanh thẫm đó, hãy xóa bỏ chúng đi, các anh hãy đi xuống miền có người, có tiếng cười, tiếng hát, lời trẻ con ậm ừ sâu giấc ngủ đêm khuya.

*Tháng 8-1967. Phong Điền.*

## **QUÊ HƯƠNG VÀ NGƯỜI HUẾ**

Tôi là người Huế, sinh ở Huế, nhưng không lớn lên từ đó, không có kỷ niệm, không nhưng nhớ, không một mối tình. Giữa tôi và Huế là xa lạ, dửng dưng, không mong ước trở lại. Nhưng, tôi đã sinh ra ở đây, đất đai đó là nơi trú ngụ đầu tiên. Và cũng chính trên mảnh đất này bạn bè tôi đã đánh những trận đầu tiên trong thành phố, những người bạn từ Sài Gòn, từ một tỉnh miền Nam, từ miền Bắc di cư vào, họ đã chết lạnh lùng, bất ngờ nằm xuống giữa đám gạch xanh rêu không sinh khí. Vậy nên tôi phải viết về Huế. Viết cho tuổi thơ đã qua, lần trở lại bi thảm, viết về một mát mát, nhưng tôi cũng viết cho những tìm thấy thật cảm động. Cảm động rưng rưng nước mắt, cảm động của buổi tái ngộ oái oăm.

Khi lớn lên sau này, ai có hỏi... Người xứ nào... Tôi thường tàn ngần một lúc. Sự ngập ngừng phát sinh từ những mù mờ về Huế. Tôi là người sinh ra ở đó, nhưng biết được gì trên thành phố ấy, tên đường không thuộc, chùa Linh Mục ra sao? Thế nào là con gái trường Đồng Khánh? Nhớ, nhớ lại một kỷ niệm xa nhất, những hình ảnh ghi nhận được, những điều còn sót lại trong vùng trí não mông mênh. Nhớ đến chỗ đầu tiên của hoài niệm tuổi thơ, tôi bốn hay năm tuổi gì đó... Cùng gia đình về Huế trong đêm khuya. Thuyền đi theo giòng sông, giòng sông đen, chiếc thuyền len lỏi qua hàng cây um tùm trên nước. Sông nào, tôi không biết. Cây gì, cây chà là. Sao lại cây chà là? Chắc hẳn đó là do bất chợt nghe đâu một lần nên tôi đặt tên cho những đám cây đêm đó là cây chà là. Thuyền ghé bến tôi lên bờ trên tay của cha, ôm chiếc chiếu trong lòng. Tôi về Huế lần đầu tiên, tôi đến trong đêm, trên giòng sông. Trí nhớ nào đủ để ghi lại vài hình ảnh mông lung như mặt nước lên tâm hồn trẻ nhỏ... Và đi ra khỏi Huế sau hai năm. Tôi còn lại hình ảnh nào nữa? Những buổi chiều cuối năm gió rét, thổi qua những con đường phố im vắng, hình ảnh một bà già lưng còng, còng xuống thật thấp, bán giò chả, tiếng rao lê dài qua khu phố theo gió đi xa, lạnh lạnh tái tê. Buồn hơn cả mùa đông. Thế là hết kỷ niệm của Huế. Còn gì nữa không? Chẳng còn gì hơn hình ảnh cô gái nhỏ cùng tôi chơi chiếc xe hai bánh, gồm bàn đạp, tay lái, chân để trên bàn đạp, chân chống xuống đất và chúng tôi thay phiên đẩy vào lưng nhau để tăng tốc độ. Tốc độ của đôi chân trẻ thơ nhưng quá nhanh trên mặt đường lồi lõm đá; đường không người, hai hàng phố cửa đóng, vẽ hoang tàn hậu chiến, nét linh động chỉ là hai chúng tôi... Thế là hết và tôi đi xa, xa về miền Nam, Huế đó tôi trả lại cho người, tôi về miền có biển có núi. Huế không có biển. Ở biển chúng ta nghe được thằng cuội chặt củi ở trên cung trăng. Một thằng bạn nhỏ khu xóm nghèo đường Gia Hội đã nói như vậy. Tôi đến vùng có biển và lớn lên từ những nơi này. Huế không có biển và tôi yêu biển biết bao nên xứ Huế được lãng quên.

Đà Nẵng và Nha Trang, thành phố bốn bề là biển, biển trước mặt, biển sau lưng, rẽ qua trái ra biển, rẽ qua phải đến sông, sông cũng dẫn ra biển, ngồi trong nhà gió biển lọt vào, rịn mùi muối trên da tay, đêm mùa đông nghe tiếng sóng cuồn cuộn từ xa tưởng chừng như sóng xô đẩy lại kéo trôi phẳng thành phố. Thịt bò khô ở Nha Trang, con ghẹ tươi luộc ở bờ biển Đà Nẵng đối với tôi là những món ăn ngon nhất, quyến rũ nhất và đáng nhớ biết chừng nào. Chạy nhảy trên

những hòn đá ở Tiên Sa, hà cắt đứt bàn chân, vết thương tươi đỏ đầy máu không tạo thành đau đớn, chỉ nhức nhức nhẹ nhàng, ngâm xuống nước mặn thành xót cay, nồng nàn như tuổi mới lớn, như tình yêu ước vọng của năm mười sáu, mười bảy... Máu chảy hòa nước biển, nước biển theo vết thương ngấm vào máu thịt, người như hạt muối được hong khô dưới mặt trời. Tôi ham mê đùa giỡn cùng sóng nước, giữa khung trời xa tít không biên giới với luồng gió có hương ngát từ khoảng không trên ngọn hải đăng ở Đà Nẵng; tháp hải đăng xây bằng đá, xanh mướt, trơn bóng vì rêu phủ, gió bão, muối sát, đổi luồng sáng xanh chỉ có ở giấc mơ. Gió từ bốn phía ào ào, lau ngã nghiêng theo tám hướng. Tôi sống, lớn lên, yêu đời, yêu quê hương từ đó. Từ những nơi có gió. Từ một chỗ nào xa xăm tận cùng trời đất.

Đà Lạt nét đẹp nào nùng, tưởng chừng như một nốt nhạc ngân hoài không dứt. Đà Lạt đẹp, thành phố, hồ Xuân Hương, hồ Than Thở đẹp nhưng phải đến Ankoet, trèo lên ngọn núi đằng sau nhà máy nước nhìn xuống thác Vàng, thấy cả trời đất hòa chung dưới đây. Hồ Ankoet trong vắt như thủy tinh, xanh tươi hơn tận cùng ý niệm, nằm trong lòng núi như một chiếc gương yên lặng khẽ gợn vì gió, vì sương đọng, vì núi nghiêng hay vũ trụ đang xoay, hay do người đang rơi vào ảo giác... Trời ở trên, trời cũng dưới đây hồ im lặng! Có tiếng động... Không, chẳng có gì, lá thông rã, cỏ đang mọc hay nước hồ đang nở... Nào ai biết, không ai biết gì của thiên nhiên im lặng đó chỉ nhìn và nhìn tận cùng với hết con người. Trong vòng tay của núi và biển, tôi đi xa Huế vô cùng. Huế của đêm tối hồi cư, dòng sông đen đe dọa của tuổi thơ làm sao kéo được tâm hồn tôi trở lại.

Bây giờ là năm 1967. Chiến tranh đầy trên quê hương như đàn ruồi trên đồng rác. Tôi đang ở Sài Gòn. Ôi Sài Gòn, làm sao thấy được mặt trời mọc lúc nào, lặn ở đâu. Đâu bốn hướng đông, tây, nam, bắc... Thế nào là màu xanh, súc vật nuôi trong nhà, màu xanh tím và hơi mát khu đường Cường Để, vùng nhà thương Grall trông tội nghiệp, vá vúi giả dối và còm cõi! Sài Gòn với một khoảng thiên nhiên mơ mộng của xa lộ, vài cây dừa xơ xác, một dãy đất hoang cỏ mọc úa vàng bị đóng khung bởi Cát Lái, Thủ Đức, Bình Lợi...

Việt Nam 1967, tôi lính chiến như một thanh mã tấu cùn rĩ, ném vào trong một đồng rác vĩ đại. Đà Nẵng thì hết rồi biển Thanh Bình, hàng cây dương mới lớn của mười năm về trước nay cằn cõi vướng vít kèm gai bao bọc trại lính. Bờ biển thuở xưa có cái lô-cốt bị chìm bây giờ đầy nhà cửa. Thôi còn gì nữa đâu, hết cả khoảng trời xanh, tiếng sóng vỗ cuồn cuộn vào bờ đêm mùa đông, biển tối âm u, hàng đường liễu ngập nước như một khu rừng nổi... Tất cả không còn gì nữa, núi Tiên Sa Mỹ đặt đài radar, con đường lên núi đỏ thắm giữa màu xanh của lá như một vết thương chưa khép. Vị tiên nào đã sa xuống vùng núi hoang vu tuổi trẻ của tôi ngày xưa chắc bây giờ đã lặn lớt chiếc cánh bên cạnh đồng vỏ bia. Tôi còn được một vùng thơ mộng nào trong quê hương?

Trong thời gian này tôi trở về Huế. "Trở về". Sao lại dùng chữ này? Phải đi thì mới gọi trở về. Hay tôi đang trở về quê cũ? Chiếc C-130 xuống phi trường Phú Bài vào buổi chiều mưa mờ mặt. Ôi mưa, mưa đúng nghĩa của mưa, mưa đầy mặt, mưa cách nhau khoảng năm mươi thước không trông thấy, mưa không rõ hạt, chỉ một màn nước dày bao trùm cảnh vật. Tất cả xám xám ồm yếu thể lượng, không chân trời, không hàng cây, không nhà cửa. Tất cả dựng khối đen lù mù im nín, không một hoạt động tồn tại, tan biến lặng lẽ dưới sức nặng dị thường của hạt mưa. Mưa từ bao giờ? Hỏi người bạn đơn vị đã ra trước. Lâu lắm rồi, cả tuần nay. Không tạnh? Tạnh sao nổi. Mưa khắp nơi như từ một khoảng không bốc hơi và vạn vật đang tan thành nước. Tôi bước xuống trong vũ trụ lạnh tanh đó. Người biến vào mệnh mông.

Mưa Huế ào ào phủ xuống đầu chúng tôi khi từ máy bay chạy nhanh vào trạm hàng không. Ai đã ghét mưa Huế vì phải chịu đựng nó quá nhiều, chắc tôi cũng ngao ngán vô cùng khi đi dưới cơn mưa nước ruộng ngập đến háng và bùn gùn đến đầu gối từ Quảng Điền lên Phong Điền.

Nhưng bây giờ mưa Huế đang chung quanh tôi, mưa của quá khứ, của tuổi thơ, tuổi lớn đang hòa vào nhau trì chậm, quay đều trong một không gian im lặng...

Huế đón tôi trong cơn mưa, tôi lên xe trở vào thành phố, ra lại ngoại ô, đóng quân ở một làng có cái tên độc đáo, đặc biệt nhất của Việt Nam - Sịa. Sịa là gì? Là sinh đọc trại? Không phải, cái tên đặc biệt, âm vang như một nốt nhạc lạ. Sịa, tôi sẽ hoài hoài nhớ, hoài hoài thắc mắc sao quê hương ta có những địa danh vừa kỳ cục vừa lạ lùng, quê mùa nhưng không thô, mộc mạc, bình dị và độc đáo! Ở đâu có Sịa? Chắc chỉ có Huế và đúng chỉ là có Huế.

Hành quân, mục tiêu 1,2,3... Đại đội 91, 92 chiếm 1 và 2 xong đợi ở đấy, làm blocking-force về hướng đông để đại đội 94 chiếm mục tiêu 3... Mục tiêu 3, tôi nhìn vào bản đồ: Đồng Xuyên, làng Đồng Xuyên khu xóm nhỏ phía tây giáp ruộng, phía đông cồn cát. Sau cồn cát là gì? Phá Tam Giang. Phá thì lạ lắm, nhưng phá Tam Giang đã rất quen biết, lớp ba hay lớp nhì, ai chẳng một lần đã ê a trong "Tập Đọc Vui" hai mươi năm về trước. "Đường vô xứ Huế quanh quanh. Non sông nước biếc... Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang". Phá Tam Giang là tuổi thơ thứ mười của tôi. Tuổi nhìn đời đầy dẫy những câu hỏi: Tại sao đã yêu em nhưng lại không muốn vô? Đấy, phá Tam Giang tôi đã quen thuộc với nó lâu hai mươi năm rồi còn gì nữa? Phá Tam Giang, nỗi mơ mộng đầu tiên của tôi, vùng thần thánh của những lần rung cảm ngây ngất khi đọc đến: "Yêu em anh cũng muốn vô..." Đi dọc theo bờ của phá, bên trái dãy Phố Buồn Thiu, nơi B. Fall vừa chết tuần trước; người thông thuộc biến cố của Việt Nam nhiều nhất trong vòng hai mươi năm qua, nay vì trái nổ oan khiên bỏ lại đời đằng sau.

Đọc theo phá, đi hoài, đi mãi... Giữa trời đất bao la, ảnh bao la giăng giăng u uất, không rộng rãi của biển, xanh thẫm của núi, đây là hoang vu tiền sử, cỏ úa xanh nâu trải dài đến chân trời. Bò nông, hạc, hải âu bay từng đàn nặng nề, buồn buồn, chim bay như cố gắng, như thở dài, như hấp hối... Bay một đoàn đầy trời, rồi cả đàn cùng dừng lại, tiếp tục bay đi, không phương hướng, không ào ạt, không khỏe, không hùng; đàn chim loang lổ, đen trắng thấp thoáng trên cỏ khô, lúa mục. Đây là hoang vu sao lặng gió, con phá rộng mênh mênh không bờ bãi, không vết sóng, chỉ một cánh buồm không no gió... Phải chăng buồm hoang, thuyền ma. Trời xám, cỏ xám, con sóng nhỏ, cánh buồm phiến, đàn chim mệt mỏi... Đây là cảnh gần tàn, đời sắp đóng, trời đất âm u để sửa soạn cho lần đổ nát. Bây giờ mới thấy Nha Trang quá trẻ trung, Đà Lạt quá sang trọng, Sài Gòn còm cõi không sinh khí. Đây mới là khuôn mặt thật của quê hương. Tôi nghĩ vậy. Cầm nín, u uất, nặng trĩu buồn rầu. Quê hương ta, khuôn mặt thật chắc là đây. Lên đến Phong Điền nhìn lại bản đồ, mười bảy cây số đường chim bay. Người nát rời từng mảnh, trời rét nhưng người quá dơ, bùn từ tóc, từ mặt, bám đầy trong hốc mũi, trong tai, bùn rơi từ cái dụi mắt, chớp mày. Xuống bến sông, bên kia là Quảng Trị, bên này là Thừa Thiên, sông chảy ra phá Tam Giang, sông chảy từ Quảng Trị vào, từ núi ra, một nhánh nhỏ của sông Ô Lâu, nhưng đến đây chảy qua Mỹ Chánh sông mang tên khác. Hỏi cô giáo. Cô giáo thẹn như cô gái mới lớn, cô giáo mặc áo đen quần trắng, áo len đen, da trắng mát tự nhiên, môi đỏ hồng, mắt thật xanh. Cô giáo bao nhiêu tuổi? Dạ hai mươi lăm. Sông gì? Dạ thưa, sông Thu Rơi! Sông Thu Rơi. Tôi cười... Cô nói đùa hay thật. Dạ thưa sông Thu Rơi. "Dạ thưa sông Thu Rơi". Tôi rưng rưng cảm động. Ai đã đối thoại với lính lễ độ, kính nể đến như vậy. Sông mang tên Thu Rơi, tên thật thường nhưng chất ngất lãng mạn và đôn hậu, dân làng đã nghĩ sao khi chấp nhận tên này. Phải chăng là thi sĩ? Phải chăng tên đã thành tự nhiên như câu hò, câu hát.

Ngược đường về, từ mục tiêu 15 trở lại mục tiêu I, ấp Đồng Xuyên, ấp Mỹ Xá, đã đọc đi đọc lại nhiều lần từ bao nhiêu ngày trên bản đồ, đã đi qua bốn ngày trước, nay trở lại sao lòng nôn nao cảm động — Đồng Xuyên, Mỹ Xá... Đúng rồi! Nơi chốn này thuở xưa mẹ tôi đã một lần đi đến, sau lệnh tổng phản công của Việt Minh năm bốn mươi sáu "Vỡ mặt trận rồi chạy về Đồng Xuyên, Mỹ Xá, sau đó mạ gánh con về ở tại Gia Lê". Mẹ tôi thường hay nói vắn tắt như vậy để trả lời cho tôi mỗi khi tôi hỏi về những biến cố của "Vỡ mặt trận...". Tôi nhớ mãi nhớ hoài mẹ tôi

với câu nói đó. Bà hay nói những chữ Huế mà những ngày ở Đà Nẵng, chúng tôi, hàng xóm phải ngẩn ngơ không biết. Mẹ tôi là người Huế, nơi này bà đã gánh tôi một đầu đòn gánh, đầu kia áo quần, soong chảo trên cánh đồng này hai mươi hai năm trước, chân trần tay lấm, cong chiếc lưng học trò mảnh mai để gánh tôi băng qua những đồi cát mênh mông bắt đầu từ Mậu Tài ra đến Đồng Xuyên, Mỹ Xá... Nơi này, cha mẹ tôi đã thương yêu nhau trong cảnh chết, tiếng nổ trên đầu, viên đạn rạch không khí bay xuyên tim người dưới đất. Nơi này cha mẹ tôi đã lấy sức mạnh xác thân và tình thương mang tôi qua gió bão...

Hôm nay, mùa đông 1967, tôi đi qua, trên đất như có hồn, cỏ có dấu vết, biết đâu mẹ tôi đã ngừng ở đây, lấy nón quạt cho tôi, cha tôi đã cúi mình trên bờ mẩu để gạn lấy phần nước trong mát nhất cho con. Giòng nước luôn trôi chảy, mẹ cha làm sao biết được hơn hai mươi năm sau đứa con trở lại một lần nhìn xuống để thấy gương mặt thật của mình trên suối dòng bắt diệt quê hương.

Về Huế, nghỉ quân đóng ở Nam Giao, nơi thuở xưa vua nhà Nguyễn tế lễ trời đất. Trăng mùa đông huyền bí dội sáng xanh nhạt thêch xuống một vùng cỏ mọ... Emile Bronte, Dostoiesky, Mai Thảo, Võ Phiến, rải dài trên tác phẩm bóng dáng quê hương họ thương yêu, hoài niệm, nếu không phải ca ngợi nồng nàn, thì cũng là bối cảnh cho những tình yêu, thù hận, hay điều ám ảnh. Tôi không là nhà văn, nhưng nếu có chọn lựa tôi sẽ viết về Huế trong tác phẩm của mình. Lạ lùng lắm, bí ẩn lắm, ngôi mộ nằm yên dưới bóng thắm cây tùng, cây thông, trăng soi xuống, gạch đá như thờ, như hấp hối thì thảm, rầu rĩ. Sông Hương đứng từ ngọn đồi lăng Khải Định nhìn xuống, không phải là sông của nước chảy, nhưng là núi xô nhau đi về nơi xa, sức xô đẩy là lời theo cỏ tranh, giăng giăng chập chùng đồi sim đại. Núi không cao, không phải núi, gọi là đồi mới đúng, không cây cỏ chỉ có toàn một thứ đá nâu lớn bằng ngón chân. Đồi trùng điệp nối dài, nắm tay nhau, dựa vai vào nhau, chuyển động nô đùa trên mặt nước. Vua Gia Long chọn Huế thật phải, sông có, núi có, rừng thưa, rừng mới lớn chạy bước nhỏ dưới chân đồi như bầu bạn. Và đằng xa kia, xa ở chân trời... Biển... đủ hết, cả bốn mùa thời gian, cả vóc dáng thể giới hợp vào đây, không lớn, không vĩ đại, không ồn ào, nhỏ và xinh như non bộ, giả sơn. Như cảnh mơ của em bé.

Dừng xe trên đồi, tắt máy, tắt đèn, đốt điếu thuốc nhìn xuống dòng sông, thả khói bay vào núi, bay xuống mặt nước xám mờ, sương lạnh, mưa sa hạt nhỏ... Có ai hỏi gì bây giờ, chỉ xin im lặng như cơn thờ than trầm mặc... Vì tiếng hò đã cất lên. Tiếng hò xua nhau như sóng nhỏ vướng phải bụi bờ chìm xuống nghe thê thảm, quá đổi buồn rầu. "À... ơ... Ai về Đại Lược." Chữ "lược" xuống thật thấp như cổ nuốt túi hờn, chặn giòng nước mắt, che dấu cô đơn. À... ơ... Không thêm một chữ nào có ý nghĩa, chữ "ơ" đưa lên cao từ từ rồi mất vào với gió với trăng, làm rợn những gai ốc trên da thịt. Hò như thế mới gọi là hò, Nam Ai như thế mới đủ năng lực diễn tả hết nỗi buồn rầu chất chứa toàn thể đời người phỏ vào những tiếng à, tiếng ơ vô nghĩa. Một phút, hai phút trôi qua, thuyền đi được khoảng sông, câu hò chỉ được bốn chữ "à, ơ" ngân dài trên nước, oan uổng thê lương dật dờ như thầy ma trôi sấp. Tôi nghe bằng tai nhưng hồn tôi ai đem treo trên đầu ngọn gió, ai đem ướp dưới đáy sông... Thật muốn khóc... Muốn rụng rụng nước mắt!! Sao có cảnh trầm mặc, sao tiếng hò thê lương, buồn đến thế này... Nguồn đau thương dân tộc đã mất những gì, còn lại những gì... Hay mãi mãi đổ vỡ tận cùng, không bao giờ sống lại...

Tôi ở Huế một tuần, bún nước, bún khô, bánh khoái, nem chua, ăn thật nhiều, thật ngon. Tôi vốn không thích ăn ngon, không coi trọng chuyện ăn uống. Lính tráng kham khổ quen cơm hẩm, dầm miếng thịt mỡ, vài cọng rau, bi đông nước lã là xong bữa ăn. Bao nhiêu năm tôi không có dịp để chọn món ăn. Về đến Sài gòn gặp gì ăn đó cho lạ miệng, ăn với bạn cho vui, không hề ham. Nhưng ở Huế ăn phải thích, ăn nửa không chán, ăn bao nhiêu bún cũng không vừa. Phải tới quán cho kịp giờ, trễ là hết, quá năm giờ tiệm bún ở đường ngang với đường Gia

Hội nhất định hết. Người Huế lạ lùng như vậy, không thay đổi, không bị lôi cuốn. Mười năm trước vẫn một nồi bún, bây giờ cũng vậy, khách đông, khách chờ, khách đòi hỏi. Mặc! Hết là hết không nấu thêm. Ngày ế khách, ngày mưa gió, không bớt. Vì khách là khách quen, xóm bên kia đường, đằng cuối phố, nhà nào, mấy người, ý thích của mỗi ai... Người bán tất biết rõ. Bán như thể rảnh rỗi, thức ăn như một tác phẩm, nhiều quá sẽ thành thừa mứa, tầm thường. Giữa khách và chủ là bạn thân, họ hàng. Người Huế sống với nhau thật khít khao. Nhà anh ấy, bác ấy có con thi đỗ cùng mừng; kỷ đám cả xóm xúm vào giúp nhau. Nhưng chính ở đây cũng là nơi xuất phát những cực đoan lộ liễu. Thầy trên chùa nhất định là đại từ, đại bi, dù vào đến Sài Gòn nghe ai nói xấu đến thầy tức khắc lồng lộn, tức tối... Không thể được, thầy không xấu như người ta nói!!

Chúng tôi trở lại Huế bằng máy bay trực thăng trong ngày mừng bốn Tết Mậu Thân. Trời thật lạnh, mưa phùn, u ám thế lương bao phủ thành phố. Máy bay nghiêng nghiêng trên đà xuống, hạ thấp dần, khu doanh trại Bộ chỉ huy Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Chúng tôi ùn ùn kéo ra khỏi phi cơ. Sau ba ngày đánh nhau ở Quảng Trị với số mất mát khá lớn mặc dù chúng tôi đã được cả một đồng vũ khí chất đầy một GMC. Mới đây, Giao thừa chúng tôi còn gọi nhau trong máy truyền tin để chúc tụng những lời đầu xuân, rồi ngày mừng Một, tôi nhớ rõ, bốn giờ sáng, từ đó là khởi đầu máu chảy... Vừa hay tin Thừa chết, đến Lộc, đến Hồ, bạn quen lâu, mới quen, thương mến thật nhiều, tất cả ra đi từng loạt từng loạt. Trong những ngày đầu năm, trong những ngày đầy sương muối và mưa phùn, chúng tôi đã chiến đấu đơn độc và tuyệt vọng. Lính Mỹ án binh bất động nằm chờ thời. Không phi cơ, không pháo binh yểm trợ. Chúng tôi đến Huế với vô cùng mỏi mệt.

Kiểm điểm lại quân số, tấn công và chiếm lại Huế, mục tiêu là mấy cổng thành. Ngày đầu quân tiến thật nhanh tràn qua Tây Lộc, xong tiếp đến cửa Chánh Tây, giao lại cho bộ binh. Tối đến cổng thành lại mất. Chúng tôi bắt đầu chiếm lại, và từ lúc này chiến trận đã xảy đến ác liệt. Phi cơ bắt đầu can thiệp, pháo binh yểm trợ và địch tăng cường cố thủ. Chúng tôi tiến lên từng đường, từng ngõ, từng nhà. Thành nội Huế với đường nhỏ vòng vức bàn cờ, tiến quân như đi trên cái chết. Qua được một đường, tiếp tục bắn che chở cho kinh binh; kinh binh chạy thật nhanh, nhanh hơn nữa, nhanh để đua với tử thần, nhanh để sống, để thở, để cưỡi, để còn về lại Sài Gòn. Quân tiến thật chậm đến con đường Mai Thúc Loan thì bị chặn đứng. Can đảm đứng lên băng qua là chết. Bộ chỉ huy Việt cộng đóng ở trường Bồ Đề nên con đường biến thành tuyến phòng thủ. Cửa Đông Ba cách hai trăm thước không thể nhào vào được. Việt cộng đào giao thông hào, phát súng cho trẻ con mới lớn, gã du đảng muốn làm anh hùng, chủ tiệm bán cà phê được lên làm cấp chỉ huy. Tất cả mặc cảm về yếu kém, vô ích, mặc cảm bị xem thừa, bỏ rơi, tất cả được Việt cộng lợi dụng đến triệt để và tập hợp thành lực lượng lớn để đè bẹp chúng tôi. B40 nổ như muốn nhức có. Em bị rách áo, hai đứa con nghỉ phép dài hạn. Dồn dập, dồn dập. Đơn vị mệt và căng thẳng như con khô nung chín.

Lệnh tấn công trở lại, có pháo binh và phi cơ yểm trợ. Lần đầu tiên của đời lính, tôi đánh nhau trong thành phố và hủy diệt thành phố. Huế, Huế của tôi vừa tìm được, Huế của Việt Nam luôn cố duy trì để trường cửu đang sụp đổ, đang cháy đỏ tươi. Trước mắt tôi tường vôi, mái ngói bị ném lên tung vỡ. Lửa cháy thành ngọn yêu ma kinh dị. Lửa củi, lửa than nghe âm, nghe vỗ về. Lửa nhà cháy có tiếng kêu như than, như khóc, như tức tưởi, như hú lên vì sợ. Lửa nhà cháy ở thành phố là lửa tai ương, lửa bất hạnh, lửa có mùi... Mùi người chết, mùi của xương, của da, của thịt bị nung nóng thành than, thành một vật chất quái dị, khô đặc, nức nẻ, đựng vào thấy ươn ướt nhầy nhầy... Huế trước mặt tôi sụp đổ từng miếng một, nghe đau xót như tình nhân bị cưỡng hiếp. Tôi đã từng chứng kiến nhiều đám cháy ở Kiến Hòa, Bồng Sơn... Tiêu điều, tan nát! Đúng như vậy, nhưng chưa đến độ thấm đau đến phải bật khóc. Ở Kiến Hòa thì thấy tiếc - phải - chỉ tiếc nuối một phần vật chất bị hủy hoại. Nhưng Huế cháy, gạch bát tràng, ngói âm dương, tượng Di Lạc, tượng Thích Ca, Kim Cang, Thiện-Ác, lớp rêu trên viên đá, đầu trường



thành cây kiềng trồng từ đời Gia Long, Khải Định... Tất cả chúng đều có linh hồn, không chỉ là đất đá, cây thuần túy... Chúng có kỷ niệm trong lòng, chúng là vết tích hoài hoài mà chúng ta luôn nhớ. Đó là cổng thành vua đã đi qua, đó là Phú Văn Lâu nơi xướng danh những người thi đỗ, này cung vua, lầu Hoàng hậu, con đường đi có mái để đưa hậu về cung son. Con người đã đi qua, nhưng dấu vết lịch sử còn đó. Tôi người mới lớn trên quê hương, thấy lạc loài, bây giờ vừa tìm được, mong tay bắt mặt mừng, thì Huế đã cháy, đã đổ. Tôi thấy đau, đau ngẩn ngơ, như thuở bé có món đồ chơi, rồi phải tự tay đập phá. Chiếc cổng thành xây bằng đá tảng đi qua mát lạnh mênh mông, bây giờ đổ xuống thiêu não như một thi thể già nua. Phi cơ xuống âm ầm, tiếng nổ, đám khói mù mịt... Huế rên lên từng tiếng não nùng, tiếng kêu la gào thét của những mái cung điện, hàng cửa sổ trên lầu Ngọ Môn. Vong linh tiền nhân còn có nơi đây? Không còn ai! Chỉ còn bức tượng đá đăm chiêu nhìn ra một sân châu bị trốc ngợp.

Trong lửa cháy người Huế dẫn nhau chạy loạn, cha công con, chồng diu vợ, con bé cha, mẹ già. Tất cả bình yên đẹp đẽ, đài các của ngày xuân tan thật nhanh trong lửa đạn. Đào thêm một nhát cuộc nữa cho đủ sâu, cô gái tóc xanh hôm qua nay đầy bụi bặm, vành khăn tang quấn vội trên đầu, tay nắm chặt cán cuốc, cuốc những nhát cuốc đầu tiên trong đời để nên huyết cho người thân. Người chết ở đâu nhiều quá, xác chết của lính, dân hay Việt cộng, chôn ở lề đường, sân chùa, sân trường, chôn ở đâu có đất. Chôn ngay chỗ ngã xuống, nằm yên lần cuối. Thôi người chết hãy ngủ yên. Thôi Huế hãy nuốt cơn đau.

Người Huế chết như trò chơi, như nằm ngủ, theo lính chạy về Mang Cá, bị B.40, AK quét ngã, ở khu Gia Hội thì do pháo binh, ở khu Đập đá chết bởi súng cối từ chùa Diệu Đế bắn về... Chết, chết ở đâu cũng có, vì đạn, vì mảnh, vì hơi ép, vì chôn sống. Một ngàn cách chết, đầu đường, góc phố, xác chết nằm cong queo, nằm thẳng cẳng, sấp ngửa, kinh hoàng, uất ức, trần trối... Làm sao nói cho hết, làm sao nói cho cùng. Hỏi trời, hỏi đất, hỏi Thượng Đế... Tôi muốn hỏi, muốn kêu, muốn hét nhưng hình như mọi phản ứng đã thừa, đều thiếu hụt, không đủ nghĩa. Im lặng. Chỉ có tiếng than im lặng đó, chỉ có nó. Chỉ có nó vang lên, vang lên.

Phi trường Phú Bài, đoàn quân sau mười lăm ngày lửa đỏ đi trong nghẹn ngào xơ xác, không tặng viện được, chúng tôi trả lại Huế cho đơn vị bạn. Đoàn quân im nín, trong mắt mọi người đều sáng lên ánh lửa - Xin cho tôi xa nơi này, nơi địa ngục. Riêng tôi, tôi hứa rằng sẽ trở lại. Trở lại nơi đây, nơi bạn bè tôi đã nằm xuống không quan tài, vùi xuống ở khoảng địa cô quanh bên cạnh đồn Mang Cá. Tôi sẽ trở lại nơi đây vì tôi bỏ qua hình ảnh những gã trai hai mươi, mười chín, những cô gái muốn làm anh hùng ngã tất, những trí thức làm dáng một lần vì mặc cảm rồi lao theo quỷ sứ. Những kẻ đó mới hôm qua còn tầm thường, còn đứng trong bóng tối, nay trở thành Ủy viên, nay làm cách mạng, mang AK, đeo băng đỏ đi xe Honda, Suzuki, ném lựu đạn... Ôi cái ảo tưởng anh hùng sao mà vẫn còn hấp dẫn đến thế! Tôi quên những hình ảnh lồ bịch và đáng phẫn nộ đó vì tôi biết rằng ở Phú Cam, người Huế đã chống cự bằng Garant, Carbin M.1 suốt mười mấy ngày dài. Họ đã chiến đấu trong dũng cảm nhất với ý thức rõ ràng về sự chọn lựa cho con người một vị thế.

Đáng lẽ tôi phải viết thêm để nói về trận đánh bi tráng và tuyệt vọng của tiểu đoàn tôi, tiểu đoàn 2 và 7 Nhảy dù trong suốt mười lăm ngày, kể từ ngày mừng một và mừng hai tết... Những trận đánh từ làng Đốc Sơ nơi cầu An Hòa vào đến sân bay Tây lộc. Những đơn vị bạn đã chiến đấu trong đơn độc không yểm trợ để chiếm cho được cổng An Hòa. Tôi phải nói cho rõ, nói cho cùng cái can đảm thần thoại của đại đội 92 với quân số trên bốn mươi người, chỉ hơn một trung đội Mỹ năm người, Thành "Râu", đại đội trưởng bị thương phải chống gậy chỉ huy chiếm cửa Thượng Tứ, bị kẹt lại suốt hai ngày đói và khát. Tôi phải nói cho hết niềm kinh hoàng tột độ của thằng bạn thân - Lô - đại đội trưởng 74, người cao chỉ đến một thước sáu, lưng mang máy truyền tin, vừa chỉ huy vừa liên lạc, sử dụng luôn khẩu đại liên 60 chận địch cho quân sĩ rút lui trước, bị thương gãy chân kẹt giữa hai lần đạn trong suốt một buổi chiều. Nhưng khôn nổi tôi

không tham dự trực tiếp trận đánh nên không thể viết trung thực được và điều giả dối ai nỡ đem vào trong văn chương. Nên nhân cảnh loạn ly tôi nói đến con người. Không nhớ có ai đã phán ra câu đại để: "Trong gian nguy mới nhìn rõ mặt người". Điều này đúng quá, những ngày khói lửa ở Huế, tôi mới có dịp để nhìn thấy người Huế, người của quê hương từ lâu tôi không gặp.

Tôi có một người chú họ, chú Bộ làm Cảnh sát, bị Việt cộng bắt cùng đám người công chức hoặc quân nhân, Việt cộng dẫn họ đi tải đạn và cuối cùng thì bắn chết tập thể. Chú tôi, một người chậm chạp, có thể gọi là lù đù, ngờ ngẩn vì rượu đã làm cho ông suy nhược trí óc lẫn thể xác, thể nhưng khi Việt cộng bắt đi theo vác nặng bao nhiêu ông cũng chịu đựng nổi, mặc dù một chân đã bị gãy từ trước, và đến lúc Việt cộng bắt đầu hành quyết, không biết do một sức mạnh và khôn khéo nào, ông đã trốn thoát được. Về nhà sau năm ngày lẩn trốn, ông vẫn chậm chạp và ngờ ngẩn như thuở nào. Bác Soạn, người có ngôi nhà cạnh nhà bà nội tôi, luôn luôn đứng vào hàng ngũ những người chống đối chính phủ, bác thuộc phe phái thầy ở trên chùa, từng bị Chi bắt đem giam tại trại bài trừ du đảng mấy tháng sau vụ biến cố miền Trung năm 1966. Việt cộng vào thành phố Huế cùng với sự trở về của những thanh niên trên dưới ba mươi, lớp tuổi của những đồng chí của Ngô, Dinh... Những người bạn tôi đã trốn ra khu trong những năm trước, nay trở về với chức ủy viên này nọ. Tôi không hiểu có những gì đã biến đổi những người trẻ tuổi đó, những trí óc trẻ trung vị tha, trí thức ngày nào bây giờ trở nên những tâm hồn cứng rắn, tri trệ, hung tàn và hiếu sát. Có gì đã biến đổi họ để ủy ban nhân dân có đủ quyết định chôn sống từng loạt người sau trường tiểu học Gia Hội? Công chức, thuế vụ, công chánh, cảnh sát... Tội ở đâu? Hay vì đã từng bắt giữ một người đi xe đạp không đèn, người ấy bây giờ làm ở ủy ban nhân dân?! Hận thù nào để chôn sống một nhân viên công an vì người này đã một lần dọa "bán vỡ đầu" một người bà con của một ủy viên, thật tình tôi không hiểu động lực căm thù, chính sách khủng bố nào đã chỉ đạo cho những cuộc tàn sát tập thể trên. Người Việt cộng vào thành phố, được đón tiếp bởi những kẻ nằm vùng, chính lớp người này mới thật khó chịu, hống hách, cuồng sát và thâm hiểm một cách đáng sợ. Hình như bao nhiêu mặc cảm yếu đuối, thừa thãi từ bao năm được bù trừ lại bằng vinh quang nhất thời, họ hối hả hưởng cho hết cái uy quyền què cụt trong giây lát. Họ tố người này, bắt người kia, tuyên án giết người thể như một trò đùa. Những tên trẻ tuổi tay mang băng đỏ, lưng đeo AK, lái xe Honda lượn khắp thành phố, kên kiệu và tàn ác như một loài thú. Một cô gái trong ba ngày tố khổ và tuyên án gần hai mươi người. Nữ sinh viên mắt sáng, mũi cao, đẹp thật tươi, nhưng sao độc ác đến ngần ấy? Khi tiểu đoàn tôi bắt được, cô ả kháng cự lên tiếng thách thức, nhưng khi nòng súng của Sơn Bum dí vào người, cô gái mới tỏ vẻ sợ hãi. Tôi nghĩ rằng giây phút sợ hãi đó là cơn tỉnh giấc của một thời gian mộng du đắm máu.

Những ngày ở Huế tôi còn được nghe tin Việt cộng bắt Thượng Nghị sĩ Trần Điền và sau này chúng chôn sống ông. Tôi thuộc về hàng hậu bối, xa xứ Huế không biết nhiều về ông, chỉ biết ông qua vóc dáng một trưởng Hướng Đạo. Ông có Đệ Ngũ đẳng Bảo Quốc Huân Chương, khi chính quyền ông Diệm kết án ông về vụ Ba Lòng, ông đưa chiếc huy chương đó để biện minh lòng yêu nước. Thuở ấy Bảo Quốc Huân Chương là một cái gì hiếm có chứ không phải như những anh nhà binh sau này cứ đi lính lâu năm, hội đủ điều kiện thâm niên, một vài cái huy chương văn phòng nhưng tính điểm cao hơn Anh Dũng bội tinh ngành dương liễu, cộng chung tất cả lại đủ để có Bảo Quốc huân chương, ra tòa án với các vụ lằm cằm như ăn cắp, thụt két, hiếp dâm, giết người vì ghen hoặc thủ tiêu đàn em vì sợ thằng nhỏ "khui" mình... Thường đem Bảo Quốc huân chương ra chạy tội!? Kết quả vụ án trên ông được giảm khinh. Nhưng điều tôi nhớ về ông nhiều hơn hết là giọng nói đĩnh đạc, hùng hồn, âm thanh cuốn hút người nghe. Lòng trẻ con của tôi thuở trước mở ra nhìn ông như một vị huynh trưởng sáng giá, ông có tên rùng "Gà Hùng Biện" theo luật của Hướng Đạo. Bây giờ nghĩ lại, ông quả là một huynh trưởng sáng giá thật, khi bị bắt, ông thẳng thắn nhận mình là một Thượng Nghị sĩ của chế độ Cộng Hòa, ông vẫn giữ nguyên tinh thần bất khuất của một Tráng Sinh đã lên đường. Con ông là

San, khóa sau tôi đi Biệt động quân, tôi nghĩ rằng với uy tín ở miền Trung ông có thể "chạy" cho San về một chỗ ở văn phòng, nhưng ông không làm như vậy, San đã đánh trận đánh đáng tiền nhất của Vùng I Chiến thuật năm 1965 - Trận Ba Gia. Ngày Việt cộng phản công chiếm lại đồi, tiểu đoàn San bị tổn thất nặng, nó thoát chết chạy về Đà Nẵng ngỡ ngác như một bóng ma. Có phải thế không San? Mà không biết tao là ai, nhưng tao biết mày là đội trưởng đội Hồ đoàn Nguyễn Trường Tộ, thuở nhỏ tao muốn được hãnh diện của mày - Con của trưởng Điền, "Gà Hùng biện". Bây giờ ông chết như một người Hướng Đạo sinh trong sạch từ tư tưởng, lời nói... Mày cho tao chia sẻ cùng vinh dự này.

Người Huế thuở xưa đã thực hiện một chiến công không thành nhưng biểu lộ cách can đảm hùng tâm, dùng sức người vây hãm, tấn công vào khu Morin của người Pháp trấn giữ đầy vũ khí. Mùa xuân năm nay cũng vậy, những con người bình thản như dòng sông kia đã chịu đựng nghiệt cảnh bi thảm không biên giới, và họ đã chiến đấu hết sức của một người. Khu Phú Cam, bằng Garant và Carbin M1, thanh niên và lính chuyên môn ở các trại quân cụ, công binh đã chống cự với Việt cộng cho đến ngày cuối cùng. Và tôi nghĩ rằng hình ảnh bi tráng nhất của chiến tranh này là trong buổi Huế điều tàn người Huế đã hát quốc ca khi lá cờ Vàng dần lên cột cờ loang lỗ dấu đạn... Người Huế đã cất cao giọng hát trong gió lạnh, hòa mưa bay khi nước mắt lăn dài trên gò má. Huế ơi! Quê Hương! Tôi muốn khóc hôm ấy. Tôi muốn khóc biết bao nhiêu...

*Tháng 2-1968. Huế Mậu Thân.*

## **NGHĨ VỀ MỘT KẸ THÙ KIỆT LỰC**

Xe chạy, bỏ Sài Gòn về An Phú Đông lòng không chút hứng thú. Sài Gòn thành phố nóng bức bụi bặm không xứng đáng gọi nên một chỗ xuất quân. Xe lính đi vào trận đánh ngang qua đường phố, đám đông hững hờ xa lạ, chẳng ai lưu ý đến đoàn người gươm đao. Những cau mày bực dọc... Xe nhà binh bụi quá! Mới Mậu Thân đây, máu của chúng tôi đã đổ ra cho Thủ đô bạc bẽo này. Về phần tôi vì một chuyện lầm lẫn, phải đổi về đơn vị mới không thích hợp, tôi muốn trở về tiểu đoàn 7 Nhảy dù, đơn vị đầu tiên, nhưng bây giờ phải ở với tiểu đoàn 2, lòng thật khó chịu. Không phải tôi chê gì tiểu đoàn này, đây là tiểu đoàn đánh giặc hách nhất của sư đoàn Dù, đánh ác liệt như tiểu đoàn 5 trong năm 1965, nhưng vì ở đây tôi không có bạn thân, yếu đuối là điểm này, luôn luôn phải có người thân sống cùng bên cạnh tôi mới linh hoạt được. Hơn nữa tiểu đoàn này đóng ở Sài Gòn, thành phố tôi ghê sợ đến đến xương cốt. Xe chạy trên đường lồi lõm đá, hai bên hàng dừa xanh, đến xã Thạnh Lộc vòng xuống để vào An Phú Đông. Bộ chỉ huy tiểu đoàn đóng quân bên cạnh đường liên tỉnh lên Lái Thiêu, các đại đội chia nhau rải đều khu vực. Tuần lễ đầu qua, các đại đội tuần tiểu lục soát, sáng đi chiều về chỗ đóng quân, tối lập hội, hội nhậu rượu. Từ bao lâu nay tôi đã luyện được biệt tài về tổ chức ăn nhậu, dù thiếu thốn cực khổ đến thế nào, rảnh rỗi tôi vẫn tổ chức được những cuộc ăn nhậu nổi đình đám bằng tất cả khôn khéo và thông minh - Nghề của chàng!!! Trong đời về mục ăn uống, tôi nghĩ chỉ thua mỗi mình ông Tản Đà, vì ngay những ngày tang thương rách rưới ở Bồng Sơn, bữa tiệc cũng có đủ tiết canh vịt, vịt trời hầm đu đủ, cá chép hấp. Quảng Điền, với những màn heo sữa quay, sườn chó nướng được thực thi đến mức tối đa cùng chục lít rượu nếp cẩm. Trong thống khoái hơi men với sự nhốn nháo một đám bạn bè, người cời trần ngồi dưới một hàng mướp xanh, tôi thỏa thuê như con cá trong giòng nước. Những lần say rượu dưới chân núi Ngũ Tây, hòn núi đặng trước ngọn Ngự Bình Huế, gió thổi tiếng thông reo... Cơn say của mùa đông ở quận Phong Điền, trèo lên mái nhà cời áo đứng hát trong đêm, hát thật to nhưng nghe buồn buồn những câu... Đại bác ru đêm... Trong khi Hiến "Chó xù" ngồi gảy đàn buồn chảy ra nước, gió miền Trung cuối năm lạnh giá và đại bác từ quận bắn đi xa... A! Những cơn say tuyệt đỉnh trên dòng sông Hương, đêm trung thu mờ mịt mưa giăng, ánh đèn dưới cầu Gia Hội chênh vênh vàng vọt, nằm trong khoang thuyền bồng bênh tưởng người như tan biến vào

cơn mưa. Ngày cơn say thần tiên ở Darkto, đêm mù mù sương muối, căn phòng đầy những tiếng hát buồn phiền khô nặc vang lên như một tiếng kêu thê thảm. Những ngày ở An Phú Đông này tôi lập lại những cơn say. "Đời là cơn say dài" — Từ khi tôi phán ra câu này, chúng "anh hùng" lấy làm một sự cảm phục. An Phú Đông, chiều trong hàng dừa, hàng chục chai bia ướp lạnh được uống vào với tận cùng thoả thuê, cá lóc nướng, tôm luộc, những cọng ngò gai thơm phức, những lá mùi xanh mát. Tôi đẩy mạnh cơn say lên tột đỉnh thênh thang.

Những ngày bình yên đã hết. Tiểu đoàn nhận thêm khu vực trách nhiệm ở phía tây và bắc xã Thạnh Lộc, dọc theo rạch Bến Cát. Việt cộng một phần của chủ lực đã tấn công vào Sài Gòn trong dịp Mậu Thân cùng với lực lượng mới được tăng cường (xâm nhập từ vùng An Điền, Lái Thiêu tới) đang ẩn trốn ở vùng này, lực lượng này phải cố bám vùng ven đô để sau này dẫn đường cho những đơn vị khác tấn công vào dịp công kích đợt hai. Tiểu đoàn bắt đầu đụng địch. Sáng đi vào phía tây, cách con rạch khoảng năm trăm thước chạm ngay, súng nổ, lực lượng địch không đông nhưng vì không thể rút đi họ phải đóng chốt, trụ lại. Sau lưng là rạch Bến Cát, rạch Sơ Rô bên trái, dọc phải, một chiếc rạch lớn khác, Việt cộng như con thú bị kim chân, phải đào hầm thật sâu, phòng thủ kiên cố và cố gắng tránh né chúng tôi tối đa. Nhưng các đại đội chúng tôi đã đến quá gần... Năm thước, bảy thước, họ bắt buộc phải nổ súng. Lính đứng lên xung phong, không được, sinh ngạt đến háng không thể rút chân để bước thêm một bước, người bị thương nằm cách gang tấc không thể rút về. Ta với địch cách nhau chiếc mương ba thước! Lùi ra xa đội bom. Bom đánh không trúng. Vào lại, anh Khiêm chết. Khiêm, người sĩ quan khóa 17, gã đàn anh tôi chịu nhất trong đám huynh trưởng, thông minh, phóng khoáng và khôi hài hóa tất cả mọi chuyện. Điểm này hợp với tôi quá, tưởng tượng một cảnh tranh luận nào đó, chỉ cần Khiêm với tôi cũng dư sức quật ngã bất cứ một loại mồm loa mép giải nào.

Nhưng anh Khiêm đã chết, chết như thể một câu khôi hài của thường ngày, chết như một cơn đờ trong buổi nhậu. Tôi nghe qua máy truyền tin tiếng của Khiêm:

- Trình đích thân (Tiểu đoàn trưởng), tụi nó bắn tùm lum chưa lên được, đích thân để tôi "nhấn nha" thì tôi mới tóm được... Súng tụi nó bằng sắt cơ mà!

Thế rồi im bật, người hiệu thính viên run run báo cáo:

- Đại đội trưởng tôi bị... thương... Chết rồi!

Tôi đem xác Khiêm về sau, mắt anh đã nhắm... Những chiếc râu xanh lờm chớm ở cằm người chết linh động như của đời sống đang còn thở. Nhưng anh chết thật. Rút quân ra ngày mai vào lại.

Quân vượt qua chiếc rạch nhỏ, dàn hàng ngang lội thật nhanh, hết chiếc rạch đến bên kia là vườn cau, gắng lên! Ba người lính lên bờ trước đứng dậy. Một loạt đạn nổ dồn... Hai bị thương. Tôi đang ở trong rạch lúng túng bắn khoắn, cả đại đội nằm trong nước bùn im lặng, một cây nhỏ lung linh, người lính đeo máy nằm bên cạnh tôi trở mình, loạt đạn bay đến, những nhánh dừa nước rơi tung tóe. Bực mình quá tôi nổi liều, cầm trái M.72 đứng lên... Chiếc hoá tiễn công phá được phóng đi, một tràng đạn đáp lễ lại xé rách chiếc quần... Đ.m... Hầm tụi nó phá không nổi! Hỏi ý kiến Đại úy Liên, tiểu đoàn phó. Cho rút lui vòng tay phải đánh lên? Đồng ý. Tôi cho đại đội lui từng người một. Lầm bầm chửi thề.. Mẹ cha chúng mày còn một tí người cũng đòi dờ chuyện. Vòng phía phải thật nhanh qua khu vườn mía, bao quanh đánh vào, Việt cộng bỏ chạy để lại ba xác chết nằm thẳng cẳng.

Đúng như tôi ước đoán, Việt cộng ở đây chỉ còn khoảng một đại đội, nhưng một đại đội rải rác

khắp một vùng rộng lớn được phân tán thành những tổ nhỏ, có nhiệm vụ phải bám thật chặt các bờ kinh, bờ rạch. Họ có đủ súng trang bị cho cả tiểu đoàn, cối 82 ly, 60 ly, đại liên 12 ly 7 vũ khí của lực lượng lớn nhưng quân số chỉ còn lại khoảng một đại đội, phân tán chui rúc vào những chiếc hầm kín đáo ngập đầy nước, trên có nắp, nguy trang thật kỹ, ba lỗ nhỏ nhìn ra ba phía, lồi vào hầm phủ đầy lá cây, thân dừa nước. Việt cộng chỉ còn có thể, nhưng họ không được lùi, không được thoát, phải bám thân chặt chiếc rạch để chết, cái chết chắc chắn sẽ xảy đến theo thời gian! Tại sao? Có gì đâu... Họ kiệt lực, trăm phần trăm kiệt lực. Trung đoàn 101 đánh vào tiểu đoàn 5 Nhảy dù ở Tân Thới Hiệp, Hóc Môn suốt ba ngày không nuốt trôi được tiểu đoàn này, nhả ra và chạy về đây. Thành phần tấn công Gò Vấp, Xóm Mới hôm Tết, thất trận cũng chạy về đây... Tan nát, thiếu thốn, suy sụp nhưng họ biết rút về đâu nữa? Đường giao liên phải vượt sông Sài Gòn, một mục tiêu lộ liễu dưới phi cơ và tàu hải quân quan sát tuần tiểu thường trực. Cán bộ nằm vùng, dân chúng có cảm tình đã bị lừa ra khỏi vùng. Họ bơ vơ, lang thang, lếch thếch như một đám ma đói khát tuyệt vọng. Nhưng lệnh trên đã bắt buộc: phải bám sát địch, bảo toàn lực lượng để chuẩn bị tổng công kích đợt III! Tham vọng và nhu cầu chính trị đã quên mất con người trong hoàn cảnh nghiệt ngã. Súng cối, đại liên được moi lên từ vườn dừa, đám ruộng, tiểu đoàn phó, y sĩ trưởng, đại đội trưởng súng nặng bị bắt, hồi chánh hay bị tử thương. Việt cộng bị chúng tôi ép vào một thế đường cùng.

Nhưng tháng Năm, Việt cộng cũng mở tổng công kích đợt hai, và kết quả như đã xảy ra. Các anh bên kia, tôi muốn nói thật với hết cả chân tình trong lòng: Các anh đã hết sức. Sức mạnh huyền hoặc của Điện Biên thuở xưa không còn giá trị lúc này nữa. Các anh ôm mộng giải phóng, nhưng giải phóng cho ai? Các anh lao đầu vào cái chết với mục đích gì? Để chiến thắng? Ôi cái ảo tưởng đó, giờ này các anh vẫn coi là sự thật sao? Các anh lấy gì để chiến thắng? Vũ khí, nhân mạng bị thiệt hại đến độ vô chừng. Nhưng các anh vẫn chiến đấu, điều đó đã xảy ra và đang xảy ra thật đau xót. Vì những người chỉ huy của các anh, những Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh vẫn nghĩ rằng các anh đang thắng, những người đó muốn chứng tỏ mình là một thứ ngoại hạng, tay kiệt liệt, tinh hoa của dân tộc, kết tụ của thông minh và thiên bẩm, loại "thiên tài chỉ huy" của cả dòng dân tộc un đúc. Ôi chính vì những người chỉ huy "thần thánh" đó tin rằng có chiến thắng và các anh đã phải chiến đấu. Các anh còn phải chiến đấu để cho đám phù thủy chính trị đặt những lá bài thấu cáy lên canh bạc hòa đàm - Những món tiền giấy trả bằng xương và máu của các anh. Lá bài tráo trở bảo chúng bởi quả tim hồng mơ ngày dân tộc được giải phóng. Các anh giải phóng hay làm điều linh tổ quốc và hủy hoại cuộc sống? Các anh thật đáng tội nghiệp.

Sau này tôi còn chứng kiến thêm nhiều lần các anh "thừa thắng xông lên", những cao điểm, những chiến dịch Đông - Xuân, Hè - Thu mà thực ra chỉ là một loại lịch trình đã soạn thảo do một thứ chỉ huy u tối mê muội ảo tưởng của quá khứ và sách lược chính trị bỏ quên con người. Làm sao để có thể gọi là cuộc tấn công lớn của một cao điểm khi một đại đội của các anh chỉ còn trên dưới bốn chục người, mặc dù đủ vũ khí, bốn mươi người của các anh phải bố trí trên một trận tuyến dài hơn cây số, ba người một chiếc hầm, chui rúc ẩn trốn, gạo rang nước lã, bị thương cắn răng xuống chịu đựng, tự buộc vết thương bằng miếng vải rách và dòng máu tươi chảy ra, mặt xanh tái nhợt, nhạt sức sống từ từ tắt lịm khi bàn tay mở dần, mở dần phơi dưới ánh mặt trời những đường chỉ tay bất hạnh.

Các anh chiến thắng ở đâu? Khi xác chết của các anh nằm lều bều vát vường suốt một vùng từ An Phú Đông lên đến Thạnh Lộc qua Tân Thới Hiệp, những xác chết trần truồng, co quắp, tênh hênh, chương sinh thối tha đầy dòi bọ bên gốc dừa, sau liếp cửa, trong đụn rơm... Các anh chết ở đâu nhiều quá, lũ chó hoang tha hồ thỏa thuê với những phần đùi còn tím máu, chiếc đầu bị cẩu xé dành giựt, từng tảng tóc xanh kéo lê lét trên khắp một vùng. Các anh đã chết trên một địa danh thật mỉa mai: An Phú Đông... An Phú Đông nơi rừng dừa xanh vang tiếng súng... An Phú Đông nơi sử Việt viết trên máu hồng. Địa danh này các anh đã một lần thần thánh hóa,

địa danh các anh đã xếp vào huyền thoại như sông Lô, Điện Biên. Các anh ở bên kia ời, dòng đời đã thay đổi, những chiến thắng người Pháp thuở xưa đâu phải là yếu tố làm nên thắng lợi hôm nay. Bây giờ các anh đối diện với chúng tôi, một lũ "ngụy" nô lệ đánh giặc mướn, tay sai ngoại bang... A! Nhưng các anh có tự do nào? Đầu óc đầy thù hận cuồng tín được dẫn dắt vào một mục tiêu không tưởng, vô vọng. Mục tiêu được thiết kế, hoạch định từ trí não những lãnh tụ bị bao cứng bởi hào quang quá khứ, những người có lòng tin tưởng què quặt rằng, chính mình, một loại siêu nhân mà lịch sử dân tộc cần đến... Chúng tôi chiến đấu trong bi đát nhưng vẫn còn tự do nơi trái tim, trong khi các anh chỉ là một lũ người máy mê muội sâu vực đen của ảo tưởng. Tệ hơn nữa - Một lũ người máy bất lực.

*Tháng 3/1968. An Phú Đông - Gia Định.*

## **TRONG RỪNG CÂY LÁ XANH**

Chiến dịch mở được một tháng, đêm đầu tiên, một ngày đầu của tháng mười một, đóng ở ngã ba quận Xuân Lộc, nơi quốc lộ 1 và đường liên tỉnh đi Bình Giã gặp nhau. Đêm thật lạnh, đây là cực bắc của miền Nam và cực nam của miền Trung. Bụi mù đất đỏ, rừng cao su xanh thẫm và hơi núi lạnh se sắt. Đã lâu lắm tôi không được hưởng cái lạnh này, mùa đông của miền Trung như kéo dài, xâm chiếm vào miền Nam nắng đỏ. Quốc lộ số 1, đường ra Phan Thiết, sông Phan... Bao lâu tôi không đi trên quãng đường này. Thuở mười bốn, mười lăm, tôi đã thân thiết con đường sắt chạy hun hút về phương nam, mỗi buổi chiều ở ga Đà Nẵng, tàu Sài Gòn ra lúc bảy giờ tối, trong nắng chiều chập choạng con tàu uể oải lười biếng như gã giang hồ tìm về nhà trọ, đi vào sân ga sau khi đã quành vòng để trở đầu về phía đèo Hải Vân. Tôi ngồi trên bãi cát ở nghĩa địa nhìn hành khách từ phương nam đến, mơ ước những chuyến đi xa, thật xa và để đến chiều bước vào một thành phố lạ trong ánh nắng cuối của ngày. Con đường sắt xuyên Việt, quốc lộ số 1 đối với tôi từ thuở bé đến bây giờ vẫn là những sinh vật linh động có tâm hồn, hơi thở, thân thích đầy kỷ niệm.

Buổi chiều hôm nay, tôi thấy lại cảm giác băng khuâng khi đọc trên trụ cây số ở vệ đường: Nha Trang - 526 cây số... Tưởng ra, thành phố có nắng tươi như lá non, những ngày bắt đầu lớn. Ngồi ở trụ cây số nhìn con đường chạy hút mắt xa như tìm lại người bạn đã lâu không gặp, một gã bạn giang hồ luôn luôn bị hoạn nạn nhưng sẵn sàng lao người vào vùng đầy gió bão. Quốc lộ 1, người bạn trong cơn đau ốm của quê hương. Trăng thượng tuần mọc ở góc trời, ốm yếu như người khốn khổ...

Từ ngày đầu tiên của cuộc hành quân, chúng tôi bỏ quốc lộ 1, tung quân hoạt động trong khu tam giác giới hạn bởi ba con đường, quốc lộ 15, đường liên tỉnh Bà Rịa — Long Khánh và đường Long Thành (Biên Hòa) - Long Giao. Bộ chỉ huy hành quân tiến dọc theo con đường đất đỏ chia đôi khu vực trên. Con đường chạy từ sân bay đồn điền ông Quế ra đến Long Thành thẳng góc với trục giao liên của Việt cộng từ sông Đồng Nai đến mật khu Hắc-Dịch. Một tháng trời đã qua, bây giờ chúng tôi tiến sát quốc lộ 15, cách quận Long Thành mười lăm cây số đường chim bay. Bộ chỉ huy hành quân thiếp lập trung tâm hỏa lực và tung các tiểu đoàn hoạt động sâu về hướng bắc, khu vực đồn điền An Viêng, làm thành phần an ninh xa cho các căn cứ quan trọng của Mỹ. Tình hình quân sự được xem là yên tĩnh, chỉ chạm địch nhẹ cấp trung đội, ngoại trừ lần tấn công để thử sức của một tiểu đoàn địch vào vị trí đóng quân của tiểu đoàn 5 Nhảy dù. Địch thất bại và từ đó tránh né hẳn với lực lượng chúng tôi. Tôi mất niềm thú vị nhẹ nhàng mỗi khi đêm xuống vì rút gần về Biên Hòa độ lạnh giảm theo, đồng thời sự giao dịch Việt - Đồng Minh càng ngày càng tệ. Lẽ tất nhiên từ lâu chúng tôi đã không khoái vụ "cố vấn Mỹ", nhưng vì đây là cái nợ bắt buộc phải chịu đựng, nay lại thêm vài chú Úc nữa thật khó chịu đành lòng.

Chúng tôi là lính Nhảy dù, không tự kiêu, nhưng chẳng một ly tự ty nào với họ. Anh đại úy thâm niên nhất đám đi lính không đầy mười năm; ở lính lâu thì cũng chẳng có gì là quan trọng, nhưng nếu so sánh hai anh lính, dù khác từ màu da, quốc tịch, quân đội... Chúng tôi, người lính Việt Nam có kẻ gần hai mươi năm, kẻ sớm nhất cũng vài năm được trui luyện trong một cuộc chiến tranh ngặt nghèo lẽ tất nhiên hơn hẳn, hơn xa hẳn loại lính con nhà giàu bất kỳ Anh, Mỹ, Úc hay gì gì đi chăng nữa. Chúng tôi biết rằng khi đề cập đến khả năng để chỉ huy những lộ quân lớn với hàng ngàn công việc rắc rối về thiết kế và yểm trợ, chúng tôi chắc sẽ thua mấy anh ngoại quốc. Nhưng nếu kể đến khả năng từ tiểu đoàn trưởng trở xuống trong trận chiến du kích này, các anh da trắng chỉ có thể là học trò mà thôi. Thế thì cổ vấn cái gì... Nổi bực mình từ đấy cứ tăng lên. Xin trực thăng tải thương, viên thiếu úy Úc hỏi từ A đến Z... Ai? Bị thương giờ nào? Tọa độ? Bị thương nặng nhẹ? Ở đâu?... Gần hai mươi câu hỏi được hỏi một lúc, ghi ghi chép chép, mã hóa (1) hết cả thầy bản văn rồi mới lấy máy ra liên lạc. Một giờ trôi qua mới đủng đỉnh trả lời: "Có thể có trực thăng và không biết địa điểm di tản thương binh về đâu! Ai có thể chịu được? Tàu bay đến tản thương được một người, tôi mệt mỏi như chính mình thọ nạn. Hai ngày sau, hậu cứ hỏi di tản thương binh về đâu? Bỏ da trắng ngủ ngờ như thẳng ngọng, xong thật vấn tắt: Không biết. Không biết thì cắn răng mà chịu, chỉ có được chửi thề một câu.

Sắp đến Noel rồi đấy. Noel, có một cái gì ám áp đôn hậu bình bồng trong linh hồn. Tôi là kẻ ngoại đạo, nhưng đêm Thiên Chúa ra đời vẫn choáng ngập trong lòng một niềm hân hoan mới lạ. Ấu cũng là lộc đời. Nhớ lại những Noel thưở bé, bảy tuổi đứng trông rùng rờng lồng đèn của khu nhà thờ, chiếc áo len mới đan ám áp và từ trong nhà thờ tiếng hát dặt dìu như cánh bay của thiên thần, Noel của những năm mới vào lính, nằm ở rừng Tân Phong với Hải, thấm thoát thế là bao nhiêu lâu.... Thôi, tôi đã vào một tuổi già. Một người đi gần đến bên tôi:

- Có thư của em gái hậu phương gửi ra, ông có đọc không?

- Đưa tôi xem thử...

Đây là loại thư của các trường học cứ đến dịp lễ, Tết, bắt buộc học sinh phải viết trong giờ hiệu đoàn để gửi cho lính, một anh lính vô danh ở một nơi xa xôi - Cung cách yểm trợ tinh thần cho lính của Chánh phủ, giấy liên lạc giữa học đường và quân đội. Thuở xưa tôi cũng đã khó nhọc vì viết những lá thư như vậy. Xem thử ra sao?

Bây giờ trong lòng tôi là một cơn giận, giận ghê gớm, lá thư thay vì có những ý tình ngây ngô vụng về hay một vẻ khôn ngoan thơ dại như tôi nghĩ, nhưng không phải là như vậy. Thư này của một em xưng là học sinh Đệ Nhất (Nghĩa là đã đậu xong bằng tú tài I rồi) của trường Lê Văn Duyệt. Em viết thư để tỏ ra mình là một người lớn xưng tôi và gọi: Anh lính. Tóm tắt bức thư nói rõ cái bực dọc của kẻ bị bắt buộc viết thư cho một người không xứng đáng với mình - Một anh lính tồi tàn ở một nơi nào đó không biết. Thoạt tiên thì tôi giận, giận cùng mình... Học Đệ Nhất, thì mới là lớp của em út tôi, già lắm là hai mươi tuổi, thua tôi mười tuổi, một thế hệ... Thế mà nó lên mặt cao ngạo, trịch thượng, nếu không nói là mất dạy. Nhưng rồi xét cho cùng, tôi không trách đứa con gái nhỏ đó. Tôi không trách cứ, vì trách nhiệm là tầng lớp của cha mẹ, thầy giáo và xã hội đang nuôi dưỡng và giáo dục lớp tuổi cô bé đó. Tại sao cô gái nhỏ đó khinh lính? Vì từ học đường kéo ra đời sống bên ngoài, ngay cả đến cơ quan Chiến tranh chính trị quân đội có ai vẽ được chân dung đích thực của người lính Việt Nam? Chỉ có loại lính bột, lính kiếng, lính không có xương, giống như hình ảnh của hai em bé tặng một cành hoa hạng bét cho một anh lính vẫn phòng, tóc để dài như kẹp hát, mang áo giáp một cách vụng về, bức ảnh được chụp tại một doanh trại ở Gò Vấp, nhưng được ghi chú "Xuân ở tiền đồn"...

Làm gì có loại lính Nhảy dù "nhảy xuống đất chơi"? Nhảy một saut là một điều nguy nan, saut thứ ngàn lẻ vẫn có tai nạn như thường... Nhảy tim sẽ to lên vì máu bị dồn mạnh, đứng đợi ở

cửa máy bay người bị đùn vào trong một vùng hồ hững mênh mông. Đó chỉ là kỹ thuật, hướng gì nhảy một saut hành quân là bán hẳn đi phần số tuổi thanh xuân. "Thiên Thần Mũ Đỏ" cái tước vị này nếu dùng thật đúng đắn mới có giá trị kích thích niềm hãnh diện trong lòng người lính, chứ dùng như một vật công cộng, một thứ đầu môi chót lưỡi, thì hình ảnh người lính Nhảy dù còn là gì? Làm gì có những người lính "viết thư dưới trăng đại dương", làm gì có hoa sóng, hoa rừng... Một ngàn lần, tôi đoán chắc như vậy không có loại lính kể trên. Nó chỉ qua hình ảnh của mấy anh kép hát... Tôi cũng cả quyết rằng hình ảnh người lính Việt Nam không phải hình ảnh của anh kép cái lương mặc áo lính in trên bìa bản nhạc, cũng không phải là hình tượng của các cô gái nhỏ làm thơ đăng ở báo Văn Nghệ Tiền Phong... Vậy trách đứa con gái nhỏ đó làm gì? Cả xã hội này còn ngộ nhận, xa lạ với chiến tranh và người lính hướng gì một đứa trẻ chưa rời lớp học. Nhưng rồi trong một tương lai thật gần, cô con gái nhỏ đó có cha, có chú, một người anh một người yêu ở Quang Trung, Thủ Đức. Em vào đây thăm và sẽ biết... Em sẽ chờ đợi một lá thư, một ngày phép. Một năm sau, người thân đó trở về như một con thú, như kẻ điên, kẻ xa lạ với loài người từ lâu lắm... Khi đó em sẽ hiểu và chắc rằng em phải hiểu rõ hơn lúc người thân của em được gửi về trong chiếc túi ny lông. Lúc đó em ắt biết thế nào là lính... Chắc chắn như thế, cô gái nhỏ ạ.

## NGƯỜI CHỈ HUY VỀ GIÀ

Có thể nói sếp cũ của tôi là một ông già, già nhất trong những người giữ nhiệm vụ chỉ huy đơn vị tác chiến. Ông đi lính từ một thuở thật xa, lâu lắm, cách đây hơn hai mươi năm lúc quân đội chỉ độc các loại commando, Lê-Dương, Nhảy Dù thuộc địa... Đánh nhau bằng súng mứt-cờ-tông từng phát một hay những cây FM đầu bạc bắn gật gù như ông già ho lao. Lúc chiến tranh còn nằm tít trên biên giới Lào - Việt - Trung, trận đánh toàn một cách xung phong ầm ầm, ào ào để giữ những làng, thị trấn mang tên lạ hoắc như Bản Hiu-Siu, Mường Phên, Thất Khê... Ông già sếp tôi thuở đó khởi nghiệp nhà binh với lon Cai ở Commando. Không rõ những ngày ở đơn vị đó ông có những gì đặc biệt, chỉ biết ông ta nhắc lại đoạn đời qua bằng một câu thật gọn: Cai thật trẻ... Giọng Bắc Kỳ khàn khàn xuống mạnh vào chữ mang đầy kiêu hãnh và tự tin. Tước hiệu "cai thật trẻ" hình như là nổi hãnh diện đầu tiên và đích thực nên sau này khi đã đóng đến lon "quan Năm", lúc say rượu, dù cơn say vào độ tối bờ tàn khốc, ông vẫn còn nhớ được: "Tao là Cai Hùng, địch phải là trung tá cái củ c... gì ráo...". Cai Hùng! Cai Hùng! Một tuổi trẻ gió bão nào đó đã đi qua.

Lúc tôi đến đơn vị này, ông năm mươi tuổi; năm mươi tuổi để tất cả đầu tóc bạc trắng và những nếp nhăn cày sâu trên mặt, nhưng ông vẫn còn nguyên vẹn thái độ nồng nhiệt đối với đời sống của ngày trai trẻ. Thời gian về trước ông đã nổi tiếng với những câu chuyện như sau: Quan Ba Nhảy dù nhưng vẫn đánh một chiếc xe đạp thổ tả cọc cà cọc cạch rong chơi với một con gà ở đằng sau porte-bagages. Thú nuôi gà của ông đã lên đến cao độ đến nỗi ông ta mang biệt hiệu "Hùng gà chọi". Nghe tiếng một con gà nào đó ở Bà Điểm nổi danh vì ngón đòn, ông lọc cọc chiếc xe vượt qua một quãng đường dài lồi lõm sóng trâu để chứng kiến cho được ngón đòn của gà... Hãy nghe ông "luận" về gà: Nó là một guerrier, đấy là một combattant, không bao giờ lùi không bao giờ chịu thua... Đến chữ "thua" ông đưa một quả đấm lên trời, mắt long lên sòng sọc. Đúng là hình ảnh của một con gà chọi. Chẳng hiểu thằng nào gán cho ông cái biệt hiệu thật đúng phong phóc!!! Nó là một tay gan lì! C'est un type! Dù có bị đánh lê nhê, máu me đầm đìa, hấn ta vẫn hấn nha chiến đấu... Có con gà bị đánh mù mắt, hấn ta mù nhưng vẫn lừa đối thủ để kẹp lấy chiếc cổ và thế là a-lê-hấp nó phân đòn ngay. Ông có thể luận về gà đầy đủ chi tiết, nhại lại thế đứng, một ngón đòn hay của con gà... Không có gì phải bất tiện, hai tay là hai cánh gà, hai chân biến thành một cặp chân tường như có đủ cựa nhọn, đầu cúi xuống, ông diễn tả nhiệt tình và chi tiết hấp dẫn của mỗi trận đấu. Thế giới loài gà nếu biết được sự ái mộ nồng nhiệt đó chắc hẳn không bao giờ buồn phiền nếu ở trong tường hợp "à la casserole" hay "à la gamelle"... sau khi bị thua trận. Sau đá gà là rượu, rượu là nước của ông, chiếc bi-đông



sau lưng bao giờ cũng đầy rượu để ngâm vài cục đường phèn. Nhấp một tí rượu, cắn một miếng cóc nhỏ là đủ sức đi thêm một đoạn đèo, vượt một rặng núi. Dừng quân, cởi chiếc nón sắt, ông rút bi-đông làm nguội rượu, đốt thuốc, loại thuốc đen Méliá hay Bastos ngồi lim dim đôi mắt...

- Trung tá có ăn cơm không?

Anh lính cần vụ lần la đến hỏi.

- Tớ đ... cần! - Trung tá có mệt không?... - Mệt chớ nào được, ngày rút từ Lào về tớ chạy bộ suốt bao nhiêu ngày đêm cũng chẳng bõ bèm gì... -

- Chết mẹ... - Tụi lính xì xào...- Ông già lại nói chuyện bản Hiu-Siu thì chết cả lũ!

Đứng ngay bong! Ông bắt đầu kể chuyện Bản Hiu-Siu ở bên Lào...

- "Lúc đó tớ là thiếu úy, ban đêm Việt Minh ủa vào, dây kẽm gai giăng thấp chừng này, lính Bayonnette au canon! À la grenade... En assaut... Việt Minh ủa vào, mặc, tớ cứ tương lựu đạn đều đều..."

Ông ta đứng dậy ngay trên sườn núi biểu diễn thế ném lựu đạn và đâm lưới lê, ngừng một chút để hớp thêm tí rượu. Thiếu tá cố vấn Mỹ đến hỏi một điều gì đó, ông cụt hứng gất um:

- C... Đ.m cứ lằm cà, lằm cảm cả ngày...

Anh cố vấn de lui, mặt mũi thộn ra trông "quê" một cục. Ở Phú Thứ, Thừa Thiên năm 1967, ông chỉ huy tiểu đoàn tôi cùng tiểu đoàn 7 Nhảy dù tiến đánh vào khu giải phóng của vẹm, lúc tiểu đoàn 7 dựng trận, ông đứng trên thiết vận xa nhảy cõn lên vì thích thú...

- Đấy, tớ biết ngay, các chú (Việt cộng) đang ở chỗ này, nhất định là ở chỗ này... Thành Bẩy dựng ở đây, tớ dàn cậu (chỉ tiểu đoàn trưởng tôi) ở chỗ này là đi đong đò các chú, tớ nghiền... Nghiền nát các chú ấy.

Chữ "nghiền" được diễn tả bằng hai bàn tay bóp chặt vào nhau và kéo dài theo hơi thở, mồm ông méo hẳn lại để diễn tả cảnh tan nát của các anh Việt cộng. Đại loại là như thế, ông sống ở đời với thái độ "Tiểu Ngạo Giang Hồ", nhân vật Lão Ngoan Đồng Chu Bá Thông chắc cũng đến độ của ông già sếp tôi mà thôi. Năm 1965 hành quân tại Đức Cơ khi rút ra Pleiku nghỉ, không hiểu bị lôi kéo thế nào ông đi theo mấy đại đội trưởng vào hội quán Phượng Hoàng để khiêu vũ! Lệnh ông tướng vùng bấy giờ cấm mặc quân phục vào hội quán, anh quân trấn trưởng nói năng ra làm sao, ông nổi sùng...

- Đ.m Hùng đi hành quân chỉ có mỗi bộ quần áo nhà binh, không cho tớ mặc đồ trận thì tớ cởi trường sao?

Thuận tay ông đưa luôn một qua dirrect, anh quân trấn trưởng nằm thẳng cẳng. Đóng quân ở Hương Trà, Huế, tiểu đoàn tôi làm tiệc mời ông ra hát. Hát không được thì tớ múa vậy! Nói là làm, ông đi một đường flammenco cũng lác mông, lác ngực, và kết thúc là một bài thuyết trình "Qu'est ce que L'armée?" Tiếp theo là những lời sỉ vả tàn tệ vua quan sĩ thứ người trong nước, ông nhớ đến ai ông chửi toai bời hoa lá, chửi đích danh, chửi ngon lành, chửi như một cơn giận từ bao nhiêu lâu che dấu nay cho tuôn ra như dòng sông được mở... Đầu năm 1968, gần Tết Mậu Thân, lũ đoàn ông hết nhiệm vụ, từ Huế trở về Sài Gòn. Ông Tướng khu chiến thuật nhắc

ông ở lại Huế để đón Tổng Thống cùng Thủ Tướng, ông hạ ngay một câu:

- Tớ hết hành quân là tớ về, Tổng thống đâu có thương tớ bằng mẹ đĩ được!

Nói xong ông leo lên tàu bay đi thẳng. Có một anh nhà báo lân la đến phỏng vấn...

- Xin trung tá cho biết ý kiến về cuộc hành quân vừa qua?

- Ý kiến hả...? - Đợi cho anh nhà báo sửa soạn ghi chép, ông "tuyên bố": Sướng nhất là đêm Noel tớ say rượu gọi máy truyền tin qua Bến Hạc rồi Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh!!

Nhưng đằng sau những cơn say, những màn tiểu ngạo ồn ào trên, thật dễ dàng nhận được niềm thiết tha, mối nhiệt tình nồng nàn đối với quân đội và quê hương. Thật lạ lùng với hai mươi năm ở đơn vị tác chiến, thời gian bằng số tuổi của một gã trai trẻ, một gã trai trẻ cỡ tôi nhưng lòng hiu hắt như cơn nắng quái sắp tàn. Hơn hai mươi năm nhà binh với năm mươi tuổi, một mái tóc bạc trắng, ông vẫn có một nụ cười thật tươi để thêm vào câu chuyện. Thế nào là một cán bộ giỏi? Thế nào là những nguyên tắc căn bản để chỉ huy? Thế nào là DOC (Dirrigger, Organiser, Controler) ông nói say sưa, dẫn giải từng điểm chi tiết về bốn phận của người trung đội trưởng, đại đội trưởng. Khói thuốc lá làm ánh mắt thành hiền hòa, ông nói sang sảng, trình bày mạch lạc. Ông gây nơi tôi một sự xúc động kỳ lạ, nỗi xúc động khám phá được niềm tin vẫn còn trong lòng một người giáo tóc bạc da nhăn với hơn hai mươi năm đi khắp rừng sâu núi cả quê hương. Hơn hai mươi năm gánh chịu cơn đau yếu đỏ lửa của tổ quốc, cơn đau yếu nhọc nhằn của dòng sông dân tộc chông chênh. Chiến tranh vẫn chưa đốn ngã niềm tin trong lòng ông... Tớ chỉ là Cai Hùng... Cai thật trẻ!! Sau này ông bị ra khỏi binh chủng vì một lý do nào đó tôi không hiểu nhưng điều này chắc chắn là một vết thương lớn nhất trong đời ông. Ông im lặng ngồi trong chiếc phòng con nhìn xuống chân đồi doanh trại cười gần uất nghẹn đau đớn. Làm sao nói cho hết nỗi cay đắng của người lính già khi phải từ bỏ đơn vị, binh chủng cùng sống trên hai mươi năm lúc tóc còn xanh như niềm hy vọng đến nay mái đầu nhuộm bạc trắng. Không những vì một tuổi già nhưng cũng là lớp sương giá chồng chất lên sau khoảng thời gian binh biến. Thường ngày trong cơn say ông hay mò đến văn phòng chúng tôi để tìm người nói chuyện, nhưng trong thời gian này ông ngồi im như một kiêu hãnh bị xúc phạm, tiếng hét được ghìm xuống giữa kẽ răng thành những tiếng cười gần như nhức nhối như lưỡi dao đâm vào quả tim đang mở miệng cười.

Ông ra khỏi binh chủng, chỉ huy một đơn vị bộ binh nhưng vẫn mặc đồ ngụy trang và đội nón đỏ. Đâu còn là những kích thích về hình thức quyến rũ đối với ông. Nhưng phải nghe ông ta nói: "Tớ là Nhảy Dù... Tớ là Cai Hùng..." Tiếng "Nhảy Dù" nghe ngắn, chắc như xác định niềm hãnh diện có thật của một người đã sống hết đời cho tập thể. Sau một thời gian ở trung đoàn này ông bị tai nạn trầm trọng, tất cả cơ quan trong người bị đảo lộn. Ông phải chịu nhiều cuộc giải phẫu, thị giác trở nên yếu kém, mất phần lớn ý niệm về sự việc. Lúc chúng tôi đến thăm, ông không nhận ra, nhưng trong nỗ lực của trí nhớ, bỗng nhiên ông nhận ra Vinh "con", viên sĩ quan nhỏ tuổi nhất được ông thương mến như con cháu. Ông nhận ra nó đồng thời với một giọng nói run run:

- Tớ lúc này chỉ thấy mờ mờ nhân ảnh!

Trong tận cùng của đồ vỡ, ông cũng không mất đặc tính khôi hài, dấu hiệu của tâm chất dũng mãnh dù hoàn cảnh đã đẩy đưa vào hố thẳm của tuyệt vọng. Sau này khi nhìn thấy được cảnh vật nhạt nhòa, ông đến trại thăm lại nhà cửa, hỏi thăm các hạ sĩ quan và lính cũ. Trí nhớ chưa phục hồi hẳn, ông mệt nhọc hỏi từng người với những câu nói rời rạc hỗn độn, sau cùng ông nói với tôi để xin người lính về giúp ông công việc riêng tại nhà. Lần đầu tiên nghe ông nói công

việc liên quan đến gia đình. Khi tôi bảo người lính theo ông về nhà, ông vui vẻ ra mặt:

- Quý hóa quá, thế mới biết anh em Nhảy dù luôn giúp đỡ nhau...!

Lòng tôi trùng xuống như cơn mưa của ngày đông buồn bã. Tiễn ông xuống đồi, bóng người lính già khuất bụi mờ. Sau kiếp người đặng đặng gian lao cho Tổ Quốc một khoảng trống xám đặc bụi mù.

Tháng 5-1969. Hậu cứ Long Bình.

Hậu Từ: Về Trung Tá Đào Văn Hùng, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn II Nhảy Dù - Sau 30-4-1975, lực lượng Cộng sản vào khu ngã Ba Ông Tạ truy lùng và xét xử ông cùng gia đình. Do thương trận từ trước (bị mù mắt và tê liệt) nên bộ đội CS chỉ xử tử người con trai của ông tại Lăng Cha Cả ngày sáng ngày 30-4-1975.

## LÀM GÌ SAU CHIẾN TRANH

Tổng thống Thiệu đọc thông điệp mới, báo hiệu một chính sách mở ngõ để Việt cộng tham dự vào hoạt động chánh trị của miền Nam, các chính khách, kinh tế gia chuẩn bị đường lối chính trị và kế hoạch kinh tế hậu chiến. Quân Việt Nam bắt đầu thay quân Mỹ. Những hiện tượng dồn dập xảy đến báo hiệu về thế sống mới. Tôi cũng có những ý nghĩ "hậu chiến" cho bản thân. Hậu chiến, sẽ không còn những đưng độ lớn, Việt cộng sẽ hoạt động dưới một hình thức đấu tranh khác về chính trị, kinh tế, có thể hạ tầng cơ sở du kích vẫn được duy trì. Nhưng dù sao đi nữa, tôi sẽ không còn cơ hội để chết non. Lẽ tất nhiên vẫn có những cái chết lãng nhách như rơi máy bay, lính làm nổ lựu đạn, cướp cò, nhưng chắc chắn chẳng còn những cái chết "bảo đảm" như bây giờ. Hậu chiến đặt ra trước mặt chúng tôi những vấn đề thật rõ rệt, nhìn thẳng thì khó chịu nhưng tránh đi thì nó vẫn còn đấy, như một hiện sinh phi lý nói theo kiểu của ông Sartre. Hậu chiến, một số lính cũng như quan sẽ được giải ngũ, tôi không thuộc thành phần này, vì là lính nhà nghề, sẽ nói rõ số phận này sau. Mấy anh được giải ngũ sẽ làm gì? Chẳng làm được cái gì hết tội. Trừ một số nhỏ bị động viên sẽ trở lại nhiệm sở cũ, đi dạy học... Tôi không dám bàn rộng đến khía cạnh kinh tế, chỉ thắc mắc mỗi điều: Xã hội lúc bấy giờ có đủ khả năng để thu dụng số nhân lực không sản xuất đó hay không? Tôi muốn nói đến các anh đi lính từ năm mười tám tuổi, giải ngũ ra các ông đó có nghề gì? Tập hợp nào thu dụng được đám người không nghề chuyên môn, đã quen với bom đạn trên dưới mười năm.

Hậu chiến, lính còn lại sẽ biến thành công chức; trung đội, đại đội, tiểu đoàn trưởng sẽ hàng ngày ngồi nhìn nhau tại hậu cứ, giày đánh bóng, búc nịt cũng đánh bóng kiểu như các sĩ quan ở quân trường. Lẽ tất nhiên rồi cũng sẽ quen đi. Nhưng thói quen nào được chấp nhận trong những tâm hồn đã chai cứng và cơ thể lệt lệt vì thương tích. Những người bạn thân hay không, khắp bốn vùng chiến thuật, ở các đơn vị chiến đấu, không ai không có mảnh đạn trong người. Dư và Năng ở Biệt động quân bị thương đến độ hết phương chữa, đứng bên cạnh cũng không nhận ra mặt. Gần gũi hơn là lũ bạn ở các tiểu đoàn Nhảy dù, không một thằng nào có thể gọi là mẹ tròn con vuông. Sơn "độc nhãn" người gầy như con mắm, con mắt bằng chai bỏ trong túi, vẫn hành quân chăm chỉ trong mười năm không một khóa học, phép thường niên do bệnh viện cấp. Đấy chỉ là hư hao thể chất, còn tâm hồn, âu cũng là khu rừng hoang cho cỏ lan. Không ai có thể tưởng được cảnh nổi loạn của Mễ, thờ đi học mẫu mực vào đến trường Võ Bị nên sinh viên sĩ quan cán bộ, con cưng của "Thạc sĩ Cơ bản thao diễn" Huỳnh Bửu Sơn, nhưng đến bây giờ trông cảnh nó chơi đờn giang hồ mọi người đều ngán ngấm. Trời mùa đông ở Mỹ Chánh mưa giăng kín mặt sông, bên kia làng địch, Mễ cởi trần đeo súng Colt ở cổ, thổi phao bơi qua sông mua rượu. Chưa bao giờ tôi nghe nó thở than một điều gì nhưng trong đêm khuya, nơi căn trại vắng ở Tam Hiệp, trong bóng tối, nó ngồi im như một nỗi cô đơn.

Đại loại lũ chúng tôi "hu" đến như thế, trong mười tháng có đến chín sau bao nhiêu năm đi làm quan không mua được một cái đồng hồ, không biết giờ tan sở Chính phủ ấn định là mấy giờ. Như vậy làm sao kéo chúng tôi vào trong một sinh hoạt đều đặn của trại lính biến thành công sở. Rồi cũng xảy ra những ty hiềm, những xung khắc ti tiện, nhòm ngó đàn bà... Chúng tôi đi lính bao nhiêu năm, lẽ tất nhiên quá quen với đời sống kỷ luật; nhưng kỷ luật này co giãn, thay đổi theo mỗi hoàn cảnh của mỗi người, không có kỷ luật nào bắt lính nhịn đói hai ngày, nhưng luật của đại đội trưởng là phải la hét, quát tháo, kích thích binh sĩ, phải dựng đứng thân thể họ dậy và đẩy về đằng trước. Lẽ tất nhiên kỷ luật của quân đội sẽ vô cùng xuống giá trước cảnh "diễn nghĩa" của Lô cùng với cả trung đội cời truồng say khướt trong một thửa ruộng ở Vĩnh Lộc, hay của Năng lúc ở tiểu đoàn 52 Biệt động quân, nhưng ai cấm được binh sĩ của chúng cảm phục và hãnh diện vì có những đại đội trưởng sáng giá hào hùng. Kỷ luật của chúng tôi bất thành văn chỉ có giá trị cho riêng mỗi người. Thế cho nên nếu bắt chúng tôi về lại với thứ nguyên tắc cứng nhắc vớ vẩn đại diện là mấy anh quân cảnh, hỏi tháng lính tác chiến nào nuốt nổi.

Mãn sở rồi, cai, đội hồi hương

Trai lui về làm ruộng...

Hậu chiến thưở xưa được giải quyết êm đẹp như câu hò trên, nhưng hậu chiến bây giờ chúng ta sẽ làm được gì? Trung bình chúng tôi có tú tài, tú tài năm 1969 chỉ có thể đi làm thư ký quèn, nhưng hậu quả trên dưới mười năm lính chúng tôi đã thành loại người để chỉ huy hoặc tuân lệnh. Giải ngũ trở lại với đời sống thường, nghe những anh già lắm cảm, những anh trai trẻ cù lần sai bảo chịu sao nổi?

Lũ bạn chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau, một người đi đến, dẫn thêm một tên bạn mới. Làm gì? Làm sở Mỹ. Tôi lúng túng khổ sở không biết gợi chuyện với hắn ta như thế nào! Trường hợp gặp một anh nhà binh không ở đơn vị tác chiến tôi cũng chả biết có chuyện gì để nói với. Kể cho nghe những ngày phá phách ở Pleiku, cho biết tin một thằng ở Biệt kích chưa được lên lon, làm sao anh ta hưởng ứng với được? Chúng tôi đã có một lối sống thành nếp với một số bạn bè hạn chế, thói quen tật xấu cũng như tính tốt của mỗi người đều được biết rõ, một người lạ xuất hiện gây nên một cảm giác khó chịu kỳ quặc, cũng như cái cảm giác lạc lõng ngỡ ngàng khi tôi bước chân vào một sân trường để xin cho đưa em vào học. Thế giới chúng tôi kín cửa dù có nhọc nhằn phiến muộn cũng đã một chỗ ngồi quen hơi.

"Các anh là một giai cấp sĩ quan quý tộc..." Lúc xưa Đại Tá Huyền đã thổi chúng tôi lên như vậy. Sau này trong những ngày tang thương nhất của đời lính, đóng ở đài phát thanh Sài Gòn để chống biểu tình, căng chiếc võng ngủ ở chỗ nhà để xe của nhân viên trong đài, thấy giá trị của mình còn kém xa các anh thợ hát. Tôi đã gặp lại Đại Tá Huyền trong hoàn cảnh đó để đồng ý với ông ta rằng chúng tôi chẳng có tí ti "quý tộc" nào cả! Nhưng phải nói thật, ông đã gieo vào lòng trai trẻ của chúng tôi trong những năm đầu tiên niềm hãnh diện đích thực được làm một sĩ quan tình nguyện chọn binh nghiệp làm nghề - Một nghề đầy hy sinh và cao cả. Bỏ khi, đến năm nay thì chân lý cao cả kia trông yếu quá, lương quan ba "thiên thần mũ đỏ" không nuôi tám thân tám tạm, nhà phải đi ở thuê, nhỏ bằng hộp quẹt thờ mạnh bung cả mái... Ở gần nhà có một bà nà giòng, loại "nouveau riche" mở lò bánh mì, chẳng biết phát tài ra làm sao, con mẹ mua một lúc ba chiếc xe, trong đó có một chiếc Mercedes 220. Thấy cái nhan sắc hoàng hôn, trang điểm theo kiểu technicolor cuœa ðào ciné già cỡ 1930 ngự trên chiếc xe, thật đau lòng cho giai cấp quý tộc của tôi quá! Chưa hết, có một ông trung tá biết bà ta buôn bán phát tài đến xum xoe xin hùn vốn. Ôi! Tôi nghĩ ra tương lai cũng sẽ là một anh trung tá đi mở lò bánh mì hay làm trại heo với điều kiện có tiền làm vốn. Nhưng con đường đã vạch ra rồi đấy, bạn bè tôi

thậm chí đến cả Lô "lọ rượu" còn xúi tôi chạy áp-phe... Chạy áp-phe, chắc chắn không bao giờ có được trong chương trình huấn luyện của trường Võ Bị Quốc Gia và Đại Tá Huyền ất sẽ vô cùng ngạc nhiên khi thấy Lã Quý Trang, sĩ quan á khoa của khóa tôi, một thằng nghệ sĩ đầy mình hát hay chẳng kém Duy Trác vẫn chạy áp-phe đều đều. Tôi không biết rõ nó có kiếm được tí nào không, nhưng nghe lời thờ than...

- Không kiếm chác là đọi đầy mày ạ, tao vợ hai con rồi, nhà lại ở thuê...

Thôi xong rồi, ngày nó cầm gươm đi diễn hành sao mà đẹp đến thế. Đồi đã giết nét tài tử trong tâm chất của nó.

Đây, chưa là hậu chiến sĩ quan đã bơ vợ lếch thếch đến thế. Tưởng chỉ có ở trong tiểu thuyết Les frères của Karamazov, viên đại úy đi đòi nợ cho điểm. Hậu chiến chưa đến, nhưng con điểm trong xóm tôi đã đến nhà nhờ tôi lãnh dùm thằng chồng ma-cô của nó ra khỏi ty Cảnh sát. Xin Chúa hãy phù hộ cho con! May quá tôi cũng có vốn thanh liêm nên chối từ. Nhưng nếu hậu chiến, giải ngũ trong cảnh vợ con nheo nhóc, ai cản tôi áo hoa nón đỏ vào ty Cảnh sát lãnh hộ mấy thằng ma-cô kiếm tí tiền còm!

*Cuối năm 1969*

## **ĐI VỀ HƯỚNG TÂY...**

Chiếc máy bay quay mũi về phía thành phố, mặt trời sau lưng bắt đầu chìm xuống bìa rừng. Láy con lộ đá làm chuẩn hai anh phi công bắt đầu cuộc đua, hai chiếc trực thăng đâm chéo vào nhau, lướt trên ngọn cây, gần như chạm sát mặt đường, vạch đá đổ dưới chân chạy ngược vùn vụt... Nhắm mắt, một ngày mệt mỏi và căng thẳng đang hết. Tôi sắp được nghỉ ngơi. Núi Bà Đen đã phủ hơi sương, khối đá, cây cỏ xanh rì thấm dần vào bóng tối. Thành phố Tây Ninh vừa lên đèn.

Tây Ninh, thành phố không giống một nơi nào của miền Nam càng không giống một thị trấn nào của miền Trung. Thành phố biên giới theo lộ đất đỏ đi Katum, theo quốc lộ 1 từ Gò Dầu Hạ tiếp đường 22... Tất cả mọi nẻo đều dẫn đến biên giới. Biên giới, đồng cỏ ngút ngàn lặng lẽ vắng vát khắc khoai, hai đồn lính nằm trơ trọi, tấm bảng viết hai chữ Việt, Miên. Biên giới, nghe nao nao trong lòng cơn bồi hồi khi chân bước lên mặt nhựa sát gần cây cản đường, trên đồng cỏ thấp thoáng bóng người tới lui im lặng. Biên giới, âm thanh mang về ngõ ngang hồ hững và không gian như bị bít lối. Trong không khí đặc dị đó Tây Ninh buổi sáng gầy gầy rét, trời im không gió, không nắng, xe nhà binh, lính mang súng đầy ắp con phố chính, thành phố bắt đầu ngày với mùi đao binh, tăng dần độ nóng bởi khói xăng pha nhớt. Thành phố căng thẳng như viên đạn đã lên nòng. Sáng qua, chiều tối và... Đêm xuống. Đêm xuống mau, thành phố vắng, ngọn đèn vàng khu chợ, bóng người lính lao xao thoát ẩn thoát hiện, lính mang giày há mồm, áo rách, mặt đen bụi đỏ trầy trụa vì gai rừng, đầu đây vang tiếng cười lạnh lãnh chông chênh. Uống đi... Hơn hai tháng không ngậm được cục nước đá, uống đi, mai theo Chinook vô lại biết đầu trưa là chết. Uống đi, đ.. má cứ tưởng tượng "nhai" được miếng bìa thì chết cũng đáng... Ha, ha cho thêm một hộp nữa. Đêm Tây Ninh với những người lính sống giữa khe hở của sống chết.

Tôi đứng trên đài cao, với một cái loa, lá cờ đỏ, những tấm bảng có kẻ chữ V,J,C,B... V là Vichy, Jackie, Carolyne, Barbara, những căn cứ hỏa lực cách biên giới vừa tầm súng cối địch. Zulu đây Nam Xương đang cần Class A. Zulu đây Nam Xương, Carolyne yêu cầu Hardmission... Zulu là tôi, Nam Xương cũng là... tôi. Zulu là tôi khi ở trên đài, trên đường đi, trên trực thăng, trên bãi Fox... Nam Xương là tôi ở nhà, ở trung tâm hành quân nhận yêu cầu từ

các căn cứ, nơi có lính dưới hầm, lính đang chong mắt chờ pháo, lính đang liếm môi chờ nước. Class A là thức ăn, hard-mission là khẩn cấp, là đạn, không có không được. Như con thoi chạy mãi trên trục lửa: Căn cứ - Thành phố. Đài kiểm soát - Bãi bốc hàng. Phi trường - Phòng hành quân. Tôi lái xe như gió, hét như sấm, lồng ngực nở máu nóng, cổ họng nghẹt cứng vì khói và hơi nóng phản lực của phi cơ. Tôi mờ mắt vì trên cao độ mỏng lung thấy đạn phòng không đan một lưới lửa dưới thân tàu và căn cứ Vichy bập bùng khói bụi... Địch đang pháo kích.

Ngày hết trở lại đêm, Tây Ninh âm ỉ như miếng sắt nóng đỏ đang nguội dần.

Trong bóng tối của nhà xác, tôi đứng tần ngần bên một gói poncho im lặng. Gói xác người lạ lắm, không có khối tròn của chiếc đầu. Phước đã chết vì một quả B.40 nhắm thẳng vào mặt. Hai chiếc giày của người chết đóng lớp đất vàng có những cọng cỏ còn tươi dính vào kẽ dây giày. Người chết sớm hơn cỏ cây, chưa kịp khô. Buổi trưa, trước khi chết khoảng nửa giờ tôi còn nghe tiếng nói của Phước vọng qua loa khuếch đại máy truyền tin tại phòng hành quân...

- Nam xương đó hả, cảm ơn mi cho tao mấy hộp bia... Thôi nghe, tao đang "gom bi" (điều chỉnh pháo binh), hai ngày nữa ra gặp mi...- Hai ngày nữa, hai ngày nữa... Nghe lồng lộng trong không gian nổi vui mừng sáng khoáy tội nghiệp của kẻ sắp được uống nước đá, ăn cơm nóng và... quay cái cổ cho đã!!! Không có hai ngày hân hoan kia cho Phước nữa, chỉ còn nửa giờ cho một đời. Chỉ còn nửa giờ cho một người. Người rất muốn sống.

Ở Tây Ninh, buổi trưa trong những giờ tạm nghỉ trên đường đi đến nhà ăn, ngang qua những căn nhà lợp tôn, tường cói mỏng, nơi nghỉ ngơi cho lính Mỹ sau ba tuần trong rừng. Đi ngang qua các căn phòng hé cửa, sau bức tường mỏng manh nghe từ trong đó giọng cười hăng hắc khoáy trá của giống cái Việt Nam được chạm vào nơi kích thích chen lẫn tiếng gầm gừ của những người trẻ tuổi tóc vàng vừa đến tuổi thanh niên, những người đang tập uống rượu say đắm cuộc đời qua thân thể một phụ nữ da vàng mốc thối.

Sát biên giới, đuổi giặc ra khỏi biên thù, đất đai như một kích thích tố cụ thể, lính Nhảy dù chịu đựng như không thể chịu đựng hơn, tác chiến như không có đơn vị bộ binh nào tác chiến bằng. Cùng phối hợp hành quân với Sư đoàn Kỵ binh Không vận Mỹ, Sư đoàn Bộ binh số 1 của thế kỷ, tác phẩm toàn hảo nhất của Bộ trưởng Quốc phòng MacNamara; cũng là sản phẩm hãnh diện không nhượng điểm của kỹ nghệ chiến tranh hiện đại. Đứng cạnh Không kỵ hay First CAV, những sư đoàn bộ binh Mỹ ngưng ngừng lép vế không cưỡng chế, Big Red One, Đệ Nhất Sư đoàn bộ binh với gần một thế kỷ truyền thống; Sấm Sét miền Viễn Tây, Sư đoàn 25 Bộ Binh, nỗ lực chính của quân lực Mỹ trong trận chiến Cao Ly và ngay cả Thủy quân Lục chiến, biểu tượng anh dũng của quân lực Mỹ... Tất cả khi đứng trước First CAV cũng cảm thấy có một thua sút không bù trừ nổi. Đệ Nhất Sư Đoàn Không vận có gần năm trăm phi cơ trực thăng, ba bộ chỉ huy lữ đoàn với khả năng tác chiến biệt lập có thể đảm trách vùng trách nhiệm cấp sư đoàn. Mỗi lữ đoàn Nhảy dù phối hợp với một lữ đoàn không kỵ, lữ đoàn tôi cùng với lữ đoàn 1 không kỵ Mỹ giữ vùng trách nhiệm bắc Tây Ninh, Lữ đoàn 1 Dù với 2 Không kỵ chịu phần Phước Long, Bình Long.

Các khu vực trách nhiệm của mỗi Tiểu đoàn Dù và Không kỵ chen lẫn nhau trải qua ba tỉnh Phước Bình, Bình Long và Tây Ninh. Nguyên tắc là phối hợp hành quân, nên vùng trách nhiệm của Mỹ và ta rộng ngang nhau, nặng ngang nhau vì được đo lường... ngang sức nhau. Nhưng đáy chỉ là nguyên tắc, thực tế thì khác xa, xa diệu vợi, xa ngút ngàn. Khả năng của Không kỵ Mỹ vô cùng, Dù Việt Nam hạn chế, căn cứ Mỹ được 175 ly yểm trợ trực tiếp và 105 ly yểm trợ tăng cường, trong khi Việt Nam thì trái lại. Căn cứ hỏa lực của Mỹ là một thành phố thu hẹp với trạm cứu thương, bãi trực thăng Chinook, bãi trực thăng VIP, đường tráng nhựa, nhà bếp nấu thức ăn nóng cho toàn tiểu đoàn và máy bay riêng cho tiểu đoàn trưởng, trực thăng võ trang ưu tiên

yểm trợ, tiếp cứu. Blue Max, Pink Max (trực thăng võ trang) thường trực trên không phận của mỗi khu vực hành quân của từng tiểu đoàn để yểm trợ chiến thuật ngay phút đầu chạm địch. Nhảy Dù Việt Nam tuy gọi là phối hợp hành quân nhưng lẽ tất nhiên không thể có ưu tiên tuyệt đối như Mỹ, căn cứ hỏa lực được kiến tạo do sức của đôi tay và yếu tố quyết định chiến trường nằm trên mũi súng của mỗi người lính. Và cách xa vật chất của hai loại lính trong cùng một chiến trường, cùng cường độ là khoảng trống không thể bù. Lính Mỹ, áo quần dơ được trực thăng đem về Tây Ninh giặt, hai tuần trong rừng, một tuần tại căn cứ hỏa lực, một tuần được về Tây Ninh nghỉ; chiều có thức ăn nóng với khẩu phần ẩm thực số 1. Lính Dù áo quần vá bằng dây thép, băng keo, uống nước hổ bom cũng là huyết người chết, một tháng về căn cứ hỏa lực (mỗi tiểu đoàn có một căn cứ) tạm nghỉ để có thể ngược mặt nhìn trời không bị cây rừng che khuất và uống nước ống đạn mang từ Tây Ninh mang vào với tiêu chuẩn mỗi người một nón sắt. Cùng cường độ chiến trường, vận tốc hành quân, cùng gánh nặng nhiệm vụ, dù thua xa bao nhiêu phương tiện, thiếu bao nhu cầu cũng phải gắng đến đuối sức. Phải gắng hết lực — Danh dự quân lực, quốc gia nằm trong lần phối hợp này. Thế nên trên chiều rộng gần một trăm năm mươi cây số từ Tây Ninh qua Phước Long từ biên giới vào nội địa người lính Dù Việt Nam cong lưng xuống dưới gánh nặng có mùi vị ẩm mốc của nước mắm, thịt, gạo, mỡ, tay cấp súng. Tay thêm thùng đạn tăng cường, bấm đôi chân trên mặt đất — Đi và đụng địch. Đụng liên miên, đụng dài dài... Tiểu đoàn 7 đang hỏi ARA (ám danh gọi trực thăng võ trang) vào vùng thì quanh căn cứ Carolyne của tiểu đoàn 11 Cộng quân đang thổi kèn xung phong. Tiểu đoàn 2 Dù đang hô: Phải cho thêm kẹo cho gà cồ gáp. (đạn pháo 105). Gà cồ gáp, bánh chưng nổ, đom đóm gần hết (đạn 105, mìn nổ, mìn chiếu sáng hết...) Tất cả hồi thúc dồn dập vang vang trong máy truyền tin, tôi như có cơn sấm dậy trong đầu, mệt nhọc bỏ qua, phải bỏ qua vì ngày ngày bay trên rừng xanh, ngày ngày đạp trên đất vỡ, tôi gặp bạn bè, tôi thấy lại lính cũ để nghe những tiếng nói, những câu than nhỏ... Khổ quá, khát quá. Tôi nhìn những chiếc má hóp, những sợi râu úa, những ánh mắt khô... Từ tháng Mười 69 đến hôm nay tháng Một 70 không nhìn thấy một mảnh trời quang hưởng gì là một ngày bình yên. Cộng quân thật thâm độc, chúng gom lực lượng nhất định đánh vỡ vòng đai bằng cách cường tập vào các căn cứ Nhảy dù. Nếu quân ta vỡ, Mỹ sẽ mất tinh thần theo. Đánh Nhảy dù còn là đòn tâm lý độc hại cốt chứng tỏ sự hận thù nhắm mạnh hẳn về một hướng. Nhưng quân ta cứng như khối thép, mạnh như cuồng phong, từ các căn cứ các đại đội càng ngày càng bung rộng, đánh ngày không được, đợi đêm đánh. Tại trung tâm hành quân người ta nghe những lời đối thoại chắc nịch:

- Tôi biết ở đây có hai 12 ly 7 ( Phòng không 12 ly 7), Đại bàng (Vị chỉ huy) cho tôi và con cái (lính) ăn uống xong, đến đêm tôi sẽ xung phong.

Những lời nói rất thường ở ngôn từ nhưng lồng lộng ý chí quyết thắng. Sự can trường hình như làm căng mạch máu đoàn quân vì tiến quân lên hướng Bắc nhưng thật ra đi về phía Tây của Việt Nam, đoàn quân đang dẫm lên phần đất mông lung linh diện của biên giới — Đất vô hình nhưng khí thiêng Tổ quốc hình như lần khuất quanh đây — Lính Nhảy dù mạnh vì mang trong lòng tâm thức — Đuổi giặc ra khỏi biên giới. Tâm lý dấn chìm không phân tích, luận lý nhưng thôi thúc mỗi người trong mỗi ngày mỗi phút dừng ngã xuống để tiến lên. Số vũ khí tịch thu làm Không kỵ ngắt ngư. Không thể ngờ có sức chiến đấu tuyệt vời như thế trong những cơ thể chỉ bằng đứa bé ở Mỹ Châu. Lính Không Kỵ giặt mình — Huyền thoại về Nhảy Dù Việt Nam là một huyền thoại có thật.

Chiến dịch mở dài cho đến tháng Năm để tiến thành cuộc hành quân vượt biên đánh vào hậu cần Mặt Trận Giải Phóng ở đất Miên. Tôi không tham dự hành quân này và phải ra khỏi binh chủng. Mỗi ngày nơi phòng hành quân của chỗ làm mới nghe bàn tán xôn xao về những địa danh... Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt, đồn điền Mimot, Snoul... Tôi đứng ở trước tấm bản đồ phủ bụi di ngón tay qua các điểm Tây Ninh, Katum, Sông Bé... thấy lại trước mắt dãy rừng miền đông Nam bộ chập chùng ngút ngàn mờ hơi khói, bập bùng những nắm khói đạn pháo binh và đoàn

quân di chuyển âm thầm trong bóng lá, trên đất khô lấm bụi vàng... Chỉ là hai tháng trước đây. Tôi vừa qua một cảnh đời của nghiệp lính.

*Tháng 2-1970. Tây Ninh.  
Căn Cứ Hòa Lực Nhảy Dù Việt Nam*

&&&



### **HÒA BÌNH, 28-1-1973**

Để mở đầu cho tập bi ký, tôi lấy ngày tháng này để làm dấu - Ngày Hòa Bình - Một thứ hòa bình quái dị, đắng như thuốc mà quê hương trong cơn thập tử phải uống vào. Nhân dân tự vệ đi đập cửa từng nhà hối thúc gia chủ treo cờ, Tổng Thống Thiệu đọc trên tivi gọi đến toàn dân thông điệp lịch sử - Thông điệp báo tin một hòa bình đe dọa. Thông điệp gồm những ngôn từ nóng, những thành ngữ giản dị đầy hình ảnh, thông điệp dồn dập không thể có được ở cấp nguyên thủ của bất cứ quốc gia nào... Quê hương Việt Nam đón nhận hòa bình trong trạng thái buốt sống lưng.

Tôi đi trong Sài Gòn ngày 28-1 với cảm giác xôn xao kỳ lạ. Tháng năm chinh chiến quá dài biến đổi chiến tranh nên thành một hiện tượng hằng có, thường trực; đứt ra, ngỡ ngàng như ra khỏi vùng quen thuộc. Sự quen thuộc khốn nạn. Ở Tây Ninh, Cộng sản tứ bề vây kín Tòa Thánh, quốc lộ 15 bị đóng máy "chốt" ở bắc và nam Long Thành, đường đi ra Trung, lên Đà Lạt bị kìm kẹp... Cộng sản cố giữ một đoạn Quốc Lộ 1 ở Trảng Bom, hòa bình được đón nhận bằng một loạt vi phạm ào ạt cùng xảy đến khắp bốn quân khu. Đã có hòa bình chưa?

...Vẫn còn được an ủi lớn - Chưa có trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn trở lên!! Sự an ủi tội nghiệp như hơi thở hồi dương của xác thân đã chết phần chân tay.

Nhưng "hòa bình" hình như được ráp nối dần. Những phái đoàn Nam Dương, Gia Nã Đại trong Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến đến Sài Gòn, những người mặc áo đại cán may bằng vải kaki Nam Định đã có mặt tại Tân Sơn Nhất. Những cán bộ Cộng sản từ Hà Nội, Ba Lê, mặt khu lần đầu tiên tập trung tại trên đất quốc gia. Cuộc họp lịch sử khai diễn. Tổ quốc bước qua một chặng đường mới. Con đường dài đầy đặc hòa mù dầy lên ào ạt như khói súng của những trận đánh trên bốn quân khu. Hòa bình đến với những người chết ngỡ ngàng không nhắm mắt. Những buổi họp thành hình quanh chiếc bàn nỉ xanh trong căn phòng kín cửa. Bằng lời nói uyển chuyển, thái độ hòa nhã, những con người đối cực ngày hôm qua, hôm kia, trao đổi với nhau một đề tài bi thảm - Tù binh, vật thụ nạn trực tiếp đau đớn nhất của chiến tranh, món quà tội nghiệp của hòa bình bắt đầu được ngã giá.



Hôm nay, ngày khởi đầu màn bi kịch lặng lẽ, những người tù bắt đầu được thả để ở yên trong một khoảng trống nào đó hay sẽ mặc lại bộ áo chiến binh, nhận một thứ vũ khí để bắt đầu lại vở bi kịch trường thiên không đứt đoạn.

Được đi chứng kiến và sống cùng "chiến trường" bi thiết lặng lẽ này, người viết với trái tim trung tín, thẳng thắn cố gắng ghi lại sau đây những diễn tiến đã được một lần ghi nhận. Sự ghi nhận chủ quan - Lẽ tất nhiên, nhưng cũng không thể vượt khỏi chủ quan của một người - Người Việt Nam.

...Tôi mở cửa căn phòng, hơi lạnh tỏa ra dễ chịu. Tường gỗ đánh vec-ni nâu, sàn lót thảm, bàn nỉ xanh, vẻ yên tĩnh trang trọng của nơi tiện nghi theo lối Mỹ, trăm phần trăm Mỹ với không khí thơm thơm sạch sẽ của toàn khối vật chất được khử trùng lọc sạch. Trong căn phòng nhỏ đẹp gọn ghẽ trơn láng này, vấn đề gai góc nhất của hiệp định ngưng bắn - Ba mươi ngàn tù binh của hai bên và năm trăm sáu mươi một tù binh Mỹ sẽ được giải quyết, trả giá và cân nhắc từng trăm, từng chục, hoặc từng người tùy theo nhịp độ khí hậu của bốn bên. Con người chỉ còn lại là một con số trống. Tù binh, giờ này anh nghĩ gì?

... Xin giới thiệu với quý vị - Đại Úy Nam. Tôi đứng dậy cúi đầu chào. Những con mắt mở ra vừa phải dò dẫm... Tôi đang đối diện với cán bộ cộng sản thực thụ, những người đàn ông trung niên, nghiêm trọng cứng nhắc trong những bộ quân phục may bằng vải kaki Nam Định màu ô-liu. Đây là những cán bộ trung cấp nòng cốt vừa từ Ba Lê đến, những chuyên viên hội nghị, những người có thể ngồi thật lâu nói thật nhiều trên nhiều đề tài mơ hồ, đối cực và vô bổ. Những kịch sĩ thiên bẩm, thiện nghệ, biết kìm hãm tình cảm trong tất cả mọi trường hợp. Ý nghĩ đầu tiên tôi nghĩ về họ qua những nét mặt hình như không biết cười!!

Phiên họp bắt đầu, Đại Tá Đất, đại tá của những đại tá, thâm niên cấp bậc mười lăm năm, con người quen thuộc với tù binh và nhà giam từ những ngày cách đây hai mươi năm, một chuyên viên của tù, không thể ai hơn ông trong chức vụ này. Phiên họp mở đầu bằng thông báo của hoạt động trong ngày, bổ túc việc trao trả, trao đổi danh sách tù nhân của hai bên...

Thứ tự phát biểu xoay theo chiều kim đồng hồ VNCH, Mỹ, Mặt Trận Giải Phóng và Bắc Việt... Lý luận trao đổi qua những ngôn từ trầm lắng, kiểm soát và ngăn chặn. Lý luận không theo cùng hệ thống, không phải là câu trả lời những câu hỏi, nhưng tùy theo chiến pháp của hai bên, Việt Nam Cộng Hòa thông báo số tù binh được dự trù trao trả trong ngày, nhưng vì đến giờ họp, vẫn không thực hiện được vì người của Mặt Trận ở Thạch Hãn, Quảng Trị không chịu qua sông nhận tù và tù binh ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Lộc Ninh. Đại Tá Russell của Mỹ nêu vấn đề Mặt Trận không trả tù Mỹ ở Lộc Ninh đúng như đã hẹn. Những vấn đề đặt ra rõ ràng gọn như một miếng bánh nhỏ. Tôi chờ đợi câu trả lời của hai phe cộng sản. Nhưng buổi họp đã lộ dần tính chất chạy trốn, sự tránh né lộ liễu buồn cười. Đại Tá Lê Trực, trưởng đoàn Mặt Trận xoay quanh vấn đề danh sách tù binh dân sự và Trung Tá Tấn, trưởng đoàn Bắc Việt thông báo nhà nước Hà Nội thả thêm một trung tá phi công Mỹ sáng nay ở Gia Lâm vì lý do nhân đạo: Mẹ ông ta bệnh nặng!!

Như những hòn bi được rơi tự do trên một độ dốc lồi lõm, các đề nghị, câu hỏi, vấn đề thảo luận do Việt Nam Cộng Hòa đưa ra được biến dạng thành những câu hỏi khác, những vấn đề tổng quát mà chỉ có thể giải quyết được trong thời gian tương lai. Các câu trả lời cho những câu hỏi trực tiếp không có trong suốt phiên họp.

Tôi lắng tai nghe, tay ghi và tinh thần giãn ra trong một niềm lạnh nhạt thú vị... À ra "chiến pháp" tân kỳ của cộng sản là thế - Không bao giờ trả lời một vấn đề trực tiếp, cứ xoay vòng một cách

vô tích sự, càng lâu càng tốt, càng xa càng tốt, sự rõ ràng phải được bao bọc dưới lớp màn mù mờ khó khăn. Khó khăn hóa, mơ hồ hóa mọi vấn đề do đối phương đưa ra, dù chỉ là những vấn đề kỹ thuật, thủ tục, của trọng tâm lớn... Trình trọng như những công chức già, xoay xở như một anh đánh bạc thiện nghệ, người cộng sản kéo dài phiên họp trong một rã rời cố ý và đúng hệ thống. Hội nghị Ba Lê kéo dài trong bốn năm hay bốn mươi năm cũng có thể được với những chuyên viên hội họp này, họ tránh né và lật đổ vấn đề một cách sỗ sàng bằng những giọng nói nghiêm trọng bất chấp sự hiện thực không thể chối bỏ được. Đại Tá Đất đưa ra tai nạn buổi sáng nay (12-2-73) tại Biên Hòa: Tù binh cộng sản không chịu lên xe ra phi trường, họ đòi phải gặp đại diện Bắc Việt đến để cam kết và bảo đảm sự nhận lãnh... Đại diện tù binh tuyên bố không tin thực chất của đại diện Mặt Trận (Đại Tá Lê Trực)... Sự thật rõ ràng: Tù binh Bắc Việt không tin vào đại diện MTGP...

Đối diện với sự thật trên, Trần Tấn chậm rãi mở cuốn sổ nhỏ, đàng hắng lầy giọng: Thưa quý vị, theo điều 1 và 2 của Nghị Định Thư về Tù Binh chỉ xác định có ba loại tù: Tù của Hoa Kỳ và các nước ngoài, của VNCH và của Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam... Vậy theo tinh thần này và thỏa thuận của hòa hội Ba Lê, chúng tôi xin xác nhận không có tù binh Bắc Việt tại miền Nam!! Đúng sách vở và chiến pháp! Tôi muốn phì cười vì vẻ mặt trang nghiêm, ánh mắt long lanh bằng lòng với phản ứng sắc bén đúng theo "tinh thần Nghị Định Thư" của Tấn... Tinh thần Hiệp Định, một dụng tâm trá trở của những tay bợm siêu đẳng được căn cứ và nhắc nhở với những ngôn từ trang trọng như giáo điều thiêng liêng. Buổi họp, sự vô liêm sỉ đứng đần kéo dài trong vô ích. Bốn giờ đi qua không vấp vấp.

À, ra thế là cộng sản, cộng sản chính công, hạng A, loại cán bộ nông cốt hy vọng trở thành Ủy viên trung ương trong tương lai, Lê Trực, Bí thư của Tướng Trà, Bộ trưởng Quốc phòng của "Chính phủ" lâm thời chỉ là một "chuyên viên" đi đủ qua ba đề mục: bỏ tước danh sách tù quân sự, nêu con số 140 tù dân sự của VNCH và đòi hỏi VNCH thêm vào con số bảy ngàn vì còn hàng vạn người nữa! Ba đề mục được Trực kéo đi kéo lại trong bốn tiếng đồng hồ không một lời bất chấp câu hỏi của Đại Tá Đất: Tại sao quý vị không trả tù chúng tôi đúng 8 giờ 30 ở Lộc Ninh như đã hứa? Mặc cho các câu hỏi rọi rõ như ánh mặt trời hắt vào mặt, Trực qua lại ung dung giữa ba bản đề của mình như con cá vùng vẫy trong chiếc hồ bơi riêng rẽ. Bắc Thạch Hãn, nơi thuộc về Bắc quân làm sao Trực có thể cho và nhận chỉ thị trực tiếp?! Tội nghiệp cho vẻ kiêu hãnh óm yếu của Trực sau khi lập lại một đề tài tránh xa sự thật... Trực đã ở Ba Lê trong bao lâu?

Tôi ngồi đối diện với cộng sản, nghe những trả lời trống, những lý luận trơn, nghe những hần học đóng kịch và dễ dãi vô duyên. Thấy rõ toàn bộ cấu tạo và chiến pháp của cán bộ cao cấp đối phương - Một đối phương quá nhiều huyền thoại và huyền hoặc. Thấy rõ người để xét lại mình. Không tự tôn cũng chẳng nên tự ti. Tôi kết luận. Đây chỉ là những chuyên viên bình thường ở âm tượng ngôn ngữ, ở khí phách tia nhìn... Chỉ là những chuyên viên bàn giấy học thuộc bài, nhớ thuộc vở, biết nghe lời thượng cấp, theo đúng chỉ thị, làm việc bằng trí nhớ được tập luyện hơn phản ứng sôi nổi linh động của tâm lý. Đó là một đội cầu gồm nhiều cầu thủ trung bình chuyên lối chơi cộng đồng không có quyền nảy nở phản ứng cá nhân. Toàn thể đặc tính của cán bộ cộng sản có thể thâu tóm một cách tổng quát không sợ sai lầm.

Chiến tranh, hòa bình đã được thực hiện và điều hành bởi lớp cán bộ cao cấp này. Những người vâng lời cứng nhắc, quyết chí như một mũi tên huyệt hơi, những người nhìn lịch sử bị thương của dân tộc qua những sự kiện được đánh số và phân loại. Tôi đã đối diện với đối thủ tàn ác thô bạo ở chiến trường, nay lại gặp phải một đối phương cố chấp qua chiếc bàn rộng lót nỉ màu xanh. Sự tàn ác thô thiển nơi chiến địa hay cứng cỏi cực đoan trong căn phòng có chung một tính chất - Tính chất tổng quát của những phản ứng được hệ thống hóa sau thời gian dài định lượng và kiểm chứng. Tôi không gặp được Người trên hai chiến trận, đây chỉ là

những cán bộ tốt biết vâng lời và che dấu tình cảm riêng tư tuyệt đối. Cảm giác lãng đãng kết tụ dần như hơi khói thuốc không tan được trong căn phòng kín cửa. Có một điều đau đớn chấp chờn ám ảnh không rời dần lộ mặt - Chiến tranh đã xảy ra thật hợp lý - Người cộng sản quả tình chỉ sống được trong thế giới cường bạo và chần động. Biện chứng pháp duy vật há không phải là luận lý xây dựng trên "sự nổ" hay sao? Căn phòng rì rầm máy lạnh bỗng chốc mang vẻ đe dọa như cơn im lặng của trái phá sau khi bay ra khỏi nòng...

*Tháng 2-1973*

### **Cây Bút Kaolo**

Đột nhiên thấy được cả một chuỗi ngày thơ ấu trải dài trước mặt như khi mở cuốn Album nhìn lại hình ảnh của ngày qua. Bên tay phải, hơi chéo về trước mặt, Trung Tá Tuấn Anh của phái đoàn Bắc Việt đặt lên trên chiếc thảm xanh cây viết nâu có những sọc ngang vàng đục. À! Viết Kaolo. Lâu lắm, hai mươi năm đi qua, ngày vừa đỗ tiểu học, món quà đắt giá nhất có được lần đầu: Cây viết Kaolo. Cây viết nặng và lớn so với bàn tay nhỏ bé, tôi cẩn thận vận khế từng vòng phần cuối của cây viết, ngòi bút thủy tinh hình tháp có những vòng xoắn ốc từ từ lộ ra khỏi ổ bút. Lũ trẻ chung quanh trầm trồ... Cây viết giá ba mươi lăm đồng, viết mấy cũng không "rè", viết chiều nào cũng được. Tôi hân hoan vận ngược lại, ngòi bút rút dần vào ổ. Hai mươi năm, xã hội qua muôn ngàn biến đổi Đứa bé chưa bao giờ uống nước đá bào ngày nào đã lớn, lớn để chứng kiến những đảo lộn đến chót cùng kinh ngạc, những biến đổi ngược ngạo, chớp nhoáng bồng bồng lạ lùng xảy ra hằng ngày qua, theo năm tới. Biến dạng ở tâm linh và thế giới chung quanh. Biến đổi hệ thống lý luận và cách nhìn. Biến đổi từng mẫu ý nghĩ, từng cái chắc lưỡi khế rung để che dấu niềm kinh ngạc sửng sờ.

Năm 1950 ông Nixon phản đối chính sách hoà hoãn với Trung Cộng của Ngoại Trưởng Dean Acheson. Năm 1972 con người đối nghịch với cộng sản đó khế sửa lại vạt áo Chu Ân Lai, hành động vượt xa lịch sự ngoại giao Cũng năm ấy, Thượng Nghị Sĩ McCarthy nổi bật hẳn lên khỏi những đồng viện vì tính chất điều hâu siêu đẳng của mình. Năm 1968, tinh thần McCarthy lại biến tướng thành McGovern sau này Những năm 50, chiếc xe đạp bánh đặc vẫn được xem là dấu hiệu của sung túc giàu có. Năm 1972 ở Sài Gòn xe gắn máy Sachs hoặc Solex đã được xem như vật cũ kỹ hết xài, xe hơi Ford Mustang chỉ là phương tiện di chuyển đắt giá bình thường. Đức Quốc Trưởng Bảo Đại năm xưa nay chỉ còn là một ông già hết thời dù báo Figaro mở chiến dịch thăm dò và báo Sài Gòn yểm trợ. Vua Bảo Đại đã là một điều của dĩ vãng. Hiện tượng Perón không thể nào có được ở Việt Nam, nơi hai mươi năm chiến tranh đảo lộn hết toàn thể giá trị tinh thần và đời sống. Người Việt Nam, giống dân chai lỳ chịu đựng nhất của nhân loại

Nhưng người Cộng Sản ở miền Bắc "hình như" không thay đổi. Y phục, hệ thống tổ chức, phương cách chuyển đạt ý nghĩ, lý luận, hút điều thuốc, thở khói, để tay lên bàn, sửa cái kính... Tất cả đều có vẻ chung chung, quen quen hình như đã gặp, đã nghe, đã thấy. Năm 1950, tại chiến khu bên tả ngạn sông Hương nay thuộc vùng Ashau, tôi hỏi đồng chí "Chú Nhan":... Sao súng chú quá lớn? " Đáp ngay: " Súng chú dùng để bắn Tây! ". Phản ứng đối đáp nhanh chóng đúng "tinh thần kháng chiến" này sao quá giống với câu trả lời ở phi trường Lộc Ninh khi được hỏi vì sao ống quần quá rộng. Đáp: " Để dễ tác chiến chống Mỹ Nguy! ". Hai mươi năm hơn đi qua đã không thay đổi gì ở trong những đầu óc đó. Vẫn chỉ là kháng chiến, chống lũ bán nước, đấu tranh công nông, cộng sản đại đồng, hỗn độn va chạm khô cứng vào nhau dưới một đầu tóc rẽ ngôi giữa, hai bên hót cao trắng phều...

Trung Tá Tuấn Anh, người có khuôn mặt lặng lẽ, trí thức nhất của phái đoàn Bắc Việt, tuy có một nụ cười tươi, nhưng nụ cười đó hình như có tính toán, có sửa soạn. Nụ cười được định

lượng dè chừng chột tất ngay nếu phải nghe một lời vượt ra khỏi hệ thống Trung Tá có nghĩ rằng Đông Dương sẽ trở thành một vùng Balkan nhưng tiến bộ và tự do hơn không? Những lần tất nụ cười đó thường làm người tiếp chuyện ngạc nhiên, nhưng khi nhìn thấy cây viết Kaolo được cẩn mật để trên bàn, ngòi bút đi ra chậm chậm nghiêm trọng thì lòng tôi chột hiểu. Hai mươi năm hơn đi qua không có thay đổi trên miền Bắc có nhiều hệ thống nghiêm cẩn không suy suyển đó; 138 trang cuốn Chiến Tranh Nhân Dân và Quân đội Nhân dân của Võ Nguyên Giáp (Nhà xuất bản Sự Thật À 1959) rất một thứ lý luận thô thiển đến hàm hồ. Trang 112, Giáp định nghĩa Quân đội Nhân dân Á Đây là một quân đội thực sự của nhân dân, của nhân dân lao động, thực chất là công nông, một quân đội do giai cấp công nhân lãnh đạo!!! Không xa đó Giáp viết tiếp: "Đảng của Quân đội nhân dân đó.." Và Đảng của Giáp năm 1930 là gì? Hãy đọc lại nguyên tên: Đảng Cộng Sản Đông Dương... Tiếp tục bước chột của lý luận: "Nhân dân tức là toàn thể đảng viên Cộng sản ". May quá, Giáp chưa đi đến bước chột của thái độ liều lĩnh này...

Tôi đã đi trên đường vào An Lộc trong tháng 6 năm 72, tôi đã tiến theo Nhảy Dù để vào Quảng Trị cuối tháng 7... Đọc quốc lộ 13, đọc quốc lộ 1, trên những đoạn đường chết với câu hỏi vang dội: " Sao người Cộng sản có thể tàn ác tính táo đến độ này " Tại sao họ có thể xuống tay tận diệt những người dân vô tội không chút e dè như thế này. Nhưng bây giờ thì tôi có thể hiểu. Người cộng sản đã hướng dẫn hành động theo sát với tất cả những giáo điều đã xâm nhập vào từng hơi thở, ý nghĩ của họ. Cuộc đấu tranh vũ trang để thực hiện Chủ nghĩa xã hội do quân đội nhân dân đảm trách. Nó chiến đấu cho quyền lợi của nhân dân lao động cách mạng, được ủng hộ của nhân dân Liên Xô, của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới!... Vậy, Nhân Dân miền Nam, những nhân dân không cách mạng, không giác ngộ, không ủng hộ cho cuộc chiến đấu kia ắt hẳn được xếp vào loại nhân dân địch, nhân dân "nguy"., loại nhân dân cần phải... Tiêu diệt!! Chúng ta, người của miền Nam chắc sẽ không bao giờ chấp nhận một thứ hệ luận kỳ quái xuẩn ngốc độc địa kia, chúng ta cũng không nghĩ có một thứ lý luận sơ đẳng tàn hại như thế đã được thành hình làm phương châm chỉ đạo cho bao nhiêu hành động cuồng sát. Nhưng thật sự đã xảy ra, xảy đến tột độ kinh hoàng, xảy đến trong chót cùng kinh ngạc... Mậu Thân ở Huế, tháng 4-72 ở Quảng Trị, tháng 3-72 trên đường 13 hướng An Lộc-Chơn Thành, dù tôi là người lính chiến thuần tuý đã đi trong lòng cái chết qua thời gian đảng đảng cũng đã không hiểu nổi tâm trạng đối phương hằng vang dội trong lòng mãi mãi câu hỏi trên. Nhưng hôm nay trong căn phòng kín cửa nhìn cây viết cũ kỹ trên tấm nỉ xanh lòng chột khám phá ra nguyên lý của hệ thống giết người... Kinh khiếp thật, người Cộng sản đã giết người qua định nghĩa. Định nghĩa cấu tạo từ mùa thu cách mạng, hệ thống hoá thêm bởi mười chín năm trời trong "chủ nghĩa xã hội. Định nghĩa ví như một lá cờ đuôi nheo nhàu nát được mang ra làm chỉ đạo cho cuộc tàn sát tận tình. Tôi hiểu ông Ngô Đình Diệm, người quân tử vụng về của thời đại chỉ vì không theo kịp với nhịp biến động của thế giới chính trị nên phải trả giá bằng cái chết tàn khốc, sự kiện không canh tân hoá ý niệm chỉ đạo điển hình qua chiếc bàn gỗ nặng nề của thời Louis XIV. Vậy nên, viên sĩ quan cộng sản làm sao đuổi kịp được thế giới, hiểu kịp được tâm tư của người dân miền Nam khi trên tay vẫn còn nâng niu hoài cây viết cũ, đầu óc đặc kịt những lý luận "sắc bén" của đồng chí Đại Tướng, một ông giáo sử địa của những năm 1930, soạn thảo phương châm chỉ đạo chiến tranh bằng những luận cứ hồ đồ: "Cuộc vũ trang đấu tranh của nhân dân Việt Nam thành công trước tiên chính là nhờ sự thắng trận của Hồng quân Liên Xô đối với Phát-xít Đức, Nhật..". Vừa phải thôi, chính vì cuộc thắng trận khốn nạn đó, Pháp mới có thể trở lại Việt Nam để cùng anh dự tiệc máu người Việt Nam qua chín năm dài. Thế nhưng luận cứ trên đã viết thành lời, đã đại chúng hoá bằng những tờ ronéo nhem nhuốc, phổ biến đến mỗi cán bộ xã ấp, mỗi "chiến sĩ" với đầu óc bít kín như những viên gạch được xếp đầy đặn chờ hơi nóng nung đốt, để hôm nay - 1973, ở Lộc Ninh, ở Thạch Hãn đâu đâu cũng chỉ nghe: Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin dạy chúng ta rằng: Chiến tranh, nhà nước, quân đội đều là những hiện tượng lịch sử, những hiện tượng đó đặt cơ sở trên các giai cấp xã hội đối nghịch và sẽ không còn nữa khi xã hội loài người không còn chia thành giai cấp đối

ngịch, nghĩa là khi chủ nghĩa Cộng sản đã thắng khắp thế giới...!!! Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin, Cách Mạng tháng 10 hình như chỉ còn là tài liệu nghiên cứu cho một giai đoạn lịch sử đã đi qua... Nhưng Trung Tá Năm Tích - Tư lệnh phi trường Lộc Ninh - gã nông phu phụ bạc ruộng đồng để hân hoan cùng "quân hàm tương đương" cứ lập đi lập lại hoài bài học đó. Phải chăng trong đầu óc đặc cứng đó chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện toàn hảo trên quân hàm mà Năm Tích suốt đời không bao giờ có ý niệm?!!

*Tháng 3-1973*

## **NHỮNG SỢI TÓC BẠC TRÊN THÂM NỈ XANH**

Ngồi trước mặt tôi là hai người tóc bạc, một thượng tá và một trung tá của lực lượng vũ trang thuộc Mặt Trận giải phóng, cả hai đều trên tuổi năm mươi, tóc bạc trắng quá nửa đầu, da mặt xám xanh và ánh mắt khác lạ. Người mang cấp bậc thượng tá, Nguyễn Hoàn quê Bến Tre, ngoài nụ cười tươi ít khi sử dụng thường có thái độ tự tin bằng cách ngồi ngửa người nhìn đến người đối thoại, tia nhìn phát từ đôi mắt màu xanh da trời lóng lánh một màn mỏng bóng loáng, đôi mắt có vẻ thâm độc kỳ dị, phản chiếu tính chất hung tàn bệnh hoạn như kẻ bạo dục đứng nhìn nạn nhân quần người dưới tra tấn của hắn. Ở đây, đôi mắt của Thượng Tá Nguyễn Hoàn có một tính chất bạo ngược phát động từ tinh thần đã mất hẳn những rung động tế vi nhân bản, tinh thần lạnh cô đặc của Goering, Rudolf Hess, những người tự tin và tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa, quyết định của tổ chức. Người đã đồng hóa bản thân vào vận động lịch sử, người xóa bỏ mình, hết còn là một nhân vị. Nguyễn Hoàn có đôi mắt của một bộ máy điện tử dùng để đo phản ứng con người. Người thứ hai, Bùi Thiệp mang quân hàm Trung Tá gốc Qui Nhơn, Thiệp có khuôn mặt nặng nề bình thản gồm nhiều nét nhăn ôm thành vòng tròn từ trán xuống miệng, những nét nhăn của một con hổ; khuôn mặt Thiệp là một con hổ phiến não, mệch mòi. Nhưng con hổ nhọc mệch vẫn còn vẻ hung tợn căn bản; cũng thế, Thiệp như đang lúc tỉnh giấc của con vật vừa xong bữa tiệc máu.

Tôi không vẽ nên quá độ những đường nét của đối phương, nhưng vì muốn biểu hiện một cách trung thực, phản ánh đúng đắn toàn thể không khí của những cán bộ cộng sản mà tôi đã làm việc, đối diện, nghe và nói cùng họ trong suốt thời gian dài, nên dùng nhiều hình ảnh, ẩn dụ để sáng tỏ hình tượng biểu hiệu của hai nhân dáng, hai cá tánh. Nguyễn Hoàn, Bùi Thiệp, cũng có thể rằng đây chỉ là bí danh, nhưng chắc rằng cả hai thuộc vào lớp cán bộ mùa thu, những cán bộ xuất phát từ 1946, có thể đã vào đảng và có đảng tịch từ những năm trước 1945-46... Cả hai đều được định quân hàm vào năm 1956, sau đợt chỉnh bị toàn quân tại Hà Nội. Họ là những cán bộ tập kết ra Bắc năm 1954 để sửa soạn trở về Nam theo những điều khoản của Hiệp Định Genève năm 54. Nhưng dù không trở về Nam đúng trong năm 1956, họ cũng là những cán bộ của Mặt Trận vào những ngày đầu tiên thành lập. Trước khi về Sài Gòn, Thiệp và Hoàn đã có những tháng năm dài công tác tại hòa hội Ba Lê. Tóm lại, đây là loại cán bộ cốt cán của Mặt Trận với quá trình đấu tranh dằng dặt đầy ứ những kết quả, đúng tiêu chuẩn do Đảng "đề xuất"...

Quá trình tranh đấu liên tục còn được phản ánh cụ thể ở thái độ nghiêm túc, hạn chế, ở phương thức lý luận theo sát ba nhịp của tam đoạn luận, đi đủ chu kỳ cần thiết của một nhịp duy vật biện chứng. Những lý luận phát khởi từ chuẩn bị kỹ càng được ôn tập, phê bình và xếp đặt theo tiến trình của đề tài thảo luận bằng một phương pháp giản dị dễ ghi nhận và sử dụng. Để bác bỏ lời tố cáo của Việt Nam Cộng Hòa về sự kiện tù quân sự và dân sự còn bị giam giữ ở khắp lãnh thổ Đông Dương với những bằng cứ xác đáng như lời nhắn tin của những người tù trên các đài phát thanh Hà Nội, đài Giải Phóng, hình ảnh, thơ từ gửi về Nam theo những người bạn tù đã được trao trả. Những sự kiện chắc chắn, cụ thể tưởng rằng khó để từ chối được, nhưng Hoàn và Thiệp (hay tất cả ủy viên trưởng ban, phó trưởng ban hay Hoàng Anh Tuấn, Sĩ,

Giang của cấp trường phái đoàn) đều dung dị né lách vấn đề theo đúng điều đã học tập. Trước tiên, họ xử dụng lời bác bỏ vì tính cách "bịa đặt, dựng đứng" sự kiện do VNCH bày vẽ nên, tiếp theo họ trình bày những tài liệu cung cấp từ báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, kháng thư của các hiệp hội, đoàn thể quốc tế đòi đấu tranh và cải thiện đời sống lao tù ở VNCH... Cuối cùng lời kết luận, căn cứ vào tài liệu vừa được trình bày (luôn nhấn mạnh sự chính xác của tài liệu bởi tính chất: Tài liệu phát xuất từ những giới chức, đoàn thể thuộc VNCH hay khối tự do) để đưa ra lời tố cáo: "Chính VNCH đã, đang còn giam giữ hàng trăm ngàn người với chế độ ngược đãi tàn nhẫn nên Chính phủ lâm thời giành lại quyền phản kháng để tố cáo VNCH trước quốc tế và quốc nội đã vi phạm các điều khoản của hiệp định, nghị định thư về trao trả tù quân dân sự!!!" Những luận điệu móc nối khít khao được trình bày bằng giọng nói khuôn thước vừa đủ cường độ gây nên ấn tượng quyết tâm nhưng cũng không ra khỏi tính chất hòa hoãn của tinh thần hòa giải dân tộc. Không những chỉ cùng nhau xử dụng chung một phương thức lý luận, những cán bộ cộng sản luôn luôn dùng một số từ ngữ, cách ngắt câu, chấm dứt vấn đề theo đúng tiêu chuẩn, chỉ thị đã được phổ biến học tập và huấn luyện. Những sự kiện trên thoạt đầu gây trong lòng tôi nể nang vì thấy cán bộ đối phương đã chuẩn bị kỹ càng vấn đề thảo luận và thực hiện mục tiêu tranh luận theo phương pháp thuần nhất. Nhưng vào thời gian của tháng thứ sáu, thứ bảy, sau khi đã nhiều lần nghe những động từ "đề xuất, triển khai, lên khung vấn đề, kết tập phương án..." những thành ngữ "tinh thần hoà hợp và hoà giải dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh tinh thần và lời văn của hiệp định ngưng bắn, đấu tranh cho hoà bình tự do..." trong tất cả mọi đề tài, phương thức thảo luận, tôi đâm ra hoài nghi với ý nghĩ: Tất cả ưu điểm của Cộng sản chỉ thế này sao? À Chỉ là diễn dịch vấn đề bằng một số luận cứ sơ đẳng giản dị, với những từ ngữ quen thuộc đã được tập dượt để áp dụng cho tất cả mọi lớp cán bộ trong bất cứ mọi trường hợp; một hệ thống lý thuyết chỉ đạo gồm toàn những từ ngữ, luận lý thô thiển được áp dụng đồng loạt phổ quát từ anh lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã thiếu tướng ngồi ở bàn hội nghị!! Hoài nghi biến dần thành xác định, sự nể nang ban đầu rút lui thành cảm giác náo nê vì nhận thấy. Sự chiến đấu của nhân dân cách mạng yêu nước Việt Nam đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới... đã là một thành ngữ mòn nhẵn, cũ kỹ từ những ngày kháng chiến trong cộng đồng dân tộc của những năm 1940... Hai mươi, ba mươi năm một số từ ngữ đã mất hẳn tính chất và hiệu lực vẫn được xử dụng trang trọng đồng loạt từ bài báo của tạp chí Học Tập, cơ quan ngôn luận đảng Lao Động đến nhận định của Võ Nguyên Giáp về chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng... Từ ngữ cũng được, "cũng phải được" lập lại nghiêm chỉnh trong bài phóng sự "Về các xã giải phóng..." do một anh văn công viết trong một hóc hẻm của đồi núi Quảng Trị đăng trên báo Giải Phóng (Lại giải phóng... Cũng chỉ cùng quê quán với "giải phóng quân" của 1945, 46, từ thắng Mạ giải phóng của Lý Cẩm Dương...)

Thật lạ, người cộng sản xây dựng lý thuyết trên yếu tính đối kháng, hủy diệt, giải thích lịch sử trên căn bản tái tạo của hủy thể tiến bộ, thế nhưng trên rất nhiều khía cạnh họ lại phô trương tận lực tính chất bảo thủ kiên trì, thái độ duy tâm cùng cực. Ở những năm tháng đầu tiên khi đảng Lao Động vừa được cải danh, Đại Hội Đảng nhóm dưới một gốc đa, trong hang núi vào những năm 1941, 42, thì số từ ngữ mà đám cán bộ hôm nay, năm 1973 dùng như một thứ đá lót đường căn bản cho lý luận, đã là những chữ nghĩa được phổ biến "học tập"; kể từ thuở ấy, ngôn ngữ của thời kỳ "huấn luyện" thì làm sao theo sát và phù hợp với đời sống thực tế hôm nay. Sự kiện này mở ra thêm hai bước lớn với những ý nghĩ sau: Quả tình người Cộng Sản đã không có tiến bộ tối thiểu trong phạm vi ngôn ngữ, văn chương hay rộng rãi hơn, họ không có được tiến bộ trong toàn thể vận động văn hoá. Chúng ta sẽ quá độ khi đánh giá đối phương qua một vài từ ngữ xử dụng, những danh từ quê kệch trống trải vô nghĩa được cố công gò ép vào những ý nghĩa xúc tích để tạo nên tác động tuyên truyền cho đám đông. Nhưng có sự thật phải được chấp nhận: Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn xã hội có một ngôn ngữ riêng biệt, đồng thời ngôn ngữ đó cũng mang tính chất tiến bộ theo nhịp độ của xã hội khai sinh nó. Không thể phủ nhận sự biến hoá kỳ ảo của ngôn ngữ Việt Nam khi so sánh cú pháp, từ, ngữ, văn phong của

hôm nay với mười, hai, ba mươi năm trước... Điều này chắc chắn và xác thật như chiều hướng tiến hóa của văn hoá nhân loại, tiến theo chiều cao lẫn chiều rộng, trong đó những khuyết điểm, trở ngại trước sau sẽ dần bị đào thải vì tính chất chậm chạp ứ đọng của nó. Thế nên, thật lố bịch khi dùng những chữ nghĩa đã ối đọng, mất hết giá trị đích thực ở nội dung lẫn sức mạnh phô diễn bề mặt, những từ ngữ "chết" được cấu tạo bởi một nhu cầu chính trị giai đoạn chứ không do khát vọng văn hoá của con người. Như trong năm 1973 mà lập lại những "tình hữu nghị Việt, Trung, Xô, nước anh em Liên Xô vĩ đại, các nước anh em yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới..." Làm gì có được "nước anh em" của thời đại tráo trở và tan vỡ này, làm gì có được hình tượng Liên Xô vĩ đại khi bằng những kẻ hở của Hiệp ước Varsovie Nga đã xua quân vào Ba Lan, Tiệp Khắc và chắc chắn rằng Liên Xô vĩ đại đã hoàn toàn tan biến khi Âu Châu khai hội Helsinki với sự tham dự bắt buộc của Mỹ và Gia Nã Đại, những nước xa Âu Châu một đại dương mà Nga không phản đối được. Cũng không thể lấp liếm để bảo rằng đó chỉ là những ngôn ngữ tuyên truyền bình dân xuất hiện trên báo Học Tập, trên tạp chí Việt Nam để phổ biến giáo dục tới từng anh em xạ thủ cao xạ, "tên lửa" mang quân hàm binh nhất, hạ sĩ, vì đây cũng là ngôn ngữ của di chúc Hồ Chí Minh, của Võ Đại Tướng, của Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, của Trung Tướng Trà, Đại Tá Sĩ, ngôn ngữ cơ sở "khung" của cộng sản Việt Nam trên bước đường thực hiện cách mạng vô sản! Sự kiện chữ viết thật ra chỉ phản ánh khía cạnh của tinh thần, vì không thể có tinh thần tiến bộ nào đang tâm sử dụng một số ngôn ngữ cũ kỹ từ ba mươi, bốn mươi năm trước, không thể dùng xe hơi những năm đầu tiên lập nghiệp của ông Ford để dự cuộc đua hai mươi lăm giờ với những chiếc xe có sức mạnh như một phi cơ phản lực, không thể dùng luận lý của Trương Tửu ở những năm 1930, 40 để giải thích sự đột biến trong lòng những nhân vật tiểu thuyết rã rời của thập niên 1960, 1970. Và giai cấp công nông chắc hẳn không thể phát động đấu tranh được trong xã hội mà nạn nhân chính chỉ là người trí thức bị đe dọa từ vật chất đến tinh thần. Chế độ Sô Viết của năm 73 bị tai tiếng, đe dọa không phải vì thành công vượt bực của Skylab Hoa Kỳ sau năm mươi chín ngày thành công hoàn hảo trong không gian, không phải vì mấy lộ quân Trung Quốc dàn dọc theo sông Issouri, cũng không vì các công trường Tây Bá Lợi Á nổi loạn, nhưng chỉ bị lung lay, ngột ngạt vì lá thư vài trăm chữ của người viết văn Solzhenitsyn. Thế nên, trong thực trạng này, mô thức xã hội tinh truyền với giai cấp công nông vô sản có một vẻ cưỡng ép thô bạo mà lịch sử đã và đang dẫn chứng không thể nào thực hiện được. Nhưng cuối bản chúc thư, Hồ Chí Minh, bộ óc siêu đẳng của cộng sản Việt Nam vẫn hạ bút: Sau khi chết đi, tôi sẽ được gặp các cụ Karl Marx, cụ Lenin... Ông Karl Marx, ông Lenin những khuôn mặt lớn của triết học Đức, lịch sử cục bộ nước Nga, người đã có công giải thích và thay đổi khối cộng sản trong một khoảng thời gian hạn chế, hiện nay đang được xác định lại giá trị chính quê hương của họ. Vậy, ở Việt Nam, nơi cách mạng vô sản nửa vòng thế giới, sau khoảng thời gian dài hơn nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tin vào lẽ tất thắng của một chủ thuyết rất hạn chế địa bàn thành công cũng như thời gian phát triển, thật sự đã là một lầm lẫn vô cùng nghiêm trọng... Thế nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn không chịu hiểu cùng phần soi sáng của lịch sử...

"Các cô chú khi đi công tác hãy đổ máu cho thật nhiều, biến ruộng vườn thành chiến trường, cày cuốc thành vũ khí, nông dân là chiến sĩ..." Ông Hồ Chí Minh đã thốt ra lời vàng ngọc chỉ đạo cho đám cán bộ trước khi lên đường như thế. Lời nói không phải là phản ảnh của tâm tính bạo ngược, tôi không tin như thế, vì lòng của một người già đã qua số tuổi sáu mươi không thể nào còn tính hăng để có nhu cầu bạo ngược nhìn máu chảy... Nhưng lời nói đó phản ảnh niềm tin tất thắng của kẻ tin tưởng tuyệt đối vào hành động; lòng tin đã theo đúng đường vận chuyển của lịch sử, không phải chỉ riêng dân tộc mà còn cả nhân loại. Vì Hồ Chủ Tịch đã tin như thế, toàn thể ủy viên của Ủy ban Chấp hành Trung ương đảng Lao Động đã tin như thế, Ủy viên Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đi theo đà mê mải nồng nhiệt thắm đỏ này nên đã có hiện tượng giết người tỉnh táo ở Huế trong Tết Mậu Thân, nên từ năm 1964, 65 ủy ban hành chánh xã vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt đã thành hình với đồng chí chủ tịch xã Nguyễn Văn Hằng quê Nam Định được cải tên thành Thạch Mét (1) Ổ. Niềm tin sắt đá trên cũng làm sáng tỏ

phần sâu xa của Sinh Bắc Tử Namã - thể hiện ý niệm chiến lược quyết thắng với toàn cõi Đông Dương rực đỏ. Người cộng sản đã tin chắc chắn như thế nên họ đã bỏ qua sự kiện những trái bom rơi từ pháo đài bay B29 Mỹ xuống nhà ga Đà Nẵng, bến tàu Hải Phòng sau ngày 6-3-1945, nơi những căn cứ có cắm lá cờ mặt trời đỏ của Nhật. Họ đã quên rằng chiến tranh Việt Nam không còn là chiến tranh chống đế quốc và phong kiến, không thể có một chiến tranh giải phóng thuần túy khi thế lực quốc tế đã chọn Việt Nam làm nơi hòa giải. Trái bom Mỹ năm 1945 đã báo hiệu chiến tranh không còn là cuộc thánh chiến giữa hiệp sĩ giải phóng dân tộc cùng tên khổng lồ thực dân đế quốc; trái bom là điểm nổi đầu tiên của hai ý hệ đối cực đang tìm đường gần nhau qua xương máu Việt Nam. Người cộng sản không thể nào chấp nhận và hiểu được hiện trạng, phải hai mươi tám năm sau đại chiến thứ hai, những thế lực quốc tế mới dần thoát khỏi tình trạng chiến tranh lạnh nằm trên sợi dây thừng bằng với cơn nỗ dứt điểm từ chiến tranh Việt Nam (2) Ô. Thế giới đã đứng bình yên trên chiếc trục tàn bạo chôn sâu xuống thân thể đau đớn quê hương ta. Người cộng sản Việt Nam không thể hiểu những sự kiện giản dị này, cũng như khi họ tổng tấn công vào An Lộc, Quảng Trị, Kontum là mở rộng cửa kho bom B52 đã đầy ứ sau thời gian chờ đợi. Một chiếc B52 bị bắn rơi ở Hà Nội có là bao so với lực lượng khổng lồ gồm 200 B52, 500 phần lực cơ chiến đấu đồng lực đội bom, đánh phá suốt hai mươi bốn giờ trong ngày 5-12-1972 trên nửa mảnh quê hương điêu linh. Cuộc không tập có giá trị tuyệt đối: Chứng tỏ một lực lượng không quân to lớn có thể xử dụng chớp nhoáng từ ngoài khơi biển Thái Bình, từ những hòn đảo bất khả xâm phạm Guam, Midway, Wake để đánh phá bất kỳ những mục tiêu nào trên nội địa Châu Á. Xong, người Mỹ an tâm rút khỏi Việt Nam, Thái Lan sau cuộc "tập dượt" với mục tiêu: miền Bắc Việt Nam. Người Mỹ đã hoàn toàn thành công khi chứng tỏ cùng Nga và Tàu khả năng siêu đẳng của mình, đồng thời trình bày đủ quan niệm tự hạn chế. Hai cường quốc cộng sản cũng an tâm, thúc đẩy Bắc Việt ký Hiệp định. Chiến cuộc Đông Dương coi như dứt điểm, Bắc Việt, Khmer Đỏ uy hiếp Nam Vang, Kompongcham, lính sư đoàn 320 Bắc Việt tấn công trại Lệ Minh, công trường 9 bao vây căn cứ Tống Lê Chân vào tháng thứ mười sáu. Tất cả chỉ là xung đột cục bộ địa phương, một địa phương nhỏ bé chìm đắm giữa bao la của ba đỉnh lớn, Tàu, Nga, Mỹ. Người không tin vào điều này nên nhất định đi nốt bước đường "chiến thắng". Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, khuynh khoáng Lào, Miên dưới bóng dáng âm u của Đảng Cộng Sản Đông Dương. Người cộng sản như con kiến leo lên miệng chén với ảo tưởng rằng đã thoát xa vực thẳm. Ông Hồ Chí Minh nếu có chút anh hồn thiêng liêng chắc hẳn phải đau đớn khi nhìn thấy Kissinger ngồi trên xe từ Gia Lâm tiến về Hà Nội đi qua dãy nhà ga xụp đổ của trận oanh tạc cuối năm 1972. Tưởng như là ngày hôm qua. Ông Hồ chỉ mới chết vào ngày 3-9-1969.

Bên kia chiếc bàn xanh, hai người cán bộ cộng sản tóc bạc lại thêm một lần nữa lập lại một số lý luận quen thuộc (mà tôi đã thuộc lòng sau ba tháng cùng làm việc): "Chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp định ghi nhận của quý vị về vấn đề tù VNCH bị bắt ở Nam Lào, chúng tôi cũng đòi quý vị trả vô điều kiện 200.000 tù chính trị... Dẫn chứng là "cuốn sách trắng" của Hồ Ngọc Nhuận, lời tuyên bố của Đại Tướng Dương Văn Minh, bản kháng thư do các dân biểu Trương Gia Kỳ Sanh, Hồ Hữu Tường, kháng thư của Ủy ban cải thiện chế độ lao tù tại miền Nam Việt Nam... Tôi rút từ ghi chú của phiên họp ngày 20 tháng 4; có tất cả những chi tiết này đã ghi đủ từ ngày ấy. Đợi chờ sự thay đổi nào trong lòng những cán bộ này vì họ đang nói tiếp: Điều 1 Hiệp Định Ba Lê đã bảo đảm quyền dân tộc tự quyết, nước Việt Nam độc lập, thống nhất như Hiệp định Genève 54 đã qui định... Thế nên làm gì có hiện tượng có nước Bắc Việt xâm lăng Nam Việt..." làm sao có thể xử dụng từ xâm lăng cho người trong một nước với nhau! Luận lý và luận lý, tôi nghe bao nhiêu lần, tôi đã thấy bao điều sơ hở vô lý, nhưng đợi chờ gì ở những người này, khi họ vẫn không lay chuyển trước câu trả lời:

" Quý vị hãy trả lời cho chúng tôi: Có hay chăng hiện tượng giải phóng người một nước ra khỏi cộng đồng dân tộc đó? Có hiện tượng "giải phóng" nào để giải thích trường hợp của 300.000 người đi "giải phóng" trở thành hồi chánh viên, người dân các xã "giải phóng" ở Lộc Ninh,



Darkto, Gio Linh, Đông Hà cố vượt qua biên giới sống và chết để thoát ra nơi "giải phóng"...

Nhưng luận lý trả lời đã bắt nhãn đến độ cụ thể như thế, thế nên tôi cũng chẳng có hy vọng thay đổi gì nơi họ. Nơi huấn luyện đã thay thế bản năng, nơi học tập đã thay đổi cho tư duy, nơi chỉ thị đã bao trùm lên mọi lối nhỏ của hệ thần kinh. Đợi chờ gì ở những người hơn ba mươi tuổi đảng này?!! Càng hợp lý hơn khi nhìn lại những sợi tóc bạc trắng, sau ba mươi năm trong tập thể "vô sản cách mạng"; họ đã là ủy viên với quân hàm Trung, Thượng Tá, họ đã là thủ trưởng có quyền hạn của cấp ủy trung ương mặt trận; dứt ra khỏi vùng "đất hứa" này họ sẽ là gì? Họ còn được gì nếu không hiện nguyên hình một cựu giáo viên tiểu học, thứ thầy đồ "raté" bị loại khỏi đời sống đã âm thầm tiến những bước vượt ngoài ý niệm. Tường tượng cảnh Bùi Thiệp trở về làng xưa ở Bình Định với một túi vải kaki mang ở vai, đôi dép râu để vỏ xe hơi dưới chân, nếu không có quân hàm trên vai với chút uy quyền tội nghiệp, Thiệp sẽ còn là gì trước làng xưa tiêu tán, không gia đình, không vợ con, chỉ có chiếc bóng ngả dài trên đất vàng khô le lói chút nắng cuối ngày. Không có quê hương "vô sản cách mạng" với quân hàm trung tá đó Thiệp còn là gì trước sự thật tàn nhẫn như hư không này? Thiệp không còn gì, quả thật vậy. Chỉ còn những sợi tóc trắng chảy mềm trong kẽ tay.

*Tháng 4-1973*

## **ĐI BẮC VỀ NAM**

Suốt một tháng nay người cứ căng đầy như quả bóng đến độ chót thể tích, như kẻ nội lực quá thâm hậu mà không phương cách tổng ra ngoài. Từ vị thế người lính tác chiến chuyên nghiệp sau chặng đời dài bỗng được dự phần vào cuộc đấu lạng lẽ quanh chiếc bàn trải thảm xanh, rì rầm máy lạnh, tôi bị bao quanh bởi những sự kiện xảy ra ào ào chớp nhoáng. Sự kiện cũng xảy đến chậm rãi, từ tốn, như những phiên họp sau bốn giờ có thể kết luận một câu: Phiên họp sẽ tái tiếp tục để chờ chỉ thị mới... Trận chiến diễn ra trong căn phòng kín cửa, trải dài từ trại giam Phú Quốc qua Lộc Ninh, Minh Thạnh, Hoà Ân, Tam Quan kéo dài đến bờ bắc Thạch Hãn...

Phải viết. Tôi đắm đuối mê man theo nỗi ao ước được ngồi xuống trong lạng lẽ với cây viết để khởi đầu giòng chữ cuốn bút ký "Tù Bình và Hòa Bình". Những chi tiết được xếp đặt dần dần thành hệ thống trên những chuyến bay UH1, lúc ngày mới bắt đầu hay trong lúc chiếc trực thăng bốc khỏi phi đạo Lộc Ninh khi trời vừa tắt nắng. Tiết mục, dàn bài, hình ảnh tài liệu chất cứng bện rộn hoai hoai trong trí não, chỉ đợi chờ được cầm cây viết. Nhưng không thể được, tất cả đang diễn tiến, lý do kỹ thuật của công tác, đồng thời ý thức độc lập và sáng suốt cho người cầm bút không thể có được trong thể hỏa mù sôi động này. Tôi chờ đợi ngày thứ sáu mươi, chín mươi hay một ngày nào gần đây.

Nhưng hôm nay phải cầm đến cây viết. Chuyến đi Hà Nội như ánh sáng chói lòa rọi thật rõ vào hệ thống ấn tượng dậy nên từ thơ ấu kéo dài theo đời người. Những ấn tượng về một quê hương xưa cũ, nơi lịch sử đã diễn thật dài theo thăng trầm của dân tộc. Hà Nội, đất thánh của tâm linh xao xuyến, gây nên giòng rung động lãng mạn tuyệt vời cho bao nhiêu người làm văn nghệ. Hà Nội, địa danh Việt Nam mà những người lớn và sống dưới vĩ tuyến 17 nghĩ đến như một chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng.

Thế nhưng tôi đã đến được. Người của miền Nam Việt Nam, lớp tuổi trẻ khôn lớn từ miền Nam đã đến kinh đô cũ miền Bắc. Đến và trở về với tâm trạng nao nề bản khoăn thật kỳ lạ. Nỗi xao xuyến không tên, nỗi ray rứt trầm trầm cùng với sự choáng váng dật dờ. Phải ghi lại cảm xúc này... Tôi cầm viết. Viết để tặng quê hương bí nhiệm tan vỡ đó, viết cũng để riêng tặng miền Nam, vùng đất rục rờ đã nuôi dưỡng tuổi trẻ chúng tôi mà chưa một lần được xưng tụng, miền

Nam nơi ân nghĩa chưa được đền đáp và cũng không hề đòi hỏi lời tạ ơn. Tôi cảm thấy có một tội mơ hồ khi máy bay trong chiều tối bỏ mặt biển ép dần vào tay trái. Phía Tây, nơi mặt trời rực rỡ, dải đất đen vùng Long Khánh gập bồng ánh lửa rừng. Đất miền Nam.

Cũng cần nói thêm một điều: Bài viết chỉ là phản ứng cấp thời của tuổi trẻ miền Nam sau chuyến đi, lứa tuổi trẻ có rất nhiều tự do và trung trực, không phải là "công tác" của một thành viên thuộc ban Liên Hợp quân sự kiêm thêm nhiệm vụ "tuyên truyền". Lời phân trần có vẻ khôi hài đối với dân miền Nam nhưng rất cần thiết đối với người miền Bắc.

Những người đã đọc và "triển khai khẩn trương" tôi đa bài viết của Dương Phục và Phạm Huân với nhiều phê phán khắc khe sai lạc, những người luôn chủ trương "công tác tốt..." cho toàn thể mọi hành vi, lời nói.

Liếc nhìn về phía đất liền, mồm Hải Vân ghi nét đậm trên đường chân trời xám đục. Với tốc độ của máy bay như thế này chỉ mười lăm phút nữa tôi vào không phận miền Bắc. Năm 1967, khi dẫn quân lên đến vùng phi quân sự, suốt một đêm dài tôi đã thao thức không ngủ, đợi ngày đến để được nhìn về phương Bắc... Và trong ánh nắng vàng của ngày xưa đó, tôi đã thấy cơn chấn động mãnh liệt khi nhìn bờ cát cong cong chạy từ cửa Tùng lên mãi vào xa xăm, vùng Vĩnh Linh, Đồng Hới. Xúc động của ngày xưa ấy được nâng niu ấp ủ mãi qua một thời gian dài. Đó là tình cảm để kết hợp lại quê hương... Tôi đã viết rất thành thật như thế trong cuốn sách đầu tay. Thế nhưng, hôm nay, trên không phận miền Bắc, qua khung cửa tròn từ phi cơ nhìn giải cát trắng chạy dài từ Quảng Trị ra Quảng Bình, lòng bình thản thật kỳ lạ. Đã có thay đổi nào trong hồn chàng? Tôi lạ với chính mình. Đang ở trên không phận miền Bắc của quê hương mà sao không có cơn xúc động trong lòng, đang vượt cửa Tùng, đang bay trên Đồng Hới mà sao lòng vẫn tịch nhiên lặng lẽ? Thật lạ, suốt đêm hôm qua đây người vẫn tưởng chừng như vỡ ra vì xúc động được đi Bắc. Giờ này, đất Bắc đây, sao xúc động hôm qua đã biến mất... Tại sao? Suốt tuổi ấu thơ, ngay bây giờ và chắc cũng là mãi mãi cho đến ngày cuối đời, tôi chỉ có một mong ước lớn trong lòng. Đi hết cùng xứ sở, đi tận thước đất chót của quê hương. Đất đai cảnh vật xứ người không gọi trong tôi hứng khởi, không gây niềm cảm kích. Tưởng tượng khi đứng dưới chân tháp Eiffel chắc tôi chỉ có cảm giác vui vui vì trí tò mò được thỏa, được biết một cảnh vật, một đồ vật nổi tiếng. Thế thôi, nhưng khi ở trên cao độ hai trăm thước nhìn xuống sông Cái Lớn chảy ra biển ở cửa Rạch Giá. Ngày đây, tôi không phải chỉ biết chỉ thấy mà tôi sống cùng... Tôi mê đắm, ngất ngất trong cảm xúc cao độ như chiêm nghiệm được vẻ đẹp tối thượng, chứng kiến được một nhiệm màu... Trên sông Cái Lớn, tôi được sống lại cảnh tượng của tiền nhân khi tay dao, tay gậy, chống con đò mong manh vượt qua sông Tiền, sông Hậu, đến đây nhìn U-Minh trầm trầm, nhìn đại dương mịt mù và con sông mệnh mỏng đầm đìa sức sống đang lồng lộng chảy vào nội địa... Nơi đất và nước không ranh giới lớp lớp phù sa tràn ra biển, dải rừng được bạt ngàn với vẻ hoang sơ tối cổ... Không phải chỉ thấy cửa Rạch Giá, mà tôi sống lại cùng toàn thể lịch sử với nổi bồn chồn thao thức của tiền nhân trong đêm thức dậy bên bờ sông âm âm con nước dâng triều nở lách tách giữa hai hàng lau sậy. Trên cao độ hai trăm thước qua khung cửa kính trực thăng tôi không chỉ thấy biển trở màu thành vàng nghệ vì phù sa nhưng còn nghe được tiếng trống trận uy hùng của người xưa Nguyễn Huệ đuổi quân Xiêm qua ngọn sóng bạc đầu, ánh cờ đào phản phật lộng gió trên mặt nước lộng phù sa. Thế nên thật lạ với cảm giác bình yên khi qua sông Mã, khi qua Ninh Bình, khi bay trên đất Bắc... Có gì đã thay đổi với hôm qua. Tại sao??

Máy bay lượn trên những đồng ruộng ngập nước, bờ đê, cây liễu và mây mù, cảnh vật đồng quê miền Bắc, mang vẻ lặng lẽ kém sinh động khác ruộng đồng miền Nam, thiếu hình ảnh lũy tre, thực vật căn bản của dân tộc. Bình thản vẫn bằng bật trong lòng. Lạ thật... Máy bay xuống dần.

Tôi xòe tay hứng những hạt mưa nhỏ, mưa phùn mùa Xuân miền Bắc là đây, hạt mưa quá nhỏ phải một khoảng lâu mới đủ thấm ướt bàn tay. Một đám đông đứng đợi ở phi trường với áo mưa màu ô liu hoặc nâu lặng lẽ nhìn chúng tôi tiến đến. Tôi bước tiếp theo Trung Tá Tuấn Anh, viên sĩ quan Bắc Việt có nhiệm vụ hướng dẫn phái đoàn Liên Hợp. Thoáng lo âu nghĩ rằng nhờ đám đông kia ào tới đánh hội đồng để trả đũa vụ lính Bắc Việt bị dân chúng đã thương ở Huế thì sao? Yếu tố cụ thể cho ý nghĩ này là những viên sĩ quan Bắc Việt bị thương cùng đi chung chuyến bay vừa được đưa vào phi cảng. Kệ nó, bao nhiêu năm lính chết chưa ngán huống gì đám người kia, đã vào Lộc Ninh, Minh Thạnh cũng chỉ có mỗi mình, hơn nữa người cộng sản đâu có nổi hứng bắt tử, cái gì cũng có học tập, kiểm thảo, đã thông, đây lại là giai đoạn hòa hợp, hòa giải... Sức mảy nổi hứng đánh ầu được...

Kiểm soát lại tất cả phản ứng và cảm xúc, thấy một điều. Tôi thần nhiên đến độ lạ lùng. Vì chỉ vài năm xa cách Huế, khi trở lại nhìn từ độ cao, đầm Cầu Hai bủa sóng, lòng đã dậy nồn nao, hướng hồ khi trong ánh nắng chiều bay dọc phá Tam Giang, trên làn hơi khói sóng, trên những con sông xanh thắm lững lờ lá tre già vùng Dưỡng Nong, Niêm Phò. Lòng lúc ấy là cơn phong ba yên lặng vì nhìn thấy quê hương điều linh lặng lẽ đến uy nghi. Cũng cảm giác nao động đó khi từ đồn điền Xa Cam nhìn vào An Lộc đang nằm trong hơi khói pháo binh. Thế tại sao Hà Nội đặng kia, Hà Nội ở đây, rõ rệt như mưa làm mát mặt, đọng trên mi, phủ trên áo, Hà Nội mùa xuân mưa bụi là đây sao lòng cứ vẫn lặng lờ... Lạ lùng không giải thích. Không lạ lùng sao được, bởi tối hôm qua, ngay hôm kia những ngày được biết chuyến đi chắc chắn được thực hiện không thể bị phục kích tại phút chót như hai chuyến đi ngày 12, 18-2, tôi đã nồn nao quay quắt, đã đứng ngồi không yên, đã hực hơi nín thở, khi nghĩ đến giờ qua, phút tới để được sát thêm, gần thêm Hà Nội, chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng...

Chùa Trấn Quốc ở đây nhá... Trấn Quốc chùa xưa(?) đã dãi dầu. Chạnh lòng cố quốc... đấy mà. Anh chàng Đăng Giao vừa vẽ bản đồ vừa ghi rõ từng vị trí đặc biệt của Hà Nội. Đây là phủ Toàn Quyền, đây chợ Hôm... Chỗ ngã tư này là khách sạn Hoà Bình mà thằng Phục nói, đằng sau kia có vườn hoa con Cóc... Nhớ nhé, nhớ liếc cái số nhà 102 hộ tao, nhà này tôi ở cho đến ngày di cư, tôi còn bà dì ở đó, ông liếc vào xem coi có người nào không, chắc chắn gì ông cũng được đi qua đường đó, bà dì tôi và mẹ tôi giống nhau như hệt, nếu thấy được, ông biết ngay là dì tôi liền!!! Tôi lảm bảm từng đống địa chỉ, 102, 115, ở phố X.35, 19 ở phố Y, gần chục địa chỉ với những cảm xúc nồng nhiệt đã được trao cho tôi bằng lời dặn dò như kèm theo tiếng khóc bị nén.

Tôi đã sống hai ngày trong lửa cháy trước khi bước chân đến Hà Nội. Thế nhưng sao hôm nay, ngày biến cố, ngày mong đợi, ngày được sờ trên tay hơi ẩm ướt của cái mát phơn phớt giọt mưa bụi đầu xuân Hà Nội, kinh đô văn hoá dân tộc, trung tâm điểm của lối sống phong cách hào hoa không làm tôi xúc động. Nổi nồn nao của ngày hôm qua, đêm vừa rồi đã biến mất, biến hẳn, nhường lại cho tâm tư lặng lẽ cứng cõi. Ngồi xuống chiếc ghế, nâng ly bia không đá, nhớ lại tất cả những lời của Phạm Huân và Dương Phục, tôi sửa soạn lâm chiến với bước đầu chiến dịch nụ cười. Những suy tính phảng phất nét tàn nhẫn hiện rõ trong lòng. Tôi chợt hiểu... Thái độ lặng lẽ bình thản có suy tính này chỉ là một cách thủ thế, phương pháp tự bảo vệ. Hơn tháng qua tôi đã qua bao nhiêu lần bị tấn công, tấn công có kèm nụ cười, tấn công chớp nhoáng sau cái bắt tay nồng nhiệt, tấn công bất thành linh trong những câu chuyện trên trời dưới biển đột nhiên tạt vào mặt như bị ném một nắm kim tẩm thuốc độc.

Anh người ở đâu? Bố mẹ còn không? Một anh chàng dáng dấp nhã nhặn thân mật hỏi tôi

Vâng tôi người Quảng Bình!!

Ấy, quê hương anh anh hùng lắm đấy nhé, có ông Võ Nguyên Giáp này... nhưng nát bét cả rồi,

bảy tấn B52 đầy. Nát bét...

Chương đầu tiên tôi hứng phải được đánh ra một cách lạ lùng như thế. May quá, nói láo là "nghề của chàng" nên tôi phản ứng kịp:

Thật ra tôi người Huế, ở Bãi Dâu nơi mà các anh chôn người hôm Tết Mậu Thân!!! Lần này cũng tương tự như khi vừa cầm ly bia ở bờ bắc sông Thạch Hãn, khi vừa mới hớp ngụm cà phê ở Minh Thạnh, Chợ Thành... Một tháng qua bao nhiêu giờ trong phòng họp, trên máy bay, nơi địa điểm trao trả đã dạy cho tôi một điều: Không thể hớ một chữ, thua một câu, nhường một việc với người cộng sản... Vì tất cả đều có mạch lạc, liên kết chặt chẽ với nhau vào trong một hệ thống.

Toán phục dịch tiếp đón, toán phóng viên nhiếp ảnh đã được phân công, phối hợp và bố trí các câu hỏi, phương thức chụp hình đến độ hoàn hảo, mỗi người có mỗi công việc, có mỗi mục tiêu, một số câu hỏi, một số câu trả lời đã được học thuộc lòng. Tôi không nói quá lời, vì như khi ở Thạch Hãn, Quảng Trị vừa cười cười nói nói với nhau, sau hớp bia thứ nhất, viên thiếu tá chính trị, viên trung đoàn 102 đã "công tác" ngay. Hôm nay chúng ta được ngồi uống bia Trúc Bạch với nhau là do Hiệp Định Ba Lê trong tinh thần hoà giải dân tộc và vì thế chúng ta là người Việt Nam được quyền đi bất cứ chỗ nào!! Ý anh chàng này muốn nói đến điều 1 Hiệp Định (theo quan điểm cộng sản) là nước Việt Nam thống nhất, bất khả phân, nghĩa là Bắc Việt có quyền điều động quân, vật dụng chiến tranh vào giúp nhân dân miền Nam, mà nhân dân miền Nam có đại diện chính thức, duy nhất là Mặt Trận Giải Phóng!! Ở Thạch Hãn đã "khẩn trương công tác" như thế huống gì ở đây, Hà Nội cái "ổ" của thủ đoạn, nơi không có tình thương, chỉ có "công tác". Lòng bình thân chỉ là một cách giữ thân.

Xin lỗi đất Bắc, xin lỗi Hà Nội, tôi đã đến cùng với tâm tư quá tình tảo pha chút khắc nghiệt, nhưng biết làm sao khi "đề cao cảnh giác" quả tình phải là một tính chất cốt yếu khi đến cùng người cộng sản.

Mưa bụi bám vào lớp áo nhung của người đàn bà làm ướt lớp tuyết bên ngoài, trông đẹp vô tả. Ông Hoàng Hải Thủy đã "tán" mưa Hà Nội như thế. Sáng hôm nay ở phi trường Gia Lâm không có đàn bà, thiếu nữ mặc áo nhung, chỉ có những người con gái mặc áo cộc, quần đen, mang dép nhựa hướng dẫn đám phóng viên Đông Âu chạy hồi hả trên phi đạo.

Xe qua cầu Long Biên, chiếc cầu bằng sắt, lót gỗ, đường rầy xe hỏa ở giữa, hai bên lối đi bộ nhỏ khoảng một thước rộng. Khung cầu màu đen nặng nề han rỉ, được gắn đầy cờ đỏ của ngày khánh thành sau khi vừa sửa chữa hoàn tất. Cờ được gắn san sát suốt trên hai cây số chiều dài với khẩu hiệu có những ngữ từ ngúc ngắc nghe lạ lạ như đội làm cầu... công tác tốt Chiếc xe chạy rì rì phát ra chấn động làm lưng bùng lổ tai. Tôi váng vất khó chịu, nhìn xuống lòng sông cạn đáy mênh mông dẫn vật trong sương mù... Tôi đang đi qua cầu Long Biên, đang đi trên sông Hồng, địa danh muôn thuở huyền hoặc là đây nhưng sao lòng vẫn nặng trĩu trộm, váng mặt hẳn những cảm xúc ngây ngất như khi xuống đèo Cả, nhìn lên đỉnh Vọng Phu, tượng đá hiển hiện trên bầu trời làm rợn trên da những gai nhỏ. Con sông lịch sử ở dưới chân tháp thoáng mù sương lẫn khuất cuối chân trời qua cửa kính lấm chấm mưa đối với tôi như là cảnh chết của một giòng nước lặng lẽ thụ động. Ấn tượng con sông hùng vĩ đồ ngàu cuộn dưới chân đê từng đợt sóng bạc và gió thổi mạnh trên làn nước mông mênh gây nên bởi không khí tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng hoàn toàn khác xa với thực tế và cảm giác bây giờ. Giòng sông cạn đáy tro lớp đất xám đỏ, mặt nước yên lặng không khác Trà Khúc của miền Nam, nhưng kém hẳn cường lực của giòng Cửu Long khi chạy qua Rạch Miễu, Mỹ Thuận, bốc lên thứ khói sương mờ mờ rung rinh qua ánh nắng. Thật ra cũng không phải vậy, ấn tượng rục rĩ về sông Hồng bị công phá không vì lưu lượng nước thấp, nhưng vì khối không khí thụ động

bao trùm giòng sông và vẻ nặng nề đe dọa của rừng cò đỏ máu, hai đối tính gây nên đổ vỡ bất cân xứng. Nhiều cò quá, nhiều khẩu hiệu quá nên thiên nhiên vốn thụ động càng bị xóa tan, lấn át. Con sông lịch sử uy nghi trong ấn tượng sáng nay bị lấp dưới rừng cò cùng khẩu hiệu tăng năng xuất lao động.

Xe chạy chậm, quá chậm, tai bị ù hần, không khí trong lòng xe khô rốc, người tài xế ấn còi liên tiếp. Trước đầu xe, hai ba người dân đang đẩy chiếc xe hai bánh lỏng chông vật dụng loay quay tìm lối tránh, bên cạnh chiếc xe này người lính chờ đưa bé gái trên chiếc xe đạp đang lúng túng dừng lại vì bị ép giữa hai khối lớn. Người lính dừng lại, bế đưa gái lên bờ lè của người đi bộ, xong hối hả nâng chiếc xe lên theo. Sau khi đứng yên được ở vị thế chắc chắn, người lính và đưa bé nhìn lên chiếc xe chờ chúng tôi. Đó là một người đàn ông đã quá bốn mươi tuổi, khuôn mặt gầy, lưỡng quyền cùng đôi mắt nổi lên quá độ, khuôn mặt đặc biệt của dân quê miền Bắc với răng cửa hơi hô ra, má hóp, đôi mắt võ vàng chịu đựng. Người đàn ông dù với bộ đồ ka-ki và cái nón cối có vẻ trái ngược với hình ảnh điển hình của người chiến sĩ nhân dân, thành phần tiền phong xây dựng chủ nghĩa xã hội thể hiện qua dây biểu ngữ mang danh từ sắt đá. Vẫn biết người cộng sản đã hình thành được một quân đội nhân dân trong tập hợp xã hội, người lính chỉ là một cán bộ như cán bộ nhà máy điện, cán bộ hợp tác xã rau, cán bộ làm cầu... Người lính chỉ được phân biệt qua đồng phục. Nhưng với ý niệm của một người miền Nam, tôi nghĩ, người lính miền Bắc dù đã đồng hóa vào cùng xã hội nhưng họ vẫn là biểu tượng cụ thể chính yếu cho chế độ, rõ ràng hơn là chế độ đang nuôi dưỡng và dành các quyền ưu đãi vật chất to lớn cho họ, thành phần trực tiếp gánh vác chiến tranh, họ phải là biểu tượng lớn cho ngưỡng mộ của toàn dân. Nên ở đây, những tiếng còi thúc dục của người tài xế, đôi mắt võ vàng chịu đựng trên khuôn mặt lo âu thống khổ của người lính giữa một vùng sương mù bốc lên từ khói sông lẫn cùng làn mưa bụi gây trong tôi một xúc cảm ngậm ngùi... Nhớ đến những người lính địa phương quân ở Long An buổi chiều sau cuộc hành quân tuần tiễu, ngồi câu cá ở chân cầu với vẻ bình yên khoáng đạt; hình ảnh người lính nhân dân của miền Nam tuy chưa được hình tượng hóa, nhưng người lính địa phương quân đó đã thành hình và vững mạnh dần cùng với miền Nam bằng tất cả sung mãn tinh thần và vật chất.

Tôi đi qua sông Hồng trong bầu trời mưa giăng bụi nhưng lòng trống vắng cảm xúc ngây ngất, chỉ thấy tràn đầy phần nộ im lặng. Đưa bé con người lính đội một chiếc nón cối bằng lá gồi, loại nón của những năm 1950, trong vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú... Hôm nay ngày đầu xuân, trời còn lạnh nhưng người dân không ai mặc áo ấm, dù là đưa trẻ. Tưởng tượng cảnh đoàn người lầm lũi đi trên chiếc cầu này trong mùa đông khi mưa lớn nước dâng cao và gió bão... Với cảm giác bị canh chừng từ khi xuống phi trường lại vậy cứng thêm không khí u uất trên cầu Long Biên gây nên bởi rừng cò rục rỏ, tôi đi vào Hà Nội, trái tim văn hóa Việt Nam, quê hương lãng mạn và mơ mộng với cảm xúc mới thành hình. Sự náo nê tăng dần cường độ. Náo nê, tôi tựa vào tỉnh từ này để gọi tên trạng thái tinh thần, mà ảnh hưởng còn đến hôm nay khi cầm cây bút, năm ngày sau khi rời Hà Nội, lúc liếc nhìn lại tấm ảnh, lúc bưng bát cơm. Tâm tư không yên ổn của buổi sáng mai kia còn nguyên hiển hiện.

Náo nê, không thể còn một tỉnh từ nào gọi nên đủ cường độ và tính chất hơn thế nữa. Xe đi hết cầu Long Biên đổ xuống một con dốc, leo lên một con dốc khác, ga hàng Đậu hay hàng Cỏ, tôi cũng chẳng cần để ý. Tờ bản đồ của Đảng Giao trong túi, chỉ cần kéo ra là đủ theo dõi, nhưng tôi mệt, mệt thật sự. Những rợn rã nao nức tối hôm qua, ngày hôm kia, tháng trước mắt hần, nhường chỗ cho cảm giác mệt. Mệt và muốn trở về Nam. Phải, tôi muốn trở về Nam ngay ở nơi ngã ba có mũi tên chỉ hai hướng Hà Nội - Hà Bắc (chắc là Hà Đông, Bắc Ninh) cách trung tâm Hà Nội bốn cây số. Cách trung tâm Hà Nội bốn cây số, người đàn bà trong lúc mưa nặng hạt chỉ phong phanh một mảnh vải nhựa che thân, chân trần dẫn xe đạp đi lên con đường dốc ngược. Trên nóc nhà ga treo một khẩu hiệu lớn "Đời đời nhớ ơn Hồ Chủ tịch"... Nhớ ơn Hồ Chủ tịch; Kissinger cùng Lê Đức Thọ có đi ngang qua chón này trong cuộc viếng thăm tháng

trước chăng? Ông Hồ Chí Minh đã được nhớ ơn vì người Mỹ chỉ "giới hạn" đánh bom từ Gia Lâm đến Long Biên, được nhớ ơn vì người đàn bà miền Bắc được đi xe đạp "trang bị" thêm mảnh ni-lông che mưa gió sau hai mươi năm chiến thắng Điện Biên xây dựng Xã hội chủ nghĩa. Người đàn bà trên đường vào Hà Nội, cách thủ đô bốn cây số đường trải nhựa từ thời thuộc địa. Chiếc xe Prefect hướng dẫn đoàn xe chúng tôi bị hỏng, sẵn dịp tôi chụp bức hình "quán nước" Hà Nội gồm một chiếc bàn gỗ tạp, cao khoảng ba tấc chung quanh có những chiếc đôn nhỏ sát mặt đất, trên bàn vài gói giấy trắng chắc hẳn là thuốc lá hay thuốc lá lè, ấm nước lớn để giữa bàn. Bên cạnh "quán nước" là tiệm hớt tóc, dưới mái hiên dột nát một thiếu nữ đang hớt tóc cho em nhỏ. Tôi tưởng chừng như cảnh không thật, bây giờ là năm 1973, năm người Mỹ chấm dứt chương trình Apollo, các bà Gandhi, Golda Meir cầm quyền quốc gia không thua kém một đồng nghiệp phái nam trên toàn thế giới, rõ rệt hơn "ngoại trưởng" Nguyễn Thị Bình ở Paris mỗi ngày mỗi gây chú ý bởi tác phong cách mạng vô sản rất "văn minh" không loạt choạc với trào lưu của kinh đô ánh sáng. Nhưng ở tại cây số bốn trên đường đến Hà Nội, người thiếu nữ của miền Bắc, biểu tượng của ba đảm đang, ba sẵn sàng, có dáng dấp, y phục của những nữ cán bộ vùng Bình Định, Quảng Ngãi ở giai đoạn trước 1954... Dáng dấp thanh lịch đài các của thiếu nữ Hà Nội bị mất hẳn, bị xóa sạch để cảm chiếc tông-đơ đề xuống đầu em nhỏ ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, cũ bằng hoặc hơn thời gian chủ nghĩa xã hội thành hình ở miền Bắc. Phải chăng đây là đường hướng tiến bộ từ tâm thức Hồ Chủ Tịch và ông đã được nhớ ơn bởi thành quả đó?

Xe tiếp tục chạy qua cửa Bắc nơi Hoàng Diệu tự vận để giữ tròn tiết tháo, một tấm bảng đặt dưới chân cổng thành ghi hàng chữ " Nơi đây dấu vết quả đạn đại bác của quân Pháp "... Tôi đọc không kịp nên cũng không biết có đúng nội dung trên không, nhưng đại ý là như vậy. Hàng chữ nhắc người Việt Nam luôn nhớ đến mối thù với người Pháp để luôn giữ độc lập tinh thần. Hội nghị Ba Lê mà người cộng sản coi là một thắng lợi lịch sử đang tiếp tục những phiên họp ủy ban bàn việc viện trợ cho miền Bắc và âm hưởng Trung Hoa hình như bao trùm lên tất cả tiết tấu những bài hát tôi đã nghe ở bờ Thạch Hãn tuần rồi chập chờn vang dội đầu đây. Đã tan vỡ rồi Hà Nội... Tôi nghe như tiếng nói chính mình vì viên sĩ quan đi cùng, Đại Úy Tuyên cứ lẩm bẩm: Chẳng có gì thay đổi... Y hệt như hôm qua, tất cả như tranh cũ, như ý niệm. Cũng những ngôi nhà khang trang của phố cửa Bắc, hàng cây xanh, lề đường im bóng mát và sương mờ giăng cuối phố trong tàng cây. Buổi sáng mùa xuân có đủ tất cả yên tĩnh thơ mộng và Hà Nội không mất một gốc cây, không vỡ một viên gạch lề đường; nơi mà Thanh Tâm Tuyên đã đi chân qua trước giờ rời Hà Nội hai mươi năm trước chắc giờ này vẫn còn nguyên, nhưng sao thành phố lại gây thê thảm não nề đến thế này. Thành phố đông người sao thấy quá vắng, phải chăng vì người mặt đồng phục nhiều quá, màu xanh ô-liu lẫn át hẳn màu trắng xám và xanh nhạt. Màu ô-liu, màu của lính, của tập thể, màu của biểu tình, hội họp, màu của đồng nhất im lặng và kỷ luật lạnh lẽo. Tan vỡ rồi, Hà Nội... Trên lề đường không vang dội tiếng guốc vì đế dép plastic lướt đi vội vã, xe điện qua không nghe hồi còi leng keng rộn rã như trong văn chương của Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Đình Toàn... Phải chăng xe chạy đúng giờ, người dân quá kỷ luật nên tiếng xe reo vui, đặc thù của Hà Nội không còn cần thiết? Hay chuông reo cũng giảm mất một phần năng suất điện? Tôi đi giữa lòng Hà Nội mưa bay không thấy phố phường, không thấy người, chỉ thấy thê thiết não nề dồn lên hơi thở. Trần Dần năm xưa thất vọng vì màu cờ đỏ quá mạnh lấn át hẳn cảnh sắc Hà Nội, tôi hôm nay đi trong lòng Hà Nội với đe dọa trùng điệp, cảnh giác thường xuyên và trong không khí đồng nhất quái dị... Hà Nội thiêng liêng bí nhiệm vẫn còn nguyên hè xưa phố cũ nhưng đã tan vỡ đến đáy sống sờ... Phải chăng đây là Hà Nội? Câu hỏi vang vọng tốt độ đón đầu...

Hỏa lò, tòa nhà xám xây bằng đá, phòng họp nước trà đặc và thuốc lá khô... Giọng viên đại úy chỉ huy trưởng trại vang vang hách dịch, giọng Quảng Nam chắc nịch gần từng tiếng một. Viên thiếu úy thông dịch cao lớn, đôi mắt dữ dội cay nghiệt, không khí trại giam đầy đủ và toàn hảo. Lại thêm màn bỏ quên chìa khoá để rút ngắn thời gian tiếp xúc tù binh. Tất cả màn kịch quen

thuộc có đủ hết những gút thắt và mờ. Tôi đi qua sân bóng chuyền, chiếc lưới quá mới, phải chẳng vì mới giăng nên chưa kịp ẩm ướt mặc dù mưa bụi suốt ngày. Những cửa sổ trên cao thấp thoáng tù binh Mỹ, những khuôn mặt gầy, ánh mắt xao xuyến. Rất thành thực, tôi đưa tay ngoắc và nói lớn với cảm xúc được nén xuống "Cảm ơn, và chào các anh"... Có những ánh mắt rưng rưng nhìn lại. Tù binh, sinh vật tội nghiệp nhất của chiến tranh, món quà thể thảm của hoà bình. Hello Friends!! Tôi chào họ lần nữa. Máy ảnh hết phim, chẳng cần thay. Trung tâm Hòa Lò, một đề tài hấp dẫn để làm phóng sự. Tôi không phải một phóng viên đúng nghĩa. Buồn thật.

Đã qua một đoạn viết về Hà Nội, trong lòng có hai phản ứng trái ngược. Tôi có nhìn Hà Nội với nhãn quan độc lập, trung trực hay chỉ vì thiên kiến do ý thức "quốc gia" cụ thể qua tấm áo lính nên đã "bóp méo" Hà Nội để gây nên tác dụng "tuyên truyền"? Thật sự đến lúc này, ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội, cảm giác nào nề, lãnh đãng vẫn còn đầy ứ... Tôi vẫn bị lao đao với câu hỏi sững sờ: Hà Nội là thế sao? Vùng đất thánh văn hoá, nơi chỉ cách Sài Gòn ba giờ bay có thể nằm ngoài hẳn mọi ý niệm, lạ lùng đến thế được sao? Cố gắng phân tích, cố gắng bình thản viết lại sau đây những hình ảnh để cụ thể hóa cơn náo loạn tinh thần đó, tôi muốn được viết trung thực về vỡ nát ấn tượng Hà Nội... Bữa ăn ở khách sạn Hoà Bình tức là khách sạn Splendide cũ, nơi có cái cửa kính xoay, biểu tượng văn minh xa xưa cũ của Hà Nội. Hai mươi năm đi qua chiếc cửa vẫn còn đó, lớp kính mờ, thứ gỗ lạnh, Hà Nội không một vết nhỏ thay đổi những nơi tôi đi qua. Khách sạn kiến trúc theo lối Pháp, tường dày, nhiều cửa kính theo kiểu Majestic Sài Gòn nhưng bé hơn chỉ bằng khoảng một phần sáu, tường vàng lạnh trắng trải hình như vừa quét lại, phòng ăn nơi cửa ra vào được che bởi một tấm màn vải phin màu xanh nhạt, tấm màn cửa mới cứng đờ nếp hồ. Hai két bia Trúc Bạch để ở góc phòng, thực đơn gồm những món ăn thông dụng của người Bắc, giò lụa, chả quế, thịt bò tái và cơm tấm thơm. Thức ăn thường nhưng đậm đà và ngon, vị ngọt của miếng thịt bò, lát chả gây xúc cảm... Con gà ngoài Bắc ta... Hoài niệm 12 tháng của nhà văn Vũ Bằng bây giờ mới được hiểu hết cường độ xót xa. Thổ ngơi, tình tự gợi nên từ bờ tre, đáy giếng, tiếng gà eo óc dưới những cây soan gầy guộc mờ nhạt trong mù sương của miền Bắc hình như vẫn được tồn tại qua miếng chả quế tuy không tinh xảo bằng lát chả Sài Gòn nhưng thoang thoảng hương thơm thuần nhất của thứ thịt, thảo mộc quý cách. Chủ nghĩa xã hội đã "vô tính hóa" người và cảnh Hà Nội, nhưng vẫn không có hiệu lực đối với cảm tính muôn đời của dân tộc. Bàn tay nào đã rải những hạt cơm thừa nuôi loài gia súc, giả mạnh cái chày để tạo nên thức ăn ý hẳn vẫn còn nguyên tính chất tư hữu tài hoa của chốn quê hương tan vỡ này. Ý nghĩ lãnh đãng, bức tường nhà ăn lạnh cóng, những người phục dịch lúng túng vội vã, nâng niu từng đĩa thức ăn gây nên cảm xúc lạ. Tôi đã ăn những thức ăn quý giá, kết quả sau bao nỗ lực cần mẫn của người dân miền Bắc. Miếng ăn ngon như nghẹn ở cổ khó khăn vô cùng để gấp thêm một lần thứ hai.

Bữa ăn xong, tôi mời người thiếu nữ tiếp đãi chụp chung tấm hình. Hai anh sĩ quan Bắc Việt không bỏ cơ hội đứng vào luôn. Có dám đồng đứng ở bên đường nhìn vào. Không lẽ chính trị viên Bắc Biệt lại bỏ mất cơ hội "tiếp thu tinh thần hòa giải" cụ thể như thế này sao? Lúc nào cũng "công tác tốt" được. Sống thật phien!!

Lại lên xe, di chuyển từ khách sạn ra phố chính (Tràng Tiền, phố Huế, Hàng Ngang, hàng Gai, hàng Đào) xe chạy thật nhanh giữa thành phố đông người với tiếng còi dồn dập, thúc bách... Máy hình chụp liên tiếp, xe điện, ngã tư đường xuôi xuống nhà Hát lớn, nhà Bách Hóa, rạp chớp bóng, tiệm may. Mặc cho xe chạy đảo điên xô đẩy, tôi mê man theo từng mỗi thước đất đi qua. Đang ở giữa trái tim Hà Nội... Những bức hình lịch sử, sự thật sẽ được lưu giữ trong giây phút này. Anh tài xế cố gắng chạy nhanh để ngăn cản cũng vô hiệu đối với tôi, máy Topcon với ống viễn kính sẽ không phản bội sự thật, xe đi hết đường Trường Thi ép về tay phải, thảm nước xanh lạnh lẽ trong trời mù. Hồ Gươm. Rung động dọc sống lưng, những gai nhỏ li ti châm chích trên da thịt. Tôi thấy được những râu phong trên tháp Rùa, bãi cỏ non, làn nước xanh mờ mờ khói nhạt... Đèn Ngọc Sơn khuất sau tàng cây, hàng chữ nho sắc nét, cầu Thê Húc cong

cong chập chờn, hình tượng sống động của lịch sử quê hương là đây. Hôm nay tôi hít được mùi nước gậy mát của chiếc hồ muôn thuở, hôm nay tôi thấy được nét chữ in sâu đỏ chói nòng của câu đối trước đền Xả Tắc. Có một gò đất nhỏ ở cổng đền. Phải chăng là núi Nùng? Chắc không phải, núi Nùng cao hơn ở một nơi nào đó. Nhưng cảm giác phơi phới rạo rực sau khi bừng sáng bỗng tắt ngấm lạnh tanh... Tại sao? Tôi thấy lạnh kỳ dị lạ lùng, chóng mặt và ngỡ ngàng. Hồ vắng quá. Đền lạnh quá... Kỳ dị thật, từ cái nhà ba tầng to lớn kia (Tòa Thị Chính cũ) nơi có treo những khẩu hiệu vĩ đại đến chỗ tôi đang đi qua đầy ứ người đi bộ, người lũ lượt hàng hàng lớp lớp, xuôi ngược chen chúc, nhưng sao không nghe tiếng động. Tiếng động thường hằng của thành phố mà chúng ta sống cùng nhưng không cảm thấy, chỉ khi nào mất đi như những hôm cấm đường, đình công, bãi thị, giới nghiêm mới nhận ra. Quái dị, ở đây ban ngày, người đầy ứ mà sao thành phố lặng lẽ một cách kỳ dị; sự lặng lẽ của đám đông trong buổi biểu tình sau khi dứt tiếng hoan hô đã đảo... Chung quanh Hồ Gươm có nỗi im lặng ghê rợn lạ lùng này. Người đông nhưng màu áo nhà binh tràn ngập nặng nề che khuất hết vẻ rộn rã. Đông nhưng không nghe tiếng rì rầm sống động của con người di chuyển và đang sống. Quanh Hồ Gươm có đám đông thiếu sức sống của người. Tôi run tay, khó thở, xe lại bít bùng vắng vát, gió lùa từ cửa sổ vào thành một luồng gợn gợn, trong đầu lại vang vang câu thơ Trần Dần. Tôi bước đi không thấy phố thấy phường. Hôm nay quanh Hồ Gươm, câu thơ lại mang thêm cường độ công phạt tàn bạo. Tôi nghĩ đến lời thơ được sửa đổi: Tôi bước đi không thấy phố, thấy người... Phải, tôi không được thấy người giữa lòng Hà Nội quanh Hồ Gươm...

Xin ngã mũ chào người cộng sản miền Bắc, các anh đã hơn Nga Xô đã hơn Trung Cộng, một thành phố có sức sống cổ kính dài lâu, mãnh liệt như Hà Nội chỉ sau mười chín năm trở nên thành phố "vô tính". Các anh đã thành công khi xóa sạch hết biên giới con người, không còn người già người trẻ, không phân biệt thiếu nữ hay thanh niên, không chia loại trí thức và lao động, không cách xa giữa thiếu nhi và người lớn. Tất cả đều được đoàn ngũ hoá, hệ thống hóa, tổng hợp và vô tính hóa... Con người muôn thuở của Hà Nội đã được "bạch hóa" đến cực độ chỉ sau mười chín năm tôi luyện... Ông Karl Marx, Lenin có bao giờ nghĩ đến một hiện thực cộng sản "đỏ" đến thế này ở một nước Á Châu không? Và kinh khiếp hơn, Hà Nội vẫn còn nguyên yếu tố thiên nhiên, kiến trúc; còn nguyên đủ hệ đường lát gạch, hàng cột điện với ngọn đèn ngày trước, cây sấu xanh, lá bàng dày, chuyên tàu điện xưa cũ đi về, mặt nước hồ lặng lẽ gợn rung rinh Tháp Rùa rêu phủ... Tất cả còn nguyên, đủ nhưng tại sao Hà Nội lạnh đến kinh khiếp ngỡ ngàng. Thành phố, không khí và con người đã được "bạch hóa" đến độ này sao? Câu hỏi biến thành niềm xao xuyến mộng mênh kéo dài đến hôm nay. Ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội.

Dự khán buổi trao trả tù binh Mỹ, hai anh Thái Lan ngỡ ngác giữa một chốn hận thù hỗn độn... Nghĩ đến những nhân vật của Gheorghiu, thấy ánh mắt bừng sáng vui sướng và hy vọng, bước chân đi lại theo động tác cơ bản thao diễn lúng túng, bàn tay run run đặt cái chào đúng thế của những người tù vừa được trở lại vị thế người lính... Cảm xúc đầy ứ làm nóng mắt. Bỏ qua những dự tính chiến lược và chính trị, người lính trong chiến tranh, bất kể quốc tịch và cấp bậc vẫn là kẻ gánh hết thống khổ điều linh. Người tù, kẻ ở đáy cuối cuộc đời gió bão. Đi theo một toán tù binh Mỹ đến sát đuôi chiếc C141, người nữ y tá hôn nồng nàn mỗi người trở về... Thấy thương người, thương đời, trạnh nhớ tù binh ta, tù binh cộng sản... Có những xa cách và khác biệt nào? Cảnh phát cờ khởi loạn ở bờ sông Thạch Hãn của tù binh cộng sản lại ám ảnh trong lòng. Thủ hận vì ý thức hệ có thể là một tính chất căn bản được chăng?

Cũng chẳng muốn đấu trí, đấu khẩu, nhưng những phóng viên trẻ tuổi Đông Âu cứ bao quanh rất cuộc phải đi đường nói láo.

- Tôi và người này (Tôi chỉ vào anh chàng có nhiệm vụ theo tôi, một phóng viên Bắc Việt) là bạn học cũ!!!



- Thật không?

- Thật...

- Đại úy cho biết ý kiến về B52?

- Anh bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi lăm.

- Hai mươi lăm quá trẻ, anh phải đợi vài năm nữa mới hiểu được Việt Nam. Anh chưa có khả năng phân biệt tiếng nói của tôi (người Trung) và anh này (phóng viên cộng sản người Bắc) làm sao anh hiểu được diễn tiến chính trị Việt Nam. Không phải lỗi anh, chỉ vì anh quá trẻ so với chiến tranh này. Chỉ nói thế cũng thấy mệt, thấy thừa. Đi lòng vòng ở sân bay chụp hình loạn xạ cốt đợi giờ về.

Buổi trao trả xong, anh phóng viên áo trắng, (cũng chẳng cần hỏi tên) người bám sát tôi từ sáng, kéo riêng ra một góc để ngồi nói chuyện tâm tình. Nghe có tiếng cười mỉa mai im lặng trong lòng. Một tháng rồi, tôi đã qua bao nhiêu lần "nhất trí", hoà giải... để kết thúc với "B-52". Bây giờ thì cũng thế thôi. Ngồi xuống cỏ, mời thuốc lá và lại bắt tay: Anh Nam bao nhiêu tuổi? Người vùng nào? Liếc nhìn sau lưng: Một ống Micro-phone đang ở vị thế thâu... Chán thật! Tôi nói câu:

Đây này, tôi cũng có một máy thâu tối tân hơn máy anh không cần micro, để trong túi bật cái nút là thâu rõ hết trơn... Tôi không phải là nhà báo nhưng cũng chẳng lạ gì nghề này, các anh cất máy đi... Tôi sẽ nói chuyện miền Nam trên tư cách là người trẻ, người lính miền Nam...

Bị bắt gặp tại trận, anh "bạn tâm tình" phải dấu cái micro. Không có sự thận trọng và liêm sĩ trí thức của một người bị bắt gặp làm việc lén lút. Nản đến tận cổ, ê chề đầy cứng người, nhưng cũng gắng "thuyết trình" hết bài báo chí tự do miền Nam, dẫn chứng bằng tờ Sóng Thần ngày 3-3-1973 có hình ảnh người Huế biểu tình ở Bãi Dâu và hội ký của hội chánh viên Nguyễn Anh Tuấn. Nói cũng "ngon" như bình thường nhưng biết rằng sẽ vô ích. Bức tường đá cổ chấp không kể hờ sẽ không để sự thật đi vào. Sau lưng lại thấy dí dí một cái micro khác... Đ.m... Muốn chửi thề một tiếng thật lớn...

Ngồi đợi máy bay quay cánh quạt để dọt. Tôi nhớ Ngã Năm, Ngã Sáu Sài Gòn, đường Trương Minh Giảng, Lê Văn Duyệt giờ này đang tan sở... Mùi xăng, hơi nắng, hơi nhựa hừng hực, nhưng cảnh "địa ngục" dơ bẩn của Sài Gòn mới xa một ngày sao đã thấy vạn phần thương nhớ trong không khí tịch mịch u uất nơi sân bay Gia Lâm bắt đầu mùa hơi lạnh khi trời về chiều... Miền Nam, ban đêm các quán cóc lù mù ánh đèn bán khô cá thiêu, cá mực bỗng nhiên hóa thành từng chuỗi kim cương kết tủa long lanh. Tôi nghe hơi gió Sài Gòn ban đêm, tôi thấy ánh nắng Sài Gòn ban ngày, tôi tưởng hít được mùi tanh tanh mốc mốc vùng bến Chương Dương, Vân Đồn. Cảnh dẫu nghèo, dơ cũng là cảnh người, cảnh có sức sống. Sài Gòn, hỗn độn, nóng bức, khô khan bắt đầu từ giờ đây là quê hương cuối cùng, quê hương để bó xương, chôn thịt... Chắc chắn phải là như thế. Bao năm sống ở miền Nam cứ nuôi một tâm lý "sống gởi, thác về" không thiết tha, không xưng tụng. Khổ nỗi, nếu xưng tụng thì mang tiếng "văn nô"... Nhưng hôm nay tôi phải viết, phải bốc, phải hét to, Sài Gòn, Quê Hương Tự Do cho người, nơi đã từ lâu chỉ có nỗi phũ phàng. Xin lỗi miền Nam quý giá và bao dung, xin lỗi Sài Gòn nồng nhiệt. Tôi đã phụ người quá lâu.

Kéo một nụ cười nhạt thếch vì máy bay đã quay cánh quạt mà Trung Tá Bùi Tín còn "công tác" với giọng thân mật...: Nam thấy mấy chiếc Mig kia không? Hạ mấy trăm thùng Mỹ rồi đó! May quá, cánh quạt quá ồn để không cho anh ta nói tiếp về B-52!

Bay cao, hãy bay cao hẳn lên, chẳng cần quay lại nhìn sông Hồng, sông Đuống... Bay thật cao và nhanh, qua đèo Ngang, qua Đổng Hới thật nhanh để đưa tôi về miền Nam... Phía tây ánh mặt trời đỏ ối từ từ chìm dần vào bóng đêm, tàu ép tay trái vào đất liền, ánh lửa vùng Long Khánh chập chờn rực rỡ. Đất miền Nam. Nghe cơn sóng dầm ám trong lòng vang dội. Tôi về Nam - Miền Nam.

Đọc lại bài viết của năm trước để xét xem đã viết trong một "áp lực" nào không, nhưng cuối cùng vẫn phải nhìn nhận. Tôi đã viết thật đúng, thật trung thực, tôi không thổi phồng sự kiện, không "quốc gia hóa" cái nhìn, cũng không văn chương hoá, bi thảm hóa sự kiện, cảnh sắc và yếu tính của Hà Nội. Sau này, những chuyến đi khác chỉ còn là một công tác bắt buộc, thiếu hào hứng, đầy nhọc mệt và nhàm chán, tuy thế nhưng cũng có một vài đền bù như được đến Văn Miếu, Viện Bảo Tàng nơi tập trung khá đầy đủ các di tích văn hoá do viện Bác Cổ trước kia sưu tập và các cuộc tìm kiếm sau này của chính quyền miền Bắc. Nhưng chỉ là những vui thích "kỹ thuật", được thấy và biết thêm nhiều điều để mở rộng kiến thức. Xúc động từ chuyến đi đầu tiên hoàn toàn mất hẳn.

Đọc lại bài viết cũ nhân dịp xem một đoạn phim quay tại Hà Nội và miền Bắc hơn hai mươi năm trước. Cuốn phim tuy non yếu về kỹ thuật, hồng hoàn toàn trên tất cả mọi khía cạnh nhưng quả tình đã giúp cho tôi soi sáng được một phần nào ấn tượng đẹp đẽ về Hà Nội. Dù ống kính đã thu hình Hà Nội với non yếu kỹ thuật và thiếu vắng nghệ thuật, nhưng đoạn phim Kiếp Hoa ấy đã ghi đủ những cảnh sắc và tinh thần Hà Nội... Đó là một nơi chốn tươi mát, hồn hậu và thân mật, những hè đường đầy trầm trầm tiếng guốc, bờ hồ thăm tàng cây, mặt nước loang nắng, hắt hơi mát lạnh xanh xao lên lớp vỏ cây dùi dàu, và những "người Hà Nội" thanh nhã chậm rãi đi lại trên lối nhỏ im bóng lá sinh động hiện thực phẩm tính lịch lãm nhẹ nhàng của thủ đô văn hóa, nơi văn minh Việt Nam đã khai phóng nên thành hình tượng. Tôi nhìn lên màn ảnh, bỏ qua hình ảnh của các tài tử vốn chỉ là đào kép cải lương Bắc Việt, bỏ đi giòng nhạc đệm nặng nhọc, ngớ ngẩn, để chỉ thấy lại một khối Hà Nội rực rỡ trong nắng, để thấy Hà Nội trầm mặc trong mưa, một di sản văn hoá cao quý mà tiền nhân đã gây dựng nên và trao gởi lại... Thấy trên màn ảnh, nhớ lại cảnh sắc của lần đầu tiên đến Hà Nội với cảm giác náo nức trên mỗi thước đường đi qua, chông chênh, chông chênh cứng đờng nổi thất vọng khi nhìn khối dân chúng lặng lẽ dị thường của buổi chiều Chủ Nhật 4-3-1973... Kinh dị thật. Chủ nghĩa Cộng Sản đã đánh gục được tâm chất Việt Nam sâu thẳm ngay tại thủ đô văn hoá miền Bắc. Tôi bàng hoàng với sự thật tàn bạo ghê gớm âm thầm này. Cảm giác của một năm về trước...

Qua đoạn phim cũ, tôi được nhắc nhở thêm một điều. Chiến tranh đã quá lâu trên quê hương. Cảnh tượng của đoàn người tản cư chạy loạn trên đường đê, trên cánh đồng chiêm dù chỉ được đạo diễn dựng nên nghèo nàn, ấu trĩ, vụng về, nhưng bóng dáng những đứa bé Việt Nam ôm tay nãi, đầu đội nón rách, chân trần đi trên con đường quê điều tàn, gót chân trẻ thơ vãi vãi tội nghiệp bước lên lớp đất nứt nẻ phủ bụi mờ đã như cơn tấn công phũ phàng nhất, đập mạnh vào cảm xúc, gây nên choáng váng. Hóa ra chiến tranh thật sự đã quá lâu, gần ba mươi năm máu lửa tràn ngập, tác động tiêu hủy lên bao nhiêu thế hệ. Đứa trẻ trong đoạn phim giờ này đã lớn, chắc rằng hiện đang lập lại cảnh đời cay nghiệt với lửa đạn có thật ở một nơi nào đó của quê hương. Cuốn phim quay khoảng 1952, 1953, các ngôi đình tan tác trong phim chắc rằng vẫn giữ nguyên hình trạng tang thương vỡ nát đó ở hiện tại, và biết đâu lại không bị suy sụp, hư hao, hủy diệt nhiều hơn... Đau đớn thật, một quê hương đẹp đẽ, đôn hậu hiền hoà như quê hương ta trong ba mươi năm chưa được hưởng trọn một ngày thanh bình!! Chỉ có bóng dáng thường trực của bom đạn, chỉ có ám ảnh hằng hằng của sự chết, chỉ hằng chuẩn bị miền man

để chạy loạn, tản cư... Cay đắng quá: Hòa Bình, tiếng gọi linh thiêng màu nhiệm này sao vẫn còn vắng mặt. Hòa Bình, giấc mơ thiết tha mà toàn khối Việt Nam đang mong tới đã vắng mặt ba mươi năm. Ba mươi năm chiến tranh. Chiến tranh ba mươi năm... Những người Cộng Sản có nhớ điều đau đớn, tan vỡ này không?!!

Tháng 4-1974

## NHỮNG NGƯỜI LỠ LÀNG

Bây giờ, một giờ chiều của ngày 24-7-73, cuộc trao trả tù dân sự tại địa điểm Lộc Ninh đi vào bế tắc. Cộng sản tập trung một số đông dân chúng và cán bộ chung quanh lều trao trả tạo áp lực vào khối tù nhân đang và sắp được trao trả, số người này sẽ được dàn cảnh ào hẳn vào lều trao trả để tạo nên những cảnh hỗn loạn như đã xảy ra tại Quảng Trị, Quảng Ngãi. Tôi đã quá đủ với chiến thuật gây rối này, đồng thời chỉ thị cũng đã nhấn mạnh: Nếu cộng sản vi phạm thủ tục thì phải hoãn trao trả. Cuộc trao trả tạm ngưng, tôi cùng Trung Úy Nội sắp sửa trận đánh tuyên bố đình hoãn trao trả và quy trách nhiệm cho Việt Cộng vì họ đã gây trở ngại cho công tác. Những lý lẽ này phải được thông báo chính thức cho Ủy Ban Quốc Tế, minh xác quan điểm của Việt Nam Cộng Hòa. Hôm nay là ngày công tác chốt của phái đoàn Gia Nã Đại và những người trong Ủy Ban Quốc Tế cũng đã thấy rõ được thực chất và khả năng của nhau sau sáu tháng hoạt động. Những điều khoản của Hiệp Định, Nghị Định Thư quả tình đã bị vô hiệu hóa trước tình thế và thực trạng của Việt Nam, chưa nói đến sự cứng rắn bất chấp vô liêm sỉ của hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi. Họ đã đánh mất tư cách "Quốc Tế" của Ủy Ban khi khai triển tới đa sự nhất trí đoàn kết giữa những người cộng sản. Sáu tháng qua hàng chục lần trao trả ở nhiều địa điểm, tôi đã quá nã nề với ủy ban "Quốc Tế" này, nhưng lời lẽ thông báo sắp nói vẫn giữ đúng cốt cách trang nghiêm của một "đại biểu".

- Kính thưa quý vị, trước tiên là lời cảm ơn nồng nhiệt của chúng tôi. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, vì quý vị đã đến đây giám sát và quan sát cuộc trao trả... Đồng thời trình bày cùng quý vị lý do vì sao chúng tôi phải tạm đình hoãn cuộc trao trả...

Anh Trung Úy Nội vắn vẹo mấy chữ Ăng-Lê để phiên dịch. Tôi lim dim mắt vì ánh nắng nhưng thật ra đang dò xét xem phản ứng của anh Thiếu Tá Vầy (Việt Cộng) để tìm hiểu ý định của hắn ta. Thoảng trong tiếng gió có tiếng hát cao vút vang vang, tiếng hát hòa nhịp bởi âm thanh của một chiếc Tây Ban cầm... Quê hương, hòa bình, cầu mong hết chiến tranh, những bài hát của Phạm Thế Mỹ, Trịnh Công Sơn được diễn tả bởi giọng hát tuy không điêu luyện sành sỏi nhưng vang dội nhiệt tình trong sáng. Những người sinh viên "tranh đấu" được trao trả ngày hôm qua (23-7) nay đang tập họp trong một chiếc lều gần lều của chúng tôi để đợi được phát biểu nguyện vọng với Ủy Ban Quốc Tế, đồng thời yêu cầu tôi (chuyển qua lời của viên Thiếu Tá Việt Cộng) ký nhận và bảo đảm cho họ trở về Sài Gòn trong tư thế nguyên thủy. Chỉ là những sinh viên tranh đấu cho hòa bình dân tộc.

Nhóm sinh viên gồm hai mươi người, có những người "nổi tiếng" như Võ Như Lan, Trịnh Đình Ban, Cao Thị Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Nguyễn Thành Công. Tất cả can tội phá rối trị an vì các vụ biểu tình xuống đường đòi hủy bỏ chế độ quân sự học đường, chống chiến tranh, chống Mỹ, chính quyền Tổng Thống Thiệu và đòi quyền sống.

Tôi trình bày ý kiến cũng để trả lời cùng Vầy:

- Những người này được trao trả vào các đợt 7, 8 của ngày hôm qua 23-7 tại địa điểm này và hôm nay họ đưa yêu sách chính quyền Việt Nam Cộng Hòa phải nhận họ lại, trả tự do vô điều kiện và cam kết không bắt giữ lại. Với vị thế là một nhân viên Ban Liên Hợp Quân Sự phía Việt

Nam Cộng Hòa, tôi từ chối xác nhận cam kết này vì tội trạng của những người trên đã cấu thành bởi hành động được ghi rõ trong hồ sơ, tôi cũng không thể nhận họ về với tư cách "chỉ là những sinh viên học sinh bị bắt giữ vì tranh đấu" vì như thế là gián tiếp phủ nhận tính chất của công tác trao trả. Đây là cuộc trao trả giữa hai bên miền Nam về những nhân viên dân sự bị bắt giữ. Tôi cũng không có khả năng để cam kết một điều khoản vượt quá xa trách nhiệm của một sĩ quan trung cấp, hơn nữa trên thực tế những người này đã được trả ngay hôm qua, hôm nay phía Việt Nam Cộng Hòa không còn trách nhiệm nào với họ (theo thủ tục trao trả, lời phát biểu nguyện vọng chỉ có giá trị khi cuộc trao trả đang diễn tiến mà thôi).

Tôi chấm dứt vấn đề bằng những lý lẽ có hệ thống, các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế gạt đầu tán thành, ngay cả những anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thường ngày vốn yểm trợ Việt Cộng ra mặt nhưng hôm nay trước tính chất "lô-gích" của sự việc cũng đành phải ra chấp thuận lý lẽ của chúng tôi. Tôi nói tiếp:

- Tóm lại, vấn đề hai mươi sinh viên học sinh này đã được vượt khỏi giới hạn của chúng tôi và quý vị (chỉ UBQT) vì nhiệm vụ "chúng ta" chỉ là quan sát cuộc trao trả những nhân viên dân sự thuộc hai bên miền nam Việt Nam, nay những người sinh viên này bảo rằng họ không thuộc hai thành phần đó, nhưng là một thành phần "thứ ba" trung lập... Thì tôi nghĩ rằng, vấn đề cũng đã ra khỏi điều 7 của Nghị Định Thư (điều 7 Nghị Định Thư chỉ nói đến việc trao trả Nhân viên dân sự hai bên miền nam Việt Nam). Tôi dứt điểm cú chót bằng bằng có rất cụ thể: Các điều khoản của Hiệp Định và Nghị Định Thư.

Các anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thờ dãi, trao đổi ý kiến để kiếm đường giúp đồng chí nhưng cuối cùng chỉ phát biểu một ý kiến rất náo nê: "Chúng tôi ghi nhận sự kiện về các người sinh viên..."

Tôi thắng cuộc, một trở ngại lớn của vấn đề trao trả đã được vượt qua. Nhưng đó chỉ là tôi một phía, phía của công vụ, của con người bồn phận được ấn định bởi bộ quần áo đang mặc, cấp bậc trên cổ áo. Còn có một phần người khác đang lằng đằng giữa một vùng phiến muộn hiu hắt, phần con người đang nghe những câu hát lòng lộng, con người đang nhìn thấy những ánh sáng trong vạt vị tha trong tia nhìn của hai mươi người tuổi trẻ. Vấn đề của họ không bao giờ giải quyết được.

Phải nói thật, từ lâu nay tôi vốn không tin phẩm cách và khả năng của lớp sinh viên tranh đấu, những người tuổi trẻ xuống đường với những mục tiêu chiến thuật đoản kỳ như chống quân sự học đường, chống động viên, chống chính quyền, người Mỹ và chiến tranh. Những sinh viên trong nước như Huỳnh Tấn Mẫm, ở nước ngoài như Đoàn Hồng Hải, Nguyễn Thái Bình... Trong tư thế một người lính tác chiến, chịu những khổ ải và đau đớn cụ thể nhất của chiến tranh, sống trong lòng cuộc chiến tàn ác phi lý, lạ lùng, tôi đã cố gắng hết sức để tồn tại đồng thời tìm lời luận giải thích cho hành động. Thế nên dù có "phản chiến" đến mức độ nào chăng nữa, sẽ vô cùng phi lý khi quy trách nhiệm cuộc chiến này lên chính phủ và người lính Việt Nam Cộng Hòa: giai tầng đau đớn nhất của cuộc chiến. Tôi không thể nào chấp nhận những luận cứ buông sủng vô điều kiện, những lý lẽ hàm hồ hoan nghênh sự chiến đấu hợp lý của những người lính cộng sản và thái độ thờ thượng chống chiến tranh ở hình thức khá ó, bệnh hoạn. Trong khoảng tháng 7-1972 tôi viết một bài đã kích đấm sinh viên này ở tuần báo Điều Hâu, một bài báo bốc lửa, cấu tạo bởi những từ ngữ mạnh mẽ dậy nên từ một tâm thức phẫn nộ, bài viết đã cấu thành sau khi ở miền Trung từ thành phố đẹp Quảng Trị, dọc Đại lộ Kinh Hoàng trở về... Tôi đã viết bài báo với cơn giận làm run tay, trước mắt chập chờn những mảnh áo cháy xém bay phát phơ trên đồng cát xám từ những xác chết co quắp. Những người dân bị pháo cộng sản chết trong ngày 1-5-1972. Lòng tôi căng thẳng trên hình ảnh tai ương uất ức đó; thế nên, nhìn mặt chiến tranh, cố tìm hiểu lý do tại sao người cộng sản đã giết người tinh táo đã là

ám ảnh não nề hàng mỗi giờ, mỗi ngày khi đối diện với những kẻ thù còn rất mới qua chiếc bàn rộng trải nỉ xanh. Trong tình huống này, tôi nhìn Ngô Bá Thành, Trần Ngọc Châu, Huỳnh Tấn Mẫm như những kẻ mắc chứng dở hơi bị ám ảnh bạc nhược, được thôi thúc hướng dẫn bởi một khối chỉ đạo tinh ma già ngon, hơn thế nữa tôi đồng hóa họ với những kẻ giết người. Thời đại này xây dựng trên tan vỡ, mâu thuẫn và phi lý, cả một khối đồng nhân loại đang bị đốt cháy dưới tiếng chuông cảm thú kiểu thí nghiệm Pavlov, tiếng chuông bí ối này vang động những danh từ đẹp đẽ: Giải Phóng, Tự Do, Hòa Bình... Nên lũ người phản chiến reo hò trong đường phố Sài Gòn, nơi công viên Mỹ Quốc theo sau chiếc hot-pants của ả đào cõi trường Jane Fonda, thật đang đùa cợt, hân hoan sỉ nhục những cái chết đau đớn của người dân Việt Nam. Tôi nhìn những người "tranh đấu" qua nhãn quan khắc nghiệt uất hận này.

Nhưng hôm nay, khi nghe tiếng hát trong sáng lồng lộng trong gió, khi thấy nét mặt tinh anh của Nguyễn Thành Công lúc tiếp xúc với viên Đại Tá Hung Gia Lợi dù đôi mắt đã có vẻ lạc thần, giọng nói đã đượm màu mệt mỏi. Tôi thấy được một điều lạ ở những người tranh đấu, tôi tìm được kẽ hở của vấn đề, lời giải thích về hiện tượng phản chiến đồng thời có nỗi hận khác bùng nổ theo với tốc độ chóng mặt: Quả tình Cộng Sản đã và đang hủy diệt hàng bao thế hệ bởi ngọn đòn sơ đẳng: Thêu dệt và lập đi lập lại một số danh từ hàm súc trong một hệ thống luân lý chặt chẽ để quyến rũ con người theo tiếng gọi của máu. Sự khám phá gây nên nỗi giận hờn chen thêm niềm thương cảm xót xa. Tôi đã biết.

Phải, tôi hiểu rằng nhóm sinh viên đang ngồi ở dưới tàng cây cao su, đang gây nên những âm thanh trầm lắng với tiếng hát nhiệt thành trong sáng kia quả tình không thể nào là những người cộng sản được. Họ không thể nào là những người cộng sản chuyên chính, dù cho họ đã vào khu học tập, dù đã là cán bộ nội thành làm nhiệm vụ sinh viên vận theo đường lối và kỹ thuật đấu tranh phát xuất từ cục R, kiểm soát và điều hành bởi ủy viên thanh niên thuộc Thành Ủy Sài Gòn-Chợ Lớn. Họ cũng không phải là cộng sản dù có chứng minh thư xác nhận là thành viên của Đảng Lao Động, hoặc thành viên của Đoàn Thanh niên trong Mặt Trận Giải Phóng... Vì tiếng hát, điệu đàn, nét mặt và lời nói tất cả vẫn là phản ảnh của một hoài bão, hoài bão bất diệt của tuổi trẻ. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh bí bưng của đời sống hiện tại, đấu tranh và xây dựng một quê hương rạng rỡ tốt đẹp hơn. Và chính phát xuất từ ý định đẹp đẽ mơ tưởng này, hoài bão của họ đã được đồng hóa với mục tiêu chiến thuật đoản kỳ của cộng sản. Và họ trở thành loại cán bộ tiên phong đặc lực thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài Gòn, nơi giảng đường, trong lòng cộng đồng tuổi trẻ Việt Nam. Bởi Cộng sản không bao giờ đại dột lộ hẳn bộ mặt của mình từ đầu, trái lại chúng đã "phục kích" tuổi trẻ bằng cách "tặng" không một số sách lược tranh đấu, cung cấp phương tiện và kỹ thuật sách động (Vì còn ai hơn người cộng sản Việt Nam, khối nhân lực vô tận luôn luôn gài người, xách động, hướng dẫn các cuộc đấu tranh, dù bắt đầu với những mục tiêu lành mạnh, hữu khuynh)... Dần dần cán bộ cộng sản đưa ra một vài mục tiêu "chiến thuật" như chống đi lính cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, được nguy trang thành chương trình chống quân sự học đường, động viên, những mục tiêu đoản kỳ nhưng sinh tử đối với sinh viên. Và cứ thế tiếp tục xâm nhập dần vào phong trào đấu tranh để biến thành vận động chống chiến tranh, thực hiện hòa bình cấp thiết... Mục tiêu dần lộ mặt cùng với những vận động khắp nơi trên thế giới. Vô tình để trở nên hữu ý, những người xuống đường dần thấy những ước vọng to lớn của mình phù hợp với cương lĩnh của Mặt Trận, nên từ chống Mỹ, chống quân sự học đường đến chống Mỹ cứu nước chỉ là bước nhỏ của vấn đề kỹ thuật. Cuối đường, chính thể Việt Nam Cộng Hòa cùng cộng đồng miền Nam tự động biến thành những đối tượng thù nghịch khi đã thấm sâu lý luận: "Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh cách mạng chống với chiến tranh phản cách mạng do Mỹ Ngụy khởi xướng. Chiến tranh Việt Nam khởi động do nhân dân giác ngộ yêu nước, được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới..." Khi đã chấp nhận những chữ "hòa bình, giác ngộ, cách mạng" nằm đúng vị trí trong hệ thống luận lý của cán bộ cộng sản thì tất cả năng lực sáng suốt để soi sáng cuộc đấu tranh hoàn toàn tắt ngấm. Người sinh viên diễn xuất theo động tác

phản ứng có điều kiện gọi nên từ những danh từ đẹp đẽ trên.

Nhưng, như đã nói, những người tuổi trẻ đó sẽ không bao giờ trở thành cán bộ nòng cốt của Đảng Lao Động được vì họ không bao giờ là "giai cấp công-nông". Họ cũng không phải là tiểu tư sản giác ngộ; họ chỉ là những tên lính tiền phong trong đường phố Sài Gòn, nơi buổi họp báo tại trụ sở sinh viên, họ chỉ dùng để chạy tránh hơi cay với một túi ni-lông pha nước chanh, để làm đầy các nhà giam giúp cho cộng sản có thêm lý lẽ: "Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã bắt giam nhiều sinh viên học sinh yêu nước..." Và nặng nề hơn hết thảy: Người sinh viên vẫn còn là "những sinh viên học sinh yêu nước" - Nghĩa là còn một bản vị sinh viên, một cá thể sinh viên, một nhân vị yêu nước... Không bao giờ là "người cộng sản" khi vẫn còn mang tước hiệu đẹp đẽ đó. Người sinh viên, gã anh hùng trong đường phố không bao giờ là người cộng sản thuần túy. Không có trường hợp đặc biệt cho trường hợp những cá nhân này.

Thế nên, khi điều động một số dân chúng và binh sĩ đến để nghe các "sinh viên yêu nước" hát, cán bộ cộng sản đã xác nhận lại vị thế cho các anh, đã nhắc nhở sự xa cách giữa "thành phần sinh viên trí thức" và tầng lớp "công nông giác ngộ", họ đã vạch một ranh giới giữa các bản vị sinh viên và tập thể nhân dân kia, khi họ để anh mặc chiếc áo trắng đẹp nổi bật lên giữa đám dân chúng và binh sĩ cộng sản nghèo đói, xấu xí cũng là lúc tô đậm chữ khai trừ các anh ra khỏi tập thể đấu tranh của Mặt Trận và sự thật cũng vừa xảy đến. Các anh có đấu tranh được những gì ở địa điểm Lộc Ninh, trong lòng người cộng sản. Vai trò anh đã hết. Những người sinh viên tranh đấu Sài Gòn hãy hát cao lên nữa; tiếng hát đó cũng như một làn của Phạm Duy cất lên từ khu tự, trên nương đồi Yên Bái, trên thượng lưu của những giòng sông miền Trung với khí thế say đắm hào hùng và lãng mạn của những ngày "cứu nước" từ mùa Thu 46. Giọng hát của các anh giờ này cũng mang tính chất đẹp đẽ thơ mộng hào hùng đó. Và chỉ có thế, vì bản chất cuộc chiến đã thay đổi, con người đã lộ mặt, vai trò của các anh cũng đã hết, sân trường, đường phố đã xa xôi. Các anh đã lỡ làng trong cơn say đắm của buổi tiệc rượu nấu bằng máu của quả tim nhiệt thành.

Đây là phản ứng thứ nhất, phản ứng thương cảm, bội phục, trong lòng còn có một phản ứng đối nghịch đau đớn khác: Sự giận. Phải, tôi giận dữ, vì những người tuổi trẻ trong lòng cộng đồng miền Nam đã được nuôi dưỡng và lớn lên từ thực trạng đau đớn quê hương. Hơn ai hết, họ phải thấy được bản chất của cuộc chiến Việt Nam. Kết quả tất nhiên của những cường lực thế giới đang tìm cách thế để hòa giải, cân bằng lẫn nhau. Những người sinh viên lại càng phải biết rõ hơn ai hết, thủ phạm gây nên tiêu hủy cấu trúc xã hội ổn định Việt Nam đã trường tồn và vững chắc qua hai nghìn năm dài, một xã hội trật tự, điều hòa, trong đó các giai cấp đã được vô tính hoá, xung đột xã hội được hòa giải do tính chất tổng hợp cùng mạch sống dân tộc. Lẽ tất nhiên tôi không mê muội gì để bảo rằng hai nghìn năm lịch sử của nước ta là mô thức lịch sử không kể hồ; nhưng quá trình vận chuyển lịch sử ấy đã chứng minh tính cân bằng của cơ cấu xã hội Việt Nam, đã là một kết quả tuyệt kỹ. Và như thế, những người tuổi trẻ, lòng mở rộng vị tha, trí sáng ngời hoài bão và tình tự quê hương, thấm đậm cùng nhịp đập của trái tim trung trực lẽ nào không nhận thức được: Chiến tranh này, chỉ là kết quả cuối cùng của chuỗi nỗ lực chuyền gây nên bởi xung động của hai ý hệ cùng phát xuất từ phương Tây, hai ý hệ tuy mang nhãn hiệu đối cực nhưng thực chất cũng chỉ là một phản ảnh biểu hiện tình trạng tan vỡ, suy đồi của cơ cấu xã hội xây dựng trên vật chất thuần lý. Cộng sản, tư bản, tự do, dân chủ, giải phóng, độc tài, thuộc địa: quả tình chỉ là sản phẩm thuần túy Tây phương và chỉ dành riêng cho những xã hội bên bờ Thái Bình. Nhưng khốn nạn đã xảy đến cho chúng ta, những ý hệ xung đột đó đã chọn lựa đất nước này làm chiến trường tranh chấp, đã cân bằng, hòa giải, cùng nhau qua máu xương người Việt. Những người tuổi trẻ phải biết rõ điều này, phải biết rõ trước khi lên đường nhập cuộc, trước khi dự vào trò chơi lớn mà dịp may không bao giờ có, chỉ có một đường sống hay chết cho cá nhân, cũng của cả dân tộc. Thế nhưng những người trẻ tuổi chỉ có một phía nhìn, chỉ có lời giải thích (Thật lố bịch khi đang ở một giai đoạn lịch sử và tự giải

thích giai đoạn ấy theo tiêu chuẩn của mình định đặt) và nguy biến hơn, nhất quyết tin tưởng mình đi đúng đường. Chỉ riêng một mình với cục bộ lý luận riêng.

Những người tuổi trẻ tranh đấu còn mắc thêm một nhược điểm trầm trọng, nhược điểm cốt tủy hình như đã biến thành tổng quát khắp thế giới. Mặc cảm vô vọng đau đớn của người trí thức. Đúng như thế, từ Tây qua Đông trong lòng của Paris rục rĩ đến những góc hẻm của một nước nhược tiểu Á Đông, đâu đâu cũng có một lớp trí thức lòng đầy những ước vọng nhân bản, những hoài bão tuyệt vời nhưng giữa vòng đai ngọt ngào phi nhân của xã hội. Người trí thức trong khi ý thức về giá trị của mình đồng thời cũng thấy hết nỗi tuyệt vọng bi đát của khả năng hạn chế. Vì đây không còn thời đại của cá nhân nhưng là thời của tổ hợp, không còn những thi sĩ, chỉ có giai cấp công nhân, không còn tri thức lẻ loi giữa vòm trời trí thức nhưng là con người nhập thế để chịu sự va chạm toé lửa phũ phàng của đời sống. Và đây cũng là thời đại đối nghịch của tâm linh, những giá trị tinh thần dần dần trở nên hạ giá trước những hệ Sinh Tâm lý. Trong cơn đổ nhào của giai cấp kẻ sĩ, người tuổi trẻ tranh đấu chắc sẽ không ngại ngừng tham gia ngay vào thế giới nơi chiếc chiếu hoa kính trọng đã dành sẵn cho những Sartre, Gide, Malraux, những người đã thử lửa với Cộng sản để dò xem năng lực trí thức của mình; và ở Việt Nam, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Đăng Trùng, Lê Hiếu Đăng. Nếu không võ đoán, thì ắt hẳn khi họ nhúng tay vào máu cũng mang cảm giác hân hoan của người được gột rửa những bạc nhược bất lực của khối trí thức tuyệt vọng để chuyển mình thành những trí thức giác ngộ, yêu nước. Nguy biến đã xảy ra, tan vỡ đã hiện hình, người trí thức tuổi trẻ ắt hẳn trong núi rừng mật khu chắc phải tự kiểm thảo quá trình tranh đấu để nhận thức lại giá trị của chính mình. Chỉ là người trí thức khi mang tâm thức xao xuyến ở đường phố Sài Gòn, trong giảng đường đại học và đã là người lạc lõng, bơ vơ giữa một đám "đồng chí" cách biệt, giác ngộ, lầy lừng bời thành tích và gốc gác giai cấp. Hoàng Phủ Ngọc Tường, tên tuổi sáng chói của lớp sinh viên tranh đấu Huế nay là một ủy viên học vụ ở Gio Linh, cuối đường đấu tranh của nỗ lực trí thức với kết quả tâm phào mặt hạng...(1) Trịnh Đình Ban, Trần Thị Huệ sẽ là gì ở núi rừng Lộc Ninh?!! Hình ảnh trong buổi sáng 24-7, tên Trung Tá gốc "thợ rèn" Năm Tích nửa vừa ra lệnh, nửa vừa coi thường sửa tay sửa chân cho Trịnh Đình Ban để chụp ảnh gây trong tôi cay đắng... Cuối đường tranh đấu chống Mỹ, chống chiến tranh của tuổi trẻ trí thức rút cuộc để được cười hãnh diện vì chụp ảnh cùng Trung Tá Năm Tích, một cựu thợ rèn, lớp cán bộ mùa thu với quá trình đấu tranh cách mạng mà suốt đời Ban không bao giờ thực hiện được. Có phải thế không?! Có phải thế để tiêu hủy mặc cảm dư thừa của đời sống ù lỳ cứng đờng của ba mươi năm trong gia đình và học đường... Người tuổi trẻ tranh đấu, anh thấy gì trong tàng cây cao su xanh thắm ở rừng Lộc Ninh?

*Lộc Ninh - 24-7-1973*

## **NHỮNG NGƯỜI LÃNG MẠN**

Người sinh viên được nhắc nhở đến nhiều nhất trong vòng năm năm trở lại đây, ngồi trước mặt tôi với dáng điệu của một diễn viên không sành nghề đóng một vai trò quá khổ. Huỳnh Tấn Mẫm mặc chiếc áo trắng, quần xanh, chân mang dép, một túi vải lớn có kẻ hàng chữ xác định: Sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm.

Tôi đứng bên cạnh Mẫm để thấy rõ những giọt mồ hôi lấm tấm ở tóc mai đang kết thành giòng chảy xuống má, Mẫm xoắn mười ngón tay vào nhau, anh không có một dáng dấp chế ngự, đập mạnh lên cảm nhận của kẻ khác khi nhìn thấy lần đầu. Mẫm chỉ là một người tầm thường với nét mặt đều đặn bình thường, đôi mắt hơi lé và một gò má cao. Người sinh viên được hầu hết báo chí bám theo từng hành động, lời nói, của những năm trước, người được các hãng thông tấn quốc tế đánh đi khắp cùng thế giới kèm với biến động chính trị Nam Việt Nam, trung tâm thu hút của mọi nguồn tin mà một số đông mỗi buổi chiều mở ti-vi, giờ trang báo đều hướng mắt

vào. Huỳnh Tấn Mẫm, người của dân chào, của hơi cay, khiên mây, áo giáp mà khối Cảnh Sát Dã Chiến hùng hậu nhất thế giới đã đồng ý là mục tiêu số một, "ngon" nhất. Tôi không thấy ở người ngồi trước mặt là người thanh niên có dáng dấp của kẻ gây biến động đó. Mẫm dưới mắt tôi trong buổi sáng này là một người rất thường.

Giữa đám người lao xao cùng chung toán tù, những người tù già, những người tù "cách-mạng", Mẫm lạc lõng hoàn toàn với chiếc áo trắng, đôi mắt xao xác của kẻ bị rơi vào một thế giới hung bạo.

- Anh này là Huỳnh Tấn Mẫm, không thuộc về thành phần trao trả, chúng tôi biết rõ như thế, chúng tôi không cần hỏi ý kiến của anh...

Anh cán bộ cộng sản với quân hàm tương đương thiếu tá bí danh Dũng bỗng nhiên chỉ tay vào Mẫm khẳng định trước cách đối xử. Thật lạ, bình thường cán bộ cộng không bao giờ có những lời lẽ, hành động hấp tấp như vậy, tất cả phải được tập dượt, "hội ý", lấy ý kiến chung rồi mới quyết định. Nhưng sáng nay viên thiếu tá Việt cộng đã làm một biệt lệ (Những người muốn phát biểu nguyện vọng phải đến khi trao trả hết người trong toán mình (hai mươi lăm người) khi ấy mới được hỏi ý kiến về bên tiếp nhận (Mặt Trận Giải Phóng), hay ở lại bên trao trả (Việt Nam Cộng Hòa), Mẫm co rúm người trước lời nói chát chúa thẳng thừng bất ngờ này. Thiếu tá Ngọc của Việt Nam Cộng Hòa đốp chát ngay để giữ tinh thần cho Mẫm:

- Thiếu tá Dũng vi phạm thủ tục, hai bên phải điểm danh sách, đến tên người nào người đó có ý kiến hay không, ở đây không có sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm nào hết, chỉ có danh sách hai mươi lăm nhân viên dân sự do Việt Nam Cộng Hòa trao trả... Yêu cầu thiếu tá Dũng bắt đầu theo đúng thủ tục ấn định...

Cần phải mở một dấu ngoặc về công việc ngày hôm nay: Hôm nay là ngày thứ mười hai của đợt trao trả cuối cùng (Bắt đầu từ 8-12-1974 đến 6-3-1974), Việt Nam Cộng Hòa trả cho Mặt Trận Giải Phóng con số còn lại của tổng số 5081 người (Đã trả số lớn đợt đầu tiên vào tháng 3-73; đợt thứ hai ngày 23 và 24-7-73...). Đợt cuối cùng này cũng là lần quan trọng nhất, ngoài mấy ngàn nhân viên dân sự thường còn có một số tù nhân nổi tiếng mà hai bên có những tính toán riêng khi đem trao trả và tiếp nhận. Đó là những người chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa qua các phong trào vận động hòa bình, các mặt trận chính trị mà mục tiêu là chính phủ của Tổng Thống Thiệu. Năm ngoái, chúng tôi đã đưa về bên kia hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên như Trần Thị Huệ, Trần Thị Lan, Trịnh Đình Ban, Võ Như Lanh, Nguyễn Thành Công... trong buổi trao trả ngày 23-7-73, cũng tại địa điểm Lộc Ninh này. Năm nay chúng tôi có nhiệm vụ "đẩy" một số nhân viên dân sự (NVDS) khác mà tên tuổi đã được dự luận trong cũng như ngoài nước đang cực lực theo dõi đó là các tù nhân Trần Ngọc Châu, Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Long, Huỳnh Tấn Mẫm, Cao Thị Quế Hương, Thiệu Sơn... Phía Việt Nam Cộng Hòa khi đưa những người này để trao trả có chủ tâm chứng minh: Họ chỉ là những người được cộng sản ngụy danh xâm nhập vào sinh hoạt chính trị miền Nam Việt-Nam dưới những hình thức đấu tranh hòa bình dân chủ. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn muốn dọn đường trước cho dự luận thấy rằng: "Thành phần thứ ba" mà Hiệp Định Ba-Lê quy định để tham dự vào Hội đồng Hòa Giải thực tế cũng chỉ là những người "nằm vùng" trên mà thôi. Trái lại, phía Mặt Trận Giải Phóng lại muốn dùng những nhân viên dân sự (NVDS) trên để làm cơ tố cáo: Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đàn áp đối lập, chụp mũ những người đấu tranh cho hòa bình là cộng sản rồi đem "trả ép" về phía Mặt Trận Giải Phóng; mà thật ra chính là những "nhân tố" cần thiết để cấu thành nên lực lượng thứ ba trong ba thành phần của Hội Đồng Hòa Giải theo điều 12 Hiệp Định.

Từ hai phía nhìn đối nghịch, mỗi bên đã có một phương thức giải quyết rõ rệt đối với lớp người



này. Phía Việt Nam Cộng Hòa muốn trả về cho Mặt Trận tất cả những người đấu tranh này, và chỉ nhận về khi họ phát biểu ý kiến "Xin trở về vùng Việt Nam Cộng Hòa". Phía Mặt Trận Giải Phóng lại có cơ tâm khác, họ sẽ không nhận những người này danh nghĩa là những nhân viên dân sự của họ, mà chỉ nhận những người "tị nạn chính trị" Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trong vùng Mặt Trận tạm kiểm soát. Cán bộ cộng sản cũng trừ tính một chương trình nội công ngoại kích tạo điều kiện thuận tiện để những "Nhân Viên Dân Sự" này phát biểu, tố cáo những điều bất lợi đối với Việt Nam Cộng Hòa tại địa điểm trao trả. Phía Mặt Trận đã đưa vào nhà giam tất cả chi tiết diễn tiến trao trả để những người này hình dung và chuẩn bị trước công việc sẽ làm, những lời phải nói; họ cũng "dọn" trước tại Lộc Ninh một số phóng viên báo chí ngoại quốc thiên tả, những luật sư trẻ tuổi của Ủy Ban các luật gia tranh đấu cho Tự Do tại Nam Việt Nam; Ủy Ban Quốc Tế đòi tự do cho những tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam... Những người này đã đến Việt Nam sau hội nghị vận động trả tự do cho các tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam mở tại Paris trong 4-1-73. Bề mặt, không hiểu họ đến với tư cách gì, chỉ biết khi đến Sài Gòn, họ đã được một số cán bộ cộng sản thuộc Thành ủy Sài Gòn móc nối hướng dẫn vào khu để nhận tài liệu, cách điều hành công tác tại Sài Gòn cũng như ở các địa điểm sắp thực hiện trao trả. Tôi không biết rõ các cơ quan tình báo của ta đã hoạt động như thế nào để kiểm soát những nhóm người này, điều ngạc nhiên là họ đi đứng, trang phục và phát biểu một cách gần như công khai tất cả dự tính, hoạt động thiên cộng của họ... Dép da, áo quần bà-ba đen, các tài liệu về tù nhân do cán bộ cộng sản cung cấp. Lễ tất nhiên sự có mặt của đám người này cùng cách đấu tranh cách mạng theo lối Mỹ của họ không phải là một trở ngại cho công việc trao trả chúng tôi. Điều đáng nói là sự chuẩn bị rất kỹ của đối phương để làm nổi bộ mặt Tù Chính Trị, Lực lượng thứ ba tại miền Nam Việt Nam... Mẫn, Long, Châu, Quế Hương khi đến địa điểm trao trả đã thuộc lòng tất cả thủ tục về cách thức phát biểu nguyện vọng, các từ ngữ cần tránh né như từ "VNCH", cách thức yêu sách ghi ở mục cước chú khi phát biểu nguyện vọng. Đám luật sư người Mỹ chỉ một ngày sau khi đến Sài Gòn đã có đủ mấy chục tập báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, tuyên cáo của Phái đoàn Mặt Trận trong Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương về vấn đề tù binh và rõ ràng hơn hết là những tài liệu mà đám sĩ quan cộng sản trong Ban Liên Hợp có được chỉ là những tài liệu đem đến từ nước ngoài... Phải nói thật rộng về vấn đề liên quan đến đám tù nhân nổi tiếng trên để xác định lại một sự kiện: Cộng sản chuẩn bị chu toàn tối đa để khai triển yếu tố "tù chính trị" ở miền Nam Việt Nam... Cuộc đấu tranh giữa chúng tôi cùng với âm mưu trên sẽ được trình bày lại rõ ràng trong đoạn đầu về "Thủ tục trao trả" sau này.

Hôm nay ngày 21 tháng 2-1974, Huỳnh Tấn Mẫn đến địa điểm trao trả, mục tiêu "nổi" nhất của đợt trao trả này. Chúng tôi và cán bộ cộng sản nhập trận. Sau phần giáo đầu với câu nói tấn công bất chợt như trên, thiếu tá Dũng của Mặt Trận bắt đầu lời "chào mừng", xong đến điểm danh từng người một. Người thứ nhất, thứ nhì... Huỳnh Tấn Mẫn đưa tay: Tôi có ý kiến, Dũng đáp ngay: Anh đợi khi trả hết danh sách chúng tôi sẽ giải quyết trường hợp anh. Mẫn ngồi xuống lại, mồ hôi chảy giòng lớn và hai bàn tay xoáy cứng vào nhau.

Danh sách trao trả hết. Dũng lớn tiếng gọi: Xin mời Ủy Ban Quốc Tế, Ban Liên Hợp Quân Sự đến để chứng kiến anh Huỳnh Tấn Mẫn phát biểu ý kiến. Để thực hiện cuộc trao trả và tiếp nhận, mỗi bên đưa ra một sĩ quan đại diện để trao trả hoặc tiếp nhận. Sáng hôm nay phía Mặt Trận đưa thiếu tá Dũng, phía Việt Nam Cộng Hòa có thiếu tá Ngọc. Công việc này tại địa điểm Lộc Ninh chúng tôi gồm có ba người, Ngọc, Chuẩn và tôi thay phiên nhau đảm nhiệm theo tình hình, sáng hôm nay tôi rút lại về vị trí thành viên Trung Ương, không thuộc thành phần trao trả, nhường chỗ cho Ngọc. Cần phải nói qua về anh chàng này, Ngọc người Quảng Nam, từng sống với cộng sản trong thời kỳ 45 lúc Nam, Ngãi, Bình, Phú là Liên khu 5 giải phóng. Gốc Quảng Nam với một kinh nghiệm tích cực nhất đối với cộng sản kinh qua bằng máu xương của mình, Ngọc là đại diện cho thành phần chống cộng đến nơi đến chốn của người quốc gia miền Nam... Tôi báo cho các anh biết: "Các anh lần tôi một bước, tôi sẽ lần lại hai bước, các anh nói

dai một giờ, tôi nói dai một buổi, nếu cần tôi sẽ ngủ tại Lộc Ninh này để "cãi" với các anh..... Các anh nên nhớ tôi là dân Quảng Nam, nơi đã lập tuyến chiến đấu đối kháng với các anh từ ba mươi năm nay, có các anh thì không có tội tôi và ngược lại..." Đó là những lời giao hữu của Ngọc với sĩ quan Mặt Trận. Tên Triệu Tử Long của địa điểm trao trả này hôm nay được dịp "đánh" tối đa với mục tiêu Huỳnh Tấn Mẫm. Tôi rút về vị trí quân sự nhường Ngọc đi xung kích.

Khi đông đủ bốn thành viên quốc tế, hai sĩ quan thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương, Dũng trên tư cách tiếp nhận được quyền hỏi trước. Nhưng thay vì hỏi Mẫm ba câu hỏi đúng theo thủ tục, câu thứ nhất hỏi về hộ tịch: tên họ, nơi, ngày và năm sinh; câu hỏi thứ hai lý do bị bắt; câu thứ ba: Nay muốn xin về đâu, ở xã, quận, tỉnh hay đô thị nào.. Dũng cất cao giọng:

- Đây là anh Huỳnh Tấn Mẫm, sinh viên tranh đấu cho hòa bình, hòa giải dân tộc bị chính phủ Sài Gòn bắt và hôm nay trả ép cho chúng tôi. Chúng tôi khẳng định anh Mẫm không phải là "diện trao trả" nên chúng tôi sẽ không ký nhận anh Mẫm là một nhân viên dân sự của "Chính phủ" chúng tôi, mà chúng tôi chỉ giúp đỡ anh theo đúng ý kiến anh phát biểu...

Mẫm đứng dậy nói lớn:

- Tôi là sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm thuộc trường Đại học Y khoa Sài Gòn, như ai cũng biết trước đây tôi tranh đấu cho hòa bình và hòa giải dân tộc nên bị Chính phủ Sài Gòn bắt...

Ngọc can thiệp ngay: (Thật ra ngay từ đầu, khi Dũng mới nói được câu thứ nhất thì Ngọc đã lớn tiếng cắt đứt nhưng vì để người đọc theo dõi đủ nội dung của lời phát biểu, người viết trình bày theo thứ tự...)

- Chúng tôi phản đối, yêu cầu của thiếu tá Dũng hỏi đúng ba câu hỏi của thủ tục quy định, yêu cầu nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm chỉ được trả lời theo từng câu hỏi... Chúng tôi không chấp nhận sự phát biểu ý kiến này, nếu không, yêu cầu bên tiếp nhận hoặc ký nhận và mang nhân viên dân sự này đi, hoặc không thì chúng tôi mang về.

Anh thiếu úy Hiếu, sĩ quan thông dịch của phía Việt Nam Cộng Hòa, người có tác phong của một sĩ quan cán bộ tại quân trường và khả năng dịch Anh ngữ thì đúng "tiêu chuẩn" chống cộng. Hiếu, vọt lên chiếc ghế, dịch sang Anh ngữ, dịch thanh thoát, nhấn mạnh từng từ ngữ, Hiếu dịch như "vờn" dịch thủ, như "chười" cả một chế độ cộng sản...

- Chúng tôi phản đối! Chúng tôi phản đối! Yêu cầu thiếu tá Ngọc lẫn thiếu úy Hiếu hãy để cho anh Mẫm phát biểu ý kiến của anh ta!!... Dũng quơ tay phân bua cùng đám sĩ quan quốc tế. Dịch cho mấy "ông" quốc tế đi... Dũng xúi thiếu úy Khánh, sĩ quan phiên dịch của Mặt Trận cố gắng phản công Hiếu; vì bây giờ Hiếu không dịch nữa nhưng đang "đánh" bên đối phương bằng khả năng tiếng Anh rất có học, rất chống cộng. Chống cộng đúng sách vở với "chính nghĩa sáng ngời" (Thành ngữ cộng sản thường dùng)... Các anh Ủy Ban Quốc Tế không biết nghe theo ai, cả một nhóm người nhốn nháo... Thủ tục! Thủ tục! Chúng tôi bắt buộc phải áp dụng đúng thủ tục gồm ba câu hỏi và ba câu trả lời!! Ngọc nói như hét. Hiếu lập lại toàn bộ để chấm dứt phần thuyết trình. Mẫm tái mặt, mồ hôi không phải từng dòng, nhưng mồ hôi đầy mặt, lời nói của anh ta chìm vào đám đông, một đám đông đầy đe dọa, chắc nịch từng phe từng khối, rõ rệt vũng vàng. Đây không phải là giảng đường, không phải là trụ sở sinh viên, nơi Mẫm đã từng cất cao giọng trấn áp đối thủ, nơi Mẫm nổi tiếng đánh thép đè bẹp một liên danh đồng bạn, những người tóc xanh mắt sáng, lòng bừng ngọn lửa đấu tranh của tuổi trẻ, cho dân tộc, thiếu hẳn các thủ đoạn chính trị tinh ma... Mẫm, chỉ đã gặp những cường lực chống đối bề mặt đó cùng những phần nộ bấp thịch ở những ngày qua trong các đường phố để rồi chỉ gây nên

phản ứng hận thù hơn bị khuất phục. Nên đây là lần đầu tiên Mẫn thấy được cuộc đấu tóe lửa giữa Cộng Sản và Quốc Gia mục tiêu là chính mình. Một cái có nhỏ nhoi của xung đột căn bản giữa hai ý hệ không hòa giải cùng nhau được. Mẫn sững sờ trước những khuôn mặt đối nghịch, giữa các luận cứ không thể hòa hợp, một bên là Dũng với khuôn mặt xấu xí, bộ răng ủa vàng, đầu tóc ngã màu xám của tuổi già với những sự lập lại chất chúa: Anh cứ phát biểu ý kiến, anh cứ phát biểu ý kiến với chúng tôi, chúng tôi sẽ giải quyết thích đáng... Một bên là Ngọc với âm vang xứ Quảng kiên cường, xứ sở của Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Khôi với lý luận cứng như gạch nung, với quyết chí trong từng âm lượng: Phải áp dụng đúng thủ tục phát biểu ý kiến, thiếu tá Dũng hãy hỏi ba câu hỏi, nhân viên dân sự này trả lời ba câu, đi hay xin ở lại... Ở đây không có phát biểu ý kiến, ở đây không có kích động, tuyên truyền, đừng giờ trò phá hoại trao trả... Chúng tôi sẽ ngưng trao trả ở đây yêu cầu quý vị về lều Liên Hợp Quân Sự để làm việc... (Khi có một vấn đề không giải quyết được tại lều trao trả thì hai bên trao trả, tiếp nhận; sĩ quan của Ban Liên Hợp của hai bên về lều Liên Hợp để tìm cách giải quyết: Thủ tục hai bên ấn định). Trong khi chờ đợi, nhân viên dân sự ngồi tại đây, không ai được tiếp xúc, kích động. Ngọc kết luận mở qua một hướng tấn công mới...

Nhóm người giãn ra, Mẫn ngồi xuống. Tôi nhìn thấy nét mệt mỏi tàn tạ trong ánh mắt của anh. Mẫn đã vào một trận đấu không có ý niệm đủ, trận đánh quá xa lạ, khốc liệt và anh ý thức mình chỉ là một cái có vô nghĩa khởi đầu cho xung đột. Mẫn không còn là sinh viên y khoa Huỳnh Tấn Mẫn, Chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, người dẫn đầu lực lượng xung kích xuống đường phố Sài Gòn đòi quyền sống. Mẫn đã trở thành một cái "có" không hơn không kém, một cái "có" bị triệt tiêu!! Chúng tôi để Mẫn ngồi lại gian lều; đám trật tự của Mặt Trận vây chung quanh xì xào...

Mẫn ngồi lại trong hững hờ sau cơn huyền não tàn nhẫn, hai bàn tay bám chặt trên chiếc băng đôi mắt nhìn về phía trước để tránh hẳn tất cả gặp gỡ, tra hỏi. Nếu chạm phải một cái nhìn bất ngờ, Mẫn cười, nụ cười sẵn sàng muốn thoát khỏi thực tế tàn bạo đang vây bủa.

Tôi ngồi trong chiếc lều của Ban Liên Hợp cách lều trao trả nơi Mẫn ngồi một khoảng ngắn, tai lắng nghe bên ta cùng đối phương phân tích trường hợp Huỳnh Tấn Mẫn và các cách giải quyết. Hôm nay tôi không phải đấu, nhưng nhiệm vụ này lại cho thiếu tá Chương, sĩ quan Liên Hợp cùng Tiểu ban Tù binh với tôi. Chúng tôi đủ sức đè bẹp cái đối phương tội nghiệp ngày hôm nay, như đợt đầu vừa qua giữa Ngọc và Dũng, chúng tôi đã chiếm thượng phong rõ rệt. Cán bộ cộng sản không phải chỉ có ưu điểm; Rành lý luận và biện luận giỏi hơn phe ta; họ chỉ học thuộc bài hơn. Bài học đọc nhất. Nên chỉ lên lớp, vượt đượt "kê vô học", người không quen trận địa miệng lưỡi. Hơn một năm qua ở bàn hội nghị cũng như các địa điểm trao trả chúng tôi đã thấy rõ được bài học của đối phương, nên khi đẩy vấn đề ra khỏi phạm vi bài học, cán bộ cộng sản sẽ ngất ngư đến độ buồn cười. Tên tôi được Chương nhắc tới... "Đại úy Nam sẽ trình bày các chi tiết của thủ tục trao trả ở đoạn nói về các trường hợp tương tự như của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫn và cách thức phát biểu ý kiến..." Chương nhường lời cho tôi.

Tôi bắt đầu: Trước mặt tôi có hai bản thủ tục, một bản của chúng tôi, một bản của quý vị, hai bản có nội dung khác nhau và một vài vấn đề chưa được thỏa thuận, nhưng quả tình cả hai đã thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản để làm "khung" (tôi dùng một từ ngữ của họ) cho việc trao trả và tiếp nhận. Chính trong bản văn của quý vị cũng công nhận tính chất này qua câu kết luận: "Tuy chưa có sự thỏa thuận chính thức của cấp trưởng đoàn nhưng thủ tục trao trả này có giá trị thi hành...". Văn bản của quý vị thiết lập chính thức từ 21-7 đã được xử dụng trong hai cuộc trao trả ngày 23, 24 tháng 7 năm ngoái cũng tại địa điểm này. Và cũng đã từng áp dụng cho trường hợp hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên tương tự như anh Huỳnh Tấn Mẫn. Vì tính chất thực tế và thực dụng của những thỏa thuận căn bản, đã từng áp dụng qua nhiều lần trao trả, hôm nay tôi nhắc lại những điều này để giải quyết trường hợp nhân viên dân sự

Huỳnh Tấn Mẫm"...

- Thỏa thuận thứ nhất là người phát biểu ý kiến chỉ được hỏi khi bên trao trả đã trả hết danh sách trong đó có người ấy.

- Bên tiếp nhận chỉ được phép hỏi ba câu: Câu thứ nhất hỏi tên, họ, năm, nơi sinh; câu thứ hai hỏi lý do bị bắt tức là những hoạt động trước kia gây nên duyên cớ bị bắt giữ, và câu chót hỏi về nguyện vọng (Tôi xin nói rõ ở đây, trong cả hai bản thủ tục chỉ có từ ngữ "phát biểu ý kiến"). Và nguyện vọng ở đây được xác định là nguyện vọng thay vì đi về theo bên tiếp nhận thì xin được ở lại phía bên trao trả. Nguyện vọng này sẽ được thực hiện khi trả lời câu hỏi: Nay xin ở lại quận, tỉnh nào... Sở dĩ chúng tôi đã cấu tạo nên câu hỏi trên vì muốn tránh tính chất khích động từ những câu hỏi: Nay xin về với Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hay theo Chính phủ Lâm Thời; cũng vì muốn tránh những khích động tạo căng thẳng tại địa điểm trao trả nên chúng tôi mới đề nghị dùng ghi chú "xin ở lại" ở cột cước chú để tóm tắt nguyện vọng của người phát biểu thay vì những ghi chú như: Chiêu hồi, tìm tự do, ở lại với bên nào...

Những điều trên tôi vừa trình bày đến quý vị là những thỏa thuận căn bản đã thực hiện qua nhiều địa điểm trao trả. Thế nên hôm nay chúng tôi cần nhắc lại để giải quyết với trường hợp của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm. Chúng tôi sẽ không thể nào giải quyết được vấn nạn mà chắc chắn quý vị sẽ nêu ra: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm không thuộc "diện trao trả", nghĩa là anh ta thuộc về một thành phần thứ ba, thứ tư nào đó. Chúng tôi xin mở rộng vấn đề này thêm một lần nữa để rồi khép lại dứt khoát vì vấn đề này hoàn toàn vượt khỏi khả năng, quyền hạn, trách nhiệm không những của chúng tôi mà cả quý vị. Những sĩ quan của Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên... Như danh từ "quân sự" đã xác định, nhiệm vụ của chúng tôi cũng như quý vị lại được Nghị Định Thư về Ban Liên Hợp Quân Sự xác định thêm một lần nữa, nhiệm vụ đó đã được nêu rõ từng dòng, từng chữ, nghĩa là một nhiệm vụ rất hạn chế và cũng rất cụ thể... Trong phạm vi trao trả, nhiệm vụ của "chúng ta" lại được xác định thêm một lần nữa ở điều 11(d) Nghị Định Thư về trao trả những nhân viên quân sự và dân sự tại các địa điểm trao trả mà cả hai bên thỏa thuận... "Quan sát" có nghĩa là nhìn, ghi nhận và báo cáo các diễn tiến, trở ngại, kết quả của các buổi trao trả lên trường ban của hai bên ở trung ương để các vị này thảo luận hoặc đưa lên cấp trưởng đoàn... Thế nên khi quý vị khai triển trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm để ép buộc chúng tôi phải quan sát, chứng kiến và cuối cùng giải quyết một trường hợp đặc biệt, xác nhận thành phần, lực lượng chính trị thứ ba, thứ tư, hoặc quá đáng hơn nữa, quý vị đẩy chúng tôi vào những cam kết nghiêm trọng như: Trả tự do cho các nhân viên dân sự này vô điều kiện, không được bắt lại, theo đúng nguyện vọng của người ta... Làm sao chúng tôi có thể thực hiện những cam kết, xác nhận như trên, không phải cấp trưởng đoàn của ban Liên Hợp Quân Sự mà ngay cả hội nghị cấp cao ở La Celle Saint Cloud cũng chưa thỏa thuận được về định nghĩa, xếp đặt cho thành phần thứ ba này... Chúng tôi chỉ là những sĩ quan trung cấp của một tiểu ban thuộc ban Liên Hiệp Quân Sự làm sao có thể giải quyết được một vấn đề nghiêm trọng, to lớn và rất phức tạp... Một vấn đề nhiều tính chất "chính trị" rất khác biệt với nhiệm vụ cụ thể của một sĩ quan trong tiểu ban trao trả. Tóm lại, chúng tôi cũng như trong quá khứ của khoảng thời gian tháng 4, 5, 6, 7 năm 73 trong lúc ngồi làm việc với quý vị trung ương để thiết lập thủ tục trao trả, khẳng định lại rằng: Chúng tôi chỉ làm việc theo nhiệm vụ của một quân nhân, ấn định rõ bởi các Nghị Định Thư về ban Liên Hiệp Quân Sự. Trong trao trả và chúng tôi làm việc theo thể thức nào. Đây là thủ tục trao trả hiện đang có trước mặt tôi. Một thủ tục có "giá trị thi hành", từ ngữ của quý vị. Để chấm dứt, tôi xin đúc kết thành khẳng định sau đây: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm sẽ được hỏi theo ba câu hỏi của thủ tục, và cũng chỉ trả lời theo ba câu hỏi đó. Nếu quý vị bảo rằng anh ta không thuộc "diện trao trả", có nghĩa không là đối tượng để trao trả thì chúng tôi gạch tên anh ra khỏi danh sách và mang anh ta về. Tôi chấm dứt.

Bên kia lều trao trả, Mẫn lặng lẽ ngồi nghe, chắc anh đang chọn lựa, so sánh và cân nhắc, những chỉ thị đã nhận trước có lẽ đã không có giá trị với thực tế vừa trải qua. Mẫn đã bị đánh bật ra khỏi địa bàn quen thuộc với những đối lực mãnh liệt, phũ phàng hơn anh dự tưởng. Qua khoảng sân nắng, tôi thấy Mẫn gục đầu.

Cuối cùng, Mẫn được giải quyết trong khuôn khổ thủ tục ba câu hỏi, anh chỉ yêu cầu đừng ghi là "hồi chánh" (lẽ tất nhiên) và ghi rõ nguyện vọng: "Xin trở về gia đình ở Sài Gòn" ở mục cước chú. Tôi mang xác tay cho Mẫn đi về phía lều đợi, sát ở bãi trực thăng, ngang qua lều y tá, Nguyễn Thành Công, Tổng Thư Ký của Tổng Hội Sinh viên, lúc Mẫn là Chủ tịch, tay mang băng "y tá" đưa tay lên chào Mẫn. Hai người tuổi trẻ nhìn nhau thật nhanh, hình như họ cố gắng cười với nhau nhưng không nổi.

Đến lều đợi, ngồi xuống bên cạnh Mẫn, sẵn có trung úy Vương, dân Đại Học xá Minh Mạng quen với Mẫn từ trước, sĩ quan báo chí của phái đoàn gọi chuyện; tôi tìm lời nói mở đầu thân thiện nhất. Tôi tự giới thiệu, Mẫn gật đầu xác nhận có đọc qua những bài báo của tôi. Lấy đà từ sự kiện này tôi nói cùng Mẫn:

- Trước kia tôi rất chống đối hoạt động của anh, ở vị thế của một người lính chiến đấu, từ chiến trường nhìn về một hậu phương hỗn loạn trong đó các anh nhân danh hòa bình, dân tộc để đòi chấm dứt chiến tranh, nhưng trong cách thể đấu tranh đó các anh đã đề cao người cộng sản và sỉ nhục chúng tôi. Chúng tôi còn gọi đó là thái độ vong ơn với những kẻ góp máu để các anh sống ở hậu phương, không những chỉ chống đối, tôi cũng nhìn các anh như là những hiện tượng cần phải hủy diệt, đánh nát. Nhưng bây giờ, sau những ngày sống cùng sinh hoạt này, tôi biết được thêm nhiều chuyện, biết để nghĩ rằng thái độ của mình trước kia tuy căn bản không sai nhưng quả tình thiếu nhiều tinh tế và quá hạn chế. Trước thì tôi nghĩ các anh bị cộng sản giật giây, nếu không muốn nói là cộng sản chính cống, nhưng bây giờ qua hai năm sống và tranh đấu trực tiếp cùng họ, hai năm chìm ngập trong hoạt cảnh bi thảm tù tội, tôi có những ý kiến khác về anh, về anh Công, rộng rãi hơn về những người tranh đấu chống chính quyền. Tôi nghĩ trừ một thiểu số nhỏ, những "nhân tố cơ sở" (chữ Việt cộng) mà cộng sản "cấy" vào lòng các tổ chức sinh viên, các tổ chức tranh đấu hòa bình là những cán bộ cộng sản đích thực, còn ngoài ra, anh hay các bạn trẻ dù có nhận tài liệu từ khu đưa vào, dù có được đón đi vào Hồ Bò, Bến Mương, Tây Ninh học tập, các anh vẫn chưa là người cộng sản, không bao giờ có thể là người cộng sản, cộng sản thuần túy từ lý lịch quá khứ đã tạo dựng lên. Các anh chỉ là những người trẻ tuổi không muốn thỏa hiệp với một chính phủ nhiều sơ hở, nhiều khuyết điểm, tôi không thể phủ nhận tính chất này và có muốn phủ nhận cũng không được, vì ngay cả ông Thiệu, ông Hương cũng đã báo động về tham nhũng, đã kêu gọi tiếp tay để diệt trừ tham nhũng. Trước một xã hội như thế, hoài bảo, trí thức và lòng tự trọng của tuổi trẻ không cho phép các anh thỏa hiệp, và các anh phải phát cờ tranh đấu. Nhưng tranh đấu thì phải có kỹ thuật, tranh đấu phải có mục tiêu. Thế thì còn ai ngoài người cộng sản để tặng đến cho các anh hai khí giới chiến thuật cần thiết đó. Và dần theo sự giải thích của họ, anh thấy mục tiêu của mình "có vẻ giống" mục tiêu của họ. Anh nhận thấy họ cùng anh ở một tuyến chiến đấu. Nhưng vấn đề không dừng lại ở đây, những mục tiêu chiến lược gói trọn cả hoài bảo tuổi trẻ của anh đối với người cộng sản chỉ là một mục tiêu chiến thuật đoản kỳ. Đối lại thái độ nhận họ vào tuyến chiến đấu chung của các anh, thì họ chỉ xử dụng các anh như những đội ngũ tiên phong ở một vài giai đoạn nào đó, trong một vài địa bàn nào đó, như những năm 1966 - 67 ở đường phố Sài Gòn. Họ luôn luôn bảo vệ lực lượng chiến lược căn bản gồm những công - nông trung kiên với "đảng tính" tinh truyền, các anh chỉ là những "trí thức trẻ" thặng dư để lót đường trong một chiến dịch. Một chiến dịch chứ không là trận đánh cuối cùng, quyết định. Nhưng đến đây, tôi cũng phải nói rõ niềm thán phục của tôi đối với anh; những người tự bỏ đời sống bình yên để dấn thân vào cuộc đấu tranh mang đến nhiều cay đắng, thua thiệt. Nếu như những người khác, giờ này anh và anh Công chắc đã trở thành bác sĩ bình yên ở Sài Gòn, nhưng các anh đã

chọn con đường công khai, các cô Lan, Huệ đã lựa những vị thế bảo tấp... Chúng tôi thán phục sự chọn lựa can đảm đầy hy sinh cao đẹp này. Đến đây, anh Mẫn nếu có, cũng đừng nghĩ rằng tôi đang làm một công tác "chiến tranh tâm lý", công việc này tôi không quen làm, cũng không xứng đáng để tôi thực hiện cùng anh, được như thế thì tôi mới nói tiếp - Tôi ngần ngại một chút, xong tiếp tục - Tôi nghĩ rằng sự chọn lựa vừa rồi của anh đứng đắn, cũng như các anh Công, cô Lan, cô Huệ đã thấy, Lộc Ninh này không phải là thế giới của các anh, các chị. Thế giới, không khí, môi trường của các anh là ở Sài Gòn, trong giảng đường, giữa cộng đồng sinh viên, chỉ những nơi này anh mới có mục tiêu, cuộc tranh đấu của anh mới có ý nghĩa, chứ ở đây các anh còn gì nếu không là hình ảnh của anh Công mang băng y tá, ngồi trước mũi một chiếc xe Hồng Thập Tự công tác cùng với những "bác sĩ", chị "y tá" mà khả năng chuyên môn là điều đùa cợt với danh xưng và trong ánh mắt chỉ loáng lên những tia nhìn rình mò nghi kỵ hạ đẳng. Anh về lại Sài Gòn học tiếp xong bằng bác sĩ, kết tập kinh nghiệm, mở thế tranh đấu mới trong tinh thần độc lập sắc son của quê hương, dân tộc... Nếu có thể tôi xin làm người viết diễn văn, dán bích chương cổ động cho anh.

Mẫn cười, phải, tôi cũng chỉ chờ đợi nụ cười tự nhiên trong sáng đó, tôi không biết anh nghĩ gì về lời tôi nói, nhưng chắc rằng, (hy vọng như thế) anh không bỏ qua lòng thành thật của tôi. Bây giờ, tháng 4-74, hai tháng sau ngày trao trả, Mẫn vẫn bị biệt cư với một vài điều kiện nào đó, ước mong chính quyền có những biện pháp tích cực, uyển chuyển hơn để chấm dứt tình trạng hạn chế của Mẫn, vì quả tình đó chỉ là những người lãng mạn đẹp để mang nhiệt tình vào đời sống nhiều hư hại này mà thôi.

Lộc Ninh hai ngày sau, hôm nay chính tôi đứng trao trả, một tù nhân nổi tiếng khác: Luật sư Long. Ông Long ngồi ở băng cuối cùng, ngồi hẳn về một góc riêng rẽ, hai tay chống lên đùi chắc nịch tự tin, bên cạnh không phải chỉ một gói hành lý như Huỳnh Tấn Mẫn, luật sư Long có đến một đồng hành lý gồm nhiều xác tay công kênh. Ông già ngồi vững chãi, mắt quyết chí, đôi mắt nhỏ long lanh sau lớp kính trắng. Tôi nhủ thầm, ông ta chắc chắn sẽ có thái độ khác hẳn Mẫn hay Huỳnh Văn Trọng những ngày trước. Thái độ đó như thế nào, tôi không tiên đoán được, nhưng cảm thấy có một dự mưu và bề ngoài hăm hờ kia chỉ là một lớp sơn che dấu. Từng tên người, từng người tù xao xuyên, còm cõi đi qua... Số 23, Nguyễn Long. Luật sư Long đứng dậy, cầm tay nải, một anh cộng sản có nhiệm vụ tiếp đón, đón lấy hai xác lớn khác, ông đi thẳng không nhìn qua lại, không lộ vẻ ngần ngại, hai dãy sĩ quan Ủy Ban Quốc Tế và Liên Hợp quốc sự theo dõi lần lần bước chân của ông Long. Ông đi thẳng từ lều trao trả qua lều chờ đợi, ngồi xuống cùng đám tù chung danh sách vừa được trao trả. Chúng tôi trả thêm hai người cuối cùng (Danh sách hai mươi lăm người), các nhân viên thuộc Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa cùng các cán bộ cộng sản trao đổi nhau ý kiến chót trước khi để tôi cùng thiếu tá Dũng (Mặt Trận Giải Phóng) ký xác nhận cuối cùng ở cuối bản danh sách. Bỗng tôi nghe từ bên lều đợi, cách trao trả khoảng năm thước những tiếng xôn xao, luật sư Long đang sửa soạn tuyên bố vài điều gì đó. Mấy viên sĩ quan Mặt Trận hấp tấp đi tập họp đám sĩ quan Ủy Ban Quốc tế, Thiếu úy Khánh (Mặt trận Giải phóng) sĩ quan phiên dịch đang oang oang gọi viên Chủ tịch Hưng Gia Lợi. (Mỗi phái đoàn quốc tế thay phiên nhau làm chủ tịch một tháng), một anh thiếu úy mặt non, búng ra sửa với những trịnh trọng khô hài... Như thế này là không được. Tôi bỏ tờ danh sách sắp ký xuống chạy bằng qua lều đợi...

- Bác không thể tuyên bố, họp báo hay phát biểu ý kiến gì ở đây được. Thủ tục chỉ quy định phát nguyện vọng tại lều trao trả và trong lúc tiến hành trao trả mà thôi. Tôi nói cùng luật sư Long.

- Tôi muốn phát biểu ý kiến, tôi không rõ thủ tục, tôi nghe nhầm, cho tôi phát biểu ý kiến.

- Bác phát biểu ý kiến gì?...

Đôi mắt ông Long hốt hoảng, hai tay ông mở ra phân bua:

- Tôi có tội chi, tôi có tội chi, cho tôi phát biểu ý kiến trở về Việt Nam Cộng Hòa. Bốn chữ chót này làm lấp trí khôn, mất hết phản ứng vốn rất nhạy, tôi tưởng rằng ông Long muốn trở về thật, sự hăng hái đi thẳng vừa rồi chỉ vì không nghe rõ lời hướng dẫn thủ tục về cách phát biểu nguyện vọng trước khi cuộc trao trả bắt đầu... Nhưng chỉ sau ba phút, tôi đã biết mình nhầm lẫn, bị mắc lừa. Trở về VNCH, tôi nghĩ ông Long cũng như Mẫn hay Huỳnh Văn Trọng. Đến lúc chọn lựa cụ thể nhất đã chọn Việt Nam Cộng Hòa; vì quả tình chỉ có trong cộng đồng này họ mới là Nguyễn Long, Huỳnh Văn Trọng, Huỳnh Tấn Mẫm, qua phía Mặt Trận Giải Phóng, họ sẽ không là gì hết. Cán bộ cao cấp như Phùng Văn Cung, Phạm Văn Bạch cũng chỉ là những chỗ ngồi bung xung thôi, hưởng gì chính sách sa-lông Nguyễn Long, thành tích tranh đấu không gì ngoài ba tuyên cáo chưa hề được phổ biến đến dân chúng. Tôi dẫn ông Long trở lại lều trao trả để ông phát biểu nguyện vọng, những sợi tóc trắng trên một thân thể đã vào tuổi già làm tôi chùng xuống, tôi quên mất đề phòng trong cảm giác xót xa này. Ông Long ngồi xuống băng ghế, liếc mắt thấy đủ tất cả các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế, đột nhiên ông vùng dậy, mau như một con nai khi thoáng tiếng động...: Tôi, Nguyễn Long, luật sư, 65 tuổi người xã Diên Khánh, phủ Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, nhà tôi ở 42 Võ Tánh Sài Gòn, văn phòng tôi ở 40C Gia Long Sài Gòn. Năm 1961 tôi tham gia vào Phong trào Dân Tộc tự quyết, năm 1965 tôi tham gia vào Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình tôi bị bắt thả ra, rồi năm 1971 (?) tôi bị bắt lại và hôm nay đem trao trả cho Chính Phủ Lâm Thời... Tôi không phải là người của Chính Phủ Lâm Thời (Chánh Phủ Mặt Trận Giải Phóng) nhưng bây giờ tôi xin tỵ nạn chính trị tại Lộc Ninh này!!

À ra thế!! Tôi đã bị ông Long lừa một cú lớn, tôi đã bị đôi mắt lạc thần, hai bàn tay run run mở ra cùng câu nói như tiếng khóc "tôi có tội chi" làm mờ mắt, tôi bị những sợi tóc bạc, khối thân thể già nua mệt nhọc làm mất hết năng lực nhận xét, nên đã vội vã đưa ông về lều trao trả và ông đi được bước "phát biểu ý kiến" chính thức trước Ủy Ban Quốc Tế... Nỗi sợ hãi "đầy" một người oan uổng về phía đối phương đã khiến tôi quên mất âm mưu này của phía cộng sản; suốt ba tháng 4, 5, 6 và tháng 7 năm 1973 tại bàn hội nghị, qua hàng chục lần trao trả ở địa điểm này, chưa bao giờ phía Mặt Trận Giải Phóng thực hiện được một cú "phát biểu ý kiến" đầy đủ như lần này!! Lần này là lần độc nhất và chắc cũng là lần cuối cùng. Tôi có thêm được một kinh nghiệm xác đáng. Không bao giờ đem tinh thần nhân ái ra sống cùng Cộng Sản... Phải nhớ như in vào óc như thế, một lần này quá đủ... Tôi đưa tay ngắt lời ông Long, nói lớn gấp năm lần ông Long, nói lớn gấp mười lần lời phiên dịch chát chúa của viên thiếu úy cộng sản.

- Thừa quý vị, nhân viên dân sự Nguyễn Long đã được chúng tôi trao trả đúng thủ tục và không có một ý kiến, một nguyện vọng nào của nhân viên dân sự này được ghi nhận trong khi diễn tiến cuộc trao trả. Sự kiện phát biểu ý kiến của nhân viên dân sự Nguyễn Long sau khi cuộc trao trả hoàn tất chỉ là do thiện ý (quả tình như thế) của chúng tôi, tưởng để làm sáng tỏ một nguyện vọng, nhưng bây giờ biến thành một cuộc kích động, tố cáo. Chúng tôi chấm dứt sự phát biểu này vì sai hẳn thủ tục trao trả. Về phần bác, tôi đã trao trả xong, xin mời bác đi (tôi nói riêng với ông Long).

Ông Long bước đi, bước chân vui thích sốt sắng, cán bộ Mặt Trận Giải Phóng chung quanh tỏ vẻ hớn hờ. Nhưng rồi có ra gì, đi đến đâu, Ủy Ban Quốc Tế "ghi nhận" sự kiện, và nhân viên dân sự Nguyễn Long chìm hẳn vào màu xanh đậm ngắt của rừng Lộc Ninh.

Lần đầu tiên trong hai năm "đấu" cùng cộng sản, tôi bị thua một đòn, thua vì nghĩ ông Long là người "quốc gia"; thua là vì yếu tính "quốc gia" làm mờ khả năng phòng ngự... Nhưng quả tình tôi không thua nặng lắm, kẻ thua thật sự là những Nguyễn Long, Nguyễn Thành Công, Trần Thị

Lan, Võ Như Lan, những người đem nhiệt tình vào trận, ném lên chiếu bạc đấu tranh chính trị tất cả nồng nàn cao quý của những con tim sáng ngời trung chính; Để đến cuối đường nơi khu rừng Lộc Ninh, trên đám rẫy vùng đồi đất đỏ, trong đêm khuya qua liếp cửa lộng gió, chập chờn giữa những giấc ngủ bị rình rập, theo dõi. Họ có được gì, còn được gì, ngoài nỗi tan vỡ bi thương của một tâm thức lãng mạn không đất sống.

*Tháng 2, 1974*

## **THỜI ĐẠI CỦA GIAN DỐI**

Ngày gần hết, ánh nắng loáng vàng trên mặt sông, chiều ngày đầu năm vắng vất khí lạnh mùa đông còn sót lại. Tôi đứng nhìn về bờ nam sông Thạch Hãn, lá cờ Vàng bay phơ phới trên bầu trời xanh thấp mây trắng. Lòng nôn nao nhẹ nhàng, tôi muốn được trở về bên bờ kia mau chóng. Toán chốt của tù binh vừa được trao trả xong, cuộc họp cuối cùng của ngày bắt đầu. Nói và họp, người Cộng sản chuẩn bị, liên kết hai công việc vào nhau gọn ghẽ, thích thú.

Sự chán mứa dâng cao cùng cực trong khi tôi ngồi xuống chiếc băng ghế cứng, một nữ cán bộ phục dịch "công tác" ngay một ly trà bốc khói. Tất cả đều được tính toán kỹ.

Thiếu Tá Nguyễn An Giang chỉ huy trưởng địa phương bắc sông Thạch Hãn đứng dậy tuyên bố khai mạc buổi họp, kiểm điểm công tác trong ngày, rút ưu khuyết điểm, hoạch định công tác ngày mai. Từng chữ nghĩa vô bổ, trống rỗng va chạm nhau đều đặn tuông ra, khuôn mặt tái xanh đông cứng nghiêm trọng. Thiếu Tá Giang đúc kết công tác trong ngày bằng những thành ngữ quen thuộc:

Công tác tiến triển tốt, phản ánh được tinh thần hòa giải và hoà hợp dân tộc, hai bên thực hiện cuộc trao trả đúng như đã dự định trong tinh thần tích cực, khẩn trương công tác đúng theo như điều 8(a) Nghị Định thư, chấp hành nghiêm chỉnh bản Hiệp Định chấm dứt chiến tranh đã được nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới ủng hộ...!!!

Tôi ngồi lơ đãng nhìn đám mây xám phủ xuống cuối con sông nơi phía Ngô Xá Đông, nhớ lãng đãng lần trực thăng vận của chiến trận mùa đông năm 1967 trên vùng đất cát đỏ... Cuốn sổ đặt trên đùi được ghi vắn tắt vài con số, số tù binh được trả trong ngày... Thiếu Tá Giang tiếp tục:

Để chấm dứt phần kiểm điểm công tác trong ngày, tôi xin nêu thêm một điểm nhỏ để Đại Úy Nam (thay vì dùng chữ "phía VNCH") ghi nhận để sửa đổi lại cho phù hợp với tinh thần Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn (!) Đây là tiêu đề của mỗi bản danh sách nhân viên quân sự của phía Chính phủ cách mạng lâm thời (!) được quân cảnh (chỉ có từ ngữ "quân cảnh" không có từ VNCH) giao trả. Vì theo như chúng tôi ghi nhận, "tinh thần của Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn" là để hai bên miền Nam - Bắc Việt Nam có cơ hội hòa giải, hòa hợp, trao đổi nhân viên quân sự và dân sự, vì vậy tiêu đề ãTù binh Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập ghi trên mỗi bản danh sách không phù hợp với thực tế pháp lý của tinh thần Nghị Định thư (!) vậy nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi...

A! Lại một đòn mới, kết quả của cuộc "hội ý" suốt buổi chiều nay giữa các đầu óc cách mạng! Tôi ngồi thẳng dậy, vụt bỏ sự lơ đãng, chuẩn bị nghênh đón đối phương. Đ...m, đúng là Việt Cộng. Tôi bực dọc chửi thề trong bụng. Vì hôm nay (19-2-1973) là ngày trao trả thứ ba của đợt II tại địa điểm này, bờ bắc sông Thạch Hãn. Từ ngày đầu của cuộc trao trả (12-2) tại các địa điểm khác như Lộc Ninh, đầu đàu, Quân cảnh VNCH vẫn dùng tiêu đề đó trên các bản danh sách, và rõ ràng hơn ba ngày trao trả trước tại đây, các danh sách với tiêu đề đó vẫn không đặt nên vấn đề, nhưng hôm nay... Lại dở trò mới rồi... Tôi tập trung chú ý lại. Khi Thiếu Tá Giang



ngồi xuống thì đến Thiếu Tá Vầy trưởng tổ Liên hợp phe Mặt trận giải phóng thuộc Tiểu ban Tủ Binh Trung ương phát biểu ý kiến. Thêm một màn lặp lại:

Cám ơn quý vị trong Ủy ban Kiểm soát và Giám sát Quốc tế đã tích cực tham gia vào công tác kiểm soát cuộc trao trả nhân viên quân sự... Thể hiện tinh thần hòa giải hòa hợp (!). Cám ơn chính quyền địa phương (?) đã tổ chức chu đáo (!) và cuối cùng là "điểm nhỏ": Theo điều 1 và 2 của Nghị Định thư về Tủ Binh thì chỉ phân loại ba thứ tù binh: Nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ và các nước ngoài, nhân viên quân sự và dân sự hai bên miền Nam Việt Nam vậy ý kiến của Thiếu Tá Giang là một thực tế (!) phản ánh đúng tinh thần Nghị Định thư nên yêu cầu Đại Ủy Nam ghi nhận và sửa đổi!!!

Thiếu Tá Vầy ngồi xuống, bật cái hộp quẹt Thăng Long đốt điều thuốc lá Điện Biên khói bay khét lẹt, rung đùi lắng tai nghe Đại Ủy Lâm của Bắc Việt phát biểu ý kiến... Cám ơn quý vị... Tinh thần hòa giải và "điểm nhỏ" của Thiếu Tá Giang vừa nêu ra... Theo điều 1 và 2 Nghị Định thư!! Một lặp lại lần thứ ba qua người phát biểu!! Một luận được ba người lặp lại trong nghiêm trọng, được dịch lại ba lần bởi một thứ "broken English" rất vất vả. Vòng tròn người ngồi nghe nghiêm trang, những cái đầu gục gặc tán thưởng đồng ý lẫn nhau, hai anh Hưng Gia Lợi và Ba Lan gật mạnh đầu hơn hết, tra cứu cuốn sổ nhỏ để tìm điều 1 và 2 Nghị Định Thư... Những đôi mắt chăm chú lướt vội trên giòng chữ, những xì xào to nhỏ xác nhận ã thực tế của tù binh căn cứ trên điều khoản Nghị Định thư... Tất cả màn kịch khôi hài gian trá được đồng tình khai triển tối đa. Đợi lúc Đại Ủy Lâm và tên thông dịch viên ê a luận lý điều 1 và 2 Nghị Định thư tôi làm việc thật mau trong đầu... Điều 1 và 2 Nghị Định thư quả thật qui định không có từ "Cộng Sản Bắc Việt" trong đó, suốt bản Hiệp Định ngưng bắn cũng không có một chữ nhắc đến Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa... Vậy thì trả lời như thế nào? Căn cứ ở đâu?... Bản Hiệp Định hay là tám màn nói dối vĩ đại đã được cả thế giới tán thưởng!!! Đại Tá Thompson của phái đoàn Hoa Kỳ đẩy đưa vài lời cám ơn, nêu con số các chuyến bay trong ngày và kết thúc bằng một lời cám ơn khác. Người bạn đồng minh độc nhất không thể giúp gì tôi hơn được vì hôm nay 18-2, Bắc Việt vừa thả đợt 2 tù binh Mỹ ở sân bay Gia Lâm: Tủ binh Hoa Kỳ, gánh nặng lớn cuối cùng của chiến tranh Việt Nam cần phải giải quyết nhanh chóng trước tiên.

Tôi đứng dậy. Nắng cuối cùng của ngày đầu năm đã tắt, vùng núi đồi phía tây La Vang mờ trong sương xám, ngọn cờ Vàng ở đầu cầu Quảng Trị bay phàn phật. Khói đạn pháo binh Bắc quân bắn vào vùng Tích Trường, Như Lệ của Nhảy Dù Việt Nam dâng cao từng cột... Hình ảnh xa nhưng vang dội đau đớn trong lòng. Tôi lâm chiến:

Thưa quý vị, tôi xin được thông qua các con số tù binh do chúng tôi trao trả trong ngày mà quý vị đã tận tường, tôi cũng xin thông qua các ưu điểm mà quý vị vừa xác nhận. Tôi xin đi thẳng vào "điểm nhỏ" mà Thiếu Tá Giang vừa nêu ra... Đó là "Tiêu đề Tủ binh". Thưa quý vị, tiêu đề "Tủ binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" hay "Tủ binh Cộng sản hồi kết" hay "du kích" là những tiêu đề hiện thực tính chất thực tế về người tù binh đã được Quân cảnh Việt Nam Cộng hòa thiết lập khi hoàn tất lý lịch căn cứ trên cung từ của mỗi người tù. Cung từ của mỗi tù binh được lập nên, đúc kết từ những câu hỏi liên quan đến các yếu tố cụ thể sau đây: Sinh quán của tù binh, ví dụ như tù binh đó sinh ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Quảng Ngãi hay ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Nghệ An. Đơn vị của tù binh đó, ví dụ như tù binh thuộc các đội du kích ở Tân Bình, Gia Định hay các Công trường 5, 7, 9 của lực lượng võ trang thuộc Mặt Trận Giải Phóng miền Nam hay các Sư đoàn 308, 320, 324 B, 325 của Quân đội Nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cung từ của tù binh cũng xác định nơi xuất phát của đơn vị mà tù binh đó trực thuộc. Ví dụ như tù binh du kích thuộc xã Xuân Thới Thượng quận Tân Bình tỉnh Gia Định xuất phát từ mật khu Lý Văn Mạnh nằm giữa Long An, Hậu Nghĩa, Gia Định, hay tù binh thuộc Công trường 7 xuất phát từ vùng Mỏ Vẹt vượt biên giới Việt Miên tấn công vào Lộc Ninh, tràn xuống An Lộc. Và tù

binh có tiêu đề "Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" thì được chỉ định cho những người phát xuất từ Nghệ An, theo đường mòn Hồ Chí Minh hay đường dây "Xã hội Chủ nghĩa" xuống nam Lào đến Tchépone theo đường số 9 vượt biên giới Lào Việt vào tham chiến tại mặt trận Trị Thiên. Cụ thể là tù binh thuộc Sư đoàn 325 Tổng trừ bị Quân đội Nhân dân Bắc Việt đang có mặt tại đây, tỉnh Quảng Trị của VNCH... Hiện thời, đã ở đây rất lâu.

Tôi ngừng nói, đưa mắt đi một vòng, Thiếu Tá Giang, Thiếu Tá Vầy, Trung Tá Martin (Hung), Đại Tá Garrick (Gia Nã Đại)... Những ánh mắt khó chịu, những tia nhìn phẫn nộ... A! Ra tất cả đều muốn tránh xa sự thật, tất cả đều muốn bỏ qua sự kiện có một nước Nam Việt Nam, mọi người đều đồng ý thực hiện một màn dối trá bịp bợm theo khuôn mẫu của Hiệp Định ngưng bắn. Tờ cam kết được cả thế giới hoan nghênh. Mà giá trị đích thực chỉ là mảnh giấy tráo trở chứng nhận trò bịp lớn của thế kỷ và che dấu sự thật đau đớn của người Việt Nam.

Tôi hơi khép đôi mi, hình như những gân máu nằm trong mắt nở to, căng phồng những lượng nước mắt phẫn nộ. Phía trái bên kia con sông thành phố Quảng Trị tan vỡ như một dấu tích ngàn đời không nguôi ngoai, Cổ Thành, Tòa Hành Chánh, nhà thương... Đổng đá vĩ đại bi thương kia chỉ cách năm trăm thước, như ngọn lửa đốt cháy thêm lòng thù hận... Tôi gằn mạnh từng chữ, tiếp tục:

Và hơn ai hết, quý vị đã biết rõ, biết rất rõ những sự thật sáng như ánh mặt trời mà tôi vừa kể đến. Điều 1 và 2 của Nghị Định thư chỉ là một trò chơi chữ nghĩa muốn xóa tan một sự thật. Đó là có một nước Bắc Việt xâm lăng, tấn công miền Nam Việt Nam! Nếu quý vị có một trí nhớ khả dĩ, quý vị hãy nhớ năm 1966 chúng tôi đã phóng thích một số tù binh thuộc quân đội chính qui Bắc Việt về bên kia bờ bắc sông Bến Hải với những danh sách được thiết lập cùng tiêu đề này... Từ năm 1966 đến nay tính chất, lý lịch của những người tù binh căn cứ trên các yếu tố cụ thể vừa kể không thay đổi, vậy hôm nay không có lý do gì bắt chúng tôi phải xóa bỏ tiêu đề đó. Thế nên tôi xin lập lại: Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì tiêu đề "Tù binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập..." cho đến ngày chót của đợt trao trả tù quân sự đối với những tù binh gốc quân đội Bắc Việt.

Tiếng xì xào bất mãn, những ánh mắt toé lửa không che dấu. Tôi đứng thẳng chịu đựng sự tấn công của bốn hướng, chờ đợi những phản ứng bùng nổ... Lê Thanh Lân (Bắc Việt) nghiêng vai qua Vầy (Mặt trận giải phóng), cặp mắt màu xám chớp chớp, chiếc đầu đội nón ông sao gật gật theo những lời của Vầy. Thiếu Tá Vầy đứng dậy:

Đại Úy Nam đã trình bày dưới một dạng thức vô lễ, mặc dù ở đây, Đại Úy Nam là người nhỏ tuổi nhất, nhỏ cấp bậc nhất...

Tôi cười nhạt, đứng phắt dậy nói trong tiếng hét:

Ở đây, chúng ta họp nhau lại để làm những công việc của lịch sử không phải để phân định cấp bậc và xét xem phẩm chất của mỗi cá nhân trên khía cạnh luân lý...

Anh thông dịch viên Chi lấp bắp hỏi... Làm sao dịch, có phải dịch không? Chẳng cần. Tôi ngồi xuống với một hân hoan tội nghiệp. Trước hay sau sự thật cũng đã bị đồng tình chối bỏ... Ý nghĩ xẩy đến làm rả rời, trầm hết xuống tất cả mọi ồn ào. Tôi nén tiếng thở dài...

Trở về bờ Nam, trời mù sương, chiếc máy bay bốc khói bãi đáp đưa toán Ủy ban Quốc tế và Ban Liên Hợp Quân sự trở về Huế, tôi đứng lại giữa đám gạch ngói và những người lính thủy quân lục chiến đang chuẩn bị lại tuyến phòng thủ đề phòng đêm xuống lũ giặc bắc bờ sông. Địch bộ về ngã ba Long Hưng xuyên qua những đổng đá lớn trên những con đường trơn trượt. Tôi

đang đi trong lòng Quảng Trị, thành phố có sức sống lâu dài kể từ ngày Chúa Nguyễn vào Nam Đây là gì nhỉ? Đứng tần ngần trước một "ngôi nhà" mà chiếc mái bê tông đã bị bẹp xuống sát nền đất, dãy cửa bị ép lại thành một đám sắt vụn như chiếc lò-xo bị rối... Phải chăng đây là quán sách ở góc đường Gia Long? Tôi nhìn về phía Cổ Thành rồi so sánh lại... Cũng không thể nhận ra ngôi nhà mà suốt năm 1967 đã nhiều lần la cà qua lại. Tôi đi trong thành phố Quảng Trị cố vận dụng tối đa trí nhớ cũng không thể gom đủ chi tiết về một chỗ ở đã qua sống cùng trong thời gian dài. Bên kia bờ sông, năm trăm thước bề rộng, cuộc đấu lý vừa qua như một khinh bỉ không lường. Lương tâm trung trực của con người ở đâu?? Tôi không hiểu khi Kissinger và Thọ ngồi phân tích từng chữ, gọt dũa từng dòng của Hiệp Định ngưng bắn, họ có ý thức đang cùng nhau thực hiện một dối trá ghê tởm chi phối mười lăm triệu người dân miền Nam Việt Nam, các bộ tham mưu của các văn phòng chính trị khi phân tách, nghiên cứu tìm hiểu có ai đã phải bật cười vì tính chất hồ đồ độc địa của những hàng chữ vô nghĩa có tác dụng che đậy tội ác vĩ đại. Tội ác cao như núi, tội ác ngập ngựa như biển máu, như rừng xác người đã nằm xuống trên chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng, của dãy người chết nằm rải rác dưới những gốc cao su dọc đường 13... Cả thế giới đều bịt mắt, toàn thế giới vỗ tay, rung chuông, mở rượu, tung dây ngũ sắc để mừng hòa bình Đông Dương, đón mừng Hiệp Định ngưng bắn, chuẩn bị cho Nixon lãnh giải Nobel Hòa Bình, đồng công nhận Kissinger là "Ông Thế Giới" và chính phủ Hà Nội, tập đoàn cộng sản Bắc Việt là những kẻ tích cực góp phần xây dựng hòa bình thế giới... Đau đớn biết bao nhiêu. Đau đớn quá!!

Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình cho Việt Nam. Hàng chữ như một trêu ghẹo độc ác nhảy múa trong màn mưa, trên gạch ngói, những chữ rơi rớt lỏng chỏng trên con đường phố bị bóc hết nhựa hần từng vết bùn đỏ chạch. Từ từ đầu đến giòng chữ cuối không có một chương, một dòng ấn định rõ rệt sự kiện Bắc Việt đã xâm lăng miền Nam. Không một giòng xác định Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rút về phía bờ Bắc sông Bến Hải trừ điều 5, nói mơ hồ về sự rút quân của các quân đội không phải của hai bên miền Nam Việt Nam. Đau đớn và độc địa quá, đám lính Bắc chỉ cần qua một buổi học tập là biến thành quân đội giải phóng, nên người Quảng Trị sơ tán vào núi theo lực lượng vũ trang của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam (!! ) Ai trên thế giới sẽ gánh chịu sự lừa dối nham hiểm thô bạo này. Hòa bình nào có được khi đám lính của các Sư đoàn 324, 325, 308, rặt một lớp người nói tiếng Bắc, dưới hai mươi tuổi, cổ chấp, cuồng sát, cuồng tín biến thành "người Quảng Trị" kỳ quái trên, để sẵn sàng đào đường, chui súng, sửa phi đạo, thiết lập giàn phóng hỏa tiễn trực chỉ vào bờ Nam sông Thạch Hãn?? Đây chính là tội ác của cả thế giới, từ anh trí thức bên trời Âu đến lũ ngụy hòa bình đang lúc nhúc tràn ngập ở miền Nam, từ tên thủ lãnh biển lận của thời đại thực dân còn sót lại ở Ba Lê đến anh chánh khách hèn mọn chờ thời làm con cò lót đường trong buổi nhiễu loạn. Tất cả thế giới đang đồng lòng che mặt hóa trang dự buổi dạ vũ máu trên thịt xương người Việt.

Hay thật, sự lừa dối khi đến mức siêu đẳng đã biến thành sự thật. Tội ác khi đạt đến mức tinh vi biến thành hành động cứu rỗi, phụng sự con người. Kim Dung khi tạo ra Vi Tiểu Bảo làm trò cười cho độc giả, chắc hẳn đã ý thức được sự tan vỡ của thời đại này, trong đó những tên dối trá, những kẻ cường bạo chi phối, điều động đại cuộc. Và ghê tởm hơn, cả một khối đồng thế giới đều đồng lòng xưng tụng tội ác...

Tôi đi trong Quảng Trị tan vỡ, đi trong mưa phùn, trên lầy lội, quãng đường dài xa xôi không còn lý hội... Con đau xót, nổi phẫn nộ, trí cảm hờn như át hẳn mưa rơi như xóa tan trời gió. Giông bão trong lòng nghe thấm thiết đau đớn mãnh liệt tưởng như dòng khí độc tác hại hết giác quan... Làm gì được đây? Tôi làm gì được hở?!!

## **TÙ CỘNG SẢN... TÙ CỘNG HÒA**

Phi đạo nằm theo hướng Nam - Bắc vạch một đường đỏ thẫm giữa lòng rừng cao su xanh lá. Trực thăng hạ xuống theo lối xoắn tròn ốc, mặt phi đạo hiện rõ dần... Bước xuống sân bay Minh Thạnh, cách quốc lộ 13 không đầy mười lăm cây số đường chim bay. Tôi vào đất địch.

Dưới tàng cây xanh im bóng, trong khu rừng tịch mịch, từ tốn hít từng hơi thuốc ăm, nghe tiếng gió vi vu thổi qua hàng lá dày... Tôi tận hưởng hết tất cả bình yên trước một ngày căng thẳng. Đám cán bộ cộng sản đến từ Sài Gòn đang "hội ý" với những cán bộ địa phương. Chỉ còn khoảng thời gian "trong sáng" này để sống cho riêng mình. Nửa giờ nữa, một con người thật lạ phải thế chỗ trong tôi.

Hôm nay, tôi dự kiến cuộc trao trả về phía cộng sản bốn trăm người và nhận lại hai trăm. Địa điểm này tôi đã xuống một lần, đã biết được thế nào là chiến pháp cư xử của cán bộ cộng sản miền Nam có cán bộ cộng sản miền Bắc chỉ huy kiểm soát. Biết, nên gương sáng mọi cẩn thận đề phòng. Minh Thạnh - Tây Ninh. Mặt khu Ba Thu nằm bên kia biên giới Miên - Việt chỉ cần một ngày một đêm di chuyển. Nhân viên của cục R đã ra mặt hoạt động. Khu rừng cao su mông mênh, những người Mỹ ngồi bên cạnh nhỏ to thì thảo, tôi lọt hẳn giữa những búa vẩy im lặng mở đầy phong ba.

...Để tránh gây kích động tâm lý nơi những người sắp được trao trả, để biểu lộ lòng yêu chuộng hòa bình đích thực trong tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc... Chúng tôi yêu cầu đại úy chỉ thị cho quân cảnh không được mang vũ khí vào khu vực trao trả, tất cả phải để lại trên máy bay...- Anh cán bộ Mặt Trận mở đầu.

Tôi cúi đầu nhìn xuống đất cỏ, phân chia lời nói theo các thứ tự để trả lời... Không được mang vũ khí, lại một khó khăn mới. Việt cộng quả hơn người ở điểm sáng tạo, mỗi ngày phải gây thêm một khó khăn. Những đòi hỏi kế tiếp: Trực thăng không được lượn vòng trên phi đạo (?!); Quân cảnh phải gọi anh trước tên mỗi tù binh. Quân cảnh không được điểm danh tù khi trao trả (Dù phía MT chưa ký nhận chữ ký cuối cùng ở mỗi danh sách). Những anh Ủy Ban Quốc Tế gặt đầu, những anh Bắc Việt gặt đầu, những anh Mặt Trận miền Nam trong tổ Liên Hợp cũng gặt đầu... Trung Tá Tuệ, gã cán bộ tuổi quá ngũ tuần, da xanh bụng ỏng ề ề giọng nói đầy những âm thanh đặc thù của vùng quê Bắc Việt. Trung Tá Tuệ, chỉ huy trưởng phi trường Minh Thạnh, người có kiến thức quân sự phi trường ở câu nói: Cứ bảo máy bay C-130 đáp xuống đi, cán bộ phi trường của chúng tôi bảo đáp được...!! Cán bộ "kỹ sư phi trường" Minh Thạnh, một anh mắt toét, răng hô hấp him đôi mắt nhìn ra phi đạo ửng nắng gặt gặt chiếc đầu xác nhận sự đồng tình góp ý với ông chỉ huy phi trường. Ai bảo chủ nghĩa xã hội vô giai cấp? Chú Mạ Què quả tình là nhân vật chống cộng hữu hiệu và đúng cỡ nhất đối với cộng sản Á Châu.

Máy bay sắp đến, tôi phải chấm dứt màn kịch để bắt đầu công việc. Trung tá "tư lệnh" phi trường Minh Thạnh bệ vệ lên chiếc xe Jeep mang huy hiệu Nhảy Dù... A! Người cộng sản vẫn biết xử xiên lấu cá như ai (vì họ thấy tôi mặc đồ rằn ri nên lấy chiếc Jeep bắt được của nhảy dù ra lái).

Cuộc trao trả bắt đầu với những phiên toái bực mình cố hữu. Những bộ áo quần gượng gạo vứt bỏ khỏi thân thể, những hộp trái cây, hộp thịt e dè ném đi, những cánh tay đưa lên hô khẩu hiệu hừng hờ, những ánh mắt lơ lảo, những cái siết tay nóng nản nhạt thếch... Cả một lớp hài kịch bi thảm dằng dặt cũ kỹ được diễn lại trong gượng gạo thảm thương pha lẫn vị khôi hài. Bộ quần áo nâu mới và bọc quần áo (của VNCH cấp phát) được ném đi để nhận lại một tấm khăn rằn mỏng như vải mùng cùng một bộ áo quần xanh mới nhuộm lem luốc đậm nhạt từng khoảng màu loang lổ. Hài kịch "cách mạng" ném áo quần này không hiểu do rỉ tai nào đã xúi dục vì những cuộc trao trả trong những ngày đầu tiên (12, 13 tháng Hai 1973) tại các địa điểm Lộc Ninh, Thạch Hãn không thấy thực hiện, và chắc chắn không phải do tự ý tù binh; vì hơn ai hết, những người này sau khi được trao trả, họ sẽ không còn dịp nào để có những bộ áo lạnh lặn,

tốt đẹp, chắc chắn như thế này. Bộ quần áo nâu có chữ T.B. (tù binh) bắt buộc phải cởi đi nhưng những chiếc quần lót, mũm chần là những vật dụng không thể nào có được nữa. Chẳng phải là lý luận suông nhưng cứ nhìn y phục của đoàn quân "cách mạng" mới biết thế nào là sự thiếu thốn, tàn tệ của quân đội cộng sản, Cộng sản Nam cũng như Bắc. Những bộ áo quần sờn mòn (đây là dịp trọng đại mới đem ra mặc) những chiếc dép vẹt đế. Tất cả y phục tội nghiệp nghèo khó đó thật khó hòa hợp với những khuôn mặt kiêu căng đầy vẻ tự mãn trẻ con đến độ buồn cười. Nét kiêu căng của "Nhân dân cách mạng giác ngộ" hiển thân cho Độc Lập, Dân Tộc và Chủ Nghĩa!!! Có một điều gì bất ổn trong cảnh sống của người cộng sản. Loại người đặt căn bản hành động trên hệ thống luận lý biện chứng duy vật nhưng lại hướng đến những tiêu chuẩn tâm linh nhiều hơn ai hết... "Tự do, Cộng sản, Xã Hội, Cách Mạng" rốt cuộc chỉ là những danh từ trống được bơm vào đó chút say sưa kích thích để xô đẩy cả bao thế hệ vào dòng vận động cuồng tín... Năm 1973, năm của những tiến bộ khoa học tưởng chừng như trong chuyện cổ tích, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn phải khó khăn đấu tranh với từng mẩu sắn, từng lon gạo, một hai miếng thuốc khô, dăm ba chiếc kẹo ngọt trên bước đường đấu tranh thần thánh thực hiện chủ nghĩa xã hội thì quả tình quá tội nghiệp. Cả một đội vận tải trên đường dây "Chủ Nghĩa Xã Hội" (đường mòn Hồ Chí Minh) phải "hội ý" (hội họp) từ năm giờ chiều đến chín giờ tối để đạt "tiêu chuẩn" "tiếp thu" năm miếng thuốc. Đội vận tải gồm những kỹ sư, bác sĩ, những cán bộ mang quân hàm trung, thiếu tá phải bình nghị, hội họp suốt bốn tiếng đồng hồ để đạt "tiêu chuẩn" phân chia năm miếng thuốc Điện Biên. Thế nên cuộc cách mạng vô sản giải phóng miền Nam phải cần nhìn lại mục đích và phương tiện. Phải chăng cách mạng đã là một việc vô ích và quá phí phạm phương tiện. Nhưng phương tiện "người" trong chế độ cộng sản phải chăng là yếu tố không hao mòn, yếu tố không cần phải lý hội.

Tôi không nhìn sự "nghèo" của người cộng sản để bêu, nhưng quan niệm tính chất "nghèo" đó là một ưu điểm cần phải đấu tranh để thực hiện thì không thể nào chấp nhận được với đầu óc bình thường. Người cộng sản Việt Nam đã thực hiện được gì trong ba mươi năm đấu tranh trên đại dương mệnh mông xác chết, chiếc xe đạp của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội, bộ áo quần thô kệch của viên "Tư Lệnh phi trường Minh Thạnh", bữa cơm không có thịt trong suốt mười tám năm của người dân Tuyên Quang miền Bắc, hai miếng thuốc lá được viên kỹ sư máy nổ "tiếp thu" trên đường dây chủ nghĩa xã hội như mặt trái của tấm gương phản chiếu những chữ nghĩa rục rờ, nghe xa xăm như một giấc mộng mơ hồ không bao giờ có thật.

Tàn tệ như thế, thê thảm như thế, nhưng người tù cộng sản trước giờ trao trả khi bước ra khỏi lồng máy bay, chân bước xuống mặt đất "giải phóng" phải hành động như một lũ người mê man... Tay vỗ vào nhau, mồm cất giọng khàn đặc... "Đoàn kết chúng ta là sức mạnh... Thề chết không hề lui. Giết cho hết loài bán nước..." Giết cho hết loài bán nước thì quá sai với "Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà những người lính cộng sản "Nam Việt Nam" xuất phát từ trại Xuân Mai, Hà Đông, nói giọng Sơn Tây, Thái Bình đang nhắc đi nhắc lại hoài xem như là phương châm chỉ đạo mới! Bài hát phải được xì xào chỉ thị đình chỉ, để bậm tay nâng cao hoan hô: "Hồ Chủ Tịch muôn năm... Tinh thần chống Mỹ cứu nước bất diệt..." Hồ Chủ Tịch không hề là Chủ Tịch của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam và "tinh thần chống Mỹ" thì quả tình đã được xóa tan từ lâu. Tôi muốn nhắc họ yếu tố này. Nhưng như một lũ đồng bóng đã bị cốt nhập, đám tù bắt đầu cởi áo quần, ném tay nải... Chiếc quần lót, vật xa xỉ của chế độ cộng sản được ném đi với hối tiếc không dấu được trong ánh mắt để bậm môi, quất mắt, vung tay hô to khẩu hiệu. Sự hận thù dù cần thiết trong cuộc chiến bi thảm cũng đã là một điều tàn nhẫn, huống gì bây giờ (khi tiếng súng tạm ngừng nổ trên văn bản Hiệp Định), nên những kích động căm hờn, những xúi dục phẫn nộ này mang một nét bạo ngược tàn ác lỗi thời... Anh cảm hóa ai? Thù hận người nào? Ai là lũ bán nước? Ôi nước rách tan không do sự góp tay tích cực của người cộng sản sao? Căm thù lũ bán nước, giết lũ tham tàn, mùa thu 1945, mùa đông 1946, cuối thập niên 50, đầu những năm 60, đã được hát bao nhiêu lần, đã được vỗ tay bao nhiêu lần... Người Pháp, Ông Diệm, chống Mỹ... Bao nhiêu đối tượng đã thay đổi mà nội dung cứ mãi cũ kỹ nhạt

nhòa. Thật lạ, có những quy luật sơ đẳng tưởng chỉ như là chuyện đầu môi hóa thành động lực căn bản. Cầm thù, thứ gia vị thô thiển độc địa mà người cộng sản thêm vào bữa tiệc máu người Việt Nam không chán ngấy. Cộng sản sẽ là gì khi không còn kích thích tố mê man đó? Con chó Pavlov không thể nhỏ giọt nước bọt nếu thiếu tiếng chuông khiêu gợi. A! Chỉ mỗi tiếng chuông lạnh đó, chỉ mỗi hai chữ ngắn nhức nhối kia mà cả một khối người bị chi phối, những người có đủ trí thức, giác quan nhưng đã mất phần nhân bản, người còn xác nhưng lạc hồn, người không phải sống cho người nhưng cho Cách Mạng, cho Tổ Quốc, Hòa Bình, Tiến Bộ, Xã Hội Chủ Nghĩa... Câu hỏi không phải là phản ứng cực đoan của một tinh thần "chống cộng" quá độ. Tôi chỉ muốn tự hỏi sao có những con người quá quy tắc, bị kìm kẹp, huấn luyện đến độ cuồng tín như thế này. Vì được trả tự do, phải có nghĩa là nhảy lên khỏi mặt đất chật hẹp, phải vung tay thật cao để hít cho hết lượng gió mát mênh mông của trời cao; nhưng những người tù cộng sản không được quyền biểu lộ niềm sung sướng đó, họ phải chứng tỏ "kiên gan, duy trì tinh thần quyết chiến, quyết thắng..."; họ phải biểu lộ "lòng căm thù không suy giảm, trí căm hờn không phai...". Họ phải quên những giờ khắc của năm trước, năm kia khi phải đưa tay đầu hàng trước mũi súng của người lính Việt Nam, phải quên những đối xử nhân đạo sau khi đã trao cây súng, phải quên điều thuốc chân thành được mời hút dù trong vị thế tù binh... Họ phải quên luôn thực tại. Một thân thể chắc cứng khỏe mạnh với lồng ngực nở nang, những bắp thịt ở vai ở lưng cuồn cuộn... Thân thể căng phồng chiếc áo tù binh, hừng hực mùi muối bể và không khí tốt lành của trại giam Phú Quốc, thân thể cường tráng vạm vỡ nổi bật lên dưới ánh nắng, tương phản cực độ với thứ nước da xanh má, hình vóc còm cõi thiếu hụt của những đồng chí tiếp đón. Người tù cộng sản phải quên hẳn sự thật trên thân thể họ để đứng lên tố cáo: "Chế độ giam giữ hà khắc tàn nhẫn của trại giam Phú Quốc..." Viên trung úy Bắc Việt lóng cồng chiếc máy ghi âm để thâm lời tố cáo... Nhìn thân thể gầy gò của anh ta dưới chiếc áo đại quân lụng thụng bên cạnh lồng ngực trần cường tráng của gã tù binh khi nghe câu tố cáo "Trại giam đã bỏ đói, hành hạ chúng tôi..." Cùng với sự chăm chú ghi nhận của các sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, tôi nghe trong lòng nổi phần nộ bão bùng dấy lên như giông tố... Sự thật được che đậy và lật ngược trong tráo trở tình tảo, ngang ngược vô liêm sỉ đến tận cùng!!

Vì sự thật không phải chỉ trên thân thể gã tù cộng sản, sự thật còn ở cuối phi đạo cách nơi trả tù cộng sản năm trăm thước, góc rừng hai trăm người lính Việt Nam ngồi im lặng với cặp mắt đứng trông...

Có chắc trả không Đại úy, tụi em có được trả không Đại úy...

Chắc mà, chiếc trực thăng bay đi thì có chiếc kia lại liền... Tôi đến đây để lãnh các anh em...

Đại úy, em... có được trả về mình không...

Cả trăm con người ngồi thì ào ào to nhỏ, lo sợ từng tiếng nói, lo sợ từng đầu ngón tay lóng cồng đón điều thuốc do tôi mời, lo sợ ở đôi mắt lạc thần cứ coi chừng mãi "anh cán bộ"... Tôi muốn nói một câu gì thật đủ, tôi muốn làm một việc gì thật mạnh mẽ, muốn ôm lấy hết hai trăm người lính đưa họ ra thẳng trực thăng, bay lên thật nhanh, để tránh khỏi vùng rừng cao su thẳm đặc, những gã cán bộ canh gác lăm lăm soi mói, nét độc ác ngấm ngầm tràn đầy trên những sợi gân máu đỏ rực... Tôi muốn đẩy đám sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, Gia Nã Đại... đến tận từng người tù để họ thấy lớp da người lở loét ăn sâu xuống phần xương tay, để họ thấy những đôi mắt hừng, chiếc má vàng bủng tương như đọng cứng cả một khối vi trùng độc hại dưới lớp da mỏng tanh vàng bệch... Tôi muốn hét to cho cả khu rừng, cho cả thế giới biết đâu là cường bạo, đâu là sự thật, gã tù nhân trại Phú Quốc cách xa đây năm trăm thước với lồng ngực vạm vỡ cùng những lời tố cáo như một cái xiên nung đỏ chọc hẳn vào mắt tôi khi nhìn người tù Việt Nam Cộng Hòa không kêu nổi được tiếng "có mặt" loạng choạng run rẩy từng bước một, đi qua chiếc bàn của nhân viên trao trả... Sự thật ở hai thân thể đối cực này nhưng tại sao cả thế giới,

cả hàng triệu người trên thế giới vẫn dành riêng những ý niệm tốt đẹp cho người cộng sản, cả những người chân tu, những nhà hiền triết hình như đều nghĩ một chiều, hướng một phía Phía cộng sản. Tôi muốn gọi họ đến đây chỉ vào từng đôi mắt người tù để cả nhân loại ngộ nhận tìm được sự thật... Người tù bình đứng dậy, một đày quần sưng nước. Trong cơn chờ đợi thảng thốt người lính đã đá ra quần!!!... Không phải vậy, phải nghe lời anh nói: Em sợ tụi nó lắm, tụi nó tàn ác không phải như người đối với nhau... Em sợ xin nó đi tiểu rồi nó giữ lại không trả thì chết mất... Tôi muốn chảy nước mắt, tôi muốn khóc giòng phần nộ... Gã Ba Lan đâu rồi? Tôi muốn nói cho hắn ta nghe lời nói, tiếng kêu của người đã ở trại giam cộng sản. Hình như mọi người dấu mặt, hình như mọi người đã đánh mất lương tri, chẳng có ai chụp hình vũng nước tiểu đọng trên nền đất phủ đầy lá, chẳng ai chụp hình hai trăm con người ngồi dật dờ như một đám xác chết chưa tẩm liệm, sao không có tên Hung Gia Lợi nào chụp hình người tù Việt Nam ngã quỵ trên phi đạo mòm sủi nước dãi vì thiếu ăn!! Hung Gia Lợi Chúng ta đã dành cho dân tộc này biết bao cảm tình trong những ngày Budapest đổ máu cho tự do. Nhưng hình như những người Hung yêu tự do, sống cho sự thật đã không đến nơi này, chỉ có đến đây những cán bộ cộng sản mang quốc tịch Hung Gia Lợi. Hóa ra người sống cùng người không phải do tương quan của hai chủ thể nhân bản nhưng do chính trị của quốc gia, đảng phái xác định. Người Hung Gia Lợi phải ủng hộ cộng sản Việt Nam và gây bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ thị đã được học tập, phổ biến thế, nên gã tù Bắc Việt với thân hình lực sĩ lớn tiếng tố cáo chế độ giam giữ hà khắc của Việt Nam Cộng Hòa vẫn hữu lý hơn hình ảnh người tù Việt Nam ngồi lạc thần, không dám tin vào sự thật sắp được trao trả, kiệt sức để không nói lên được hai chữ "có mặt"... Chỉ thị đã ban bố, gã sĩ quan Hung phải xóa bỏ lương tri, phải tự che mắt để không thấy sự kiện, gã chỉ được chụp hình người tù Bắc Việt đưa tay lên hô đã đảo, bỏ qua bàn tay ghê lở thấu xương của người tù Việt Nam. Cách vong thân đi đến mức tuyệt hảo khi quan niệm hành xử như thế là đúng với công lý và chân thật!!! Không phải chỉ mỗi Trung Tá Martin thuộc nước Cộng Hòa Nhân Dân Hung Gia Lợi này tin vậy, nhưng hình như toàn thể nhân loại. Những dân tộc tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của toàn thể thế giới. Điều mắc phải chứng bạo ngược tâm lý với dân tộc Việt Nam. Phải có một ngày sự thật này hẳn được nhận ra.

*Tháng 3-1973*

## **VẤN ĐỀ TÙ BINH**

Ngày 27-1-1973, Hiệp Định Ba Lê được ký kết, đình chỉ chiến tranh Việt Nam. Hiệp Định gồm có chín chương bao gồm tất cả các điều khoản căn bản để thực hiện ngưng bắn và giải quyết những vấn đề do hòa bình đem đến. Việc trao trả tù binh giữa các bên tham chiến là một nét chính của Hiệp Định, được quy định bởi Chương III, Điều 8, ấn định tổng quát công việc trao trả và một Nghị Định Thư (NĐT) gồm mười bốn điều nhằm qui định nhiệm vụ, chức năng của mỗi bên, đồng thời phác họa một số quy định để các bên làm cơ sở thi hành. Việc trao trả nhân viên quân - dân sự của hai bên miền Nam được thiết lập từ Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư kể trên. Có thể tạm gác vấn đề trao trả những tù binh quân sự Hoa Kỳ và các nước ngoài (Những nước tham chiến trong khuôn khổ quân viện của thế giới tự do giúp Việt Nam Cộng Hòa), thường dân Hoa Kỳ và các nước ngoài do Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng bắt giữ và trao trả. Chủ điểm chính của hai bài viết là vấn đề những tù binh Quân-Dân sự của hai bên miền Nam Việt Nam mà Điều 8 (a+c) đề cập, cũng như Điều 1 và 7 Nghị Định Thư ấn định trên những nguyên tắc căn bản để giải quyết.

Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư về trao trả tuy trên hình thức đã ấn định một số điều khoản cần thiết để trao trả, có thể thực hiện được với một mức độ hiệu quả, nhưng không khí chung của toàn thể những bản nội dung trên lại đặt căn bản trên một tính chất mơ hồ và uyển chuyển "tinh thần nhất trí hòa hợp hòa giải giữa các phe lâm chiến" cụ thể là "tính chất hòa giải trong

tinh thần dân tộc của hai phe miền Nam." Một bản văn chính trị đặt cơ sở trên tính chất tâm lý khởi đầu đã tạo nên một không khí không mạch lạc, đứt khoát; vì vậy các bên ký kết có thể nhìn lờ lẩn dưới nhiều quan điểm khác chiều, đôi khi đối nghịch. Trong tính chất tổng quát đó Điều 8 Hiệp Định cũng như Nghị Định Thư về trao trả đã vô tình (và cố ý) bỏ qua sự kiện: Có những quân nhân và nhân viên dân sự Việt Nam Cộng Hòa bị các lực lượng chính qui của quân đội Bắc Việt bắt và giam giữ; những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền nam Việt Nam và những thường dân Việt Nam bị bắt bởi lực lượng Cộng sản trong suốt thời gian từ khi phát khởi cuộc đấu tranh tại miền Nam từ những ngày đất nước phân ly (20-7-1954). Tuy Điều 1 và 7 của Nghị Định Thư đã nói tổng quát đến vấn đề toàn thể nhân viên quân sự và dân sự của hai bên miền Nam bị bắt giữ trong chiến tranh phải được hoàn toàn trao trả hết, ấn định một thời lượng cơ bản để hoàn tất công tác này; 60 ngày, để trả hết tù quân sự; 90 ngày để trả tù dân sự trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cho những người ở cả hai phe hiện bị giam giữ ở các trại giam bên này hoặc bên kia. Nhưng Điều 1 và 7 Nghị Định Thư chỉ mới là cái khung cần thiết chứ chưa phải là điều kiện đủ để giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh Việt Nam; Điều 1 Nghị Định Thư chỉ kể ra: Tất cả Nhân viên Quân sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính qui hoặc không chính qui sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam; những người nào phục vụ dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó. Vấn đề cơ bản đã có kể hờ ở đây. Những tù binh của quân đội miền Bắc sẽ được giải quyết ổn thỏa khi Việt Nam Cộng Hòa trao họ cho lực lượng vũ trang giải phóng; những xáo trộn về địa bàn hoạt động của những tù binh này sẽ được giải quyết ổn thỏa cho dù các đơn vị tiếp nhận có trực thuộc vào cục R (Trung ương Cục miền Nam), đường lối chỉ đạo chính trị vẫn phát xuất từ Bộ Chính Trị Đảng Lao Động miền Bắc; nên khi tù binh quân sự Cộng sản vốn là lính của Sư đoàn 324B Bắc Việt được trao trả tại Lộc Ninh do nhân viên tiếp nhận của Mặt Trận Giải Phóng đề cử vẫn có được cơ sở tinh thần để tiếp tục công tác trong lòng đơn vị mới. Kẽ hở nguy hiểm nhất của điều 1 NDT giương lên về phía Việt Nam Cộng Hòa vì điều 1 này đã không đề cập với mực độ chính xác tối thiểu đến những quân nhân VNCH bị bắt bởi các đơn vị chính quy miền Bắc, những người bị giam giữ ở trong các trại giam Bắc Việt, Lào, Kampuchia. Kẽ hở cũng chính là lý hướng nguy hiểm nhất của Hiệp Định: Nguy trang hay không đề cập đến sự tham chiến của lực lượng quân sự chính qui miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Trong tinh thần này, câu "Sinh Bắc Tử Nam" không chỉ là khẩu hiệu tác động tinh thần nhưng là một ý niệm chiến lược chỉ đạo mà đảng Cộng sản miền Bắc quyết tâm thực hiện.

Nghị Định Thư cũng có kẽ hở khác ở Điều 7, khi không xác định rõ rệt và đứt khoát những thường dân VNCH bị bắt trong thời gian dài của mười chín năm chiến tranh. "Tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc" được nhắc lại trong Điều 7 này không đủ khả năng để giải quyết tình trạng bị thiệt mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong cuộc chiến cục bộ của hai ý hệ đối nghịch. Con số 67.501 thường dân và cán bộ của VNCH bị bắt từ năm 1954 - 1/1975 phải là một con số có thực mà ý niệm hòa giải của Điều 7 này không làm sao bao gồm được, Mặt Trận Giải Phóng (MTGP) đã đeo cứng vào những kẽ hở để xóa bỏ những thực tế bi thảm này.

## DIỄN TIẾN

Ngày 27-1-1973 là ngày bắt đầu thi hành những biện pháp cụ thể tích cực tái lập hòa bình, Hoa Kỳ đình chỉ oanh tạc khắp lãnh thổ VN các phe lâm chiến ở miền Nam đình chỉ các cuộc hành quân, ở nguyên tại vị trí, cùng ngày tại Ba Lê, VNCH trao cho Mặt trận Giải Phóng (MTGP) danh sách 4.285 người. Đại diện MTGP khi trao danh sách đã đưa ý kiến sẽ bổ túc thêm danh sách để tỏ thiện chí, cụ thể hóa tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Phiên họp đầu tiên của Tiểu Ban Tù Binh Ban Liên Hợp Quân Sự 4 bên ở Sài Gòn nhóm vào ngày 3-2-1973. Vấn đề trao trả tù binh theo danh sách trên bắt đầu đặt lên bàn hội nghị.



Trong thời gian 60 ngày (kể từ 28-1-1973) theo Điều 8a Hiệp Định và 4a Nghị định thư (NĐT) về trao trả, Tiểu Ban Tù Binh 4 bên đã nhóm họp tất cả 50 phiên để hoàn tất việc trao trả 26.508 nhân viên quân sự MTGP, 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ các nước ngoài và 4.956 nhân viên quân sự VNCH trong bốn đợt. Bốn đợt trao trả đã được bốn bên thực hiện như sau:

VNCH trả 26.508 người ở bốn địa điểm: Lộc Ninh (Bình Long), Minh Thạnh (Bình Long), bắc sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và Bồng Sơn (Bình Định).

VNCH nhận 1.956 người ở bảy địa điểm: Lộc Ninh, Quảng Trị, Minh Thạnh, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Bồng Sơn (Bình Định), Đức Phổ (Quảng Ngãi), Tam Kỳ. Riêng địa điểm Đức Nghiệp (Pleiku) tuy đã thám sát ba lần nhưng 410 nhân viên Quân Sự (NVQS/VNCH) hiện tại ở địa điểm này vẫn chưa được trao trả, phải đợi đến hơn một năm sau, MT mới được trả làm ba đợt kéo dài trong một tháng từ 8-2-74 đến 7-3-74 với tỷ lệ thiếu là 31/410.

MTGP và Bắc Việt (BV) trả 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ và thường dân các nước ngoài tại hai địa điểm Lộc Ninh và Gia Lâm (Hà Nội). Trong số này có một binh sĩ Đại Hàn được trả tại Đức Phổ (Quảng Ngãi) và hai lính Thái Lan tại Gia Lâm.

Tổng cộng hai bên miền Nam đã xử dụng tất cả bảy địa điểm để trao trả và tiếp nhận số NVQS mỗi bên trong thời hạn do Hiệp Định đề ra. Ngày 28-3-73, chấm dứt thời hạn sáu mươi ngày của NĐT. Vấn đề tù binh quân sự được tạm kết thúc với 26.508 nhân viên quân sự MTGP được trao trả và 4.956 NVQS/VNCH; vấn đề còn lại có hai điểm cụ thể : 410 người ở Đức Nghiệp chưa được trao trả và 210 phía Mặt Trận hồi chánh ở Biên Hòa và hai mươi tám người tìm tự do phía VNCH chưa được hợp thức hóa đúng thủ tục trao trả (Theo quan điểm phía Cộng sản). Ngoài ra, một số lớn quân nhân VNCH hiện còn bị giam giữ cũng là một mối quan tâm lớn mà Tiểu Ban Tù Binh VNCH phải cố gắng thuyết phục để phía CS chấp thuận bổ sung. Vấn đề nhân viên quân sự này đã kéo dài quá thời hạn sáu mươi ngày, lan qua thời hạn chín mươi ngày quy định cho vấn đề nhân viên dân sự, và kéo dài cho đến ngày 3-1-74 (Ngày Mặt Trận trả đợt chót của 410 người ở Đức Nghiệp) mới tạm coi giải quyết xong.

Theo tinh thần Điều 7b NĐT trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày ký kết 27-1-73 hai bên phải phổ biến danh sách nhân viên dân sự mà hai bên giam giữ và phải hoàn tất trong vòng 90 ngày kể từ ngày 27-1-1973 việc trao trả toàn bộ số nhân viên dân sự được thông báo. Để thi hành đúng đắn điều khoản trên, phía VNCH trong phiên họp ngày 12.2.1973 đã mang sẵn danh sách đầy đủ 5081 NVDS/MTGP để trao đổi, đổi lại phía Mặt Trận dự định chuyển giao một danh sách chỉ vỏn vẹn 140 người. VNCH không thể chấp thuận con số này nên cuộc trao đổi bất thành. 140 người, một số lượng quá ít ỏi so với 67.501 nhân viên dân sự và thường dân VNCH đã bị bắt trong khoảng thời gian 1954-1973. 67.501 người có đủ chi tiết hộ tịch, các trường hợp bị bắt, ngày tháng, nơi bị bắt được tu chỉnh đầy đủ chi tiết. Trước đòi hỏi hợp lý của VNCH với danh sách chính xác, MT không thể muối mặt ngoan cố hơn được đành phải bổ sung vào số lượng 140 bằng những con số kế tiếp: 60, 200, 28 và 209... tổng cộng tính đến ngày 2.4.1973, MTGP công bố một danh sách 637 người và xác định: Đây là con số cuối cùng, nếu có bổ sung thêm thì cũng chỉ có được với một, hai người đầu đó mà họ chưa kiểm kê chính xác được. Con số 637 người vẫn còn là một cách xa không bù so với tổng số 67.501, nên VNCH một mặt vẫn đòi hỏi MT bổ sung đến một con số thỏa đáng; một mặt để tỏ thiện chí, tôn trọng thời hạn do NĐT đề cập, nên đã thiết lập một kế hoạch trao trả bắt đầu vào ngày 28.4.1973 để thăm dò thiện chí của phía CS. Kế hoạch dự trả 750 người cho MT tại Lộc Ninh và bắc sông Thạch Hãn từ 28.4.73 đến 11.5.73, đồng thời nhận về 385 người ở ba địa điểm Lộc Ninh, Quảng Trị, Bình Định. Nhưng đúng như dự kiến của VNCH, đối phương đã gài vào số lượng 385 người được trao trả này 128 quân nhân VNCH, một tỷ lệ vô lý vi phạm trầm trọng yếu tố chính của tinh thần trao trả: Trao trả nhân viên dân sự giữa hai bên miền Nam. Trước sự trá trở này

cùng những thủ đoạn xảo trá tại các địa điểm trao trả nhằm mục đích ngăn chặn người muốn tìm tự do về phía VNCH, diễn hình trong cuộc trao trả ngày 9.5.73 tại Quảng Trị khi 10 trong 25 người của danh sách thứ nhất phát biểu nguyện vọng tìm tự do, cán bộ MT tại địa điểm bắc Thạch Hãn đã trở mặt đòi hợp thức hóa những người này ngay ở cuối đợt trao trả danh sách thứ nhất này. Trái với thủ tục phát biểu nguyện vọng đã thỏa thuận trên nguyên tắc ở BLHQ/2B/TU". Sự kiện đã làm trì hoãn việc trao trả cho đến ngày 11.5.73. Vì những lý do xác đáng này, VNCH tạm thời đình chỉ công tác để kiện toàn lại thủ tục có một bản văn làm căn bản để có thể thi hành ở tất cả mọi địa điểm trao trả hoặc tiếp nhận.

Ngày 13.6.73, Thông Cáo Chung Ba Lê được ký kết để tìm một giải pháp tích cực và cụ thể hơn cho việc thi hành Hiệp Định ngưng bắn, vấn đề trao trả nhân viên quân sự và dân sự cũng được đề cập chặt chẽ bởi Điều 8 của Thông Cáo Chung này và một số thời lượng chính xác khác lại được nêu ra làm mốc để việc trao trả phải được hoàn tất nhanh chóng: Vấn đề nhân viên quân sự phải được giải quyết trong 30 ngày, nhân viên dân sự trong 45 ngày kể từ 13-6.

Nhưng Thông Cáo Chung cũng như Hiệp Định ngưng bắn, dù với những điều khoản thiện ý cùng các qui định chặt chẽ tới đâu cũng không thể thực hiện được vì tính ngoan cố căn bản của phía cộng sản, hướng gì ngay trong căn bản, Hiệp Định đã vô tình hay hữu ý có những kẽ hở trầm trọng to lớn, và MT núp sau đó, làm nơi trú ẩn tránh né sức công phá do đòi hỏi hợp lý cụ thể của phía VNCH. Thế nên số lượng nhỏ nhoi 637 cần được phía MT kiên trì giữ vững với lập luận:

- Chúng tôi chỉ có chừng đó và kế hoạch trao trả cho quý vị chỉ có được với số còn lại của 637 (385 người đã trả ở Quảng Trị, Lộc Ninh, Bình Định).

Một lần nữa để tỏ rõ cùng thế giới lòng tha thiết muốn thực hiện hòa bình bằng những biện pháp tích cực nhất, VNCH lại khởi đầu lập ra một kế hoạch trao trả khác kể từ 23-7-73 đến 28-8-73 để trả hết số nhân viên dân sự MTGP còn lại của 5.081 (750 đã trả theo kế hoạch ngày 28-4 và 11-5 tại hai địa điểm Lộc Ninh và Thiện Ngôn) đồng thời thu nhận 410 nhân viên quân sự VNCH ở Đức Nghiệp và 252 dân sự. Kế hoạch này không thực hiện.

Trước Tết Giáp Dần, phía VNCH muốn khai thông vấn đề trao trả với hy vọng cuộc trao trả sẽ tiến hành và kết thúc trước Tết. Nhưng hai bên đã nhìn vấn đề theo hai quan điểm đối cực. Phía Việt Nam muốn đặt vấn đề trong khung cảnh toàn bộ, muốn giải quyết toàn thể tù binh (gồm số tù đã được thông báo nhưng chưa trả hết và quân nhân VNCH bị bắt ở Hạ Lào, Kampuchia, Mậu Thân, và tổng số nhân viên dân sự bị bắt cóc từ 1954 hay trở về trước nữa...) Trái lại, phía MT chỉ muốn tiếp tục lại kế hoạch bị bỏ dở từ tháng 7-1973; họ quan niệm kế hoạch này là toàn bộ vấn đề tù binh, trả hết số tù binh này là kết thúc. Vấn đề Tù Binh (nếu gọi là còn) tức là số 200.000 nhân viên dân sự và tù chính trị thuộc lực lượng thứ ba hiện VNCH đang giam giữ (!); theo quan điểm của họ 410 quân nhân VNCH và 252 nhân viên dân sự là những "con số thực tế" cuối cùng! Thật gọn, ai bảo người cộng sản không biết khô hài; quả tình họ khô hài độc địa và thâm hiểm hơn bất kỳ loại khô hài đen nào.

Tết Giáp Dần đi qua, kế hoạch không được thực hiện, mãi tới ngày 8-2-74 một cuộc trao trả mới được bắt đầu để kết thúc vào ngày 7-3-74. Cuối cùng VNCH trao trả đủ số 5081 nhân viên dân sự thêm 76 nhân viên quân sự cho Mặt Trận, nhận về 410 người ở Đức Nghiệp (với số thiếu là 31/410) và tỷ lệ thiếu về nhân viên dân sự là 12%... Một cuộc chiến tranh ý hệ dài dằng dặc được kết thúc với con số 252 còn lại của tổng số 637 người dân, nhân viên dân chính bị bắt.

## **NHỮNG CON SỐ ĐAU ĐỚN**

Theo Điều 8a của Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam, trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký kết 27-1-1973 những phe tham chiến tại Việt Nam sẽ trao trả hết số tù quân sự và thường dân nước ngoài hiện đang bị giam giữ, đồng thời phải trao đổi ngay danh sách đầy đủ về số tù nhân này trong ngày ký kết.

Vấn đề tù binh dân sự Việt Nam được qui định giải quyết trong một thời gian 90 ngày đặt căn bản trên Điều 21 (b) của Hòa Ước Genève (Điều khoản này định nghĩa : Nhân viên dân sự bị bắt là người đã tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang hoặc chính trị tại một bên ở Việt Nam mà bị bên kia bắt giữ. Cuộc tham gia này có thể là dưới nhiều hình thức miễn không là ở cương vị người lính.

Vấn đề cụ thể và đau đớn của cuộc chiến, một cuộc chiến khốc liệt cao điểm của phương thức chiến tranh giải phóng, cuộc chiến tinh quái độc hại rứt rứt nhất của nhân loại được giải quyết bởi 11 giòng gồm 195 chữ của Điều 8 HĐ và bốn trang của NĐT gói ghém toàn bộ cách thức giải quyết. Trên cơ sở mong manh hàm hồ nhiều cạm bẫy này, vấn đề tù binh dân sự được giải quyết với sự thiệt hại nghiêng dần về phía Việt Nam Cộng Hòa. Phải viết đủ bốn chữ như thế để phân biệt với "hai" thứ Việt Nam kia, những người Việt no say hưởng bữa tiệc rượu máu của những người Việt đang bị giam giữ: Những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa.

Trong những ngày soạn thảo văn bản Hiệp Định và các Nghị Định Thư, không hiểu những người có nhiệm vụ bót từng chữ, từng câu khi cố tình loại bỏ sự có mặt của quân đội Bắc Việt, của "nước" Bắc Việt để che dấu những thỏa thuận biển lận, thâm độc chính trị, có nghĩ rằng họ đang sửa soạn một bữa tiệc máu: Máu những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị quân đội Bắc Việt bắt giữ khi giao tranh. Vì Điều 1 và 2 NĐT/TB không có phân biệt rõ ràng để xác định có bao nhiêu loại tù binh, nên dù cố gắng soi sáng bằng tất cả mọi góc cạnh tỉ mỉ mười bốn hàng chữ của hai điều khoản đó, ta cũng chỉ nhận được có bốn loại tù binh : Tù binh Hoa Kỳ và quân đội nước ngoài (Những nước đã tham chiến giúp VNCH), thường dân nước ngoài thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hay của bất cứ nước nào khác (Phi, Úc, Nhật...) và hai loại tù dân - quân sự của miền Nam Việt Nam : tù do Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và tù của Mặt Trận Giải Phóng!! Không có một giòng chữ nào gọi đến những người lính chính qui đã phát xuất từ Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh vào tham chiến tại mặt trận B2 (Trị Thiên), B3 (Ba biên giới)... Không có một chữ, nghĩa dù mơ hồ để chỉ những tù nhân quân sự bị bắt tại trận địa, mình xam câu "Sinh Bắc Tử Nam", trả lời thẳng thắn: "Tôi thuộc Sư đoàn 304B do Thượng Tá Nguyễn Sơn chỉ huy, đơn vị thành lập năm 1965 tại Thanh Hóa, xâm nhập miền Nam ngày 9-10-1967, tham chiến tại Khe Sanh kể từ ngày 19-1-1968..." Không có một giòng chữ để chỉ loại tù này: Những người lính đi B (đi Nam) và lẽ tất nhiên cũng không có chữ nghĩa vô ích để gọi đến cái Sư đoàn 304B kia! Kinh khiếp thật, cả thế giới a tòng cùng quân cướp, trong đó có những người được nổi tiếng vì hoạt động cho hòa bình!! Và thế thảm hơn cả, đau đớn hơn cả, hệ luận tất nhiên của hai điều khoản trên ắt phải xảy ra: Không có quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt bởi quân đội Bắc Việt... Tóm lại: Chiến dịch Hạ Lào (2-1971), chiến dịch đánh vào hậu cần Cục R trên đất Miền (5-1970), rõ rệt nhất là cuộc tổng công kích vào miền Nam trong Tết Mậu Thân, và mới mẻ hơn hết: Cuộc đại chiến mùa hè 1972, những cuộc giết người vĩ đại được hợp thức hóa thành chiến tranh cục bộ do phong trào "Nhân dân miền Nam giác ngộ yêu nước chủ động hoặc do Nhân dân Khmer và Pathet Lào kiên cường chống xâm lược..." Người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt trong các trận chiến này bị hư vô hóa, vô hiệu hóa và vô tính hóa. Không có loại tù binh đó trong Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam. Vấn đề tù binh sẽ được giải quyết trên căn bản "Hòa hợp, hòa giải dân tộc, chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và để người tù đoàn tụ với gia đình..." Cả thế giới hoan nghinh tinh thần đẹp đẽ và điều khoản nhân đạo của Hiệp Định... Người tù quân sự VNCH, anh ở đâu? Cả thế giới đồng lòng xóa bỏ sự hiện diện đau đớn bi tráng này. Thế Giới, Nhân Loại, trong khi ngửa cổ uống ly rượu "ý thức

hòa bình tiến bộ" có nghĩ đến những người lính miền Nam đang bị cùm chân ở núi rừng Cao-Bắc-Lạng. Người Tù rút khỏi trò chơi Hòa Bình.

Để trao đổi với VNCH khi bên này công bố bảng danh sách tù quân sự 26.750 người của Mặt Trận Giải Phóng bị giam giữ. Trong danh sách 26.750 tù binh cộng sản, VNCH liệt kê các thành phần: Quân đội chính qui Bắc Việt xâm nhập; lực lượng hồi kết (Thuộc các đơn vị ở Trung và Nam Việt Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève 1954 và xâm nhập về Nam từ 1959 trở đi...); đơn vị chính qui và du kích thuộc MT. Đối lại, MT chỉ ghi chú số 5.018 người là do quân giải phóng bắt giữ được trong mười năm chiến tranh. Cộng sản chỉ dự trù trao trả cho VNCH những tù binh phần lớn bị bắt trong năm 1972, một số ít của những năm 68, 69, 70, 71... Tù binh trước năm 68 không hề được đề cập và liệt kê vào danh sách. Thâm hiểm hơn hết họ không trao trả số quân nhân VNCH đã bị bắt trong các cuộc hành quân vượt biên với lý luận đây là tù binh của Phathet Lào và của Khmer Đỏ.

Phía VNCH không thể nào chấp nhận danh sách 5.018 người kia trả là tổng số thực tế của mười năm dài chiến trận. Không thể chấp nhận này vì sẽ phạm tội đồng lõa khi gọi số lượng nhỏ kia là con số thực tế. Sau cuộc trao trả, khi so sánh danh sách 5.018 người được trao trả này với danh sách đã phổ biến tại Ba Lê người ta thấy ngay được con số lớn chênh lệch: 29 sĩ quan, 1033 binh sĩ và hạ sĩ quan (Có tên trong danh sách 5.081 phổ biến ở Ba Lê) nhưng không được trao trả. Sự kiện có thể hiểu theo hai cách: Vì có 29 sĩ quan và 1033 hạ sĩ quan, binh sĩ trong danh sách này đã chết nên bây giờ phía cộng sản thế vào bằng một số người khác; hoặc 29 sĩ quan và 1033 binh sĩ sau này tuy không được liệt kê vào danh sách Ba Lê như dự trù nhưng vì danh sách thiếu hụt số lượng người trao trả nên họ bù vào cho đủ số. Tất cả hai luận lý đều có chung một kết luận: "Còn rất nhiều quân VNCH hiện đang còn bị giam giữ trong lao tù cộng sản". Như dẫn chứng sau đây, Tiểu đoàn 101 pháo binh đóng tại Gio Linh, tháng 3-1972; Bắc quân mở đầu đại chiến mùa hè, căn cứ hỏa lực của tiểu đoàn này bị tràn ngập, trung úy Thành bị bắt và đem giam tại Bắc Việt. Một bức ảnh chụp tù nhân VNCH tại miền Bắc trong đó có Thành được đăng lên báo Đoàn Kết (Bắc Việt) và phổ biến tại Ba Lê. Gia đình cũng nhận được lời nhắn tin của Thành qua đài Hà Nội. Sự kiện về trung úy Thành rõ ràng cụ thể không che lấp, dấu diếm nhưng chắc rằng Thành đã có hành động chống đối, lời nói bất phục nên Thành không được trao trả. Tất cả bằng chứng về Thành được đưa ra ở bàn hội nghị của ban LHQS. Phe Mặt Trận "ghi nhận" chi tiết và đi qua trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc"...

Trường hợp của Thành chỉ là một ví dụ điển hình, cụ thể, của hàng ngàn người hiện còn bị giam giữ trong sáu mươi trại giam rải rác khắp ba lãnh thổ Việt, Miên, Lào, trong đó những trại giam miền Bắc Việt Nam được ghi nhận chính xác là mười hai trại. Trong mười hai trại ở Bắc Việt có trại T2 (thành lập vào khoảng tháng 4-71 sau chiến dịch Hạ Lào hai tháng) đặt tại vùng hai xã Việt Hồng, Việt Cường huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái, trong trại này có những quân nhân Việt Nam bị bắt ở chiến dịch Hạ Lào, những sĩ quan như Đại tá Nguyễn Văn Thọ Lữ đoàn Trường Lữ đoàn 3 Dù, Thiếu Tá Trần Văn Đức sĩ quan ban 3, Thiếu Tá Phương. Đại úy Thương, những sĩ quan pháo binh của Tiểu đoàn 3 Pháo, đơn vị trấn giữ đồi 31. Những con người có thật đã nói ở đài Hà Nội, bị giam ở những trại đã được kiểm chứng, do lời tiết lộ của những người vừa được trao trả, do cung cấp của những hồi chánh viên có nhiệm vụ quản lý trại... Những tài liệu chính xác, những dẫn chứng cụ thể, những lời nói được thâu băng... Tất cả trở nên vô hiệu, vô ích trước cộng sản. Phía MTGP lý luận: Những sĩ quan như Đại tá Thọ, Thiếu tá Phương, Đức,... Như quý vị vừa nêu ra, chúng tôi xin ghi nhận; nhưng chúng tôi xin thông báo trước: Những nhân viên quân sự đó không thuộc quyền "quản lý" của chúng tôi, họ tham chiến tại Nam Lào bị lực lượng Pathet Lào bắt được, chúng tôi chỉ vì "tình đồng bào" (?) lòng nhân đạo, sẽ "quan hệ" với lực lượng Pathet Lào để thả các anh em đó ra vì dù sao họ cũng là người Việt Nam (!!).

Khỏe ru, MTGP, Bắc Việt ung dung thông qua vấn đề, vì Hiệp Định, Nghị Định Thư không nói đến loại tù này... Quân Bắc Việt không tham chiến ở Lào, ở Nam Việt Nam. Tóm lại, lãnh thổ và chính quyền đó đứng ngoài cuộc chiến tranh. Quái đản và đau đớn quá, nhiều cái mồm hét lớn hoan hô hòa bình, hoan hô thiện chí... Có nhiều nguyên do gây nên chiến tranh, gây nên tội ác. Danh từ là một trong những nguyên nhân chính yếu. Cộng sản, những người chiến đấu vì danh từ và dùng nó để che dấu vết giết người. Rất nhiều người không thấy rõ mặt cộng sản sau những danh từ: Hòa Bình, Hòa Hợp, Hòa Giải...

Tạm gác vấn đề tù quân sự lại, phương thức giải quyết sẽ vô cùng khó khăn khi va mặt với bức tường đá cộng sản. Chúng ta đi tiếp vấn đề. Tù dân sự, khuôn mặt bi thảm thứ hai của vấn đề tù binh. Sau ngày 27-1-1973 Phủ Tổng Ủy Dân Vận phổ biến một tập danh sách tổng kết số thường dân và cán bộ dân sự bị cộng sản bắt cóc kể từ 1954. Tổng số là 67.501 người, gồm 50.747 thường dân và 16.754 cán bộ. Con số tuy lớn nhưng vẫn là con số chính xác căn cứ vào những chi tiết cụ thể đã được kiểm chứng kỹ. Ngoài ra còn có một số lớn thường dân ở những vùng hẻo lánh bị bắt cóc mà chính quyền không kiểm kê được. Đối diện với số người to lớn có đủ dẫn chứng về tên họ, gia cảnh, sinh quán, chức vụ, ngày và nơi bị bắt, người cộng sản tỉnh táo trả lời đến độ ngang ngược: Năm 1959, Phong trào nhân dân vũ trang giải phóng mới được phát động, ngày 20-12-1960, Mặt Trận Giải Phóng mới chính thức thành lập... Vậy thật vô lý khi bảo Mặt Trận đã tham dự vào công việc bắt cóc thường dân và cán bộ VNCH trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1960!! Được đà, đám cán bộ trong bàn hội nghị tiếp tục: Kể từ năm 1960 trở về sau này, quả tình MT có bắt giữ một số cán bộ, những người dân không "giác ngộ", những người dân không có "ý thức cách mạng tiến bộ...", nhưng vì chính sách của MT là cải tạo, giáo dục và không... giam giữ, nên số người này sau một thời gian học tập đã giác ngộ (!!). Mặt Trận đã thả họ về nhà hoặc để họ "tự động" tham gia vào phong trào nhân dân vũ trang yêu nước (!!?). Cuối cùng để chứng tỏ thiện chí và tinh thần tôn trọng Hiệp Định và Nghị Định Thư, Chính phủ Lâm Thời trao cho Việt Nam Cộng Hòa một danh sách 140 người hiện bị MT giam giữ để chứng tỏ lòng yêu chuộng hòa bình. MT luôn sẽ cố gắng bổ sung thêm nếu có!!

Thậm quái đản, không có sự ngang ngược nào hơn thế nữa, cuộc chiến dài giữa hai ý hệ đối nghịch trong thời gian dài mù mịt chỉ có được 140 người tù dân sự. Và đúng như danh từ "cải tạo, giải phóng" mà CS gán vào cho những người thường dân, cán bộ dân chính VNCH, cũng thật đúng nữa khi họ bảo không có chế độ giam giữ. Vì họ đã giết, giết rất nhiều cán bộ hành chánh và thường dân vô tội. Nhân loại thế giới khi vỗ tay ca ngợi lũ người xanh mặt búng từ mặt khu đi hội Ba Lê vì "thiện ý hòa bình" hãy hiểu rõ họ đang cổ vũ tán thưởng "những kẻ giết người". Những đao phủ thâm ác và nhiệt tâm từ ý thức giác ngộ cách mạng; được gây hứng khởi bởi máu xương của người dân miền Nam nước Việt. Người dân Huế chết trong Tết Mậu Thân, người Quảng Trị trên chín cây số xác người của "Đại Lộ Kinh Hoàng", người Bình Long ngã gục dọc đường số 13... Chủ nghĩa siêu nhân của Nietzsche gây cơn hứng giết người cho dân tộc Đức, giáo điều Mao Trạch Đông giúp Vệ Binh Đỏ xuống tay quá độ không ngần ngại... Và ở Việt Nam, nơi đáy sâu tai ương khổ nạn, thứ Marxisme thô sơ được biến thể và cập nhật hóa bởi đầu óc ngoại hạng họ Hồ giúp đám cán bộ đảng Lao Động giết người vô tội trong tận cùng thỏa thuê với ý thức giác ngộ sáng suốt... Kinh tởm quá, hậu bán thế kỷ 20 vẫn còn số đông nhân loại mang chứng bạo ngược tinh thần để a tòng cùng kẻ sát nhân qua máu xương người Việt thụ nạn.

Cuối cùng, phe cộng sản tỉnh táo kết luận như trên, dù khi phía VNCH công bố chi tiết về trại Ba Sao ở Nam Hà (Nam Định và Hà Nam) trong số có các ông Bảo Lộc, Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Nguyễn Văn Đãi Ủy viên Chính phủ Vùng I, Hà Thúc Tứ Trưởng ty Hỏa xa Đà Nẵng, Nguyễn Đình Bá sinh viên và nữ ký giả Nguyễn Thụy An. Và cụ thể nhất là trường hợp của Bác

sĩ Nguyễn Đệ Trường Ty y tế Bồng Sơn bị cộng sản bắt trong tháng 5-1972, đã bị khám phá bởi ký giả báo Ashahi Shinbul. Báo này viết : "Trường hợp của Bác sĩ Đệ bị bắt ép phải ở lại, là một vết nhơ của vùng giải phóng..." Những người này không có tên trong danh sách 637 người bổ túc.

Ngày 12 tháng 2/73, cuộc trao trả tù bắt đầu, Bắc Việt trả tù ở Gia Lâm, Việt Nam Cộng Hòa trả ở Thạch Hãn, Mặt Trận Giải Phóng trả tù ở Lộc Ninh. Cuộc trả tù ở Gia Lâm diễn tiến tốt đẹp. Hà Nội còn trả thêm một trung tá vì mẹ ông này bệnh. Tại Quảng Trị phía VNCH đem tù đến bờ nam sông Thạch Hãn, toán cán bộ gốc Bắc Việt ở bên kia sông chưa kịp chuẩn bị vì thiếu phôi hợp, nên từ chối tiếp nhận. Tại Lộc Ninh, MT chơi trò ma giáo, hẹn trả lúc 8 giờ 30, mãi đến chiều tối mới trao trả. Ông tướng Woodward phản pháo lập tức bằng một kháng thư gửi đến Chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế và một văn thư cảnh cáo Trưởng Trà với xác định: Việc trao trả của quân nhân Hoa Kỳ chỉ liên hệ trực tiếp với việc rút quân của Hoa Kỳ. Việc rút quân này diễn tiến theo đúng thời hạn ấn định, không có lý do nào để giải thích những trì hoãn tương tự...

Tháng 2, 3 năm 73 qua hết, 556 tù Quân sự Mỹ được hoàn tất đúng boong kỳ hạn, cả hai anh Bắc Việt và Mặt Trận sau hai lần thử gió người Mỹ, đã phải de lui vì phe này nắm trong tay nhiều sức mạnh để quyết định... Chúng tôi không đến đây để đùa cùng quý vị, ông Cố vấn Kissinger đang có mặt tại Hà Nội (2-73) với những chỉ thị của Tổng Thống chúng tôi để yêu cầu quý vị dứt khoát trả các tù nhân Hoa Kỳ đúng thời hạn... Câu nói cứng rắn nhiều uy thế của Tướng Woodward, của Đại tá Russell đẩy mạnh vấn đề của Hoa Kỳ êm đẹp. Việt Nam Cộng Hòa cũng hoàn tất việc trao trả 26,508 tù quân sự cộng sản (còn 210 chưa hợp thức hóa là người tìm tự do). Mặt Trận trở mặt giữ 410 quân nhân VNCH lại Đức Nghiệp không có giải thích thỏa đáng, được che dấu dưới luận điệu : Chúng tôi luôn đặt tinh thần nhân đạo lên trên mọi tác động chính trị. Và tiếp tục giữ 410 người ở Đức Nghiệp này quá thời hạn sáu mươi ngày, chín mươi ngày cho đến tháng 7 năm 1973. Ba tháng đi qua đã có 30 người chết trong các trại giam. Vấn đề tù quân sự được tạm thời đình chỉ đầu tháng 5-73 để bắt đầu cuộc trao trả cho MT 750 tù dân sự và nhận về 385... Kế hoạch đang trên đà tiếp tục bỗng bế tắc vì Ủy Ban Quốc Tế không chịu đến địa điểm trao trả nếu MT không chịu bảo đảm hành lang không lưu. Người Cộng sản cũng không chịu nhận tù ở địa điểm nam Thạch Hãn vì muốn lợi dụng địa điểm bắc Thạch Hãn để ngăn những người tù không muốn về phía Mặt Trận. 36 người hồi chánh trong 750 người trao trả của đợt I tù dân sự chắc chắn sẽ có thêm một đa số không chịu về phía bờ bắc Thạch Hãn nơi có những lá cờ máu và cán bộ đáng nói giọng miền Bắc với danh xưng. "Người Quảng Trị". Ngoài ra MT còn chuẩn bị thêm một chiến thuật khác nhằm khai triển và lợi dụng những người như Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Long... để tạo dựng nên một thành phần thứ ba, những người chắc chắn sẽ gây nhiều trở ngại và rối rắm ở địa điểm trao trả với số phóng viên báo chí ngoại quốc mà Mặt Trận bố trí sẵn sàng. Trong tình trạng dần co của tháng 5, 6, 7, 1973 phía VNCH nỗ lực đòi hỏi phía CS trả hết số tù nhân đã được thông báo, ưu tiên là 410 quân nhân ở Đức Nghiệp; số tù dân sự còn lại và trọng tâm của yêu cầu là những tù nhân VNCH còn bị giam rải rác khắp nơi trên lãnh thổ Đông Dương; cụ thể là 7.061 tù nhân quân lẫn dân sự của 34 trại ở nam và bắc Việt Nam. Trước con số cụ thể, những dẫn chứng minh bạch, những vị trí chính xác của trại giam, phía CS vẫn cố tình che lấp vấn đề bằng lập luận ngược và cố chấp đến cùng cực.

Chúng tôi chỉ còn một hoặc hai người là nhiều, quý vị đánh ở Nam Lào, ở Kampuchia, nếu bị bắt là do Pathét Lào, Khmer Đỏ bắt giữ chứ không phải chúng tôi. Những lập luận quái đản, những lý lẽ hàm hồ được lập đi lập lại không ngưng ngừng bằng những ngôn từ nghiêm trang mầu mực. Bức tường đá cổ chấp không tình người vẫn đứng nguyên trước những đòi hỏi hợp lý. Tù nhân Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn bị cùm kẹp nơi hốc núi, cuối lòng rừng ở Tuyên Quang, Vĩnh Phú (Vĩnh Yên À Phú Thọ), Yên Bái, Sơn Tây. Những viên chức hành chánh VNCH vẫn phải lao động sản xuất đến hơi thở cuối cùng trong trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, hệ

thống trại giam Lý Bá Sơ cũ. Trại Lý Bá Sơ, nơi địa ngục trần thế của lũ người nghiện men máu và hơi xác chết qua một thời gian dài. Chỉ còn mười ngày nữa là hết thời hạn bốn mươi lăm ngày của Thông Cáo Chung 13-6-1973 những lính Biệt Kích, Nhảy Dù của Lữ Đoàn 3 thuộc trại T371 nơi núi rừng Lạng Sơn hằng ngày vẫn phải kiếm lá, nhặt rau để ăn cầm hơi vì phần gạo "tiêu chuẩn" tối thiểu... Trong khi ở Trà Mi miền Nam, Trà Bồng, Ba-Tơ, A-Sao, A-Lưới bao nhiêu quân nhân vẫn đang bị học tập cải tạo, sống với tiêu chuẩn hai vắt cơm cùng vài hạt muối mỗi ngày. Mười ngày nữa, thời hạn sẽ qua đi, tù cộng sản được trả hết, phía VNCH còn lại gì để bàn cãi, để đặt vấn đề. Đau đớn quá, tiếng hét của hàng vạn người Việt Nam Quốc Gia không vang được đến tai người đồng đội, không thoát khỏi tầng cây, không vượt qua đỉnh núi... Các anh sẽ ra sao, những người lính đời 31 Hạ Lào, của căn cứ Hòa Lực A1, A2, Gio Linh, các anh sẽ ra sao những người đã giữ vững Tân Cảnh, đã tử thủ Hoà Ân, những người chiến đấu cho Hòa Bình, cho nhân loại, cho thế giới.

Mặt Trận còn xử dụng một chiêu thức khác để chạy tội về vấn nạn tù binh, bằng cách nêu lên đòi hỏi: phía VNCH phải trả tự do ngay lập tức và không điều kiện 200.000 (?) tù chính trị hiện còn đang bị giam giữ. Họ lý luận: "Đây là những người tranh đấu cho Hòa bình, Hòa giải, Dân Tộc"... Thuộc về "thành phần lực lượng thứ ba"; một lực lượng tối cần thiết để thành lập Hội Đồng Hoà Giải Dân Tộc!!! 200.000 người theo MT là tổng số thường phạm hiện còn đang bị giam giữ ở các nhà giam VNCH.

Đây là một đề tài tương đối mới mẻ mà Mặt Trận vừa mới đưa lên bàn hội nghị kể từ tháng 5-73. Vấn đề này sở dĩ xuất hiện muộn vì có hai lý do mà chúng ta có thể dẫn chứng không sợ sai lệch.

Trong những tháng 3 và 4-73, MTGP dồn nỗ lực để tiếp nhận con số lớn 26.750 nhân viên quân sự được VNCH trao trả đồng thời tranh thủ thời gian để kịp nhận số nhân viên dân sự cộng sản (5081 người) mà VNCH sắp trao trả. Nhân tố này là một thành phần tối cần thiết để MTGP bổ sung lại lỗ hổng cán bộ hạ tầng đã tan vỡ và vô hiệu hóa sau biến cố Mậu Thân, hoặc do hậu quả và các chiến dịch vượt biên của quân đội VNCH năm 1970, 1971; các đường giây giữa cực R và cơ sở nông thôn như giao liên tiếp vận, chuyển quân đã bị đứt hẳn hoặc chùng lại trong suốt những năm 69, 70, 71, 72.. Số cán bộ hạ tầng này cũng để dùng thay thế lớp cán bộ chính trị Bắc Việt hiện tại đang khuynh loát toàn thể cơ cấu của Mặt Trận, lớp cán bộ miền Bắc này đã được bố trí vào hạ tầng cơ sở nông thôn miền Nam trong âm mưu chiến lược của cuộc đại tấn công 1972 do các sư đoàn chính qui Bắc Việt. Nhưng có lẽ sau đợt tiếp nhận từ 28-4 đến 11-5-73 với 750 nhân viên dân sự, MTGP thấy không thể khai thác đám cán bộ này với nhiều lý do, có những lý do nội tại tiêu cực là lớp người này đã mất hẳn cơ sở tinh thần tranh đấu, hoặc áp lực tích cực của khối cán bộ gốc Bắc Việt. Thế nên, cách hăm hở, nôn nóng ban đầu nguội dằn, Cộng sản xoay mũi đấu tranh qua địa bàn tù chính trị.

Lý do thứ hai có thể giải thích sự muộn màng việc Mặt Trận Giải Phóng trở hướng chiến đấu vì từ tháng 5-73 trở đi họ mới có đủ tài liệu và dữ kiện để nhập trận. Khi có những tài liệu về các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, báo chí, sách vở của nhóm trí thức Công Giáo tả khuynh như Ngọc Lan, Chân Tín, tập Bạch Thư của Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận; Mặt Trận Giải Phóng tận lực khai triển hợp cùng với những đợt tấn công của các hiệp hội đoàn thể có khuynh hướng cộng sản, thiên tả lấy mục tiêu nhà tù VNCH làm chủ điểm đấu tranh. Nội ngoại tiếp ứng nhịp nhàng để tạo thành cơn nổ lớn với đề tài Á Tù chính trị ở miền Nam. Nắm được điểm chủ yếu của phong trào, Mặt Trận Giải Phóng khai triển tối đa thành phần nhân viên dân sự mang tội phá rối trị an như luật sư Long, luật gia Thành sinh viên Mầm, Ban, Lan, Huệ... Với sức đẩy của phong trào, người cộng sản nỗ lực biến những người này thành một lớp "tù chính trị trung tính, một lực lượng thứ ba yêu nước" chỉ vì đấu tranh cho hòa bình mà bị cấu thành tội. "Khối thứ ba" này rất cần thiết cho giai đoạn hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một khối thứ ba với kỹ thuật đấu

tranh sách lược hoạt động và quá trình tư tưởng là cộng sản. Công tác này bắt đầu được đẩy mạnh trong tháng 6-73. Phía MT tổng hợp số người "thực tế" này với số 200.000 người trên để tạo nên một thực tế "ma" là 200.000 tù chính trị!!!

Với chủ đích nghiêm trọng như thế, Mặt Trận Giải Phóng kết lập tất cả mọi dữ kiện từ cuốn sách của Dân biểu Nhuận với một lời tuyên bố của một giới chức VNCH liên quan đến vấn đề tù nhân, bài báo của nhóm linh mục cộng sản giáo tả khuynh hòa điệu cùng bức thư của sinh viên Mãm. Tất cả diễn ra nhịp nhàng chặt chẽ với sự tiếp hơi của các đoàn thể, hiệp hội khuynh tả trên thế giới, đặc biệt của nhóm Công Giáo Cấp Tiến đang có ảnh hưởng mạnh lên thành phần trí thức phản chiến Tây Phương. Và phong trào đã dừng lại trên cao điểm: Việt Nam Cộng Hòa hiện đang giam giữ hàng trăm ngàn người tù chính trị trong các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, Phú Quốc, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, các trại giam ở 44 tỉnh, ở các quận... Lời tố giác cũng yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phải thả vô điều kiện các thành phần sinh viên học sinh tranh đấu, các nhân vật Châu, Long, Trọng, Thành... Cam kết không bắt giữ họ lại. Mục tiêu này cũng hiện rõ khi MT đưa ra trên bàn hội nghị một dự thảo thủ tục trao trả có nguyên một điều khoản để đề cập đến thành phần "không thuộc hai bên miền Nam" này... Chiến thuật tố cáo này cũng là một đòn né khi Việt Nam Cộng Hòa đưa ra đòi hỏi bổ sung danh sách NVDS/VNCH theo tập thống kê 67.501 như đã trình bày.

Diễn tiến cũng như kết quả của vấn đề này đã một lần được hiện rõ khi phía chúng ta trao trả hai mươi nhân viên dân sự gốc sinh viên học sinh, trong ngày 23-7-73 tại Lộc Ninh. Từ khi xuống trực thăng cho đến khi hoàn tất thủ tục trao trả nhóm sinh viên này đã lộ hẳn tình trạng. Đó là một thứ cán bộ cộng sản đã thấm nhuần cách thức đấu tranh do MTGP phát khởi và huấn luyện. Mặt trận đã chuẩn bị tinh vi để đảm sinh viên học sinh này có cơ hội phát biểu trước Ủy Ban Quốc Tế với thực chất được ngụ ý sinh viên học sinh tranh đấu cho hòa bình dân tộc thuần túy" để tố giác Việt Nam Cộng Hòa đã giam giữ họ cũng như nhiều tù chính trị khác mà không qua căn bản pháp lý nào, mở đầu mỗi xích chuỗi đấu tranh liên tục cho vấn đề "tù chính trị". Nhưng khôn ngoan, thâm độc là một chuyện, sự thật và công lý lại là một khía cạnh khác, Điều 7 (a) Nghị Định Thư đã nêu rõ chỉ có hai thành phần nhân viên dân sự để hai bên miền Nam trao trả. Hai thành phần nhân viên dân sự đó là những người đã dự phần vào cuộc đấu tranh ở một bên này hay bên kia dưới bất cứ hình thức nào trong tác động võ trang hoặc chính trị nên bị một bên kia bắt giữ (Điều 21b Genève). Thế nên bằng tất cả mọi nỗ lực, 24 giờ sau khi tiếp nhận đám sinh viên học sinh này, Mặt Trận Giải Phóng đã không gây được một tiếng vang hiệu quả nào khác ngoài sự cố gắng tuyệt vọng để khai triển một vấn đề mà thực chất đã bị ngụ ý danh.

## **TÙ BINH, ANH ĐI VỀ ĐÂU?**

Như tiêu đề đã nêu trên, phần lớn của tập bút ký này là viết về người tù, về cảnh tù, về những người thê thảm và cảnh đời tan vỡ. Trong những đoạn đã viết qua, tôi trình bày đủ một vài khía cạnh chính yếu về tù nhân Việt Nam Cộng Hòa do phía Cộng sản bắt giữ, những người tù thảm hại nhất của chế độ tù tội nhân loại. Những người tù bị ngụ ý danh, bị sỉ nhục, bị tước đoạt hết giá trị con người cùng quyền hạn, khả năng thực hiện thực đời sống. Cộng sản đã không gọi họ qua danh từ thông thường. Tù nhân (dù đã là tù ngục đen tối, thấp kém đau đớn nhất), nhưng họ bị chụp bởi những chiếc mũ: Giặc, ngụ ý, hoặc phản nghịch. Các trại tù lại được ngụ ý danh thành trại sản xuất, trại cải tạo, tù nhân được chia thành đội ngũ để xẻ núi, làm đường, trồng ngô, trồng sắn để sản xuất, tự lực cánh sinh... Trả nợ nhân dân!! Người tù Việt Nam Cộng Hòa không được yên thân trong thế giới đọa đày riêng, họ phải phấn đấu qua mỗi giờ, mỗi phút, làm sao có được bát cơm hầm, giọt nước muối để được sống. Phải, tất cả sức lực tinh thần, vật chất chỉ được hướng vào một mục đích: Sống còn. Nhưng chính vì trong đời sống thụ động đau đớn kinh hoàng này, người tù Việt Nam Cộng Hòa khi được trao trả, trở về trong phần đất



quốc gia, đời sống tù tội, giấc mơ ác liệt tưởng như trong địa ngục hoàn toàn chấm dứt, họ bắt đầu một đời sống mới, đời sống tưởng chừng như đã hủy diệt bất phục hồi. Được trao trả đồng nghĩa trở về địa đàng trần thế và quên thật nhanh, quên thật hết tháng qua, ngày trước, giờ phút trước khi điểm danh trao trả để đi như chạy, bò bằng tay lẫn chân vào lòng của chiếc trực thăng để bay cao, trở về và không bao giờ nhớ lại Đã một lần bị người cộng sản giam giữ. Đã một lần sờ tận tay nỗi chết. Bài viết này không đề cập đến những "người sung sướng" tội nghiệp đó, tôi muốn nói đến lớp tù đối phương, tù Cộng sản do quân đội, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và trao trả về cho đối phương; những người tù bị bắt khi tay đang giữ vũ khí ở chiến trường hoặc là những cán bộ nội thành bị phát giác đầy đủ tang vật và tài liệu. Cần nói rõ hơn một khẳng định, tôi sẽ không viết những lời tán dương chế độ giam giữ của chính phủ VNCH, một chủ đề mà cuốn sách không dự liệu, cũng như rất đối nghịch cùng lương tâm người viết: Người kinh sợ cảnh tù trên tất cả mọi sợ hãi. Bài viết sẽ cố gắng trình bày đủ đoạn trường tù tội mà kẻ tù nhân kia bắt buộc phải trải để chấp hành, bắt đầu từ khi hấn tay đưa tay đầu hàng trước một mũi súng trên chiến địa hoặc đặt tay vào chiếc còng của nhân viên công lực VNCH.

Như đã nhiều lần nhấn mạnh, người Cộng sản không bao giờ bỏ lỡ cuộc đấu tranh trong bất kỳ hoàn cảnh, cơ hội hoặc giai đoạn ngắn ngủi nào... Không có vấn đề nghỉ ngơi, không có đời sống riêng rẽ, hoàn cảnh độc lập. Đã dự vào cuộc đấu tranh do Đảng "đề xuất" và lãnh đạo có nghĩa đã dự vào một cuộc đua liên tục, đua không ngừng, không nghỉ, cho đến phút chót khi thiên đường Cộng sản hoàn toàn thực hiện. Đó là trên lý thuyết, trên cơ sở chủ nghĩa, riêng trong giai đoạn hiện tại, sau bước đường chống Mỹ cứu nước nay đã đến bước "Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp Định Pa-ri..."; người tù Cộng sản lại phải luôn luôn học tập, phải đa thông vấn đề, phải chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh Đảng ngay trong cảnh tù tội, để đến khi được trao trả thì đã nắm đủ các yếu tố phát động thể đấu tranh mới.

Sau khi đưa tay lên đầu hàng ở chiến trận, người tù quân sự Cộng sản được cơ quan an ninh của đơn vị bắt giữ khai thác tại chỗ để phân loại và cung cấp các hoạt động liên quan đến trận liệt. Thường thường các cuộc thẩm vấn được tiến hành cấp tốc vì những đơn vị tác chiến thuộc Quân lực Việt Nam Cộng Hòa không đủ nhân viên chuyên môn để khai thác tù binh, họ chỉ ghi nhận vài yếu tố lý lịch, đơn vị của người tù, xong giải giao ngay đến các cơ quan lưu giữ tạm thời như Bộ Chỉ huy Trung đoàn, Bộ Tư lệnh Tiền phương của Sư đoàn mà đơn vị đó trực thuộc hoặc thuộc dụng hành quân. Tại những nơi này dù có đủ thì giờ rộng rãi hơn cũng như có chuyên viên thẩm vấn, các cuộc hỏi cung cũng chỉ có mục đích xét hỏi người tù binh những tin tức liên quan đến tình hình mặt trận mà anh ta vừa tham dự, một số chi tiết về tên họ, đơn vị trực thuộc, từ đâu xâm nhập vào trận địa, ý định điều quân của đơn vị này trong thời gian sắp tới... Người tù binh tiếp tục được giải giao đến các Trung Tâm Tù Binh chiến tranh. Sự tranh đấu, nếu được gọi là như thế, giữa tù binh và cơ quan giam giữ quân đội Việt Nam Cộng Hòa không được cấu thành, cũng không bao giờ thực sự cần thiết. Cơ quan có nhiệm vụ chính thức giam giữ tù binh quân sự là binh chủng Quân Cảnh mà tư thế và nhiệm vụ rất cụ thể và hạn chế: Quản trị, điều hành và lưu giữ tù binh. Không có vấn đề phải khai thác, tuyên truyền chính trị, nên tương quan này không dẫn đến những xung đột nghiêm trọng, những đầy ải ác nghiệt như người Cộng sản luôn luôn tuyên truyền, xuyên tạc. Nhưng chính trong những chốn lưu giữ này, người tù binh Cộng sản phải bắt đầu tham gia vào một cuộc tranh đấu kinh hồn quyết liệt mà kết quả độc nhất là sự chết, do những bạn tù thi hành, hoặc tiếp tục giữ vững lập trường Cộng sản không mệt mỏi, không suy giảm để chấp hành đúng đắn mọi chỉ thị do những người đại diện của họ ra lệnh. Cuộc đấu tranh nguy nan giữa những người cùng chiến tuyến bắt đầu trong nhà tù Việt Nam Cộng Hòa.

Đến đây, cần mở rộng vấn đề qua một phạm vi khác để soi sáng yếu tố những người tù cộng

sản ở các trại giam: Những hồi chánh viên. Hồi chánh viên là những người tự nguyện buông súng, rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về phía Việt Nam Cộng Hòa trong tất cả mọi hoàn cảnh, ở khắp nơi trên chiến trường; cũng có thể gọi là hồi chánh dù trong lúc giao tranh nếu người lính cộng sản có thái độ tích cực sau khi buông súng về cùng các đơn vị quân đội cộng hòa. Sự thật, đã có những người hồi chánh vì "thế kẹt", khi đơn vị anh tan rã, rút đi, hoặc đôi khi vì bị bao vây, tấn công quá dồn dập. Nhưng dù có buông súng trong tình huống tiêu cực đó, nếu anh ta tự nguyện cung cấp tin tức, chỉ điểm nơi chôn dấu vũ khí và xin được hồi chánh thì anh ta vẫn được đưa về các Trung Tâm Chiêu Hồi, chứ không là các trại tù như trên đã nói. Những người hồi chánh tự nguyện hay ở vào thế kẹt như vừa trình bày, chỉ là những người hồi chánh "bình thường", những người hồi chánh trong bình yên. Có một loại hồi chánh viên khác, hồi chánh ngay trong trại tù, mới là những người hồi chánh thượng hạng, những người đã vượt qua biên giới cái chết trong đường cơ kè tóc. Như trên đã nói, người tù binh Cộng sản ngay khi nhập trại đã phải chịu một cuộc thẩm vấn gắt gao do đại diện tù nhân cộng sản thực hiện. Anh ta phải khai rõ lý lịch, không phải chỉ một vài chi tiết của tên tuổi, tên cha mẹ, bạn bè, đơn vị, nghề nghiệp, sở thích... Không phải khai một lần, nhưng năm lần bảy lượt bởi một cuộc thẩm vấn tinh vi kinh khiếp: Mục đích của cuộc tra hỏi này là để nhóm đại diện tù binh cộng sản phát giác ra ngay những "ngụy hồi", tức là những hồi chánh viên mà cơ quan giam giữ Việt Nam Cộng Hòa gài vào đám tù binh cộng sản để dò chừng phản ứng, âm mưu của đám tù binh cộng sản. Cuộc tra hỏi cũng nhằm xem thành phần, tinh thần của người tù để sắp xếp anh ta vào những công tác, nhiệm vụ do ban đại diện đề cử. Cuộc tra hỏi dằng dai khít khao này cũng giám định lại tinh thần của người cán binh cộng sản, xem anh ta vì thụ động, tiêu cực nên đầu hàng quân đội Cộng hòa hay anh ta đã hết sức chiến đấu nhưng bởi kiệt lực bắt buộc. Tóm lại, sau giai đoạn thẩm vấn, người tù binh Cộng sản mới được xác định, xếp loại do chính đồng bạn tù quyết định. Nếu anh ta là một hồi chánh viên được gài vào, nếu anh ta là một chiến sĩ có tinh thần sút kém, chiến đấu tiêu cực. Số mệnh anh đã hoàn toàn được định đoạt: Chết. Chỉ có một giải pháp, một giải pháp độc nhất, cuối cùng. Dùng dũa đâm từ tai này qua tai kia, lột da đầu, cắt cổ, bóp cổ. Cực hình sẽ được thực hiện giữa đám tù để dằn mặt, cảnh cáo những người sa sút tinh thần, ngã lòng, muốn bỏ cuộc. Các tù binh Cộng sản được ban đại diện của họ chia vào từng tiểu tổ sinh hoạt, công tác chung với nhau, người này kiểm soát, canh chừng người kia để khi phát hiện một dấu hiệu ngã lòng, ý hướng mệt mỏi, muốn xin hồi chánh, làm việc cho ban giám đốc trại VNCH, thì báo động ngay đến ban đại diện tù trong khu của mình. Kẻ bị nghi ngờ sẽ bị hành hình không chút nương tay. Trong tình huống kinh khiếp nghẹt ngào này, người tù binh Cộng sản luôn luôn đề cao cảnh giác, phải luôn luôn biểu lộ lòng tin vào lập trường của Đảng, luôn luôn giữ vững ý chí cách mạng thực hiện công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của Bác và Đảng. Họ phải kiên định lập trường, học tập tài liệu từ ngoài chuyển vào để luôn nắm vững tình hình, hướng nỗ lực tranh đấu vào mục tiêu do Đảng chỉ định. Để thực hiện công tác gắt gao này, phía Cộng sản đã không ngần ngại chỉ định những chính trị viên cốt cán, giả hàng ở trận địa rồi tìm đủ mọi phương cách làm sao chuyển được tới trại (mà họ được chỉ thị công tác)... Ví dụ như trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, cán bộ thuộc Trung đoàn Quyết Thắng (Trung đoàn đánh vùng Cây Thị, Gia Định) bị mất tinh thần trầm trọng... Bộ chỉ huy Ba Cục (R) thấy cần phải giữ vững tinh thần đám tù binh thuộc đơn vị này, đã điều động một số chính trị viên giả đầu hàng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở một mặt trận nào đó thuộc vùng Bình Dương, Tây Ninh... Nhóm tù binh chính trị viên này sau đó đã được tập trung vào một trại tù như Tam Hiệp (Biên Hòa)... Ví dụ như sau khi móc nối với các đại diện tù và biết được đám tù của Trung đoàn Quyết Thắng đã chuyển đi một nơi nào ở Phú Quốc thì họ sẽ chủ tâm tỏ ra vô kỷ luật, phá hoại, để ban giám đốc trại trừng trị, khiển phạt và cuối cùng bị (được) chuyển đi Phú Quốc. Nơi đây, nếu được chuyển đến một khu không có người của Trung đoàn Quyết Thắng kia thì họ sẽ tiếp tục dùng mọi biện pháp để làm sao cuối cùng chuyển đến tại nơi có "mục tiêu" được chỉ định...

Trong kim kẹp gắt gao do đề phòng hiểm độc của các chiến hữu mình, người tù binh Cộng sản

bị muôn ngàn hiểm nguy thường trực đe dọa... Không tỏ vẻ căm thù nhân viên quân cảnh có nhiệm vụ đưa cơm tới, không giác ngộ về "hiện tình thối nát của chính phủ VNCH", hoài nghi về thành quả giải phóng 3/4 đất, 4/5 dân ở miền Nam, tiếng thở dài nhỏ trong đêm tối... Tất cả đã là nguyên do gây nên cái chết tức khắc. Một tù binh được ban giám đốc trại gọi lên hỏi chi tiết của nơi sinh. Nếu được trả về trại an lành, anh ta chắc đã nắm được đầu giấy của cái chết do chính bạn bè anh thực hiện. Thế nên, một người tù trong hoàn cảnh này mà xin được hỏi chánh để trở nên hỏi chánh viên thì quả tình là một hỏi chánh viên thượng hạng, hữu hạng, một người đã vượt mặt tử thần. Sự kiện này trình bày đủ thực trạng bi thảm về người tù binh Cộng sản. Trong trại giam, ngoài lớp cán binh trẻ cuồng tín của các sư đoàn chính qui Bắc Việt, còn có những tù binh thuộc các lực lượng địa phương miền Nam, những du kích xã, huyện. Bên cạnh đoàn tù binh sắt máu luôn tin vào tiền đồ cách mạng, nuôi dưỡng căm hờn chế độ, chính phủ Cộng hòa, có những tù nhân bất đắc dĩ, những chiến sĩ cách mạng lỡ thời, vốn chỉ là một nông dân kẹt ở vùng "giải phóng", hoặc ở các vùng xôi đậu bị kéo vào bưng học tập, đi du kích. Thoạt tiên, họ được "động viên" đi dân công, sau tham gia các công tác phá hoại, tiếp theo do được binh nghị là đã "giác ngộ" tham gia công tác tốt, anh ta trở thành du kích xã, du kích huyện, đôn lên thành bộ đội chủ lực tỉnh. Gặp lúc có chiến dịch lớn như Bình Giả (1964) Đồng Xoài (1965)... Các đơn vị chủ lực Miền bị thiếu sót quân số trầm trọng, du kích xã, huyện theo lệnh của Trung Ương Cục được tập trung về khu C (Tây Ninh, Bình Long) để bổ xung vào các Trung đoàn thuộc các Công Trường 5, 7, 9... Tính chất "cách mạng vô sản" nơi người du kích miền Nam này, ngay cả những cán bộ hồi kết (Gốc miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 và trở về Nam trong những năm 1959, 1960 hoặc sau) rất khác xa với đám cán binh trên dưới hai mươi tuổi thuộc các sư đoàn Bắc Việt xâm nhập. Đám sau này tích cực hơn, cuồng tín, mê say một cách mù quáng và khắc nghiệt, hoàn toàn tin vào mệnh lệnh đường lối Đảng, lời Bác dạy. Nếu có một số ngã lòng vì cực khổ trên đường xâm nhập hoặc thấy rõ hiện tình miền Nam, thấy rõ thành quả giải phóng của cách mạng miền Nam, thường hỏi chánh ngay trong thời gian đầu... Số còn lại, nếu đã thử sức đủ trên đường đi, hiện tình miền Nam vẫn chưa làm hấn ta "giác ngộ", thì lòng cuồng tín càng tăng thêm cường độ. Thế nên, trong ý hướng cực đoan này, những cán binh có ý định hỏi chánh là thành phần cần phải tiêu hủy đầu tiên và tối đa đối với những cốt cán này.

Bị vây bọc bởi đám tù cuồng tín trên, một cán binh có ý định hỏi chánh ở trại tù tức đã dự cuộc đua với tử thần trong gang tấc sát sao. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước giai đoạn thành lập danh sách cuối cùng để chuyển giao về phía cộng sản tất cả cán binh bị giam giữ theo Hiệp Định Ba Lê, đã phát động một chiến dịch gọi là phong trào Tân Sinh Hoạt trong tất cả mọi trại giam tù binh Cộng sản, mục đích phong trào này trên bề mặt là huấn nghệ, giúp điều kiện để tù binh có việc làm trong những ngày giam giữ, nhưng thực chất là tạo môi trường giáo dục tù binh để họ nhận định đúng hiện trạng miền Nam, tiến đến chọn lựa cuối cùng giữa hai ý hệ Cộng Sản và Tự Do. Phong trào đã thành công lớn lao, hơn 10.000 tù binh hỏi chánh trong dịp tết Quý Sửu (72-73) trước khi danh sách trao trả cuối cùng chuyển đến phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng tại Hội Nghị Ba Lê. Số lượng 10.000 người tuy lớn so với gần 30.000 mà Việt Nam Cộng Sản dự trù trao trả, nhưng thật sự con số kia chắc chắn sẽ gấp đôi nếu tù nhân được hoàn toàn tự do chọn lựa chế độ trước khi trao trả, hoặc họ rõ được thủ tục phát biểu nguyện vọng và quyền phát biểu tại địa điểm trao trả. Trường hợp các tù binh Thạch Phen trao trả Lộc Ninh ngày 14 tháng 2-73 và Hồ Văn Công ở Quảng Trị ngày 17-3-1973 là điển hình về cảnh bi thảm lặng lẽ mà người cán binh Cộng sản gốc miền Nam phải chịu đựng trong cô đơn và nguy hiểm riêng mình. Thạch Phen, người Việt gốc Miền, anh bị lôi kéo vào Mặt Trận không cưỡng lại được vì cư trú trong vùng bản lẻ giữa mặt khu Cộng sản trên đất Miền với vùng VNCH ở Châu Đốc. Ngày 11-2-1973 anh được đưa đến Lộc Ninh để trao trả. Từ trực thăng bước xuống, anh kinh hoàng nhìn khung cảnh địa điểm trao trả, lớp nhà lá gò, dây cờ đỏ, rừng khẩu hiệu khắc nghiệt, đám cán bộ tiếp rước mặt xanh tím, tròng mắt võ vàng đầy thù nghịch dò xét. Những nụ cười vồn vã máy móc của những chiếc mồm xấu xí không làm anh yên tâm, thêm nữa, tiếng

hát vang vang tiết điệu Trung Hoa dội lên từ dãy loa phát thanh làm anh bối rối kinh ngạc... Tuy đã cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ những người Cộng sản, nhưng hôm nay, anh được đưa đến một nơi quá xa lạ, lớp rừng cao su xanh ngắt ôm kín những khu đồi đất đỏ, đám cán bộ đồng phục xanh với những cặp mắt vàng chạch vì sốt rét, nụ cười vô hồn, không cảm giác kéo lên, đóng xuống từng chập để lộ nguyên hình tính cách tra hỏi cay nghiệt. Thạch Phên chưa từng bao giờ ở cùng những chiến hữu nguy hiểm với cảnh núi rừng thâm u đầy đe dọa này. Tội nghiệp và đơn độc hơn nữa, tù cùng toán toàn là người Bắc, họ hân hoan biểu lộ sự thù hận, niềm tin sắt đá vào thành trì cách mạng bằng nắm chặt tay tung hô khẩu hiệu, câu hát. Thạch Phên hoàn toàn xa lạ trong không khí gớm ghê đầy đe dọa này... Anh lùi dần, lùi dần xuống cuối toán và chạy về phía mấy sĩ quan quân cảnh (có nhiệm vụ tải áp tù từ Phú Quốc đến Lộc Ninh) để xin hồi chánh. Đại úy Lộc, trưởng toán Liên Hợp Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa thông báo sự kiện đến ba thành viên Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt và Mỹ cùng Ủy ban Quốc tế để hợp thức hóa trường hợp hồi chánh của Thạch Phên. Nhưng hai viên sĩ quan của Mặt Trận Bắc Việt không chịu, nại có anh Phên đã hồi chánh không đúng thủ tục (Nghĩa là không phát biểu ý kiến của mình khi điểm danh trao trả. Cần nhắc lại một điểm, thời gian này chưa có thủ tục trao trả). Hai anh Hưng và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế được "mớm" ý kiến trên, đồng phát biểu: Không giám sát trường hợp hồi chánh của Thạch Phên vì không đúng thủ tục trao trả!! Cuối cùng, vì để có một cách thức giải quyết mẫu cho những lần trao trả sau, Quân cảnh Việt Nam Cộng Hòa hộ tống Phên đến lều trao trả để phát biểu ý kiến, nhưng đám tù binh cùng toán của Phên nhào đến cướp Phên và hành hung quân cảnh; không thể làm sao chống cự nổi với đám tù, hơn nữa, nếu giành giật quá độ, đám tù có thể đánh chết Phên... Quân cảnh VNCH buộc lòng phải thả Phên ra. Hai thành viên Hưng và Ba Lan được yêu cầu can thiệp và chứng nhận sự kiện xảy ra, một lần nữa lại tuyên bố: Anh Phên chưa được điểm danh, nghĩa là chưa được trao trả, họ không có trách nhiệm gì ngoài việc giám sát cuộc trao trả tại lều trao trả (!!!). Thạch Phên bị kéo đi một lát sau trở lại, với mặt mũi vỡ nát... "Chính quyền địa phương" Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh yêu cầu có cuộc họp với đầy đủ bốn thành viên của Ủy Ban Quốc Tế để anh Phên phát biểu ý kiến trong "hoàn toàn tự do"... Và cuối cùng, thay vì nói muốn được hồi chánh, Phên phát biểu: "Việt Nam Cộng Hòa "gài" anh ta làm hồi chánh viên, nhưng bây giờ "giác ngộ" nên tự ý xin về phía Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam VN!! Hai thành viên Hưng và Ba Lan ghi nhận sự kiện trung thực: Anh Phên đã nói lên nguyện vọng của mình trong tự do!!

Trường hợp của Hồ Văn Công thì khả quan hơn. Công thuộc toán thứ nhất để trao trả trong ngày 17-3-1973 tại Quảng Trị. Cũng như Thạch Phên, Công là du kích thuộc xã Phụng Hiệp Cần Thơ, bị quân đội VNCH bắt trong một cuộc tuần tiễu. Với bản chất thẳng thắn, đơn giản của người miền Nam, Công tham gia vào cuộc chiến đấu võ trang trong hàng ngũ cộng sản hoàn toàn do hoàn cảnh ép buộc, một sự góp mặt trung tính vì không thể sống độc lập giữa hai chế độ đối nghịch. Công đến bờ sông Thạch Hãn, nhìn về phía bờ đối diện, ngọn cờ đỏ ngời sao vàng cùng tất cả im lặng nặng nề của một khối tổ chức chặt chẽ vô nhân tính vang vang khúc hát gọi căm thù. Công chùng bước... Đây là đâu? Phải chăng là bờ Bến Hải? Bến Hải - Cần Thơ khoảng cách ngút ngàn, suốt đời anh bao không bao giờ ý niệm đến... Nước Việt Nam là một, Tổ quốc Việt Nam là một, chúng ta có thể đến bất cứ đâu, tác chiến bất cứ nơi đâu... Viên bí thư xã đã nhiều lần nói như thế; cán bộ đại diện tù nhân cũng đã giải thích, thông báo hơn tháng trước: Chúng ta sẽ được trao trả tại Quảng Trị, ở đây sẽ "tiếp thu" chúng ta, sau đó tùy nhu cầu thực tế, chúng ta sẽ được phân phối vào các cơ quan khác nhau, có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Quảng Trị, một tỉnh Công không bao giờ nghe tên. Đây là Quảng Trị, sông này là sông Bến Hải (!?), trao trả xong họ mang mình thẳng về Bắc luôn!! Công co rúm người khi bước chân lần xuống thuyền để qua sông, Công liếc qua tái, qua phải, hai hàng lính Thủy quân Lục chiến, Nhảy Dù với những bộ đồ rằn ri rất quen thuộc và ngay cả lá cờ vàng ba sọc đỏ này nữa... Dù anh đã một lần chiến đấu chống lại. Đám lính Cộng hòa với cách thức phát âm, dáng điệu phóng khoáng kia vẫn quen thuộc, thân mật gần gũi với Công hơn là đám tù binh mặt

nặng cảm hôn đang to nhỏ với nhau, hoan hô đã đảo... Lá cờ Việt Nam Cộng Hòa - Công đã quen thuộc từ bao lâu, kể từ ngày anh lớn lên, đi qua đồn nghĩa quân, đi qua trụ sở hành chánh xã Phụng Hiệp. Công nổi gai khi nghĩ tới cảnh trời nơi đất Bắc xa xôi, nơi anh sẽ đến và không có ngày trở về làng xưa cuối miền Nam... Anh bước chân xuống thuyền, thuyền tròng trành, đám lính Thủy quân Lục chiến đứng trên bờ cười nói vang vang, tiếng cười, giọng nói miền Nam yêu quý... Thuyền nổ máy hướng mũi về phía bờ Bắc nơi có lá cờ đỏ... Công quyết định, anh đứng dậy trên lòng thuyền, một bàn tay nào đó muốn vít cổ anh xuống, Công đưa tay lên gạt mạnh, phóng mình xuống nước... Nước lạnh cóng, Công cố bơi vào bờ, mắt anh mờ ánh nước, tay chân anh giãn ra, anh thả trôi người, chìm xuống... " Hồi chánh! Hồi chánh... Có người hồi chánh ". Công loáng thoáng nghe có tiếng người kêu lớn ở trên bờ, nghe tiếng sóng đập mạnh đầu đầu trên giòng nước, có cánh tay bế xốc anh lên... Công đưa tay xuống cạp quần nơi có tấm ảnh của vợ con anh ở miền Nam!!

Viên Y sĩ Thủy quân Lục chiến chích cho Công mũi thuốc khỏe... Ảnh vợ con tôi đâu? Ảnh vợ con tôi đâu? Đây đây... Công lần mò bàn tay run rẩy trên mép tấm ảnh quen thuộc...

Tôi đi qua bờ Thạch Hãn, yêu cầu tổ Ủy ban Quốc tế đến chứng kiến và xác nhận trường hợp anh Công, để hai anh Hung và Ba Lan không thể thoái thác từ chối với lý do anh Công chưa đến địa điểm trao trả (Bờ Bắc sông Thạch Hãn)... Tôi đón trước bằng đề nghị: Vì anh Công đang trên đường đến địa điểm và nhảy xuống nước, hiện tại đang bị kích ngất không thể di chuyển qua sông được, sẵn dịp Ủy ban Quốc tế sẽ về bờ Nam đáp trực thăng đi Gio Linh, tôi yêu cầu họ phải xác nhận trường hợp hồi chánh của anh Công. Nhưng vì tôi cũng chỉ một mình, một miệng, hai toán Liên Hiệp Quân Sự phe Cộng sản xử dụng tôi đa nhân lực cùng lớp cán bộ địa phương bao vây ngay hai anh Hung và Ba Lan, cả một lực lượng hơn mười người cùng hai tên thông dịch viên, thay nhau thảo luận, hỏi ý kiến liên tiếp, kèm thêm màn chụp hình, mời uống nước. Hai anh Hung và Ba Lan lại biểu đồng tình trì hoãn chiến để không qua sông chứng kiến trường hợp anh Công. Khốn nạn, tôi chỉ kéo được hai anh Gia Nã Đại và Nam Dương về bờ Nam. Trên giòng nước lạnh ngắt, dưới trời mưa bụi tôi đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến cảnh những người trầm mình để được chết tự do. Cao quý và đau đớn thật, hình như rất ít người nghĩ đến yếu tố thực tế này khi vỗ tay mừng Hiệp Định Ba Lê. Cuối cùng, anh Công vẫn được xếp vào hàng ngũ những người hồi chánh, dù thiếu sự chứng kiến của hai thành viên Ba Lan, Hung Gia Lợi. Trường hợp hồi chánh của anh vẫn được ghi nhận qua phái đoàn Nam Dương, phái đoàn Chủ tịch Ủy ban Quốc tế của tháng này. Thạch Phen hay Hồ Văn Công là những trường hợp điển hình vì đã bùng vỡ và thực hiện qua hành động, nhưng còn biết bao nhiêu người nữa, những người không thể hồi chánh theo phong trào Tân Sinh Hoạt, những người không thể tách khỏi tay đám tù đồng bọn khi đi trên đường đến địa điểm trao trả. Bao nhiêu người muốn làm động tác như Hồ Văn Công của ngày 17-3-1973, bao nhiêu người muốn đưa tay lên để phát biểu ý kiến, bao nhiêu người lòng ngập bi thương khi bước chân vào địa điểm trao trả để đợi điểm danh trước khi về với... Nhân Dân!! Nhân Dân... Điển hình với hình ảnh phục phịch của một nữ đồng chí "phục vụ" với giọng nói miền Bắc Việt nghe lạ lẫm. Bao nhiêu người tù binh tóc đã ngã màu muối tiêu, bước chân lóng cóng, dầm lên chiếc thuyền để qua sông, ngập ngừng ném chiếc áo nâu dày ấm áp theo lệnh của "tù trưởng" để lộ làn da nhẵn nhúm ướt nhọc dưới làn mưa dầm dề của tiết xuân, lớp da dù được kích động, dù được bơm cảm thù vẫn phải co rúm dưới cơn gió rét miền Trung rờn rợn... Tù Binh... Về đâu? Câu hỏi vang lên nghe nhức nhối và tội nghiệp khôn cùng.

Chẳng phải vì muốn tăng thêm cường độ cảm xúc trong văn chương nên tôi đã khai triển tới đa tình huống qua hai sự kiện cụ thể, nhưng bởi đã nhận ra thực tế không phải chỉ xảy ra ở bờ sông Thạch Hãn, sân bay Lộc Ninh, nơi rừng cao su Minh Thạnh, bên cạnh lớp tù nhân hùng hổ kéo nhau đi trong khi thế hận thù bốc cao đầy ánh mắt, có một số đông, một số rất đông tù binh Cộng sản bước những bước ngắn e ngại, thẩn thờ... Họ cũng như đám tù binh Hồng Quân

đã tự sát tập thể bằng cách lao mình từ toa tàu xuống vực sâu trên đường trở về Nga Sô Viết sau khi Đức đầu hàng Đồng Minh 1945; họ cũng như những tù binh của các chiến dịch Atlante, Castor, được Pháp trả về phía bên kia phía Cách Mạng - Phía Việt Cộng. Thân phụ tôi, người chiến sĩ của Sư Đoàn 308, người chiến sĩ của chiến thắng Điện Biên, người từng bỏ tất cả đời sống bình yên cạnh vợ con để hiến dâng trọn đời mình đến cách mạng, cho dân tộc... Từ trại tù 51 ở Hải Phòng trước ngày Pháp trao trả về cho Quân Đội Nhân Dân đã không cảm lòng, phải viết nên lời: "Anh (ba tôi) bây giờ đã mệt mỏi lắm rồi, anh biết đủ thứ, biết bữa củi, nấu cơm, có thể làm tất cả mọi chuyện, chỉ muốn làm sao đưa em (mẹ tôi) và các con đi xa, đi thật xa, ra khỏi nước Việt Nam này.." Năm 1954, với chiến thắng rực rỡ lớn lao kia, người tù Cộng sản cũng phải nhìn lại đoạn đường mình đã đi qua, đưa mắt hướng về một tương lai ảo tượng để nói lên lời cay đắng, huống gì hôm nay, thời gian của 1973, biên giới của Cộng Sản và Tự Do đã xóa nhòa trong men rượu Mao Đài, được quên đi nơi Công Trường Đỏ khi Nixon cúi mình tưởng niệm anh hùng Sô Viết... Thế nên, người tù binh Cộng sản còn đâu ý chí, còn đâu căm thù địch thực... Và "Chống Mỹ cứu nước" hiện rõ ra một khẩu hiệu không nội dung, không đối tượng khi "bè lũ quân Ngụy ác ôn côn đồ" cũng chỉ là những người lính da vàng âm thầm chịu đựng, khi thành tích cách mạng giải phóng miền Nam thật bày ra lớp thịt da người Việt phủ kín chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng... Giải Phóng, Tự Do, Dân Tộc, Độc Lập, những danh từ chất chứa vĩ đại một cách phi nhân đã thể hiện đủ tính chất, trò xảo trá to lớn mà người tù binh đã đem đời mình hiến dâng nên thành. Trong nhà tù, nơi địa điểm trao trả, người tù binh thấy lại trước mắt cảnh cơm khô, nước lã miệt mài nơi rừng xanh để xây dựng một thiên đường nhạthếch... Gia đình, làng xưa, nẻo đường về càng ngày càng mất hút. Tù binh Cộng sản, anh đi về đâu khi ngày sắp hết và đời anh cũng đến lúc kiệt cùng.

Còn một điều cần phải nói thêm cho đủ, những người tù dù đã chứng tỏ vững lập trường khi ở giai đoạn giam giữ, cũng phải phát triển căm thù cùng tinh thần chiến đấu ngoan cường ở địa điểm trao trả vì nếu không, sau ly nước trà vồn vã bốc khói, người tù lừng khừng, mệt mỏi, sẽ bị cô lập, tra hỏi, kiểm thảo và hạ tầng công tác ngay hoặc nếu cần thì thủ tiêu... Lớp tù binh được trao trả về theo Hiệp Định Genève 1954 đã chứng tỏ điều này trong những ngày sau 54, những người tù binh của những chiến trường khốc liệt được Pháp trả về đã bị phân tán, đánh tã, bỏ rơi và bắt buộc ở vào tình trạng tê liệt cho đến hôm nay, gần hai mươi năm sau ngày trao trả.

Để địch quân bắt giữ là một tội phạm. Người Cộng Sản đã quan niệm như thế. Cả một bộ máy tuyên truyền to lớn của họ không đề cập hoặc khai triển rất ít đối với thành phần những người tù vừa được VNCH trả lại. Trong các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, tin tức về các cuộc trao trả tù binh Cộng sản được loan báo rất sơ sài, một cột, vài ba giòng. Thiếu vắng hoàn toàn cách đề cao, thổi phồng các "anh hùng" bị giam giữ, bên cạnh những anh hùng sản xuất, anh hùng của đội làm cầu Hàm Rồng..v.v... Số phận những tù binh Cộng sản năm 1973 chắc cũng không khác gì những người hai mươi năm trước. Thực tế sau này chứng minh mức độ chính xác của lời tiên tri tiên kiến. Người viết gặp lại người tù anh đã trả nơi bờ sông Thạch Hãn năm 1973. Thượng úy Trọng - Trọng "già", người cùng chung phòng ký luật với Phan Nhật Nam (1983) tại Trại 5 Lam Sơn Thanh Hóa. Trọng đã ở tù từ ngày trao trả mười năm trước vì tội "Đề quân Ngụy bắt giữ!!!"

Đó là số phận của tù Cộng sản chân truyền, dù là người kiên quyết ném cái áo tù binh xuống giòng sông, móc từ hậu môn ra mảnh vải dài khoảng ba tấc ngang bằng ba đốt ngón tay trên ghi giòng chữ "Đả đảo Đế quốc Mỹ" và giữ vững trên đầu từ khi bước xuống thuyền, qua sông, ngồi xuống băng diêm danh. Huống gì loại tù binh mất lạc thần nhìn lên màu cờ đỏ, nã nê không trả lời khi được gọi đến, những người tù tóc bạc, thở dài không che dấu, bước những bước hững hờ, lạnh nhạt giữa hai hàng cán bộ phục dịch tay vổ vang và ứa tràn miệng cười... Những tù binh quê miền Nam, những tù binh vốn du kích, những tù binh đã gần đến tuổi nghỉ

ngôi. Về đâu? Đêm nay ngã lưng xuống nơi đâu, quê hương, gia đình đâu? Ảnh ông Hồ Chí Minh và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do" cũng chỉ nên hình ảnh nhạt nhòa vô nghĩa... Người tù Cộng sản lưng trần, đầu cúi xuống, bước đi ngập ngừng. Đi mãi vào một nơi không bao giờ biết. Không hề biết.

Phần những tù binh quân sự đã thê thảm tội nghiệp như thế, huống hồ gì những tù dân sự, những người được gọi là "nhân viên dân sự" của Cộng sản qua định nghĩa của điều 21 (b) Hiệp Định Genève 54: "Nhân viên dân sự là những người đã góp phần vào cuộc đấu tranh vũ trang, chính trị của một bên và bị bên kia giam giữ..." Định nghĩa rộng rãi nhưng vô cùng chặt chẽ đã không làm "lọt" một người nào giữa hai bên miền Nam, tất cả mọi người khi lựa chọn một bên để sống tức là đã lựa chọn một chế độ, hoàn tất một thái độ chính trị và "cuộc góp phần" có thể suy diễn từ thái độ này cũng không sợ nhầm lẫn quá độ. Qua định nghĩa này, tức không còn bóng dáng "thường dân" trong thời chiến, không còn người "dân" thuần túy, độc lập giữa hai thế lực đối kháng Người bị cuốn hút vào không cưỡng chế, phải góp phần tham gia, với một tương quan liên kết về một phe. Không có người làm nghề tự do, không có người buôn bán độc lập mà chỉ có nhân viên dân sự như Nguyễn Văn Tám, bốn mươi ba tuổi từ xã Đông Yên, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá làm "gián điệp" cho Tám Cơ ở thị xã Rạch Giá và bị "Chính phủ Lâm Thời" bắt giữ tại địa điểm U Minh trong ngày 2-3-1971.

- Tám Cơ là ai?

- Dạ ở ở Rạch Giá...

- Tám Cơ bảo anh làm gì?

- Dạ bảo làm... gián điệp!!

- Làm gián điệp như thế nào? Làm những việc gì?... Nguyễn Văn Tám đứng tròn, đưa mắt nhìn tôi, anh không biết mình đã làm những việc gì có liên quan đến "điệp vụ" nguy nan như từ ngữ đó... Tám Cơ, phải chăng chỉ là một nhân viên tình báo của cuộc Cảnh Sát ở Rạch Giá đã nói với Tám trong một lần nào đó: "Vào trông thấy gì là lạ, ra nói lại nghe". "Vào trông là những khu U Minh mịt mù mà Tám hằng ngày ra vào để làm lúa!! Gián điệp Tám đã phạm tội nặng ngàn cân với tình cảnh một người dân khốn khổ! Gián điệp, tội tử hình dù giữa hai quốc gia có tuyên chiến. Tám phạm tội tất nhiên như Tám đã sống trong đời. Phải chăng làm người Việt Nam trong thời đại tàn khốc này đã là một cái tội?!! Trường hợp của bà Lê Thị Tám thì trái ngược lại, bà Tám năm hai mươi tuổi, tóc khô và người nhăn nhúm, thân thể nhỏ bé quắt queo toát ra một vẻ chịu đựng khốc liệt. Bà Tám mở đôi mắt vàng đục, nhướng những lần mí mắt sùm sụp, cất giọng phiến não...

- Tui tên Tám, năm mươi hai tuổi ở làng La Chũ ngoài Huế.

- Bà phải nói đủ nơi sinh, gồm có xã, huyện, tỉnh... Viên Thiếu tá Mặt Trận có nhiệm vụ hỏi ý kiến bà già cũng náo nức trước tình trạng mệt mỏi này.

- Hì? Chi?!!

- Bà nói cho tôi biết huyện nào?

- Thì tui "noái" rồi đó, tui ngoài La Chũ, Thừa Thiên...

- Bà bị phía Việt Nam Cộng Hòa bắt vì tội gì?

- Răng biết?!

- Bà không biết lý do bị bắt thì tại sao bây giờ lại xin ở lại.

- Theo "bộ đội" thì biết khi mô về lại ngoài nớ, tui xin về nhà thôi, không được thì ở tù lại cũng được!!

Đến đây, tôi lại phải chen vào chứ để cho viên thiếu tá này vắn vẹo một hồi, bà Tám nói lung tung thì... vỡ mặt. Tôi can thiệp nhưng lòng cũng không có niềm hứng khởi đấu tranh... Vì đấu tranh ở đâu khi lôi kéo người đàn bà này về phía quốc gia, với tầng lớp nhân dân một mối vô tình này! Tôi cắt ngang lời phát biểu và các câu hỏi để đặt câu hỏi dứt khoát:

- Bây giờ bà đi theo bên Chính Phủ Lâm Thời hay là phía Việt Nam Cộng Hòa?

- Tui ở lại.

- Xong, cám ơn bà, bà theo quân cảnh để ra đơi trực thăng về lại Biên Hòa.

Viên Thiếu tá Mặt Trận giờ nón lấy khăn lau đầu, có những sợi tóc bạc đâm mồ hôi. Dù là người Cộng sản chắc y cũng thoáng rã rời. Bà Tám loắt choắt bước theo người quân cảnh, hai bàn chân nhỏ bước thoăn thoắt, nắng rọi sáng trên đám tóc khô rối. Người đàn bà tội nghiệp này làm sao biết mình vừa lựa chọn một chế độ, vừa phân biệt và quyết định giữa hai đối lực chính trị Quốc Gia - Cộng Sản. Bà đã sống tình cờ nơi làng La Chữ, Hương Trà, Thừa Thiên, hàng ngày vào mạn núi phía tây quốc lộ 1 vùng Nam Hòa (Huế) kiếm củi, có người chặn lại đưa cho gói giấy, bảo khi trở về thì rải gói giấy này trên quốc lộ. Người lạ cũng gởi bà mua thuốc lá, xà phòng với giá cao. Gánh củi trở thành phương tiện mua bán thứ yếu, cách buôn bán trên trở nên nguồn lợi chính. Bà Tám rất cuộc bị ủy viên an ninh xã khám phá và giam giữ!! Bà khai thật tình số thuốc lá đã bán, số lời thu được. Bà cũng rất thành thật nói rằng, sau này khi biết mấy người kia là "bộ đội" thì có hỏi tin tức về chồng bà đã đi vào phía núi này từ năm 1952, 53... Liên quan giữa bà Tám với "bộ đội" quả rất phù hợp với định nghĩa của điều 21(b) - Điều khoản được hoàn tất từ những đầu óc nhiều kinh nghiệm, nhiều kiến văn. Lẽ tất nhiên không bao giờ nhằm lẫn, sơ sót. Buôn bán tức là có tương quan kinh tế và vong thân chính trị là gì nếu không phát xuất từ cơ sở kinh tế. Cuộc tranh chấp lớn hiện nay giữa Cộng Sản và Tư Bản cũng chỉ là hệ quả của sự chống đối từ chiến giữa hai lực kinh tế đối nghịch, Tư Bản - Vô Sản. Vậy bà Tám đã hiện thực một "tương quan kinh tế" tức là dự phần vào cuộc đấu tranh võ trang chính trị giữa hai bên miền Nam theo điều 7 Nghị Định Thư Tù Binh của Hiệp Định Ba Lê!!! Bà Tám được ghi tên vào danh sách để trao trả về Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh ngày 21-2-74.

Bà Tám đã thê thảm nhưng Phan Anh Hoát lại còn đau đớn tàn khốc hơn. Hoát trên bốn mươi, người thấp bé nhẩn nhục. Hoát là công chức ở Huế, bị bắt sau cuộc chính biến miền Trung 1966, vì Hoát tham gia lực lượng tranh đấu Phật Giáo. Hoát bị đưa vào Sài Gòn và cuộc điều tra đã có kết luận: Hoát phá rối trị an, làm lợi cho Cộng sản, có dạng thức đấu tranh Cộng Sản, nhận chỉ thị từ thành ủy Huế..v.v.. Ngày trao trả 18-2-74 tại Lộc Ninh, Hoát lặng lẽ đi giữa hai hàng cán bộ tiếp đón với nước mắt chảy đầy má. Đám cán bộ Cộng Sản sững sờ trước khuôn mặt đầm nước mắt và môi mím chặt uất hận. Lần đầu tiên, tại một địa điểm trao trả có hiện tượng phần uất đau đớn này. Đi về phía Cộng sản thì phải vỗ tay phần khởi, phải bộc lộ cảm thù trên đầu nắm tay, trong cái nhìn hung hiểm. Về phía Cộng sản cũng phải dựng lên màn kịch được giải phóng toàn thể, được đời sống tự do tuyệt đối. Nhưng lần đầu tiên của một năm trao trả, người tù Phan Anh Hoát với giọt nước mắt bi phẫn, với lặng lẽ nào nề đã từ chối tất cả, đã



buông xuôi tất cả, đã hoàn toàn bó tay giữa một thế lưỡng cực phân tranh mà Hoát hoàn toàn thụ động. Hoát cô độc và yếu đuối giữa hai ý hệ. Hoát thả rơi những giọt nước mắt đón đau. Hoát chỉ là một trường hợp điển hình của đám người cuối đáy tuyệt vọng, những người nghẹn lồi và bị xé nát giữa cuộc đấu tranh Quốc - Cộng. Hoát khóc được nhưng một số người đồng đảo đã không đủ can đảm để khóc nên giòng nước mắt bị thương đó. Rất nhiều người đã không làm được. Rất nhiều người như thế. Tôi đã biết những người Việt Nam không được khóc giữa các cuộc trao trả.

Những người tù của Gheorghiu quả tình đã bị xé nát bởi guồng máy phi nhân của những chính quyền nhân danh Tự Do và Nhân Loại. Người tù Việt Nam, kẻ chịu nạn ghê gớm giữa hai ý hệ đối cực. Họ không có giai đoạn trước và sau thời hạn tù. Sống ở trên đất nước này đã là một cái tội. Họ bị kết án bởi đời sống đó.

## **HÒA BÌNH, TƯỜNG NHƯ LÀ GIẤC MƠ**

Hôm nay, gần hết tháng thứ năm hòa bình của chiến tranh "Đông Dương đệ nhị". Người Mỹ đã rút đi cùng bộ máy chiến tranh khổng lồ, khối nhân lực nửa triệu người, hàng trăm máy bay chiến đấu, những phi đoàn trực thăng, hệ thống phi trường đã chiến lần lượt đóng cửa. Người Mỹ phải tay gọn ghê: 1960-73, mười ba năm tham dự vào vũng lầy Đông Dương, nước Mỹ quả tình cần phải nghỉ ngơi. Vụ Watergate như một cơn sốt cao độ để người Mỹ trút được khối chất độc tự thân lần cuối. Ngoài giải tỏa chiến tranh, trong dọn sạch nội bộ, người Mỹ uống một liều thuốc nặng "độ" để dứt điểm cơn bệnh. Vệ tinh Skylab hư bộ phận chống nhiệt nhưng được sửa chữa kịp, phòng thí nghiệm không gian đáp tuyệt hảo xuống biển Thái Bình sau hai mươi tám ngày bên ngoài khí quyển quả đất.

Bà Golda Meir đón thủ tướng Tây Đức ở phi trường Tel-Aviv với câu nói lịch sử: "Nhân loại sẽ không còn nếu không có can đảm mở màn cho những bắt đầu mới..."

Ở Ba Lê, Kissinger mạnh miệng tuyên bố: "Sẽ không trở lại nơi này một lần nào nữa vì lý do Đông Dương.." Xong, tiếng bạc chót đã đặt xuống. Thế giới thở hơi dài trước một viễn ảnh đẹp để đang rập nối dần.

Nhưng Nam Việt Nam thì quả tình chưa xong một chuyện nhỏ. Ngày 27.1.73 khi dấu chấm cuối cùng vừa dứt trên văn kiện "Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam", thì ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-73 Thủy quân lục chiến cường tập dứt điểm mục tiêu Tango hay Cửa Việt. Pháo 130 của Bắc quân từ Đông Hà, Khe Sanh đổ xuống vùng Như Lệ, Tân Lệ làm quân Dù không thể góc nổi đầu... Ngày Chủ nhật 28-1-73 toàn thể các lộ đi vào Sài Gòn đều bị đóng "chốt". Chốt ở quốc lộ 15 phía nam Long Thành, chốt trên quốc lộ 1 ở Xuân Lộc, Long Khánh, chốt kẹt đường Tây Ninh, chốt giữ đường đi Đà Lạt. Người Việt Nam đón hòa bình với tiếng chát lưỡi khi mở tờ báo, lúc chui xuống hầm, bé con chạy trốn pháo. Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái lập Hòa Bình tại Việt Nam: Thật sự đùa cợt tàn nhẫn trên bi thương của dân tộc Việt. Hòa Bình, chiếc bóng ao ước của cả một giống nòi chập chờn ảo tượng. Hôm nay, cuối tháng thứ năm của ngày ngưng bắn, tất cả dạng thức hòa bình vẫn còn rời rạc, trừ hiện tượng người Mỹ đã mất hẳn, để khi đi trên đường trong Tân Sơn Nhất, trong Long Bình, Cam Ranh với canh cánh phản ứng... Hóa ra "Hòa bình" đã đi được một bước cụ thể. Bước trở về của đám lính Mỹ bên kia đại dương Thái Bình. Và cũng chỉ có mỗi hiện tượng đó, tất cả còn nguyên vẹn. Hòa Bình - Việt Nam Người ở đâu?

Có một cảm giác không an toàn, âu lo phảng phất trong không khí. Cắt đất thành lập một quốc gia thứ ba, ngưng bắn thật sự lại chờ đợi Hội Đồng Hòa Giải và cơ chế chính trị mới. Hay... Đánh trở lại?!! Những câu hỏi nhức nhối theo từng nhịp thở khi nghe tiếng đại bác rì rầm vang

vọng trong đêm.

Chuyện gì sẽ xảy đến? Và câu hỏi hệ luận: Mặt Trận Giải Phóng hiện đang toan tính gì? Lẽ tất nhiên, phần cuối cùng của chiến lược Cộng Sản không thể đơn giản khẳng định với một minh xác cụ thể, nhưng nét chính chiến thuật phải nằm trong toàn bộ chiến lược lớn của Đảng Lao Động Việt Nam mà mục tiêu lớn từ lâu không thay đổi: Nhuộm đỏ toàn thể Đông Dương.

Nhưng dẫu nắm được điểm chính chiến lược của miền Bắc, cũng không thể dễ dàng tìm ngay được giải đáp cho câu hỏi. Đoạn đường dài đó, đảng Lao Động từ lâu đang tâm thực hiện, nhưng nhịp độ, phương thức thực hiện của bước tiến luôn vấp phải muôn ngàn trở ngại do đối kháng của phía Quốc gia, tình hình quốc tế, nên di chúc Hồ Chủ Tịch được mặc nhiên uyển chuyển thi hành theo các đường vòng nói rộng hay ép chặt tùy hoàn cảnh. Nhưng cái đích của mọi từ trường hành động vẫn không ra khỏi hai cực nam châm, cụ thể là quyết tâm của người đã chết. Từ quan điểm chiến lược này của đối phương, chúng ta cần thiết tìm nên đường đi trong ý nghĩa tự tồn và tự cứu. Viên đạn của địch đã lên nòng, ta phải xét thêm vị trí của nòng súng, thế quĩ nhảm của địch để từ đó tìm ra đường lối chống đỡ. Lằn chống đỡ cuối cùng để vượt qua cái chết hoặc chìm mất... Lặp lại câu hỏi: Mặt Trận Giải Phóng toan tính những gì có thể thay thế bằng một câu hỏi tương tự: Cộng Sản đã mưu tính gì khi lấn chiếm những vùng đất có chung nhiều mẫu số.

Qua những vùng đất bị tạm chiếm, chúng ta có nhiều yếu tố để nhận diện đối phương.

29-3-72, mở đầu cuộc tấn công mùa hè vào miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt xua 13 sư đoàn bộ binh cùng ba trung đoàn chiến xa theo hai hướng tây-đông và bắc-nam, cường tập vào tỉnh Quảng Trị với mục tiêu thứ nhất là thị xã Đông Hà, sau khi giàn đại pháo 130 ly của ba trung đoàn pháo nặng yểm trợ tiếp cận, quét sạch dây căn cứ hỏa lực chạy từ làng Vei, Hương Hóa, như Carroll, Sarge, C1, C2, A1, A2, từ biên giới Lào Việt đến bờ biển. Mặt trận Đông Hà vỡ vì Sư đoàn 3 Bộ Binh và một Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến không thể nào giữ được một tuyến phòng thủ rộng đến ba mươi cây số không chiều sâu.

Ngày 1-5-72 Quảng Trị mất, người dân dùng tất cả mọi phương tiện để xuôi Nam. Thật lạ, người Việt vốn rất tình, rất thương với biển cố, nhưng khi một làng xóm, một quận lỵ vừa ngửi mùi "bộ đội" gần đến, đã vội vàng di tản. Lữ đoàn 147 Thủy quân Lục chiến giữ nhiệm vụ bao chốt, vét hết người dân Quảng Trị cuối cùng và dừng lại tại Mỹ Chánh để lập phòng tuyến cuối. Điểm giữa đường Quảng Trị - Huế.

Ngày 29-6-72, hai sư đoàn chủ lực của miền Nam, Nhảy Dù phía tay trái, Thủy Quân Lục Chiến tay phải, cùng song song tiến về hướng Bắc lấy quốc lộ 1 làm chuẩn và thành phố Quảng Trị làm mục tiêu cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày 29-6-72 và chấm dứt vào cuối tháng 7-72, Quảng Trị "nóng" mùi lính Cộng hòa, chỉ trừ một chốt cuối: Cổ thành Đỉnh Công Tráng, ba tiểu đoàn Thủy quân lục chiến hoàn tất nhiệm vụ đúng 12 giờ trưa ngày 15-9-72. Mặt trận Quảng Trị được phân ranh rõ rệt bởi giòng sông Thạch Hãn.

Tháng ngày qua từ từ, cuộc chiến tạm kết thúc với không người thắng cũng không kẻ bại.

Kết quả, Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình ra đời, tờ Hiệp Định quái dị, mờ mịt và lấu cá như một bài thơ tự do mà mọi phe đều có thể giải thích với phần lợi cho mình. Hòa Bình: từ ngữ linh thiêng lần đầu tiên được gọi tới.

Ta kiểm điểm đất đai Cộng sản đã chiếm được ở mặt trận phía bắc: Từ đèo Lao Bảo ra đến Cửa Việt, từ sông Bến Hải vào đến sông Thạch Hãn và đặt lại câu hỏi mà suốt những ngày đầu cuộc đại chiến của năm 1972 đã nhiều lần được nói tới: Cộng sản muốn chiếm Huế hay không? Câu trả lời có thể đặt lên hai vế mà không sợ làm lẫn. Về mặt chiến thuật, Huế cũng là một mục tiêu nhưng chỉ là một mục tiêu chiến thuật, của Sư đoàn 324B. Bằng tất cả cố gắng, SĐ324B này đã cài răng lược với Sư đoàn 1 Bộ Binh VNCH trong dự tính đẩy sư đoàn này ra khỏi các cao độ King, Birmingham, Bastogne, Checkmate ở vùng tây-nam Huế, để từ đây theo trục lộ 547 tiến về Huế (Đường đã một lần được sử dụng trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân). Nhưng Huế chỉ là một mục tiêu chiến thuật lớn chứ không phải là một thành phố mà quan điểm chiến lược Bắc Việt quan niệm đến.

Sự xác định quân sự căn cứ từ các yếu tố, sau khi chiếm được Đông Hà và Quảng Trị, Cộng quân bỗng "khựng" lại ở bờ bắc sông Mỹ Chánh. Sự trì chậm của cuộc tiến quân có lý do là phương tiện tiếp vận không đi theo kịp với bước tiến của bộ binh. Nói rõ hơn, Cộng quân không "chuẩn bị" để đẩy quân sâu về phía nam hơn được, trong khi chuẩn bị là ưu điểm số một mà họ đã nhiều lần thực hiện đủ trong toàn thể các chiến dịch... Mậu Thân, Hạ Lào, cuộc tổng tiến công đầu tháng 4-1972 vào Đông Hà, Lộc Ninh, Darkto là những bằng chứng hiển nhiên về cách chuẩn bị kỹ của đối phương. Thế nên Sư đoàn 324B cùng các trung đoàn thuộc quân khu Trị-Thiên của Cộng sản dù có thay phiên nhau nhờ Sư đoàn 1 Bộ Binh ở vùng núi tây-nam Huế, thành phố này vẫn chưa được quan niệm đúng cỡ như điểm dứt của chiến tranh Việt Nam.

Xác định kéo đến một hệ luận: Mục tiêu lớn của cuộc tổng tấn công không vượt khỏi ranh sông Thạch Hãn, đường ranh giới này có thể tính được từ một khối óc điện tử khi có đủ các dữ kiện vừa trình bày. Khoảng đất 150 cây số vuông ở bắc sông Thạch Hãn là một vùng không có tiềm lực kinh tế và 90% dân chúng đã vượt sông bỏ làng mạc xuôi Nam. Không tài nguyên, không nhân lực, khoảng đất trống với thiên nhiên nghèo nàn đó trên ý niệm của chiến tranh cổ điển, chiến tranh chiếm đất, bắt dân, cướp tài nguyên không thể là mục tiêu đúng kích thước được. Nhưng lật tờ bản đồ Đông Dương chỉ với một nhận xét đơn sơ nhất của quan điểm chính trị địa lý, thì thấy vùng đất nằm hai bên quốc lộ 9, từ Đông Hà đến Tchépone quả thật là một trung điểm để kiểm soát được cạnh sườn tây và đông của dãy Trường Sơn nằm trên ba quốc gia Việt, Miên, Lào. So sánh quốc lộ 9 nằm trên trục Đông Hà - Tchépone - Savanaket với trục quốc lộ 12 Thakhet - Đèo Mụ Già; trục lộ 19 Stungteng - Đức Cơ - Pleiku thì nhận thấy ngay được tính chất quan trọng của con lộ kể trên, con đường tương đối ngắn (dài hơn trục bắc và ngắn hơn trục nam) nằm giữa trung tâm của Đông Dương hợp với đường Hồ Chí Minh thành ra một ngã tư nối liền được đông-tây, nam-bắc của bán đảo. Nhận định này cũng chẳng gì mới lạ, Cộng quân chỉ lập lại hoài bão mà tổ tiên ta xưa không thực hiện được: Kiểm soát đường số 9, chế ngự Nam Lào để tiến lên bắc, xuống nam bình định luôn toàn thể bán đảo. Nhận định có thể kiểm chứng khi ta nhìn lại diễn tiến và kết quả của hai mặt trận khác, Darkto và An Lộc.

Từ Attopeu trên đất Lào, đường Hồ Chí Minh có một hệ thống rẽ về phía đông. Gọi là một hệ thống vì gồm những con đường phẳng phiu trơn láng chạy quanh co trên các cao độ chập chùng, không che dấu dưới cánh phi cơ quan sát hay bằng mắt trần từ các trại Ben Hét, căn cứ 5 hay từ các căn cứ hỏa lực dọc sông Pôcơ của Nhảy Dù.

Mặt trận Tam Biên bao lâu nay vẫn giữ nguyên cường độ cối các trận đánh quanh các căn cứ 5, 6, cứ điểm Darksong; Sư đoàn Sao Vàng hay Nông Trường 2 (lực lượng chính của quân vùng khu Cộng sản Kontum, Phú Yên, Bình Định) có nhiệm vụ vừa đánh cầm chừng đồng thời bảo vệ luôn đường dây "giải phóng" nối từ đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa (đường Hồ Chí Minh) về miền bình nguyên Trung phần. Cao điểm mùa hè 72, Cộng quân sử dụng Sư đoàn Thép hay Sư đoàn Điện Biên (320) tấn công cường tập các mục tiêu Delta, Charlie, Võ Định của Nhảy

Dù, dây cứ điểm bị vỡ tung dần... Hậu quả tất nhiên là Darkto bị tràn ngập. Nhưng không như ở Quảng Trị, Kontum vẫn không bị tấn công dứt điểm, Bộ chỉ huy Mặt trận B3 (Tây Nguyên) xử dụng thế liên hoàn, luân phiên cho các trung đoàn trực thuộc của Sư đoàn 320 và Sư đoàn F10 thay phiên nhau tấn công vào Kontum hai đợt trong tháng 5-1972, nhưng đơn vị Cộng sản vào được thành phố chỉ là các thành phần đặc công, không có đại pháo, chỉ một ít chiến xa yểm trợ.

Mặt trận Kontum không vỡ, chỉ bị khựng lại trong một giai đoạn ngắn. Cộng quân bị chặn lại ở phía nam Võ Định, một điểm bất ngờ không có được biên giới thiên nhiên để gọi tên. Thành phố cực bắc của vùng cao nguyên tưởng rằng đã có lúc rơi vào vòng tay địch, rồi cuộc trở nên thành phố yên tĩnh đầu tiên ngay từ đầu tháng 6-1972, khi ông Thiệu đáp trực thăng xuống để gắn sao cấp tướng cho Đại Tá Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Kontum vẫn chưa bị pháo 130 ly, mẫu số trùng hợp với Quảng Trị ở điểm: Tại sao Cộng quân không đưa pháo xuống sâu hơn nữa?

Tại mặt trận An Lộc, quả tình Cộng sản đã rơi vào sai lầm chiến thuật khi không phối hợp được chiến xa và quân bộ chiến ở những lần cường tập hồi đầu tháng 4-1972, lúc mà Tướng Hưng chưa bố trí kịp các đơn vị của Sư đoàn 5BB và các lực lượng tăng phái chưa vào trận. Địch mất đi một dịp may lớn để lấy được An Lộc trong lúc đủ thế thượng phong. Mặt trận An Lộc sở dĩ đã có kết quả như đã xảy ra cũng do yếu tố chính: Địch ngã về phương thức bao vây An Lộc, lập chốt dọc quốc lộ 13 để tiêu diệt lực lượng tăng viện chứ không thực hiện phương thức bao vây cường tập, chiếm giữ An Lộc để rồi tiếp tục uy hiếp Lai Khê, Bình Dương hợp cùng các cánh quân của những mặt trận phụ như Sư đoàn C30B đang ở vùng Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng (Hậu Nghĩa), Công Trường 5 đang ở Dầu Tiếng, Trị Tâm, Bình Dương, (CT5 sau khi dứt điểm Lộc Ninh ngày 5-4-1972 chia hai lực lượng đánh vào Phước Bình và Dầu Tiếng) cùng tiến chiếm thủ đô Sài Gòn. Giải thích như vừa kể để chúng ta nhìn rõ lại mục tiêu của Cộng sản, vẫn là các phần đất nằm hai bên quốc lộ 13 và gần biên giới. Nơi thích hợp nhất để họ đặt bộ chỉ huy tiến thẳng về Sài Gòn, sang trái là các tỉnh cao nguyên và nam Trung phần, phía phải là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời nếu Cộng sản muốn đặt một cái gọi là thủ đô cho chính phủ lâm thời trong vùng này, người ta mới có thể hiểu được lý do chọn lựa kể trên.

Nhìn lại ba vùng chiến trận của thời gian qua, căn cứ vào những sự kiện chính trị của địch, diễn tiến, kết quả và hậu quả của hội nghị Ba Lê, ta có thể đúc kết nhận định tổng quát với hai điểm nổi bật:

Thứ nhất, cuộc tổng tấn công mùa hè 72 vào ba vùng của Việt Nam Cộng Hòa với mục tiêu là những thị trấn, những vùng đất biên giới, không thuần túy chỉ là những cuộc tấn công quân sự nhằm biểu dương sức mạnh của chế độ và các mục tiêu sở dĩ được chọn lựa chỉ vì thuận lợi cho việc tiếp vận, tiếp trợ và điều động chiến thuật. Trận đại chiến được thực hiện không với ý niệm giản dị như thế, nó có mục đích to lớn, tổng quát hơn mà chúng ta có thể tìm thấy được do căn cứ trên những sự kiện khác - Đây là khi ba mặt trận lớn bùng nổ, các mặt trận phụ ở những vùng đông dân cư, vùng bản lề mở cửa vào thủ đô, những vùng tiếp giáp với bờ biển như Hoài Ân, Bồng Sơn, Bà Rịa, Long An, Chương Thiện, Tây Ninh, Bình Dương, Long Khánh đều bùng nổ với cường độ dồn dập. Những trận đánh này không thể quan niệm như là những cuộc hành quân thuần túy quân sự với âm mưu hỗ trợ cho ba điểm chính.

Thật quá giản dị khi cho rằng quận Đất Đỏ (Phước Tuy), quận Hoài Ân, căn cứ Đệ Đức (Bình Định) là những mục tiêu chính của cuộc tổng tiến công. Lẽ tất nhiên, chúng chỉ là mục tiêu lớn cho một tiểu đoàn, vài đại đội; nhưng cuộc đại tấn công có tính chất chiến lược quan trọng hơn; Bắc Việt muốn gây lại cho Mặt Trận Giải Phóng hệ thống hạ tầng cơ sở ở khắp miền Nam, đặc biệt nhắm vào những vùng đông dân, bản lề, để chuẩn bị lực lượng quần chúng đấu tranh cho

những ngày của... Hòa Bình - Những ngày sau 27-1-1973. Một hướng khác, thuần túy quân sự và rõ ràng hơn, là trong trường hợp lực lượng quân sự Cộng sản dứt điểm được các mục tiêu Quảng Trị, Kontum, Pleiku, Lộc Ninh, họ sẽ triển khai thành một tuyến biên giới xong đánh úp toàn bộ miền Nam, từ Quảng Trị đánh sâu xuống Huế chiếm đèo Hải Vân, cánh quân từ Kontum tràn xuống đồng bằng lập vòng đai dọc quốc lộ 19 chia đôi miền Nam bởi trục Kontum - Bình Định, và cánh quân An Lộc sẽ dứt điểm Sài Gòn. Trong chiều hướng này Cộng sản sẽ phá bỏ Hội Nghị Paris, thành lập chính quyền đỏ, thống nhất đất nước, tràn qua phía tây bắt tay với các cơ sở nằm vùng phía đông sông Cửu Long ở đất Miên vẽ lại bản đồ Việt Nam!! Ý hướng này (lẽ tất nhiên) đã không thực hiện được...(1)

Cuối thu 72, cuộc đại chiến lừng lẫy, một vài vùng đất của Việt Nam Cộng Hòa bị Cộng quân tạm chiếm được giải tỏa, các thị trấn lớn dần dần dứt pháo. Thế nhưng, những đường giao liên quan trọng (Đã bị đứt khúc, vỡ tan sau các cuộc hành quân lớn như Johnson City hồi năm 67, sau Mậu Thân và bị vô hiệu hóa trong giai đoạn 69, 70...) dần dần được nối lại. Từ đường mòn Hồ Chí Minh khoảng ở Attopeu, các cán binh Cộng sản có thể yên lành theo đường 36 vào Ben Hét, đến Darkto để từ đây theo đường 14 lên hướng bắc tiến vào thượng lưu sông Thu Bồn, ngổ chính đường về đồng bằng Quảng Nam hoặc từ Darkto theo hướng đông vượt sông Dark-Psi cặp theo đường liên tỉnh số 5 vào thung lũng Gia Vực, từ đây ra Quảng Ngãi hay vào Bình Định chỉ còn là kỹ thuật di chuyển.

Cuộc đại tấn công cũng đã nối lại được những đường dây ở bên kia biên giới Kampuchia để về Việt Nam. Các mật khu Ba Thu, Lý Văn Mạnh, Rừng Chàm, Bà Vụ, cuối cùng là những nơi "ém quân" sát nách thủ đô Sài Gòn và cách trung tâm Sài Gòn với cự ly súng cối 82 ly. Những đường dây nối lại, những vùng "xôi đậu" dày hơn, tốc độ đắp mô, gài mìn tăng trưởng, áp Mỹ Nhơn, Mỹ Yên cạnh quốc lộ 4 nằm giữa ranh hai quận Bình Chánh (Gia Định), Bến Lức (Long An) biến thành hai ấp hạng C, ban ngày cán bộ xã Việt Nam Cộng Hòa khó khăn vào thu thuế.

Một tình hình tổng quát tương tự như những ngày của năm 1960 với lớp cán bộ hạ tầng cộng sản mới có khả năng và tuổi trẻ hơn, bắt đầu cấy sâu dần nơi nông thôn miền Nam: Những cán bộ chính trị người Bắc. Thế trận chính trị bắt đầu, những ngày đầu năm 1973 kịp đón nhận biến cố: Hội nghị Ba Lê hoàn tất bản thỏa hiệp.

Thứ hai, cuộc đại chiến dù trải qua sáu tháng quân sự dồn dập vì đã có khi người ta nghĩ đến lúc cán bộ đặc công Cộng sản chờ lệnh giờ G (Giờ khởi đầu của lệnh hành quân) là ra mặt tàn sát, khởi đầu bạo động trong các thành phố lớn. Cũng có lúc người ta nghĩ rằng Hà Nội khó đứng vững thêm một ngày một buổi nào nữa, khi 100 pháo đài bay B52 không kể 300 chiến đấu cơ hộ tống cùng đánh bom liên tục trong 12 giờ, từ bình minh đến hoàng hôn trên vùng trời Hà Nội như trong ngày 5-12-1972. Nhưng tất cả khó khăn căng thẳng đều đi qua, bản Hiệp Định ngưng bắn vẫn được hoan hỷ ký kết cùng với những điều khoản được dự trù thực hiện trong khoản thời gian có giới hạn. Các yếu tố cụ thể dần dần được thống kê và hợp thức hóa để sẵn sàng tham dự trò chơi "Hòa Bình".

Các chuyến bay thả tù từ Phú Quốc, Biên Hòa; nhận tù ở Gia Lâm (Hà Nội), Lộc Ninh (Bình Long) được thiết kế và phân công. Hiệp Định đi bước thực hiện đầu tiên: Trao trả và tiếp nhận tù binh. Các địa điểm trao trả đã sẵn sàng. Kết quả tích cực nhất của chín tháng đại chiến.

Hai tháng sau ngày hiệp định ký kết, 26.058 tù cộng sản, 5018 tù Việt Nam Cộng Hòa dần dần được trao trả trên sáu địa điểm chính, bờ bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị, Đức Phổ (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định), Lộc Ninh, Minh Thanh (Bình Long) và Thiện Ngôn (Tây Ninh). Cuộc trao trả tù binh đã vô tình hợp thức hóa "thực thể": Mặt Trận Giải Phóng có được một vùng tạm kiểm soát lóm đóm, xen kẽ lẫn vùng Việt Nam Cộng Hòa. Điều này làm mạnh thêm nhận định:

Cuộc đại chiến chỉ là mặt nổi, dứt điểm cho hội đàm; thế nên chiến trận dù đã đạt đến cường độ cao nhất cũng chưa phải là "điểm nổ" để gây nên hệ thống nổ dây chuyền ảnh hưởng đến toàn thế giới. Hội nghị Ba Lê do đó đã không thể tan vỡ để bản hiệp định như là cơn hạ sốt phải đến sau cùng.

Nhưng đến khi phải thi hành hiệp định, phía Cộng sản đã không chấp thuận phương thức ngưng bắn tạm thời, vạch đường phân ranh tạm thời, ấn định mỗi vùng trú quân tạm thời cho hai lực lượng tham chiến, cấp chỉ huy chiến trường gặp gỡ để cam kết, cụ thể hóa vấn đề ngưng bắn (Điều 2, 3 và 7 của đề nghị VNCH). Phía Cộng sản đã không chấp nhận danh xưng "vùng trú quân tạm thời", họ lý luận đó là các vùng kiểm soát "thực tế" của MTGP, không cần phải xác định ở cấp trung đội, tiểu đội, nơi nào có cán binh Cộng sản, nơi đó phải được xem như vùng "kiểm soát" của họ. Cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau chưa đủ, phải từng cá nhân võ trang của cả hai bên mới hội đủ cho điều kiện thảo luận ngưng bắn.

Những đòi hỏi như trên lẽ tất nhiên không thể chấp nhận được. Nhưng kinh qua sự kiện cùng các diễn tiến của hội nghị Ba Lê trong hạ tuần tháng 5, 7-73 và những ngày trước thông cáo chung 13-6-73, người ta thấy hiện hiện một âm mưu thâm độc của phe bên kia: Cộng sản muốn hợp thức hóa vùng đất kiểm soát để có đủ yếu tố cụ thể cho một "nước" với chính phủ, quân đội và đất đai riêng. Âm mưu đã lộ dạng toàn thể vào những ngày đầu tháng 6-73 tại bàn hội nghị Liên Hợp Quân Sự cũng như ở La Celle Saint Cloud.

Đến đây, có thể có thêm một nhận xét. Chánh quyền VNCH và cả MTGP đều có chung một ưu tư về thành phần thứ ba trong Hội Đồng Hòa Giải (Điều 12a của Hiệp Định), một thành phần tuy yếu "lực" hơn hai thành phần kia nhưng là "hy vọng" của toàn bộ hiệp định.

Sự kết luận về "nước" thứ ba như trên có vẻ khó thực hiện khi nhìn tình trạng đóng quân hiện tại của lực lượng võ trang MTGP một tình trạng loang lổ trải dài trên miền Nam qua các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kontum, Bình Định, Pleiku, Tuy Hòa, Bình Long, Tây Ninh, Chương Thiện, Kiến Phong. v.v... Có nơi Cộng quân chiếm được một quận hoặc một vùng rộng lớn như phần đất bắc Quảng Trị xuyên qua các quận Triệu Phong, phần đất bắc Kontum (quận Tân Cảnh), phần đất bắc Bình Long (quận Lộc Ninh và một phần quận Chơn Thành, An Lộc). Có nơi cộng sản chỉ chiếm được một ấp nhỏ sát vùng kiểm soát như ở Quảng Ngãi (ấp Vạn Lý thuộc quận Đức Phổ). Có nơi Cộng sản không chiếm hẳn được một ấp xã hay thị trấn nào như ở Chương Thiện, Định Tường, nhưng nhiều vùng trong các tỉnh này có rải rác cán bộ chính trị nằm vùng và lực lượng địa phương, du kích khi ẩn khi hiện.

Từ nhận định vừa được cấu thành, nhìn vào kết quả của chiến tranh và diễn tiến của hòa đàm, những buổi họp ù lý của ban LHQS hai bên trong suốt thời gian tháng 4, 5-73, bế tắc toàn diện của hội nghị song phương tại Ba Lê, cuối cùng là bản thông cáo chung của Kissinger và Thọ. Chúng ta có thể đi đến những kết luận như trên mà không sợ sai lầm về ý đồ của đối phương trong suốt quá trình trước và sau 27 tháng 1-1973.

Tuy nhiên, dù sự kiện đã sáng tỏ nhưng kết luận toàn diện và khả thể nhất vẫn là điều chưa khẳng định dứt khoát được vì diễn tiến, mục tiêu đấu tranh quân sự, chính trị của Bộ Chính Trị Đảng Lao Động Việt Nam vẫn là một điều bí mật, nằm trong những khối óc, trên bàn giấy của Duẩn, Đồng, Giáp, Thọ. Nghị quyết của ngày 10-2-73 cũng chưa phải là điều suy tư chính thức của các Ủy Viên Trung Ương Đảng mà có thể là một trong những nội dung "bề mặt", đôi khi không phản chiếu gì đến "điểm chiến lược" mà có thể những ủy viên cũng không đồng nhất hoặc hoàn toàn khẳng định.

Thế nên, những kết luận sau, có thể xem như một lối nhìn giữa một rừng hỏa mù mà toàn đất

nước đang chìm sâu:

a) Cuộc đại tấn công là "điểm" chính đối với các sư đoàn chính quy Bắc Việt, dùng hết lực đánh phá chiếm đóng các thành phố, ví dụ như Huế, Kontum, Bình Dương và có thể được là Sài Gòn (Như dự định đầu tiên của mặt trận An Lộc). Chiếm các đô thị lớn, lật đổ cơ cấu chính trị hành chính của VNCH, phá bỏ hội nghị Ba Lê. Nhưng như thực tế đã xảy ra, phía Cộng sản không thực hiện được sự trù tính này. Hội nghị Ba Lê do đó có kết thúc ngày 27-1-1973 với một thỏa hiệp có thể giải thích dưới nhiều quan điểm khác nhau.

b) Không thực hiện được dự tính theo phương cách trên, Cộng sản dựa một chân trên các phần đất đã chiếm được để giải thích bản hiệp định theo ý đồ riêng. Ý đồ này này được nhận rõ khi Cộng sản khước từ đề nghị của VNCH về việc ngưng bắn tại chỗ, cấp chỉ huy chiến trường hai bên gặp nhau, định vùng trú quân tạm thời cho hai bên trong khi chờ đợi thành lập Hội Đồng Hòa Giải, tổ chức tổng tuyển cử. Phái đoàn MTGP luôn luôn nhắc đến điều kiện tiên quyết trên của MTGP; vậy chúng ta cần mở một cánh cửa mới để tìm hiểu thêm một sự kiện khả thể khác, một dự phóng đi xa hơn các điều 9 và 12 của Hiệp Định (Về quyền tự quyết của miền Nam và tinh thần hòa giải giữa các phe). Để hiểu rõ sâu xa và cụ thể hơn, chúng ta xét đến chi tiết của từng vùng tạm chiếm.

Vùng đất tiếp giáp nam Quảng Trị, vùng đồi từ phía nam Khe Sanh, Hương Hóa càng về phía nam càng đi ra gần biển. Bắt đầu từ Văn Xá núi chỉ cách đường số 1 khoảng mười cây số đường chim bay. Truồi và Cầu Hai, Trường Sơn đi song song với bờ biển và cuối cùng mồm Hải Vân, ranh giới thiên nhiên giữa Thừa Thiên và Quảng Nam. Trong vùng núi đồi này, cộng quân đã bố trí sư đoàn 325 từ Khe Sanh xuống đến vùng Cổ Bi, Hiền Sĩ (An Lỗ, Thừa Thiên - Huế) và từ đây sư đoàn 324B (đã có mặt từ lâu) nối tiếp hoạt động sâu xuống phía nam hướng A Sao, Thừa Thiên. Trên trăm cây số đường núi song song với quốc lộ 1 từ Quảng Trị đến A Sao có các đường 518, 547, 548, 561 trước kia chỉ là những đường mòn di chuyển bộ binh, nhưng từ sau ngày 27-1-73, khi các mặt trận chấm dứt, Cộng quân dồn nỗ lực khai thông và kiến tạo hệ thống đường mòn trên, nhất là đường giao liên T7 (Đường về A Sao hay căn cứ địa 611) thành những con đường rộng rãi trải đá để xe Molotova có thể di chuyển. Từ A Lưới, cách biên giới Lào Việt chừng mười cây số, đường giây T7 có một đoạn rẽ sang mặt để nối vào lộ 922 trên đất Lào. Đường 922 là một nhánh rẽ của đường 92 hay binh trạm 36 thuộc đường 559 hay cũng là đường mòn Hồ Chí Minh, đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Thung lũng A Lưới, A Sao vốn có sẵn ba phi trường; Phi trường A Lưới, Tà Bạt thuộc loại lớn, máy bay C130 có thể xuống được nếu có hướng dẫn, nay nếu hoàn tất thêm hệ thống đường bộ thì vùng núi non này không còn là một vùng bị cách trở với các thị trấn miền biển, lại càng gần gũi hơn với các vùng nội địa Đông Dương. Trên thực tế, vùng này nằm ngang với Đà Nẵng trên một vĩ tuyến, (cách vĩ tuyến 16 khoảng một trăm cây số về hướng bắc) và cũng là trung bình điểm của vùng đất kể từ Đà Nẵng vào đến biên giới Lào, Thái. Phi trường A Lưới, Tà Bạt còn được ghi nhận là phi trường của mọi thời tiết. Từ A Sao, Cộng quân đang dồn mọi nỗ lực để nối tiếp đoạn đường sạn đạo xuôi Nam. Đoạn Khe Sanh, A Sao tuy được thiết lập trên những đỉnh Trường Sơn, vùng Triệu Phong (Quảng Trị), Nam Hòa (Thừa Thiên), nhưng vùng núi non này tương đối dễ dàng với những đỉnh núi cao chỉ trên dưới ngàn thước như ở thượng lưu sông Mỹ Chánh ranh tỉnh Quảng Trị, Thừa thiên. Đoạn đường phía nam A-Sao thì gai góc, khó khăn hơn, ranh Thừa Thiên, Quảng Nam từ Hải Vân trở vào đất Lào là một chuỗi núi trẻ, cao độ trên một ngàn thước chập chùng tiếp nối vào nhau với những sườn dựng thẳng đứng đổ xuống các thung lũng hun hút, mở đầu cho những nhánh thượng lưu của hệ thống sông Buông, sông A Vương, sông Côn... Nhưng Cộng quân đang khai triển tối đa khả năng nỗ lực của cán binh và dân công phần đông là tù binh VNCH để khai rộng con đường 458 hầu nối hết những nút cuối của chặng đường mà tiền nhân xưa đã một lần xử dụng: Con đường nối vùng núi rừng Kontum theo trục Kontum - Quảng Nam - Thừa Thiên - Quảng Trị, nay được hiện đại hóa bằng các địa danh mới:

Khe Sanh - A Lưới - A Sao - Đại Lộc - Darkto, bởi một hệ thống đường giây: 547, 458, bắc quốc lộ 14(Bắc Kontum). Đầu và cuối của hệ thống này được mắc nút vào hai trụ của đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Cần mở thêm một ngoặc đơn ở đây để xác nhận thêm ý định của địch, trong những địa điểm mà Cộng sản đưa ra để trao trả tù binh có vị trí cách Hà Tân (Quảng Nam) mười cây số đường chim bay về hướng đông và thung lũng Hà Tân chính là điểm nối của đường 458 với cực bắc của đường 14 chạy từ Kontum lên.

Từ vùng Tà Lơn, Hà Tân của vùng Quảng Nam này, công việc xuôi xuống đồng bằng sông Thu Bồn (Vùng Duyên Hải Quảng Nam) hay theo quốc lộ 14 để vào Nam (Bắc của Kontum) không vấp phải trở lực của thiên nhiên nào đáng kể. Con đường 14 của đoạn này lại cập theo con sông Cái chạy giữa một thung lũng trống trải, chỉ cần sửa chữa với các phương tiện tối thiểu cũng xử dụng lại dễ dàng.

Chúng ta vừa đi qua một vùng địa thế bao gồm các phần đất thuộc các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Kontum và Bình Định với hệ thống đường giao liên 518, 516, 517, 548 (Vùng Khe Sanh), 458 (Vùng ranh Thừa Thiên - Quảng Nam), đường số 14, liên tỉnh lộ 5 (Nối Kontum Á Quảng Ngãi) và đường dây 514 (Nối Quảng Ngãi - Bình Định: Từ thung lũng Gia Vực đến thượng lưu sông An Lão), đường dây này Cộng quân đã xử dụng để chuyển chiến xa từ vùng ba biên giới xuống tham chiếm mặt trận Hoà An hồi tháng 5-72. Hệ thống đường đã và đang được tu sửa lại để có một trục lộ giao thông song song với quốc lộ 1 xuyên qua vùng núi non của năm tỉnh cực bắc VNCH. Hồi chánh viên Trần Đức Cường đã nói rõ hơn về đoạn bắc con đường: "Hiện họ (Cộng sản) đang khai dụng theo một đường mới ở dãy Trường Sơn từ Quảng Trị đến Quảng Nam, ba tiểu đoàn dân công được xử dụng để sửa sang lại đường xâm nhập này và phi trường A Lưới. Từ bốn tháng nay, kể từ 27-1-73, chiến xa hạng nặng bắt đầu di chuyển rầm rộ theo con đường này để từ Quảng Trị vào Nam..."

Điều này chứng minh cho nhận định đầu tiên của bài viết: Cộng sản không "tha thiết" lắm với các mục tiêu thành phố. Các thành phố nếu có thể, chỉ là mục tiêu đến sau đối với các sư đoàn chiến thuật. Và chiến trận đã diễn ra dưới một cường độ hợp lý để không đi đến điểm nổ cuối cùng. Cả hai bên đều có lý thắng khi giải thích các thành quả mình đã thu đạt được tại chiến trường (1972). Và hai bên cũng đều có lý thắng khi giải thích kết quả của Hiệp Định Ngưng Bắn 1973.

Từ những sự kiện được móc nối hợp lý như trên, chúng ta có thể tìm đến kết luận không xa với sự thật và chính xác: Cộng sản không thể và cũng không bao giờ từ bỏ phần đất cập theo sườn đông Trường Sơn chạy qua năm tỉnh khi họ đã được nối ráp vào nhau thành hình tượng thực tế. Dãy Trường Sơn chỉ là biên giới thiên nhiên chứ không thể là biên giới nhân văn hay chính trị khi khối nhân lực ở đông và tây của dãy núi cùng trong một lực lượng quân sự mang chung một ý hướng chính trị. Và như vậy con đường giao thông qua vùng Trường Sơn chỉ được quan niệm như lối đi bình thường trong một xứ sở núi non.

Âm mưu thành lập một quốc gia thứ hai ở miền Nam không phải chỉ được bộc lộ trong ý hướng tấn công vào các mục tiêu như đã nói, cũng không phải chỉ hiện rõ ở cách thức củng cố, xây dựng các phần đất tạm chiếm được, mặc dù ở bàn hội nghị họ luôn luôn chối bỏ ý đồ này bằng những luận cứ vô cùng tha thiết: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... Không có hai nước Bắc và Nam Việt Nam, vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời... Đất nước sẽ thống nhất bằng tổng tuyển cử, hiệp thương, quan hệ hai miền bình thường, thì làm gì có nước thứ ba, thứ tư được!!" Nhưng luận lý vẫn chỉ là một lối nói, một số lời nói được học thuộc để xử dụng trong một giai đoạn nào đó, thế nên những cán bộ có bản phận ở bàn hội nghị cứ phải nói, phần đằng sau (tức là vùng Cộng sản chiếm được) vẫn phải xây dựng, củng cố cơ sở, đấu tranh trên mọi "diện" để làm sao nổi bật được thực tế "vùng giải phóng".



Con đường xương sống như vừa trình bày đang được tiến hành và đang được nối dài xuống phía Nam để nối vào đoạn Tây Ninh - Bình Long - Phước Long qua trục Quảng Đức - Pleiku, (Sẽ trở lại vấn đề này ở đoạn cuối bài viết).

Chúng tôi tiếp tục trình bày công việc xây dựng "vùng giải phóng" của Cộng sản... Tại những nơi Cộng sản chiếm được sau tổng tấn công 1972 như Cam Lộ, Gio Linh, Đông Hà, Tân Cảnh (Kontum), Xa Mát, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Đức Cơ (Pleiku) đều được xây dựng thành những trung tâm hành chính, kinh tế. Họ đặt các Ủy Ban Hành Chánh, các "chính quyền địa phương nhân dân" và xử dụng các danh xưng này thật nghiêm túc... - Tôi, Thiếu tá Trần Cảnh đại diện chính quyền địa phương tỉnh Pleiku - Viên thiếu tá mặt xanh mướt vì sốt rét vừa chui từ hóc rừng Đức Cơ ra đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp (Tây-nam Pleiku ba mươi cây số đường chim bay) đã nói với giọng không chút khôi hài. Không phải chỉ một mình Trần Cảnh, nhưng toàn thể cán bộ, binh lính Cộng sản đều phải thực hiện mô thức "Chính phủ Lâm Thời với vùng kiểm soát cụ thể..." đó. Trong mục tiêu của việc thành lập "nước" thứ hai cho Chính phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, Bắc Việt đã đẩy vào Nam hàng chục ngàn dân chúng thuộc các tỉnh bắc Trung Việt vào định cư ở những vùng Tây nguyên, miền đông Nam phần, phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị, sinh sống theo phong trào "quê hương mới", phong trào đặt trọng tâm vào khối cán bộ, mà đa số là thanh nữ trẻ, những thanh nữ này có "nhiệm vụ" kết hôn cùng đám binh sĩ trẻ tuổi đã đi vào đây trước, hiện tại đã được biến cải thành người miền Nam (Những người miền Nam quá dị với giọng nói thổ âm miền Bắc). Đến đây, chúng ta có thể xác định mà không sợ sai lầm: Khẩu hiệu "Sinh Bắc Tử Nam" không là một khẩu hiệu "khích động chiến thuật" nhưng là một "chỉ đạo chiến lược" để hoàn tất cuộc xích hóa miền Nam. Và như thế, chiến tranh chỉ là một môi trường, quân đội chỉ là một phương tiện để miền Bắc chuyển khối nhân lực đầu tư vào miền Nam. Vậy, Mặt Trận cách mạng giải phóng miền Nam, Chính phủ Lâm thời CHMNVN sẽ lần lượt đóng hết vai trò "chiến thuật" của nó, trận chiến cuối cùng, trận đấu then chốt vẫn chỉ là chúng ta cùng miền Bắc qua tấm đệm "Mặt Trận". Hình như cả thế giới, một số đông của thế giới không nhìn được âm mưu ghê tởm độc hại này. Nhưng cũng chỉ là một âm mưu rất rõ rệt.

Để tăng thêm cường độ hiện thực cho nước thứ hai kia, người Cộng sản ngoài việc lập các nhà máy kỹ nghệ, điện lực ở các "thị trấn" Xa Mát, Đức Cơ, không quên khai triển hoạt động ngoại giao để có đủ hình thức một tổ chức quốc gia về cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN. Đại sứ Nga, Trung Cộng, Algérie cũng có màn trình Ủy Nhiệm Thư lên Nguyễn Hữu Thọ; Chủ tịch Thọ họp báo quốc tế... v...v... Cộng Hòa miền Nam Việt Nam đang được ráp nối dần từ mảnh như từng khúc đường trong vùng núi rừng Trường Sơn trùng điệp.

Ngoài ra, còn có thêm một điều đáng chú ý để làm mạnh cho luận cứ trên nếu là Cộng sản muốn phá vỡ bản hiệp định bằng đường lối quân sự thì khoảng thời gian tháng 6-73 vừa qua quả là giai đoạn chín mùi cho chuẩn bị chiến thuật. Nhưng Cộng sản vẫn không mở cuộc đánh phá cấp độ lớn, không phải do lòng yêu chuộng hòa bình cũng không phải bởi tinh thần tôn trọng bản hiệp định mà họ đã ký, nhưng như Nghị Quyết ngày 10-2-73 của Cộng Sản Bắc Việt đã giải thích tình hình và đường lối đấu tranh sắp tới không phải thực hiện bởi nòng súng, điều này cũng phù hợp với nhận xét về cộng sản của J. Honey sau khi viếng thăm Hà Nội: "Cộng sản Bắc Việt vẫn chủ trương xích hóa toàn thể Đông Dương (Tuyên bố hôm 27-3-73); có điều sách lược đấu tranh được quan niệm theo một đường lối khác."

Vậy theo đường hướng mới này, một xứ sở "an toàn" nằm trên ba vùng đất trung tâm của bán đảo Đông Dương, cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam của Bắc Việt chỉ còn một khoảng cách chiến lược tối thiểu để hoàn tất bước chốt của ý đồ.

Qua các tin tức từng được phát giác, chúng ta khẳng định được rằng cách thức sửa soạn của Cộng sản ở phía bên kia giòng sông Thạch Hãn, trên miền thung lũng Ba Lòng, nơi phía tây cố đô Huế kéo dài xuống miền Nam dọc theo dãy Trường Sơn cộng với các tin tức tại miền Lộc Ninh, các vùng đất từ Tây Ninh qua Bình Long sang Phước Long với các mật khu Tam Giác sắt, Dương Minh Châu, Hồ Bò, Bời Lời.v.v... Các mưu toan chiếm lĩnh toàn thể vùng núi Thất Sơn tại Châu Đốc, đặc biệt vùng núi Dài, núi Cấm với những hang động thiên nhiên hiểm yếu, những trận đánh dằng dai trong sinh lầy miền Chương Thiện để tranh giành những làng xóm hoang vu, những cánh đồng cỏ mọc thay lúa, người ta thấy chiến thuật của Cộng sản vẫn là không bao giờ để đối phương có thì giờ nghỉ ngơi, đồng thời chính lực lượng của họ cũng không được phép nghỉ ngơi. Sự nghỉ ngơi đưa đến suy nghĩ, thắc mắc, so sánh, không có gì lợi ích cho mục tiêu do các lãnh tụ mà đầu óc đã chai cứng qua mấy chục năm vinh nhục vạch ra và nay họ phải thực hiện, Các tin tức trong các vùng Cộng sản tạm chiếm cho biết rằng, ngoài những sự sửa soạn cho đến những quyết định về những ngày sắp tới. Cán bộ Cộng sản luôn luôn học tập sách lược đấu tranh chính trị trong giai đoạn mới, cán binh được học tập đấu tranh võ trang phối hợp chính trị để lung lạc tinh thần dân chúng. Người Cộng sản còn nhấn mạnh một cách đặc biệt sự huấn luyện các thành phần dân chúng còn kẹt lại trong các vùng họ chiếm được. Các tin tức cho biết họ tổ chức đám dân này thành đội ngũ, vừa tuyên truyền vừa dọa nạt, thành từng đội, từng tổ sản xuất, chiến đấu, thu thuế, dân công v.v... Họ đã lưu tâm tới đám thiếu niên, vì tuổi trẻ dễ bị kích động, dễ tin nên dễ lợi dụng. Đây là khối nhân sự có giá trị lâu dài về cả quân sự và chính trị. Rút tĩa kinh nghiệm từ những ngày tháng đại chiến dai dẳng của năm 72 và những năm trước, họ tổ chức lại nhân sự, chuẩn bị lương thực trong tinh thần tự túc tự lực, tái trang bị và tăng cường tối đa khả năng võ khí tối tân gồm cả chiến xa, đại pháo, phòng không, hỏa tiễn chuyển vận từ miền Bắc vào. Hiệp Định Ba Lê chỉ như một cuộc dừng chân tạm nghỉ để người Cộng sản chỉnh đốn lại hàng ngũ và trang cụ. Người ta cũng thấy sách lược của họ vẫn là sách lược cổ điển, giai đoạn sắp tới, người ta sẽ không thấy cuộc xâm lăng của miền Bắc tại miền Nam Việt Nam nữa, nói một cách khác, ý định của một cuộc xâm lược như vậy sẽ được Cộng sản Bắc Việt né tránh tối đa để người Việt Nam và nhân dân thế giới hiểu rằng, cuộc chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra trong tương lai chỉ hoàn toàn là của "Nhân dân miền Nam Việt Nam", do cái gọi là "Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân miền Nam Việt Nam" lãnh đạo với đất đai và quân lực riêng, nghĩa là của một quốc gia chống lại một quốc gia". Nói như vậy để chúng ta hiểu thế quốc tế "tế nhị" gây nên bức tức cho chúng ta, do phía Cộng sản tạo dựng thành và thế trận quốc nội từ một lực lượng võ trang không dân không đất ngày nào, tuy không được công nhận nhưng là một thực thể khiến cho công cuộc chiến đấu sinh tồn của chúng ta sẽ càng ngày càng đi vào những khó khăn phức tạp.

Những tin tưởng vào sự kiện Nga Xô, Trung Cộng bắt tay với Mỹ và cắt chiến phí cung cấp cho Bắc Việt để chấm dứt chiến tranh (Nếu thật sự đi chẳng nữa) cũng chỉ có giá trị giai đoạn; vì sách lược xâm lăng của Cộng sản luôn luôn biến thái tùy hoàn cảnh. Không thể nào không xảy ra trường hợp Nga Tàu dù đã đồng ý với Mỹ thôi cung cấp chiến cụ cho Bắc Việt mà chiến tranh vẫn đột nhiên tái phát khủng khiếp trong một lúc nào đó. Tóm lại, những chuẩn bị của Cộng sản trong các khu vực họ tạm chiếm trước ngày 27-1-73 hoàn toàn không có ý nghĩa như một củng cố cho các vùng đất này về mặt kinh tế chính trị để sống trong hòa bình: Không hề là như vậy!!

### **TÓNG LỆ CHÂN: GIỌT NƯỚC MÁT KHÔ CỦA HÒA BÌNH MIỀN NAM**

Khi người dân trên toàn thế giới rung chuông, mở rượu, tung giấy ngũ sắc để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, cùng lúc đó tại một hóc hẻm của Việt Nam, trên ngọn đồi cao năm mươi thước giữa ranh giới hai tỉnh Tây Ninh, Bình Long, một cứ điểm quân sự trông xuống hai con suối bắt đầu nổ súng như tia chớp giữa ngày quang.

Trận đánh Tổng Lệ Chân bắt đầu nặng độ. Lợi dụng ngưng bắn, Cộng sản ra mặt tấn công ngày. Không ai trên thế giới biết đến, tất cả muốn xóa đi, bỏ qua tai nạn cục bộ của một Việt Nam rầm rối. Hòa Bình: thứ rượu nhạt mà thế giới hằng lâu không được uống. Tổng Lệ Chân: trận chiến cuối mùa và cô đơn nhất của dòng thời gian binh lửa. Tính đến nay, căn cứ bị vây đúng 17 tháng hay 510 ngày. Không ai trong chúng ta nghĩ đến con số nhỏ bé ghê gớm này. Chúng ta cũng là những kẻ có tội.

Stalingrad bị người Đức bao vây 76 ngày, người Mỹ giữ cứ điểm Bataan 66 ngày, quân lực Anh và khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk 241 ngày và ở Việt Nam, "địa đàng" của chiến tranh, nơi binh đao tung hoành không giới hạn, chúng ta cũng đã có những nơi chốn với tên gọi để đời như Điện Biên Phủ bị bao vây tới số lượng 57 ngày. Gần gũi và còn được nhớ là những trận đại chiến khởi đi trong mùa hè 1972, những trận đánh vượt qua hãn chiến sử thế giới với các địa danh: Kontum, An Lộc, Quảng Trị. Nhưng Delta, Charlie ở Kontum cũng chỉ kéo trong vài ngày, An Lộc 110 ngày và Quảng Trị thực sự đến ngày 25-7-1972 đã được giải tỏa phần lớn. Thế nên, Tổng Lệ Chân với 510 ngày bị vây hãm phải được xem là trận đánh dai dẳng nhất lịch sử chiến tranh nhân loại.

Căn cứ nhỏ bé đó từ ngày 10-5-1972 đã bị mờ khuất sau làn khói dậy lên từ An Lộc, Quảng Trị, Kontum - và đến nay - sáu tháng sau ngày hòa bình độc hại, chiếc tiền đồn lại càng có khuynh hướng bị xóa mờ để che dấu và vô hiệu hóa tội ác của những người Cộng sản. Chúng ta phải nhỏ xuống giọt nước mắt để cầu nguyện cho một nhóm người trong 510 ngày đã phấn đấu để chúng tỏ cùng thế giới: Tội ác đã đồng nghĩa cùng người Cộng sản. Tổng Lệ Chân, giọt nước mắt tinh tuyền từ sức đối kháng vô bờ của người Việt miền Nam.

Căn cứ được thiết lập trên ngọn đồi cao năm mươi thước, trông xuống hai con suối Takon và Neron, những nhánh nguồn đầu tiên của sông Sài Gòn, dày đặc khắp miền Tây Ninh, Bình Long, nằm trên đường ranh của hai tỉnh này, cách An Lộc mười lăm cây số về phía đông-bắc và ở phía nam biên giới Việt-Miền khoảng mười ba cây số. Điểm nhọn của chiếc Mỏ Vẹt, đại bản doanh của Cục R, Trung Ương Cục Miền Nam chia thẳng vào căn cứ.

Tổng Lệ Chân trước kia là một trong những trại Dân sự Chiến đấu thuộc Lực lượng Đặc Biệt mà người Mỹ đã thành lập từ năm 1967. Trong lãnh thổ Quân Khu III dọc theo biên giới Việt-Miền từ Tây Ninh qua Phước Long có những trại Bến Sỏi, Thiện Ngôn, Katum, Tổng Lệ Chân, Lộc Ninh, Quản Lợi, Bù Gia Mập, chỉ riêng trại Bến Sỏi nằm trong nội địa Tây Ninh, các trại còn lại làm thành một hàng rào song song với biên giới hệ thống tiền đồn ngăn chặn, báo động lần xâm nhập, điều động của quân đội Cộng sản từ bên kia biên giới, nơi có những địa danh đã một lần vang dội như Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt. Hệ thống trại còn là nơi phát xuất những cuộc hành quân tuần tiễu phát hiện và tiêu diệt các đơn vị địch trong vùng.

Vùng hoạt động của trại cũng là chiến khu của giặc: Chiến khu C, và cũng như hệ thống đường liên tỉnh mà chính quyền Tổng Thống Diệm đã thành lập từ những năm 1960, 1961, những trại Lực lượng Đặc Biệt, sản phẩm đặc ý của Tổng Thống Kennedy, người được yêu chuộng nhất của 37 đời tổng thống Mỹ. Nhưng đến bây giờ, năm 1973 tại Việt Nam, lúc người Mỹ đã quay phi cơ về Clark Field, Guam, bỏ lại xứ sở Đông Dương mịt mù tiếng đạn trong âm vọng hòa bình. Các trại kia chỉ còn lại là những chiến trường địa phương bị cô lập với thế giới bên ngoài đành đoạn.

Không phải là chiến tranh nữa, đây chỉ còn là những cơn sốt vỡ da cho "Hòa Bình" nguy hiểm. Tổng Lệ Chân, cơn sốt cuối cùng và dai dẳng. Dưới chân đồi căn cứ về phía bắc còn có đường 246 nối Tây Ninh và Bình Long, xuyên qua lớp rừng xanh lá, đây là con lộ huyết mạch để Mặt Trận nối liền hai vùng sinh tử, khu C và khu D. Tổng Lệ Chân cũng là yết hầu chặn ngang đường dây Bắc-Nam nối bản doanh cục R và vùng Dầu Tiếng, để từ đây xâm nhập xuống Bình

Dương - Gia Định. Với vị trí chiến thuật quan trọng như thế, Tổng Lệ Chân không còn là mục tiêu quân sự thông thường, căn cứ nhỏ bé này có một tầm quan trọng khẩn thiết. Kiểm soát được bốn hướng Tây-Đông, Bắc-Nam của toàn hệ thống giao liên quan trọng trong lòng căn cứ địa đối phương. Từ ngày thành lập, Tổng Lệ Chân chưa hề có một ngày thanh bình.

Tên địa phương là Tonlé Chombé, vị chỉ huy trưởng đầu tiên, Thiếu Tá Đặng Hưng Long, gọi trại thành Tổng Lệ Chân, binh sĩ nói thành Tổng Lệ... Những người ngoài binh chủng lực lượng đặc biệt phần đông gọi theo danh từ hàm súc này. Tổng Lệ Chân - tên tiền định cho số kiếp nghiệt ngã. Năm 1970, trong chương trình cải tuyển binh chủng, binh sĩ trại phần đông là dân sự chiến đấu thuộc sắc dân Stiêng tình nguyện ở lại cùng căn cứ để biến cải thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tháng 4-72 song song với các cuộc cường tập vào Lộc Ninh, An Lộc, Cộng quân đã có ý định "ủi lảng" hết dãy căn cứ biên phòng trên để rộng đường điều quân, cùng chuyển vận quân nhu, quân cụ. Tình hình khẩn trương của thời gian ấy đã khiến bộ chỉ huy Biệt Động Quân Quân Khu III quyết định rút hết lực lượng thuộc bốn căn cứ: Thiệt Ngôn, Katum, Tổng Lệ Chân và Bù Gia Mập. Nhưng người chỉ huy của Tổng Lệ Chân đã có câu trả lời sau khi nhận được lệnh:

- Xin ở lại để chiến đấu bảo vệ căn cứ. Di tản tiếc quá, Biệt Động Quân mà di tản yếu quá...

-Tình hình có giữ nổi không?

-Tất cả binh sĩ đều xin ở lại bằng mọi giá để bảo vệ uy tín binh chủng!

Định mệnh đã điểm giờ phút đó, lực lượng nhỏ bé của Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng trở nên những anh hùng lạng lẹ của trận đánh cuối cùng làm sáng tỏ sức chiến đấu bền bỉ của người cho Hòa bình. Hòa Bình Việt Nam, giấc mơ tội nghiệp của một dân tộc được tưới thêm máu nóng của những người lính vô danh Tiểu Đoàn 92 trong một hóc của núi rừng miền đông Nam bộ. Thế giới giữ được cân bằng trên hòa bình vất vả này. Toàn thể nhân loại có biết thế không?

Giữ một vị thế trọng yếu trong hệ thống giao liên giữa căn cứ địa của địch, bảo vệ được cạnh sườn phía tây cho An Lộc, Tổng Lệ Chân trên bản đồ hành quân của Ban Tham Mưu Cục R đã được xác định là một mục tiêu cần phải "dứt điểm". Ngày 10-5-72 Cộng quân dồn lực lượng đánh trận biển người vào căn cứ có chiến xa yểm trợ sau khi đặc công đã xâm nhập được vào vòng đai phòng thủ. Nhưng căn cứ vẫn đứng vững được như lời nguyện, người chỉ huy của trại mang tên Lê Văn Ngôn với số tuổi khiêm nhường, 25 tuổi, đã giữ được lời thề. Ngôn thuộc khóa 21 Đà Lạt ra trường năm 1966, bây giờ - tháng 9-73, Ngôn mang cấp bậc Trung Tá. Một thời gian kỷ lục nhưng không ai tị hiềm. Không thể tị hiềm được vì hình như quân sự thế giới không có một đơn vị nào bị vây trong thời gian 510 ngày vẫn còn đơn độc chiến đấu. Ngôn và Tiểu Đoàn 92 của anh là một biệt lệ, hiện thực ý niệm cao cả về trách nhiệm và giá trị mà người lính muôn đời hiện thực. Những người lính khắp nơi của thế giới đã nhiều lần chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của mình trên đảo Saipan, nơi buồng lái của những chiếc máy bay Zéro, trong những phi vụ trên vùng trời Âu Châu được đan kín bởi một lưới lửa đạn phòng không suốt đệ nhị thế chiến. Ở Việt Nam, trận Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971 và suốt năm 1972, nhiều đơn vị, nhiều người lính đã chứng tỏ phẩm chất vĩ đại cao cả của mình. Trên tất cả mọi cao điểm đó, Tổng Lệ Chân rực rỡ với ánh sáng của riêng mình. Ngày 8-6-72, An Lộc được chính thức giải tỏa sau khi Tiểu Đoàn 6 Dù "bắt tay" được với Tiểu Đoàn 8 Dù, lực lượng cực nam của cửa ngõ vào An Lộc, Cộng sản thu quân về phía tây để bồi dưỡng và chuẩn bị đánh lớn. Dãy căn cứ bạn đã di tản, Tổng Lệ Chân còn lại mỗi mình, Công Trường 9 Việt Cộng dùng lực lượng cơ hữu thay phiên nhau nhờ Tổng Lệ Chân trong suốt một năm dài. Ngày 27-1-73 Hiệp Định Ba Lê được ký kết để tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Ngày 25-1-73 cũng là ngày N (1) của cuộc tấn

công cường tập vào Tổng Lệ Chân, Cộng quân muốn "ủi lảng" căn cứ để hoàn toàn kiểm soát vòng đai biên giới từ Tây Ninh qua Lộc Ninh, cuộc tấn công không thành và bây giờ - tháng 9-1973 - tám tháng sau ngày "ngưng bắn", theo thống kê chính xác của người lính ngồi dưới hầm trốn pháo, theo bài tính cộng của viên sĩ quan hành quân tiểu đoàn: Căn cứ bị pháo kích 233 lần, 20 lần bị tấn công biển người, 7 lần đánh đặc công và chiếc đồn trợ trợ trên đỉnh cao 50 thước đó đã nhận 14.500 trái đạn đủ loại nổ liên tục trong tám tháng hay 220 ngày được gọi là "Hòa Bình" trên đất nước Việt Nam!!

Cuộc bao vây đã diễn ra trong 510 ngày dài, binh sĩ bị thương và chết lên đến gần con số 100, phần lớn bị thương không di tản được. Bất chấp luật lệ quốc tế, bất chấp cả lòng nhân đạo giữa những sinh vật gọi là người, và rất trái ngược với "tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà từ tên lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã Thượng tá tóc bạc ngồi ở bàn hội nghị luôn luôn mồm nói lên với vẻ trang nghiêm cẩn mật. Máy bay trực thăng tải thương là mục tiêu thực tập cho các đơn vị phòng không Cộng sản dựng dây đặc quanh căn cứ. Ngày 10-8-73 phi vụ tải thương chót không thực hiện được, chiếc UH.1 của Phi Đoàn 233 bị đốn ngã, phi hành đoàn phải ở lại căn cứ và những người này chỉ có thể trở ra khi những người bạn cùng phi đoàn đã thực hiện được một chuyến bay không giống bất cứ một phi vụ trực thăng nào của cuộc chiến mười năm. Phi vụ bắt đầu lúc mười hai giờ đêm từ phi trường Biên Hòa và mục tiêu là Tổng Lệ Chân. Phi vụ này còn có nhiệm vụ mang số tiền thưởng của quân dân Vùng III tặng Tiểu Đoàn 92 và cặp lon Trung Tá cho Ngôn. Phi tuần trưởng của chuyến bay này là Thiếu Tá Bảo bạn cùng khóa với Ngôn. Nhưng tình trạng bi tráng này đã nảy nở ra một khía cạnh khác, trong số bảy mươi lăm người bị thương, con số xin ở lại lên đến bốn mươi. Đến một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh thích hợp, sự can trường trở nên như một tính chất tổng quát và chung của cộng đồng. Bệnh sốt rét và phù thũng đã khống chế toàn trại nguyên do bởi thiếu dinh dưỡng và cuộc sống chật chội quá lâu dưới hầm đất. Trong tháng 7-73 các cuộc tiếp tế thả dù tưởng chừng như không thể thực hiện được. Chiếc móc nối kiện hàng và bộ phận phối hợp trên máy bay không còn nữa. Cuộc họp của các giới chức cao cấp nhất về tiếp vận và không trợ đã diễn ra dồn dập để giải quyết vấn đề "cái móc", mà một bộ phận chính là đoạn dây cable dài chừng một tấc. Đoạn dây cable này có nhiệm vụ giữ palette (tấm sắt làm đế của kiện hàng thả dù) với hệ thống phối hợp; khi máy bay đến địa điểm thả dù, bộ phận cắt sẽ được bấm nút để chặt xuống đoạn dây này, palette mang kiện hàng sẽ lăn ra cửa máy bay trên hệ thống bánh xe. Từ trước đến nay, các cơ quan thả dù không quân chẳng ai để ý đến đoạn dây ngắn ngủi này vì quá thừa thãi. Khi Tổng Lệ Chân bị vây liên tục, đồ tiếp liệu, tiếp tế phải thả dù, nên đến một lúc người ta khám phá đoạn giây cần thiết này bị thiếu!! Muốn gởi mua ở Mỹ phải gởi đúng nơi sản xuất nó qua một hệ thống đặt hàng phức tạp, trước một thời gian dài, đoạn dây cũng phải được gọi bằng ám số lê thê, hãng chế tạo mới cung cấp đúng. Phe ta, vốn truyền thống "gì cũng được" nên đến lúc cần mới bật ngửa, không làm sao cấp thời giải quyết được. Nhưng cái khó không bó cái khôn, dây lớn đúng cỡ không có thì biến chế bằng hai sợi dây nhỏ kết vào nhau... Và kết quả, dù thả mười cái hết sáu cái rơi ra ngoài căn cứ!! Khoảng trống giữa hai sợi dây nhỏ kết lại đã làm thời gian cắt đoạn giây dài hơn vài giây. Vài giây của tốc độ hơn hai trăm dặm giờ khi phi cơ thả dù đã làm cho chiếc dù bay ra khỏi chiếc đồn nhỏ bé. Bi thảm hơn, có những ngày bị Cộng quân pháo kích và tấn công liên tục, toàn căn cứ phải nhịn đói hoặc bắt gián ở các hầm cầu để nướng ăn thay cơm!! Nhưng dù thiếu thức ăn và sống dưới hầm lâu trong 510 ngày, cùng một lúc sức chiến đấu lại tăng trưởng theo chiều cao, theo cường độ tấn công và pháo kích của giặc. Tổng Lệ Chân bắt chúng ta suy nghĩ khi biết được Gilles, viên tướng nhảy dù lừng danh của Quân Đoàn viễn chinh Pháp đã nói cùng Cognys và Navarre: "Hãy móc tôi ra khỏi đây (Điện Biên Phủ), tôi vừa sống sáu tháng ở "ổ chuột" Na Sản... Tôi quá sợ những điểm bùng bít như thế này!!" - sáu tháng ở cứ điểm Na Sản trong vị thế của một người chỉ huy cùng với phương tiện vật chất thừa thãi cũng đủ làm cho ông tướng gốc người Corse phải kinh khiếp - thế nhưng trên ngọn đồi năm mươi thước, dưới hầm sâu lạnh tanh, viên trung tá trẻ nhất Quân Lực Miền Nam, Lê Văn Ngôn đã sống đến ngày thứ 510 cùng tiểu

đoàn Biệt động với quân số thiếu hụt và thực phẩm phải dè sẻn từng túi cơm sấy. Đau đớn hơn tất cả, Ngôn chiến đấu trong hòa bình giả tạo và gian dối mà đối phương cùng thế giới đang nhân danh mỗi giờ, mỗi phút. Những giờ phút Tiểu Đoàn 92 ẩn mình dưới giao thông hào đợi cơn pháo qua, giờ phút của 510 ngày thiếu ánh mặt trời.

Vậy vấn đề được đặt ra cùng sự kiện như đã trình bày: Chúng ta phải làm gì cho số người nhỏ bé cao cả trên cao điểm năm mươi này? Ngăn chặn, phát hiện địch, giữ căn cứ để làm bàn đạp tung quân tuần tiễu, tấn công và truy kích địch, những mục tiêu đầu tiên mà ý niệm hành quân đã đặt để cho căn cứ không còn nữa. Chúng ta chỉ còn lại một biểu tượng bi tráng, chỉ có một chiến trường phi lý để những người anh hùng âm thầm ngã xuống trong lặng lẽ, làm sáng tỏ cách tàn ác, khiếp nhược của một hòa bình độc hại. Chúng ta sẽ là gì nếu bỏ qua hay thụ động buông thả để duy trì tình trạng phi lý độc địa này. Phiên họp đặc biệt cấp Trưởng Đoàn ngày 17-3-73 do Việt Nam yêu cầu và Hoa Kỳ chủ vị, chính thức đặt Tổng Lệ Chân lên bàn hội nghị. Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa, Tướng Dư Quốc Đống đề nghị ba biện pháp cấp bách:

-Cử ngay một Tổ LHQS/4B Trung Ương đi Tổng Lệ Chân để điều tra vi phạm, sau khi có thỏa thuận tại hội nghị.

-Nếu hai phe Cộng sản không thỏa thuận đề nghị, Hoa Kỳ trên tư cách chủ vị gửi văn thư yêu cầu UBQT cử người đi điều tra.

- Yêu cầu phía Mặt Trận Giải Phóng ra lệnh ngay cho các đơn vị của mình chung quanh Tổng Lệ Chân phải ở nguyên vị trí không được bắn lên phi cơ của UBQT khi đến điều tra.

Nhưng lọc lừa là tính chất cơ bản, phía MTGP biết chắc phiên họp đặc biệt này sẽ thảo luận một vấn đề nghiêm trọng mà họ chưa có chỉ thị để giải quyết; dù Trần Văn Trà mang quân hàm Trung tướng chẳng nữa ông ta cũng không bao giờ quyết định được một vấn đề gì, dù vấn đề đó chỉ thuộc về nguyên tắc, thủ tục nếu chưa có chỉ thị trước, nên Trà đã vắng mặt để cho viên Đại Tá Đặng Văn Thu đại diện họp thay. Trước ba đề nghị xác đáng của một vấn đề cụ thể, Thu không ngập ngừng, bối rối né tránh với tổ cáo: Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm ngưng bắn tại Đức Phổ, Sa Huỳnh, (Quảng Ngãi), Đức Cơ (Pleiku)... Và kết luận ung dung: Chính VNCH vi phạm tại các địa điểm trên! Không một lời nói, không một từ ngữ nhắc đến sự kiện, địa danh Tổng Lệ Chân. Trưởng phái đoàn Bắc Việt gật gù tán đồng, lập lại lời phát biểu của MTGP với thứ tự từ ngữ địa danh được nói khác đi một chút. Bài học đã được học từ nhà, các cậu học trò Cộng sản lập lại không sai một chữ bất chấp nội dung rõ rệt của ba đề nghị - Ý kiến - Yếu tố không bao giờ có trong đầu của cá nhân người Cộng sản khi chưa "hội ý"!!

Thấy hai phái đoàn Cộng sản không đá động gì đến ba đề nghị vừa trình bày. Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa lập lại đề nghị lần thứ hai: Nếu Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn Bên Trung Ương chưa thống nhất ý kiến thì yêu cầu Hoa Kỳ gọi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế để Ủy Ban này đi điều tra. Mặt Trận Giải Phóng cùng Bắc Việt lại hát lên một nội dung: "Không đồng ý việc gọi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế vì tình hình chưa rõ rệt, chưa có an ninh không tiện lợi cho Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra..." Phiên họp ngưng ở kết luận này. "Tinh thần nhất trí" của văn bản Hiệp Định. Tính chất không bao giờ có ở bàn hội nghị!!

Cho chắc ăn hơn nữa, phía Cộng sản mớm lời cho hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi, khi tiếp nhận văn thư của Hoa Kỳ yêu cầu đi điều tra Tổng Lệ Chân: "UBQT không đồng ý đi điều tra ở một nơi khi nơi đó chưa được an ninh!" Muốn chắc hơn, hai phái đoàn quốc tế Cộng sản này lại đưa thêm điều kiện: Sẽ chịu đi nếu phái đoàn MTGP cử sĩ quan liên lạc tháp tùng cùng trực thăng. Lẽ tất nhiên điều kiện không được thực hiện, vì MTGP chắc chắn không bao giờ đồng ý cử sĩ quan liên lạc tháp tùng.

Một tuần trôi qua, kể từ phiên họp 17-3-1973, tất cả nỗ lực về Tổng Lệ Chân đều bị chần lồi bởi hai ngón đòn "Tình hình Tổng Lệ Chân chưa rõ rệt. Phái đoàn MTGP chờ chỉ thị của thượng cấp" và đòn "Vì MTGP không cử sĩ quan liên lạc đi cùng nên Ủy Hội Quốc Tế không thể đến điều tra..." Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt, Ba Lan, Hung Gia Lợi nương vào nhau nhờ quá bóng vô liêm sỉ, né tránh hẳn vấn đề.

Ngày 23-3-1973, chỉ còn bốn ngày nữa là hết thời hạn sáu mươi ngày làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên, Hoa Kỳ thúc dục phái đoàn Gia Nã Đại (Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Tế) trực tiếp thu xếp với MTGP để sớm điều ra sự kiện Tổng Lệ Chân, MTGP trốn không nổi, đành đưa Đại Tá Võ Đông Giang, Phó Trưởng đoàn ra gặp Đại Tá Lomis (Gia Nã Đại), thỏa thuận cử sĩ quan liên lạc của Mặt Trận theo Ủy Ban Quốc Tế đến Tổng Lệ Chân vào ngày 24-3-1973. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ là trò đánh tráo, theo thỏa thuận của Giang, sĩ quan Mặt trận sẽ từ Tân Sơn Nhất đi Tổng Lệ Chân tiếp xúc với lực lượng Cộng sản ở đây, xong trở về Biên Hòa (Biên Hòa là khu V Liên Hợp Quân Sự, tức là vùng III của VNCH) để đón Ủy Ban Quốc Tế vào Tổng Lệ Chân. Gã sĩ quan liên lạc của Mặt Trận nhận chỉ thị trước, nên thay vì từ Tổng Lệ Chân, y trở về hẳn Tân Sơn Nhất, Ủy Ban Quốc Tế đợi ở Biên Hòa suốt ngày 24-3-1973. Cuộc điều tra Tổng Lệ Chân của Ủy Ban Quốc Tế không bao giờ có thể thực hiện được: Không bao giờ.

Về phía Liên Hợp Quân Sự, sau một tuần cố gắng liên tục kể từ phiên họp 17-3-1973, Việt Nam Cộng Hòa buộc Mặt Trận Giải Phóng phải cử sĩ quan liên lạc đến Tổng Lệ Chân để thực hiện tản thương. Nhưng ngày 23-3-1973, thay vì xuống Tổng Lệ Chân như đã dự liệu, viên sĩ quan Mặt Trận xuống Sóc Con Trăn cách Tổng Lệ Chân mười cây số về hướng Tây, viên sĩ quan này lấy cớ phải liên lạc với "địa phương" y trước, sau một hồi tìm kiếm trong rừng, y trở lại trực thăng lấy cớ vì bom Mỹ và VNCH đã đánh đứt đường dây, y không tìm ra ai!! Chiếc trực thăng trở về Sài Gòn, không một thương binh được di chuyển. Phái đoàn VHCH vẫn kiên trì yêu cầu MTGP phải thuận để Việt Nam Cộng Hòa tản thương ở Tổng Lệ Chân, Mặt Trận Giải Phóng hết cớ từ chối, ngày 24-3-1973, hai mươi thương binh đầu tiên và cũng là cuối cùng được di tản. MTGP "hòa hợp, hòa giải, dân tộc" với giá máu này một lần độc nhất. Tổng Lệ Chân đóng của vĩnh viễn với nỗi bi hùng của nó.

Cấp Trưởng Phái Đoàn, cấp Trưởng Tiểu Ban liên tiếp họp để dọn sạch vấn đề Tổng Lệ Chân. Nhưng sự thật là một việc và cách nhìn của người Cộng sản lại là một việc khác, nên sự kiện quân đội Cộng sản bao vây, cường tập tấn công vào vị trí của ta biến thành "... Một cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn lấn chiếm Tổng Lệ Chân, nơi nằm sâu từ lâu trong vùng giải phóng của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời!!" Kèm thêm luận cứ, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng pháo vào trại là rất tự kiểm chế vì phải cảnh cáo đơn vị trong đồn muốn "nóng lán" ra ngoài khu vực của Chính Phủ Lâm Thời (Một đơn vị chỉ hơn hai trăm người có thể nào tấn công vào vòng vây của một sư đoàn?!!) Về việc gọi loa đầu hàng, Mặt Trận Giải Phóng giải thích: Đó là giảng "Đạo lý Hiệp Định" cho binh sĩ trong đồn biết: Đạo lý về Hòa Hợp, Hòa giải Dân Tộc!! Ý nghĩ đích thực của ngôn từ đã biến mất trên lưỡi của người Cộng sản. Nhưng điều vô lý thô bỉ đã được dựng đứng, đài phát thanh Việt Cộng ào ào tố cáo, Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa gởi kháng thư tố giác, các thành viên Hung Gia Lợi, Ba Lan nghiêm chỉnh nghiên cứu kháng thư. Và biết đâu trên thế giới có một số đông người tin vào kháng thư gian dối đó. Không hiểu Đức Giáo Hoàng khi đọc bản tin của tờ báo Tòa Thánh đề cập đến bản kháng thư đó Ngài có biết đến những con mắt nổ lửa dưới hầm sâu Tổng Lệ Chân đang mong ngày mau đến. Đau đớn hơn hết khi tại Sài Gòn, nơi chỉ cách Tổng Lệ Chân trăm cây số đường chim bay, có những người đã không biết hoặc không muốn biết những người lính Việt Nam đang ở trong chiếc đồn bị vây vào ngày thứ 510. Và nhiều kẻ lại nhìn vấn đề ngược lại: Như đám Ngọc Lan, Chân Tín, thứ chính khách đối lập Hồng Sơn Đông, Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Hữu Tường, Trương Gia Kỳ

Sanh... (Những Nghị sĩ, Dân biểu được MTGP nhắc nhở nhiều lần ở bàn hội nghị khi muốn tố cáo chính quyền VNCH) Những người này là gì trong khi đồng lõa với tội ác ngập máu này? Tính đến ngày của phiên họp đầu tiên đề cập đến Tổng Lê Chân, hai mươi ngày sau ngày Hòa Bình 28-1-1973, căn cứ có thêm bốn chết và hai mươi hai bị thương. Những người này chết cho ai? Phải chăng để bảo vệ miền Nam, trong đó có những người vừa kể trên, những kẻ nhân danh Hòa Bình...

Quả tình chúng ta ở trong một trạng thái hòa bình sau hơn hai mươi năm nghe súng nổ và lửa cháy. Chúng ta đã nghe quen tiếng nổ đại bác, hỏa tiễn, chúng ta cũng dần quen với độ cao của ngọn lửa Mậu Thân, hơi nóng từ An Lộc, Quảng Trị, nên hình như khi hưởng được sự yên ổn đầu đón của những ngày hôm nay, chúng ta đã quá vội vã muốn xóa tan vết tích chiến tranh, muốn quên đi những hình ảnh tàn khốc của tháng kia, năm trước. Và từ, với hạnh phúc tội nghiệp này, giữa lòng cơn lốc tưng đỏi, chúng ta đã không có khả năng để nhớ đến, để nghĩ đến hình ảnh một căn cứ: một căn cứ lẻ loi cố gắng để khỏi bị hủy diệt, thể hiện ý muốn "sống trong tự do và hòa bình", nỗi mơ ước của toàn dân tộc... Mơ ước đó có ta dự phần. Vậy, chúng ta phải làm gì được cho Tổng Lê Chân?

Tôi viết lên tiếng kêu bi hùng về Tổng Lê Chân vào tháng 6-1973, thời gian quân đội Cộng sản đang chuẩn bị trận dứt điểm vào căn cứ trong dịp mùa mưa sắp tới của năm 1973. Suốt năm 73, chiếc đồn nhỏ bé này đã đứng vững được trước hàng chục lần tấn công và bị pháo hơn vạn quả đạn, viên chỉ huy căn cứ, Trung Tá Lê Văn Ngôn, hình như định mệnh đã gắn chặt tên anh cùng chiếc đồn nhỏ bé đó, lời nói quyết chí của ngày tử thủ đầu tiên đã được giữ trọn như tên anh đã định trước: Ngôn Một lòng sắc son giữ mãi một lời nói. Trong nguy nan của mỗi giờ sát cùng cái chết, người anh hùng lạng lẹ với số tuổi quá nhỏ so với chiến trường kia quả đã hiện thực hình ảnh linh diệu kết tinh bởi sức chịu đựng vô bờ của dân tộc. Ngòi bút viết ra cũng hổ thẹn trước nỗi can trường này. Những phiên họp của tháng 3, tháng 4, 74 tại Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên Trung Ương, phía Việt Nam Cộng Hòa lại lớn tiếng báo động Công Trường 9 nhất định rút ưu khuyết điểm của năm qua, tập duyệt trên sa bàn cùng trung đoàn 271 quyết ủi lảng trại... Trung Đoàn 271 sẽ được yểm trợ trực tiếp bởi một trung đoàn pháo, một trung đoàn phòng không và một lữ đoàn chiến xa, không kể thành phần trừ bị và chặn viện. Một năm trời thử lửa, một, hai tháng thực tập trên sa bàn và trên địa thế tương tự quân cộng sản dùng địa đạo chiến, công kiên chiến khởi đi từ 5-4-1974 đến 01:00 giờ ngày 11-1-1974 đoạt được đồn!! Ngôn làm gì được với quân số 259 người với năm mươi người bị thương từ trước, hai chục người bị thương ở đợt tấn công sau cùng?!! Tiểu Đoàn 92 đã chiến đấu hơn tất cả mọi đơn vị bộ chiến của lịch sử chiến tranh con người, Ngôn hơn hẳn những người anh hùng của chiến trận nhân loại, Alamo, Saipan, Wake, hàng trăm ngàn chiến binh thế giới đã dựng nên gương sáng can trường về bốn phạm cao cả của người lính, Ngôn và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân dựng chắc tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, Ngôn và 259 Biệt Động Quân của Tổng Lê Chân là những chiến sĩ chiến đấu cho hòa bình: Hòa Bình của quê hương Việt Nam. Chúng ta trong thành phố bình yên có nghĩ gì khi hay tin Tổng Lê chân đã bị đoạt mất, Tiểu Đoàn 92 mở đường máu rời căn cứ. Chỉ còn giọt nước mắt. Phải, chỉ còn một dòng nước mắt ngập bi hùng.

*Tháng 11-1974*

### **MỘT NGƯỜI TÙ VỪA ĐƯỢC THẢ MỘT TIỀN ĐÒN BỊ TRÀN NGẬP.**

Cuối cùng, bà Ngô Bá Thành đã được thả, tuy tình trạng chỉ là tại ngoại hầu tra, nhưng từ vị thế của một người sắp sửa để trao trả cho Mặt Trận Giải Phóng trong hạ tuần tháng 7-73 đến tình trạng hiện tại, quả tình đã có một thay đổi rất lớn. Sự thay đổi có nhiều nguyên do, gây nên từ nhiều sức ép; cũng như hành động rùm beng tô vẽ của nhiều đoàn thể, cá nhân chung quanh



người đàn bà này làm người viết phải suy nghĩ... Bà Thành! Bà là ai? Sau lưng bà là tôn giáo cực tả, cộng sản hay người Mỹ?!! Ý nghĩ dấy lên đau đớn. Bao nhiêu năm tháng tù tội của một đời rớt cuộc cũng chỉ là con bài mặt của những dự mưu thâm hiểm hay sao? Và mục tiêu của phong trào Đòi Quyền Sống, trong đó vắng bóng dáng tội nghiệp và niềm ao ước nhỏ nhoi của người lính cùng tập thể gia đình họ, những người có thẩm quyền nhất để được đòi quyền sống yên lành. Bà Thành, người đàn bà trí thức với năm mươi bảy tháng tù trong cô quạnh cùng lời tuyên bố kiêu hãnh "Tôi là thành phần thứ ba..." Thành phần thứ ba, thành phần bề mặt tối cần thiết để hoàn thành bước chót của Hiệp Định Ba Lê. Và ước mơ của dân tộc có được gói đủ trong những dòng chữ rất nhiều nghĩa của tám Hiệp Định quái gở này chăng? Trại Tổng Lệ Chân với 293 người lính Biệt động quân, đám thân nhân gia đình binh sĩ chạy nhón nháo giữa rừng già trong tiếng nổ dồn dập của bộc phá. Tiểu đoàn K2 đặc công quyết làm đầu cầu để lực lượng sư đoàn 320 chính qui Bắc Việt dứt điểm trại. Không ai nói đến 293 người lính này, không ai nghĩ đến hình ảnh người đàn bà vợ một binh nhất tay bế con nường theo chồng dưới làn đạn của những người Cách Mạng Việt Nam: Cuộc cách mạng kết tập bởi giai cấp công-nông gồm nhân dân giác ngộ. Người lính, người vợ, đứa trẻ nhỏ, chắc hẳn đã là những trở ngại của bước tiến cách mạng vô sản Việt Nam đó. Những người này có quyền đòi quyền sống không? Bà Thành có kể thêm họ vào mục tiêu tranh đấu...?

Phong trào Đòi Quyền Sống của bà Thành có ý niệm nào về những người đau khổ này? Và một tờ báo mang nhãn hiệu đối lập đấu tranh cho "nhân dân yêu nước" có chăng hình tượng chiếc trại bốc cháy giữa rừng xanh, rộ tiếng reo hò đẫm máu của lực lượng quân đội Hà Nội?! Trong hỗn loạn với những hình ảnh chập chờn nhức nhối này - Bà Thành được trả tự do.

Không ai phủ nhận giá trị cá nhân người đàn bà nổi tiếng với bốn mươi mốt tuổi, tiến sĩ Công pháp quốc tế, năm mươi bảy tháng tù tội liên tục trong bảy năm... Không thể là những tiêu chuẩn bình thường mà mọi người đều có thể thực hiện. Văn bằng đó đã có nhiều người khác đạt được, nhưng quả tình rất hiếm nơi đất nước ta, ở vùng Đông Nam Á, cũng có thể nói toàn cõi Á - Phi, ngay trên khắp thế giới. Tiến sĩ Công pháp quốc tế, một bằng cấp bảo đảm nhiều khả năng và giá trị; năm mươi bảy tháng tù trong hiu quạnh cùng lúc niềm tin, ý tất thắng vượt qua nghịch cảnh trong trạng huống khó khăn để hoàn tất bước chót hoài bão lại là một tiêu chuẩn khác rất khó đạt. Dù đã có nhiều người ở tù lâu hơn, đã có nhiều cảnh tù cực khổ đau đớn hơn, nhưng một người đàn bà từ chối an lành để đem đời xuống đường phố, vào lao tù, đối diện bức tường lạnh trong thời gian đằng đẵng năm mươi bảy tháng quả tình không thể là sự kiện bình thường... Chắc chắn phải được thôi thúc từ một dự tính cao cả mang vóc dáng to lớn theo kích thước của quê hương. Phải thán phục, người đàn bà đã từ chối sự bình yên thụ động, dấn thân vào nơi bão lửa chấp nhận những thiệt thòi đau đớn cụ thể.

Nhưng những kính phục trên khía cạnh cá nhân không thể ngăn nổi hoài nghi cùng câu hỏi: Bà Thành đã thực hiện cuộc đấu tranh với mục đích gì? Không thể nghĩ một cách giản dị, đây là cuộc đấu tranh đơn độc của người đàn bà trí thức vùng dậy chống đối một chế độ nhiều sơ hở. Không thể nghĩ nông cạn và giản lược toàn bộ một cuộc đấu tranh rất có hệ thống và đa diện vào một mục tiêu đơn độc như thế.

Vậy, nhìn lại những năm trước với những hành động của phong trào: Đấu tranh yểm trợ phong trào Thương Phế binh, đòi hủy bỏ chính sách quân sự học đường, tham dự vào cuộc tranh chấp của hai phe nhà chùa về một bất động sản... Những mục tiêu hạn hẹp, đoản kỳ, hệt hơi không thể nào là mục tiêu chiến thuật của phong trào mang vóc dáng to lớn với tiêu đề hàm súc: Đòi Quyền Sống?!! Ngoài ra phong trào đã bỏ qua, đã với không tới biết bao nhiêu mục tiêu rất đáng được để giành ưu tiên quyền được sống: Người lính chiến đấu cùng hệ thống gia đình làm than của họ...

Những mục tiêu lúng túng, ngắn hạn, thụ động và vô ích càng ngày tỏ rõ thực chất của phong trào. Một đoàn thể hỗn tạp với bề mặt sôi nổi hiếu động, thiếu quan niệm chiến lược chỉ đạo để rút cuộc hiện nguyên hình là một bộ phận xách động vô tổ chức, cố thực hiện cho bằng được một vài mục tiêu bề mặt. Hình trạng của phong trào trong những năm 69, 70 làm ta nghĩ đến mũi giáo tiền phong thay mặt hợp pháp cho Cộng sản ở đường phố Sài Gòn. Tôi e ngại khi nghĩ như trên vì sợ rằng đã hạ thấp phẩm giá người cầm đầu phong trào, một phụ nữ hàng chúng tỏ khả năng dẻo dai, sung sức với căn bản trí thức vững chãi, một người có đủ lực ngăn chặn mình không lầm lẫn khi thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài Gòn, những "mục tiêu tập dượt" chỉ đáng dành riêng cho đám sinh viên đàn em. Hơn nữa, nếu quan niệm bà Thành là một cán bộ trung cấp nội thành của Mặt Trận thì quả tình không nghiêm chỉnh. Sự trùng hợp về tính chất của mục tiêu phong trào và ý đồ của Mặt Trận chỉ có thể là một chuyện ngẫu nhiên có dự tính!!

Vậy, mục tiêu to lớn trong kích thước Dân Tộc không có, cán bộ trung cấp của Mặt Trận không phải... Thì Bà Thành là ai?!! Cần mở một dấu ngoặc ở đây, nếu Bà Thành là "cán bộ gốc" thì Mặt Trận không đời nào chịu hao tổn lực lượng bằng cách dàn ra trống trải đám cán bộ cỡ "quốc tế" như bà ta ra đường phố với sư, cha, sinh viên con nít... Nhưng nếu tất cả không phải là hai vế trên, thì Bà Thành chỉ còn lại là một chiếc "phông" để hiển hiện lên đó toàn bộ bản chất và chủ đích của người Mỹ. Phải, chỉ có thể là như vậy.

Ý nghĩa trên đã được thành hình với toàn thể tính chất náo nức, cay đắng. Một cá nhân xuất sắc, một căn bản trí thức vững chãi, chuỗi ngày dài tranh đấu với năm mươi bảy tháng tù câm nín với một tiêu đề to lớn rốt cuộc chỉ là lá bài tẩy cho lực lượng lột đường hình thành bản Hiệp Định tái lập Hòa Bình Việt Nam. Bản Hiệp Định phản ảnh rất dễ bị xuyên tạc, rất nguy hiểm, nguy trạng sâu sau ước vọng của toàn dân tộc nhưng đã được nhận định: "Đó là một thắng lợi to lớn, chứng tỏ chính nghĩa nhất định thắng"... Nhận định của Bà Thành, nhận định này có những từ ngữ của người Cộng sản, nhận định cũng bao gồm sự diễn giải Điều 1 Hiệp Định theo quan điểm của Hà Nội, của Mặt Trận. "Chính nghĩa nhất định thắng". Thành ngữ đãi lọc đã được phổ quát do Hồ Chủ tịch. Nhưng điểm quan trọng không phải ở vài từ ngữ mang hơi hướng Cộng sản này; cũng không phải lời chào đặc sệt mùi vị vô sản "gửi lời chào đồng bào cả nước" của bà Thành làm chúng ta chú ý. Chúng ta nói đến vẻ kiêu hãnh của lời tuyên bố "Tôi là thành phần thứ ba...". Thành phần thứ ba, quả tình tất cả sinh hoạt chính trị trong và ngoài nước đang chủ tâm, đang hướng toàn bộ khả năng định giá vào những người rải rác khắp nơi trên Âu, Á... Bảo Đại, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Chánh Thi, Nghị Sĩ Mậu, Đại Tướng Minh... Những khuôn mặt cũ kỹ đã bị thời cuộc bào nhẵn nay được nhuộm lại màu sắc để chuẩn bị cho thế đấu tranh mới. Thế đấu tranh dứt điểm tình trạng Việt Nam theo sách lược của người Mỹ hay là của Kissinger - ông Ngoại Trưởng thượng hảo hạng của Hiệp Chúng Quốc. Trong đám người được tô vẽ có hệ thống tội nghiệp yếu kém kia có bà Thành với sự góp mặt kiêu hãnh thăm thương "Tôi là thành phần thứ ba!!". Thành phần không có chân trong cộng đồng dân tộc, thành phần sinh sau đẻ muộn từ một cõi ngoài Việt Nam, sản phẩm tối cần thiết cho tác phẩm Kissinger.

Nhìn bản Hiệp Định dưới nhãn quan tàn nhẫn đích thực kia, thấy toàn thể rã rời ốm yếu của thành phần thứ ba ấy, xét được nỗi vô ích của năm mươi bảy tháng tù, mảnh bằng tiến sĩ Công pháp, sự quảng cáo lố bịch ồn ào các tờ báo Sài Gòn chung quanh bà Thành, tự nhiên lòng sôi niềm công phẫn. Đã quá nhiều người nhân danh Tổ Quốc và Nhân Dân, đã quá nhiều người hân hoan bạo ngược trên bầu rượu máu Việt Nam, trại Tổng Lệ Chân với 293 người lính cùng đám thân nhân góp phần đời sống vào bữa tiệc đau đớn này. Thành phần thứ ba - Người dự tiệc mới mẻ! Hãy giới hạn nỗi hân hoan tàn nhẫn của các người.

Thật nguy hiểm khi nhận định: Sự kiện Lệ Chân là một thử thách cho nền hòa bình của Hiệp

Định (Hòa Bình của Hiệp Định không là Hòa Bình của Việt Nam). Phải bỏ qua sự kiện, xem như là tai nạn cục bộ, địa phương để xúc tiến và hoàn tất việc kết tập thành phần thứ ba, đi bước chót của Hiệp Định. Hoặc phải đặt vấn đề máu để lương tâm và phẩm tính con người chuộng công lý, chuộng liêm sỉ chọn lựa. Chúng ta đang bị vây bởi vòng đai lửa hiểm độc, mọi lối thoát đều bị kiểm soát và phê phán khắc nghiệt cùng lúc tiếng reo hò man rợ của kẻ thù bốn phía dấy lên. Hình ảnh, bài báo phỏng vấn bà Thành cùng một lần câu chuyện chiếc đồn bốc cháy được nêu lên trên trang nhất các tờ báo hằng ngày chính là bằng cứ về một chọn lựa giữa lương tâm và luân lý; nước mắt đau đớn phần nộ hay một đồng lõa tội tệ thụ động buông xuôi theo hoàn cảnh vượt khỏi tầm tay.

*Tháng 11-1973*

## **ĐẤU**

Những phiên họp của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên được thành hình khẩn cấp, vội vã. Phía Cộng sản dù được chuẩn bị và ở vào hoàn cảnh hoạt động thuận nhất, với những chuyên viên hội nghị từ Paris về vốn quen thuộc với sinh hoạt thương nghị, biết phát biểu những lời nói dài lê thê gồm nhiều tình từ mềm mỏng nói kết đúng "tinh thần và lời văn của Hiệp Định"... Nhưng sự lúng túng đôi khi vẫn không thể tránh được vì những người này phần lớn không nắm vững tình hình miền Nam. Các sĩ quan của hai phái đoàn Cộng sản đến Sài Gòn để giải quyết vấn đề miền Nam trên nguyên tắc, nhưng đa số là người Bắc hoặc người hoạt động ở vùng Trung Bộ, ở các quân khu miền Trung, như mặt trận B3 (Chiến trường Tam Biên), B2 (chiến trường Trị-Thiên), vùng Nam-Tín-Ngãi... Nên họ không thể nắm vững được các yếu tố địa giới, đặc dị của miền Nam dù học tập, hội ý là công việc thường xuyên liên tục của các phái đoàn Cộng sản. Họp xong, trở về trại Davis hội thảo, phê bình, rút ưu khuyết điểm, bổ sung ý kiến để tiếp tục lại ở phiên họp tới. Về phần phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa, bước đầu hội nghị quả đã là một khởi sự rối rắm, các sĩ quan trưởng ban, ba vị tướng trưởng phái đoàn như Tướng Dzu - Trưởng đoàn VNCH trong Ban Liên Hợp 4B, (Tháng đầu tiên, 2-73) Tướng Hiệp - Phó Trưởng đoàn... Phần lớn là những tư lệnh, chỉ huy trưởng các đơn vị tác chiến hoặc các ngành chuyên môn không liên quan hoặc kinh nghiệm về thương thảo với đối phương tại bàn hội nghị; các vị này cũng không hề có được một chuẩn bị tối thiểu để đảm nhận công tác (Điển hình là trưởng hợp Tướng Đống - Tư Lệnh Sư Đoàn Dù, một ông tướng chuyên việc đánh giặc). Thế nên, trong những ngày của tháng hai, tháng ba 1973 các phiên họp đã diễn theo một chiều hướng kỳ lạ, các sĩ quan nghị hội chỉ nói những điều mình nắm vững, đã được chuẩn bị, không cần phải trả lời những câu hỏi, những vấn đề đặt ra bởi đối phương. Điển hình như vòng đối thoại sau đây của phiên họp ngày 12-2-73, Tiểu Ban Tù Binh:

Đại Tá Đất (VNCH):

- Chúng tôi thông báo đến quý vị số lượng tù binh mà phía VNCH dự trù trao trả ngày mai, 13-2-73... Ngày mai, chúng tôi sẽ đưa hai trăm tù từ Biên Hòa đến trao trả ở địa điểm bắc sông Thạch Hãn, hai trăm tù này sẽ được không vận từ Biên Hòa đến Phú Bài, xong từ Phú Bài sẽ đi ra Quảng Trị bằng xe GMC... Ngày mai, chúng tôi cũng sẽ trả tại Lộc Ninh cho quý vị sáu trăm nhân viên quân sự. Sáu trăm người này sẽ được không tải từ Biên Hòa đến Lộc Ninh...

Đại Tá Russell (Hoa Kỳ):

- Chúng tôi phản đối phái đoàn Chính Phủ Lâm Thời đã không trả tù binh Hoa Kỳ ở Lộc Ninh đúng 8 giờ 30 ngày hôm nay như đã hứa. Phái đoàn Hoa Kỳ sẽ gửi kháng thư tố cáo đến Trưởng đoàn CPLT và Trưởng đoàn của Ủy Ban Quốc Tế... Yêu cầu phái đoàn MTGP cho biết ý kiến về vấn đề này.

Đại Tá Lê Trực (MTGP):

-Về vấn đề danh sách tù binh quân sự, chúng tôi chỉ giao cho VNCH trước khi trao trả và tại địa điểm trao trả... Chúng tôi cũng nói trước là chỉ trả tù binh cho VNCH tại hai địa điểm Pleiku và Lộc Ninh. Về danh sách tù dân sự VNCH, phái đoàn chúng tôi chỉ có một danh sách 140 chứ không có danh sách hàng ngàn người như phái đoàn VNCH yêu cầu. Nghĩ rằng vấn đề thiện chí tức là trao danh sách, có bao nhiêu trao bấy nhiêu chứ không phải đợi đến con số tương xứng mới trao đổi. (Đại ý Trực muốn yêu cầu phía VCH trao danh sách 5081 Nhân viên dân sự Cộng sản cho họ vì đã có sẵn, chứ không phải đợi lúc họ bổ sung danh sách 140 này lên đến một con số khả thể chấp thuận nào đó thì VNCH mới trao danh sách 5081...)

Trung Tá Trần Tấn (Bắc Việt):

- Việc 100 Nhân viên Dân sự của Chính phủ Lâm Thời ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Phú Bài sáng hôm nay (12-2-1973) có một khía cạnh chính trị: Những tù binh thuần túy là của Chính Phủ Lâm Thời chứ không phải của chúng tôi, vì Hiệp Định Ba Lê đã có thỏa thuận về vấn đề quân đội các bên ở miền Nam (Đại diện Bắc Việt muốn nói đến Điều 2 của NĐT về tù binh: Tại miền Nam Việt Nam chỉ có tù binh của hai bên miền Nam mà thôi). Chúng tôi cũng tiếc rằng sáng hôm nay không có đại diện Việt Nam Cộng Hòa đi Hà Nội để chứng kiến cuộc trao trả đầu tiên tù binh Hoa Kỳ tại Gia Lâm...

Bốn lần phát biểu của bốn phái đoàn đã đặt lên bốn vấn đề, bốn sự kiện hoàn toàn khác hẳn nhau nhưng các sĩ quan đại diện vẫn nghiêm trọng nhắc lại khi đến lượt mình phát biểu. Mỗi phái đoàn vốn dĩ lại có một tính chất rất khác biệt. Phái đoàn Mỹ, do bản chất cụ thể, do tư thế giản dị của một công tác thuần túy quân sự, hơn nữa nhiệm vụ của người Mỹ do hiệp định đặt ra cũng vô cùng đơn giản: Nhận tù, gỡ mìn bẫy ở miền Bắc và rút quân. Đại diện phía Hoa Kỳ là những người quân nhân đánh giá công việc với một nhãn quan rất dung dị và đúng luận lý nên vấn đề đặt ra dứt khoát rành rẽ. Phái đoàn MTGP như trên đã nói, phần lớn là cán bộ Bắc hoặc Trung, thiếu hẳn thông hiểu sâu xa về tình hình miền Nam. lại không có quyền để trả lời bất cứ vấn đề gì dù chỉ là một đề nghị về kỹ thuật và thủ tục, họ chỉ được phát biểu những ý kiến đã được ban tham mưu hoạch định trước qua một số từ ngữ được phân tích chọn lựa không sơ hở để đối phương có thể lợi dụng, khai thác. Thế nên, khi vào đến hoàn cảnh không thể tránh né được các vấn đề do VNCH và Hoa Kỳ nêu ra thì họ đón nhận ý kiến, đề nghị của đối phương bằng cách "ghi nhận để nghiên cứu" và câu trả lời sẽ không bao giờ có. Trong chiều hướng khắc khe chặt chẽ này, đại diện Bắc Việt cũng không có quyền rộng rãi hơn để phát biểu hoàn toàn ý kiến của mình về bất cứ vấn đề gì, vì vị thế của Bắc Việt trong bàn hội nghị cũng như Hoa Kỳ chỉ bao gồm vài nhiệm vụ đơn giản và cụ thể nên thường thường những đại diện Bắc Việt chỉ việc lập lại ý kiến của đại diện MTGP với thay đổi chút về từ ngữ, thứ tự vấn đề để nâng đỡ, che chở đàn em.

Phái đoàn VNCH trái lại, ở vào một thế lưỡng đầu thọ địch, kèm bên cạnh người bạn vô tình quá thực tế đôi khi đến tàn nhẫn. Chúng ta lại có nhiều công việc phải làm, nhiều vấn đề phải giải quyết, cũng như nhiều yêu cầu cần phải được thanh thỏa nhưng vấp phải thái độ cứng rắn của đối phương, cách thúc đẩy gằn như ép buộc của đồng minh, và sự hạn chế bởi thời lượng do hiệp định đề ra, kèm thêm nỗi rối rắm vì công việc đa đoan, thiếu chuẩn bị nên hội nghị đôi lúc đã đi vào những thảo luận đối nghịch quái dị như trên, thảo luận cũng tràn theo những chiều hướng vô lý mà nguyên do cũng không ra ngoài các điểm vừa nêu rõ. Trở lại câu chuyện MTGP qua lời phát biểu, chỉ trả cho VNCH những quân nhân tại địa điểm Lộc Ninh và Pleiku, đã chứng tỏ họ không nắm vững cách phối trí và chế độ giam giữ của các trại giam cộng sản... Ở chiến trường Tam Biên tù binh VNCH được phân phối theo ba nơi, một số được để lại tại

chỗ sau này trao trả tại Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku), số khác chuyển ra Bắc sau này trao trả tại bắc sông Thạch Hãn, hoặc chuyển xuống vùng Quân Khu V cũ tức Mặt trận B5, gồm Nam Ngãi - Bình Phú của Tướng Chu Huy Mân để sau này trao trả tại Quảng Ngãi, Bình Định... Nhưng sở dĩ Lê Trực (Đại diện MTGP) chỉ nói đến hai địa điểm đó vì Đức Nghiệp (Đức Cơ - Pleiku) là một vị trí mấu chốt mà Cộng Sản Bắc Việt dự định xây dựng một thủ đô, hay một trung tâm kỹ nghệ cho chính phủ, Lộc Ninh thì đương nhiên coi như phía Nam. Sau này phía Cộng sản phân tán tù binh ra khắp mười một địa điểm từ Quảng Trị đến Cà Mau trong âm mưu nhờ các cuộc trao trả chứng nhận luôn với Ủy Ban Quốc Tế là họ có đất miền Nam. Điều này cũng có thể giải thích rằng: Khoảng thời gian tháng 2-1973 Lê Trực chưa biết được âm mưu này hay vì Trực mới từ Pháp về không nắm vững tình hình nên phát biểu ý kiến như trên. Vì thiếu thông hiểu tình thế đôi khi đại diện MTGP còn đưa ra những đề nghị như: Nhận nhân viên quân sự của họ tại sân bay Hớn Quản tức là sân bay An Lộc. (Trong phần kiểm soát của VNCH!!) Cũng có thể giải thích cho ý kiến này là MTGP muốn lợi dụng lúc đi nhận tù binh trong vùng VNCH để ấn định một tiền lệ về hành lang di chuyển, tuyển giáp hai vùng của hai bên, một vấn đề rất gay go mà Tiểu Ban Quân Sự suốt hơn một năm thảo luận đã không có một tiến bộ. Cũng trong tình thế nghị hội quái gở này, đôi khi những đề nghị vô lý như "Xử dụng sân bay Ái Tử để trao trả". (Lúc địa điểm bắc sông Thạch Hãn chưa được đề cập) đã được bốn bên đưa ra thảo luận nghiêm trọng để rút được quyết định chung: Thăm sát phi trường Ái Tử để xem C130 đáp được không?!! Tất cả đại diện của bốn phái đoàn đã không biết (Hoặc làm như không biết) căn cứ Ái Tử đã bị hư hại rất nặng trong tháng 4-1972, lúc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ binh rút về thị xã Quảng Trị, phi đạo của phi trường này bị bóc hẳn lớp PSP (sắt lót phi đạo) bởi đạn trọng pháo và bom cỡ lớn. Thế nhưng cuộc thám sát cũng đã thành hình nghiêm chỉnh và tích cực vào ngày 11-2-1973.

Nhưng dù loạt choạc, xộc xệch, các phiên họp liên miên của thời gian hai tháng đầu tiên cũng hoàn tất và đạt được một tiến triển - Tù quân sự của mỗi bên (Theo danh sách phổ biến tại Ba Lê) được trao trả hết. Các phiên họp này tuy có những sơ hở trăm trọng trên thủ tục và cách điều hành nhưng quả tình đã hiện thực được một phần hiệp định.

Sau ngày 27 tháng 3 năm 1973, Ban Liên Hợp 4B rút lại còn 2B, Tướng Phạm Quốc Thuận về thay Tướng Dư Quốc Đống. Tướng Thuận nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, sư đoàn cứng nhất của vùng III chiến thuật, cũng là sư đoàn chịu mặt trận nặng nề liên tục nhất của chiến tranh Đông Dương; chiến khu C, D, mặt khu Hồ Bò, Bời Lời, khu Tam Giác Sắt, Bộ Chỉ Huy Ba Cục hay R, bản doanh bộ chỉ huy tối cao Mặt Trận đều đóng trên vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 5. Tướng Thuận trong khoảng thời gian dài lãnh nhiệm vụ ở vùng đất khẩn trương trọng yếu này, nơi đã có những trận chiến "quy ước" đầu tiên của thập niên 60 lúc du kích quân Cộng sản chuyển qua thế tấn công. Tuy là tướng lĩnh của chiến trường, nhưng ông Thuận được mọi người nhìn nhận như là một người thích hợp với bàn hội nghị, với khả năng sắc bén, ý thức chính trị cao Tướng Thuận nhập trận vào lúc tình hình nghị hội chuyển hướng, mọi người chờ đợi những thay đổi quan trọng. Nhưng nghị hội không tiến triển theo chiều hướng hòa bình mà hiệp định vạch ra, Tướng Trần Văn Trà nhân cơ hội đi Hà Nội cùng phái đoàn Bắc Việt đã ở lại luôn tại đây, sau đó không hiểu về mặt khu miền Nam hay đi Pháp để phối hợp cùng đám cán bộ mặt trận tại Ba Lê. Lý do Tướng Trà rời khỏi chức vụ không được soi rõ, những giả thuyết được đặt ra để giải thích như, vì Tướng Trà có thái độ mềm mỏng, cởi mở không đúng với chủ trương nhất quyết xử dụng lực lượng quân sự để tiếp tục xâm lăng miền Nam của Hà Nội... Nhưng tất cả cũng chỉ là giả thuyết, phải đến lúc hội nghị đi vào giai đoạn thảo luận gay gắt đối nghịch nhau đến cùng cực, sự ra đi bất thường của Tướng Trà mới có thể giải thích được - Tướng Trà sinh năm 1918 tại Quảng Nam, tham gia vào phong trào Việt Minh từ những ngày đầu tiên, Quảng Nam cũng như Nghệ, Tĩnh và gần gũi như Quảng Ngãi là đất của đấu tranh liên tục và quyết liệt, địa bàn xung đột của những đảng phái đối nghịch và cao độ hận thù. Những người Cộng sản thuần thành tích cực nhất đã phát xuất từ những nơi chốn này, nhưng

đấy cũng là những nơi rèn luyện, un đúc lên những cán bộ Quốc Gia nhiệt thành mạnh mẽ nhất. Tướng Trà là một trong những người Cộng sản đầu tiên của xứ Quảng, nơi đã phát động phong trào chống sưu thuế, chống mộ phu của chính quyền thuộc địa; ông cũng là người cầm đầu lực lượng võ trang thực hiện những vụ tàn sát thảm khốc ở Thăng Bình, Đại Lộc trong thời gian trước và sau 1945. Từ 1945, trước khi tập kết ra Bắc theo Hiệp Định Genève, Tướng Trà được chuyển vào Nam xây dựng "sự nghiệp" cách mạng trên đầu mũi súng, chức vụ lớn nhất trong giai đoạn này là Tư Lệnh Trung Đoàn Quyết Thắng - Đồng Nai. Ra Bắc, Trà được phong quân hàm Thiếu Tướng, nhận chức Tư Lệnh Sư Đoàn 330, một trong hai sư đoàn chủ lực của miền Nam tập kết, sư đoàn kia là Sư Đoàn 338 do Đồng Văn Cống người Bến Tre làm tư lệnh. Năm 1960 Trà hồi kết với bí danh Trần Nam Trung trở về chiến khu Đ, giữ chức vụ tư lệnh quân khu miền đông Nam bộ, kiêm Quân Ủy Miền (Ủy viên chính trị quân đội Cộng sản miền Nam). Tháng 6-1969, chính phủ Mặt Trận được thành lập để đáp ứng với tình hình chính trị, Tướng Trà được đề cử làm Bộ Trưởng Quốc Phòng. Với một quá trình hoạt động tích cực liên tục, cùng với những chức vụ quân sự chính trị quan trọng như thế, ông không thể để sử dụng trong giai đoạn hội nghị thụ động vì với khả năng và quyền hạn sẵn có Tướng Trà chắc sẽ có những quyết định vượt xa chủ trương gây bế tắc của phe Cộng sản. (Lẽ tất nhiên, cán bộ Cộng sản, dù cán bộ cao cấp cũng không bao giờ được phát biểu những ý kiến của riêng mình, ý kiến khi nói ra là của tập thể với những từ ngữ được chọn lọc kỹ càng). Nhưng, vì với quân hàm cũng như tư thế chính trị - quân sự quan trọng, Tướng Trà đã có những ý kiến rộng rãi (phát xuất từ một quyền hành thực tế) như khi trả lời về vấn đề các tù binh VNCH còn bị giam giữ tại Bắc Việt, Tướng Trà đã có ý kiến:

- Sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ VNCH, được tới đâu thông báo tới đó.

Đây là ý kiến rộng rãi nhất, tích cực, khích lệ nhất mà phái đoàn Mặt Trận đã phát biểu chính thức. Thời gian sau khi nhắc lại vấn đề này, Hoàng Anh Tuấn (người thay Tướng Trà) hoặc Võ Đông Giang (Phó Trưởng Đoàn MTGP) chỉ trả lời lẩn tránh:

- Những người bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền Nam như Lào hoặc Kampuchia thuộc về quyền quản lý của lực lượng Pathet Lào và Khmer Đỏ yêu nước, còn theo lời quý vị: Nếu có sự kiện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt) có quản lý những người của VNCH thì chúng tôi cũng không biết đến vì chẳng bao giờ được thông báo sự kiện này!!

Giữa hai câu trả lời, lời của Tướng Trà quả tình phản ánh được thái độ cởi mở, hợp lý nhất. Thái độ này hoàn toàn biến mất sau ngày 27-3-1973. Vậy Tướng Trà và quyền hạn của ông không thể đóng vai trò một búp bê gỗ được, nhiệm vụ này được trao tiếp cho Thiếu Tướng Hoàng Anh Tuấn. Để có thể hiểu rõ sự biến thể và tính chất của nghị hội, cần nói rõ hơn về con người của Tuấn và Giang (Phó đoàn MTGP từ đầu lúc còn Tướng Trà và sau khi Tuấn tay thế Trà). Tuấn tên thật là Hồ Xuân Anh, người Huế khoảng thời gian trước, sau 1945 Tuấn làm tiểu đoàn trưởng ở phân khu Trị-Thiên, bị Pháp bắt xong sau này được đem trả lại cho Việt Minh, tập kết ra Bắc xong hồi kết khoảng năm 1960 được phong quân hàm đại tá và tham dự hội nghị với bí danh Hoàng Anh Tuấn với quân hàm "ngụy" Thiếu Tướng. Giọng nói của Tuấn là một thứ giọng Huế chân truyền, cổ điển, đầy âm thanh của những người vùng quê Thừa Thiên mạn Hương Điền, Vĩnh Lộc. Tướng Tuấn có những cách gần giọng thoát đầu tưởng mạnh mẽ, uy lực nhưng nghe quen, nghe rõ thì phát hiện được những tức giận thô thiển, của một tâm tình chất phác không thủ đoạn, không hiểm độc. Những từ ngữ như "chân thật, độc lập, nhân dân" khi Tướng Tuấn gần giọng biến thành "chưng thực, đục lập, nhưng dưng..." đã mất hẳn ý nghĩa nguyên thủy cao quý, bộc lộ ra cách thụ động còm cõi của những chữ nghĩa "chết" được ghép vào nhau để một người học thuộc bài lập lại. Tướng Tuấn rất ít sáng kiến để nói lên những ý kiến với từ ngữ, cách thức xếp đặt thứ tự của riêng mình. Chỉ với một nội dung không đầy trang giấy của phiên họp ngày 10-5-73 lúc phản đối việc "Việt Nam Cộng Hòa hạn chế các quyền ưu

đãi miễn trừ cho phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng yêu cầu VNCH phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ này để ban Liên Hợp Quân Sự 2B có thể hoạt động bình thường hữu hiệu được. Vì phái đoàn MTGP khi không có các quyền trên thì hoàn toàn bị tê liệt, không thể cùng VNCH tiến hành, thực hiện công việc của BLHQS...". Chỉ một nội dung ngắn ngủi như trên cùng với những từ ngữ quen thuộc, Tướng Tuấn cũng không nói theo cách riêng của mình, mà phải đọc từ một tờ giấy soạn sẵn. Không phải vì khả năng ăn nói kém nhưng Tướng Tuấn hình như không thích, không dám nói theo ý kiến riêng của mình. Tuấn hiện thực đứng đả vai trò một Trưởng phái đoàn, thụ động trong giai đoạn hội nghị tắt nghẽn. Bên cạnh Tuấn, Võ Đông Giang thì có thái độ trái lại, Giang mang quân hàm đại tá nhưng là phát ngôn viên của phái đoàn kiêm chức vụ phó trưởng đoàn ngay từ ngày đầu tiên, tức là ủy viên chính trị của đoàn, Giang người gốc Quảng Ngãi, từ trước vốn nằm trong bộ tham mưu của Trà, đặc trách về sinh viên, học sinh, báo chí... Với phương vị hoạt động rộng rãi như thế Giang có đủ phong độ để vào bàn nghị hội với những thủ đoạn thâm sâu nhất. Trái hẳn với Tuấn, Giang thường nói ra ngoài chủ đề của vấn đề, bằng những lý luận móc nối, bổ túc cùng nhau với một giọng nói hòa hoãn, nhạt khoan rất sành sỏi. Ưu điểm nổi bật nhất của Giang là không gây kích động cho người nghe nhưng lôi kéo người nghe vào câu chuyện, tạo điều kiện, tạo hoàn cảnh để đối phương phải theo lời phát biểu của mình, dù là lời đã kích, tấn công. Ví dụ khi VNCH tấn công sự im lặng của MTGP ở giai đoạn Trung Cộng tấn công quần đảo Hoàng Sa, thì Tuấn trả lời theo một lập luận quen thuộc với giọng nói gay gắt:

- Quân Đội cách mạng từ nhân dân đứng lên, vì nhân dân, vì tổ quốc mà chiến đấu, không thể đặt vấn đề quân đội cách mạng a tòng cùng quân xâm lược, quân cướp nước như quân đội VNCH đã theo chân quân đội thực dân Pháp trước kia và quân Hoa Kỳ sau này...

Trái lại Giang dùng một thể tránh đòn đặc biệt với một thái độ mềm mỏng, tính toán kỹ lưỡng. Giang mỉm cười trả lời:

- Về cái vụ Hoàng Sa, thì tôi xin kể ra đây một câu chuyện mà hôm qua nhân cuộc họp báo, một ký giả ngoại quốc đã hỏi rằng: "Ông nghĩ thế nào khi VNCH cố tình thổi phồng vụ Hoàng Sa thành một chuyện lớn..." Cái từ ngữ "cố thổi phồng" này là của ký giả ngoại quốc đó chứ không phải của tôi, nên nhân buổi họp hôm nay tôi xin kể lại nguyên văn để quý vị nghe và nghiên cứu... - Giang nói thủng thẳng, nhẹ nhàng né tránh đợt tấn công theo kiểu của Tuấn như ở trên, cách thức sẽ đem lại thất bại.

Tướng Trà đi, để lại hội nghị cho hai nhân vật trên (Có một đại tá khác, Đại Tá Sĩ là phó đoàn MTGP, nhưng nhân vật này phụ thuộc nên tôi không kể vào). Nhưng dù bản chất và khả năng của họ có trái ngược cùng nhau, chủ đề kéo dài hội nghị, ép thảo luận theo những phạm vi nhất định vẫn được thực thi tới đa nghiêm chỉnh.

Từ những phiên họp đầu tiên của hai bên (27-3-73) cho đến khi rời khỏi chức vụ, Tướng Thuần chỉ đến họp những phiên quan trọng như phiên họp sau thông cáo chung 13-6-73 của Kissinger và Thọ, phiên họp để giải tỏa bế tắc về trao trả 23-7-73, v.v... Phần lớn ông đã để Tướng Hiệp và Đại Tá Đóa bao sân. Sở dĩ Tướng Thuần không dự các phiên họp vì cấp bậc ông quá cách xa quân hàm của các ủy viên MT, cũng như vì biết rõ ý đồ làm trì trệ hội nghị qua vai trò những người đại diện thiếu quyền quyết định và giải quyết các vấn đề. Sự bế tắc vì quan điểm đối nghịch làm tắt cả các buổi thảo luận trong giai đoạn này không đạt được một kết quả nhỏ nhoi nào, dù là một đồng ý về nguyên tắc và thủ tục.

Những vấn đề căn bản như ngưng bắn, khai triển các ban liên hợp cấp khu vực, tổ ở các địa phương, (Bây khu vực chính là Quảng Trị, Đà Nẵng, Pleiku, Nha Trang, Phan Thiết, Biên Hòa, Cần Thơ từ các cơ sở khu vực này chia thêm nhiều tổ nhỏ, ví dụ như khu vực Biên Hòa có

những tổ ở An Lộc, Vũng Tàu, v.v... Tổng cộng khắp miền Nam tất cả là ba mươi tổ). Vấn đề cửa khẩu, thay thế vũ khí, ưu đãi miễn trừ qua hàng chục phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như cấp tiểu ban đều không đạt đến một thỏa thuận nhỏ bé nào. Diễn hình như vấn đề ngưng bắn, phía VNCH đưa ra một đề nghị gồm bảy điểm như sau:

- Bốn phe ký kết hiệp định ra cấp tốc lời kêu gọi chung về ngưng bắn.
- Trong vòng 48 giờ sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến các phe đều phải ngưng bắn, ở nguyên vị trí tạm thời.
- Vạch một lần ranh kiểm soát của mỗi bên từ cấp trung đội trở lên, ở giữa các vùng đối diện có một vùng trắng hai bên không được vào để tránh xung đột.
- Lui về vị trí cũ trước ngày 28 tháng 1 năm 1973.
- Khai triển gấp các cấp trung ương, khu vực, tổ (để kiểm soát ngưng bắn) trên toàn lãnh thổ dựa theo các điều đã được Nghị Định Thư quy định.
- Áp dụng thủ tục điều tra vi phạm cho hai bên đang thảo luận có sự phối hợp giữa Ủy Ban Quốc Tế kiểm soát và giám sát.
- Sau khi thực hiện các điều khoản trên, thảo luận về cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau.

Phía MTGP đưa ra đề nghị gồm bốn điểm chính:

- Hai bên miền Nam Việt Nam cùng đưa ra lời kêu gọi chung, cùng chung một nội dung về ngưng bắn, xử dụng tất cả phương tiện sẵn có và hữu hiệu nhất để thông báo đến các lực lượng võ trang, bán võ trang, chính qui, địa phương của mỗi bên...
- Ngay sau khi lời kêu gọi chung được phổ biến, hai bên chấm dứt hẳn tiếng súng, chấm dứt mọi xử dụng hỏa lực phi pháo vòng cầu, ở nguyên tại vị trí.
- Tháo gỡ tất cả mọi chướng ngại vật, mìn bẫy, trên đường, trên sông để dân chúng hai miền tự do đi lại, tự do cư trú, tự do kinh doanh, v.v.... Cấp cơ sở hai bên ở chiến trường gặp nhau trong tinh thần hòa giải và hòa hợp để đi đến chỗ chấm dứt hẳn tiếng súng, ấn định vùng kiểm soát của mỗi bên.
- Khai triển các cấp trung ương, khu vực tùy theo tình hình mỗi địa phương, theo phương thức hai trong, năm ngoài, v.v. (Hai trong vùng VNCH, năm ở vùng giáp ranh).

Mới thoạt nhìn thì đề nghị bảy điểm bên này hay bốn điểm bên kia cùng có chung một nội dung như kêu gọi ngưng bắn, đình chỉ xung đột, cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau, khai triển các khu vực, tổ để giám sát và kiểm soát ngưng bắn. Thật ra, đề nghị trên tuy có chung một vài từ ngữ chính yếu, cũng nhằm đạt tới "mục đích ngưng bắn" nhưng quả tình là những đề nghị của hai quan điểm hoàn toàn đối nghịch. Nhìn ngay đề nghị đầu tiên về lời kêu gọi chung; Phía VNCH quan niệm phải bốn phe ký kết hiệp định cùng phổ biến lời kêu gọi mới có hiệu quả và phản ảnh đúng thực tế quân Bắc Việt đã và đang tham chiến tại miền Nam. Lời kêu gọi chung cũng chỉ được phía VNCH quan niệm như là một bước đầu để tiến tới ngưng bắn chứ không cấu tạo nên ngưng bắn được mà phải đợi lúc khai triển đủ các cơ quan LHQS và UBQT đến các khu vực, tổ để giám sát, kiểm soát ngưng bắn tại mỗi địa phương, lúc ấy ngưng bắn mới có cơ thành hình được. Phía MTGP lại có quan niệm khác hẳn. Theo họ, lời kêu gọi chung chỉ cần



do hai bên miền Nam phổ biến kịp thời đến tất cả mọi lực lượng vũ trang, bán vũ trang thì hình trạng ngưng bắn ắt được thực thi toàn diện.

Chỉ mới hai đề nghị cùng chung một thứ tự, một nội dung, nhưng ý hướng của hai bên đã xây dựng trên những cơ sở khác biệt, những quan niệm nghịch chiều toàn diện. Kế đến đề nghị "cấp chỉ huy chiến trường gặp nhau (của VNCH)" và đề nghị cấp cơ sở ở chiến trường gặp nhau (của MTGP)" thì sự dị biệt đã đến điểm cao không thể nào hòa giải. Đề nghị của phía VNCH được giải thích rõ ràng và chính xác rằng: "Cấp chỉ huy chiến trường phải là cấp sư đoàn vì chỉ có giới chức ở cấp đó mới có đủ quyền hạn, khả năng, phương tiện để "ra lệnh" cho cấp dưới triệt để tuân lệnh ngưng bắn. Vị Tư lệnh sư đoàn mới có chức năng trách nhiệm về lãnh thổ, phối hợp với các Tỉnh trưởng về phân định vùng trú quân cho mỗi bên. Phía MTGP có quan niệm khác hẳn: "Đề nghị hai bên chiến trường gặp nhau ở cấp "cơ sở". Nghĩa là trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, tổ trưởng, và cuối cùng là mỗi chiến sĩ!!" Đoạn đối thoại sau đây của Tướng Hiệp (VNCH) và Tướng tuấn (MTGP) là một "sen" điển hình của hai quan niệm đối nghịch...

Tướng Hiệp:

- Chúng tôi quan niệm rằng cấp sư đoàn trưởng là cấp chỉ huy có đủ thẩm quyền để điều động tại chiến trường cũng như để phối hợp với các binh chủng khác như pháo binh, không quân, tiếp vận. Do đó, chỉ có cấp đó mới có đủ thẩm quyền gặp gỡ cấp bậc tương đương phe bên kia để thực hiện việc ngưng bắn. Theo lập luận của quý vị, thì các cuộc gặp gỡ hai bên chiến trường có thể thực hiện theo cấp sư đoàn cùng cấp cơ sở, vậy yêu cầu quý vị giải thích "cấp cơ sở" là cấp nào?

Tướng Tuấn:

- Cơ sở đó là cấp sư trưởng (sư đoàn trưởng), trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng, trung đội trưởng...

Tướng Hiệp:

- Như vậy dưới trung đội là không còn cơ sở nữa? Chúng tôi muốn hiểu "cơ sở" của quý vị có dừng lại ở cấp trung đội không và dưới nó là tiểu đội trưởng, tổ trưởng không còn là cơ sở nữa; nói một cách cụ thể hơn, cấp trung đội trưởng là cấp cơ sở cuối cùng có quyền ra lệnh và ở dưới phải nghiêm chỉnh thi hành không được đánh phá... Chúng tôi hiểu nghĩa "cơ sở" của quý vị như thế, quý vị có đồng ý không?

Tướng Tuấn:

- Cái chữ "cơ sở" có thể hiểu rộng thêm tí nữa, chúng tôi mới tạm ngưng ngang trung đội mà thôi, chứ cơ sở cũng có thể đi tới tiểu đội trưởng, tổ trưởng.

Tướng Hiệp:

- Như vậy tổ trưởng đã hết cấp cơ sở chưa?

Tướng Tuấn:

- Chưa, cái "cơ sở" mà chúng tôi muốn nói đến phải hiểu là "cấp chiến sĩ", vì mỗi chiến sĩ đều nhận một mệnh lệnh, một nhiệm vụ!!

Tướng Hiệp:

- Như vậy đã hoàn toàn hết nghĩa cơ sở chưa?

Tướng Tuấn:

- Như phần mà chúng tôi vừa trình bày, đó là ở phạm vi quân sự, còn về phần chính trị, các cấp cơ sở gặp nhau sẽ là tỉnh trưởng, phía quý vị gặp tỉnh đội trưởng của chúng tôi, quận trưởng gặp huyện đội trưởng và cứ như vậy đi dần xuống đến cấp xã trưởng, ấp trưởng...

Đoạn đối thoại ngắn trên đây đã thực hiện đủ tính chất đối kháng của hai đề nghị dù cùng mang chung một từ ngữ, cùng hướng đến một mục tiêu trên bề mặt, cách xếp đặt trước sau trong thứ tự của các đề nghị này cũng phản ánh rõ thêm về tính đối nghịch của hai dự kiến. Phía VNCH hình dung ra một cuộc gặp gỡ giữa hai bên trên cấp sư đoàn theo một diễn tiến gọi là kế hoạch ba bước.

Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ấn định vùng thí điểm, chọn ngày giờ để BLHQS các cấp hai bên ra lệnh cho các đơn vị (trong vùng trách nhiệm được chỉ định) ngưng hẳn tiếng súng, ở nguyên vị trí.

Ban LHQS/TU' gọi tức khắc một tổ LHQS đến địa điểm được lựa chọn, các thành viên sẽ là sĩ quan cấp đại tá có nhiệm vụ làm trung gian cho vị Tư lệnh sư đoàn gặp nhau lần đầu và chứng kiến cuộc gặp gỡ đó.

Hai vị Tư lệnh sư đoàn của hai bên sẽ bàn bạc vào các buổi kế tiếp về chi tiết và các biện pháp thi hành ngưng bắn và gìn giữ lâu dài việc ngưng bắn trong vùng lãnh thổ trách nhiệm của mình...

Kế hoạch này chỉ được hình thành khi các tổ, các khu vực đã được phối trí đủ, UBQT cũng đã khai triển đủ bốn thành viên ở các địa điểm ấn định theo nghị định thư. Cuộc gặp gỡ chỉ được thực hiện ở cấp sư đoàn vì chỉ có vị Tư lệnh sư đoàn mới có đủ quyền hạn và khả năng thực thi, phối hợp cuộc ngưng bắn.

Phía MTGP thì lại hình dung cuộc gặp gỡ theo một diễn trình khác:

- Sau khi phổ biến lời kêu gọi chung, hai bên miền Nam đình chỉ tất cả các vụ nổ súng, ở nguyên vị trí, phá bỏ hệ thống phòng thủ mìn bẫy, cấp cơ sở hai bên gặp nhau từ cấp nhỏ đi lần lên cấp lớn để thực hiện ngưng bắn toàn diện, lâu dài.

Tuy cùng mang chung một số từ ngữ như ngưng bắn, đình chỉ xung đột, hai bên gặp nhau trong tinh thần hòa giải, hòa hợp, v.v... Nhưng qua phân tách sơ khởi, ta đã nhận được toàn bộ đối nghịch của hai đề nghị, thế nên phía VNCH đã có những vấn nạn sau đây về đề nghị của MTGP:

- Cấp cơ sở tức là binh nhì của VNCH gặp một du kích địa phương của MTGP, hai người này gặp nhau để làm gì, họ giải quyết được gì và thực hiện ngưng bắn theo phương thức nào?

- Một cuộc gặp gỡ hỗn loạn tràn khắp nơi, không có phương thức gặp gỡ với những người không được chỉ định trách nhiệm tiếp xúc, và quan trọng hơn hết khi không có các Tổ Liên Hợp Quân Sự, các Tổ Ủy Ban Quốc Tế chứng kiến, giám sát, thì ai sẽ là "trọng tài" cho cuộc gặp gỡ

đó. Thế nên, VNCH mới đề nghị khai triển gấp với các Tổ, Khu vực/Liên Hợp Quân Sự (Điểm thứ 7 của đề nghị).

Phía MTGP lại có lập luận để giải thích vấn nạn này:

- Cấp cơ sở, mỗi chiến sĩ, mỗi cán bộ đều lãnh một nhiệm vụ, một trách nhiệm, họ là người đối mặt với nhau trên chiến trường nay phải để cho gặp nhau trước, tìm hiểu, thăm hỏi, nói với nhau nghe về "đạo lý" của hiệp định để thực hiện và củng cố ngưng bắn một cách cụ thể, xong được cơ sở này thì tiến dần lên cấp trên.

- Phái đoàn Mặt Trận cũng quan niệm VNCH phải áp dụng đủ mười một điều ưu đãi miễn trừ (Quyền tự do đi lại, hội họp, họp báo, treo cờ, v.v...) thì các thành viên MTGP mới có điều kiện để hoạt động. MTGP cũng luôn thể xác định: Chỉ khai triển các tổ theo phương thức "hai trong, năm ngoài" nghĩa là khai triển hai địa điểm khu vực ở trong vùng VNCH, năm địa điểm ở vùng giáp ranh.

Luận lý và lý luận đối nghịch, cả hai bên thật sự khi đưa ra đề nghị đã không có một hy vọng nào được bên kia đáp ứng. Làm sao MTGP có thể chấp thuận một cuộc gặp gỡ ở cấp sư đoàn khi toàn bộ các sư đoàn cộng sản Bắc Việt đều trấn đóng ở vùng biên giới, ba sư đoàn chủ lực của MTGP (Sư Đoàn CT 5, 7, 9) cũng chỉ bám được một số đất đai thuộc ba tỉnh Tây Ninh, Phước Long, Bình Long dọc theo vùng biên giới. Gặp gỡ ở cấp sư đoàn CSBV là vô hiệu hóa đám cán bộ du kích địa phương, những "cơ sở chính trị" đã cấy vào nông thôn Việt Nam Cộng Hòa nhân cơ hội lực lượng võ trang tổng tấn công Việt Nam Cộng Hòa trong mùa hè 1972. Cuộc gặp gỡ nếu có các Tổ Liên Hợp Quân Sự (Khai triển trong vùng VNCH theo như Nghị Định Thư) đến chứng kiến và giám sát thì làm sao người cộng sản làm nổi bật được cái "ranh giới giữa hai vùng". Chủ điểm chính của tất cả mọi dự tính của phái đoàn Mặt Trận.

Trái lại, VNCH cũng không thể chấp thuận được đề nghị toàn bộ các cấp cơ sở gặp nhau khi chưa hoàn tất được hệ thống các Tổ, Khu vực LHQS. Vì gặp gỡ trên cấp cơ sở nghĩa là đầu đầu cũng tràn ngập du kích địa phương, cán bộ binh sĩ Cộng sản. Hơn ai hết, các sĩ quan ủy viên trong phái đoàn VNCH phải toàn phần bác bỏ cách thức gặp gỡ tràn ngập này vì họ biết binh sĩ Cộng sản đã được chuẩn bị và huấn luyện rất kỹ, thuận thực các công tác đấu tranh chính trị, xách động quần chúng, binh sĩ Cộng sản có thể tiến tới những vụ cướp chính quyền một vài cơ sở xã, thôn, quận lỵ xa xôi, nhân cơ hội lúc binh sĩ VNCH cả tin vào tinh thần "hòa giải, hòa hợp..."... Tràn ngập, xách động, cướp chính quyền, những diễn tiến tất nhiên trong vận động khuynh đảo của người Cộng sản.

Phía VNCH lẽ tất nhiên phải duy trì những điểm đề nghị của mình, vì khai triển trước các khu vực, tổ, tức là dựng được một hàng rào kiểm soát, giám sát được các cuộc tiếp xúc, điều tra vi phạm.

Mặt Trận Giải Phóng cũng thế; họ phải duy trì yêu cầu VNCH phải áp dụng đủ các quyền "Ưu đãi, miễn trừ để các đoàn đại biểu MTGP sẽ trưng cờ trên xe đi từ vùng của MTGP sang đến vùng của VNCH và làm việc tại những vùng tiếp giáp...Nếu hình thành được tình huống này tức là hiện thực trước Ủy Ban Quốc tế, trước nhân dân, trước thế giới thực tế có hai vùng kiểm soát do hai quân đội, hai chính phủ điều khiển". Quan điểm chiến lược mà MTGP nhất quyết phải thực hiện cho được, bằng tất cả mưu toan, chuẩn bị, lợi dụng mọi tình huống. Từ viên tướng ngồi bàn hội nghị đến gã lính gác cổng ở Lộc Ninh, mà toàn lời nói, luận lý, nỗ lực chỉ cố để làm sáng tỏ thực tế này. Thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính phủ ở miền Nam Việt Nam. Những vận động đưa Fidel Castro vào thăm viếng Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ của Chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, những hình thức trình Ủy Nhiệm Thư

ở cấp bậc đại sứ (Algérie, Đông Âu) cũng mục đích hiện thực thêm chứng cứ thực tế của " Chính Phủ " Mặt Trận Giải Phóng.

Lẽ tất nhiên, VNCH phải bác khước thực tế này, trên bàn hội nghị cấp trường đoàn hay các tiểu ban, các sĩ quan nghị hội VNCH đều xử dụng luận lý: Một chính phủ phải có những thực tế như đất đai, dân chúng, được quốc tế thừa nhận và hệ thống tiền tệ riêng. Mảnh đất đai rải rác ở những núi đồi xa xôi của cái gọi là " Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN " chỉ gồm một ít dân chúng với tỷ lệ 3% nhân dân miền Nam, xử dụng đồng bạc Việt Nam Cộng Hòa, chỉ được một vài nước ở khối không liên kết công nhận thì làm sao có thể gọi là một chính phủ của một Quốc Gia được. Hơn nữa, từ trang đầu đến trang cuối của Hiệp Định Ba Lê, văn kiện pháp lý quốc tế cũng chỉ gọi Mặt Trận Giải Phóng là một lực lượng đối nghịch cứ không hề công nhận đây là một chính phủ ngang hàng được... Có một từ ngữ nào của hiệp định nói về chính phủ này không? Bằng lập luận dựa trên thực tế, trên văn bản hiệp định, văn kiện pháp lý độc nhất của thế giới xác định vai trò của MTGP, các sĩ quan chuyên viên nghị hội VNCH xử dụng tất cả mọi khía cạnh ưu thế để vạch rõ "thực tế" chính phủ này...

Quan điểm căn bản đối nghịch dẫn dắt tất cả mọi tranh luận đến bế tắc. Từ ngày đầu tiên của giai đoạn hai bên 28-3-1973 qua 13-6-1973 lúc Thông Cáo Chung của Kissinger và Thọ cố kiếm một sức đẩy hai bên miền Nam thi hành hiệp định. Ngày 15-10, Bộ Tư Lệnh tối cao các lực lượng võ trang của MTGP ra mệnh lệnh đánh trả với phương án chỉ đạo:

- " Đánh có miếng đừng gây tiếng..." Mệnh lệnh ngày 15-10-1973 hiện thực cụ thể Nghị Quyết 12R của Trung ương Cục miền Nam, nghị danh Nghị Quyết 21 của Trung Ương Đảng miền Bắc. Cuối tháng 10-1973 Tướng Hiệp chính thức thay thế Tướng Thuận, nghị hội đi qua một giai đoạn khác: Giai đoạn... Đấu võ mồm!

Sau mệnh lệnh "đánh trả" này 15-10-1973 của Trung Ương Cục miền Nam, tình hình chiến sự trở nên nghiêm trọng cực độ, 20-10-1973 một trung đoàn thuộc sư đoàn 320 cường tập tấn công bức rút trại Lê Minh, một căn cứ của Biệt động quân ở tây-nam Pleiku. Ngày 4-11-1973 mặt trận Quảng Đức bùng nổ kéo dài trong vòng nửa tháng với quân số tham chiến cấp sư đoàn. Đây là những trận đánh có kích thước lớn nhất kể từ ngày 28-1-1973 hiện thực đúng chủ trương " đánh có miếng nhưng không gây tiếng " của mệnh lệnh 15-10-1973. Trong tháng 12-1973 nghị quyết 12-R, nghị danh chỉ thị của trung ương Đảng, đúc kết toàn thể sách lược chỉ đạo tất cả mọi phạm vi hoạt động trong phương án: " Cuộc tấn công toàn diện ở miền Nam Việt Nam phải được thực hiện đồng loạt và tràn ngập, liên kết ba mũi, chủ động cả ba mặt, trên khắp ba vùng. Ba mũi là mũi tấn công quân sự, tấn công chính trị, tấn công binh vận; trên ba mặt chính là diện quân sự, diện chính trị, diện ngoại giao; tràn ngập đến khắp ba vùng: Vùng của MTGP, vùng tranh chấp (vùng xôi đậu), vùng VNCH. Đề án được phổ biến rộng rãi đến tận một binh sĩ, mỗi cán bộ để cán binh Cộng sản ra sức học tập, giải thích và hiện thực tối đa ".

Song song với tình hình chiến trường cùng các hoạt động vi phạm bộc phát nghiêm trọng như thế tại bàn hội nghị, MTGP áp dụng một sách lược tấn công mới, cách thức tấn công mà Đại tá Đóa, Phụ Tá Nghị Hội Trưởng Đoàn VNCH gọi là chính sách " nhai giấy thun, phun nước miếng "... Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang đồng loạt mở màn chiến dịch đã kích phê phán chính sách của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa trên hai chủ đề ngưng bắn, thảo luận về trao trả. Tài liệu chính mà cấp trường phái đoàn MTGP thường xử dụng là bản tin chiến sự của đài phát thanh giải phóng với nội dung là thổi phồng, xuyên tạc các hoạt động của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ vùng I tới vùng IV... Bắt đầu MTGP tố cáo:

- Hoạt động nóng lán, cày ủi của quý vị có mục đích gom dân vào các "khu tập trung" để cướp thóc lúa, tiền của nhân dân; các lực lượng thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh đã đồng loạt thực hiện ở

các xã tây, tây-nam Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn (Vùng đất cực tây và tây-nam của hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín). Xong đến tổ cáo Sư Đoàn 2 Bộ Binh hành quân hủy diệt, dội bom đánh phá vùng giải phóng ở tây Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Quảng Ngãi. Đặc biệt ở vùng này Hoàng Anh Tuấn cũng như Võ Đông Giang đều nêu rõ từng danh hiệu các tiểu đoàn bộ binh, địa phương quân, các chi đoàn thiết giáp, chiến xa hành quân, ở những xã thôn, ấp nào. Ví dụ: Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 4 Sư Đoàn 2 bộ binh cùng Tiểu Đoàn 102 Bảo An (Địa Phương quân) có chi đoàn xe bọc thép 1/4 yểm trợ hành quân cày ủi vùng hai xã Phổ Thông, Phổ Đức thuộc huyện Đức Phổ... Sở dĩ trường phái đoàn MTGP thường hay chú ý đến vùng đất này cùng các chi tiết rõ ràng vì họ biết Tướng Hiệp vốn là Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 2 Bộ binh, nguyên Tư Lệnh Thiết giáp, trấn đóng vùng Quảng Ngãi, Quảng Tín trong thời gian dài; Tướng Hiệp cũng từng là Tư Lệnh Biệt Khu Quảng Đà (Quảng Nam, Đà Nẵng) nên rất thông thuộc từng địa danh, từng đơn vị của vùng này. Trong một phiên họp, Tướng Tuấn quen thói đọc bản văn vi phạm của quân lực VNCH có nhắc tới một xã thuộc quận Hòa Vang (Quảng Nam) sát nách thị xã Đà Nẵng cho rằng VNCH đã xử dụng một lực lượng bộ binh quan trọng cùng phi pháo tấn công, hủy diệt xã này để lừa dân vào "khu tập trung"... Lập tức, Tướng Hiệp phản pháo:

- Toàn thể quận Hòa Vang thuộc tỉnh Quảng Nam nằm sát với thành phố Đà Nẵng, tương tự như vùng Gò Vấp, Tân Bình với Sài Gòn, từ trước tới nay không hề có một xã thôn nào bị Mặt Trận Giải Phóng kiểm soát được... Hoạt động cộng sản ở vùng này là vài anh du kích đi treo cờ, rải truyền đơn, đặt mìn, ném lựu đạn chớ không thể một đơn vị Cộng sản nào có một hoạt động quân sự khả dĩ để VNCH phải huy động những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn... Hơn nữa dân chúng vùng Hòa Vang đa số là đảng viên Đại Việt, một đảng phái quốc gia kỳ cựu đã có những xung đột quyết tử với phe Cộng sản từ mấy mươi năm qua. Vậy, nếu muốn xuyên tạc và tổ cáo, trường phái đoàn MTGP nên chọn một địa điểm khác hợp lý hơn với lời tổ cáo.

Sau lần "hớ" nêu trên, phái đoàn Cộng sản dời các nơi "vi phạm" thuộc ba tỉnh Nam-Tín-Ngãi vào sâu trong vùng cận sơn cho chắc ăn!

Sau vùng đồng bằng Nam-Tín-Ngãi, MTGP chuyển vi phạm VNCH lên vùng Tây Nguyên; nơi nào họ có hoạt động quân sự, tập trung quân để cường tập, tấn công các căn cứ VNCH và phía bên này điều động lực lượng đến để giải tỏa, thì MTGP lại gọi đó là một hoạt động vi phạm lệnh ngưng bắn! Cấp trường phái đoàn MT thường có một phê phán rất hồ đồ ở vùng này:

- Phía quý vị đã tập trung hàng ba, bốn liên đoàn Biệt động quân, hai, ba trung đoàn bộ binh có xe bọc thép, phi cơ, đại pháo yểm trợ để tấn công, hủy diệt các vùng giải phóng "lâu đời" của chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam! Vùng giải phóng "lâu đời" tức là các căn cứ Lệ Minh, Plei Morong vừa bị họ bức rút chiếm cứ và Việt Nam Cộng Hòa tập trung quân phản công chiếm lại. Vi phạm chuyển về phía nam vùng Quảng Đức chung quanh căn cứ Đức Lập, Darksong. Đến vùng III, áp dụng chiến thuật xuyên tạc như cũ, nhưng để tránh khỏi nhảm chán MTGP úp mở tuyên bố: Lực lượng võ trang cách mạng cương quyết đánh trả để giữ vững vùng cách mạng ở đông bắc Trăng Bàn (Hậu Nghĩa) hoặc củng cố vùng cách mạng đánh bật các chốt phía bắc đường 13 mà lính quý vị trấn đóng trái phép. Lập luận này để che tội lẩn chiếm ở những xã đông bắc Trăng Bàn, bắc An Lộc nơi mà cán binh CS vừa lập xong được các chốt sau khi lẩn chiếm. Tổ cáo chuyển dần xuống vùng IV, qua Long An, Định Tường và kết thúc ở vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Xen kẽ trong những tổ cáo về vi phạm quân sự, Trường Đoàn Mặt Trận Giải Phóng thường chen vào những tổ cáo khác như tham nhũng, hiếp dâm, cướp bóc. Áp dụng đúng nguyên tắc vu khống. Một sự vu khống muốn được nghe và tin thì kèm thêm một, hai yếu tố thực tế cụ thể nào đó xong tán rộng ra và nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Điều vu khống kia sẽ đạt đến một cường độ khả thể thấm thấu và óc não của kẻ bị tuyên truyền. Thế nên, khi tổ cáo về một đơn vị VNCH ở một vùng với hoạt động rõ ràng có chỉ danh

chi tiết, phía MTGP kèm theo đó vài tội vu cáo, như đại đội 2 của tiểu đoàn trên ăn cướp năm mươi con gà của ông Lê Văn Sáu ở ấp 1, xã Phổ Phong, quận... Sau một thời gian, phía CS thấy các tố cáo về ăn cướp, ăn cướp không được ăn khách; họ tăng tội ác lên độ ăn cướp kèm theo giết người và hiếp dâm...

Chủ trương tố cáo trên sở dĩ có, vì phía VNCH trong khi tố cáo lại đối phương thường kết án hành động khủng bố, ám sát, giết mìn của đám cán bộ hạ tầng MT (Theo đúng đề án ba mũi, ba mặt, ba vùng...) bằng dẫn chứng là bản báo cáo các hoạt động khủng bố trong ngày, được Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia đúc kết từ các Đô, Tỉnh, Thị trong toàn quốc lúc 7 giờ sáng mỗi ngày. Bản báo cáo đầy đủ các chi tiết như tên, họ, số lượng người bị bắt cóc tại ấp, xã, quận, tỉnh liên hệ. Những khủng bố quan trọng có hệ thống thường nhằm vào một khu vực, một thành phần đối tượng nào đó sẽ được phía VNCH nghiên cứu và lưu ý để xử dụng làm bằng có tố cáo ý định, dự mưu của phía cộng sản... Ví dụ như ở vùng Cai Lậy quả đạn cối 82 ly ngày 9-3-74 gây sát hại làm thương vong hàng trăm trẻ em, làm toàn thể nhân dân trong và ngoài nước sững sờ vì một tội ác vượt quá ý niệm, nhưng đối với những ủy viên nghị hội, những người có nhiệm vụ theo dõi, đo lường những vi phạm, khủng bố của Cộng sản thì tội ác trên chỉ là một diễn tiến "hợp lý", một tiến bộ "cụ thể" mà người Cộng sản chắc chắn sẽ thực hiện. Vì quả đạn 82 ly ngày 9-3 vào Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy là "hậu quả" của những "công tác" có hệ thống. Sau đây là một báo cáo điển hình kể từ ngày có thông cáo chung 13-6-73 giữa hai người được giải Nobel Hòa Bình, tại khu vực Cai Lậy. Ngày 20-7-1973 để kỷ niệm ngày ký kết Hiệp Định Genève, phe cộng sản bắn 20 trái 82 ly vào khu đông dân cư phía đông - nam chợ Cai Lậy làm năm đồng bào bị thương vong. Ngày 24-3-73 pháo kích một quả 103 vào xóm Búng, nam quận Cai Lậy "giải phóng" một linh hồn một em bé cùng bốn đồng bào lớn tuổi khác. Ngày 17-3-1973 đặt mìn phá chiếc cầu tại ba cây số bắc quận lỵ làm cầu hư 70%; ngày 18-9-1973 bắn hai quả B40 vào một chiếc xe be làm hai đồng bào "lao động" lấy củi tử thương tại chỗ. Ngày 8-10-1973 pháo hai hỏa tiễn vào sát hàng rào quận tiêu diệt được một đồng bào, làm bị thương ba người khác. Ngày 18-11-1973 du kích Cộng sản tác xạ ba quả 60 ly vào xã Nhị Quý giải phóng cho sáu đồng bào. Ngày 5-2-1974 pháo năm quả 61 ly vào xã Mỹ Thạnh; ngày 6-2-1974 bắn xe lam trên liên tỉnh lộ 29 nối Cai Lậy (Định Tường) với Kiến Tường diệt gọn ba đồng bào; ngày 9-2-1974 bắn một B40 vào nhà một thường dân ở xã Mỹ Thạnh Trung làm ba em bé của "hàng ngũ Ngụy" bị thương. Ngày 27-2-1974 ném bê-ta vào nhà một thường dân làm hai người bị thương; ngày 4-3-1974 bắn một quả M79 vào đám nông dân ở 7 cây số đông-nam Cai Lậy làm bị thương hai người; ngày 9-3-1974 pháo kích một quả 60 ly vào địa điểm đông dân ba cây số bắc Cai Lậy làm năm thường dân bị thương.... Cùng ngày này, "thành công vượt bực" là quả đạn 82 ly rơi vào trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy, song song với thành quả lẫy lừng này là một quả 82 ly khác rớt vào xóm Búng với kết quả "khiêm nhường", chỉ một đồng bào bị thương.

Các vi phạm được ghi nhận, lưu ý, đúc kết dần dần kể tập nên hiện thực tội ác của người Cộng sản. Phía VNCH đã dùng những chứng tích cụ thể này để xây nên luận cứ buộc tội. MTGP lẽ tất nhiên không thể chối bỏ rằng không có các tội vi phạm đó, nên họ lại bày ra một chiến pháp tố cáo khác để đánh lạc hướng, hóa giải lời buộc tội của VNCH... Ví dụ khi phía VNCH tố cáo MTGP vi phạm một vụ khủng bố bắt cóc một trường ấp thì họ sẽ dựng lên một vụ giết người quy mô có dự mưu, với mục đích cướp của hiếp dâm... Thường thường "tội ác" của quân đội VNCH phạm bao giờ cũng lớn hơn, nặng nề, nghiêm trọng hơn các vi phạm của du kích Cộng sản!! Nhưng có lẽ vì không liên lạc với các đơn vị địa phương, chẳng có báo cáo chính xác về các hành động phạm pháp của binh sĩ quân lực VNCH trong các cuộc hành quân ở khắp nơi (nếu có)... Phái đoàn MTGP dựng đứng bằng cách ghép các tội ác (tưởng tượng) trên vào với những đơn vị quân đội đang tham dự các cuộc hành quân mà MTGP ghi nhận được (Yếu tố sau này thì trường phái đoàn MTGP có tài liệu rất kỹ càng, không những các cuộc hành quân lớn mà ngay các cuộc điều động cấp tiểu đoàn, đại đội ở các địa phương cũng được cán bộ

cộng sản ở nơi đó báo cáo về phái đoàn MT ). Nhưng trường đoàn CS thường lại tỏ ra vụng về trong việc dựng tội ác; vì để tăng cường độ, gây kích động, họ thường "phịa" ra những tội rùng rợn, ghê tởm như binh sĩ VNCH hiếp dâm tập thể hai bà già sáu mươi tuổi xong bỏ vào bao bố đem ném vào lửa hoặc nòi nước sôi!! Tội ác tưởng chừng chỉ có trong các chuyện cổ tích, chuyện hoang đường về một địa ngục... Tướng Tuấn và Đại Tá Giang của MTGP lại thường hay có những cú "móc" xỏ lá (Khi Tướng Hiệp hướng dẫn đoàn nghị hội) với lập luận sau đây:

- Bản chất của chúng tôi là những người cách mạng(!), hy sinh gian khổ để chiến đấu giành độc lập, tự do cho tổ quốc và nhân dân, trái lại đi ngược lòng dân, giết dân là bản chất của quân đội quý vị. Chúng tôi không phải đến đây để phê phán cái bản chất đó nhưng vì quý vị đã nêu ra nên chúng tôi phải vạch rõ những hành động cướp bóc, hãm hiếp người xong vứt vào lửa để làm trò cười với nhau!! Cách đây ba mươi năm, những tên xâm lược Pháp đã làm gì đối với nhân dân Việt Nam, bây giờ lại được sĩ quan, binh sĩ quý vị tiếp nối...!! Người ta không lạ gì điều này vì quý vị là sản phẩm của quân đội xâm lược Pháp, là lính đánh thuê cho chính sách thực dân mới của Hoa Kỳ!!...

Trường đoàn MTGP trong những tố cáo về "tội ác" của quân đội VNCH luôn luôn "ngoéo" cái "móc" xỏ lá này, vì ông Hiệp vốn có tác phong rất "Tây" với râu quai nón, mũi cao, mắt sâu, thoạt nhìn cứ tưởng đó là một "ông Tây" nói tiếng Việt! Nhưng thật sự không phải thế, người là một ông Việt Nam trăm phần trăm với võ nghiệp rất ngất ngư, phong phú mà lý do chính cũng vì dáng dấp ông Tây này đã làm anh em ông Diệm không tin dùng để kẹt ở lon đại úy trên mười năm cấp bậc thực thụ!!! Các anh tướng tá Cộng sản cũng vì tưởng làm như trên nên lâu lâu cứ đem ông thực dân Tây ra "chọc quê" Trường Đoàn Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Hiệp không để ý đến điều xỏ xiên này, nhưng Đại Tá Đóa thì không bỏ qua cái tội "bô lô, ba la" cùng những xỏ lá trên, vì ông Đóa là một ông Bắc Kỳ thuộc loại người trời sinh để nói: Để lập ngôn. Nói nhiều, nói độc, nói dài hơn bất cứ đối thủ ăn nói nào. Ông thách đó:

- Nếu quý vị cứ phê phán thì chúng tôi sẽ đáp lễ, quý vị nói dài, chúng tôi sẽ nói dài hơn, nếu cần quý vị hãy đem ghế bố đến đây để nằm nghỉ đợi chúng tôi phát biểu!!

Đối với những tội ác như hiếp dâm bà già, ném người vào lửa, Đại Tá Đóa đã có đòn phản công như sau:

- Chúng tôi lấy làm lạ tại sao quý vị cứ đem chuyện hiếp dâm ra để nói tại bàn hội nghị, những câu chuyện dơ bẩn, hạ đẳng mà chúng tôi thiết tưởng những người có giáo dục bình thường, những người có một chút luân lý tối thiểu sẽ phải hổ thẹn khi đọc lên, khi nhắc đến... Nhưng ở đây quý vị lại nhắc tới một cách say sưa, mê mải, phải chăng quý vị bị ẩn ức, bị dồn nén, quý vị muốn hiện thực một tội ác lý tưởng, một hành động ám ảnh nhưng vì không thể làm, không có điều kiện làm nên đã chuyển giao qua cho người khác mà tâm lý học gọi là "transfert de cupabilité..." Và tại sao, và đến nỗi gì binh sĩ, sĩ quan chúng tôi phải làm hành động bỉ ổi dơ dáy đó, chúng tôi có gia đình ở bên cạnh, binh sĩ sau giai đoạn hành quân trở về hậu cứ, ở đó có trại gia binh, hoàn cảnh ép buộc nào để binh sĩ chúng tôi phải phạm đến tội lỗi trên?? Vậy có hiếp dâm hay không là ở phía quý vị, chính quý vị mới có hành động thô bạo dơ bẩn trên bằng những từ ngữ nguy trang như " ủng hộ chiến sĩ, tham gia cách mạng, ghi ơn bộ đội...". Như phía quý vị đã ép buộc các thanh nữ, thiếu phụ vùng Tam Quan, Hoài Ân (Bình Định) hiến thân, gần gũi với cán binh lúc Cộng sản Bắc Việt tạm kiểm soát những vùng trên trong cuộc tổng công kích 1972, hành vi cưỡng ép này được quý vị nguy danh thành một động tác " ghi ơn bộ đội!! " Và hơn ai hết, chính các quý vị ở đây mới là những người đã có hành động đó... (Đại Tá Võ Đông Giang đã từng hiếp dâm một nữ cán bộ lúc y nghỉ dưỡng bệnh sốt rét tại một bệnh xá. (Hồi ký Đường Đi Không Đến - Xuân Vũ). Và đám cán bộ cao cấp của tập đoàn Cộng sản mới

là những kẻ không ít thì nhiều có liên quan đến các tội phạm, những bất toàn về tình dục. Tướng Võ Nguyên Giáp cưới con của Đặng Thái Mai, người vợ mà trước kia Giáp bế trên tay và gọi bằng cháu; Lê Duẩn nhờ áp lực Đặng để cưới người vợ trẻ, cô Thoa, một hoa khôi nổi tiếng miền Tây trong thời kháng chiến 1945; Nguyễn Khánh Toàn, đồng chí, đồng hành cùng Hồ Chí Minh đã được Đặng hợp tác cuộc hôn nhân thứ ba lúc Toàn bảy mươi tuổi cùng với một thiếu nữ mười bảy tuổi!!) Đây, những sự kiện trên mới phản ánh đúng chính sách, chỉ đạo của Đảng Cộng Sản cùng với ý thức đạo đức mới mẻ, mà trong đó chủ trương "cây giống" được ngụy danh để thay thế những cuộc hiệp dâm tập thể!!

Bày ra những tội hiệp dâm tập thể xong, phanh thây người chết ra, hoặc hiệp dâm bà già, ném con nít, ông già vào nước sôi (Vùng quê Việt Nam, trong một cuộc hành quân kiếm đầu ra cái chảo lớn đủ để "luộc" được người, hơn nữa trong một cuộc đi càn (ngôn ngữ Cộng sản) lấy đầu ra thì giờ nước, củi đủ nấu một chảo lớn để "luộc" người thật nhiều khê rắc rối theo như tổ cáo của phái đoàn CS!! ) Được ba, bốn lần không thấy kích động được đối phương, lại chỉ gây thêm trò cười vì các "tội ác" quá sách vở, quá Quốc văn giáo khoa thư... Và chắc sau khi hội ý kiểm thảo, phái đoàn MTGP cũng nhận thấy rằng tội ác khó "chấp hành" được, có vẻ là bối cảnh của chuyện Phạm Công - Cúc Hoa, Mục Liên - Thanh Đề nên đồng ý dẹp bỏ. Phía CS xoay theo một phương thức tấn công khác, nhưng " chủ đề hiệp dâm, giết người " vẫn triệt để khai thác. Lại hiệp dâm, phải chăng cấp trưởng phái đoàn MT nhận được chỉ thị từ Lộ Ninh, phải khai thác cái " te " này trong một thời hạn nào đó, hoặc thấy chủ đề còn hấp dẫn, đầy tính chất sáng tạo?!! MTGP bèn khai thác các phóng sự về hiệp dâm, cướp của của báo chí Sài Gòn, lẽ tất nhiên, phe viết báo Sài Gòn (Ngoại trừ cái tòa soạn báo Điện Tín, nơi mũi Cộng sản bốc lên không che dấu, có đăng thơ của Vẹm với những câu như "Ai về đất Quảng, Nhớ ngày Thái Phiền, Ai qua Châu Mộc, Hãy ghé Điện Biên..." Báo ngày 4-2-1974) không thể nghĩ đến lúc MTGP lấy bài viết của mình để đả kích lại chúng tôi với những lập luận như sau:

- Báo chí Sài Gòn, dù bị chính quyền quý vị dọa nạt bưng bít cũng không thể im lặng trước những tội ác mà binh sĩ quý vị " được lệnh " thực hiện trên đầu trên cổ người dân!!

Tội ác được lệnh thi hành theo lời MTGP là tội hiệp dâm hai thôn nữ ở Long Khánh mà một anh nghĩa quân đã phạm sau khi bị thần rượu ám. Những phóng sự của các thông tin viên địa phương thường lại hay thổi phồng hoặc tạo thêm gay cán sự kiện, (Nghề của chàng, lâu lâu viết một bài, chàng viết cho sượng - Tất nhiên) được các ủy viên tham mưu của phái đoàn CS nghiên cứu, mổ xẻ thêm thắt để biến thành những trường hợp điển hình cho chiến dịch tội ác mà chính phủ VNCH chủ trương cho binh sĩ và cán bộ ở các địa phương thi hành!! Sau hiệp dâm, giết người, MTGP "chấp hành" tối đa các bài báo tố cáo tham nhũng, hối mại quyền thế, họ cũng móc nối các sự kiện này lại chung quanh chiếc trục " chủ trương của VNCH " để chứng minh rằng những hành vi phạm pháp trên phát xuất từ một xã hội, một chính sách bất nhân, mục nát mà phía VNCH cố tình duy trì, khai thác tính chất này trong âm mưu làm tay sai cho chính sách " thực dân mới " của Hoa Kỳ, nghĩa là chủ trương mở rộng vùng kiểm soát, xóa tan thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng giải phóng!! Tóm lại, là không thi hành đúng tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê, không chủ trương " Hòa Bình, Hòa Giải Dân Tộc!! ". Với một xị rượu để say sưa, hành động của một anh nghĩa quân làm bậy trong đêm tối dần dà nối kết với tham nhũng của một anh ủy viên hành chánh xã bê bối để cùng nhau phá hoại hiệp định, phá hoại thành quả hòa bình do hiệp định mang lại, hòa bình phe Cộng sản đã kiên cường tranh thủ sau khi đánh bại được nửa triệu quân Mỹ và các nước đánh thuê Nam Triều Tiên, Xiêm La, v.v... Người Cộng sản đã kết hợp những sự kiện này tài giỏi như bà tiên trong chuyện cổ tích.

Chiến dịch "đọc báo" của MTGP bị Đại Tá Đóa phản công:



- Quý vị đến đây để thương thảo hay để đọc báo? Thương thảo nghĩa là thương lượng, thảo luận các vấn đề do hiệp định quy định, để thực hiện ngưng bắn, thực hiện hòa bình... Chứ đâu phải đem một đồng báo ra rồi đọc vanh vách từng bài một?! Báo ấy xuất bản ở Sài Gòn của chúng tôi, chúng tôi đã mua, đã đọc, đã biết, đâu cần quý vị đem tới đây đọc lại, nhưng quý vị còn đọc thiếu, đọc sai, đọc láo!! Sao quý vị không đọc các bài tường thuật vụ Trung Cộng xâm lăng quần đảo Hoàng Sa, sao quý vị không đọc phóng sự du kích quý vị ném lựu đạn tại Ba Xuyên, sao quý vị không đọc bản tin đài BBC nói về vụ thảm sát học sinh ở Cai Lậy?!! Các tội ác này mới là chủ trương sai trái, là âm mưu phá vỡ hiệp định, giết hại nhân dân. Quý vị lại còn xuyên tạc một cách thô bỉ khi thêm vào trong bài báo tố cáo vụ hiếp dâm ở Long Khánh những tình tiết, những sự kiện gây cản ly kỳ làm như quý vị có mặt ở đó; bài báo chúng tôi cũng có đọc mà không thấy nói đến ác chi tiết như quý vị vừa nêu? Vậy là sao? Là quý vị " phịa ", quý vị viết ra cho mình đọc, và đọc để chưởi rửa, la lối kéo dài, đánh lạc hướng nghị hội...

Tướng Hiệp thì phản công theo một chiều hướng khác:

- Chúng tôi lấy làm buồn cười do những dẫn chứng mà quý vị vừa trình bày, tất cả những hành vi xấu mà báo chí VNCH nêu ra chỉ là hành vi riêng rẽ của một vài cá nhân phạm pháp, chính phủ chúng tôi xét xử trừng phạt họ theo luật pháp. Những hành vi xấu này sở dĩ được trình bày cũng vì báo chí miền Nam có đủ quyền tự do trong công việc loan tin về những thực tế xã hội, nhân sinh, chứ không phải như thế giới Cộng sản chỉ đầy đặc một loại " thánh " không hề có nhược điểm trong một " thiên đàng " đỏ máu! Và báo chí Cộng sản thì có được gì, viết được gì, hay tất cả những điều trình bày chỉ là lệnh và theo chỉ thị của Đảng. Quý vị cũng rất thâm độc khi bắt đầu tố cáo thì xử dụng các bài báo có dẫn chứng, nêu rõ lên từng tên người phạm tội, tên các báo chí đăng tải, tiếp theo sau là tố cáo tiểu đoàn này, trung đoàn nọ giết hàng chục người trong những làng xã không nêu danh, trong những quận lỵ không hề được xác định!! Ý đồ thâm độc lộ liễu này chúng tôi đã biết rõ, quý vị đừng hòng lấp liếm, lợi dụng. Sự tàn sát lương dân đích thực, ghê tởm nhất mà dư luận ở Huế hiện đang xôn xao là cuộc tàn sát cả một gia đình gồm chủ nhà, người cha, người mẹ, người con dâu, những đứa trẻ, giết luôn cả người giúp việc cùng con của người giúp việc, giết cả con mèo, con chó, thậm chí con cá vàng trong chậu cũng bị ném ra sân!! Cuộc tàn sát được thực hiện thật tối đa để gọi là - thành quả tiêu diệt một đơn vị phản động!! "

Tình hình chiến sự mỗi ngày một căng thẳng, sau Lê Minh, Đức Lập, Chí Linh, đến Đức Huệ, Tống Lê Chân, Kontum, Hậu Nghĩa, Định Tường, bộ đội mặt trận nổ súng nhiều hơn, nóng lãn (chữ của MTGP) nhiều hơn thì ở bàn hội nghị, trưởng đoàn CS lại đọc báo nhiều hơn và cuộc thảo luận về ngưng bắn chỉ là một tố cáo dằng dặc về giết người, cướp của, hối lộ tham nhũng. Phía MT có một lập luận rất logique trong các tố cáo này:

- Những việc làm xấu xa sai trái này phản ảnh tính chất bế tắc, nô lệ của chính sách Việt Nam Cộng Hòa. Sở dĩ có tình trạng bế tắc hư hại này là vì Mỹ muốn vậy, Mỹ muốn VNCH phải lệ thuộc vào Mỹ; Mỹ muốn VNCH lệ thuộc vào Mỹ để Mỹ sai khiến làm công cụ cho chính sách thực dân kiểu mới..

Bám quanh cái trụ " thực dân kiểu mới " này, phái đoàn MTGP quay hướng tất cả mọi tố cáo, tất cả mọi xuyên tạc về mục tiêu cuối cùng: Việt Nam Cộng Hòa phải công nhận thực tế hai vùng kiểm soát, hai quân đội, hai chính quyền, thực tế của Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam.

Năm 1973 chấm dứt, sắp đến Tết Giáp Dần, cũng là thời hạn một năm hiệp định được ký kết, phía Việt Nam Cộng Hòa tạo điều kiện để khai thông nghị hội qua cửa ngõ tù binh, một vấn đề mà cả hai bên từ trước tới nay đạt được một vài tiến triển. Và mong cuộc trao trả sớm hình

thành đề tù dân sự của hai bên đoàn tụ với gia đình trong dịp Tết. Tuy cùng đồng ý với ý niệm nhân đạo này nhưng đến khi thảo luận vào chi tiết của vấn đề thì hai bên lại có hai quan điểm đối nghịch. Phía VNCH muốn khai thông toàn thể vấn đề tù binh một cách tổng quát, nghĩa là giải quyết tình trạng của tù binh quân sự VNCH bị bắt ở các mặt trận ngoại biên như Kampuchia, Lào, người bị bắt trước năm 1972... (95% tù quân sự VNCH được thả là những quân nhân bị bắt trong năm 1972, năm cộng sản Bắc Việt tổng công kích tại Nam Việt Nam). Phía MTGP lại quan niệm khác: Vấn đề tù binh chỉ là phần sót lại của kế hoạch trao trả được hai bên thiết lập từ ngày 23-7-73, nghĩa là VNCH trả phần còn lại của 5081 nhân viên dân sự được công bố. MTGP trả số còn lại của danh sách 637 nhân viên dân sự VNCH và 410 nhân viên quân sự ở Đức Nghiệp. Kế hoạch tháng 7-73 này còn có nhiều lợi điểm cho họ, khi nhận được số còn lại của tổng số 5081 ( Nhân số cần thiết để bổ sung và quân bình hóa lực lượng hạ tầng bị Cộng sản miền Bắc khuynh loát, tràn ngập ). Nếu cuộc trao trả được tiến hành, những vùng đất ở địa điểm trao trả được gián tiếp công nhận thuộc quyền kiểm soát của họ. Những địa điểm trao trả tù quân sự trước kia như bắc sông Thạch Hãn, Lộc Ninh, Quảng Ngãi, nay được tăng cường thêm ở Đại Lộc (Quảng Nam), Kỳ Quế (Quảng Tín), Võ Định (Kontum), Đức Nghiệp (Pleiku); địa điểm ở vùng cận sơn tỉnh Khánh Hòa; ở bắc Xuyên Mộc (Phước Tuy), U Minh (Kiên Giang), Năm Căn (An Xuyên). MTGP có thâm ý phân tán số tù binh nhỏ nhoi 442 người còn lại (của tổng số loan báo 637, đã trả tại bắc Thạch Hãn 195 người vào tháng 5-1973) đến mười một địa điểm dọc khắp miền Nam để chứng tỏ sự hiện diện và quyền kiểm soát của họ trên nhiều vùng đất. Sự cố gắng này để nhận được khi họ thiết lập hai địa điểm ở hai tỉnh sát cạnh nhau như Võ Định (Kontum) và Đức Nghiệp (Pleiku); địa điểm Võ Định chỉ vỏn vẹn có tám người. Cuối cùng cuộc trao trả vẫn không thực hiện được, Tết Giáp Dần đi qua.

Sau Tết, vào đầu tháng 1-1974, vấn đề trao trả lại được khơi lại thêm một lần nữa, dư luận trong và ngoài nước hân hoan đón nhận diễn tiến tốt đẹp của cuộc trao trả, người ta hy vọng rằng cuộc trao trả sẽ gây nên những hệ quả đáng khích lệ khác như thành lập Hội Đồng Hòa giải, ngưng bắn và phân ranh vùng, tổng tuyển cử. Nhiều ước tính và đồn đãi về việc hữu hiệu hóa và hiện thực việc thảo luận ở Hội Nghị Paris vào những công tác khẩn thiết đang được toàn khối nhân dân miền Nam mong ước. Nhưng tất cả cũng chỉ là những hy vọng. Cuộc trao trả đã kết thúc trong thảm hại.

Trong số 410 quân nhân VNCH được dự định trao trả ở Đức Nghiệp, MT đã thiếu đến ba mươi một người. Phía Cộng sản giải thích có mười lăm người chết vì những bệnh (!) trước kia và mười sáu người đã lợi dụng sự tử tế của lính canh để bỏ trốn?! Ở những địa điểm trao trả khác phía CS đều có những thiếu hụt như ở Quảng Ngãi trả bảy mươi trên bảy mươi một, ở Khánh Hòa trả năm thay vì sáu người được loan báo, Võ Định (Kontum) thiếu hai người trong danh sách tám người... Tỷ lệ thiếu hụt tính chung 12% của mười một địa điểm. Nhưng trầm trọng hơn hết thảy, cán binh Cộng sản đóng tại các chốt dọc đường 13 từ Chơn Thành đến Lộc Ninh (đường bay được xử dụng thường xuyên để liên lạc giữa Sài Gòn và Lộc Ninh để trao trả tù qua nhiều đợt) được lệnh tác xạ vào trực thăng Việt Nam Cộng Hòa từ Lộc Ninh trở về. Cán binh Cộng sản bắn lần thứ nhất (riêng đợt trao trả này, từ 8-2 đến 7-3) vào ngày 26-2-74, lần thứ hai vào ngày 7-3-74 cũng là ngày VNCH đơn phương phóng thích 76 tù binh quân sự cộng sản. Lần tác xạ này đã gây tử thương cho một nhân viên phi hành đoàn trực thăng Chinook CH47. Và mặc dù phía VNCH vẫn kiên trì duy trì kế hoạch, binh sĩ CS vẫn bắn lại lần thứ hai trong ngày, vào lúc 15giờ 50. Họ vẫn bắn vì lệnh đã ban bố!! Để giải thích cho hành động phi lý bạo ngược này, Tướng Tuấn lại tố ngược rằng chính VNCH đã vi phạm đường bay, thủ tục bay; giải thích tuy ngang ngược nhưng phía CS vẫn không dám thú nhận đã bắn lên máy bay đi trao trả mà chứng cứ hiển nhiên là vết đạn còn ghi trên thân máy bay và xác thân còn nóng của viên Trung sĩ phi hành. Dưới đây là lời chạy tội của Tuấn:

- Trở lại câu chuyện mà quý vị đã dựng đứng lên trong kháng thư gởi ngày 8-7-74, quý vị đã bịa

đặt lên một chuyện máy bay Chinook bị bắn trên đường trao trả về... Vì tưởng rằng những điều dựng đứng chung quanh sự việc này khỏa lấp được những vi phạm sai trái từ trước đến nay, chúng tôi đã nhiều lần lên án việc quý vị lợi dụng đường bay, lợi dụng việc trao trả, lợi dụng ký hiệu của Ban Liên Hợp Quân Sự để xử dụng máy bay trong các công tác trinh sát, ném bom, bắn phá vùng kiểm soát của chính phủ cách mạng. Như trong cuộc trao trả vừa qua, bất chấp nhiều lần nhắc nhở của chúng tôi, quý vị đã cho một số máy bay theo sát hành lang của máy bay Ủy Ban Quốc Tế để ném bom vào phía tây đường 13 trong ngày 14-2-74. Ngày 19-2-74 trong một chuyến bay đi Lộc Ninh, quý vị đã có những hành động do thám, khiêu khích trên các chốt của chúng tôi đóng trên đường, sĩ quan liên lạc của chúng tôi trên chuyến bay đã chứng kiến sự kiện và nêu lời cảnh cáo. Ngày 22-2-74 trong cuộc trao trả tại Võ Định, quý vị cũng lợi dụng để cho máy bay trinh sát đánh phá phía tây đường 14, ngày 28-2-74 trong lúc máy bay của Ủy Ban Quốc Tế đi giám sát cuộc trao trả ở Lộc Ninh, quý vị xử dụng những máy bay chiến đấu bay kèm theo để khiêu khích lực lượng dưới đất của chúng tôi, sự kiện được Đại Sứ Iran chứng kiến.

Cuối cùng, Tuần kết luận:

- Giả dụ nếu có việc máy bay bị bắn hạ, thậm chí không phải để bắn cảnh cáo mà bắn hạ thật thì cũng là một hành động chính đáng vì phía quý vị đã triển khai các hoạt động vũ trang đen tối, quý vị cũng không được phép than thở vì mình đã sai trái.

Nửa nhận, nửa không, Tuần xử dụng một ngón đòn điển hình của Cộng sản: Không bao giờ xác định một tội ác mà phải ngụy danh dưới những danh từ rất hòa bình, rất hòa giải. Suốt một năm 1973 hàng ngàn phi vụ trực thăng đã được thực hiện dọc đường 13, hình ảnh những binh sĩ Cộng sản đứng dưới đất đưa tay vẫy chào khi máy bay bay qua các chốt của họ là hình ảnh thực tế và quen thuộc đối với các phi hành đoàn trực thăng, các nhân viên trong ban Liên Hợp Quân Sự 2 bên và Ủy Ban Quốc Tế. Rõ ràng hơn hết, đợt trao trả kể từ ngày 8-2-1974, các phi cơ trực thăng vẫn xử dụng đường bay với cao độ trên dưới năm mươi thước dọc trên đường 13. Vậy lệnh tác xạ cho binh sĩ MT trong những ngày 26-2 và 7-3 là những lệnh mới, những lệnh độc lập, đơn phương gây bạo động.

Tướng Tuần lại càng vô lý hơn khi tố cáo L-19 vi phạm "vùng trời Đức Nghiệp Pleiku..." Trong cuộc trao trả tại Đức Nghiệp ngày 5-3-1974, tên thiếu tá mặt trận lập lại lời tố cáo này với cá nhân tôi... Chẳng e dè tôi đáp lễ:

- Thế nào là không phận, thế nào là vùng trời? Quý vị trả lời cho chúng tôi biết khoảng cách từ mặt đất trở lên bao nhiêu thì được kể là không phận của một nước? Của một quốc gia?... Quý vị có tính luôn thượng tầng khí quyển không? Quý vị là quốc gia hay sao mà có một không phận riêng? Và vùng trời Đức Nghiệp phải chăng là một đường thẳng góc từ khí quyển thẳng góc với mặt đất tại địa điểm trao trả này, một điểm vô hình đúng với tọa độ ZA4 Và ai xác nhận vùng Đức Nghiệp này là của quý vị? Nghị Định Thư về ngưng bắn có ấn định cấm Việt Nam Cộng Hòa thực hiện những phi vụ huấn luyện, kỹ thuật hay không?... Quý vị nói cho sướng miệng, được bảo sao là nói vậy...Hỏi khắp các cơ quan hàng không thế giới có ai xác định được không phận của một xã hay không?!

Ở địa điểm trao trả tôi chười theo kiểu ào ạt như thế, trong buổi sáng 10-3, Đại Tá Đóa lại có một bản văn với nội dung là từng hàng chữ phần nộ sắt đá. Bằng một giọng nói uyển chuyển, khẳng khái đan từng chữ, chém từng câu, đánh bạt đối phương vào một nỗi ngẫn ngơ choáng váng:

- Trước khi vào chương trình nghị sự, chúng tôi dành ít phút để đề cập đến một sự việc quan

trọng vừa xảy ra: Hôm kia (7-3-1974) lúc 12 giờ 20, trong chuyến trao trả thứ nhất, chiếc trực thăng Chinook không vũ trang của chúng tôi sau khi đã đưa đến Lộc Ninh 40 nhân viên quân sự của quý vị để trả cho quý vị, trên đường về đã bị lực lượng dưới đất của quý vị bắn lên gây tử thương cho một nhân viên của phi hành đoàn, máy bay bị bắn thủng với dấu vết, tang chứng tồn tại.

- Trước sự quá lộ liễu trắng trợn của hành động thô bạo trên, chúng tôi sẽ làm một công việc vô ích nếu nhấn mạnh lại tính chất nhân đạo mà phi hành đoàn đang thực hiện: Trao trả về cho đối phương những tù binh quân sự bị bắt trên chiến trường. Chúng tôi cũng sẽ tốn công vô ích khi phân tích cho quý vị biết tính chất chuyên môn riêng biệt của phi xuất Chinook để bác bỏ vấn nạn nguy tạo mà quý vị sẽ dựng đứng lên: phi hành đoàn đã bay khiêu khích, trinh sát trên các chốt.

- Cũng sẽ vô cùng vô ích, sẽ vô cùng uổng phí để trình bày cùng quý vị những điều hợp lý vì trí não của quý vị không đủ sức chứa những giải thích, vì trí não của quý vị đặc cứng một khối đá cẩm thù dầy men máu. Chúng tôi chỉ có thể xác định được như thế! Vì những kẻ cầm súng ở dưới đất, chắc chắn không phải vô cớ, không phải vì ngẫu hứng, cũng không phải vì bị khiêu khích nên đã có hành động tàn bạo trên. Kẻ đó phải được chỉ thị từ trước, phải được phối trí để chỉ bắn máy bay từ Lộc Ninh trở về, không bắn máy bay từ Biên Hòa bay đi. Tất cả vụ vi phạm từ trước đến nay chỉ được thực hiện với các máy bay trên đường từ Lộc Ninh về.

- Chúng tôi nhấn mạnh lại điểm này. Hơn thế nữa, quý vị còn biết rõ hơn ai hết, quý vị đã thành công trong công việc làm biến dạng một lớp binh sĩ trẻ tuổi, từ những khối não trong trắng chất phát trở thành những khối óc trống rỗng thiếu trí phán xét, năng lực suy tư để chỉ có thể hành xử theo động tác có điều kiện như một con vật trong thí nghiệm của Pavlov - Binh sĩ của quý vị cũng mất hẳn năng lực phản nộ khi chưa được bấm nút! Vậy, phải hiểu rằng động tác của một kẻ nào đó ở dưới đất khi nâng khẩu súng hướng vào trực thăng như vừa kể là một động tác không thuộc về hấn, nhưng đã được hướng dẫn từ một chính sách, từ một đường lối. Chính sách và đường lối máu, đỏ như lá cờ hấn dựng lên trong những "chiến thắng" đẫm mùi thầy người, những "chiến thắng" Mậu Thân Huế, Darksong; "chiến thắng" trên chín cây sỏ thịt, da đồng loại của Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng trị!! Chúng tôi quan niệm như thế và chắc rằng đã nghĩ, đã suy diễn đúng từ những tội ác quá hiện thực của quý vị. Quý vị đừng từ chối chính sách đỏ máu đó, vì đó là chính sách cơ bản, là "diện" chiến lược bao phủ lên tất cả mọi đường lối, hành động của quý vị. Chính sách đỏ rực màu máu đó cũng chính là màu cờ mà quý vị ngược cao mặt để chào kính mỗi ngày với sự nhủ thầm: Hãy cố gắng để tô thắm thêm ánh đỏ dị kỳ, man rợ... Chính sách đó cũng đầy ắp trong khúc hát mà quý vị đã lặp đi lặp lại hàng chục ngàn lần trong đời, khúc hát tràn ứ những hình tượng quái đản, kinh khiếp: "Thề phan thầy uống máu quân thù... Đường vinh quang xây xác quân thù...". Quân thù nào trong những ngày tháng này, trên miền Nam này, trong lòng chiếc máy bay đi thực hiện công tác trao trả? Phải chăng quý vị thiếu đối tượng kích động, thiếu thứ thức ăn để dựng tiệc vinh quang nên quý vị đã bắn lên các phương tiện của hòa bình, bắn vào những người đi thực hiện những dạng thức cụ thể cho hòa bình.

- Phải chăng quý vị muốn kiếm một chút thầy người kiếm một chút máu đỏ để tô lá cờ thêm thắm, để câu hát được hiện thực đầy đủ như từ ngữ réo gọi?!!

- Chính sách của quý vị, màu cờ của quý vị, khúc hát của quý vị đang cố tâm đẩy mạnh thực hiện, biến quý vị trở thành những hình tượng siêu đẳng: Hình tượng của những kẻ sát nhân thấp kém, sa đọa nhất của lương tri con người.

- Chúng tôi chấm dứt nơi đây để quý vị trở về suy nghĩ lại, suy nghĩ trên hai chiều hướng, thứ

nhất để giải thích tính chất vô lý phi nhân của sự việc, chiều hướng thứ hai để thú nhận sự man rợ quái đản của một chính sách xây dựng trên thân người và máu nóng. Trong đầu tuần tới, chúng tôi yêu cầu quý vị hãy xử dụng phương tiện chuyên chở của chúng tôi để liên lạc với Lộc Ninh và cho chúng tôi biết đơn vị nào, cá nhân nào đã nhúng tay vào việc sát nhân đó và hình phạt nào đã giành cho họ.

Cuộc trao trả đã kết thúc bằng máu đổ và thân người làm hụt hẫng mất hết cả hy vọng tiến đến những giải tỏa đáng khích lệ để làm nền móng cho hòa bình. Hòa Bình, giấc mộng thể thảm của cả khối dân tộc chìm đắm miệt mài hủy hoại trong hung tai. Cuộc trao trả với kết thúc đau đớn chưa làm tan dư âm của nguồn dư luận vì thấy con đường đến hòa bình bị nghẽn lối, thì đến ngày 9 tháng 3 năm 1974, cán binh Cộng sản trong chiến dịch khủng bố và gây áp lực lên quận Cai Lậy làm đầu cầu cho các cuộc xâm nhập vào tỉnh Định Tường cũng như những trận đánh vào tháng 5 năm 1974 sau này đã bắn một quả đạn 82 ly vào trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy gây thương vong cho bốn mươi ba em bé và làm bị thương bảy mươi ba em khác. Tội ác vang động như tia sét nổ bùng trong một ngày quang đăng, như đợt sóng thần vọt lên từ đáy đại dương trong nháy mắt cuốn trôi đi cả thành phố... 43 xác chết trẻ thơ cùng 70 thân thể nhỏ bé co quắp lặn lộn vương vãi trên biển máu đã khiến cho cả thế giới nhân loại ngơ ngẩn: Tội ác vượt quá ý niệm. Tội ác xảy ra ngày 9 tháng 3, mãi đến phiên họp trưởng đoàn ngày 15 tháng 3 phía MTGP mới phát biểu một hai ý kiến liên quan đến. Phải nói chân thật rằng, phái đoàn Cộng sản cũng không thể nghĩ đến một thành quả kinh khiếp như thế đã được cán binh họ thực hiện. Lễ tất nhiên từ ngày 15-10-1973 khi mệnh lệnh đánh trả được ban bố và vùng Cai Lậy, Định Tường được xem như thí điểm để mở rộng vùng giải phóng ở Quân Khu IV Việt Nam Cộng Hòa ( Một quân khu vẫn từ lâu tỷ lệ an ninh rất cao ), thì vùng này đã bị 27 lần pháo kích kể đến ngày 7-3-1974 mà mục tiêu là Chi Khu Cai Lậy, các đồn bót dọc theo quốc lộ 4, liên tỉnh 29. Nhưng vì kỹ thuật tác xạ của du kích Cộng sản vốn quá kém cỏi, các dàn phóng 10 ly, 122 ly phần nhiều là tạm thời làm bằng tre, bắn xong bỏ trốn nên các quả đạn 60, 82 ly, các hỏa tiễn 107, 122 ly hầu hết rớt ra ngoài khu đông dân cư. Tỷ dụ như xóm Búng, nam Cai Lậy bị đến hai lần pháo kích ( lần thứ nhất vào ngày 24-7-73 và lần hai cùng ngày 9-3-74 ). Tuy nhiên, thành quả giết người của hai mươi bảy lần pháo kích, khủng bố chỉ đạt được một kết quả khiêm nhường, cao nhất là kết quả ngày 18-11-73, một quả sáu mươi ly rơi vào xã Nhị Quý làm chết sáu người dân... Thế nên, bốn mươi ba xác chết cùng bảy mươi thân thể nhỏ bé bị thương của ngày 9-3-74 cũng làm luôn phía Cộng sản choáng váng. Phái đoàn MTGP im lặng cho đến ngày 15-3-74 mới phát biểu một tố cáo lật lọng:

- Sau khi các chiến dịch vu khống: " Cộng sản chuẩn bị tấn công mùa khô, Cộng sản giật mình xe đồ, bắn vào dân chúng " đã bị phá sản, không giật gân để khích động dư luận nên bây giờ quý vị (VNCH) lại "dừng đứng" lên cái gọi là " Cộng sản pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy ". Vì hiện nay mười bảy tiểu đoàn thuộc các trung đoàn 10 và 11 đang hành quân lấn chiếm khu vực đông bắc lộ 4 (Bắc Cai Lậy), các căn cứ hành quân dã chiến đang tiếp tục điều động những lực lượng cơ hữu để đánh phá hủy diệt xóm làng, pháo kích bừa bãi vào nơi dân chúng. ( Luận cứ này không có được một chút hợp lý vì các trung đoàn 10 và 11 thuộc sư đoàn 7 bộ binh đã trấn giữ vùng này hơn mười năm qua, quả đạn rơi vào trường tiểu học Cai Lậy thuộc loại cối 82 ly của Trung Cộng, bộ binh Việt Nam Cộng Hòa chỉ có các loại cối 60, 81; quân đội Cộng sản dùng các loại cối lớn hơn một ly đường kính - 61, 82 - Trung Cộng - mục đích để có thể xử dụng luôn cả đạn 60, 81 ly. Luận cứ này sẽ vô nghĩa đối với những người có đôi chút kiến thức về phối trí các lực lượng quân sự, cách xử dụng hỏa lực của đôi bên.

Tướng Tuấn tiếp:

- Vụ pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy chỉ là một vụ cáo để khóa lấp các vi phạm do quý vị gây nên mà thôi, chúng tôi sẽ điều tra một cách kỹ lưỡng rộng rãi để tìm ra nguyên do đích thực

của sự kiện. Quân đội cách mạng không phải mới sinh hôm qua, hôm nay, nhưng đã có hơn ba mươi năm qua, từ dân mà dấy lên, do dân mà chiến đấu nên phía quý vị đừng hòng " dựng đứng " lên tội ác này, tội ác nọ để tố cáo, xuyên tạc được!!

Đầu phiên họp, tướng Tuấn đưa ra lập luận trên để chạy tội, cuối phiên họp, Tuấn có thêm một vài yếu tố khác nên đẩy lờn chối tội đi xa hơn bằng cách quy trách nhiệm cho phía VNCH là kẻ chủ mưu của vụ Cai Lậy (?!!) Lờn tố cáo ngang ngược lúc này có ý nghĩa khác lờn chạy trốn trên, vì ở trên họ cho là Việt Nam Cộng Hòa dựng đứng tức là chuyện không có, chuyện nguy tạo, không thật... Đến đây, thì Tuấn lại gián tiếp nhìn nhận có vụ thảm sát ở Cai Lậy, nhưng do chính phủ phía VCH chủ trương thực hiện (!!). Tướng tuấn cao giọng:

- Đừng tưởng rằng bằng những giọt nước mắt cá sấu qua sự việc gây thương vong cho " các cháu " (sic) ở Cai Lậy là chứng minh được chủ trương nhân đạo của phía quý vị, là thương trẻ con, vì dân, vì nước... Quý vị đừng tưởng như thế, chỉ là một tưởng tượng " quạ hóa thành công ". Nếu quả thật phía quý vị đau xót sôi sục thì tại sao không triệu tập phiên họp ngay từ ngày 10, 11 mà mãi đến hôm nay, 15-3 mới đưa ra chính thức ở bàn hội nghị. Quý vị đừng tưởng dùng xương máu trẻ em để cố lật ngược đổi trắng thay đen, nhưng bản chất của hai quân đội đã làm cho ai cũng thấy ngay được ai là thủ phạm của tội ác?! Bản chất của lực lượng cách mạng vũ trang giải phóng là chỗ nô lệ mà ra, từ chỗ áp bức đứng lên cầm súng đánh hết đế quốc này đến đế quốc khác... Chúng tôi là những người đứng lên đi đầu trong cuộc đồng khởi để chiến đấu cho độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Khi bảo chúng tôi phảo kích vào trường tiểu học Cai Lậy thì tại sao khi một nhà báo ngoại quốc dù có giấy phép của Trung Tướng Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị của quý vị vẫn không được vào quay phim chụp ảnh ở phạm trường? Phải chăng vì quý vị sợ nhà báo này khám phá ra những dấu vết chứng tích cuộc thảm sát là do phía quý vị đề ra. Lệnh cấm này do Tướng Nghi, Tướng chúa vùng IV đề ra!!

Khốn nạn thật, một tội ác sừng sững cao ngất uất hận như thế mà phía Cộng sản đã xóa sạch không ngược tay, không run giọng, họ đã không những chỉ xóa sạch tội ác, còn chuyển tội ác đến người khác một cách điệu nghệ trong tình táo ngang ngược đến phi nhân!!

Hành động quái đản ngược ngạo này sở dĩ được hiện thực là do bản chất uyển chuyển, tính thích nghi vào tất cả mọi hoàn cảnh của người Cộng sản, nhưng cũng góp phần bởi bản tính thụ động đến độ đáng phẫn nộ của phía chúng ta?! Lệnh cấm vào phạm trường do Tướng Nghi hay do Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường, chúng tôi không rõ được, nhưng quả tình lệnh này đã tạo một lối thoát bằng vàng, đã bắt một chiếc cầu cho kẻ sát nhân chạy trốn. Lệnh cấm quái dị phi lý này đã như một tấm màn che kín vũng máu oan khiên của thân xác trẻ nhỏ. Người đứng ngoài, dư luận trong và ngoài nước trong giây phút xúc động đầu tiên, lòng chùng xuống ở trạng thái dễ bị kích động lôi cuốn nhất, nên bỏ qua rất dễ dàng sự trốn chạy ngang ngược lếu láo của kẻ sát nhân lại được một màn hỏa mù do phía chúng ta ném ra. Phải chăng Tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường muốn " che " luôn tội ác của địch để chứng tỏ địa phương an ninh, địa phương ta kiểm soát được 100% dân cư, đất đai, trong viễn tượng bắt thêm một sao kỳ thăng thưởng 1-4-74 sắp tới, cũng như muốn lấy lại một chút điểm với " Mặt Trời " (1) sau vụ bê bối hàng lậu phát xuất từ Định Tường bị bắt ở Long An?! Nhưng dù bởi lý do nào đi chăng nữa lệnh cấm thông tin viên ngoại quốc và trong nước vào phạm trường buổi chiều ngày 9-3 cũng như sáng ngày 10 đã tạo một đường thoát thân cho kẻ địch ở tình thế sinh tử!!

Sau này, anh tỉnh Trưởng Tỉnh Định Tường còn làm thêm một màn rất huê dạng nữa; tổ chức một cuộc biểu tình phản đối Ủy Ban Quốc Tế khi cơ quan này xuống điều tra vụ thảm sát!! Và vì không kiểm soát nổi các em học sinh, nên có một, hai em đã vô ý thức ném đá vào phái đoàn điều tra. Tên sĩ quan liên lạc của MTGP lấy cớ địa phương không bảo đảm an ninh xúi dục anh Ba Lan, Hung Gia Lợi chấm dứt cuộc điều tra. Đau khổ hơn hết thầy, thành viên Nam Dương

kẻ chống Cộng tích cực nhất của ủy ban cũng là một nạn nhân của vụ ném đá?! Sự kiện làm ngã ngựa cả Ban Liên Hợp chúng tôi; yêu cầu được Ủy Ban Quốc Tế đi điều tra với đủ bốn thành viên là một " thành công " đặc biệt, thế mà khi cuộc điều tra đang tiến hành với những kết quả rất có lợi cho Việt Nam Cộng Hòa thì xảy ra vụ ném đá?! Anh Tỉnh trưởng này muốn gì? Tất cả mọi người đều lắc đầu ngao ngán, phải chăng Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường là một tay nằm vùng có nhiệm vụ vẽ đường cho giặc chạy? Phải chăng anh ta thiếu những lý trí tối thiểu để làm một người trưởng thành hay anh ta mắc bệnh " đần "?! Tôi không nói quá lời, vì vụ ném đá đã khiến cho phái đoàn MTGP ở bàn hội nghị xoa tay hoan hỉ, họ mạnh dạn, hân hoan tố cáo:

- Quý vị đến bây giờ thì đã biết ai gây tội ác ở trường tiểu học Cai Lậy chưa? Nếu là chúng tôi sao ở đó lại tổ chức biểu tình ngăn cản, ném đá vào Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra, phải chăng họ " sợ " Ủy Ban tìm ra vết tích thủ phạm...

Căm hận quá, tôi ngồi ở phòng quan sát viên ghi lời Tuấn phát biểu, tay run rẩy không viết được thành dòng, căn phòng lạnh phứt phứt như hầm kín, tưởng như ai đang siết chặt hơi thở, có ai đang đốt lên trong tôi ngọn lửa phẫn nộ đến nổ bùng!! Có lẽ đây là lý do để giải thích tại sao phe ta mạnh, lính ta can trường, chính nghĩa ta rục rỡ, nhân dân đã quá ê chề với Cộng sản thế mà ta vẫn phải thua cuộc với Cộng ?! Tại sao ta chưa thắng ? Phải, chỉ vì còn những người như tên Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường cùng cộng đồng của hắn ta!!

Nhưng, dù được phe ta tiếp tay, dù bản chất lưu manh tráo trở, lòi chối tội của Trưởng đoàn MT cũng không gây được một tác động nhỏ nhoi nào ở bàn hội nghị vì tội ác quá lớn, tội ác đã vượt lên trên mọi bạo ngược, lột trần tất cả bản chất hung tàn bạo động của một chủ trương xây dựng lý thuyết trên thầy người và máu nóng. Thân xác của các em học sinh như một khối sáng bao bùng rọi chiếu đến mọi hóc hẻm của địa ngục dựng nên bởi người cộng sản. Không những Tuấn, Giang mà chắc cả Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng cũng phải bó tay bất động trước tội ác thâm sát kinh khủng này... Để đối lại với lời chạy tội của Tướng Tuấn, Tướng Hiệp trong gần ba mươi phút tuyên đọc một văn bản hàm xúc kiểm điểm tất cả mọi tội ác của phía Cộng sản trong tuần lễ qua, từ những việc giết người ngang ngược như bắn lên máy bay đi trao trả, đến việc giết người không duyên cớ như ở chùa Tam Sóc (Ba Xuyên), và đỉnh cao của kỹ thuật giết người là trăm thân xác của đám trẻ nhỏ trường Cai Lậy. Tướng Hiệp phủ lên bàn hội nghị một không khí u uẩn khiến đối phương dù bản chất ngoan cường cứng cỏi cũng phải lạng người chịu đựng...

Tướng Hiệp nói:

- Trước khi đi vào đề mục ngưng bắn, vì Thiếu Tướng Tuấn đã dành một vài phút để nói lên những sự việc ngoài lề, chúng tôi nhận thấy không cần phải trả lời, nhưng vì quý vị đã nhắc đến sự kiện máy bay Chinook của chúng tôi bị bắn hạ trên đường trao trả trở về mà hậu quả đã làm cho một nhân viên phi hành đoàn tử thương... Chúng tôi suy diễn từ trình bày của quý vị theo hai chiều hướng: Chiều hướng thứ nhất là: Phải chăng quý vị đã thú nhận sự vi phạm của mình nên đặt vấn đề tại bàn hội nghị để hai bên thảo luận những biện pháp ngăn ngừa những sự kiện đáng tiếc tương tự xảy ra trong tương lai. Hoặc quý vị nêu sự kiện để tố cáo ngược lại hầu tìm cách chạy tội.

- Qua kinh nghiệm đã có của gần hai năm nghị hội, chúng tôi có thể khẳng định rằng quý vị không có, hoặc nếu có cũng không có quyền để sửa sai, thú nhận vì tầng lớp chỉ đạo của quý vị không cho phép. Thế nên, chúng tôi quan niệm rằng những lời của quý vị vừa trình bày chỉ là một luận cứ chạy tội không hơn không kém, và như thế chúng tôi không hề có ảnh hưởng, tác động bởi những chối bỏ hèn hạ này. Chúng tôi trả lại tất cả mọi luận cứ hèn hạ trên lại cho

phía quý vị. Muộn mất rồi, toàn dân đã biết rõ, thế giới đã biết rõ, nhân dân đang lên án, thế giới cũng đã vô cùng xúc động và nguyện rửa quý vị trong những ngày qua. Quý vị đừng bày điều lấp liếm ở đây làm gì cho vô ích.

- Quý vị tự dành quyền phản đối, bày tỏ thái độ dùm cho Cộng sản Bắc Việt, bày trò tố ngược chúng tôi trong thảm cảnh Cai Lậy. Bởi vậy, chúng tôi không lẽ bỏ qua mà không đáp lễ, dù phải đáp lễ với những kẻ hèn không dám nhận lỗi, phải đáp lễ với những đại diện của phường lang thú, uống máu trẻ thơ vô tội. Chúng tôi muốn dạy cho loài dã thú biết rằng loài người có thể uốn nắn được loài thú dữ, ít nhất là uốn nắn nó để đem đi múa rối làm hề, diễn xiếc cho thiên hạ mua vui. Trong ý hướng muốn làm theo các nhà dạy thú dữ đó, tôi sẽ từ từ đưa ra một cách từ tốn các sự việc, việc nhỏ rồi việc lớn. Thiếu Tướng đừng hung hãn: Hung hãn sẽ bị trừng phạt bằng mọi biện pháp do chính nhân dân miền Nam áp dụng. Để bắt đầu, kiểm điểm lại một vài sự kiện đặc thù của tình hình chung như sau: Đối với nhân dân miền Nam, tuần lễ vừa qua là những ngày ngập tràn máu và nước mắt. Nhưng đối với những tên Cộng sản đầu sỏ điên rồ đang ngồi tại Hà Nội hay tại mật khu miền Nam thì trái lại đó là những ngày khoái chí hả dạ. Ai cũng đã biết, Cộng sản Bắc Việt đã dùng mọi thủ đoạn gian manh để đánh lừa thế giới tưởng rằng miền Nam Việt Nam này còn có một chính phủ của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng song song với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Cộng sản Bắc Việt đã thậm thụt vận động hòng dắt díu cái tổ chức gọi là MTGP này vào bàn hội nghị quốc tế về Luật Nhân Đạo tại Genève. Nhưng rút cuộc, dù Cộng sản Bắc Việt có eo sèo dọa dẫm, các quốc gia trên thế giới đã dứt khoát gạt đại diện của quý vị ra ngoài phòng hội. Bị tổ chức nhân đạo của loài người gạt ra ngoài nên quý vị trả thù " nhân đạo " bằng việc bắn máy bay đi làm công tác nhân đạo, dù là làm việc nhân đạo cho chính mình. Rồi cũng trong ngày này, hành động ác độc trả thù lòng nhân đạo khác nữa cũng được quý vị thực hiện thêm một lần nữa. Đó là việc quân du kích phía quý vị nhắm tâm tung lựu đạn vào Chùa Tam Sóc ở xã Thuận Hòa ( Ba Xuyên ), bắn xối xả vào đám dân thiếu số người Thượng đang đi làm rẫy tại Phú bồn, ám sát một nhân sĩ tại Mỹ Hòa (Bình Định)... Chỉ một ngày 7-3-74 đó thôi đã có năm hành động nhằm trực tiếp vào những thường dân vô tội mà lòng nhân đạo của loài người bảo vệ. Tại Chùa Tam Sóc ( Ba Xuyên ) cảnh tượng đã diễn ra vô cùng ghê rợn, chốn tôn nghiêm giảng truyền lòng nhân ái đã biến thành chốn sát sinh khủng khiếp với mười một tín đồ mộ đạo bị chết không toàn thân và ba mươi tín đồ khác bị thương tích trầm trọng. Họ là những tín đồ tin tưởng vào giá trị của lòng từ bi nhân ái và đã bị bọn người khát máu là Cộng sản phi nhân giết hại. Chưa hết, sự tàn ác phi nhân còn được Cộng sản Bắc Việt và quý vị đẩy cao đến tột đỉnh như sự điên loạn. Đó là việc xử dụng vũ khí tân tiến để sát hại đồng loạt các trẻ thơ, sự kiện đã xảy ra như tin tức truyền thông trong mấy ngày nay. Chẳng hạn một cơ quan thông tấn ngoại quốc, đài BBC Luân Đôn đã kể lại lúc 22 giờ 15 phút ngày 9-3-1974 như sau: " Tại Nam Việt Nam hai mươi ba trẻ em từ năm tới mười một tuổi đã bị tử thương và khoảng bốn mươi em khác bị thương khi một đạn bích kích pháo của Cộng sản rơi vào một ngôi trường tại Cai Lậy cách Sài Gòn sáu mươi lăm cây số về hướng tây-nam. Nhưng tin cuối cùng cho hay, con số tử thương có lẽ lên tới bốn mươi, có thêm một giáo chức và một người lớn khác bị thương. Đạn bích kích pháo nổ tung trong khi các em nhỏ xếp hàng vào lớp học... Các viên chức quân đội xác nhận mảnh đạn cho thấy đó là loại đạn do Trung Cộng chế tạo và do Bắc Việt nhận để xử dụng trong hiện tại cũng như ở quá khứ ". Bản tin chúng tôi trích đọc là tiếng nói khách quan của các hãng thông tấn ngoại quốc và chỉ là tin tức sơ khởi, nhưng tính cách trung thực khách quan cũng giúp quý vị hiểu rằng, hành động tàn ác của quân đội Cộng sản Bắc Việt xâm lược đã gây ra đang được nhân dân miền Nam và toàn thế giới đã ghi nhận để phỉ nhổ. Cộng sản Bắc Việt khác với những vụ pháo kích vi phạm ngưng bắn trước đây thường chỉ xảy ra vào đêm tối, lần này đã chọn ban ngày, đúng lúc các em học sinh trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy đang có mặt trên sân trường để hành động. Với một sĩ số trên 4.600 học sinh, lúc 14 giờ 15 phút là thời gian đổi lớp học, các em một số đã mãn giờ bắt đầu ra về, lớp khác đang chơi đùa trên sân chờ giờ vào lớp, thì chỉ cần một quả 82 ly thôi đã có hiệu quả biến tiếng cười reo thơ đại phút chốc trở thành



những tiếng rú khóc thê lương, những cái chết đột ngột. Những trẻ thơ đang hò reo, đùa giỡn bỗng nhiên từ từ quy xuống nằm sóng sượt trên vũng máu, thịt xương nát bấy không kịp nhắm mắt trước khi trút hơi thở cuối cùng, bỏ cuộc sống. Thật là một sự tính toán kỳ diệu trong nghệ thuật giết người của những kẻ đang ngồi ở Hà Nội, ở Lộc Ninh, ở Đông Hà và cũng chính là quý vị, những người đang đối diện với chúng tôi tại bàn hội nghị này. Quý vị hãy gục mặt xuống trước khung cảnh thê lương đó nếu còn có chút lương tri, một chút lương tri nhỏ trước tội ác không thể dung tha của những người mà quý vị đang đại diện. Nhưng thôi, hãy để cho những kẻ đang say máu trẻ thơ reo vui trên đau khổ của lương dân.

- Phần quý vị, những người ngồi đây một cách yên lành, nếu có được đôi mắt, đôi tai khá tự do để thấy và nghe tất cả sự thật, hãy gác ra ngoài những tính toán bỉ ổi của thủ đoạn, chủ trương, chính sách, để hãy cùng chúng tôi nhìn đến bốn mươi ba em bé đang đi vào lòng đất, nhìn đến hàng chục em bé khác đang quần quai rên xiết đau thương trên giường bệnh trước sự chứng kiến đứt ruột của cha mẹ, anh chị chúng. Để chia sẻ những khổ đau của gia đình lâm nạn này, để thương xót cho những tâm hồn thơ dại, mới hôm nào còn tung tăng đùa giỡn trên sân trường hôm nay đã trở thành người thiên cổ, chúng ta hãy ngưng lại đây năm, ba giây trong yên lặng để tưởng niệm các oan hồn trong trắng đó... ( Tướng Hiệp tạm ngừng lời phát biểu để toàn thể phòng hội tưởng niệm những oan hồn học sinh bé nhỏ đã chết do đạn pháo kích của Mặt Trận Giải Phóng... Sự im lặng chỉ mới được hai mươi lăm giây thì Trưởng Đoàn MTGP phá ngang bằng câu hỏi: " Chuẩn Tướng đã dứt lời chưa...? ". Chuẩn Tướng Hiệp yêu cầu Tướng Tuấn phải tôn trọng giây phút tưởng niệm thiêng liêng, bi thảm này...)

Chuẩn Tướng Hiệp tiếp:

- Những trẻ thơ đó, hàng trăm mái đầu xanh đó là con em của chúng ta, những người Việt Nam, chúng không có tội tình gì để gánh một hình phạt bằng những mảnh đạn ghim vào mình kết liễu sự sống ngắn ngủi!... Vậy phải chăng căn nhà ấm cúng bên cạnh ba má anh chị các em sinh sống, hay ngôi trường xinh xắn và khoáng đạt mà ngày ngày chúng lui tới học tập là những vùng " kiểm soát " của quý vị mà chúng lấn chiếm? Trí khôn thơ ngây, nụ cười tươi tắn của chúng phải chăng là " phản ảnh những âm mưu thâm hiểm " đáng cho quý vị phải tiêu diệt? Phải chăng tiếng ê a đánh vần của trẻ thơ là những tiếng nói đụng chạm đến uy danh của người cầm đầu phía Mặt Trận Giải Phóng, những bài học các em đọc lên ở trường học phải chăng quý vị cho đó là những lời nguyện rủa " trái với tinh thần hiệp định " mà quý vị là người đã phải ngồi vào ký kết, nên quý vị quay lại trả thù vì cho rằng chính các em nhỏ đang đọc bài đó đã " vi phạm tinh thần và lời văn hiệp định ". Nhân dân miền Nam đã không quan niệm như thế. Đó là quan niệm của những người điên cuồng mất trí. Bởi không quan niệm như thế, nên nhân dân miền Nam cũng như khắp nơi trên thế giới đang lần lượt bày tỏ thái độ lên án hành động giết hại trẻ thơ vô tội này. Quý vị sẽ nghĩ thế nào nếu như bất chợt có người đưa hung tin con cái do quý vị để ra chết một cách bất ngờ lúc đang đi học. Quý vị có chút xúc động nào không nếu chứng kiến cảnh hàng chục trẻ thơ nằm sóng xoài la liệt, có đứa không toàn thân, chết thảm trên vũng máu tại sân trường sau những giây phút cười đùa với bạn bè vừa dứt. Hãy hỏi tâm để cho lòng mình lắng xuống, nghĩ đến tình trạng khổ đau của hàng trăm gia đình có con em chết vì đạn pháo kích của người quý vị tại trường tiểu học Cai Lậy. Hãy lắng nghe tiếng nguyện rủa, phỉ nhổ và oán hận của nhân dân Cai Lậy trong ngày 9-3-74 vừa qua. Hãy từ bỏ những ngôn ngữ rỗng tuếch huênh hoang về thiện chí ngưng bắn, trong khi tiếp tục bào chữa khóa lấp tội lỗi tày trời của những tên Cộng sản khát máu dân lành để cố tình đồng lõa với tội ác.

Phải nói rõ thêm một chi tiết, những lời tuyên cáo này do Cao Xuân Hiệp - Đại Úy - viết theo chỉ thị, ý kiến của Tướng Hiệp. Chúng tôi gọi hai người là Hiệp lớn và Hiệp nhỏ. Hiệp " nhỏ " nhỏ người, tướng gầy ốm, tất cả năng lực và sức mạnh của Hiệp toát lên trên đôi mắt đen thẳm và

sáng loáng, Hiệp người dân Nghệ An quê hương vùng Hồ Chí Minh, có thân nhân là những tay kiệt liệt. Với một " cơ sở " gia đình, quê hương như thế, ngày đi Hà Nội, Hiệp " vờn " cán bộ Cộng sản tại thủ đô miền Bắc dễ dàng như trò chơi, những huyền thoại về Hồ Chí Minh, những thù dật, bia đặt chung quanh căn nhà tranh, nơi họ Hồ khai sinh được Hiệp bào lảng từng chi tiết, từng sự kiện. Hiệp kể chuyện Nghệ An, chiếc nô cách mạng Việt Nam, Hiệp trình bày diễn tiến, lý do và hậu quả Sô-Viết Nghệ An 1930, Hiệp cũng nhắc lại cuộc " Kháng chiến chống Tây ". Hiệp đi quá đủ nên biết quá nhiều, quá thừa, giữa lòng thủ đô miền Bắc, Hiệp với thân hình bé nhỏ đã có vóc dáng vĩ đại của một hiệp sĩ mang thân vào chốn hận thù để đốt lên ngọn lửa và niềm tin về tự do. Với một cơ sở vững chắc như thế, cộng với một thiện chí làm việc khốc liệt, Hiệp đã viết bản văn trên với ba mươi trang giấy lớn trong một đêm để sáng mai Tư lệnh Hiệp đưa ra bàn hội nghị. Bản văn chấm dứt, phiên họp chấm dứt, đồng thời cũng chấm dứt tất cả huyền thoại dân tộc, dân chủ, của người Cộng sản, cũng tan vỡ luôn hy vọng hòa giải, hòa hợp với những kẻ giết người.

Vụ pháo kích vào trường tiểu học Cai Lậy như giọt nước làm tràn ly, tình hình trở nên ngột ngạt, căng thẳng và bế tắc trầm trọng. Liên tiếp các phiên họp ngày 8, 12 tháng 3 bị bỏ dỡ; phiên họp ngày 15-3, Trưởng Đoàn VNCH đọc tuyên cáo bản văn trên, không thảo luận vào đề mục của chương trình nghị sự là ngưng bắn. Gần cuối tháng Ba, vào ngày 22, phái đoàn MTGP tại La Celle Saint Cloud đưa ra một đề nghị sáu điểm có nội dung như sau:

- 1 - Chấm dứt tiếng súng, thực hiện ngưng bắn. Hai bên Bộ Tư Lệnh tối cao ở miền Nam cùng ra lời kêu gọi chung một nội dung, kêu gọi các cấp chính quyền, các đơn vị, lực lượng võ trang cảnh sát dưới quyền triệt để tôn trọng ngưng bắn.
- 2 - Trao trả hết số Nhân Viên Quân sự và Dân sự gồm 200.000 của phía MTGP và của lực lượng thứ ba, 15.000 NVQS/CS bị bắt trước 28-1-73.
- 3 - Bảo đảm các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.
- 4 - Nhanh chóng thành lập Hội Đồng Quốc Gia hòa hợp, hòa giải dân tộc, thừa nhận thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị, chậm nhất là ba tháng sau lời kêu gọi chung.
- 5 - Tiến hành tổng tuyển cử trong tự do, dân chủ, chậm nhất là một năm sau khi hội đồng thành lập, thông qua tổng tuyển cử nhân dân bầu ra quốc hội, quốc hội lập ra hiến pháp, tiến tới thành lập chính phủ miền Nam Việt Nam.
- 6 - Giải quyết vấn đề các lực lượng võ trang, hai bên giảm quân số thích đáng, phục viên số quân này. Tiến tới việc thành lập một quân đội thống nhất.

Sáu điểm đề nghị này cũng như các điểm đề nghị trước chỉ là một cái bẫy giăng ra với phần chủ động phía người đề nghị. Phía đề nghị đã trình bày các vấn đề theo những từ ngữ và thứ tự thực hiện theo chủ đích: Quy trách hết trách nhiệm, phần sai trái về cho đối phương. Ví dụ như đề nghị 1, phái đoàn Mặt Trận trình bày đề nghị với nội dung: " Kêu gọi các lực lượng võ trang, cảnh sát dưới quyền..." Câu văn này nếu được thi hành thì chỉ nhằm vào phía VNCH, vì chỉ chúng ta mới có lực lượng cảnh sát, cũng như cố ý đặt ra ngoài kiểm soát của hai bên miền Nam ( Nếu thực hiện theo đề nghị ) hệ thống Đảng ủy rất tinh vi, hữu hiệu của phía Cộng sản. Các đề nghị sau cũng có nội dung chứa những ý tưởng tương tự, nhất là ở đề nghị 4 và 5 về việc thành lập hội đồng hòa giải và tổng tuyển cử. Phía MTGP quy trách hoàn toàn cho VNCH về những bế tắc của tình hình hiện tại: Chỉ vì VNCH không chấp nhận thực tế hai chính phủ, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị, cũng như hạn chế sự thực hiện các cơ

cấu quan yếu ( Thành lập hội đồng, tổng tuyển cử...) để trì hoãn việc thực hiện hiệp định theo phương thức MTGP đề ra. Tại Ban Liên Hợp Quốc, đúng tác phong của những quân nhân, bằng một " cú " phản công dứt điểm. Đại Tá Đóa phê điểm đề nghị này thẳng thừng không thương tiếc:

- Trước khi vạch rõ tính chất man trá sáu điểm đề nghị của quý vị, chúng tôi cần nói trước rằng, những đề nghị này chỉ là một món hàng giả mạo, vì là một món hàng giả nên quý vị cố sức bán rao, quảng cáo; rồi đến khi không được đối phương chấp nhận lại lấy đó là cớ để tấn công phê phán. Hành động này tương tự như hình ảnh một mụ bán hàng đi bán một món hàng giả. Mụ ta thoạt tiên đi cùng khắp để rao hàng với những lời lẽ xảo trá: " Quý ông, quý bà hãy mua hàng tôi vì hàng tôi tốt, hàng tôi mới, hàng tôi đáp ứng với nhu cầu của quý ông, quý bà..". Nhưng đến khi không thấy ai chú ý đến lời rao của mình ( Do đã biết tính chất gian manh trá củ mụ là chuyên bán hàng giả ) thì mụ ta chột dạ, bỏ quăng gánh xuống xong, chống đòn gánh xuống đường lồng lộn tru tréo: " Tại sao các ông, các bà không mua hàng tôi, hàng tôi tốt như thế này đẹp như thế kia mà các ông các bà bảo là xấu, là giả!!! "... Phản ứng của quý vị khi bị chúng tôi vạch trần tính chất gian trá của đề nghị sáu điểm cũng lộ bịch tương tự như mụ bán hàng giả kia..

Sáu điểm đề nghị này sau một vài ngày gây xôn xao đã bị tiếng súng của những trận đánh ở đông-bắc Kontum, Đức Huệ (Hậu Nghĩa), căn cứ Chí Linh (Trên quốc lộ 14 đông bắc Chơn Thành, Bình Long)... lần ất. Thoạt tiên, dư luận khắp nơi, những dư luận tốt đẹp và hy vọng, dư luận tội nghiệp mong ước hòa bình và sợ hãi chiến tranh nghĩ rằng những trận đánh trên chỉ là cơn sốt vỡ da báo hiệu cho hòa bình, dù là hòa bình què quặt, cuối mùa. Và hình như khắp cùng thế giới chẳng ai muốn có chiến tranh, không ai muốn nghe đến sự chết bởi đã cạn đáy tuyệt vọng. Cũng là thái độ bi thiết của những người khốn khổ luôn mong ước hòa bình. Hòa bình đến bằng máu, thầy người và nước mắt. Trong tình trạng thê thảm của những ngày súng đạn ngang trái này, những người Việt càng không muốn vượt mất giấc mơ hòa bình, giấc mơ đau đớn kết tinh bởi thống khổ vô bờ nên mọi người phải nhìn các trận đánh như dấu hiệu của hòa bình. Lưỡi dao tàn nhẫn cấp thiết cắt đứt phần thân thể bị ung thư.

Nhưng tất cả vẫn chỉ là giấc mơ, tiếng súng Kontum, Đức Huệ, Chí Linh chưa dứt thì được " bồi dưỡng " thêm hơi khói của Tổng Lệ Chân -Tống Lệ Chân - điểm nổ cao nhất của chiến tranh " hậu hòa bình ". Căn cứ bị vây từ mùa hè 1972 lúc An Lộc bắt đầu đổ lửa đến nay vừa đúng hai năm. Hai năm bị vây hãm, tưởng như không có trong chiến sử hiện đại, thời đại của chiến tranh chớp nhoáng, chiến tranh kỹ thuật, chiến tranh khoa học và không gian. Một căn cứ chiều dài không quá trăm thước đứng vững trong hai năm hay hơn bảy trăm ngày bị vây khốn trong một tình thế cực kỳ quái dị, tình trạng của " chiến tranh trong hòa bình ". Bỏ đi thời gian từ tháng 4-72 đến 28-1-73, ngày hiệp định ký kết, suốt năm 73, Tống Lệ Chân như một quả bóng thắm dò của Hòa bình, như một nhiệt kế đo độ chiến tranh của tình trạng " hòa hợp hòa giải ". Tống Lệ Chân nút thoát hơi, ống thở, mạch máu chính của thành quả rất mong manh yếu ớt do hiệp định mang tới. Ngày 14-4-74 căn cứ Tống Lệ Chân bị tràn ngập... Quả bóng an toàn của hiệp định vỡ búng, giấc mơ hòa bình phai nhòa như ảo giác!!

Hội nghị không còn là nơi thảo luận các điều khoản của hiệp định, không còn là nơi hai bên nói về hòa bình, hòa giải, hòa hợp. Chỉ còn lại không khí hận thù, những đối thoại căng thẳng và công phạt thù nghịch. Những phiên họp cấp trưởng phái đoàn của thời gian tháng 4-74 không còn việc phải thảo luận theo một chương trình nghị sự nữa, mặc dù rằng trong thời gian qua hai bên cũng chỉ dùng bàn hội nghị để đả kích nhau, nhưng cũng chỉ đả kích trong khuôn khổ của đề tài thảo luận ( Với hai đề tài chủ yếu là ngưng bắn và trao trả ), để từ đây đánh rộng ra chủ trương của mỗi bên. Nhưng đến giai đoạn này ( 4-74 ), sự thỏa thuận về một chương trình nghị sự cũng không thể đạt được, bàn hội nghị biến thành một đấu trường căng thẳng để hai bên

tranh đấu cho lẽ tất thắng của phe phái mình. Những phiên họp kéo dài quá thời lượng ấn định để cấp trưởng đoàn "so cựa" nhau tối đa, sau đây là một "trận" điển hình:

Đại Tá Giang, phía MTGP nói:

- Tất cả những điều đổi trắng thay đen của quý vị không thay đổi được thực chất, âm mưu leo thang chiến tranh phá hoại hòa bình, phá hoại hiệp định của phía quý vị. Trắng trợn hơn nữa, Hoa Kỳ đưa thêm máy bay F-5E vào Nam Việt Nam và quý vị cố gắng bình thường hóa hành động nghiêm trọng này bằng cách bày trò đưa ra những lời giải thích, trong khi một số nhân vật Hoa Kỳ của Tòa Bạch Ốc và "Lầu 5 Góc" tuyên bố láo lếu, dọa dẫm sẽ can thiệp ồ ạt ở Nam Việt Nam nếu chúng tôi dám có hành động tấn công. Mỗi lần Mỹ đẩy mạnh chiến tranh tăng cường dính líu, "lầu 5 góc" tung ra những lời lẽ hăm dọa, phía quý vị lại tham gia vào bản hòa tấu, vu cáo chúng tôi đẩy mạnh tội ác. Trước đây, Hoa Kỳ và quý vị tuyên bố: Cộng sản Bắc Việt mở rộng tấn công trước hoặc sau Tết, xây dựng phi trường, v.v... Sau đó là chiến dịch ném bom dã man vào vùng chúng tôi kiểm soát kể cả vùng đông dân! Khi sự việc không xảy ra, quý vị nói rằng: Cộng sản không dám tấn công! Và quý vị lại "bịa đặt" tiếp chuyện chúng tôi tấn công vào các tiền đồn đông-bắc Kontum, chuyện Cai Lậy, chuyện áp Cây Dừa gì đó. Tất cả đều nằm trong âm mưu có hệ thống, không làm ai ngạc nhiên, vì âm mưu phát động chiến tranh của quý vị là theo lệnh của Hoa Kỳ.

Đại Tá Đóa, VNCH phản pháo:

- Tôi ngỡ lời khen ngợi Đại Tá Giang đã có giọng nói tốt, có một cách diễn tả lời nói với chiếc đầu gạt gù rất nhiều nghệ thuật, Đại Tá Giang đã trợn mắt khi dùng lời tấn công, thò đầu ra, thụt cổ vào, nghiêng người qua trái, nghiêng người qua phải một cách rất điệu nghệ. Tôi cũng khen Cộng sản Bắc Việt đã đào tạo được một cán bộ diễn xuất rất cừ khôi trong các lời phát biểu, khi tấn công, khi dọa dẫm, khi nói xấu chính phủ đối phương... Nhưng tất cả luận điệu, điệu bộ này chỉ có công hiệu nếu Đại Tá Giang đang ở một lớp huấn luyện những người bị bắt đi học tập, đặc biệt nếu đang hướng dẫn các thiếu nhi, còn ở đây, yêu cầu Đại Tá Giang đừng khiêu khích, vì sẽ không đi đến đâu. Sau đây, chúng tôi trả lời từng điểm một mà Đại Tá Giang vừa nêu ra. Quý vị tố cáo chúng tôi tiếp nhận máy bay F-5E vậy thì quý vị phải trả lời câu hỏi: Từ khi ký hiệp định đến nay, quý vị và cộng sản Bắc Việt đã đem bao nhiêu hỏa tiễn SAM, bao nhiêu đại bác hỏa tiễn, pháo 130 ly, 85 ly, vết tích ghi nhận sau lần pháo kích căn cứ Lai Khê của Việt Nam Cộng Hòa vào miền Nam Việt Nam. Quý vị có can đảm xác nhận sự kiện và số lượng này không? Về luận cứ chạy tội bằng cách tố cáo Hoa Kỳ còn tiếp tục dính líu, tiếp tục cổ vũ chiến tranh... Đây là một điểm thật đặc biệt. Đặc biệt là vì từ sau Tết, hơn một tháng rưỡi qua, hôm nay quý vị mới lập lại tố cáo "Hoa Kỳ xâm lăng". Một tháng rưỡi qua, quý vị hoàn toàn im lặng, đặc biệt không nhắc đến từ ngữ "đế quốc xâm lăng" nữa. Hơn ai hết quý vị biết rõ, Đại Tá Giang chắc cũng biết rõ: Phía quý vị "há miệng mắc quai"... Quý vị phải nhớ "cái quai" còn đó, "cái quai" sẽ siết chặt vào cổ quý vị. Đó là quai Hoàng Sa! Nếu Đại Tá Giang nhớ, thì sau Tết, phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa đã đề nghị: "Cả hai bên cùng ra thông cáo chống mọi đế quốc nào có tham vọng đất đai của Việt Nam và quý vị đã chạy trốn. Chạy trốn vì sợ: Sợ cái "quai Hoàng Sa" siết chặt vào cổ. Thế nhưng hôm nay đảo Hoàng Sa còn đó, quân xâm lăng còn đó, những bài của báo Sự Thật, báo Nga Sô ở Mạc Tư Khoa kết tội liên tiếp Trung Cộng chiếm đảo Hoàng Sa còn đó, và quý vị hoàn toàn im tiếng!! Quý vị phải biết, người Mỹ muốn vào lãnh thổ Việt Nam phải có chiếu khán, nhưng quân Trung Cộng thì thập thò ra vô ở những vùng bắc Quảng Trị chẳng cần chiếu khán. Phải chăng sự kiện Trung Cộng xâm lăng Hoàng Sa cũng là một cách thức nhập nội không cần chiếu khán theo lời mời của Mặt Trận Giải Phóng? Vì tình hữu nghị Trung-Việt đẹp đẽ này, chúng tôi hiểu lời Mao Trạch Đông cảm ơn Nguyễn Hữu Thọ "vì cuộc chiến đấu lâu dài của Mặt Trận Giải Phóng" là lời cảm ơn đã để cho Trung Cộng có cơ hội xâm lăng miền Nam Việt Nam!! Đang ở trong thế kẹt nói cũng chết, không nói cũng chết vậy

quí vị đừng nên nhắc lại từ ngữ " đế quốc " nếu có thì chỉ nên nói đến đế quốc Tàu đỏ mà thôi, đế quốc hàng bao thế kỷ đã gây tang tóc cho toàn dân Việt Nam. Quí vị hãy đọc lại lịch sử để tìm xem trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, có thế kỷ nào dân tộc Việt Nam không bị tấn công bởi giặc Tàu? Quí vị tấn công thái độ chúng tôi khi cầu viện kinh tế Hoa Kỳ nhưng sự thật chính phía quí vị, kẻ cầm đầu của quí vị tức Cộng sản Bắc Việt mới là kẻ " thềm đô-la Mỹ " nhất! Quí vị bảo chúng tôi bị bế tắc phá sản kinh tế, nhưng nền kinh tế Cộng sản Bắc Việt mới thật sự bị thảm nhất, thấp kém nhất vùng Đông Nam Á... Tại sao thế? Vì Cộng sản Bắc Việt cần tài lực, vật lực để nuôi dưỡng bộ máy chiến tranh tại miền Nam, để lực lượng võ trang của quí vị cũng như đám quân xâm lược Cộng sản Bắc Việt có cái ăn để tiếp tục đánh phá miền Nam... Cộng sản Bắc Việt kiệt quệ kinh tế đến nỗi phải buôn đến xác chết. Trong dịp chuyển giao 23 hài cốt lính Mỹ, Cộng sản Bắc Việt đã không quên nhắc nhở, nài nỉ Hoa Kỳ: Tôi giao xác chết cho ông, ông nhớ cho chúng tôi tiền!!

Đại Tá Giang hứng chương của Đại Tá Đóa gặt gù chiếc đầu tìm ý nghĩ từng chữ, từng câu, ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay, đợi Đại Tá Đóa nhường lời, Giang phóng tiếp cú hóa giải:

- Đại Tá nhắc lại vụ Hoàng Sa thì chúng tôi cũng có ý kiến, cho đây là một trò đánh lạc hướng về nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng: Đó là sự can thiệp của Hoa Kỳ vào tình hình miền Nam Việt Nam đe dọa Hiệp Định Ba Lê mà bốn bên đã ký kết. Quí vị làm ồn ào nhưng hãy liếc mắt qua báo chí Sài Gòn thì thấy sự cô lập của quí vị về việc này! Nhiều nhà báo hỏi tôi: " Các vị có biết họ làm ồn ào vụ Hoàng Sa để làm gì không ?" Sau khi tôi trả lời, họ đáp: " Tưởng đâu quí vị không thấy ". Bây giờ tôi giải thích tại sao Chủ Tịch Mao Trạch Đông cảm ơn Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ? Đại Tá biết quá rõ nhưng vì tìm đường xuyên tạc nên tôi cần phải vạch rõ: " Toàn thế giới cảm ơn nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của chúng tôi, vì nếu không có chúng tôi hy sinh đánh bại Mỹ thì Ông Ngô Đình Diệm đã biến Nam Việt Nam thành một căn cứ hoàn chỉnh lý tưởng của đế quốc Mỹ để tấn công miền Bắc. Ông Ngô Đình Diệm đã hô hào " Lấp sông Bến Hải, Bắc tiến " để phá hoại Hiệp Định Genève 1954, đặt toàn bộ Việt Nam dưới ách của chủ nghĩa thực dân mới của Hoa Kỳ. Nếu điều đó đã thực hiện được, điều gì sẽ xảy ra đối với nền hòa bình Đông Nam Á? Vậy không những Trung Quốc mà cả Liên Xô cũng cảm ơn chúng tôi." Chúng tôi giải thích tiếp cho quí vị: " Tại sao có việc Hoa Kỳ thua sút Liên Xô về vũ khí chiến lược (!) khiến cho Hoa Kỳ từ thời Johnson phải cố sức đẩy lên... Vì nếu không có chúng tôi buộc Hoa Kỳ phải chi tiêu hàng chục tỷ mỹ kim thì làm gì có việc Hoa Kỳ phải đổi ngân sách từ vũ khí chiến lược sang vũ khí thông thường để tiến hành chiến tranh ở Việt Nam? Nếu Hoa Kỳ dành được ưu thế này ( vũ khí chiến lược ) điều gì sẽ xảy ra cho toàn thế giới? Ai lại không biết Hoa Kỳ qua bao nhiêu Tổng thống vẫn giữ chính sách căn bản là chuẩn bị thế chiến thứ 3 (!) Nếu họ đạt được ưu thế về vũ khí chiến lược, cái gì sẽ xảy ra đối với Liên Xô? Cái gì sẽ xảy ra đối với thế giới? Chúng tôi không chỉ nói tới thế giới Xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đề cập luôn tới thế giới Tư bản và thế giới thứ ba cảm ơn chúng tôi. Tại sao thế giới thứ ba cảm ơn Mặt Trận Giải Phóng? Vì ngay khi Hoa Kỳ còn tiến hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở Nam Việt Nam, họ đã tuyên bố không úp mở rằng: Họ dùng Nam Việt Nam làm thí điểm cho chiến lược chiến tranh đặc biệt của họ, mà họ cho rằng loại chiến tranh " nửa vờ " này sẽ không dẫn tới thế chiến thứ 3 để làm kinh nghiệm dập tắt các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Tôi không nghĩ rằng Đại Tá không biết những điều đó nhưng chỉ vì Đại Tá cố tình xuyên tạc sự thật nên tôi cần phải nói đến. Vì thì giờ không cho phép, tôi nghĩ cũng không cần phải nhắc lại lời của từng người đại diện chân chính của các nước cảm ơn chúng tôi. Khi Hoa Kỳ ồ ạt đưa quân vào Nam Việt Nam, những người này đã nghĩ rằng: Không có gì đọ nổi ( Điều này bản thân tôi đã thấy có dịp đi thăm các nước trên thế giới ). Nhưng sau đó người ta thấy, khi cuộc chiến tranh cục bộ ở Việt Nam đã lên tới đỉnh cao ( Vì Hoa Kỳ đã huy động gần hết lực lượng tổng trừ bị ) và bị đánh bại, chính quyền Nixon phải chuyển qua chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, thì các lực lượng bạn của Mặt Trận Giải Phóng đã nói rằng: À, té ra Hoa Kỳ không phải là lực lượng không thể bị đánh bại!... Một dân tộc người không đồng, đất không rộng nhưng không

phải ai muốn làm gì thì làm nếu dân tộc đó có ý chí kiên trì đấu tranh! Kết luận có tính cách thời đại này không phải của tôi, mà của toàn thế giới. Nếu có thể tôi sẽ nêu từng danh người nói. Thậm chí đến Hoa Kỳ, một dân tộc quen thói rất bàng quang cũng thấy được rằng: Họ phải chịu ơn nhân dân Việt Nam, họ phải chịu ơn chúng tôi vì nhờ chúng tôi họ thấy được chính phủ của họ, gọi là một chính phủ dân chủ đã che giấu họ rất xấu xa! Vậy, Chủ tịch Mao Trạch Đông cảm ơn Chủ Tịch Nguyễn Hữu Thọ có gì là khó hiểu...

Những phiên họp căng cứng như khẩu súng đã lên đạn, không khí ngột ngạt chỉ chực vỡ tung, tình hình chiến trường càng ngày càng tàn tệ, quân đội Cộng sản ra mặt tấn công đều khắp bốn vùng chiến thuật. Những tiền đồn vùng cận sơn Quảng Nam, Quảng Ngãi, Chi Khu Dakpeck, pháo đài cực bắc của tỉnh Kontum, mục tiêu của mặt trận B3 từ mười năm qua, nơi lá cờ Vàng luôn luôn được bảo tồn để chứng minh một chính phủ, thực tế lâu dài ở miền Nam, phi trường Pleiku bị pháo kích lần thứ hai, ở vùng III những chốt cứng dọc đường 13 bắt đầu chuyển động... Sau khi búng được căn cứ Chí Linh (đông-bắc Chơn Thành) quân Cộng sản chuẩn bị hai hướng tấn công để kẹp đầu các căn cứ: Chơn Thành, Lai Khê, Bến Cát của VNCH. Chiến trận nổ bùng như một sự kiện tất nhiên, chứng minh bé tắc toàn diện cách thức giải quyết hòa bình do bản hiệp định đưa lại, một văn bản " tào lao " được thực hiện do áp lực, do thâm ý của các cường lực hơn là nhằm tới ý hướng chính: Thực hiện một nền hòa bình thực sự cho miền Nam Việt Nam. VNCH phản công trên chiến trường đúng theo thành ngữ của Tổng Thống Thiệu... " Phải đánh trước, phải du côn hơn thẳng du côn, phải không cho cộng sản ở yên "; đồng thời cũng đổi chiến pháp tại bàn hội nghị; không bàn cãi lang thang ở những đề tài rộng rãi nữa, mà chỉ thảo luận trên những đề tài cụ thể như: Khôi phục lại chức năng của UBQT. Nghĩa là hai bên cùng viết một lá thư cùng chung một nội dung mời UBQT đi điều tra vi phạm tại một địa điểm xác định.

Phái đoàn MTGP cũng xác định: Chỉ thảo luận về sự phục hồi các quyền ưu đãi miễn trừ cho họ, và chỉ khi nào VNCH thỏa thuận thực hiện đủ các quyền này thì họ mới thảo luận vấn đề khác. Quyền ưu đãi miễn trừ đã có 11 điều được BLHQS 4 Bên thỏa thuận trên nguyên tắc để các phái đoàn cộng sản có điều kiện hoạt động trong thời gian từ 28-1-73 đến 28-3-73. Sau ngày 28-3-73 qua giai đoạn hai bên, phía VNCH nại có: Vì tình hình thay đổi, mười một điểm này phải sửa đổi lại cho phù hợp thực tế. Phái đoàn MT đòi tiếp tục duy trì. Đồng thời phải thêm vào những quyền rộng rãi hơn tương đương như một phái đoàn ngoại giao. Trong suốt thời gian hai bên chưa thỏa thuận chính thức, VNCH tạm thời chấp thuận một số quyền ưu đãi cho phái đoàn MTGP như họp báo, liên lạc Lộc Ninh... v.v.... Sau ngày 7-3-74, máy bay Chinook bị bắn; 9-3-74 pháo kích trường tiểu học Cai Lậy và các vi phạm như tấn công căn cứ Biệt Động Quân Đức Huệ (Hậu Nghĩa), Chí Linh (Chơn Thành); 4-4-74 đông-bắc Kontum... Phái đoàn VNCH hạn chế tối đa các quyền ưu đãi này.

Hai mục tiêu thảo luận hiện đối nghịch tột độ, không thể hòa giải đưa hội nghị đến chỗ tan vỡ toàn diện. Vì cả hai bên không thể đồng ý về một đề tài cần thảo luận hướng gì là thỏa thuận cùng nhau về một vài đề nghị trong một đề tài. Nghị hội không còn đúng theo danh xưng nhưng chỉ còn là nơi rình rập, tố khổ nhau qua chữ nghĩa và tiếng nói. Phiên họp ngày 30-4-74 đã diễn tiến theo dạng thức sau:

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lưu ý quý vị nên thảo luận thẳng vào vấn đề, nếu không đồng ý về vấn đề mời Ủy Ban Quốc Tế như chúng tôi đưa ra trong chương trình nghị sự thì có thể đề nghị một vấn đề nào xét thấy ưu tiên để thương thảo...

Mặt Trận Giải Phóng:

- Ghi nhận lần thứ nhất, phía quý vị cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Ghi nhận lần thứ nhất, quý vị đã chạy trốn để không thảo luận vấn đề ngưng bắn - Một vấn đề bức thiết hiện nay.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Lần thứ hai, quý vị đã cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ hai, quý vị không chịu thảo luận về chương trình nghị sự.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Lần thứ ba, quý vị cắt lời...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ ba, quý vị chạy trốn không thảo luận vấn đề ngưng bắn.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Yêu cầu quý vị không được lợi dụng sự bình tĩnh của chúng tôi để muốn phát biểu thể nào tùy ý.

Việt Nam Cộng Hòa:

- Chưa chắc! Quý vị không bình tĩnh đâu. Tay áo Đại Tá Giang đã xăng lên đó là triệu chứng sắp tấn công chứ không phải bình tĩnh...

Mặt Trận Giải Phóng:

- Lần thứ mấy quý vị cắt lời rồi?

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lần thứ tư, nếu cần lần thứ mười, thứ một trăm, một ngàn... Chúng tôi kiên trì kêu gọi quý vị trở vào chương trình nghị sự để thảo luận vấn đề cụ thể là ngưng bắn.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Ghi nhận quý vị cướp lời lần thứ sáu... Cần nói rõ, quý vị không được lợi dụng sự tôn trọng nghị hội của chúng tôi để muốn phát biểu thể nào cũng được. Khi đến lượt chúng tôi phát biểu quý vị lại cướp lời. Chúng tôi không cho phép làm như vậy.

Việt Nam Cộng Hòa:

- Lưu ý quý vị, đây là cảnh cáo chứ không phải cướp lời...

Mặt Trận Giải Phóng:

- Một lần nữa yêu cầu quý vị chấm dứt phá hoại bằng cướp lời và cắt lời đối phương...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Yêu cầu đưa vấn đề cụ thể nhất để thảo luận, không nên phê phán khi máu chiến sĩ hai bên đang đổ trên chiến trường vì mức độ vi phạm đang gia tăng trầm trọng. Chúng tôi quan niệm không thảo luận thực chất của vấn đề là chạy trốn.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Quý vị đã cắt lời lần thứ mười...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Quý vị nhầm mới lần thứ tám!

Mặt Trận Giải Phóng:

- Cũng được, nghĩa là bớt đi hai lần...

Việt Nam Cộng Hòa:

- Cũng có nghĩa là cảnh cáo lần thứ tám!

Mặt Trận Giải Phóng:

- Có nghĩa là quý vị làm việc cảnh cáo xong rồi?

Việt Nam Cộng Hòa:

- Tự hiểu, khỏi cần hỏi.

Mặt Trận Giải Phóng:

- Hỏi cho chắc...!

Việt Nam Cộng Hòa:

- Cứ quan sát thì biết, cần gì hỏi!

Mặt Trận Giải Phóng:

- Lần thứ mười ba quý vị cắt lời, chúng tôi buộc lòng phải tuyên bố phiên họp hôm nay không thể tiếp tục được...

Việt Nam Cộng Hòa:



- Đó là quyền của quý vị...

Những phiên họp tan vỡ nửa chừng, cuối cùng phái đoàn MTGP công khai tuyên bố: Hoãn tất cả các phiên họp cấp trưởng đoàn cũng như tiểu ban kể từ 10-5-1974. Hai ngày sau, Phái Đoàn MTGP ở La Celle Saint Cloud tiến xa hơn một bước lớn nữa, tuyên bố: Hủy bỏ vô hạn định hội nghị cấp cao này và sẵn sàng trở về Việt Nam...

Ngày 20-5-1974 mặt trận Bến Cát - Bình Dương nổ lớn, từ vùng Hồ Bò, Bời Lời, quân Cộng sản ào vào An Điền vượt sông Thị Tính chiếm Bến Cát, cô lập Lai Khê xuôi theo đường 13 đánh xuống Bình Dương... Về phía đông, mặt trận Phú Giáo ( ranh Bình Dương, Bình Long ) cũng phát nổ, hai mũi dùi tây-bắc, đông-bắc đều nhắm xuống Bình Dương, Biên Hòa, để từ đây tiến vào Gia Định, tức thủ đô Sài Gòn... Suốt mười năm chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, chiến xa Cộng sản đã đến gần Sài Gòn nhất, cách ba mươi cây số đường chim bay. Ba mươi cây số, bước chót của hành trình giải phóng miền Nam, mũi súng phe Cộng sản đã sẵn sàng bắn những quả đạn cuối mùa, viên đạn xé ngang trời hòa bình bi thiết của dân tộc... Hòa Bình, xem như là một giấc mơ. Tương như là một giấc mơ.

Cuối cùng, có một trường học trẻ con ở Vĩnh Long, gọi là Song Phú bị Cộng sản pháo kích chết mười bảy và bảy mươi trẻ nhỏ bị thương vào ngày 4-5-74. Không ai có can đảm để đọc rõ tin tức về vụ thảm sát. Tôi chấm dứt bút ký này, không còn đủ sức để viết thêm một chữ.

### **NHẬT KÝ TRONG CHIẾN TRANH CỦA HÒA BÌNH....**

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 trên thế giới, ngày ký kết Hiệp Định tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Những người dân văn minh, những người mang áo quần đẹp trong những căn nhà sang trọng, nơi đường phố ở những thủ đô thị tân tiến cùng nhau hân hoan nâng rượu, tung giấy ngũ sắc, hoa giấy lên bầu trời trong xanh vàng rực ánh nắng hay trắng mênh mông mưa tuyết để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, nơi xa họ nửa vòng thế giới, cách biệt bởi Thái Bình Dương, hai giải đại lục Âu - Á ngút ngàn. Nơi bây giờ là đêm tối dằng dặc với những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và dưới trần thế, trên đất đen, có những bước chân thì thào độc địa, những mũi súng lạnh và âm vang của tiếng nổ trái phá vừa dứt. Nơi xa xôi, trong đáy cốc rực rỡ của Paris, Rome, Washington, NewYork người ta hân hoan trao cho nhau những nồng nhiệt của hòa bình, siết chặt tay nhau với nụ cười rạng rỡ của văn minh, thế giới tiến bộ nhân loại. Hòa Bình, báo hiệu sự thắng lớn của ánh sáng xua tan bóng tối, hòa giải chiến tranh, của ý hướng xây dựng trên phá vỡ tiêu hủy. Ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-1972 có những tiếng động tức tưởi hơi thở bị đứt khúc, tiếng thét kinh hoàng của kẻ sắp chết bị một lưỡi dao sáng loáng ngập xuống thân thể nồng ấm sức sống!!

Bình minh ngày 28-1-93, cũng như mọi sáng sớm khác của đất nước cùng khổ điêu linh này, người Việt Nam bóp chặt hai bàn tay vào nhau xôn xao xúc động tự hỏi: Phải chăng là buổi sáng hòa bình? Ở Sài Gòn, các toán Nhân Dân Tự Vệ đi đập cửa từng nhà hỏi thúc treo cờ, radio đầy ứ âm thanh loại nhạc giữa hai tuyên ngôn như những ngày biến động 1965, 1966... Không một ai của miền Nam xác định được có một hiện trạng hòa bình trong buổi sáng cảm giác có một họng súng đang nhắm vào.

Mặt trận Cửa Việt, Đông Hà bùng nổ, phe Cộng sản đóng chốt trên quốc lộ 1 bắc quận Trảng Bàng, bắc Xuân Lộc (Long Khánh), đường 15 nối dài Sài Gòn - Phước Tuy - Vũng Tàu bị đứt bởi hai chốt nhỏ ở bắc, nam Long Thành. Trên đoạn đường dài dọc theo duyên hải từ đèo Bình Đê đến đèo Nhông - đèo Cả, nổ bùng những trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn giữa đám quân Cộng sản từ mặt khu ào lên quốc lộ với đám lính Cộng hòa giữ an ninh đoạn đường. Trong vùng cận sơn Quảng Trị, Thừa Thiên vùng động Ông Đê, núi Tang Táo, núi Trường Phước, đám binh sĩ Bắc quân từ từ nhô mình lên khỏi chốt ngoắt tay đám lính Nhảy dù, sư đoàn 1 bộ

binh... Họ đã đối đầu cùng nhau qua ba trăm ngày chiến trận kể từ ngày 29-4-1972. Hai giờ chiều, một bóng dáng mặc quần áo kaki Nam Định, đội nón ông sao, chân đi giày vải rời khỏi hầm bước qua sáu mươi thước đất núi đến bắt tay thiếu úy Thắng thuộc đại đội 94 Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù. Ly nước trà nóng, thuốc Ruby quân tiếp vụ đổi lại cùng Điện Biên.

- Ủ, Chúng mình hòa giải, hòa hợp dân tộc theo tinh thần và lời văn của hiệp định...- Ha..., ha.. "ông" đi qua một mình không sợ à? - Tụi tui không đánh "ông" đâu, mình bỏ mà!!... Nửa giờ sau có mười hai người lính mặc áo rằn ri đi qua chốt "bạn" thăm giao hữu. Một giờ qua, họ không trở về. Không có tiếng súng, chỉ có âm động của lưỡi lê đi qua da thịt. Giờ thứ tám của Hòa Bình Việt Nam. Không có một ai trong chúng ta xác định được hòa bình đã có. Vàng, hòa bình chỉ tới với một văn kiện, trên bàn giấy yên lành ở thủ đô Ba Lê. Hòa Bình chỉ có trong đáy cốc.

Tội nghiệp như cô bé lọ lem đột nhiên gặp được bà tiên hạnh phúc, toàn khối dân miền Nam ngửa bàn tay bắt hạnh để nhìn hạt ngọc hòa bình, kết tinh nỗi mơ ước thiên thu của một dân tộc khốn khó. Không ai tin được vào phép lạ hoang đường này, không ai tin được giấc mơ có thật với ánh sáng của ngày, giữa lòng đau đớn trùng điệp. Người dân miền Nam nhìn ánh ngọc lấp lánh, bậm môi đến nức máu để tự thức tỉnh, để tự nhủ: Đây chỉ là ảo giác, ảo ảnh, đây chỉ là giấc mơ... Nhưng nếu không có những giấc mơ hạnh phúc, không tin vào giấc mơ thì còn gì. Chúng ta chỉ có những giấc mơ mang tính chất hy vọng.

Tôi đi giữa những con đường bình yên Sài Gòn trong buổi sáng dịu dàng của ngày hòa bình, lòng vang dội những chấn động xao xuyên bồn chồn...

Những phiên họp đầu tiên của Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên được thành hình trong những căn phòng rì rầm tiếng máy lạnh, các bên trao đổi với nhau những đối thoại mềm dẻo, hòa hoãn và... ít nội dung nhất. Tham dự vào cuộc đấu tranh cùng đối phương với tất cả say mê và thành thật trong lòng, nhưng dù với tâm tình trong sáng của số tuổi trẻ vị tha đôn hậu, cuối cùng tôi cũng phải nhận ra: Ngoài những nụ cười thật rộng, những bắt tay sẵn sàng, những câu nói hòa hợp và hòa giải... Người Cộng sản không có được điều gì hơn nữa. Họ không thể có điều gì hơn nữa để cho Hòa Bình. Dù người đó là Trung Tá Tuấn Anh (Bắc Việt), nữ Thiếu tá Ngọc Dung (MTGP), những người có nụ cười thẳng thắn và hiền hòa, những người bộc lộ sự chân thành trong mọi động tác, mọi lời nói (Dù là lời nói theo chỉ thị, bởi những chỉ thị...) Và họ chỉ có thế. Chỉ là những con người đôn hậu thụ động của một chủ trương cứng rắn! Nên dù rất thành thật, ân cần, khi qua sông Thạch Hãn, đến phi trường Lộc Ninh để cùng người Cộng sản làm việc, giải quyết sự kiện đau đớn nhất của chiến tranh, sự kiện người tù. Tôi cũng phải luôn luôn tự nhủ: Phải coi chừng, phải đề phòng, phải sửa soạn tấn công, phải quan tâm phòng ngự!! Trong không khí vắng vát nhẹ nhàng của rừng cao su Lộc Ninh, tay nâng ly trà nóng lòng phải trang bị một vũ khí để sẵn sàng nhả đạn. Người Cộng sản đã tập cho tôi quen với nghi kỵ và lừa dối. Hòa Bình đã dạy cho tôi biết rằng đây chỉ là bộ mặt khác của chiến tranh - Mặt sau của Hòa Bình.

Tập rất mau công việc phải làm và quen rất nhanh với môi trường chung sống để một phía rất thành thật, kính nể cùng đối phương vì đó là những người lớn tuổi, khắc khổ và đã chịu nhiều khổ nạn. Một mặt khác tôi sẵn sàng tấn công không thương tiếc, hạ đòn độc địa không nương tay vì đây cũng là những đối phương cực kỳ hiểm độc. Ví dụ như trên chiếc máy bay đến Pleiku, tôi châm lửa thật ân cần, nhắc nhở chu đáo với Thiếu Tá Sĩ rằng:

- Trời Pleiku rất lạnh, ông ta nên mặc áo len vào vì tuổi già, sức yếu.

Tôi nói rất thành thật vì nhìn thấy những sợi tóc bạc trắng rơi lòa xòa xuống một vàng trán nhăn nheo. Nhưng khi đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp thì không còn những cử chỉ và lời nói "hòa

hợp" tốt đẹp đó nữa, để hét vang giữa núi rừng, tay chỉ vào lá cờ ông sao, gần từng tiếng:

- Ở địa điểm Thạch Hãn không có lá cờ này, ở Lộc Ninh, Minh Thạnh, Quảng Ngãi; cũng không có nó trong phòng làm việc của những nhân viên thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương... Vậy tại sao ở đây có, phải chăng quý vị nằm ngoài cái hệ thống "chính phủ" của quý vị, phải chăng quý vị ở đây là quân đội ngoại nhập, là quân xâm lăng... Nếu quý vị duy trì lá cờ này thì ngay tại phòng làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ở Sài Gòn chúng tôi sẽ dựng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa... Quý vị bảo chúng tôi xâm phạm "không phận Đức Nghiệp" phải chăng quý vị nói giỡn, ai chứng nhận Đức Nghiệp này là của quý vị?!! Quý vị đã nói những điều vô lý mà người có một chút kiến thức quân sự và pháp lý tối thiểu không thể nào nghe vào được. Quý vị bảo chúng tôi vi phạm không phận địa điểm trao trả này, địa điểm trao trả được xác định bởi một tọa độ sáu số, tức là một điểm vô hình trên thực tế, từ điểm này có một đường thẳng tưởng tượng chạy thẳng góc với mặt đất lên khí quyển vào ngoại tầng không gian. Đó là không phận của địa điểm trao trả này chăng? Phải chăng quý vị kiểm soát không phận quá đàn và vô lý đó? Và khi nói chúng tôi cho phi cơ đi qua "điểm không phận" của quý vị, thì quý vị lấy gì làm bằng cứ. hay quý vị nghe tiếng phi cơ bay qua địa điểm trao trả (Theo như lời của trưởng đoàn quý vị nói tại bàn hội nghị Sài Gòn)... Lạ thật, Hiệp Định Ba Lê có qui định cả "vi phạm" phát sinh bởi tiếng động nữa sao?!!

Tôi "vòn" đám sĩ quan tóc bạc của Cộng sản, toàn là dân trên dưới năm mươi tuổi, mặt xanh màu lá và tóc trắng vì ngã nước không xót thương. Hai thái độ có thể xen kẽ, lồng vào nhau nhịp nhàng khăng khít. Trong lòng hòa bình cùng người Cộng sản, tôi chỉ học được những thủ đoạn độc địa không ngần ngại đó.

Những phiên họp bốn bên, những phiên họp hai bên, hàng chục lần trao trả, mười một địa điểm từ Thạch Hãn đến Cà Mau, từ anh "chiến sĩ" mặt nặng như chì gác cổng ở Lộc Ninh đến anh Trung tá Chỉ Huy Trường vùng Gio Linh, Trung tá mang kính lão và tóc bạc trắng nói dối ngon lành: "Tôi người quê ở Gio Linh "sơ tán" vào núi để chống Mỹ cứu nước nay trở về tiếp quản Quảng Trị". Trung tá nói tiếng Nam Định, Thái Bình không trật một âm. Tiên sư, vậy mà cũng là cán bộ cấp tá của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa!! Cái trò dối trá thô thiển đã được hệ thống hóa bởi Cục Chính Trị, cấp Đảng ủy phổ biến, học tập và kiểm soát từ tên lính mười sáu tuổi mặt búng ra nước cháo đến gã Trung tá sắp sửa đóng cửa quan tài đều ào ào một lời: Quảng Trị sơ tán!! Trò dối trá hạ đẳng này chắc đã được những bộ óc cỡ "thiên tài" Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Đồng nghiên cứu và chỉ đạo... Thế mà sao Cộng Sản thắng thế hờ hờ?!! Tôi " hòa hợp, hòa giải " với những người như thế, nghe Hoàng Anh Tuấn ngậm ngùi nhắc lại:

- Các cháu học sinh ở Cai Lậy bị thảm sát, chúng tôi sẽ điều tra rộng rãi để tìm ra ai là thủ phạm. Để tháng sau chúng kiến vụ Song Phú, vụ Biên Hòa..!! Và ông giáo sư đại học Nguyễn Văn Trung đặt vấn đề nghiêm túc: "Vấn đề có thể nhìn một cách đích thực như sau: Người Việt theo cộng sản và người Việt không theo cộng sản... Nghĩa là về căn bản chỉ khác nhau về ý thức quốc gia..." . Ông nhà văn Sơn Nam khẳng định trong một cuộc phỏng vấn: " Tôi nghĩ rằng hai miền Nam, Bắc có thể hòa hợp với nhau bởi con đường văn hóa..." Ông chính khách Hồ Ngọc Nhuận: " Hòa giải là con đường cuối cùng của dân tộc..." . Đồng ý, tôi hoàn toàn đồng ý với các ông khoa bảng, tên tuổi trên với quá trình tranh đấu, chính trị, văn hóa này. Nhưng nhìn quanh trong suốt một năm, khi nghe Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang ở bàn hội nghị, nghe Trung tá Phụng ở Gio Linh, Thiếu Tá Giang ở bắc Thạch Hãn, Trung tá Năm Tích ở Lộc Ninh, Thiếu tá Dũng ở Rạch Giá. Tôi cam kết một điểm:

- Không thể hòa giải với mấy cán bộ này, tôi cũng không thể hòa giải với hai gã lính gác ở thuyền bắc Thạch Hãn vì khi tôi hỏi: " Anh học ở Hà Nội hay ở đâu? ". Thì nó đã sững cồ nói vung bọt mép: " Tôi không phải là người Hà Nội, anh đừng xuyên tạc hiệp định, phá hoại tình

thần hòa giải hòa hợp dân tộc, tôi là người Quảng Trị sơ tán "... Lại sơ tán, tôi chửi ra tiếng: " Tiên sư mày 17, 18 tuổi Bắc Kỳ trăm phần trăm thì Quảng Trị cái quái gì được!!! ". Vậy hòa giải hòa hợp với ai? Hòa giải, hòa hợp là hòa với một người nào đó, một lớp người nào đó. Đặt vấn đề cụ thể như ông Cha ở nhà thờ Tân Định hôm mở đầu cho buổi thuyết trình về Canh Tân và Hòa Giải: " Ta phải cúi xuống cùng kẻ thù để chuyển yêu thương đến cùng kẻ thù... Hãy có can đảm yêu kẻ thù như yêu chúng ta vậy!!! ". Amen, Chúa có phán như thế vì Chúa hy vọng Tình Thương Chúa sẽ được hóa giải được kẻ thù, chứ nếu Chúa biết chắc kẻ thù đó đang thủ sẵn lưỡi dao để đợi lúc Chúa cúi xuống thì chắc phải có tinh thần và thái độ khác. Tôi không chống Cộng quá độ, tôi cũng không chống Cộng để được trả lương và hưu bổng; vị thế người lính chỉ là một phương tiện giúp biết rõ người Cộng sản, tôi cũng sắp già từ vị thế này để trở thành một cá nhân hoàn toàn tự do không bị ép buộc bất cứ từ một hướng nào, nên câu hỏi luôn đặt ra là: Hòa giải là cần thiết, nhưng hòa giải với ai và như thế nào? Nếu đối tượng để ta hòa cùng là lực lượng đối nghịch, luôn luôn sẵn sàng tiêu hủy ta thì làm sao hòa được? Ông thầy Chùa hôm buổi thảo luận tại nhà thờ Tân Định có ví von: " Hòa là hòa nước với nước, chứ không hòa với dầu? ". Ông thầy tu này nói chưa đủ, phải nói lại rằng: " Làm sao hòa máu cùng a-xít được!!"

Phiên họp hôm 15 tháng 3-74 cấp trưởng đoàn sau khi Tướng Hiệp đọc tuyên bố tố cáo lực lượng vũ trang Cộng sản pháo kích vào trường Tiểu Học Cai Lậy, Tướng Tuấn (MTGP) phản đối lời buộc tội với một luận điệu yếu ớt; tôi ngồi nghe, tán thêm cùng những người ngồi chung quanh: " Thằng cha này phản pháo yếu vì chưa biết được các yếu tố chạy tội, hơn nữa tai nạn quá lớn cũng làm nó phát hoảng... Thằng du kích nào dưới Cai Lậy chắc chuyến này bị "khiến" nặng...". Quả tình chúng tôi đã " chạy tội " cho người cộng sản rất nhiều qua ý kiến trên. Chúng tôi nghĩ, cuộc thảm sát chỉ là do rủi ro vì quả đạn cốt nhắm vào Chi Khu Cai Lậy, nơi đặt bộ chỉ huy hành quân tại khu vực này; cũng có thể kỹ thuật tác xạ quá kém, nên du kích vùng đó đã "lỡ" bắn vào trường Cai Lậy. Nghĩ như thế cũng là để giải thích cho tội ác quá phi lý, quá man dại của người cộng sản. Làm sao có thể bắn vào trẻ em, sự nghiệp giải phóng nào xây dựng trên thân xác trẻ thơ, những con người chưa có ý niệm về chữ nghĩa, về hận thù?!! Chúng tôi không tin tội ác phi lý quá độ này do từ một chủ trương hoạch định và hoàn tất bởi những sinh vật gọi là người. Nhưng quả tình chúng tôi đã lầm, lầm rất lớn vì người Cộng sản lại dựng thêm " chiến tích " ở Song Phú vào ngày 10-4-74 và Biên Hòa ngày 3-6-74... Đến đây thì không còn gì để che dấu được nữa. Người Cộng sản quả thật có một chủ trương giết người. Tôi khẳng định chắc quyết như vậy. Họ giết trẻ con, giết thường dân vì đây là trẻ con " ngụy "; họ giết người vì muốn dựng vinh quang trên nỗi sợ hãi, dựng thành quả trên xác người và máu nóng. Cách mạng phải có kích thích tố thù hận. Cách mạng vô sản Việt Nam đã có những men gây máu kia. Thực dân Pháp, Phát-xít Nhật, địa chủ, cường hào, ác bá, thực dân phong kiến, Mỹ - Diệm, Thiệu-Kỳ, Mỹ và chính sách thực dân mới. Nay, năm 1974, quả tình tất cả chất men trên đã không còn, đã hết, người Cộng sản phải có kích thích tố mới, phải có hận thù mới, xác người mới. Vậy phải tạo nên những đối tượng chém giết khác như " Ngụy quân, ngụy quyền, bè lũ ngoan cố, phản động không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định ". Đó chính là chúng ta, là đứa trẻ ở Cai Lậy, là người dân Tam Hiệp, Biên Hòa... Vậy thưa các ông cấp tiến, ông khuynh tả, các ông đối lập, các ông vô tình đang cổ vũ cho lũ giết người, cho trò giết người, các ông đã khuyến khích tội ác qua những danh từ được cố tình sơn phết thành linh động, đẹp đẽ và hòa bình. Hòa Bình, đây lại là một danh từ lạm phát, người Cộng sản đã có vũ điệu Hòa Bình, đoàn quân giết người là đoàn quân Hòa Bình. Hiệp Định chia đôi đất nước là Hiệp Định Hòa Bình và bây giờ là những ngày tháng 73, 74 họ lại xử dụng danh từ phá sản đó trong một cường độ to lớn và tích cực hơn để thực hiện " Hòa hợp, hòa giải theo tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê...". Quái dị thật, những chữ nghĩa thô thiển như kia vẫn còn hiệu lực để che đậy những tội ác ngập đầu?! Tối 21 tháng 5-1935 trước khi xua 300.000 quân vào Rhéanie, Hitler đọc một diễn văn để làm yên lòng Anh, Pháp, trấn an Hội Quốc Liên với câu kết luận là: " Nước Đức cần Hòa Bình và mong mỗi Hòa Bình... ". Đẩy quân đi như một tia chớp, chiếm được xong mục tiêu

Hitler trở lại với " Hòa Bình "; mỗi lần đọc diễn văn xong có chuông giáo đường khua âm ỉ, cùng câu kết: " Hòa Bình đầy tình thương của Chúa... Amen " hoặc: " Xin Chúa hãy ban tự do để khiến tạo Hòa Bình cho nước Đức, cho Âu Châu..."

Hai chữ hòa bình được xử dụng như bằng hiệu của một cuộc tấn công, thành quả của một lần tàn sát. Kỳ lạ thật, giữa những chữ nghĩa và hành động đã có những tan vỡ, chống đối và hủy diệt nhau trăn cùng như thế, nhưng sao vẫn có rất nhiều người, rất đông người ở trên những vùng đất vẫn minh, trong lòng những xã hội vẫn minh tin vào chữ nghĩa quái dị kinh khiếp này. Cả Âu Châu đều tin cậy vào câu nói: " Tôi dâng hiến hòa bình, tôi không phát động chiến tranh chống Pháp và Anh Quốc " của Hitler sau khi tràn qua Ba Lan bắt tay với Nga ( Lại một lực lượng hòa bình, nữa!!...) tại Brest Litovsk. Cũng tương tự như đối với Hitler; rập một khuôn mẫu của Staline, cả thế giới hôm nay lại a tòng kẻ giết người nên đã hân hoan hãnh diện trao giải Nobel Hòa Bình cho Lê Đức Thọ. Và đau đớn hơn hết thảy, mỉa mai hơn hết thảy là cùng ngày 3-6-74, ngày của hai trăm trái hỏa tiễn rơi vào Biên Hòa " giải phóng " cho trẻ em và những người vô tội bằng phương thức dã man ghê rợn tàn tệ nhất mà con người với giác quan, tâm lý của một sinh vật có lương tri không thể nào nhìn đến, không thể nào chịu đựng được. Cùng ngày thê thảm khốn nạn này, chính phủ Nga Sô nhân danh " Hòa Bình " trao cho Nguyễn Thị Bình Huân Chương Lenine Hòa Bình!!! Lại Hòa Bình, phải chăng tiếng nói của con người hôm nay đã biến đổi, đã tan vỡ tính chất, phải chăng đây là thời đại của lừa đảo, ngược ngạo, để con người thường nhân danh những tình từ, danh từ cao quý để thực hiện những tội ác đê hèn khốn nạn. Hòa Bình, người Cộng sản đã xử dụng như một dấu hiệu của sự chết.

Hai năm, tưởng chừng như qua một đoạn đường địa ngục dài, tôi tự hỏi: Tại sao chúng ta vẫn không có một ngày bình yên để sống, một ngày không có tiếng súng, một ngày không mưu toan, một ngày không nằm trong hệ thống thời gian của một chủ trương, một sách lược, bạo lực. Một ngày bình yên cho quê hương nhiệm mầu, xứng đáng cho dân tộc vĩ đại, một giòng giống da vàng căng cứng trên khổ nạn. Tôi cũng tự hỏi: Tại sao sau một cuộc chiến triển miên với giá máu hàng trăm ngàn người lính ngã gục, những người lính đã chiến đấu cho một mục đích cao quý: Chiến đấu cho Tự Do - Nhưng chưa bao giờ được xiển dương thành hệ thống để cảm phục như anh hùng, kẻ tử đạo, kẻ vì quốc vong thân. Mà trái lại người lính và khối gia đình của họ trong những ngày của hòa bình lại là những kẻ bị đánh vỡ trước tiên, bị bóc trần từng sớ thịt, bị cạn dần từng giọt máu. Trung tá K, Chiến Đoàn Trường Dù ngày nào mười năm trước, nay hàng ngày lột lon, cát nón, đạp chiếc xe trong đưng vất vả đến nơi làm việc. Trung Tá H, sếp cũ của tôi nay chỉ còn lại một hình ảnh tồi tàn của một ông già thêm từng điều thuốc lá đen. Và còn gì nữa...

Còn quá nhiều, nhiều như đồng xương vô định của những người lính đã chết, như lớp máu đỏ của hàng trăm ngàn người đã chảy xuống mạch đất miền Nam. Cảnh quả phụ cùng bốn con tự vẫn tại mồ chồng, người lính vừa chết cho hòa bình tại Nghĩa Trang Quân Đội. Còn người mẹ thuốc chết hai con trước khi tự sát vì lương lính từ trần không đủ tiền đong gạo. Quá nhiều, đám vợ con lính ở trại ty nạn dẫn nhau đi trên đám đất cháy nắng vùng Quảng Ngãi để tìm củ xương rỗng. Những người lính này chết cho ai? Phải chăng họ chết để nuôi dưỡng một thiểu số khốn nạn như tỉnh trưởng Định Tường, tỉnh trưởng Long An, những kẻ chuyển trăm triệu hàng lậu, những kẻ dẫu trăm triệu phân bón, kẻ ký quota gỗ vài trăm triệu... Tại sao? Câu hỏi muốn bật máu trong tim, muốn nổ tung con người, muốn vỡ tan từng tế bào... Tại sao? Tại sao? Thượng Đế không giải thích, Phật Tổ không giải quyết và Chúa cũng buông xuôi.

Cuối cùng, chiến tranh vẫn còn nguyên như đời sống lầm than; chiến tranh như cơn mộng dài không hết của đêm đen muôn đời; chiến tranh là cảnh sống thường trực, là thực thể miên man, là thực tại không rời. Đất nước ta với chiến tranh là một trạng thái bão hòa liên kết không tách rời được. Tôi lại đi đưa những người quen đến nghĩa địa... Nhìn chiếc quan tài phủ Quốc kỳ

của Đại Tá Nguyễn Thế Nhã, tiểu đoàn trưởng cũ của tôi, người từng có hai mươi năm chiến trường khốc liệt nhất, cuối cùng chết vì một trái đạn pháo kích trên căn cứ La Sơn, Huế. Anh linh người chết tức tưởi không thể giải thích được nỗi đa đoan của hậu quả do một thứ hòa bình dầy non mang lại, người chết chắc không thể an lòng khi biết mình chết trong hòa bình, do hoà bình, sau quãng đời dài đã kinh qua DMZ, Mậu Thân ở Huế, Tây Ninh, Hạ Lào... Người chết với mối hận khó nguôi ngoai. Tôi tin chắc như thế. Cuối cùng, hòa bình cái bóng đáng mơ ước lừa bịp dễ tiện và tiếng gọi của lũ giết người dùng như một dấu hiệu truyền thông trước một cuộc tàn sát nhân danh nó.

Chiến trận lại xảy ra ở An Điền, bên kia sông Thị Tính, lại cảnh người chạy loạn gồng gánh mang vác tất tả trên quốc lộ 13, lại cảnh đưa bé bốn, năm tuổi co quắp vì cơn đau mảnh đạn ghim đầy, lại cảnh bà già đưa đôi mắt lạc thần nhìn lượm nắng cuối cùng đang lịm dần ngoài cửa đời sống... Tôi không thể đọc hết mẫu tin chiến sự, tôi không có can đảm nhìn đoạn phim thời sự về đám người chạy loạn, tôi kinh sợ đến độ phiến muộn. Tôi ê chề đến cuối đáy điều linh. An Điền, sông Thị Tính của mười năm trước, tháng 12-64 tôi là gã thiếu úy trẻ tuổi cổ quần khăn đỏ, mình mặc áo saut ngực trang hào hùng dẫn quân đi đầu tiểu đoàn kể từ khi vượt qua chiếc cầu xi măng cũ kỹ để tiến sâu vào đám rừng chồi xanh ngất. Mười năm, đêm ở khu đồn điền ông Thịnh, quả lựu đạn lóe sáng, bóng tên Việt Cộng loáng thoáng trong ánh lửa, chiếc trực thăng tải thương lập lòe ngọn đèn đỏ và hàng lửa đạn súng cối pháo kích dứt đoạn. Mười năm, cái bối cảnh khốn nạn đó vẫn còn, vẫn tồn tại, còn và phát triển đến cực độ, phát triển đến tối đa khủng khiếp. Ngày xưa, chỉ cần Tiểu đoàn Dù của tôi cùng Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đủ sức "xấn" từ cầu Thị Tính vào An Điền lên đồn điền Alimot, Bussy, vòng qua trái đến đồn điền ông Thịnh để từ đây ra quốc lộ 13. Vũ khí lúc ấy là carbine M2, cối 81, nay quân phải cấp sư đoàn, mỗi hướng tấn công là một trung đoàn có một thiết đoàn yểm trợ và giàn đại pháo đập nát không gian. Lúc xưa đám du kích ở vùng đồn điền pháo bằng súng cối, đột kích bằng lựu đạn, nay bóng dáng nhỏ bé " khiêm nhường " đó đã không còn, để chỉ thấy nườm nượp đậm hơn rừng xanh từng trung đoàn chính quy Bắc Việt được " từng thiết " với hàng T54 bệ thế. Mười năm, một cái xã nhỏ bé tội nghiệp ở quận Bến Cát cũng như hàng trăm ngàn thôn xóm khác của quê hương chỉ được mỗi vinh hạnh - Làm chiến trường tận lực cho hai bên - Nổi vinh hạnh hiển thâm sâu như oan nghiệp không giải.

Chiến tranh, chiến nạn, chiến binh, nạn nhân chiến cuộc, chiến trường, chiến địa, chiến tích, chiến cụ... Sao ngôn ngữ nước ta quá nhiều từ ngữ để gọi lên binh đao mà chỉ có vồn vẹn một chữ Hòa Bình, một chữ đơn độc mỏng manh thụ động giữa rừng gươm giáo ngút ngàn. Khốn khổ hơn nữa, Hòa Bình cũng đã bị nguy danh bị đánh vỡ, bị khuynh đảo và biến dạng toàn thể yếu tính. Hòa Bình, phải chăng không còn nữa cho con người. Không còn nữa cho chúng ta. Sắp đến ngày ký Thông Cáo Chung 13-6-1973 - ngày Quốc Hận 20-7-54.

## **TRÊN CHIẾN ĐỊA TRONG SÀI GÒN**

Những buổi chiều từ Lộc Ninh trở về, tôi bay qua đồi Gió, qua đồi 69, những ngọn đồi ở đông-nam An Lộc. Cũng những buổi chiều tháng 5 và tháng 6 như thế này của hai năm trước, 1972, nơi đây những người bạn tiểu đoàn 6, tiểu đoàn 3 pháo binh, Lữ đoàn I Nhảy Dù đào vội chiếc hố, khoét sâu rãnh giao thông hào dưới cơn mưa đại pháo của Bắc quân. Cũng những buổi chiều muộn khi ngày sắp hết, ánh mặt trời hồng đỏ đã bị mờ dần bởi hơi sương lam bốc lên từ dãy rừng cao su ngút ngàn xanh ngất. Nơi đây, trên dãy cao độ chập chùng trống trải này những Phạm Tường Tuấn, Phạm Kim Bằng, Lộc "lì", Vinh "con" của Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù bặm môi đến bật máu, nhô chiếc nón sắt lên khỏi giao thông hào chờ đợi bóng đen của những T54 đang ló nhỏ, rì rầm dưới chân đồi sắp sửa tấn công. Hôm nay, trên chiến địa điều tàn đó chỉ còn vương vãi vài chiếc nón sắt, túi đeo lưng và những mảnh xương trắng xám rơi rớt trên lớp đất đỏ màu máu. Dãy đồi nằm lặng dưới bóng chiều trông oan khiên như nắm mồ vĩ đại. Tôi

bay qua chiến trường của hai năm trước, bay qua bầu Đổng Cỏ thấy xác chiếc Chinook bị rớt ngày 4-6-72; bay qua Chơn Thành thấy lại chiếc trực thăng chở Chuẩn Tướng Đức bị cháy nát chỉ còn trơ chong chóng nằm sát bờ lộ. Những phi công trực thăng nghĩ gì khi từ trên không nhìn xuống những thân tàu cháy xám, đống tro tàn của bộ máy, họ có tưởng đến những chiến hữu đã vỡ tan cùng cát bụi, những phi công lâm nạn của mùa chiến trận 72 trên đường bay dọc con lộ tử thần này. Đi qua chiến địa quá khứ không phải chỉ bùi ngùi vì chứng kiến dấu tích của binh lửa tang thương, nhưng để biết rằng chiến tranh chưa hề chấm dứt, hòa bình chưa bao giờ có thực, chỉ có chiến trận đổi vùng, chiến trường ngập tràn máu mặt. Bay qua đồi Gió, suối Tàu Ô, Tân Khai, Chơn Thành, qua các chốt của bộ đội, qua các căn cứ hỏa lực của ta, qua thôn xóm vây bủa bởi giao thông hào còn mùi đất mới để biết rõ một cách đau đớn và chua xót rằng, chiến trận không bao giờ ngừng nghỉ trên quê hương tàn khốc này. Không có một giây phút bình yên nào trên xứ sở tên gọi Việt Nam.

Tháng 5, tháng 6-74 đi qua, Phái đoàn Mặt Trận bỏ hạp vô hạn định, chiến trận bùng nổ không che dấu, phi trường Nha Trang, Đà Nẵng, lần đầu tiên sau ngày Hiệp Định bị pháo kích. Phe Cộng sản vứt bỏ chiếc mặt nạ "hòa bình" không ngần ngại. Đã đến lúc họ không còn cần dấu mặt sau cái vỏ hòa bình; họ cần phải chạy đua với thời gian, chạy đua với sự sáp vô ngày càng khít khao giữa Nga, Hoa quanh cái trục "Đế Quốc Mỹ". Cộng sản Bắc Việt phải tự cư trước khi bị hai cái gọng kìm này nghiền nát. Tháng 6 đi qua để bước vào tháng 7 với ngày 20-7, ngày Cộng sản xem như thắng lợi vinh quang, ngày rục rờ sau chiến công Điện Biên, ngày đuổi hẳn thực dân Pháp thanh toán 100 năm nô lệ. Nhưng ngày 20 tháng 7 cũng là ngày di cư, ngày uất hận ngàn đời không nguôi ngoai, ngày chia ly tan tác của khối dân miền Bắc đi về Nam để được sống tự do - 20-7-1954 - đến nay đã hai mươi năm, khoảng thời gian ngút ngàn tưởng chừng như giấc mơ, cuộc ra đi ngày nào nghĩ rằng sẽ trở lại trong thời hạn tối thiểu, ai ngờ trở thành một đứt khoát quyết liệt, một chọn lựa nghiêm trọng đành đoạn giữa tự do và kìm kẹp, giữa đời sống thênh thang và lạnh lùng trong một hệ thống kiểm soát ngặt nghèo. Hai mươi năm qua như ngọn lửa lớn đái lọc tinh tuyền sự chọn lựa ban đầu đó, chẳng ai trong khối người ra đi phải hối hận vì tất cả đã chọn đúng. Tôi biết chắc như vậy. Nhưng tháng 7-74 trên báo chí đối lập khuynh tả, trong những cuộc hội thảo của lực lượng đối lập tiến bộ yêu nước, của đám trí thức Sài Gòn nhan nhản xuất hiện một loại luận cứ: "Chỉ vì Hiệp Định Genève 1954 không được thi hành nên mới xảy ra chiến tranh trong hai mươi năm qua và vì "mâu thuẫn" vẫn còn nên Hiệp Định Ba Lê 28-1-73 không được thực hiện, Hòa Bình cho Việt Nam vì thế chưa có. Cuối cùng, chỉ còn con đường hòa giải và hòa hợp dân tộc, con đường độc nhất để hoàn thành hòa bình...". Loại luận cứ này được coi như đỉnh chót của ý thức tiến bộ của đám trí thức đối lập ở miền Nam. Song, tôi muốn hỏi những người này những câu hỏi cụ thể: Tại sao không dừng lại xác định: Vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành (Như đã dùng với Hiệp Định Genève) mà chỉ lấy có miền Nam còn "mâu thuẫn"? Mâu thuẫn gì? Ai mâu thuẫn với ai? Tại sao các anh không dám nói thẳng: Cũng chính bởi vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành nên hòa bình chưa có và chính phe Cộng sản là phe phá hoại nhiều nhất thâm độc nhất, có hệ thống nhất. Hai mươi năm chiến tranh, hai năm "hòa bình" khôn nạn chưa làm cho đám người này thấy đủ, biết được một sự thật. Sự thật rất đơn giản. Làm thế nào hòa giải được người Cộng sản. Người Cộng sản mang quốc tịch Việt Nam!!!

Trận cầu quốc tế giữa hai đội Đông - Tây Đức, phe cộng sản, phe không cộng sản, gặp nhau, bắt tay nhau, tranh tài trong tinh thần hòa hợp, thân ái của môi trường thể thao. Nhưng làm sao có được cái cảnh này cùng Cộng sản Việt Nam? Vì anh ta sẽ gọi cầu thủ của ta là "cầu thủ Ngụy", của phe tư bản rầy chết, tay sai của chính sách thực dân mới Hoa Kỳ. Phe Cộng sản sẽ không bao giờ thỏa thuận để cho hòa giải, gỡ gỡ những cầu thủ "giải phóng dân tộc, của cách mạng vô sản, của giai cấp công nông" với đám cầu thủ của "Ngụy quyền", cầu thủ áp bức nhân dân, cầu thủ ác ôn Mỹ Ngụy. Tôi không nói quá nhưng chỉ xác định lại sự thật qua những kinh nghiệm quá náo nề cùng người Cộng sản Việt Nam.

Đến đây, những dòng cuối cùng của tập bút ký, tự nhiên trong lòng bỗng rực sáng một niềm tin thanh thản. Quả tình tôi đã có một thái độ quyết liệt thật đúng đắn với người Cộng sản. Tôi xác định thái độ này chính thức, công khai mà không hề e sợ những dè bĩu, chụp mũ: Muốn được thưởng công bởi chính quyền. Còn lâu, chính quyền, chính phủ chỉ là những lực lượng nhất thời, tôi không chống Cộng để cho một cơ cấu chính trị, một cơ quan quyền lực. Tôi chống Cộng vì ghê sợ cái hướng đi hà khắc kim kẹp vô nhân tính của chế độ đó. Giản dị và chính xác như thế. Ngày 20-7, đọc lại một bài viết ngắn của anh Doãn Quốc Sỹ nói về ngày uất hận thiên thu này, anh Sỹ nhắc lại trong "Một vài ký ức hình nổi của giai đoạn 20-7-54 - 20-7-72 (Báo Đòi số 140): Hình ảnh đồng bào khắp nơi vượt mọi gian lao để tới Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tại bất cứ nơi đâu còn gọi là đất Quốc gia, những hình ảnh đặt biệt sỉ nhục một cách thậm tệ cho ông Hồ đăng tải trên các tạp chí lớn ở Âu Châu: Đó là hình ảnh hàng ngàn người xuất hiện trên bãi biển Bùi Chu, hình ảnh họ kéo lê chiếc bè lao nhào vào lớp sóng bạc đầu, hình ảnh họ chen chúc trên chiếc bè mỏng manh, đàn bà đứng bế con, ống chân ngâm dưới nước quên mỗi, phần trên rét run, đàn ông khom lưng cổ chèo ra khơi cho kịp những chuyến tàu đương thân ái đợi họ để rồi xả hết tốc lực ra khơi xa hơn nữa để chuyển họ sang những tàu vận tải lớn hơn..."

Và hình ảnh bi thiết, rực rỡ nhất của cuộc di cư thần thánh đã tụ lại trên điểm cao hoạt cảnh dưới đây:

- Xe lửa từ Hà Nội xuống đến Hải Dương ngừng lại ở ga Phú Thái, nơi đó cán bộ Cộng sản khám dân chúng, tha hồ dân chúng văng tục, chửi rủa, đám cán bộ vẫn cười tươi ngọt ngào như không. Có bà gần như khỏa thân từ trong phòng khám bước ra, có bà còn ra ngồi xuống tiểu tiện rồi mới đứng dậy, bận quần áo đầy đủ, có bà xoay đủ một vòng, nghều nghện hai bầu vú nuôi con rồi mới bận áo... Ôi! Những người đàn bà Việt Nam cực kỳ thông minh và biết trọng nhân phẩm đó! Tất nhiên đám cán bộ Cộng sản nam nữ vẫn luôn luôn giữ nụ cười nhả nhặn bình tĩnh. Trên cái nền khỏa thân của các bà, nụ cười đó quả đã bị bóc trần đến chất lõi máy móc vô nhân của nó. Hàng bao tấn giấy tờ của người trí thức Quốc gia viết để chống đối Cộng sản không nặng bằng một đồng cân so với cái cử chỉ vừa khôi hài vừa thâm trầm chua chát của hình ảnh cố ý kéo dài cuộc khỏa thân của các bà..."

Anh Sỹ đã cất cho tôi được gánh nặng ngàn cân vì gần hai năm nay đi đâu tôi cũng thấy người Cộng sản... cười. Những nụ cười tươi, rộng, rất vồn vã, rất nồng nhiệt, tràn ứ đầy khắp trên các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, trên tạp chí " Đường Đến Vinh Quang của Nam Việt Nam...". Đâu đâu cũng thấy người Cộng sản cười, Võ Nguyên Giáp cười, Lê Duẩn cười, Phạm Văn Đồng cười, Song Hào cười, Văn Tiến Dũng cười, Phạm Văn Bạch cười, Nguyễn Hữu Thọ cười, chiến sĩ " tên lửa " cười, đội làm cầu cười, người nữ chiến sĩ miền Nam cười, những " Người Con Tây Nguyên " cười... Tất cả đều mở rộng miệng đến tối đa kích thước, hàm răng tràn ra khỏi những ghè môi nhăn nhúm, choáng chật cả khuôn mặt bị căng cứng, bị gấp nếp vì nụ cười quá khổ... Rồi tôi lại phải " tiếp thu " thêm những nụ cười trên thực tế của Thiếu tá Trần Tín ở Hà Nội, của Thượng tá Năm Tích ở Lộc Ninh, của Nguyễn An Giang ở bắc sông Thạch Hãn... Những nụ cười như trong báo chí đó được lập lại đúng cỡ, đúng điệu, tràn ngập khắp nơi khi người Cộng sản tiếp xúc cùng người lạ. Một lần, hai lần,... Lần thứ một trăm, lần thứ một ngàn, nụ cười tràn ứ đó gây nên một cảm giác kỳ lạ trong tôi. Cảm giác nửa nhòm tòm, nửa bị đe dọa. Nụ cười vỡ như lửa lóe ra khi trái lựu đạn nổ, nụ cười ghê ghê, vô nhân, vô nghĩa như con vượn, con dã nhân khi được kích thích, vì được luyện tập. Tôi không nói quá lời, tôi không " hạ " đối phương nhưng quả tình nụ cười đó suốt hai năm gây cho tôi câu hỏi: Có phải chẳng người Cộng sản có một " chủ trương cười "? Người Cộng sản đã cười theo chỉ thị, theo công tác, theo tiêu chuẩn? Nếu không thì tại sao, đâu đâu, ai ai cũng có một cách cười, một vẻ cười chung giống nhau như thế? Song Hào, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến



Dũng, những cá tính khác biệt, những con người khác nhau về khả năng, tính chất, môi trường trong một bức hình ở khóa hội thảo đều cùng có chung một nụ cười hả hê, thống khoái rạng rỡ. Cho đây những nụ cười thật vì các ông ấy là tướng, là cán bộ cao cấp được điểm Bác và Đảng... Nhưng rồi, sao đám nhân công nhà máy dệt, đội làm cầu, cán bộ mật dịch... Những người gầy còm, mắt trắng, những kẻ tóc bạc mệt nhọc dày như cỏ rối, trên nét nhăn, những người này có gì để phải cười giống như Giáp, như Đồng?!!! Vậy chỉ có thể hiểu, và chắc chắn như thế: Người Cộng sản đã được huấn luyện, kiểm soát và thi đua cười theo một tiêu chuẩn nào đó về nụ cười. Họ phải tập cười theo một mô thức được hoạch định bởi Đảng và nhà Nước. Vậy, trước nụ cười đó còn gì xứng đáng và sít sao hơn là những thân thể tinh khôi, cao quý phẩm hạnh của con người trần trướng toàn diện. Phải, chỉ có cái thân thể nồng nhiệt tự do, thân thể ấm áp sức sống nhân bản của con người cao quý mới gọi là ngọn triều lớn cuốn bay đi lớp nụ cười vô nhân khô héo của người Cộng sản... Hiểu như thế. Và phải hiểu như thế.

Tôi nhớ buổi chiều ngày 18-2-1973 tại bờ bắc sông Thạch Hãn, giữa bóng tối mờ mịt, khi tự xé chiếc áo phơi lồng ngực trần để chỉ cho đám sĩ quan quốc tế cùng đám cán bộ Cộng sản biết so sánh thế nào là "sự thật" về người tù Cộng sản bị "tra tấn" tại trại giam ở Phú Quốc. Với sự thật của chính thân thể tôi. Nhưng tôi đã làm chưa đủ, thật ra tôi phải làm như những người đàn bà cao quý nọ.

Trong những tháng 8, 9, 10 năm 1974 tại Sài Gòn có phong trào chống tham nhũng tố đích danh Tổng Thống Thiệu bằng cáo trạng sáu điểm; phong trào đòi Tự Do, Dân Chủ, đòi hỏi hủy bỏ sắc luật 16-69 và 007, những sắc luật kìm kẹp báo chí một cách chặt chẽ hà khắc. Cuộc tranh đấu lên đến cao điểm: Đòi hỏi chính phủ Thiệu phải thực thị Hiệp Định Ba Lê, thành lập Hội Đồng Hòa Giải gồm có ba thành phần và chấm dứt ngay tiếng súng để cùng người Cộng sản hòa hợp và hòa giải trong tinh thần dân tộc.... Phong trào tập trung được toàn thể những linh mục Công giáo cấp tiến cánh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ, Trương Bá Cần, Chân Tín... Những người của nhóm Đối Diện trước đây. Phía Phật giáo cũng nhập cuộc trên một địa bàn khác với sự đồng ý của giáo hội Ân Quang tích cực yểm trợ cho Lực Lượng Hòa Giải, Chủ tịch là Vũ Văn Mẫu.

Bỏ đi sự có mặt của những người như các dân biểu đối lập nguy danh, những chính khách cấp tiến tiên chế, những lãnh tụ tôn giáo tả khuynh có điều kiện, những đào kép cũ của những tuồng tích héo úa, trong đó do thúc đẩy quyền lợi, với khí thế ma đầu, những hào hùng cải lương... Những dòng viết sau đây tôi chỉ muốn nói đến cuộc nhập trận tích cực của các vị linh mục. Trong tập thể linh mục nhập cuộc cùng những phe khối của họ có thể chia ra làm hai thành phần rõ rệt. Thứ nhất, là nhóm linh mục cấp tiến khuynh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Trương Bá Cần cùng những người viết Đối Diện, Trình Bày như Nguyễn Văn Trung, Thế Nguyên, Lý Chánh Trung... Và thành phần thứ hai gồm những linh mục trước đây đã có một quá trình chống cộng như Nguyễn Viết Khai, ông Cha rửa lễ cho Tổng Thống Diệm, người lập trường "Ngô Đình Khôi" tại Phan Thiết, thủ lĩnh chống Cộng của Khu Tư sau 1945, Đặc Sứ lưu động của Tổng Thống Diệm liên lạc các trại định cư của những người Nghệ Tĩnh Bình, cũng là tiền đồn chống Cộng của giai đoạn 54... Và Cha Thanh cũng là lý thuyết gia của Phong Trào Nhân Vị ở Vĩnh Long trước đây, một linh mục thuộc Dòng Chúa Cứu Thế nổi tiếng về hùng biện và tinh thần chống Cộng sản của người dân gốc Quảng Trị.

Mục đích của phong trào thoát tiên rất chính đáng, vì đó cũng là cơ hội cuối cùng để miền Nam kiện toàn lực lượng đối lập trong thế tranh đấu với Cộng sản lẫn phe Quốc gia, hình thành một lực lượng hòa giải trong giai đoạn sắp tới khi Hiệp Định Ba Lê được thi hành theo từng chi tiết nhỏ. Thái độ và tinh thần chung của Cha Trần Hữu Thanh, chủ tịch phong trào là thái độ tích cực đấu tranh với tinh thần cấp tiến, thiết tha đến tương lai của miền Nam, một tương lai rất gần phải chung sống cùng người Cộng sản. Phải nhìn nhận rằng Cha Thanh đã dựng lên

một phong trào rất đứng đắn và cấp thiết, miền Nam sở dĩ tụt hậu quá mức như hiện nay với nạn lạm phát đứng nhì của thế giới (sau Chí Lợi) chính là do tác dụng phá hoại tích cực của tham nhũng. Tham nhũng không chỉ có trong một vài động tác đầu cơ, hối lộ của giới chức chỉ huy hành chánh cao cấp, nhưng tham nhũng là một đặc thù của sinh hoạt miền Nam, tham nhũng bao trùm lên tất cả mọi dịch vụ giữa nhà cầm quyền và dân chúng, giữa những cán bộ hành chánh, quân sự với đám thừa hành, giữa giới chức lãnh đạo và toàn thể mọi đối tượng tiếp xúc. Thật là bỉ ổi và ghê tởm khi bên cạnh cảnh đe dọa của cuộc chiến (chưa hề dứt) với đám dân chúng lâm than tan tác, có những sự kiện tham nhũng bỉ ổi tàn nhẫn như vụ buôn lậu có xe còi hộ dẫn đầu bị bắt ở Long An, những dịch vụ buôn gạo, xăng cho Cộng sản được điều động bởi những tình trưởng, sư đoàn trưởng với giao kèo, chia chác đến lạnh người. Khi một chức trưởng ty cảnh sát quận 5 ở Chợ Lớn được "mua" với giá trên một trăm triệu thì "tính tham nhũng" của chế độ đó đã đi đến mức siêu đẳng tụt hậu. Cha Thanh đã dựng lên một phong trào sinh tử vì không thể nào sống với người Cộng sản ( sẽ nói rõ lại tính chất của những người này sau ) khi còn tập đoàn lãnh đạo ung thối khiếm đả như thế, cộng thêm cơ cấu dân cử gồm đa số dân biểu tay ngang, khí phách và khả năng tại nghị trường chỉ là thái độ quy lụy khiếm sợ người cầm quyền hành pháp. Phong trào đã lên thật mạnh và đáp ứng được nỗi mơ ước đau đớn của toàn khối dân chúng đang lặn xuống cuối dốc đời khổ.

Nhưng phong trào đã không phải chỉ ngừng ở phạm vi chống tham nhũng thuần túy như danh xưng, cũng trái ngược luôn với lời của linh mục Thanh nói ở Xóm Mới hôm 6 tháng 10... " Chúng tôi không đòi lật đổ Tổng Thống Thiệu, ông Thiệu muốn ngồi thêm năm, mười năm nữa cũng được, nhưng cần nhất là ông Thiệu phải quyết liệt bỏ tham nhũng vì ba, bốn tháng nữa là Việt Cộng vào đây ở với chúng ta, mà với tình trạng tham nhũng thối nát thế này thì chúng ta "lúa ròi"... Lời nói của Cha Thanh, hướng đi của phong trào, mục tiêu của phong trào lần lần có những xa cách, nếu không nói là trái ngược nhau. Mà sau hơn một tháng bùng nổ, phong trào đã đi đến điểm cao " vận động trưng cầu dân ý về việc bắt tin nhiệm Tổng Thống Thiệu hay không...". Mục tiêu chót đã không dấu diếm. Để chuẩn bị thế hòa giải sống chung với người Cộng sản. Tôi dừng lại ở đây để trở lại vấn đề ban đầu: Có thể hòa giải hay không cùng người Cộng sản Việt Nam.

Phải, không thể nghi ngờ thiện chí và lòng tha thiết muốn hướng dẫn dân chúng vào một phong trào sinh tử để chuẩn bị thế nhân dân tranh đấu với đối phương, một kẻ quỷ quyệt tinh vi, vô cùng thâm độc trong việc khuynh đảo, gây hỗn loạn, cướp chính quyền. Nhưng hướng tấn công chính của phong trào ( Tổng Thống Thiệu ) cùng mục tiêu tối hậu ( Hòa giải cùng người Cộng sản ) đã gây trong tôi những công phá mạnh mẽ bởi mối phát hiện nghi ngờ: Phong trào hay nhóm linh mục lãnh đạo hay cụ thể hơn là cha Thanh chỉ là những lực lượng dọn đường để sống chung cùng người Cộng sản. Tiến trình được điều động bởi một áp lực tinh vi ghê gớm. Sức công phá gây đến nỗi nã nê khi theo dõi các cuộc biểu tình ( to lớn và quan trọng nhất ), như cuộc biểu tình ngày 10-10-74 tại Sài Gòn. Nhìn thấy tận mắt một lớp đào kép cũ diễn trò vui trên đầu đón và hy vọng cuối cùng của nhân dân. Phong trào phải chăng đã xử dụng nhân dân như là một con ngựa chiến để đi đến đấu trường. Cảm giác nã nê cũng không phải vì thấy phong trào chuẩn bị cho " thế đứng chung với người Cộng sản ". Người lãnh đạo quần chúng hơn ai hết có trách nhiệm hướng dẫn, báo động, chuẩn bị cho nhân dân những tình huống mới; hướng gì những tình huống khắt khe bắt buộc sẽ phải xảy đến. Nhưng là cảm giác gây nên bởi tinh thần gọi là cấp tiến " Có thể sống chung được cùng người Cộng sản " của những người đã có kinh nghiệm máu với cộng sản. Tôi khai triển tiếp vấn đề này.

Trong cuộc viếng thăm Á Châu của Đức Giáo Hoàng Paul VI; lần viếng thăm Á Châu đầu tiên của một vị Giáo Hoàng Hội Thánh Công Giáo La Mã. Hội Thánh có một quá trình chống cộng tích cực, hữu hiệu nhất. Đức Thánh Cha đã không ghé thăm Đài Loan và Việt Nam nơi có tập thể giáo dân đông đảo với một hoàn cảnh bi thiết, nơi đất nước bị tàn phá khốc liệt bởi chiến

tranh. Một xung đột hệ quả từ những tư tưởng chính trị đối nghịch Tây phương, trong đó Giáo Hội La Mã mặc nhiên có ảnh hưởng lớn. Ngài không vào hai nơi này để chứng tỏ tinh thần mới của Giáo Hội, khai phóng từ đời cổ Giáo Hoàng Gioan XXIII, sau Công Đồng Vaticano II, Công Đồng mở màn cho kỷ nguyên tiến bộ canh tân và hòa giải. Người Cộng sản là một trong những đối tượng lớn của cuộc hòa giải vĩ đại này. Vì " chỉ sau hơn năm mươi năm, chế độ Cộng sản đã chi phối và tác động lên trên 1500 triệu của toàn cầu, trong khi đó Giáo Hội Công Giáo sau gần 2000 năm truyền đạo cũng chỉ mới có 613 triệu tín đồ" ( Báo Đối Diện ). Thế nên vấn đề hòa giải với người Cộng sản không chỉ trong phạm vi Thần học, Triết học mà còn là một hướng chính trị chiến lược lớn của Giáo Hội. Dưới ảnh hưởng bởi ý hướng mới này nhóm linh mục trẻ cấp tiến, xuất phát từ các đại học Âu Tây muốn đẩy mạnh cường độ hiện thực hơn với môi trường " chiến tranh Việt Nam "; trong đó kẻ thù gớm ghiếc nhất không phải là Cộng sản mà là Thực Dân, Đế quốc Mỹ cùng chính quyền tay sai, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, một lực lượng phản động, một nguy quyền làm cục đá chặn đường, vật ngăn cản không để những người cấp tiến khuyh tả có cơ hội " đối diện, hòa giải " cùng người anh em Cộng sản trong tinh thần dân tộc!! Thái độ này không lạ, đó là ý hướng được khai triển từ lâu với J.P. Sartre, Bertrand Russell những người " lậm " nặng bởi mặc cảm trí thức bất lực, bất lực để tham dự cùng đời sống, bất lực để giải thích đời sống. Mặc cảm nhỏ bé, có tội trước Cộng Sản, vô dụng đối với Tư Bản. Những sản phẩm chính cống của hệ thống triết học Tây Phương. Mà họ chính là những người mang vác công kênh mệt mỏi trên vai cùng với tất cả nỗi vô ích canh cánh đè nặng tinh thần. Thế nên, tôi không nói nhiều đến nhóm linh mục trên trong bài viết này vì hiểu rằng đây là thái độ độc nhất của họ. Họ không thể thỏa hiệp được với khối siêu quyền lực đã chi phối, nuôi dưỡng và xây dựng lên họ, vì kiến thức, mặc cảm và vị thế cao quý đầy đặc quyền mà họ thụ hưởng được cũng là hệ quả của một xã hội tư bản thoái hoá. Trở lại với nhóm linh mục hữu khuyh, những người có số tuổi trên dưới năm mươi, có những kinh nghiệm cụ thể sống chết với người Cộng sản. Bỗng nhiên trong một sớm một chiều. Họ xoay một vòng lớn và: " Xét về vấn đề Tổ Quốc thì chúng ta phải thực tâm mà thú nhận rằng phía Bắc Việt họ đã chiến đấu vì Tổ Quốc mà chúng ta chiến đấu vì đô-la, vì địa vị...". Linh mục Khai - Đối Diện 21- nên tóm lại:

-Thứ nhất: Đừng quá sợ sệt, trốn chạy và thù ghét Cộng sản như lâu nay.

-Thứ hai: Người Công giáo phải là một chiến sĩ Hòa Bình, nhưng luôn " đề cao cảnh giác..."

- Thứ ba: Phải biết đối thoại ( với người Cộng sản ) trên căn bản tự do, công lý, chân lý.

- Thứ tư: Phải xây dựng một Đức Tin sáng suốt để có đủ điều kiện sống chung với Cộng sản ( nếu cần ) và thu phục được họ.

- Thứ năm: Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối Giáo Hội để có thể " không còn cần thẳng cộng sản bằng B52 của Mỹ..."

Những điều của linh mục Khai viết trong tháng 2-71 bây giờ đang được phong trào quảng diễn lại ở Xóm Mới, Chí Hòa, Hố Môn và hiện thực hơn bằng cách yêu cầu Tổng Thống Thiệu từ chức để phong trào đẩy mạnh thế nhân dân vào cuộc chiến đấu tranh với người Cộng sản trong tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Những điều của cha Khai nói gây trong lòng tôi nhiều xao động và nảy sinh ra nhiều câu hỏi. Hỏi để trước tiên giải thích cho hành động của chính mình và sau đến tìm hiểu công việc, tinh thần của người khác. Những vấn đề cụ thể với những câu hỏi như sau đây:

- Chúng ta có thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam không? Tôi trả lời dứt khoát: Không được. Để giải thích khẳng định này, tôi lần lượt đi qua từng yếu tố. Trước tiên, chúng tôi những

người trẻ, trên dưới ba mươi tuổi không hề có một mặc cảm, một nỗi trạo ( chữ của cha Khai ) nặng nề đối với người Cộng sản: Nghĩa là chúng tôi không có thiên kiến sợ, chạy trốn, thù hận, đánh đuổi, tiêu diệt đến cùng người Cộng sản. Cộng sản đối với chúng tôi trên lý thuyết là một hệ thống tư tưởng có tính " thực dụng " để giải thích và điều động xã hội theo ý niệm công bằng và hợp lý. Chúng tôi không " hữu thần " quá độ đến nỗi sợ hãi Cộng sản không chế tiêu hủy Thượng Đế hay tôn giáo của mình. Chúng tôi không đến nỗi " nổi loạn, vô chính phủ " nên sợ hãi chống đối với một cơ cấu quyền lực chính trị tổ chức chặt chẽ với những định chế khắc khe. Trên phương diện tư tưởng chúng tôi có quan niệm Cộng sản trước hay sau cũng chỉ là hệ thống tư tưởng với khuynh hướng tiến bộ xã hội có thể áp dụng cho một vài nơi, một vài hoàn cảnh xã hội nào đó để hình thành một tình trạng bình đẳng tương đối, chỉ là những tương đối so với những bất công trầm trọng của chế độ chính trị trước đó.. " Riêng tại quê hương Việt Nam, nơi đã có một tinh thần tổng hợp tuyệt vời Nho - Phật - Lão thấm sâu vào mạch sống dân tộc, tạo nên một sức mạnh dẻo dai, bền bỉ đối kháng với mọi công phá, từ ngoài như ngoại xâm, từ trong như tầng lớp lãnh đạo suy đồi, để luôn tồn tại vững chắc thắm lặng. Thực dân Pháp đến và cũng đi sau 100 năm, thực dân mới kiểu Mỹ đến và cũng ra đi và chắc chắn cũng sẽ bị tiêu vong ảnh hưởng. Tóm lại chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi một thần quyền hay một thể quyền nên chống lại người Cộng sản. Trên bình diện tư tưởng, chúng tôi chỉ vì không chịu được tư tưởng độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của người Cộng sản. Với cơ cấu làng, xã của dân tộc Việt, với tinh thần tổng hợp Tam Giáo, với cốt tủy " Nhân chủ và Dân chủ " của người Việt, chúng tôi không thể chấp nhận chiếc mũ Cộng sản độc tôn phát sinh từ trời Tây. Cũng chỉ là một sản phẩm của Âu Tây tư bản.

Chúng tôi cũng không chống Cộng vì " khủng Cộng " ( chữ của Cha Khai ), vì sợ hãi, tề liệt trước người Cộng sản. Mười năm chiến tranh (63-73) nặng nhất của hai ý hệ, chúng tôi là tầng lớp gánh chịu đau đớn nhất và cụ thể nhất. Chúng tôi cũng không như Cha Khai, Cha Quỳnh, Cha Nguyễn Lạc Hóa phải nhờ Tây giết Cộng ( Lê tất nhên chúng tôi xài súng của Mỹ cũng như người Cộng sản dùng súng AK ) mà đã chiến đấu bằng chính đời sống mình, còng lưng xuống mang một chiếc ba-lô, tay cấp súng, tay cầm thêm thùng đạn bấm đôi chân trên rừng núi bạt ngàn của miền Nam để đánh Cộng sản. Trong mười năm dài và chắc sẽ còn tiếp tục nếu Cộng sản nhất định đi bước chót của " Di chúc Hồ Chủ Tịch..."

Cũng thật là xấu hổ và vô liêm sỉ khi bảo rằng chúng tôi chiến đấu vì quyền lợi. Quyền lợi nào ở đồng lương chỉ sống đủ nửa tháng, dầm bộ quần áo lính chỉ để mặc đủ trong chuỗi ngày dài của thời gian mười năm chiến trận. Chúng tôi cũng chưa hề được đãi ngộ ( tinh thần và vật chất ) như ngang với đám chiến sĩ, cán bộ của đối phương, hưởng gì bảo rằng chúng tôi có những " quyền lợi " để có thể trở thành đối tượng của phong trào chống tham nhũng. Đành rằng trong nhà binh ( và cũng là một môi trường chính ) tham nhũng hoành hành và tác hại gớm ghiếc. Nhưng thiếu số thụ hưởng đó quá nhỏ bé so với tập thể bao la những người chỉ mơ ước được một giấc ngủ ngắn và bữa cơm không pha mùi thuốc súng cùng máu nóng... Và quả tình thật đốn mạt và hèn hạ khi gọi chúng tôi là: " Những kẻ hiếu chiến trong cuộc chiến tranh này. Những tên điều hâu thực thụ. Thứ nhiên liệu tinh hảo và rẻ mạt ném vào lò đúc kim cương. Những kẻ đánh thuê, và khi đã là lính đánh thuê bao giờ cũng được trả một giá cao vì ý thức rõ bản chất của điều họ muốn và điều họ làm..." - Nguyễn Tử Lộc báo Đối Diện số 20 -. Ai thuê và với giá nào? Phải chăng là người Mỹ với giá tiền lương một sĩ quan cấp úy chưa đủ tiền mua gạo cho gia đình?! Đừng nói như trên vì nói thế là vô ân, là kẻ ngụy trí thức, là kẻ bạo dân liêm sỉ. Hấn ta chỉ có thể viết như thế vì đang ở trong một thành phố của miền Nam. Miền đất bảo vệ bởi chính máu của chúng tôi.

Đã giải thích rõ các yếu tố về mình, coi như đã soi sáng một phần câu hỏi: Có thể hòa giải với người Cộng sản Việt Nam được không? Chúng tôi cần khẳng định lại, vì ngay ở xưng danh, trong khi chúng tôi gọi họ là những người Cộng sản Việt Nam, những người Việt theo chủ

nghĩa Cộng sản; trái lại họ gọi chúng tôi là " Ngụy quân ". Họ dành riêng do mình quyền và bổn phận phải làm " Cách mạng, dân tộc, giải phóng miền Nam...". Chỉ có họ mới là người Việt Nam yêu nước; người Hà Nội, Thanh Hóa, ở các xã giải phóng mới là nhân dân yêu nước, tiến bộ, yêu hòa bình còn nhân dân ở An Lộc, Quảng Trị, ở Tân Mai ( Biên Hòa ), ở Cai Lậy, Song Phú là nhân dân " Ngụy " không được quyền sống mà cần phải giết bỏ và tiêu hủy.

Không thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam cũng bởi vì họ là người Cộng sản Việt Nam mà không là Cộng sản Đức, Ý, Nhật, Pháp. Cho dù là Cộng sản Nga. Tổng Bí Thư Đảng như Khrushchev, Brezhnev cũng chỉ là những giới chức hành chính cao cấp hành nghề chỉ huy tương tự như thủ tướng W. Brand, Tổng Thống Kennedy; Cộng sản ở Nga chỉ là một chính sách, một đường lối để canh tân và hiện đại hóa một nước với lãnh thổ quá mênh mông, sắc dân đa tạp. Và có là Trung Hoa Đỏ đi nữa Mao Trạch Đông vẫn là tổng hợp của Tần Thủy Hoàng, Khổng Tử và một chút của Staline. Nhưng Cộng sản Việt Nam là một tổng hợp tuyệt hảo của niềm tin cách mạng vô sản, của giải phóng dân tộc, là khối kim cương của tất thắng, là toàn hảo tận thiện, mỹ không kẻ nứt. Năm 1930 ở Hoa Lục Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch vẫn chỉ là hai người Trung Quốc yêu nước có đường lối cải cách xã hội, chỉ huy quốc gia khác nhau, nhưng " hòa giải " trong một thể Quốc - Cộng chặt chẽ. Năm 1930 chủ tịch Staline trong chiến tuyến chống phát-xít vẫn luôn muốn bắt tay với người bạn Mỹ tốt đẹp. Thế nhưng năm 1930 ở Việt Nam đã có Sô Viết Nghệ-Tĩnh, Sô Viết Quảng Ngãi, Cộng sản không chỉ đánh Tây cứu nước nhưng còn chặt đầu công giáo ở Trà Kiệu, Thăng Bình ( Tam Kỳ, Quảng Tín bây giờ, Quảng Nam lúc đó ), nửa đêm đốt đuốc diệt Đại Việt ở Quảng Ngãi, phục kích Phục Quốc Quân Việt Nam ở Tàu về, v.v... Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng truyền thống tin truyền cho chủ nghĩa từ thuở phôi thai, từ ngày nhập cuộc. Một thủ đô văn hóa dài lâu như Hà Nội đã bị đánh vỡ hấn yếu tính thanh nhã cao quý của một chốn xưa đầm thắm, hóa thân thành một thành phố lạnh lùng quái dị, bị vô tính hóa đến độ tàn nhẫn phi nhân, tràn ngập đầy đường phố, trong trụ sở, nơi nhà giam một đám cán bộ nghiêm nghị, cần mật với tiếng nói âm thanh vùng Nghệ Tĩnh. Tôi không thấy, không nghe được hình ảnh, tiếng lời trong sáng dịu dàng của những người Hà Nội như trong ý niệm, trong trí tưởng. Ở Hà Nội tôi chỉ gặp được một số cán bộ gốc Nghệ Tĩnh Bình nếu không cũng là Bình Trị Thiên hay Nam Tín Ngãi. Và ở địa điểm trao trả Bạc Liêu, Rạch Giá trong ruộng đồng trái tim miền Nam những người kháng chiến Nam bộ hào hùng đánh Tây thuở trước cũng hoàn toàn vắng bóng. Cụ thể hơn hết, hai năm ở bàn hội nghị, Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang, Bùi Thiệp, Trần Văn Vầy cũng chỉ là những người Cộng sản khu V (Nam-Ngãi-Bình-Phú: Liên khu V của cộng sản từ thời 1945 ). Phải chăng đây là những người từ đầu của Mặt Trận ở những năm 59, 60 khi mới thành lập hay là đào kép chính xuất hiện diễn màn cuối khi những người như Năm Quốc Đảng, Hai Chủ Tịch xe ngựa, Tư Thắng những người Cộng sản kháng chiến miền Nam đã lót đường dưới bom đạn của chiến tranh hoặc vào quên lãng. Vậy hòa giải sao được với những người Cộng sản nay khi trí não họ chỉ có một ý niệm, khi ngôn ngữ chỉ có một lý luận, khi hành động đã là một động tác phản xạ có điều kiện. Họ có muốn ta hòa giải cùng họ không? Chắc chắn là không. Vậy ta hòa giải với ai và như thế nào?? Tôi xin trao lại phần trả lời cho những người hòa giải. Nói thêm một điều: Nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật đoản kỳ nào đó, chắc chắn rằng họ cũng không ngồi chung chiếu với " lãnh tụ " Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam.

Qua phần câu hỏi thứ hai, tôi muốn trình bày một tâm trạng nể khi thấy các linh mục hữu khuynh đối thái độ... " Phải đánh thẳng quỷ lớn trước, đánh thẳng quỷ nhỏ sau ", lời Cha Thanh. Thăng quỷ lớn là tham nhũng, là chính phủ của Tổng Thống Thiệu, là người Mỹ với chính sách thực dân kiểu mới. Tùy theo mỗi cách đặt vấn đề trên mục đích của mỗi phe nhóm và thăng quỷ nhỏ là Cộng sản. Một thăng " quỷ nhỏ " sẵn sàng đối thoại, có thể đối thoại và nên đối thoại! Tại sao như vậy được? Ông Thiệu và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hiện tại đâu có phải một sớm một chiều bỗng dưng mà có. Chiến tranh hiện tại cũng không phải vì " không thi hành

nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê " cũng không phải vì " Người Mỹ vẫn còn dính líu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chính sách Thực Dân Mới " mà có. Ông Thiệu, ông Khiêm, tình trạng tham nhũng bất công thối nát, chiến tranh hôm nay chỉ là hệ quả tất nhiên của các giai đoạn 45-54, 54-63, 63-73. Là hệ quả của các lực lượng Quốc gia không chịu tập trung và hoạch định hoạt động theo đúng hướng đi chung của lịch sử, dân tộc và thế giới; cũng như sau khi các lực lượng tôn giáo nhất quyết tựa vào phe cầm quyền để củng cố và phát triển giáo quyền ( che dấu mặc cảm đã cộng tác với những người khống chế dân tộc ). Đó cũng là hệ quả của lần " sẩy tay " trầm trọng nhất khi miền Nam đánh mất cơ hội tốt đẹp, một hoàn cảnh thuận tiện (54-63) kiện toàn miền Nam, để có đủ khả năng và lực lượng cân bằng, hiệp thương cùng miền Bắc. Để rồi sau đó lại mất luôn khí thế cùng thời gian sau năm 1963 trong những sa đọa giành giật, cấu xé và phân hóa thô thiển vì quyền lợi cá nhân, rơi vào hố thảm bại cả một phong trào nhân dân năm 1966. Và tình hình hiện tại với ông Thiệu chỉ là ngọn cuối của một cơn cuồng phong thổi tàn khốc qua quê hương khốn khổ. Có ai ngăn chặn một luồng gió ở cuối đường để đề phòng một cơn bão? Có ai chặt đi một ngọn cây để hủy diệt những hư thối từ gốc rễ?! Cha Thanh, Cha Hoàng Quỳnh, Cha Nguyễn Việt Khai chắc không thể bảo rằng đã vắng mặt ở các giai đoạn kể trên. Các Cha đã đứng vào đâu trong đoạn thời gian đằng đẵng hiem nghèo đó? Đã làm gì và làm được gì? Phải chăng các Cha đã tựa vào thế của Tổng Thống Diệm, đã dựa vào thế của Chủ Tịch Hành Pháp Nguyễn Cao Kỳ và gần đây, chắc cũng hơn một lần các Cha thỏa hiệp với ông Thiệu. Và các Cha đã làm gì được cho nhân dân qua những thỏa hiệp quyền lực đó? Năm 1974, phải chăng các thế lực đó không còn là nơi nương tựa chắc chắn nên các Cha phá bỏ. Thủ đoạn chính trị cho phép làm mọi chuyện nhưng nỗi khổ cùng của nhân dân không cho phép bất kỳ ai đem hy vọng cuối cùng của họ vào một cuộc trả giá.

Giả sử rằng trong giai đoạn sau 1954, các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu dùng khả năng và ý thức trọng trách của mình ( như bây giờ đang khai triển ) đối với Quốc gia và nhân dân, đặt vấn đề thẳng thắn cùng ông Diệm để cố Tổng Thống Diệm hữu hiệu hóa guồng máy chính quyền, quân đội, kiện toàn cơ cấu lãnh đạo Quốc gia, chấp nhận đối thoại với Cộng sản. Giả sử, Cha Thanh, Cha Khai gần gũi, thường xuyên với Đức Cha Thực, Tổng Thống Diệm, dùng uy tín và thành tâm của mình để ngăn chặn những sai lầm chủ quan của ông Diệm và nhất là dùng " Đức tin vào Chúa để sẵn sàng đối thoại với người anh em không tin người..." và " Để không những yêu mến thân nhân và hãy ghét thù địch mà phải mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những người bất bớ anh em... (MT 5, 53, 45). Giả sử rằng các ông Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín đừng di cư vô Nam tiếp tục ở cùng người cộng sản Hà Nội để sau khi đi Pháp học ( Do sự điều động của Giáo Hội, của học bổng chính phủ Pháp thì phải chăng cũng là một " nhánh " của tư bản...), trở về Bắc đòi hỏi " Canh Tân và Hòa Giải ", và nhận định ngay từ giai đoạn đó (giai đoạn sau 54): " Từ một thế kỷ nay Giáo hội đã thông qua chế độ tư bản... Ít phù hợp với luân lý các Tiên Tri và Tin Mừng..." - Báo Đối Diện

Nhưng, tất cả chỉ là giả thuyết vì mọi người đã ulla vào miền Nam để " Tìm Tự Do ", đã dựng nên một mặt trận chống Cộng khốc liệt và dứt khoát, đã đẩy nhân dân vào trong hai thế đối nghịch sống chết và đẩy đưa đất nước dần vào cuộc chiến tan vỡ. Cuối cùng, đoạn cuối này chúng tôi gánh hết, không quyền ta thán, không ý kiến, không phần nộ trong mười năm dài. Mười năm ê chề của màn kịch " chống Cộng " nửa vời, mười năm đau đớn của hệ lụy " tìm Tự Do " nơi miền Nam. Chiến tranh toàn diện là " cái đuôi " của " cách mạng 63 ", của vận động hòa bình 64-66, mà tất cả đã trôi đi như một thứ bèo tan tác trong đại dương cuồng nộ bi thảm. Tất cả cũng chỉ là giả thuyết và đôi khi cũng là những phản đề thô bạo đáng kinh ngạc, vì đã có những tổ cáo trong quá khứ: " Đến nỗi Linh Mục Trần Hữu Thanh còn dùng cả thần học lý luận "(?) để biện minh loanh quanh cho việc tra tấn ( của Chính Phủ VNCH ) trên các báo Công Giáo như Sacredo, Thăng Tiến, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp - Lý Chánh Trung - Đối Diện số 19.. Như vậy có nghĩa lý gì? Các người đã bày nên canh bạc máu, tham dự chán chê xong đứng dậy phủ tay. Ông Thiệu đâu có xa lạ với các vị trong cuộc chơi tàn bạo đau đớn đó. Bây giờ phải

chăng các người bày trò chơi mới với một số đào kép khán giả mỗi mồn.

Cuối cùng, chỉ là chúng tôi, những người chống Cộng cuối cùng và cay đắng, chống Cộng vì không thể là Cộng sản, vì đã ở một phía đối địch với Cộng sản lập nên từ những đám tiền bối cực đoan bất lực, một đám đàn anh xoay rất lẹ và nhạy cảm đến độ phi nhân. Hai mươi năm của cuộc đấu tranh chống Cộng đến đây phải tạm dừng sao? Tôi lật đồng ảnh của ngày xưa... Trên bãi bể Trà Lý, đoàn người tan vỡ xao xác, mắt lạc thần và môi tái xanh vì giá rét đứng ngâm mình trong nước đón tàu đi Nam. Trên đại dương mệnh mông của vùng biển Bắc phần, chiếc mảng nhỏ gồm những thân cây tre ghép lại, nhóm dân áo đen rách gồm cả đàn bà và con trẻ ra sức chèo trong đêm về hướng đông, hướng mặt trời đợi ngày tới gặp được đoàn tàu đi Nam. Đi về Nam. Tìm Tự Do. Tất cả là thực tế hiển hiện đầy nhiệm màu cao quý. Tôi đã đi đúng đường cùng lớp người rục rĩ cao cả của ngày xưa đó. Tôi đã đi đúng đường và viết những giòng chữ xứng đáng để ca ngợi Tự Do.

*Miền Nam Việt Nam, Tháng 10-1974*

### **Những lời kết**

#### **NHỮNG TÙ BINH TOÀN THỂ BỎ QUÊN MỘT HÒA BÌNH THẬM TỆ ĐỐI GẠT CUỐN SÁCH CÀN PHẢI VIẾT LẠI**

Phan Nhật Nam tên thật Phan Ngọc Khuê, sinh ngày 9 tháng 9, năm 1943, chánh quán Thôn Nại Cửu, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị. Do một lý do (thật chưa biết rõ), cha mẹ đổi nên Phan Nhật Nam với ngày sinh mới, 28 tháng 12, 1942, làng Phú Cát, Huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Vốn lính tác chiến Nhảy dù (Ám số chuyên môn 240.7 - Chỉ huy một đơn vị bộ binh), kể từ ngày mãn khóa Trường Võ Bị Đà Lạt, 23 tháng 11, 1963; qua các tiểu đoàn 7, 9, 2; Lữ Đoàn II Nhảy Dù. Thế nên, mãi đến mùa xuân 1968 cũng không hề chuẩn bị, sắp sẵn cho việc viết văn. Dấu hiệu tài năng thiên phú lại là điều không khả thể, cho dù với tỷ lệ nhỏ nhất. Trong chức vụ sĩ quan hành quân Lữ đoàn với lệnh hành quân, máy truyền tin, điều động phối hợp, theo dõi bốn tiểu đoàn bộ chiến Nhảy dù, hai tiểu đoàn pháo cơ hữu, một tiểu đoàn pháo diện địa, hai liên đội Địa Phương Quân, một Giang Đoàn Xung Phong tăng cường... Công việc đúng nghĩa 24/24 giờ của một ngày. Một tháng đúng ba mươi ngày bắt đầu kể từ ngày vào vùng hành quân. Không một chút ngơi nghỉ, bởi một điều giản dị - Lực lượng Cộng sản không hề có dấu hiệu chấm dứt Tổng Công Kích kể từ đêm giao thừa Tết Mậu Thân. Sẵn giấy bút, đêm khuya không hết; và người bạn thời niên thiếu (Đã là nhà văn Nguyễn Vũ) đang luôn ngồi bên cạnh làm sĩ quan liên lạc pháo binh thúc dục... Định Mạng của một Nghiệp Vận kỳ lạ mở ra - Người Lính Cầm Bút cùng lần với Vũ Khí. Và viết đã trở nên một nhu cầu. Viết mở ra một thế sống mới, một cứu viện sinh tử - Không có không được. Bởi cơn đau với dấu ấn binh lửa không phải chỉ cảnh nhà cháy, súng nổ, đạn bom rơi vãi... Điều kinh khiếp vô phương cứu nạn của chiến tranh lần hiện rõ - Thật lần tận diệt Con Người. Người Việt Nam hoàn toàn bị coi khinh, đầy ải ngay chính trên Quê Hương mình. Và Chiến Tranh không hề có dấu hiệu, khả năng chấm dứt. Cũng như tính tất yếu (được Lựa Chọn) của Tự Do - Người Việt chỉ có quyền đứng về phía của Chiến Tranh.

Từ trong tình cảnh khốn cùng khắc nghiệt kia: Dấu Binh Lửa - Dọc Đường Số I - Mùa Hè Đỏ Lửa, phải viết nên cho buổi Sống Thật và Chết Oan Khiên. Không phải của một cá nhân đơn lẻ mà toàn Dân Tộc Nghiệp Hận... Kẻ Bắc - Người Nam; trong binh ngũ, với dân lạc loài... Tất cả cùng chung mang dấu lửa, càng ngày càng đậm sắc, xuyên sâu. Và dấu răng đằng sau cái chết, vẫn sừng sững nổi oán hờn thiên thu của dòng sống oan nghiệt thật đã hình thành từ rất lâu. Tận đáy vực không phương thể trốn thoát ấy, tiểu thuyết của: Dừa Lưng Nổi Chết - Ải Trần

Gian, cũng chung một cảnh sắc bi thiết - Đất nước thật nơi tan vỡ với Sự Chết Thường Hằng.

Ngày 27 tháng 1, 1973, Hiệp Định Tái Lập Hòa bình tại Việt Nam được ký kết. Bởi cơn đau không sút giảm, cuộc chiến chỉ thoáng đổi thay cường độ, không phải để kết thúc. Người viết đã nên quả quyết - Hòa Bình là trạng thái không Thật - và bản văn Hiệp Định chỉ hoàn tất chuyện dối lừa.

Tính Thiện và Tâm Thành đưa Người Lính Viêt Văn bước cao hơn, vượt quá mưu toan biên lạn của chính trị - TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH vì thế PHẢI ĐƯỢC VIẾT.

Ngày 28 tháng 1, toàn thế giới tung dây ngũ sắc, rót rượu uống mừng Hòa Bình. Ở Việt Nam, người viết với tâm cảnh bi thương trên quê hương khổ nạn đã cất lời cảnh cáo: " Kẻ lãnh giải thưởng Nobel huân công Hòa Bình kia là một lũ bọm bãi sát nhân...". Thế giới, loài người, kẻ cả ở Sài Gòn... Nào mấy được ai nghe!!

Có ai nghe tiếng kêu trầm thống của người tù mặt trận Hạ Lào nơi thung lũng Việt Hồng, xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Hoàng Liên Sơn... Những Đại Tá Nguyễn Văn Thọ - Lữ Đoàn Trưởng; Trung Tá Trần Văn Châu, Thiếu Tá Đức, các Đại Úy Châu, Thương, Trụ của Lữ Đoàn III Dù; Thiếu Tá Trần Ngọc Huế của Sư Đoàn I Bộ Binh và hàng trăm người của những toán Biệt Kích mang bí danh: Bear, Cat, Lance, Red Dragon, Remus.. Những Biệt Kích Quân bị bắt từ những năm đầu của thập niên 60, Nguyễn Huy Luyện, Hà Sơn, Nguyễn Công Thành... ở " Cổng Trời " Quyết Tiến, Hà Giang - biên giới Việt-Trung, chịu đựng suốt hai, ba mươi năm ( 60, 70, 80...) cách đối xử tàn nhẫn đã vượt hẳn kỷ lục và kỹ thuật giết người của Đám Đùn - Lý Bá Sơ, thuở Cộng sản còn trong giai đoạn " chuẩn bị cho tổng tấn công sau 1950 ". Danh sách trao trả do phía Cộng sản chuyển đến phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Ba Lê không có tên những người tù kể trên. Phía Cộng sản nhận đủ 26.508 người không một sai sót. Trại giam tù quân sự Phú Quốc hoàn toàn giải thể và ba tiểu đoàn Quân cảnh ( coi giữ tù ) biến cải thành bộ binh, đưa trở về đất liền.

Lê Đức Thọ, Nguyễn Thị Bình ở Ba Lê; Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa, Võ Đông Giang ở Tân Sơn Nhất; Xuân Thủy, Nguyễn Duy Trinh ở Hà Nội đều đồng loạt trình trọng tuyên bố "Nếu có quân nhân phía Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở mặt trận đường 9 Nam Lào thì (có thể) họ bị quân đội Pathet Lào bắt giữ?!...". Ở Hà Nội đồng thời cho phổ biến phim Người Khách Không Mời với nhân vật chính, Thiếu Tá Huế, sĩ quan cùng khóa, cùng đại đội với Phan Nhật Nam ở trường Đà Lạt. Huế bị bắt ngay tại LZ, bãi đáp mục tiêu Tchépone, Hạ Lào đầu năm 1971.

Năm 1976, Người Lính Viêt Văn Bị Tù gặp đủ chiến hữu của mình ở thung lũng Hoàng Liên Sơn. Ngày 21 tháng 2, 1979 vào phòng kiên giam số 2, trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Phan Nhật Nam nghe từ buồng số 4 có tiếng hát "Bảo vệ làng thôn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa..." giọng khàn đục mệt mỏi - Anh Nguyễn Công Thành bị kiên giam tù 1964 - Năm anh bị bắt.

Cuối cùng, ba mươi năm sau, những Biệt Kích Quân còn lại, khoảng bảy mươi người của tổng số hơn bốn trăm bị Cộng sản Bắt Viêt giam giữ kể từ những toán đầu tiên: Atlas, Bart, Bear, Bell, Becassine, Bull... Tellus, Swan ( Lưu ý bạn đọc, danh hiệu đã quá hai mươi bốn chữ cái ) của giai đoạn 1961 -1962 đến những người cuối cùng được ghi nhận, Mai Văn Tuấn bị bắt năm 1969, chết ngày 2 tháng Tám, 1970 tại Trại Phong Quang, Yên Bái, trở về Nam... Khi thiết lập hồ sơ H.O. những người lính trở về từ cõi chết này KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN LÀ QUÂN NHÂN THUỘC QUÂN LỰC VNCH. Cơ quan tuyển mộ, huấn luyện điều động họ - TOÁN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN SÁT/BỘ TƯ LỆNH YẾM TRỢ QUÂN SỰ ( Military Assistance Command Studies and Observation Group - Viêt tắt MACSOG hoặc SOG ) từ đầu năm 1960 - 61; sau này thuộc Bộ Quốc Phòng, nhận quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư Lệnh Thái Bình



Dương ( Kể từ biến cố 1963 tại Việt Nam mà các bộ phận kia trước đây có dính líu chặt chẽ với tổ chức, nhân sự của Đệ Nhất Cộng Hòa ) - Đồi qua Kế Hoạch mang bí danh Alpha 34, mà chính Bộ Trưởng McNamara cũng không hề trình đến Tổng Thống Mỹ - sự kiện không hề được ai biết. Không một ai muốn nhắc lại. Lính Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa không được kể đến trong tiêu chuẩn, chính sách di dân của chính phủ Mỹ qua chương trình ODP. Một người Mỹ, Sedgwick " Wick " Tourison, trước 1975 là nhân viên tình báo Lục Quân Hoa Kỳ, sau này phụ trách công tác Nghiên Cứu thuộc Ủy Ban Tù Binh và Người Mất Tích/Phòng Tình Báo Bộ Quốc Phòng Mỹ ( 1983-1988 ) lật khối hồ sơ bí mật về những người bị cả bạn lẫn thù đẩy vào bóng tối lãng quên và sự chết. Chiến hữu cao thượng này không tìm được phần mộ. Anh gióng lên lời báo nguy: Secret Army Secret War - được thành hình. Thế nên, Người Viết Văn không thể im lặng. Người Lính không thể bỏ cuộc chiến đấu cùng đồng đội; lời tố cáo tội ác xảo quyệt cần phải được nhắc lại. Hơn hai mươi năm sau, Tù Binh và Hòa Bình vẫn còn nguyên giá trị về một lời báo động - Tù Biệt Kích VNCH vẫn thăm thẳm vũng tối đọa đày nơi vùng đất có cái gọi là Hà Nội - Niềm Tin Yêu và Hy Vọng - Thủ Đô của Phẩm Giá Con Người ". Giáo sư Đoàn Viết Hoạt hôm hay lập lại tình cảnh của Đại Úy Biệt Kích Nguyễn Huy Luyện ba mươi năm trước, ở trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa; cũng là nơi Phan Nhật Nam đã đến từ ngày 17 tháng 4, 1986. Lúc ở đây không còn một ai là tù người Nam. Vâng, phải đến ba mươi năm để cốt giết một người. Những người tù miền Nam kia không được làm người biết đau đớn; họ là bọn " ngục quân, ngục quyền có nợ máu với nhân dân " nên con người vẫn tiếp tục bị đồ hình ở Quyết Tiến, Hà Giang; Phố Lu, Yên Bái; ở hệ thống trại Thanh Cẩm, Thanh Phong, Lam Sơn ( Thanh Hóa ). Hoặc khắp cùng Vĩnh Phú, Hà Tây, Nghệ Tĩnh... Bao nhiêu đất bấy nhiêu trại tù. Không mấy người nghe đến. Loài người khó ai nhận ra điều đau đớn đơn giản trên; kể cả các vị lãnh đạo tôn giáo, cầm đầu các Quốc gia, người tranh đấu cho nhân quyền, hòa bình thế giới. Chỉ mới kể một nửa nước, vùng phía Bắc Việt Nam.

#### **CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI VIẾT LẠI.**

Sự kiện về người tù dù sao vốn dĩ cũng là vấn đề với bản chất khép kín, che dấu, như thân phận tội nghiệp của họ. Thế nhưng, lại có những điều tội tệ khác xảy ra dưới ánh sáng như những biểu hiện công khai và hợp lý - Cũng được xem như hình thái của xã hội văn minh và tiến bộ: Sinh hoạt chính trị và những con người đặc thù của nó - Những người luôn luôn kêu gọi, nại đến, trưng ra những danh xưng cao thượng Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ với những đối tượng mục tiêu có giá trị tuyệt đối - Tổ Quốc, Dân Tộc. Tiến trình mang tính " Chính Danh, Chính Nghĩa " này qua Hiệp Định đối trá ngang ngược kia cũng bị lộ hẳn toàn thể xấu xa sa đọa với những người gọi là: Chủ tịch, Tổng thống, Trưởng đoàn đại biểu, những ủy viên trung ương, hàng loạt đủ các thứ loại chính khách, chính trị gia... Kể cả những kẻ gọi chung danh nghĩa " đấu tranh cách mạng "... Tất cả đã bày ra trước mắt nhân dân và lịch sử nguyên hình đám múa rối vô duyên và cực kỳ xuẩn động. Những kẻ dụng bạc giả để mưu định buôn bán sinh mạng Quốc gia, đánh lừa hy vọng của toàn khối miền Nam. Cuối cùng, Dân Tộc Việt đồng bị xiên ngược trên giàn lửa bởi chính những người đồng chủng được ngụ danh nên thành " Người cộng sản Việt Nam ". Chung bàn tiệc máu kia còn xuất hiện vô số những người rất mực hân hoan và kiêu hãnh; họ lạc quan và chủ quan một cách bất bình thường rất đổi kinh ngạc - Những kẻ được gọi là thành phần tiến bộ, ưu tú của miền Nam.

... Ngày 24 tháng 7, 1973, tại địa điểm trao trả Lộc Ninh, những người tuổi trẻ như Võ Như Lanh, Trịnh Đình Ban, Cao Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ... Ngồi dưới gốc cây cao su vỗ tay hát lời ca hàm xúc... " Nếu là chim tôi sẽ là một loài câu trắng. Nếu là hoa... Sẽ là một đóa hướng dương. Là người, sẽ chết trên quê hương tôi!! " Suốt hai thập niên 70, 80, những người tuổi trẻ đấu tranh cho Hòa Bình, Tự Do, Hạnh Phúc, Công Bằng, Huynh Đệ kia... Những người đã cùng vỗ tay hòa nhịp với Trịnh Công Sơn hát "... Từ Bắc vô Nam tay lại nắm tay.." Nổi vòng tay lớn mừng " bộ đội cách mạng giải phóng Sài Gòn "; những người tay mang băng đỏ

như Cung Tích Biền, Nguyễn Hữu Đồng ( Chủ tịch sinh viên Đại Học Kiến Trúc ), Kim Cương đi lòng Ngụy, bắt " văn nghệ sĩ Sài Gòn phản động " trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, năm 1975... Tất cả những người này đều được chứng kiến, hoặc tự thân dự phần vào cuộc " vượt chết " bi tráng kỳ vĩ của Dân Tộc Việt - Hai triệu người xé thân trên đường vượt biên với giá máu sáu trăm ngàn người chết. Người Việt ra đi từ mũi Cà Mau đến biên giới sáu tỉnh phía Bắc... Hai đứa bé tuổi vừa quá lên mười vượt biển với chiếc thuyền thúng, hướng về Hồng Kông. Bà ngoại ôm cháu chết nghệt trong chiếc ghe bị công an bắn chìm nơi cầu Rạch Chiếc ngay trên Xa Lộ Biên Hòa.

Không tiếng lời nào của tuổi trẻ, của văn nghệ sĩ ở Sài Gòn, ở Việt Nam nói về Một của tổng số Sáu Trăm Ngàn lần chết đau thương này. Trịnh Công Sơn thêm một lần nổi tiếng là người tài hoa lãng mạng với bài hát " Huyền Thoại Mẹ " có lời dạo đầu... " Mẹ ngồi dưới hầm sâu nghe từng đêm đạn nổ..." Anh ta cũng có Người Mẹ hóa điên vỗ tay hoan hô Hòa Bình chiều đi qua Bãi Dâu, nơi chôn sống người ở Huế sau Tết Mậu thân, 1968, khi người Cộng sản rút quân đi.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN SỐNG.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN CHẾT.

NGƯỜI CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI MẸ.

CÓ NHIỀU MẸ LÀ MẸ NUÔI-ĐÓ LÀ CON HOANG.

Năm 1990, ông dân biểu một thời nổi tiếng đối lập chống độc tài Nguyễn Văn Thiệu: Lý Quý Chung, Bộ Trưởng Thông Tin cuối cùng của chế độ Cộng hòa miền Nam, khi trả lời với báo chí thiên tả Pháp, đã nói lên niềm hân hoan của người trí thức dưới chế độ xã hội chủ nghĩa "...Hôm nay có điều kiện để viết hơn bao giờ hết!! " Người này nói thật - Anh ta là người viết chuyện đá banh khéo nhất, cũng là chủ tiệm ăn đông khách nhất của Sài Gòn. Có một điều người này quên kể ra, Anh ta là thành phần thứ ba - Đã một lần thuộc lực lượng tranh đấu cho Hòa Bình và Hòa Giải Dân Tộc. Danh xưng đưa đến sự nghiệp vinh quang của hiện tại. Thành Phần Thứ Ba, đưa con hoang đẻ vội mà người Cộng sản đã đạp xuống dưới để dẹp lớp xe hơi một cách thậm tệ khinh miệt ngay trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, 1975.

Cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng. Cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cùng với Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Lâm Văn Tét, Trần Văn Trà, Nguyễn Hộ, Nguyễn Thị Bình, Dương Huỳnh Hoa... Tất cả đã cùng chung hổ rác vô dụng và tầm phào, đừng nói gì cỡ Nguyễn Long, Tôn Thất Dương Ky, Huỳnh Văn Trọng, Phạm Thị Thanh Vân ( Vợ Ngô Bá Thành ). Riêng những kẻ ăn ké đồ thừa " cách mạng chống Mỹ cứu nước " - loại Ngọc Lan, Chân Tín, Lý Chánh Trung... Đám ruồi nặng vây vo quanh tờ Đối Diện; báo Tia Sáng của nhóm Ngô Công Đức... Được một năm ân huệ. Sau 1976, hai tờ báo nhận lệnh đóng cửa; những kẻ gọi là " trí thức cấp tiến yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội...", thứ chuyên viên xuống đường " đòi quyền sống và cải thiện chế độ lao tù " ở đường phố Sài Gòn suốt thời gian của 1973, 1974 được nhận chức đại biểu nhân dân hữu danh vô thực. Để rồi tất cả đồng bị ném đi như một loại cặn bã tồi tệ phải loại trừ khẩn cấp - Nếu cần thiết cho vào trại cải tạo không ngại ngục - Điều đơn giản tàn nhẫn này không lạ - Hãy xem gương Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm có thiếu mặt ai trong chín năm kháng chiến chống Pháp?! Chống Mỹ cứu nước, chống tham nhũng Nguyễn Văn Thiệu kiểu các linh mục cấp tiến dòng Chúa Cứu Thế có là bao công trận mà đòi chuyện đền bù. Dòng Chúa Cứu Thế ở bãi biển Nha Trang biến thành phòng ngủ và chỗ giải trí - Trừng Phạt của Thiên Chúa hiện thực nơi năm tháng đang phải sống. Ngay hôm nay.

Cũng năm 1990 này, Huỳnh Tấn Mẫm bị hạ tầng công tác vì vợ đi buôn lậu, móc nối tham nhũng, hối lộ. Chức vụ có được cũng chẳng cao sang ghê gớm gì. Ngang với một chức Trưởng ty.

### **CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI ĐỌC LẠI.**

"... Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò đoàn kỳ của nó. Và trận đấu cuối cùng vẫn là giữa chúng ta với những sư đoàn chính quy Cộng sản Bắc Việt qua tám đệm Ba Màu - Lá Cờ Mặt Trận Giải Phóng - Thứ phé phẩm sẽ nhanh chóng bị vất bỏ khi trận chiến tàn cuộc ". Hai mươi hai năm trước người viết đã có lời cụ thể chính xác như thế và cũng khẩn thiết khẳng định: Chúng ta có thể Hòa Giải cùng người Cộng sản Việt Nam được không? Tôi trả lời dứt khoát - Không được!! Chúng tôi chống Cộng bởi không thể là Cộng sản; không thể chịu được tư tưởng " độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của họ ". Và nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật ngắn hạn nào đó, chần chẫn họ cũng không ngồi chung chiếu với " lãnh tụ " Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói đến đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam -Trang 411-417, ấn bản 1974, Hiện Đại, Sài Gòn -

Ngày viết những lời trên, Người Lĩnh Viết Văn vừa đúng ba mươi tuổi.

Hôm nay, nơi đất Mỹ, Phan Nhật Nam bị cáo buộc " Hô hào hòa hợp hòa giải với Cộng sản " bởi những người không một ngày chiến trận; không một lần tù tội và chưa hề tiếp xúc với một cán bộ Cộng sản nào, cho là thứ Cộng sản hạng bét sau ngày 30 Tháng 4, 1975.

*Mùa Hè Uất Hận nơi Đất Mỹ  
Tháng 5 - 1995*

KHI VIẾT LẠI TÙ BÌNH - HÒA BÌNH  
VÀ NGHE HÁT CHIẾN CA MÙA HÈ 72  
Có tiếng nói khế thầm người nghe được

Giọng lệt sâu nín nuốt giữa đêm khuya

Âm kêu thét rền núi sông gào ngất

Hòa Bình đâu...

Không hề đến bao giờ!!

1945.

Mẹ gánh con chạy loạn dãi trắng non

Buổi tháng Tám ứa bầm màu máu cặn

Giải trảm cát phá Tam Giang mờ sóng

Bé khóc chìm thêm thiếp sợ cơn đau

1955.

Bãi Trà Lý đồng chiêm loang loáng nước  
Thủy triều chậm dần lên ngầu lớp lớp  
Lực Thánh Thần, nâng vai nặng thân con  
Chớm bình minh suốt hoàng hôn sẫm bóng  
Sức cùng kiệt - Cầu vỡ tim Danh Chúa  
Gió thág chạp thịt da sâu nức cứa  
Dòng mồ hôi sống lạnh động đêm đông  
Trời và Người chung nguyệt cảnh trầm luân  
1965.

Đưa bé lớn lên cùng thống khổ  
Phận người nung sôi vũng lửa  
Bao nhiêu năm sống trong đời  
Bấy dịp qua kỳ sinh - tử  
Tôi đứng đây,  
Thật không... Ở nơi đây??  
Giữa đường phố Sài Gòn đục cay lựu đạn  
Cơn lãng nhục lấm lầy dơ tròng mắt  
Chập chùng ném đá nhấn tâm  
Chiến trận ngày qua...  
Máu dính gậy tanh nón sắt  
Quá tuần chưa bữa ăn no  
1975.

Người bắt đầu chết khi qua sông Ba  
Người hấp hối lúc tới Tuy Hòa  
Chết chùm lườn tàu nơi chợ Hàn, cầu Đá  
Chết dậm trường mỗi cây số vỡ miền Nam

Những người chết chưa kịp biết Hòa Bình  
Hiệp Định cột đũa ngũ ngôn đang điểm  
Người Việt chết tràn trường không tấm liệm  
Toàn cầu khiếp nhược ngậm thính  
1985.

Mười hai năm sau lần ngưng bắn  
Miền Nam lậm nhục lưu đày  
Dài thập niên hậu khổ chiến chinh  
Đất Việt ấm no, hạnh phúc, công bình khẩu hiệu  
Dân Tộc cùng đành phá thân phơi bão biển  
Bé mười ba, hai mươi bận, cướp xé toang hảm hiếp  
Mẹ lịm ngất, cha đâm nhày vớt xuống biển  
Bể Đông đồng dậy oan khiên  
Bồng bênh xô lớp sóng dẫm thây người,  
Mắt chống ngược ngược về trời,  
Máu bầm đóng khô khóe miệng...  
Tiền nhân Nghiệp Ác vọng rền!!  
1995.

Năm mươi năm...  
Thật không năm mươi năm??  
Hồn cháy bỏng vết hằn tù nhân biệt xứ  
Ngày đang hết chiều mờ bên quê cũ  
Loáng đỏ như đất lạ tiếp chân mây  
Ta ở đây...  
Lơ đãng những riêng tây

Nhịp thở nghẹn

Gợn hơi men Thống Khổ

Chuỗi Oan Hận xuyên sâu tầng lịch sử

Người thiếp đau từng tác dạ Quê Hương

Hòa Bình - Việt Nam

Mắt hút cuối con đường...

Phan Nhật Nam

9 tháng 9, 1995,

Sinh nhật 53 tuổi,

Không còn chỗ, nơi xứ người.